

Cuốn sách
giành giải

COSTA
NOVEL
AWARD
2015

Những chú chim chưa bao giờ được

HÓT 1

tiểu thuyết

Khánh Vân dịch

KATE ATKINSON

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



Những Chú Chim Chưa Bao Giờ Được Hót



Tác giả: Kate Atkinson

Người dịch: Khánh Vân

Phát hành: Đinh Tị

Nhà xuất bản Lao Động 2019

ebook©vctvegroup

Dành tặng Reuben

“Mỗi con người là một vị thần đã nhuốm bụi trần. Khi con người ngây thơ, cuộc đời sẽ dài hơn, và sẽ hóa thành vĩnh cửu, nhẹ nhàng như khi ta tỉnh giấc từ những cơn mơ.”

- Ralph Waldo Emerson, *Thiên nhiên*

“Mục đích của Nghệ thuật là *chuyển tải* tính chân xác của một sự vật, chứ không phải *hóa thân* thành cái tính chân xác ấy.”

- Sylvie Beresford Todd

Có lần, (Thánh George) tới một thành phố có tên là Salem. Gần đó có một con rồng sinh sống. Hằng ngày, các cư dân của thành phố phải bốc thăm để cúng tiến một người cho nó ăn thịt.

Vào ngày Thánh George đến đó, lá thăm rơi vào tay con gái của nhà vua, là nàng Cleolinda. Thánh George không muốn cô gái phải chết nên đã quyết tâm đi tiêu diệt con rồng - nó sống ở một đầm lầy ngay gần đó - và ngài đã thành công.

Khi ngài gặp phải một khó khăn hay nguy hiểm, dù nó có vẻ lớn lao thế nào - kể cả là một con rồng - ngài cũng không trốn tránh hay sợ hãi, mà sẵn sàng đối mặt với nó bằng tất cả sức mạnh mà ngài có. Mặc dù trong tay chẳng có vũ khí gì ngoài một cây giáo, ngài vẫn xông xáo, nỗ lực hết sức mình và cuối cùng đã vượt qua được một khó khăn mà chẳng ai dám đối mặt.

Đây chính là cách để một hướng đạo sinh đối mặt với một khó khăn hay nguy hiểm, bất kể nó có vẻ lớn lao và đáng sợ thế nào, hay hướng đạo sinh ấy được trang bị thiếu thốn ra sao trước cuộc chiến đấu ấy.

- Robert Baden Powell, *Hướng đạo cho trẻ em nam*

30 tháng 3 năm 1944

Chuyến bay cuối cùng

Naseby

Anh thả bước tới tận hàng rào đánh dấu điểm tận cùng của phi trường.

Chuyến đi “vứt cột mốc ranh giới”^[1]. Cánh đàn ông gọi nó là “chuyến bách bộ thường nhật” của anh và bực bội khi anh không chịu thừa nhận. Họ là những kẻ mê tín. Ai cũng mê tín.

Phía bên kia hàng rào là những cánh đồng tro trụi vừa được cày vào mùa thu vừa rồi. Anh không mong được nhìn thấy “thuật giả kim” của mùa xuân biến những khoảnh đất nâu xỉn thành màu xanh mơn mớn rồi sau đó là màu vàng kim nhạt. Người ta có thể dựa vào những vụ mùa được thu hoạch để tính cuộc đời mình. Anh đã thấy đủ rồi.

Phi trường của họ nằm lọt thỏm giữa vùng đất canh tác bằng phẳng của một nông trại. Ngôi nhà trại vuông vắn và vững chãi nằm chênh vênh về phía bên trái. Vào ban đêm, một ngọn đèn màu đỏ tỏa sáng rực rỡ trên mái nhà để ngăn họ đâm vào nó. Nếu họ bay qua nó khi chuẩn bị hạ cánh, họ biết là mình đã bay quá trớn và sẽ gặp rắc rối.

Từ đây, anh có thể nhìn thấy cô con gái của người nông dân đang cho ngỗng ăn ở trong sân. Hình như có một bài hát thiếu nhi về hình ảnh này thì phải? Không phải, đó là bài hát về người vợ của ông nông dân, đúng không nhỉ? - cắt những cái đuôi bằng con dao lạng thịt^[2]. Một hình ảnh ghê rợn. Lũ chuột tội nghiệp, anh đã nghĩ như vậy hồi anh còn nhỏ. Giờ đã trưởng thành rồi mà anh vẫn nghĩ như thế. Những bài hát thiếu nhi là những câu chuyện bạo lực.

Anh chưa bao giờ gặp cô con gái của người nông dân, cũng không biết tên cô, nhưng anh vẫn quý mến cô. Cô luôn vẫy tay chào tạm biệt họ. Thi thoảng cha cô cùng đứng vẫy chào với cô, đôi lần có cả mẹ cô, nhưng cô gái luôn có mặt ở sân nông trại mỗi lần họ xuất kích.

Giờ thì cô đã nhìn thấy anh và vẫy tay. Thay vì vẫy tay đáp lại, anh giơ tay chào cô theo kiểu nhà lính. Anh nghĩ cô sẽ thích điều này. Đương nhiên, từ khoảng cách này, anh chỉ là một bộ quân phục. Cô không biết anh là ai. Teddy chỉ là một trong nhiều người lính.

Anh huýt sáo gọi con chó.

1925

Alouette^[3]

“**C**ô nhìn kia!” Cậu nói. “Đó - một con chim. Một con chim chiến chiến.” Cậu ngược nhìn cô và thấy rằng cô đang nhìn sai hướng. “Không, ở đằng kia cơ ạ.” Cậu vừa nói vừa chỉ. Cô vẫn chưa nhìn ra.

“Ồ!” Cuối cùng, cô nói. “Kia rồi, cô *thấy* rồi! Lạ nhỉ - nó đang làm gì vậy?”

“Nó đang bay lơ lửng tại chỗ, có lẽ tí nữa nó sẽ lại bay lên.” Con chim chiến chiến bay vọt lên cao giữa tiếng hét mê ly của chính nó. Cú vút bay và tiếng hét tuyệt diệu của con chim đã khơi lên một mối cảm xúc sâu sắc trong cậu mà ngay đến bản thân cậu cũng không ngờ đến. “Cô có nghe thấy không?”

Cô của cậu khum bàn tay bên tai một cách khoa trương ra vẻ lắng nghe. Trông cô lạc quẻ như một con công khi đội chiếc mũ kỳ quặc có màu đỏ chót như cái hòm thư hình cột trụ, nó lại còn được đính hai cái lông đuôi chim trĩ to tướng, chúng cứ rung rinh, ve vẩy theo từng cử động dù là nhẹ nhất của đầu cô. Cậu sẽ không ngạc nhiên nếu ai đó nhắm bắn cô. *Giá mà có người làm thế thật*, cậu nghĩ. Teddy được phép - cậu tự cho phép mình - có những ý nghĩ xấu xa như

vậy, miễn là chúng được giữ kín trong đầu. (“Sự lễ phép...” Mẹ cậu dạy. “... Là chiếc áo giáp mà người ta phải khoác lên người vào mỗi buổi sáng.”)

“Nghe thấy cái gì cơ?” Cuối cùng, cô của cậu nói.

“*Tiếng hót.*” Cậu dồn hết kiên nhẫn để nói. “Tiếng hót của con chim chiến chiến. Giờ thì hết rồi.” Cậu nói thêm khi cô tiếp tục tỏ ra như đang lắng nghe.

“Nó có thể hót lại mà.”

“Không. Nó sẽ không hót lại đâu ạ. Nó không thể. Nó đi rồi. Nó bay mất rồi.” Cậu vỗ vỗ hai cánh tay như chim vỗ cánh để minh họa cho lời mình. Mặc dù dính lông vũ trên mũ nhưng rõ ràng cô chẳng biết gì về loài chim. Hoặc bất cứ loài động vật nào. Cô thậm chí còn chẳng nuôi mèo. Cô dừng dung với Trixie, con chó lóc^[4] của họ, hiện đang hăng hái sục sạo dưới cái mương cạn khô bên vệ đường. Trixie là người bạn đồng hành đáng tin cậy nhất của cậu và đã ở bên cậu từ lúc nó còn là một con chó con nhỏ xíu, nhỏ đến mức nó có thể len qua cánh cửa ngôi nhà búp bê của các chị gái cậu.

Cậu tự hỏi, phải chăng cô của cậu cần cậu chỉ dạy? Phải chăng đó là lý do họ có mặt ở đây? “Chim chiến chiến nổi tiếng vì tiếng hót của mình.” Cậu giảng giải. “Tiếng hót của nó rất hay.” Đương nhiên, không thể giải thích thế nào là hay được. Hay chỉ đơn giản là hay thôi. Ta có thể rung động bởi tiếng hót ấy hoặc không. Các chị Pamela và Ursula của cậu thì có. Anh cả Maurice của cậu thì không. Em trai Jimmy của cậu còn quá nhỏ nên chưa cảm nhận được, còn bố cậu có lẽ đã quá già. Bố cậu, Hugh, có một cái đĩa hát

mang tên *Chim chiến chiến vút bay*, thi thoảng họ lại mở nó lên nghe vào những buổi chiều Chủ nhật mưa gió. Nó cũng hay nhưng không thể sánh bằng tiếng hót của con chim chiến chiến thực thụ được. “Mục đích của Nghệ thuật...” Mẹ cậu, Sylvie, nói - hay đúng hơn là dạy bảo - “... Là *chuyển tải* tính chân xác của một sự vật chứ không phải *hóa thân* thành cái tính chân xác ấy.” Cha của bà, ông ngoại của Teddy, từng là một họa sĩ nổi tiếng nhưng đã mất từ lâu, vì có người cha là họa sĩ như vậy nên mẹ cậu mới cho rằng mình có quyền mạnh miệng về chủ đề nghệ thuật. Và Teddy cho rằng cả vấn đề thẩm mỹ nữa. Tất cả những thứ này - Nghệ thuật, Tính chân xác, Thẩm mỹ - đều được mẹ cậu ngầm viết hoa khi nói về chúng.

“Khi chim chiến chiến bay cao...” Cậu tiếp tục nói với cô Izzie, vẻ vô vọng. “... Thì có nghĩa là thời tiết đẹp đấy ạ.”

“Ôi dào, chả cần đến một con chim người ta cũng biết thời tiết có đẹp hay không, người ta chỉ việc nhìn xung quanh thôi.” Izzie nói. “Và tiết trời chiều nay thật rực rỡ. Cô yêu ánh mặt trời biết bao.” Cô nói thêm, nhắm mắt và ngửa khuôn mặt tô son trát phấn lên bầu trời.

Có ai mà không yêu ánh mặt trời cơ chứ? Teddy ngẫm nghĩ. Có lẽ là bà nội cậu. Bà luôn ở lì trong một căn phòng khách âm u ở Hampstead. Căn phòng ấy luôn được che rèm kín mít để ngăn ánh sáng từ bên ngoài lọt vào trong nhà. Hoặc có lẽ để ngăn bóng tối từ trong nhà thoát ra ngoài.

Vào những lúc do dự, thiếu tự tin, cậu thường tìm đến cuốn *Hướng đạo cho trẻ em nam*, mặc dù bây giờ cậu đã “tự trực xuất mình” ra khỏi phong trào hướng đạo ấy. “Quy tắc

Hiệp sĩ” mà cậu thuộc nằm lòng trong cuốn sách đó đòi hỏi rằng “thanh thiếu niên nên được rèn luyện để làm những công việc khó nhọc và hèn mọn nhất với tinh thần vui vẻ và lịch thiệp.” Cậu cho rằng giải khuây cho cô Izzie là một trong những việc như vậy. Đây chắc chắn là một công việc vô cùng nặng nhọc.

Cậu che mắt trước ánh dương chói lọi và quét mắt khắp bầu trời để tìm con chim chiến chiến. Nó không quay lại nên cậu đành tiêu khiển bằng cách dõi nhìn theo những động tác bay lượn trên không của lũ chim nhạn. Cậu nghĩ về Icarus^[5] và tự hỏi từ dưới đất nhìn lên trông cậu ta sẽ như thế nào. Chắc là to lắm. Icarus là một nhân vật hư cấu trong truyện thần thoại đúng không nhỉ? Sau kỳ nghỉ hè, Teddy sẽ đi học ở trường nội trú và cậu phải bắt đầu tìm hiểu về cậu ta mới được. “Con sẽ phải trở thành một người chín chắn, khắc kỷ.” Bố cậu khuyên. “Đó sẽ là một thử thách khó khăn, nhưng mục đích của việc đi học nội trú là như vậy. Tốt hơn hết là con nên tránh xa mọi rắc rối.” Ông nói thêm. “Đừng chìm quá nhưng cũng đừng nổi quá, cứ bình bình thôi.”

Bà nội cậu ở Hampstead (giờ cậu chỉ còn duy nhất người bà này, mẹ của Sylvie đã mất từ lâu) nói rằng “tất cả những người đàn ông trong gia đình” đều đi học ở ngôi trường ấy, như thể đó là một luật lệ được viết ra từ thời xa xưa vậy. Teddy cho rằng con trai cậu rồi cũng sẽ đi học ở đó, mặc dù đứa bé ấy tồn tại ở một tương lai mà bây giờ Teddy thậm chí còn chưa bắt đầu tưởng tượng ra. Đương nhiên, cậu không cần tưởng tượng làm gì, vì trong cái tương lai đó, cậu sẽ

chẳng có đứa con trai nào cả, chỉ có duy nhất một cô con gái thôi, là Viola, đây sẽ là một nỗi buồn đối với cậu mặc dù cậu chẳng bao giờ nói ra, nhất là nói với Viola, vì cô chắc chắn sẽ nổi cơn tam bành.

Teddy sững sốt khi Izzie bất ngờ cất tiếng hát và - đáng kinh ngạc hơn - đứng đưa nhún nhảy. "*Alouette, gentille Alouette*^[6]." Cậu không biết tiếng Pháp mấy và nghĩ là cô đang hát từ "*jaunty*^[7]", một từ mà cậu khá thích, chứ không phải là "*gentille*". "Cháu có biết bài hát đó không?" Cô hỏi cậu.

"Không ạ."

"Nó là một bài hát từ thời chiến tranh. Những người lính Pháp đã hát nó." Trên mặt cô thoáng hiện một nét u ám - có lẽ là nỗi buồn - nhưng rồi cô bất ngờ tươi cười nói: "Lời bài hát *khá* ghê rợn. Chỉ toàn nói về việc vặt mọi thứ của con chim tội nghiệp ấy. Mắt nó, lông nó, chân nó, vân vân..."

Trong cuộc chiến tranh không ai ngờ nổi nhưng không thể tránh khỏi sẽ đến trong tương lai - cuộc chiến tranh của Teddy - *Alouette* là tên của Phi đoàn 425, bao gồm những người Canada gốc Pháp. Vào tháng Hai năm 1944, trước chuyến bay cuối cùng của Teddy không lâu, cậu sẽ hạ cánh khẩn cấp xuống căn cứ của họ ở Tholthorpe vì máy bay của cậu bị bắn khi đang băng qua eo biển Anh khiến hai động cơ bốc cháy. Những người Quebec ấy sẽ mời tổ bay của cậu rượu brandy khiến cậu và đồng đội của mình vô cùng cảm kích. Phù hiệu của họ có hình một con chim chiến chiến, bên dưới con chim ấy là khẩu hiệu *Je te plumerai*^[8], và cậu

sẽ nghĩ về ngày hôm nay, khi cậu ở bên cô Izzie. Đó là một ký ức dường như thuộc về ai khác.

Izzie xoay tròn một vòng trên đầu ngón chân. “Chiến chiến ơi, vui quá!” Cô cười nói. Cậu tự hỏi đây có phải là lý do khiến bố cậu nói Izzie là người có “tâm thần bất ổn” không.

“Cô nói gì vậy ạ?”

“Chiến chiến ơi, vui quá!” Izzie lặp lại. “Đó là một câu trong truyện *Những kỳ vọng lớn lao*. Cháu chưa đọc truyện đó à?” Trong một khoảnh khắc đáng kinh ngạc, giọng điệu cô nghe giống hệt mẹ cậu. “Nhưng đương nhiên là cô chỉ đang pha trò thôi. Bởi vì chẳng còn con nào nữa. Ý cô là con chim chiến chiến. Bay zôi. Đi mất zôi.” Cô nhái giọng khu Đông London nghe đến là ngớ ngẩn. “Cô từng ăn thịt chim chiến chiến.” Cô vô tư nói thêm. “Ở Ý. Ở đó, chúng được coi là đặc sản. Đương nhiên, chim chiến chiến chẳng có nhiều thịt. Tộp một miếng là hết.”

Teddy rùng mình. Ý nghĩ con chim nhỏ bé tuyệt vời ấy bị “vặt” khỏi bầu trời và tiếng hót tuyệt diệu của nó bị ngưng lại giữa chừng khiến cậu cảm thấy thật khủng khiếp. Rất nhiều năm sau, vào đầu những năm bảy mươi, Viola phát hiện ra nhà thơ Emily Dickinson trong môn Hoa Kỳ học của cô. Cô nguệch ngoạc chép lại khổ đầu tiên của một bài thơ mà cô nghĩ là bố cô sẽ thích (cô lười đến nỗi cả bài thơ rõ là ngắn ngủn nhưng cô vẫn chẳng chịu chép lại đầy đủ). “*Xẻ đôi con chim chiến chiến/ Sẽ tìm thấy tiếng hót ca/ Từng mẫu bọc trong lớp bạc/ Cứ thế cứ thế lăn ra.*” Teddy sẽ ngạc nhiên vì con gái nghĩ đến mình. Cô hiếm khi như vậy.

Văn chương là một trong vài sở thích chung ít ỏi giữa họ mặc dù họ hiếm khi - nếu có bao giờ - bàn về nó. Teddy cân nhắc xem nên gửi thứ gì đáp lại - một bài thơ, thậm chí là một vài câu thơ được lựa chọn - như một cách giao tiếp với con gái mình. "*Chào mi, tâm hồn vô tư lự/ Mi chưa bao giờ là một con chim*" hoặc "*Kìa, lắng tai nghe lũ chim rộn rã cất cao tiếng hót/ Ríu rít ca ngợi tình yêu*" hoặc "*Hỡi kẻ hát rong trên tầng không cao vợi! Hỡi kẻ hành hương dọc ngang khắp bầu trời! Mi căm ghét chằng mặt đất đầy phiền não?*" (Có nhà thơ nào *không* viết về chim chiến chiến không nhỉ?) Cho rằng con gái sẽ nghĩ mình đang lên mặt với nó, bởi nó vốn ghét học bất cứ điều gì từ cha nó, hay có lẽ là từ tất cả mọi người, cuối cùng Teddy sẽ chỉ đơn giản hồi đáp bằng một câu: "Cảm ơn con, con thật sâu sắc."

Trước khi cậu kịp ngăn mình lại - chiếc áo giáp lễ phép đã bị rơi mất - cậu buột miệng nói: "Thật là *ghê tởm* khi ăn thịt chim chiến chiến, cô Izzie."

"Sao lại ghê tởm? Cháu chẳng ăn thịt gà với đủ thứ thịt khác đấy ư? Suy cho cùng, có gì khác biệt chứ?" Izzie từng lái một chiếc xe cứu thương trong cuộc Đại Chiến. Một con chim chết chẳng thể làm cô mảy may xúc động.

Khác nhau một trời một vực, Teddy nghĩ, mặc dù cậu không thể thôi bắn khoản thịt chim chiến chiến sẽ có vị thế nào. May thay, tiếng sữa dừ dội của Trixie đã kéo cậu ra khỏi ý nghĩ ấy. Cậu cúi xuống kiểm tra xem nó sữa cái gì. "Ồ, nhìn này, một con rắn thủy tinh." Cậu tán thán, tạm thời quên bằng con chim chiến chiến. Cậu dùng cả hai tay nhẹ nhàng nhặt con rắn thủy tinh lên và giơ ra cho Izzie xem.

“Rắn à?” Cô nhăn mặt nói, những con rắn dường như không có sức hấp dẫn nào đối với cô.

“Không ạ, nó là rắn thủy tinh.” Teddy nói. “Không phải rắn. Cũng không phải giun. Nó thực chất là một loại thần lằn.” Những cái vảy màu vàng kim và màu đồng của nó ánh lên rực rỡ dưới bóng nắng. Đây cũng là cái đẹp. Có thứ gì trong tự nhiên mà không đẹp cơ chứ? Ngay cả một con sên cũng cần được chào đón, mặc dù mẹ cậu không đời nào làm vậy.

“Cháu quả là một cậu bé thú vị.” Izzie nói.

Teddy không coi mình là một “cậu bé”. Cậu cho rằng cô mình - em gái út của bố cậu - không những chẳng biết gì mấy về động vật mà còn chẳng biết gì mấy về trẻ con. Cậu không biết tại sao cô lại “bắt cóc” cậu. Hôm ấy là thứ Bảy, sau khi ăn trưa xong, cậu đang tha thần quanh vườn, gấp máy bay giấy với Jimmy thì Izzie sà tới chỗ cậu và dụ dỗ cậu đi dạo với cô ở “vùng đồng quê”, hình như “vùng đồng quê” với cô là con đường mòn chạy từ Góc Cáo tới nhà ga chứ không phải thiên nhiên hoang dã nơi núi đá và sông ngòi. “Một cuộc phiêu lưu nho nhỏ. Và tán gẫu một chút. Điều đó không thú vị sao?” Giờ thì cậu thấy mình đã trở thành con tin cho sự đồng bóng của cô khi cô vừa thơ thẩn bước đi vừa hỏi cậu những câu hỏi kỳ lạ - “Cháu đã bao giờ ăn một con sâu chưa? Cháu có chơi trò đóng giả làm cao bồi và người da đỏ không? Khi lớn lên, cháu muốn làm gì?” (Chưa ạ. Có ạ. Một người lái tàu.)

Cậu cẩn thận đặt con rắn thủy tinh trở lại bãi cỏ và để bù đắp cho sự thất bại của cô trong việc cảm nhận cái đẹp

của chim chiến chiến, cậu rủ Izzie đi ngắm những bông hoa chuông xanh. “Chúng ta phải băng qua cánh đồng để tới khu rừng.” Cậu nói rồi nhìn đôi giày của cô với ánh mắt nghi ngại. Chúng có vẻ được làm từ da cá sấu và nhuộm màu xanh lét, thứ màu mà không một con cá sấu có lòng tự tôn nào chấp nhận nổi. Chúng còn mới toanh và rõ ràng không phù hợp với việc băng qua những cánh đồng. Giờ là xế chiều và may mắn thay, đàn bò sữa, “chủ nhân” của cánh đồng này, không có mặt ở đây. Lũ bò với thân hình đồ sộ núng nính và đôi mắt tò mò dịu dàng sẽ ngỡ ngác không hiểu Izzie là cái thứ gì mất.

Một bên tay áo của cô bị rách toạc lúc cô leo qua cái bụi tre, rồi sau đó cô tiếp tục giẫm phải một bãi phân bò mà nếu là người khác thì họ chắc chắn sẽ nhìn thấy và tránh được. Cô cứu vãn được chút hình ảnh của mình trong mắt Teddy khi vẫn tỏ ra vui vẻ một cách đáng ngưỡng mộ trước cả hai rủi ro đó. (“Mẹ hy vọng...” Mẹ cậu nói sau đó. “... Cô ấy sẽ vớt cả hai cái vật chướng mắt đó đi.”)

Tuy nhiên, thật đáng thất vọng, cô chẳng may may mắn tượng với những bông hoa chuông xanh. Ở Góc Cáo, mỗi dịp hoa nở hằng năm là mọi người lại hân hoan chào đón với niềm sùng kính như thể chào đón các họa sĩ bậc thầy vĩ đại. Họ hãnh diện dẫn các vị khách tới khu rừng để chiêm ngưỡng tấm thảm hoa màu xanh lam trải dài ngút tầm mắt. “Nhà thơ Wordsworth có những bông thủy tiên hoa vàng...” Sylvie nói. “... Còn chúng ta có những bông hoa chuông xanh.” Chúng không phải là hoa *của họ*, hoàn toàn không phải, nhưng mẹ cậu có tính sở hữu rất cao.

Lúc đi bộ về theo con đường mòn, Teddy bỗng cảm thấy trái tim mình bất ngờ rung lên niềm hân hoan vui sướng. Ký ức về tiếng hót của con chim chiến chiến kết hợp với mùi hương thơm ngát của bó hoa chuông xanh mà cậu hái về cho mẹ đã tạo nên một khoảnh khắc lâng lâng thuần khiết, một cảm giác phấn khích như thể mọi bí ẩn sắp được hé lộ. (“Có một thế giới ánh sáng...” Chị gái Ursula của cậu nói. “... Nhưng chúng ta không thể nhìn thấy nó vì nó đã bị bóng tối che khuất.” “Tín đồ Mani giáo^[9] bé bỏng của chúng ta.” Hugh trêu mếu nói.)

Đương nhiên, trường nội trú không phải là nơi xa lạ với cậu. Anh trai Maurice của Teddy giờ đang học ở trường Oxford, nhưng hồi anh còn học ở ngôi trường nội trú ấy, Teddy thường đi theo mẹ (“người hộ tống bé nhỏ của mẹ”) tới các buổi lễ trao thưởng, ngày thành lập trường và một dịp được gọi là “ngày thăm viếng” - mỗi học kỳ phụ huynh sẽ được phép (nhưng không được khuyến khích lắm) đến thăm con cái vào một ngày nhất định. “Giống như nhà tù hơn là trường học.” Mẹ cậu nhạo báng. Sylvie không mặn mà với những lợi ích của giáo dục như đáng lẽ phải thế.

Mặc dù có tình cảm gắn bó với ngôi trường cũ của mình nhưng bố cậu tỏ rõ vẻ miễn cưỡng đối với bất cứ “loại thăm viếng” nào liên quan đến “chốn xưa”. Hugh thường viện đủ mọi lý do để vắng mặt trong những dịp như vậy, nào là bận rộn với các công việc ở ngân hàng, bị vướng các cuộc họp quan trọng, đối phó với các cổ đông cáu kỉnh. “Vân vân và vân vân.” Sylvie lẩm bẩm. “Quay trở lại thường khó khăn hơn là tiến về phía trước.” Bà nói thêm khi tiếng đại phong

cầm của nhà nguyện vang lên khúc dạo đầu của bài *Lạy Đức Chúa, vị cha của nhân loại*.

Đó là hai năm trước, trong buổi lễ trao thưởng vào học kỳ cuối của Maurice. Maurice lúc ấy là Phó chủ tịch Hội Học sinh, từ “phó” trong danh hiệu của anh khiến anh cáu kỉnh. “Chủ tịch thứ hai.” Anh đã tức tối khi được bổ nhiệm vào vị trí đó hồi đầu năm học cuối. “Con tự coi mình là một chủ tịch, không phải phó phước gì cả.” Maurice tin rằng mình có tố chất của một người hùng, là người nên dẫn dắt những người đàn ông khác xông pha nơi trận mạc, mặc dù trong cuộc chiến tiếp theo anh sẽ ngồi ngoài cuộc, theo đúng nghĩa đen, đằng sau một chiếc bàn quan trọng ở Whitehall^[10], ở nơi đó, những người chết chỉ đơn giản là những bảng số liệu phiền phức đối với anh. Trong số những người có mặt ở nhà nguyện của ngôi trường ấy vào cái ngày tháng Bảy nóng nực của năm 1923 đó, không một ai tin rằng một cuộc chiến tranh nữa có thể bám gót cuộc chiến trước kia chóng vánh đến vậy. Lớp vàng mạ ở tên của các cựu học sinh (“Các liệt sĩ”) trên những tấm biển bằng gỗ sồi quanh nhà nguyện vẫn còn mới. “Sự tôn vinh ấy có ý nghĩa gì với họ khi họ đã chết rồi chứ!” Sylvie cáu kỉnh thì thầm vào tai Teddy. Cuộc Đại Chiến đã biến Sylvie trở thành người yêu hòa bình, dẫu có hơi cực đoan.

Nhà nguyện của trường lúc ấy vô cùng ngọt ngào, sự uể oải giống như một lớp bụi phủ khắp các hàng ghế khi giọng nói của thầy hiệu trưởng ề à mãi không dứt. Ánh mặt trời được lọc qua những ô cửa sổ kính màu, biến thành các đốm màu hình thoi giống như những viên đá quý lấp lánh, một

tạo tác chẳng thể thay thế nổi cho vật thật ở ngoài kia. Và Teddy cũng sắp phải chịu chung số phận đó. Một viễn cảnh u ám về những gì cậu sẽ phải chịu đựng.

Khi thời điểm ấy đến, cuộc sống ở trường học cũng không đến nỗi quá tồi tệ như cậu đã lo sợ. Cậu có nhiều bạn bè và giỏi thể thao, đây vốn là điều giúp người ta có được một mức độ nổi tiếng nhất định. Cậu còn là một chàng trai tốt bụng, không tha thứ cho những kẻ bắt nạt bạn bè, và điều này cũng khiến cậu nổi tiếng. Tuy nhiên, đến lúc cậu tốt nghiệp và vào học ở trường Oxford, cậu đã kết luận rằng ngôi trường ấy là một nơi đầy bạo lực và kém văn minh, và cậu sẽ không bắt các con trai mình phải tiếp nối cái truyền thống tàn nhẫn ấy. Cậu đã mong đợi có thật nhiều cậu con trai - những chàng trai vui vẻ, trung nghĩa và mạnh mẽ - nhưng niềm hy vọng của cậu sẽ được chắt lọc (hoặc có lẽ là thu gọn lại) thành Viola.

“Kể cho cô nghe thêm về cháu đi!” Izzie nói, bút một bông nga sâm trên hàng rào và phá hủy khoảnh khắc lãng lãng của cậu.

“Cô muốn biết điều gì ở cháu ạ?” Cậu hỏi, tâm trạng phấn khích biến mất, những bí ẩn lại được che kín. Sau này, ở trường, cậu sẽ được học bài thơ *Giọng nói* của Brooke - trong đó có câu “*Khoảnh khắc nhiệm mầu tan biến, chìa khóa nào thấy được đâu*” rất phù hợp để miêu tả khoảnh khắc này, nhưng lúc đó thì cậu đã quên mất những cảm giác phù du của ngày hôm nay rồi.

“Bất cứ điều gì.” Izzie nói.

“Ờ, cháu mười một tuổi.”

“Cô biết *điều đó* rồi, đồ ngốc.” (Không hiểu sao cậu lại nghi ngờ điều này.) “Cháu là người thế nào? Cháu thích làm gì? Bạn bè cháu là những ai? Cháu có cái... cái gì ấy nhỉ...” Cô nói, cố gắng tìm một từ vốn xa lạ với cô. “Cái vật xuất hiện trong câu chuyện về David và Goliath ấy - cái gì cao su ấy nhỉ?”

“Súng cao su phải không ạ?”

“Đúng rồi! Để mang đi bắn người ta và giết các con vật, đại loại vậy.”

“Giết các con vật ạ? Không! Cháu sẽ không bao giờ làm điều đó. (Anh trai Maurice của cậu thì có.) Cháu còn chẳng biết bây giờ nó đang ở đâu. Cháu từng dùng nó để bắn những quả dẻ ngựa trên cây.”

Cô tỏ vẻ thất vọng trước lòng bác ái của cậu nhưng vẫn không sao lảng bẳng câu hỏi của mình. “Còn những trò đại dột thì sao? Hẳn là cháu đã từng làm vô số trò đại dột nhỉ, cậu bé nào cũng vậy, đúng không? Những trò đại dột và những trò chơi khăm.”

“Những trò đại dột ạ?” Cậu kinh hãi nhớ lại sự cố với thùng sơn màu xanh lá cây.

“Cháu có phải là hướng đạo sinh không?” Cô hỏi, giả vờ đứng nghiêm và giơ tay chào. “Cô *cá* rằng cháu là một hướng đạo sinh. Dyb, dyb, dob^[11], đại loại thế.”

“Cháu đã từng ạ.” Cậu lẩm bẩm. “Đã từng là một Sói con^[12].” Đây không phải là chủ đề mà cậu muốn cùng cô đi sâu vào nhưng thực sự cậu không thể nói dối, như thể cậu đã bị yểm một loại bùa phép nào đó ngay từ lúc mới chào

đời. Cả hai chị gái của cậu - và thậm chí cả Nancy - có thể nói dối trơn tru nếu cần thiết, còn Maurice hầu như chẳng biết sự thật (hoặc Sự thật) là cái gì, nhưng Teddy thì lại thật thà quá mức.

“Cháu đã bị đuổi ra khỏi hội à?” Izzie háo hức hỏi. “Bị trục xuất? Cháu đã gây ra vụ bê bối khủng khiếp nào chẳng?”

“Đương nhiên là không ạ.”

“Kể cho cô nghe đi. Chuyện gì đã xảy ra?”

Đó là vì Bộ tộc Kibbo Kift^[13] xuất hiện, Teddy nghĩ. Nếu cậu nhắc đến mấy từ đó, có lẽ cậu sẽ phải mất đến hàng tiếng đồng hồ để giải thích cho Izzie hiểu.

“Kibbo Kift ư?” Cô nói. “Nghe như tên của một chú hê ấy nhỉ!”

*

“Còn kẹo thì sao? Cháu có thích kẹo lắm không, và nếu có thì là loại nào?” Một cuốn sổ nhỏ xuất hiện trên tay Izzie làm Teddy cảnh giác. “Ồ, đừng để ý đến cái này.” Cô nói. “Thời buổi bây giờ ai mà chả ghi chép chứ. Thế nào... kẹo thì sao?”

“Kẹo ạ?”

“Kẹo.” Cô xác nhận rồi thở dài, nói. “Cháu biết đấy, Teddy thân yêu, cô không *biết* đứa bé trai nào cả, trừ cháu. Cô vẫn thường tự hỏi một cậu bé được tạo nên từ những thứ gì, dĩ nhiên là ngoại trừ những thứ quen thuộc như sên

trần, ốc sên và đuôi chó con^[14]. Và một cậu bé...” Cô tiếp tục. “... Chính là một người đàn ông đang được nhào nặn. Cậu bé trong lốt người đàn ông, người đàn ông trong lốt cậu bé, kiểu vậy.” Câu cuối cùng này cô nói với vẻ khá lo lắng khi đang ngắm nhìn bông nga sâm. “Cô tự hỏi khi lớn lên, liệu cháu có giống bố cháu không?”

“Cháu hy vọng là có.”

“Ồ, cháu không được an phận với những điều bình thường, cô chắc chắn cô sẽ chẳng bao giờ như vậy. Cháu phải giống như một tên cướp biển!” Cô bắt đầu ngắt từng cánh hoa nga sâm. “Đàn ông nói phụ nữ là giống loài bí ẩn, nhưng cô nghĩ đó là một thủ đoạn của họ để khiến phụ nữ bọn cô không nhìn ra *sự khó hiểu tuyệt đối* của họ mà thôi.” Mấy từ “sự khó hiểu tuyệt đối” được cô nói khá to và giận dữ như thể cô đang nghĩ đến một người cụ thể trong đầu. (“Lúc nào quanh cô ấy cũng có một người đàn ông nào đó.” Cậu từng nghe mẹ mình nói.) “Còn về các cô bé thì sao?” Izzie nói.

“Điều gì ở họ ạ?” Cậu thắc mắc.

“À, cháu có “người bạn đặc biệt” nào không - cháu biết đấy, một cô bé mà cháu rất thích?” Cô nở nụ cười điệu đà ngớ ngẩn như thể đang cố gắng ám chỉ sự lãng mạn hoặc mấy chuyện tào lao như vậy (nhưng không thành công lắm).

Cậu đỏ bừng mặt.

“Có con chim nhỏ mách với cô rằng...” Cô kiên trì tiếp tục. “... Cháu đang “trồng cây si” một cô bé hàng xóm.”

Con chim nhỏ nào? Cậu tự hỏi. Nancy và các chị em gái của cô ấy - Winnie, Gertie, Millie và Bea - sống trong một ngôi nhà ngay bên cạnh Góc Cáo có tên là Quạ Gáy Xám. Loài chim này sinh sống ở trong rừng với số lượng lớn và chúng tỏ ra rất thích bãi cỏ nhà Shawcross, vì bà Shawcross thường ném những mẫu bánh mì nướng đã nguội ra đó vào mỗi sáng.

Teddy sẽ *không* tiết lộ với Izzie về Nancy dù trong bất cứ tình cảnh nào, dù bị tra tấn, hành hạ như thế nào (như lúc này chẳng hạn). Cậu sẽ không nói ra tên của cô bé để cho nó bị hoen ố qua đôi môi của Izzie và bị đem ra làm trò cười. Nancy là *bạn* của cậu, là tri kỷ của cậu, không phải là kiểu yêu đương ủy mị ngớ ngẩn mà Izzie đang ám chỉ. Dĩ nhiên, một ngày nào đó cậu sẽ cưới Nancy và cậu sẽ yêu cô, đúng thế, nhưng đó sẽ là thứ tình yêu hào hiệp thuần túy của một chàng hiệp sĩ. Thực ra cậu cũng chẳng hiểu gì về bất cứ kiểu tình yêu nào khác. Cậu từng nhìn thấy con bò đực làm chuyện yêu đương với những con bò cái và Maurice nói con người cũng làm như vậy, bao gồm cả bố mẹ họ, rồi cười rinh rích. Teddy chắc chắn anh cậu nói dối. Hugh và Sylvie quá trang nghiêm, cao quý nên sẽ không thể nào làm mấy trò giống diễn viên nhào lộn như thế được.

“Ôi trời ơi, cháu đang đỏ mặt đấy à?” Izzie reo lên. “Cô tin rằng cô đã khám phá ra bí mật của cháu rồi!”

“Kẹo lê.” Teddy nói, cố gắng chấm dứt cuộc điều tra này.

“Kẹo lê làm sao?” Izzie nói. (Cô dễ dàng bị đánh lạc hướng.) Bông nga sâm trụi thui lụi bị ném xuống đất. Cô chẳng quan tâm gì đến thiên nhiên. Sự lơ đãng của cô sẽ

khiến cô giẫm nát đồng cỏ, đá bay tổ chim te te, làm kinh động lũ chuột đồng. Cô là người thuộc về thị thành, thuộc về thế giới của những cỗ máy.

“Đó là loại kẹo cháu yêu thích.” Cậu nói.

Khi quàn ở góc rẽ, họ chạm trán đàn bò sữa đang chen lấn xô đẩy nhau dọc theo con đường mòn để trở về chốn nghỉ ngơi sau khi bị vắt sữa. Hẳn là muộn rồi, Teddy nghĩ. Cậu hy vọng mình không bỏ lỡ bữa trà.

*

“Ồ, hoa chuông xanh, đẹp quá!” Mẹ cậu nói khi cậu và Izzie đi qua cửa. Bà đang mặc bộ váy dài buổi tối và trông bà rất đẹp. Theo lời Maurice, ở ngôi trường mà Teddy sắp theo học, mẹ cậu có khá nhiều người ngưỡng mộ. Teddy cảm thấy hãnh diện về nhan sắc của mẹ mình. “Con đã đi đâu, làm gì cả ngày nay thế hả?” Sylvie hỏi. Câu hỏi dành cho Teddy nhưng lại nhắm vào Izzie.

*

Sylvie khoác trên người bộ áo choàng lông, ngắm nghía hình ảnh phản chiếu của mình qua tấm gương trong phòng ngủ. Bà dựng cổ chiếc áo choàng ngăn không tay mặc buổi tối lên rồi áp vào mặt mình. Một sự kiểm tra kỹ lưỡng. Tấm gương từng là người bạn của bà, nhưng bây giờ bà cảm thấy nó thật dửng dưng, lạnh nhạt với bà.

Bà đưa tay lên tóc, “niềm hãnh diện” của bà, nó được tô điểm bằng một lô lược cài và kẹp tóc. Bây giờ thì kiểu tóc này đã lỗi mốt rồi, nó là dấu hiệu của một bà mệnh phụ không theo kịp thời đại. Bà có nên cắt tóc không? Hugh sẽ cảm thấy hụt hẫng. Bà chợt nhớ đến một ký ức - một bức chân dung được cha bà vẽ bằng chì than trước khi ông mất không lâu. Ông đã gọi bức tranh ấy là *Sylvie tạo dáng thiên thần*. Hồi ấy bà mười sáu tuổi, e lệ trong chiếc váy dài màu trắng - thực ra là một chiếc váy ngủ khá mỏng manh - và quay nửa người đi để phô bày suối tóc điểm lệ. “Hãy tỏ ra thật u sầu.” Cha bà hướng dẫn. “Hãy nghĩ về Sự sa ngã của loài người^[15].” Sylvie lúc đó còn cả cuộc đời tươi đẹp đầy ẩn số ở trước mắt nên cảm thấy khó mà nhập tâm vào chủ đề ấy, nhưng bà vẫn duyên dáng bấu môi và nhìn lơ đãng vào bức tường đối diện trong phòng vẽ rộng thênh thang của cha bà.

Giữ nguyên tư thế đó không hề dễ dàng và bà nhớ mạng sườn bà đã đau đón thế nào khi phải chịu đựng vì nghệ thuật của cha bà. Llewellyn Beresford vĩ đại, họa sĩ chuyên vẽ tranh chân dung cho những người giàu có và nổi tiếng, một người đàn ông chẳng để lại gì ngoài những món nợ khi qua đời. Sylvie vẫn cảm thấy hụt hẫng, không phải vì mất đi cha bà mà là vì mất đi cái cuộc sống mà ông đã xây lên trên một nền tảng bấp bênh.

“Gieo nhân nào...” Mẹ bà lặng lẽ than khóc. “... Sẽ gặt quả ấy. Nhưng người gieo là *ông* ấy mà người gặt quả đắng lại là *mẹ con mình*.”

Một buổi phát mãi tài sản đáng xấu hổ đã diễn ra sau cái chết của ông, và mẹ của Sylvie đã khẳng khái đòi được tham gia, như thể bà cần chứng kiến từng món đồ mà họ đã bị tước mất được đem đi trước mắt họ. Họ ngồi kín đáo (họ hy vọng như vậy) ở hàng ghế sau cùng và ngẩn ngơ nhìn những món của cải của mình bị diễu qua diễu lại cho tất cả mọi người cùng thấy. Gần cuối buổi phát mãi ô nhục này, bức chân dung của Sylvie được đem ra bán. Họ công bố đây là “lô 182. Bức chân dung bằng chì than của con gái ông họa sĩ”, dường như họ không nhận ra Sylvie đang tạo dáng thiên thần. Đáng lẽ cha bà nên vẽ thêm cho bà một vầng hào quang và đôi cánh, như thế mục đích của ông sẽ rõ ràng hơn. Vì không có hai thứ ấy nên trông bà chỉ giống như một cô gái xinh đẹp mặc váy ngủ đang ủ rũ.

Một gã béo với thái độ khá chướng mắt đã giơ điều xì gà của mình lên ở mỗi vòng đấu giá và cuối cùng bức chân dung của Sylvie được bán cho hắn với giá ba bảng mười si linh sáu xu. “Rẻ quá!” Mẹ bà lẩm bẩm. Có lẽ bây giờ còn rẻ mạt hơn, Sylvie nghĩ. Sau chiến tranh, những bức họa của cha bà đã trở nên khá lỗi thời. Bà tự hỏi bây giờ bức tranh ấy ở đâu nhỉ? Bà muốn lấy lại nó. Ý nghĩ ấy khiến bà bức tức, một nét cau mày hiện ra trong gương. Khi cuộc phát mãi cuối cùng cũng kết thúc (“Một lô tạp nham bao gồm một cặp vĩ lò bằng đồng, một cái lò hâm bằng bạc ố bẩn, một cái bình to bằng đồng”), họ đã nhanh nhanh chóng chóng rời khỏi căn phòng ấy cùng với đám đông và tình cờ nghe thấy gã đàn ông nhóp nhúa kia nói oang oang với bạn mình: “Tao sẽ nhìn trái đào to chín mọng này trong lúc tự

làm mình thỏa mãn.” Mẹ Sylvie khẽ rít lên - bà không phải là kiểu người gây ồn ào - và kéo thiên thần ngây thơ của mình ra khỏi tầm nghe.

Ô uest, tất cả mọi thứ đều ô uest, Sylvie nghĩ. Ngay từ lúc khởi đầu, ngay từ Sự sa ngã của loài người. Bà chỉnh lại cổ chiếc áo choàng không tay. Trời nóng quá mức, không phù hợp để mặc nó, nhưng bà tin rằng trông bà xinh đẹp nhất khi mặc đồ lông thú. Chiếc áo choàng không tay này được may từ lông cáo trắng Bắc Cực, điều này khiến bà khá buồn vì bà vốn thích những con cáo thường đến thăm khu vườn của họ - bà đã lấy tên chúng để đặt tên cho ngôi nhà. Phải giết bao nhiêu con cáo mới làm được một cái áo choàng không tay nhỉ? Bà tự hỏi. Ít nhất thì cũng không nhiều bằng số cáo bị giết để làm một cái áo choàng dài. Trong tủ quần áo của bà vẫn treo một cái áo khoác lông chồn vizon, đó là món quà mà Hugh đã tặng bà nhân dịp kỷ niệm mười năm ngày cưới của họ. Bà phải đem nó đến tiệm bán đồ lông thú mới được, nó cần được sửa chữa thành thứ gì đó hiện đại hơn. “Mình cũng vậy.” Bà nói với tấm gương.

Izzie có một cái áo choàng mới hình tổ kén. Bằng lông chồn zibelin. Làm thế nào mà Izzie mua được áo lông thú khi không có tiền? “Một món quà.” Cô nói. Từ một người đàn ông, đương nhiên, và chẳng người đàn ông nào tặng áo lông thú cho ta mà không mong nhận được thứ gì đáp lại. Trừ khi đó là chồng của ta, dĩ nhiên rồi, người chồng ấy sẽ chẳng mong đợi gì ngoài lòng biết ơn đơn thuần.

Sylvie muốn phát ngát vì lượng nước hoa mà bà lỡ tay xúc quá nhiều lên người trong lúc hồi hộp, mặc dù bình

thường bà vốn không dễ xúc động đến thế. Tối nay bà sẽ lên London. Trên tàu sẽ nóng bức và ngột ngạt, thậm chí trong thành phố còn nóng bức và ngột ngạt hơn, bà sẽ phải hy sinh chiếc áo choàng lông. Giống như lũ cáo đã phải hy sinh vì bà vậy. Nghe cứ như một câu pha trò ấy, nhưng là kiểu pha trò của Teddy chứ không phải của Sylvie. Sylvie không có khiếu hài hước. Đó là một khiếm khuyết tai hại trong tính cách của bà.

Đôi mắt bà vô tình liếc phải bức ảnh trên bàn trang điểm, một bức chân dung được chụp trong hiệu ảnh sau khi bà sinh Jimmy. Sylvie đang ngồi. Đứa bé mới sinh mặc áo choàng rửa tội - một chiếc áo rộng thùng thình mà tất cả những đứa trẻ nhà Todd đều đã mặc qua - trông nó như sắp tuột khỏi cánh tay bà trong khi những đứa trẻ còn lại được sắp xếp một cách nghệ thuật quanh bà, trông như thể đang ngưỡng mộ bà. Sylvie lướt một ngón tay lên cái khung bằng bạc của bức ảnh với vẻ trêu mến nhưng lại thấy nó bám đầy bụi. Bà phải nói chuyện với Bridget mới được. Con bé ấy đã trở nên nhếch nhác rồi. ("Cuối cùng, tất cả tôi tớ đều quay lưng lại với chủ." Mẹ chồng Sylvie đã khuyên khi Sylvie mới cưới Hugh.)

Tiếng ồn ào dưới nhà chỉ ra rằng Izzie đã về. Sylvie miễn cưỡng cởi chiếc áo choàng lông và bận vào cái áo khoác ngoài buổi tối nhẹ nhàng. Để làm ra cái áo này thì chỉ có những con tầm siêng năng bị hy sinh mà thôi. Bà đội mũ lên đầu. Mái tóc lổm của bà không phù hợp với những cái mũ tròn không vành gọn gàng và những cái mũ bê rê phổ biến dạo gần đây, vì vậy bà vẫn đang đội một cái mũ

thường. Bà chẳng may đâm cái ghim cài mũ bằng bạc dài thòng vào tay mình. (Ta có thể giết ai đó bằng ghim cài mũ không nhỉ? Hay chỉ làm họ bị thương thôi?) Bà lẩm bẩm nguyên rửa các đấng tối cao vì họ đã khiến cho những khuôn mặt trắng trẻo ngây thơ của các con bà từ trong bức ảnh nhìn bà với vẻ quở trách. Cũng chẳng có gì lạ, bà nghĩ. Bà sắp bốn mươi tuổi và viễn cảnh ấy khiến bà bất mãn với chính mình. (“Bất mãn hơn.” Hugh nói.) Bà có thể cảm thấy sự nóng vội đeo bám ở đằng sau và sự bốc đồng lù lù ở đằng trước bà.

Bà ngẫm mình lần cuối cùng. Tạm ổn rồi, bà nghĩ, đây vốn không phải là lời đánh giá mà bà thường dễ dàng chấp nhận. Bà đã quen ông được hai năm. Liệu ông có còn nghĩ bà là một người đẹp không? Ông từng gọi bà như vậy. Có người phụ nữ nào trên đời này cưỡng lại được khi một người đàn ông gọi mình là người đẹp chứ? Nhưng Sylvie đã cưỡng lại và đã giữ gìn tiết hạnh. “Em là phụ nữ có chồng.” Bà đã nghiêm khắc lặp đi lặp lại. “Vậy thì em không nên đắm chìm trong trò chơi này, em yêu.” Ông nói. “Hậu quả có thể rất khủng khiếp đối với em - đối với chúng ta.” Ông cười trước ý kiến này như thể nó rất hấp dẫn. Thực vậy, bà đã chơi trò mèo vờn chuột với ông và rồi nhận ra rằng trò chơi này đã rơi vào bế tắc.

Ông đã ra nước ngoài, tới các thuộc địa, làm những công việc quan trọng cho đế chế, nhưng bây giờ ông đã trở về và cuộc đời của Sylvie đang trôi tuột qua các kẽ ngón tay như nước chảy, bà không còn muốn làm người đực hạnh nữa.

*

Bà được chào đón bởi một bó hoa chuông xanh to tướng. “Ồ, hoa chuông xanh, đẹp quá!” Bà nói với Teddy. Con trai bà. Bà còn hai đứa con trai khác nữa nhưng thi thoảng bà không tính đến chúng. Mấy cô con gái của bà không phải là đối tượng bà yêu mến, chúng giống như những rắc rối cần được giải quyết hơn. Chỉ có một đứa con duy nhất giữ được trái tim bà trong năm tay khá dơ dáy của nó. “Nhớ rửa tay trước khi dùng bữa trà nhé, con yêu.” Bà nói với Teddy. “Con đã đi đâu, làm gì cả ngày nay thế hả?”

“Tìm hiểu về nhau.” Izzie nói. “Đúng là một cậu bé đáng yêu. Này, trông chị lộng lẫy quá, Sylvie. Và em có thể ngửi thấy mùi của chị từ cách xa cả trăm thước. Quả là *femme séduisante*^[16]. Chị có kế hoạch gì à? Nói cho em biết đi!”

Sylvie trừng mắt với Izzie nhưng bà còn chưa kịp trả lời thì đã nhìn thấy đôi giày da cá sấu màu xanh lá cây lấm lem bẩn thỉu giẫm trên tấm thảm Voysey trải ở tiền sảnh. “*Biến đi!*” Bà nói, xua Izzie về phía cửa, rồi lại nói. “*Biến đi!*”

“Vết nhơ đáng nguyên rủa^[17].” Hugh lẩm bẩm, thơ thẩn bước từ phòng làm việc ra tiền sảnh khi Izzie dừng dừng đi ngược trở lại lối dẫn vào nhà. Ông quay sang Sylvie và nói: “Trông em đẹp lắm, em yêu.”

Họ nghe tiếng động cơ chiếc xe Sunbeam của Izzie khởi động và tiếng nó gầm rú đình tai nhức óc khi cô tăng tốc lao vút đi. Cô lái xe theo kiểu của nhân vật Cóc trong truyện *Gió qua rừng liễu*, bấm còi inh ỏi và ít khi nhấn phanh. “Sớm muộn gì cô ấy cũng sẽ đâm chết ai đó mất.”

Hugh nói, ông vốn là một người lái xe nghiêm chỉnh. “VẬY mà anh cứ nghĩ cô ấy đang không xu dính túi. Cô ấy đã làm gì để có đủ tiền mua một chiếc xe khác vậy?”

“Chẳng phải việc gì đúng đắn, anh có thể chắc chắn điều đó.” Sylvie nói.

*

Cuối cùng thì Teddy cũng thoát khỏi những lời huyền thuyên khủng khiếp của Izzie, nhưng cậu vẫn phải chịu đựng sự chất vấn thường lệ từ mẹ cậu trước khi bà yên tâm rằng con trai bà không bị hư hỏng trong chừng mực nào đó bởi sự tiếp xúc với Izzie. “Cô ta làm gì cũng có động cơ cả.” Bà rầu rĩ nói. Cuối cùng thì cậu cũng được tự do để đi tìm bữa trà của mình, đó là món bánh mì nướng ăn kèm cá mòi đã được chuẩn bị sẵn từ trước vì tối hôm đó bà Glover nghỉ phép.

“Cô ấy đã ăn thịt chim chiến chiến.” Teddy nói với hai chị bên bàn trà. “Ở Ý. Mặc dù ở đâu thì cũng chẳng có gì khác biệt.”

“*Một con chiến chiến bị thương ở cánh.*” Ursula nói, và khi Teddy ngây ngốc nhìn cô, cô nói tiếp: “Thơ của Blake. *Một con chiến chiến bị thương ở cánh/ Một tiểu thiên sứ đã ngừng hát ca.*”

“Hãy hy vọng có ngày thứ gì đó sẽ ăn cô ấy.” Pamela, một người trần tục hơn, vui vẻ góp lời.

Pamela sắp học ngành Khoa học ở trường Đại học Leeds. Cô đang trông chờ được tới “miền Bắc trong lành”, với

những con người “thực thụ”. “Chúng ta không đủ “thực” sao?” Teddy cầu nhàu với Ursula và Ursula cười nói: “Thực là gì?” Câu hỏi ấy có vẻ ngớ ngẩn đối với Teddy vì cậu chưa có dịp nào để thắc mắc về thế giới hiện tượng. “Thực” là những gì mà ta có thể nhìn thấy, ngửi thấy và sờ thấy. “Em đang thiếu mất ít nhất là hai giác quan.” Ursula chỉ ra. “Thực” là khu rừng và hoa chuông xanh, con cú và con cáo, một đoàn tàu đồ chơi của hãng Homby lăn bánh quanh sàn phòng ngủ của cậu, mùi một chiếc bánh ngọt đang nướng trong lò. Con chim chiến chiến vừa bay vút lên vừa cất cao tiếng hót.

*

Bóng chiều tà phủ xuống Góc Cáo. Sau khi Hugh lái xe chở Sylvie tới nhà ga, ông lại lui về phòng riêng của mình với một ly whisky nhỏ và điều xì gà hút dở. Ông là người đàn ông có chừng mực, đó là bản năng hơn là sự lựa chọn có ý thức của ông. Sylvie hiếm khi lên thành phố. “Tối rap hát và ăn tối với bạn bè.” Bà nói. “Em sẽ ở lại qua đêm.” Bà là người có tư tưởng xê dịch, đó là điều không nên có ở một người vợ, nhưng ông phải tin tưởng bà trong tất cả mọi chuyện, nếu không, toàn bộ cuộc hôn nhân này sẽ sụp đổ và tan thành tro bụi.

Pamela đang ở trong phòng sinh hoạt ban ngày, cúi mũi vào cuốn sách giáo khoa Hóa học. Cô đã thi trượt trường Girton và không thực sự muốn mạo hiểm tới “miền Bắc trong lành”, nhưng “buộc phải” làm vậy, đó là một từ mà

Sylvie thường nói và khiến người khác bức bối. Pamela đã (âm thầm) hy vọng sẽ có những giải thưởng lấp lánh và một sự nghiệp xán lạn, nhưng bây giờ cô e rằng cô sẽ không phải là người phụ nữ táo bạo như cô hằng mong ước.

Ursula nằm xoài trên thảm dưới chân Pamela, liệt kê ra tất cả các biến cách của các động từ Latin bất quy tắc. “Ôi trời!” Cô nói với Pamela. “Cuộc đời từ đây chắc chắn chỉ có thể tốt đẹp hơn.” Và Pamela cười nói: “Đừng quá chắc chắn như thế.”

Jimmy đang mặc bộ pyjama, ngồi ở cái bàn trong bếp, thưởng thức sữa và bánh quy trước khi đi ngủ. Bà Glover, đầu bếp của nhà họ, vốn ghét cay ghét đắng truyện thần thoại hay truyện ngụ ngôn, vì thế nhân dịp không có sự giám sát của bà, Bridget đã giải khuây cho Jimmy bằng một câu chuyện đã được rút gọn nhưng vẫn còn rất ghê rợn về “yêu tinh Pooka^[18]” trong lúc cô cọ rửa nồi niêu xoong chảo. Bà Glover giờ này đang ngủ gà ngủ gật ở nhà mình, chân gác lên thanh chắn lò sưởi, tay vẫn cầm một cốc bia đen nhỏ.

*

Trong khi đó, Izzie đang ở trên con đường thên thưng, vừa lái xe vừa hát bài *Alouette*. Giai điệu ấy giờ đã hằn sâu trong trí óc cô. *Je te plumerai*, cô hét lên, *Je te plumerai*. Ta sẽ vặt mi. Cuộc chiến ấy thật đáng sợ, cô ước gì mình chưa từng nhớ đến nó. Cô đã là một FANY. Theo Izzie, đó là một từ viết tắt khá ngớ ngẩn. Đội quân Y tá và Cứu thương^[19].

Cô đã xung phong lái những chiếc xe cứu thương, mặc dù trước đó cô chưa từng lái một cái xe nào, nhưng cuối cùng cô phải làm đủ mọi loại việc khủng khiếp. Cô nhớ đến cảnh mình lau chùi những cái xe cứu thương vào cuối ngày, chúng dính đầy máu me, các loại chất lỏng và chất thải. Cô cũng nhớ đến những người què cụt, những bộ xương cháy đen, những ngôi làng bị phá hủy, những cánh tay, ống chân thò lên khỏi bùn đất. Những cái xô đựng gạch bẩn và băng quần đầy mủ, những vết thương rỉ máu găm ghieếc của những chàng trai tội nghiệp. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi người ta muốn quên hết về nó. Nhưng cũng có chút thú vị, vì Chúa. Cô đã được thưởng một tấm huân chương Croix de Guerre. Cô chưa bao giờ kể với ai ở nhà về nó. Cô đã cất nó trong một cái ngăn kéo lúc cô trở về. Nó chẳng có ý nghĩa gì cả khi ta nghĩ đến những điều mà các chàng trai tội nghiệp kia đã trải qua.

Cô đã đính hôn hai lần trong cuộc chiến, cả hai người đàn ông đó đều chết chỉ trong vòng vài ngày sau khi cầu hôn cô, trước cả khi Izzie kịp viết thư về nhà để báo tin vui. Cô đã ở bên người đàn ông thứ hai khi anh ta chết. Cô đã tình cờ phát hiện anh ta trong một bệnh viện dã chiến khi cô chở người bị thương tới đó. Lúc đầu, cô không nhận ra anh ta, anh ta đã bị lửa pháo làm cho biến dạng. Vì thiếu y tá và hộ lý nên nữ y tá trưởng đã động viên cô ở lại với anh ta. “Nào, nào.” Izzie an ủi, canh chừng bên cạnh lúc anh ta hấp hối dưới ánh đèn vàng vọt của một ngọn đèn dầu Tilley. Vào phút cuối, anh ta đã gọi tên mẹ mình, tất cả bọn họ đều

thế. Izzie không thể hình dung ra cảnh mình gọi tên mẹ là bà Adelaide lúc cô lâm chung.

Cô vượt phăng những tấm chắn của vị hôn phu, hôn tay anh ta vì khuôn mặt anh ta không còn nguyên vẹn rồi thông báo với một hộ lý rằng anh ta đã chết. Cô không dùng uyển ngữ nào cả. Sau đó, cô quay lại chỗ chiếc xe cứu thương của mình và tiếp tục đi tìm kiếm những người thương vong khác.

Cô né tránh khi người thứ ba, một chàng trai khá nhút nhát, một đại úy tên là Tristan ngỏ ý muốn buộc một sợi dây quanh ngón tay cô^[20]. (“Xin lỗi em, đây là tất cả những gì mà anh có. Anh sẽ tặng em một chiếc nhẫn kim cương thật long lanh khi nào cuộc chiến này kết thúc. Em không nhận ư? Em chắc chứ? Nếu nhận lời là em đang ban ân huệ lớn cho một chàng trai đấy!”) Izzie nghĩ cô là kẻ mang vận xui nên không muốn truyền nó sang cho anh ta - lòng vị tha này thật trái ngược với tính cách của cô - nhưng ý nghĩ ấy thật kỳ cục vì dù có dính dáng đến cô hay không thì tất cả những anh chàng sĩ quan cấp úy dễ thương đó đều sẽ phải chịu số phận bi đát.

Sau khi từ chối Tristan, Izzie không bao giờ gặp lại anh ta nữa và cô đoán rằng anh ta đã chết (cô đoán rằng tất cả bọn họ đều đã chết), nhưng sau khi chiến tranh kết thúc một năm, trong lúc đang lật giở những trang báo tin tức xã hội, cô bắt gặp bức ảnh anh ta đang bước ra từ nhà nguyện St Mary Undercroft. Bây giờ anh ta là một thành viên của quốc hội, và hóa ra, giàu nứt đổ đổ vách nhờ tiền bạc của gia đình. Anh ta đang cười rạng rỡ với cô dâu trẻ quá mức

đang bám vào cánh tay anh ta, nếu dùng kính lúp để soi thì có thể thấy trên tay cô ta đang đeo một chiếc nhẫn kim cương trông thực sự lộng lẫy. Izzie cho rằng cô đã cứu được anh ta, nhưng buồn thay, cô đã không cứu được chính mình. Lúc cuộc Đại Chiến kết thúc, cô hai mươi tư tuổi và nhận ra rằng mọi cơ hội của mình đã hết.

Vị hôn phu đầu tiên của cô tên là Richard. Cô chẳng biết gì mấy về anh ta trừ cái tên đó. Cô nhớ hình như anh ta từng tham gia đội săn Beaufort^[21]. Cô đã nhận lời cầu hôn của anh ta trong một phút bốc đồng. Còn vị hôn phu thứ hai, người đã chết trong bệnh viện dã chiến trước sự chứng kiến của cô, mới là người mà cô yêu điên dại. Cô yêu anh ta và anh ta cũng yêu cô. Họ đã dành những giây phút ngắn ngủi bên nhau để cùng hình dung ra một tương lai tươi đẹp - bơi thuyền, cưỡi ngựa, khiêu vũ. Thức ăn, tiếng cười, ánh nắng. Săm banh để chúc mừng vận may của họ. Không có buồn lầy, không có cảnh giết chóc khủng khiếp kéo dài bất tận. Anh ta tên là Augustus. Bạn bè gọi anh ta là Gussie. Vài năm sau, cô phát hiện ra rằng tiểu thuyết chính là một phương tiện phục sinh và bảo tồn. “Khi tất cả mọi thứ khác đều biến mất, nghệ thuật vẫn tồn tại.” Cô nói với Sylvie như vậy trong cuộc chiến tiếp theo. “*Những cuộc phiêu lưu của Augustus* là nghệ thuật ư?” Sylvie nói, nhướn một bên lông mày mảnh mai. Trong lời nói của bà, từ Augustus không được viết hoa. Đương nhiên, định nghĩa của Izzie về nghệ thuật rộng hơn định nghĩa của Sylvie nhiều. “Nghệ thuật là bất cứ thứ gì mà người này sáng tạo ra để người khác thưởng thức.”

“Kể cả Augustus?” Sylvie nói và bật cười.

“Kể cả Augustus.” Izzie nói.

*

Những chàng trai tội nghiệp đã chết trong cuộc Đại Chiến chỉ lớn hơn Teddy có vài tuổi. Lúc ở cùng cậu cháu trai trong ngày hôm nay, đã có giây phút cô trở nên yếu lòng. Giá mà cô có thể bảo vệ cậu khỏi mọi mối nguy hại, khỏi nỗi đau mà thế giới (chắc chắn) sẽ mang đến cho cậu. Đương nhiên, cô cũng từng có con, nó được sinh ra khi cô mười sáu tuổi và lập tức được đem cho làm con nuôi, một sự cắt đứt quá nhanh gọn đến nỗi cô chẳng bao giờ nghĩ về thằng bé. Cũng may là khi cô xúc động định giơ tay ra vuốt tóc Teddy, cậu đột nhiên cúi đầu xuống và nói “Ồ, nhìn này, một con rắn thủy tinh” khiến bàn tay Izzie chỉ chạm vào không khí. “Cháu quả là một cậu bé thú vị.” Cô đã nói, và trong một thoáng, cô chợt nhìn thấy khuôn mặt biến dạng của Gussie khi anh nằm hấp hối trên cái giường xếp. Và rồi khuôn mặt của tất cả những chàng trai tội nghiệp đã chết hiện ra, tầng tầng lớp lớp, trải dài bất tận. Những người chết.

Cô tăng tốc hết mức có thể để dứt khỏi ký ức này, rồi lạng xe kịp lúc để tránh một người đi xe đạp, khiến cậu ta lao đảo dạt vào bên vệ đường và hét toáng lên những lời chửi rủa đằng sau thanh hãm xung của chiếc Sunbeam ấu tả đang lao đi vun vút. Khẩu hiệu của FANY là *Arduis*

invictus. Không khuất phục trước khó khăn. Cực kì tẻ nhạt. Izzie đã có đủ khó khăn rồi, xin cảm ơn.

Chiếc xe lao như bay trên những con đường. Mầm mống của Augustus trong đầu Izzie đã nảy nở.

*

Maurice lúc này không có nhà, anh ta hiện đang bó mình trong chiếc áo đuôi tôm và cài nơ bướm màu trắng, chuẩn bị cho một bữa tối của Câu lạc bộ Bullingdon^[22] ở trường Oxford. Trước khi tiệc tàn, theo truyền thống của Câu lạc bộ Bullingdon, nhà hàng này sẽ bị phá hoại. Mọi người sẽ ngạc nhiên khi biết rằng bên trong lớp mai cứng ngắc này có một sinh vật mềm mại đang quặn quại đầy hoài nghi và đau đớn. Maurice hạ quyết tâm rằng sinh vật ấy sẽ không bao giờ nhìn thấy ánh sáng ban ngày và trong tương lai không quá xa, anh ta sẽ hợp nhất với lớp mai, như một con ốc sên không bao giờ thoát được khỏi cái vỏ của nó.

*

Một “cuộc hẹn hò”. Từ đó nghe thật tội lỗi. Ông đã đặt trước hai phòng ở khách sạn Savoy. Họ từng gặp nhau ở đó trước khi ông lên đường đi xa, nhưng chỉ gặp gỡ một cách (tương đối) trong sáng ở những không gian công cộng.

“Phòng liền kề.” Ông nói. Nhân viên khách sạn sẽ biết mục đích của từ “liền kề”, đúng không nhỉ? Thật đáng xấu hổ. Trái tim Sylvie đập thành thịch trong lồng ngực khi bà

bắt một chiếc tắc xi từ nhà ga tới khách sạn. Bà là một phụ nữ sắp sửa sa ngã.

*

Sự cảm dỗ đối với Hugh.

“Vàng dương rạng rỡ với những tia nắng huy hoàng bất diệt.” Hugh đang hát một mình trong vườn. Ông đã ra khỏi phòng riêng để đi dạo một lát sau bữa tối (nếu có thể gọi đó là bữa tối). Từ phía bên kia hàng rào nhựa ruồi ngăn cách Góc Cáo với Quạ Gáy Xám, ông nghe thấy một tiếng hát đáp lại. *“Ngắm nhìn ánh hồng rực lửa của chàng là nàng mệnh phụ an nhiên, thiên hậu mặt trăng.”* “Dường như chính điều này đã xui khiến ông len qua lỗ hổng trên hàng rào mà bọn trẻ con tạo ra sau nhiều năm chui qua chui lại và thấy mình choàng tay quanh người Roberta Shawcross trong nhà kính của gia đình Shawcross. (Mới đây cả ông và bà Shawcross đều tham gia vở opera nghiệp dư của làng có tên là *Nhật hoàng*. Họ khiến cho cả bản thân và đối phương phải ngạc nhiên vì màn trình diễn xuất thần của mình trong vai Ko-Ko và Katisha.)

Mặt trời và mặt trăng, Hugh nghĩ, những thực thể tượng trưng cho giống đực và giống cái. Ông sẽ nghĩ gì nếu biết rằng một ngày kia, đây sẽ là tên các chất của ông? “Chị Shawcross.” Ông nói khi sang tới phía bên kia của hàng rào, cơ thể có chút xây xước vì bị những cành nhựa ruồi cọ phải. Ông nhận ra rằng bọn trẻ dùng lối tắt này nhỏ hơn ông rất nhiều.

“Ồ, làm ơn gọi tôi là Roberta, Hugh à.” Tên ông nghe thân mật đến đáng ngại khi phát ra trên môi bà. Đôi môi mềm mại, ướm át luôn khen ngợi và động viên mọi người.

Khi ông chạm vào bà, ông thấy bà thật ấm áp. Và bà không mặc coóc xê. Bà ăn mặc khá giống phong cách Bohemian, nhưng bà là người ăn chay, yêu hòa bình, và, đương nhiên, tích cực tham gia phong trào đòi quyền bầu cử cho phụ nữ. Người phụ nữ này là một nhà lý tưởng tuyệt vời. Ta không thể không ngưỡng mộ bà. (Ít nhất cũng ở một mức độ nào đó.) Bà có những đức tin và niềm đam mê bên ngoài bản thân bà. Còn những niềm đam mê của Sylvie lại là những cơn bão cuồng nộ ở trong lòng.

Ông khẽ siết chặt vòng tay quanh người bà Shawcross và cảm thấy bà cũng đáp lại ông.

“Ôi trời!” Bà nói.

“Tôi biết...” Hugh nói.

Điều đặc biệt ở bà Shawcross - Roberta - là bà *hiếu* về chiến tranh. Không phải là ông muốn nói chuyện về nó - Chúa ơi, không - nhưng có cảm giác thật an yên khi ở bên một người *thấu hiểu*. Dù chỉ một chút. Thiếu tá Shawcross đã mắc phải chút vấn đề khi ông từ tiền tuyến trở về và vợ ông đã rất thông cảm. Người ta đã nhìn thấy vài chuyện khủng khiếp, đó là những chuyện không phù hợp để nói ở nhà, và đương nhiên Sylvie không có ý định bàn luận về chiến tranh. Nó đã là một vết rách trên tấm vải cuộc đời họ và bà Shawcross đã khâu nó lại một cách tài tình.

“Ồ, đó là một cách ví von rất hay, Hugh à.” Bà Shawcross - Roberta - nói. “Nhưng, anh biết đấy, trừ phi

anh khâu khéo đến mức những vết khâu dường như vô hình, nếu không, sẽ luôn có dấu vết, đúng không?”

Ông hối hận vì đã khơi lên phép ẩn dụ liên quan đến việc khâu vá. Căn nhà kính oi bức chứa đầy những cây phong lữ thom ngát, đối với Hugh, mùi của chúng khá ngọt ngào. Bà Shawcross áp tay lên má ông rất nhẹ nhàng như thể ông là thứ gì mong manh dễ vỡ. Ông ghé môi gần môi bà hơn. Đây là một tình huống nguy hiểm, ông nghĩ. Ông đang ở trong một lãnh địa chưa từng được khám phá.

“Chỉ là Neville...” Bà bẽn lễn cất tiếng. (Neville là ai? Hugh tự hỏi.) “Neville không thể... nữa. Từ hồi chiến tranh, anh biết chứ?”

“Thiếu tá Shawcross?”

“Vâng, Neville đấy. Và chẳng ai muốn...” Bà đỏ mặt.

“Ồ, tôi hiểu.” Hugh nói. Những cây phong lữ bắt đầu khiến ông cảm thấy hơi nôn nao. Ông cần chút không khí trong lành. Ông bắt đầu cảm thấy hoảng loạn. Khác với vài người đàn ông mà ông biết, ông đã nghiêm túc tuân thủ những lời thề hôn nhân của mình. Ông tin rằng hôn nhân là sự thỏa hiệp, ông chấp nhận những giới hạn của nó. Và bà Shawcross - Roberta - sống ngay bên cạnh nhà ông, vì Chúa. Giữa họ có mười đứa trẻ - đây không phải là nền tảng tốt cho một cuộc ngoại tình. Không, ông phải thoát ra khỏi tình huống này, ông nghĩ, nhưng đôi môi ông lại tiến gần môi bà hơn nữa.

“Ôi, Chúa ơi!” Bà thốt lên, bất ngờ lùi lại một bước. “Đến giờ rồi sao?”

Ông nhìn quanh tìm một cái đồng hồ nhưng không thấy cái nào cả.

“Đêm nay là đêm của Kibbo Kift.” Bà nói.

“Kibbo Kift?” Hugh lặp lại, lúng túng.

“Vâng, tôi phải đi rồi, bọn trẻ đang đợi tôi.”

“Vâng, dĩ nhiên rồi.” Ông nói. “Bọn trẻ.” Ông bắt đầu lùi lại. “Chà, lúc nào chị cần nói chuyện, chị biết tôi ở đâu rồi đấy. Ngay kế bên.” Ông vu vơ nói thêm.

“Vâng, dĩ nhiên rồi.”

Ông đã thoát được khỏi tình huống ấy và trở về theo con đường vòng, đi qua cánh cửa thay vì cái lỗ hổng nguy hiểm trên hàng rào.

Mình suýt thì mắc sai lầm, ông nghĩ khi đã lui về chốn an toàn trong thư phòng của mình, tuy nhiên ông không thể không kìm được chút hân hoan. Ông bắt đầu huýt sáo bài *Ba cô gái nhỏ ở trường*. Ông cảm thấy khá vui vẻ.

*

Còn về Teddy thì sao?

Teddy đang đứng trong một vòng tròn ở một cánh đồng gần đó mà Quý bà Daunt ở Lâu đài Ettringham tốt bụng cho phép họ sử dụng. Các thành viên của vòng tròn, chủ yếu là trẻ con, đang di chuyển theo chiều kim đồng hồ, họ đang nhảy lò cò một điệu kỳ cục theo những gì mà bà Shawcross tưởng tượng về điệu nhảy của người Saxon. (“Người Saxon cũng nhảy sao?” Pamela hỏi. “Ai mà ngờ họ lại nhảy chứ.”)

Họ cầm những cây quyền trượng bằng gỗ - những cành cây mà họ lượm được trong rừng - và chốc chốc lại dừng lại và động những cây gậy này xuống đất. Teddy đang mặc “đồng phục” - áo choàng không tay, quần soóc và mũ trùm đầu - do đó trông cậu giống như sinh vật lai giữa một yêu tinh lùn và một người trong nhóm Những Người Đàn Ông (không) Vui Vẻ (lắm) của Robin Hood. Chiếc mũ trùm đầu trông thật rúm ró vì cậu đã buộc phải tự khâu nó. Thủ công là một trong những thứ mà Kibbo Kift chú trọng. Bà Shawcross, mẹ của Nancy, lúc nào cũng bắt họ thêu những tấm phù hiệu, băng tay và băng rôn. Điều đó thật đáng xấu hổ. “Các thủy thủ vẫn khâu vá mà.” Pamela nói để động viên cậu. “Còn ngư dân thì đan lát.” Ursula nói thêm. “Cảm ơn hai chị.” Cậu chán nản nói.

Bà Shawcross đang ở giữa vòng tròn, dẫn dắt các vũ công nhỏ bé. (“Giờ thì nhảy lò cò bằng chân trái và cúi đầu với người ở bên phải của các con.”) Chính bà Shawcross đã khuyên cậu tham gia Kibbo Kift. Vào đúng lúc cậu bắt đầu mong muốn rời khỏi đội Sói con để tham gia đội Hướng đạo đích thực, bà đã dụ dỗ cậu với mỗi nhử là Nancy. (“Lẫn cả con trai và con gái ư?” Sylvie ngờ vực nói.)

Bà Shawcross rất nhiệt huyết với Bộ tộc Kibbo Kift. Bà giải thích rằng Kibbo Kift là một tổ chức theo chủ nghĩa quân bình và yêu hòa bình, là lựa chọn thay thế cho tổ chức Hướng đạo theo hình thức quân phiệt. Lãnh đạo của tổ chức này là một người đã ly khai khỏi tổ chức Hướng đạo. (“Phản bội hả?” Sylvie nói.) Emmeline Pethick-Lawrence^[23], một trong những nữ anh hùng của bà Shawcross, là một thành

viên của tổ chức ấy. Bà Shawcross từng tham gia phong trào đòi quyền bầu cử cho phụ nữ. (“Rất dũng cảm.” Thiếu tá Shawcross trù mến nói.) Bà Shawcross giải thích rằng các em nhỏ vẫn được học về kỹ năng đi rừng, cắm trại và đi bộ đường dài, vân vân, nhưng chương trình của họ còn nhấn mạnh vào việc “phục hưng tinh thần của tuổi trẻ Anh.” Cho dù điều này chẳng thể hấp dẫn Teddy nhưng nó đã thuyết phục được Sylvie. Tuy Sylvie thường chống đối lại bất cứ ý kiến nào của bà Shawcross nhưng lần này, bà quyết định đây sẽ là “một điều tốt” đối với Teddy. “Bất cứ thứ gì không khuyến khích chiến tranh đều tốt cho nó.” Bà nói. Teddy không nghĩ tổ chức Hướng đạo là một tổ chức khuyến khích chiến tranh, nhưng những lời phản đối của cậu đều vô hiệu.

Bà Shawcross không những không nhắc đến việc bọn trẻ sẽ phải khâu vá khi tham gia tổ chức này, mà còn chẳng đề cập đến việc họ sẽ phải nhảy nhót, hát nhạc dân gian, nhảy theo vòng tròn trong rừng và tham gia những cuộc trò chuyện liên tu bất tận. Họ được chia thành các thị tộc và bộ lạc, vì có rất nhiều tập tục (được cho là) của người da đỏ trộn lẫn với những nghi thức (được cho là) của người Saxon, tạo nên một mớ hổ lốn không chắc có thực. “Có lẽ bác Shawcross đã tìm thấy một trong những bộ tộc bị thất lạc của Israel^[24].” Pamela cười.

Họ đều chọn những cái tên của người da đỏ cho mình. Teddy là Cáo Con (“Đương nhiên rồi.” Ursula nói). Nancy là Sói Con (“Honiahaka” trong tiếng của thổ dân Cheyenne, bà Shawcross nói. Bà có một cuốn sách để tham khảo). Bà

Shawcross gọi mình là Đại Bàng Trắng Lớn (“Ồ, vì Chúa!” Sylvie nói. “Đúng là ngạo mạn!”).

Tham gia tổ chức này cũng có vài điểm tốt - chẳng hạn như được ở cùng Nancy. Và họ học bắn cung bằng cung và tên thật, chứ không phải bằng những thứ mà họ phải tự làm bằng cành cây hay đại loại thế. Teddy thích bắn cung, cậu nghĩ kỹ năng này có thể trở nên hữu ích vào một ngày nào đó - nếu cậu trở thành một kẻ sống ngoài vòng pháp luật chẳng hạn. Liệu cậu có nở lòng nào bắn một con hươu không? Lũ thỏ, lửng, cáo, thậm chí là sóc, chiếm cứ một nơi chốn mềm yếu trong trái tim cậu. Cậu cho rằng mình sẽ buộc phải bắn chúng nếu đối mặt với vấn đề sống còn, nếu cậu sắp chết đói. Nhưng cậu vẫn sẽ vạch ra một giới hạn. Chó, chim chiến chiến.

“Tổ chức này nghe có vẻ khá ngoại giáo.” Hugh ngờ vực nói với bà Shawcross. (“Làm ơn gọi tôi là Roberta.”) Cuộc trò chuyện này diễn ra trước “sự kiện” của họ trong nhà kính, trước khi ông nghĩ về bà với tư cách một người phụ nữ.

“Chà, gọi nó là “xã hội lý tưởng” thì đúng hơn.” Bà nói.

“À, xã hội lý tưởng.” Hugh chán chường nói. “Đó quả là một ý tưởng vô bổ.”

“Chẳng phải Oscar Wilde đã viết rằng...” Bà Shawcross nói. “... *Sự tiến bộ là việc nhận thức được xã hội lý tưởng sao?*”

“Tôi sẽ không nghe theo các quan điểm của người đàn ông đó.” Hugh nói, khá thất vọng với bà Shawcross - Sau này, mỗi khi những ý nghĩ của ông thơ thẩn trở lại với mùi

hoa phong lữ và thân hình không mặc coóc xê của bà Shawcross, ông sẽ tự nhắc nhở mình về nhược điểm này của bà.

Xã hội lý tưởng trong mắt Teddy sẽ không bao gồm Kibbo Kift. Nó sẽ bao gồm những gì? Một con chó, chắc chắn rồi. Có lẽ không chỉ một con. Nancy và các chị em gái của cô ấy cũng sẽ có mặt ở đó - cả mẹ cậu nữa, cậu cho là vậy - và họ sẽ sống chung trong một ngôi nhà xinh đẹp giữa vùng đồng quê xanh ngát bao quanh London và ăn bánh ngọt mỗi ngày. Thực ra, đó chính là cuộc sống thực của cậu.

Đến lượt mình, Kibbo Kift lại sinh ra một phong trào ly khai, đó là Người Đi Rừng, một tổ chức ít kỳ dị hơn, nhưng lúc đó Teddy đã xoay sở né tránh tất cả những hội nhóm như vậy. Ở trường, cậu tham gia Đơn vị Huấn luyện Sĩ quan^[25] và tận hưởng sự vắng bóng của chủ nghĩa hòa bình. Suy cho cùng, cậu là một chàng trai. Cậu sẽ ngạc nhiên nếu biết rằng khi cậu sáu mươi tuổi, khi các cháu của cậu đến sống với cậu ở York, cậu sẽ dành vài tháng để tới lui lui hội trường lạnh lẽo của một nhà thờ để Bertie và Sunny có thể tham dự cuộc họp hàng tuần của một nhóm thuộc tổ chức Người Đi Rừng mà chúng là thành viên. Teddy nghĩ có lẽ sự tham gia liên tục như thế sẽ tốt cho các cháu, đó là điều mà Viola, mẹ chúng, chẳng mấy khi đem lại được cho chúng. Teddy nhìn chăm chăm vào khuôn mặt ngây thơ của các cháu trong lúc chúng ê a những lời lẽ đầy lạc quan theo “tín điều” của hội vào lúc bắt đầu cuộc họp - “Chúng ta sẽ ngợi ca sự kiến tạo một thế giới mới.”

Teddy thậm chí còn đi cắm trại với chúng và được người trưởng nhóm khen ngợi về “kỹ năng đi rừng” của mình. Mặc dù người trưởng nhóm ấy còn trẻ, to lớn và da đen nhưng cô ấy vẫn khiến Teddy nhớ đến bà Shawcross. “Bác đã học được kỹ năng đó hồi tham gia hội Hướng đạo.” Teddy nói. Cho dù bao năm trôi qua, Teddy vẫn sẽ không sẵn sàng thừa nhận rằng mình học được thứ gì từ Kibbo Kift.

*

Sylvie trả tiền cho tài xế tắc xi và người gác cổng khách sạn mở cửa xe, lẩm nhẩm: “Mời bà.” Bà ngập ngừng trên vỉa hè. Một người gác cổng khác đã mở cửa khách sạn cho bà. “Mời bà.” Anh ta lại nói.

Bà chậm chậm tiến lại gần hơn tới ngoại tình. “Mời bà!” Người gác cổng lại nói, vẫn giữ cửa, lúng túng vì sự chậm chạp của bà.

Khách sạn đang vẫy tay mời gọi bà. Bà có thể nhìn thấy những sắc màu lộng lẫy của tiền sảnh, hứa hẹn sự xa hoa. Bà tưởng tượng ra rượu sâm banh lỏng lánh trong cái ly Bohemian chạm khắc tinh xảo, rồi gan ngỗng, chim trĩ. Ánh đèn mờ trong phòng, chiếc giường với ga trải giường được hồ cứng. Hai gò má bà đỏ ửng. Ông đang đợi bà ở bên trong, phía bên kia cánh cửa. Có lẽ ông đã nhìn thấy bà, có lẽ ông đang đứng dậy để tới đón bà. Bà lại chần chừ, cân đo đong đếm những gì bà sắp sửa nhận được với những gì bà sắp sửa vứt bỏ. Hoặc - có lẽ đây là một kết quả tồi tệ hơn -

mọi thứ vẫn sẽ giữ nguyên như cũ. Và rồi bà nghĩ tới các con, nghĩ tới Teddy, đứa con trai tuyệt vời nhất của bà. Bà có nên mạo hiểm đánh đổi cuộc sống được là mẹ của cậu để nhận lấy một cuộc phiêu lưu tình ái? Một nỗi kinh hoàng lạnh lẽo ập tới, dập tắt những ngọn lửa tội lỗi. Vì đây chính là tội lỗi, bà nghĩ, đừng mắc sai lầm. Chẳng cần đến một vị Chúa người ta cũng biết thế nào là tội lỗi (Sylvie vốn là một người vô thần thâm kín).

Bà khó nhọc lấy lại bình tĩnh và nói với người gác cổng với vẻ khá kiêu kỳ: “Ồ, rất xin lỗi. Tôi vừa nhớ ra là mình có một cuộc hẹn ở nơi khác.”

Bà chạy trốn, bước hồi hải, đầu ngẩng cao, như một người phụ nữ chủ định đến một nơi đứng đắn, văn minh - một ủy ban từ thiện, thậm chí một cuộc họp chính trị, bất cứ thứ gì trừ một cuộc hẹn với tình nhân.

Một buổi hòa nhạc! Lối vào sáng rực ánh đèn ở Phòng hòa nhạc Wigmore xuất hiện trước mặt bà - một cái đèn hiệu ấm áp, một bến cảng an toàn. Tiếng nhạc nổi lên gần như ngay lập tức, một trong những bản tứ tấu Haydn^[26] của Mozart, *Cuộc đi săn*. Phù hợp làm sao, bà nghĩ. Bà đã là con hươu, còn ông là thợ săn. Nhưng bây giờ con hươu đã thoải mái cao chạy xa bay. Có lẽ cũng không thoải mái lắm, vì bà đang ngồi ở một chỗ khá tệ cuối phòng hòa nhạc, bị chèn ép giữa một cậu thanh niên ăn mặc hơi xoàng xĩnh và một bà cụ. Nhưng người ta luôn phải trả một cái giá để được tự do, không đúng sao?

Trước kia bà rất hay đi xem hòa nhạc với cha mình và đã quá quen thuộc với tứ tấu Haydn, nhưng vì vẫn còn bối rối

bởi cuộc chạy trốn trong gang tấc vừa rồi nên bà chẳng có tâm trạng đâu mà nghe nhạc của Mozart. Sylvie biết chơi piano nhưng dạo này bà thường tránh tham gia những buổi độc tấu, chúng khiến bà nhớ đến quay quắt cái cuộc sống mà đáng lẽ bà đã có được. Hồi bà còn nhỏ, giáo viên của bà đã nói với bà rằng bà có thể tiến bộ đến mức có thể “biểu diễn ở phòng hòa nhạc”, nếu bà học tập nghiêm túc, nhưng rồi sau đó, dĩ nhiên, vụ vỡ nợ xảy ra, gia cảnh sa sút, cây đàn Bechstein của bà bị lôi đi xềnh xệch và bị bán mất. Điều đầu tiên mà bà làm khi chuyển đến Góc Cáo là mua một cây đàn Bosendorfer, đó chính là món quà cưới Hugh dành tặng bà. Một niềm an ủi lớn trong cuộc hôn nhân của bà.

*

Sau giờ giải lao là đến bản *Nghịch âm*. Khi những giai điệu mở đầu gần như lặng lẽ cất lên, bà thấy mình đang khóc thầm. Bà cụp bên cạnh đưa cho bà một chiếc khăn tay (sạch sẽ và được là phẳng, ơn Chúa) để lau nước mắt. Sylvie mấp máy môi cảm ơn bà ấy. Cuộc trao đổi không lời này giúp tinh thần bà khá hơn một chút. Vào cuối buổi hòa nhạc, bà cụp khẳng khẳng bảo Sylvie cứ giữ lấy chiếc khăn tay. Chàng thanh niên ăn mặc xoàng xĩnh ngỏ ý đưa bà tới một chiếc tắc xi. Những người lạ mới tử tế làm sao, bà nghĩ. Bà lịch sự từ chối chàng thanh niên rồi sau đó lại hối hận vì trong tâm trạng bối rối, bà đã rẽ nhầm ở đường Wigmore, rồi lại rẽ nhầm một lần nữa và thấy mình đang ở một khu

vực không được an toàn lắm, trên người chỉ có duy nhất một cái ghim cài mũ để tự vệ.

Bà đã từng coi London là nhà, nhưng bây giờ nó lại là một thành phố xa lạ với bà. Một nơi kinh hoàng, bản thủ giống như trong ác mộng, vậy mà bà lại sẵn lòng hạ cánh xuống tầng địa ngục này. Hẳn là bà bị điên rồi. Tất cả những gì bà muốn là trở về nhà, vậy mà bà vẫn đang ở đây, lang thang qua các con phố như một kẻ mất trí. Khi bà cuối cùng cũng tìm được đường trở lại con phố Oxford nhộn nhịp rực rỡ ánh đèn, bà đã òa khóc vì nhẹ nhõm. Sau một chuyến tắc xi, bà đã ngồi nghiêm trang trên một băng ghế ở sân ga, như thể đang về nhà sau một chuyến đi mua sắm và ăn trưa với bạn bè.

*

“Chúa ơi!” Hugh nói. “Anh cứ tưởng em là kẻ trộm. Em nói sẽ qua đêm trên thành phố cơ mà.”

“Ồ, ở đó chán chết đi được.” Sylvie nói. “Em đã quyết định thà về nhà còn hơn. Ông trưởng ga Wilson đã cho em đi nhờ trong chiếc xe xập xệ của ông ấy.”

Hugh chăm chú nhìn khuôn mặt đỏ bừng của vợ mình, ánh mắt bà hoang dại như ánh mắt của một con ngựa đua bị vắt kiệt sức. Bà Shawcross, trái lại, giống một con ngựa cày Dobbin tuy không ưu tú bằng nhưng lại thân thiện hơn. Theo ý Hugh, đôi khi điều đó lại khiến người ta ưa chuộng. Ông hôn nhẹ lên má Sylvie và nói: “Anh rất tiếc vì những kẻ

hoạch của em cho buổi tối nay không thành hiện thực, nhưng anh rất vui vì có em ở nhà.”

*

Khi Sylvie ngồi trước gương, gỡ búi tóc ra, một nỗi thất vọng phủ xuống bà. Bà đã là một kẻ hèn nhát và bây giờ bà bị xiềng xích trong cuộc đời này mãi mãi. Hugh tiến tới từ đằng sau bà và đặt tay lên vai bà. “Đẹp quá!” Ông lẩm bẩm, vuốt tóc bà. Bà phải kìm nén ý muốn rút người lại tránh ông. “Lên giường thôi, nhé?” Ông nói, trông có vẻ tràn đầy hy vọng.

“Lên giường thôi.” Bà rạng rỡ đồng ý.

*

Nhưng không chỉ riêng con chim đó thôi, đúng không? Teddy ngẫm nghĩ khi cậu nằm trên giường, đợi giấc ngủ đến, nhưng nó mãi chưa tới bởi cậu cứ nghĩ vơ vẩn. Không chỉ riêng con chim chiến chiến bị Izzie tước đi sinh mạng và tiếng hót. (*Tộp một miếng.*) Còn biết bao thế hệ sau của nó sẽ không bao giờ được sinh ra. Biết bao tiếng hót tuyệt vời sẽ không bao giờ được cất lên. Sau này, cậu sẽ học được từ “lũy thừa”, và tiếp đó là từ “bội phân”, nhưng bây giờ trước mắt cậu chỉ là hình ảnh một đàn chim cứ càng ngày càng đông dần lên, biến mất vào một tương lai sẽ không bao giờ tồn tại.

Trên đường về giường đi ngủ, Ursula ngó vào phòng cậu và thấy cậu còn thức, đang đọc cuốn *Hướng đạo cho trẻ em nam*. “Không ngủ được à?” Cô nói với sự đồng cảm tự nhiên của một người cùng mắc chứng mất ngủ. Tình cảm Teddy dành cho chị gái cũng chân thành và thuần khiết như tình cảm cậu dành cho Trixie vậy. Trixie đang nằm ở chân giường, rên khe khẽ trong giấc ngủ. “Chị cho là vì lũ thỏ.” Ursula nói.

Ursula thở dài. Cô mười lăm tuổi và có xu hướng bi quan. Mặc dù mẹ họ sẽ kịch liệt phủ nhận, nhưng đó cũng là tính cách của bà. Chị cậu ngồi lên giường cậu và đọc to: “Luôn sẵn sàng với áo giáp mặc trên người, trừ khi bạn đang nghỉ ngơi vào ban đêm.” (Có lẽ đây chính là “chiếc áo giáp lễ phép” của mẹ, Teddy nghĩ.) “Chị cho rằng đây là một phép ẩn dụ.” Ursula nói. “Làm sao mà các hiệp sĩ có thể mặc áo giáp suốt cả ngày dài được chứ! Mỗi khi nghĩ đến các hiệp sĩ, chị lại nghĩ đến nhân vật Người Thiếc trong truyện *Phù thủy xứ Oz*.” Đó là một cuốn sách mà cả hai chị em họ đều thích nhưng Teddy ước gì chị cậu đừng nhét hình ảnh đó vào đầu cậu, những gì cậu đã đọc trong *Những thi khúc về Quân vương* và *Cái chết của Vua Arthur* lập tức tan thành mây khói.

Một con cú kêu lên một tiếng to tướng, gần như hung hăng. “Nghe tiếng kêu thì hình như nó đang ở trên mái nhà.” Teddy nói. Họ cùng nhau lắng nghe một lúc.

“Thôi, chúc em ngủ ngon.” Cuối cùng, Ursula nói. Cô hôn lên trán cậu.

“Chúc chị ngủ ngon.” Cậu nói, nhét cuốn *Hướng đạo cho trẻ em nam* xuống dưới gối. Mặc kệ con cú vẫn đang tiếp tục cất lên khúc hát ru góm ghiếc, cậu chìm sâu vào giấc ngủ ngây thơ của những kẻ lạc quan.

Những cuộc phiêu lưu của Augustus

- Những hậu quả khủng khiếp -

Việc đó ban đầu vốn vô hại, ít nhất là theo ý kiến của Augustus.

“Việc nào ban đầu chẳng vô hại.” Ông Swift thở dài, mặc dù ông ngờ rằng định nghĩa của Augustus về sự vô hại không giống với những người khác.

“Nhưng đó không phải là lỗi của con!” Augustus kịch liệt phản đối.

“Điều đó sẽ được ghi lại trên bia mộ của con, con yêu.” Bà Swift nói, ngẩng đầu lên khỏi chiếc tất mà bà đang mạng. Khởi cần nói cũng biết đó là một trong những chiếc tất của Augustus. (“Nó làm gì với chúng vậy?” Bà thường băn khoăn tự hỏi.)

“Dù sao đi nữa, làm sao con biết chuyện gì sẽ xảy ra chứ?” Augustus nói.

“Chẳng có hành động nào là không gây ra hậu quả.” Cha Augustus nói. “Chỉ có kẻ thiển cận mới không cân nhắc đến các hậu quả.” Ông Swift là một luật sư và ông thường dành cả ngày ở tòa án để truy tố kẻ phạm tội, tận hưởng thế trận giằng co chao qua đảo lại của cuộc chiến trong phòng xử án. Cuộc sống ở tòa án đã tràn một phần nào sang cuộc

sống riêng tư của ông, và con trai ông nghĩ rằng điều đó sẽ đặt cha mình vào thế bất lợi.

“Con vô tội cho đến khi nào được chứng minh là có tội.” Augustus lẩm bẩm.

“Con đã bị bắt quả tang với đôi bàn tay màu đỏ^[27].” Ông Swift ôn tồn nói. “Chẳng phải đó là bằng chứng về tội lỗi của con sao?”

“Tay con có đỏ đâu.” Augustus phản nộ nói. “Và, dù sao đi nữa, thùng sơn ấy màu xanh lá cây mà. Thừa ngài.” Cậu nghiêm trang nói thêm.

“Ôi làm ơn đi!” Bà Swift lẩm bẩm. “Hai người đang tặng tôi cơn đau đầu đấy.”

“Sao con có thể tặng mẹ cơn đau đầu được?” Cậu hỏi, cảm thấy bị tổn thương bởi lời buộc tội này. “Để tặng mẹ cơn đau đầu, con phải có cơn đau đầu trước đã. Ta không thể tặng ai thứ gì mà ta không có. Mà con có bị đau đầu đâu. Vĩ lẽ đó...” Cậu nghiêm cần nói, lôi cái từ trang trọng ấy ra từ một góc kiến thức xa xôi nào đó. “... Không thể nói là con tặng mẹ cơn đau đầu được.” Cơn đau đầu của bà Swift càng tồi tệ hơn bởi tràng lý luận này. Bà phẩy tay với con trai như thể đang cố xua đuổi một con ruồi cực kì phiền phức và quay trở lại với việc mạng tất. “Thì thoảng...” Bà lẩm bẩm. “... Mẹ tự hỏi mẹ đã làm gì xúc phạm đến các vị thần.”

Augustus, trái lại, cảm thấy khá hài lòng với bản thân mình. Cậu đang bào chữa đầy khí thế. Cậu là một bị cáo vô tội đang đấu tranh vì quyền lợi của mình. Chị gái cậu - Phyllis - một “nữ học giả” (theo lời mẹ cậu) luôn diễn thuyết

về “quyền lợi của dân thường”. Và mình đây, Augustus nghĩ, mình cũng là dân thường như họ. “Con có quyền, mẹ biết đấy.” Cậu hăng hái nói. “Con đã bị bạc đãi.” Cậu hùng hồn nói thêm. Cậu đã nghe anh trai Lionel (“Một kẻ hợm hĩnh.” Theo lời Phyllis) nói ra điều này khi đang “trồng cây si” một cô gái.

“Ôi, vì Chúa!” Cha cậu nói. “Con đâu phải là Edmond Dantès^[28] chứ.”

“Đó là ai ạ?”

“Dường như con không bao giờ suy nghĩ.” Cha cậu nói. “Bất cứ ai dù chỉ có một chút xú lý trí thôi cũng có thể đoán được chuyện gì sẽ xảy ra.”

“Lúc đó con đang nghĩ là con muốn xem ở ngoài kia có thứ gì.” Augustus nói.

“Ôi chà, câu nói đó đã được thốt ra bao nhiêu lần để biện bạch cho một thảm họa?” Ông Swift chẳng nói với riêng ai.

“Vậy ở ngoài kia có thứ gì?” Bà Swift hỏi, không nén nổi lòng hiếu kỳ.

“À!” Augustus nói, đẩy cái kệ lê từ khoang miệng bên này sang khoang miệng bên kia để cho mình thời gian cân nhắc ngẫm nghĩ.

“Có khi nào đó là mái tóc giả của bà Brewster chẳng?” Ông Swift hỏi bằng giọng điệu mà ông sử dụng trong phòng xử án, ám chỉ rằng ông đã biết câu trả lời.

“Làm sao con biết bà ấy đội tóc giả chứ? Nó có thể là bất cứ bộ tóc giả cũ nào! Chỉ là một bộ tóc giả bị vứt lung tung

thôi. Và làm sao con biết bà Brewster bị hói chứ? Bố đội tóc giả nhưng bố không hói."

"Ở tòa án. Bố đội tóc giả ở tòa án." Ông Swift phẫn nộ nói.

"Mẹ không nghĩ là con biết con chó đã tha bộ tóc giả đó đi đâu, đúng không?" Bà Swift hỏi con trai.

Jock, lấm lem vết sơn xanh và kêu ăng ẳng đầy phần khích, đã lựa chọn đúng khoảnh khắc ấy để bước vào phòng và bà Swift...

*

"Ôi Chúa ơi!" Teddy rên rỉ, thả cuốn sách xuống sàn nhà.

*Izzie đã đánh cắp cuộc đời cậu. Sao cô ấy có thể làm vậy chứ? (Vụ thùng sơn ấy thực chất không phải là lỗi của cậu.) Cô đã lấy cuộc đời cậu rồi bóp méo nó đi và biến cậu thành một thằng bé hoàn toàn khác, một thằng bé ngu ngốc, có những cuộc phiêu lưu ngớ ngẩn. Với một con chó vô cùng, vô cùng, vô cùng dần độn - đó là một con chó sục vùng cao nguyên phía Tây có khuôn mặt choắt và đôi mắt tròn xoe đen láy. Cuốn sách còn có tranh minh họa khiến mọi thứ càng tồi tệ hơn nhiều. Augustus là một cậu học sinh nghịch ngợm, lôi thôi lệch thếch, suốt ngày đội mũ sùm sụp, tóc tai xõa lòa xòa xuống mắt, và luôn có một cây súng cao su thò ra từ túi quần. Cuốn sách có bìa màu xanh lá cây với chữ màu vàng kim, và trên mặt trước của nó viết *Những cuộc phiêu lưu của Augustus*, tác giả Delphie Fox, hình như đây là "bút danh" của Izzie. Ở bên trong có một lời đề tựa:*

*“Dành tặng cháu trai tôi, Teddy. Augustus thân yêu của tôi.
“Vớ vẩn!*

Điều khiến cậu khó chịu hơn hết chính là con chó sục. Không phải là cô miêu tả sai về con chó, mà là nó gợi cho cậu nhớ đến mất mát khủng khiếp của cậu, vì Trixie đã chết ngay trước lễ Giáng sinh. Teddy chưa bao giờ nghĩ đến chuyện nó sẽ chết trước cậu, vì thế cậu vừa bàng hoàng vừa đau lòng. Khi cậu về nhà sau học kỳ đầu tiên ở trường nội trú, cậu thấy nó đã chết và được chôn bên cạnh Bosun dưới những gốc táo.

“Bố mẹ đã cố giúp nó cầm cự cho đến lúc con về, con trai.” Hugh nói. “Nhưng nó không thể gắng gượng được nữa.”

Teddy nghĩ cậu sẽ không bao giờ vượt qua được nỗi mất mát này, và có lẽ cậu không bao giờ làm được, nhưng sau khi *Những cuộc phiêu lưu của Augustus* xuất bản được vài tuần, Izzie xuất hiện với một món quà khác, một con chó con nhỏ xíu thuộc giống chó sục vùng cao nguyên miền Tây với cái tên “Jock” được khắc trên chiếc cổ đeo đất tiền của nó. Teddy đã rất cố gắng để không thích nó, vì đó không chỉ là sự phản bội tình yêu dành cho Trixie, mà còn là dấu hiệu cho thấy cậu đã chấp nhận việc làm khủng khiếp của Izzie là tiểu thuyết hóa cuộc đời cậu. Nhưng dĩ nhiên, việc không thích con chó là điều bất khả thi, và chẳng mấy chốc con chó nhỏ đã tìm được đường chui sâu vào những góc ngách trong trái tim cậu.

Tuy nhiên, Augustus sẽ quấy rầy cậu bằng cách này hay cách khác trong suốt quãng đời còn lại của cậu.

Ursula vào phòng, nhặt cuốn sách trên sàn lên và bắt đầu đọc to: *““Chẳng phải đó là Augustus sao?” Cô Slee thì thầm vào tai ông Swift. Tiếng thì thầm rất to, đủ khiến cho những người ngồi xung quanh quay lại nhìn chăm chú.””*

*

Thứ gì đã tạo nên Teddy? Đúng là không phải sên trần và Ốc sên, mà là tinh hoa được chắt lọc từ hết thế hệ này đến thế hệ khác của nhà Beresford và nhà Todd, sau cùng kết hợp lại trên một cái giường lạnh lẽo trong bầu không khí buốt giá của một đêm thu, khi cha cậu nắm chặt bím tóc vàng của mẹ cậu và không chịu buông ra cho đến khi ông đưa cả hai người họ tới bờ biển xa xăm (họ có rất nhiều uyển ngữ để gọi hành động đó). Khi họ nằm giữa chiếc giường hôn nhân lộn xộn, họ đều có chút ngơ ngẩn bởi sự nồng nhiệt bất ngờ của đối phương. Hugh hăng giọng và thì thầm: “Một chuyến hành trình xuống lòng đại dương sâu thẳm, đúng không?” Sylvie không nói gì vì bà cảm thấy phép ẩn dụ liên quan đến việc đi biển đã bị lạm dụng quá mức.

Nhưng hạt cát đã chui được vào trong vỏ (phép ẩn dụ của chính Sylvie), và viên ngọc trai Edward Beresford Todd bắt đầu lớn dần lên cho đến khi cậu chui ra dưới ánh mặt trời trước khi cuộc Đại Chiến xảy ra, bình yên nằm hàng tiếng đồng hồ trên cái xe đẩy với duy nhất một con thỏ rừng bằng bạc treo toòng teng trên mui xe làm bầu bạn.

Mẹ cậu giống như một con sư tử cái vĩ đại nhẹ nhàng bước đi quanh nhà, che chở cho tất cả bọn họ. Cha cậu giống như một bí ẩn, ban ngày luôn biến mất vào một thế giới khác (“Ngân hàng”), rồi thỉnh thoảng đi tới một thế giới còn rộng lớn và xa xôi hơn (“Cuộc chiến”). Các chị của cậu rất yêu quý cậu, luôn đung đưa, tung hứng và hôn hít cậu. Anh trai cậu đang đi học xa nhà và đã rèn luyện được sự khắc kỷ cần thiết, anh thường chế nhạo cậu mỗi khi anh về nhà vào những kỳ nghỉ. Mẹ cậu thường áp má vào má cậu và thì thầm “Trong số tất cả các con, con là đứa mẹ cưng nhất”. Cậu biết điều này là thật và cảm thấy áy náy với các anh chị. (Quả là nhẹ nhõm khi cuối cùng cũng biết tình yêu là gì, Sylvie nghĩ.)

Họ đều hạnh phúc, ít nhất thì cậu cũng chắc chắn điều này. Sau đó, cậu nhận ra mọi chuyện không bao giờ đơn giản như thế. Hạnh phúc, giống như cuộc sống, mong manh như nhịp tim của một chú chim, sớm nở tối tàn như những bông hoa chuông xanh trong rừng, nhưng khi nó tồn tại, Góc Cáo chính là một giấc mộng êm đềm, yên ả.

1980

Những đứa con của Adam

“Mẹ ơi, con đói.”

Viola đang mãi nhìn ra biển nên chẳng nghe thấy lời kêu ca ấy. Lúc đó đã là xế chiều của một ngày nóng như đổ lửa. “Một ngày ở biển!” Dominic đã hồ hởi tuyên bố vào sáng hôm đó. Hồ hởi quá mức, như thể việc đi ra biển có thể làm biến đổi cuộc đời họ theo một cách mơ hồ nào đó. Hầu như không ngày nào là anh ta không nghĩ ra ý tưởng thú vị này hay ý tưởng thú vị nọ, phần lớn trong số đó đều sẽ khiến Viola mệt mỏi hơi tai. (“Cháu thề rằng hôm nào Dominic cũng nghĩ ra được sáu điều bất khả thi trước bữa sáng!” Dorothy cất tiếng cười thán phục, như thể đó là một điều tốt.) Theo Viola, thế giới sẽ tốt hơn biết bao nếu không có quá nhiều ý tưởng. Cô hai mươi tám tuổi nhưng đã rệu rã quá mức. Hai mươi tám có vẻ là cái tuổi cực kì bất mãn. Cô không còn trẻ nhưng dường như chẳng có ai thực sự coi cô là một người trưởng thành. Lúc nào người ta cũng bảo cô phải làm thế này thế nọ, điều đó mới đáng bực làm sao! Cô dường như chỉ có quyền lực với các con, nhưng ngay cả cái quyền lực ấy cũng bị giới hạn bởi vô số cuộc đàm phán bất tận.

Họ đã mượn chiếc xe bán tải của Dorothy cho cuộc hành trình dài năm dặm này và nó bị hỏng (chẳng có gì đáng ngạc nhiên) khi còn cách bãi biển một dặm.

Một người lái ô tô đi ngang qua, đó là một ông lão trông khá hom hem đang điều khiển một chiếc xe hơi Morris Minor cũ kĩ. Ông đã dừng lại, làm một thao tác đơn giản dưới mui xe và - a lê hấp - chiếc xe bán tải đã được sửa xong. Vị cứu tinh của họ là một người nông dân địa phương, một trong những người hàng xóm của họ, và cả ông ta lẫn chiếc Morris Minor đều khỏe khoắn hơn vẻ bề ngoài. Chỉ có lũ trẻ nhận ra ông ta nhưng chúng không tỏ dấu hiệu gì, chúng đang choáng váng vì quá nóng nực và rầu rĩ khi chiếc xe bán tải của Dorothy bị hỏng lần thứ ba trong tháng.

“Cậu vẫn cần đưa nó đến một xưởng sửa chữa.” Ông nông dân nói với họ. “Những gì tôi làm chỉ là tạm thời thôi.”

Dominic thốt lên một câu triết lý: “Ôi dào, *tất cả mọi thứ* đều chỉ là tạm thời.”

Trong đầu ông nông dân hiện lên hình ảnh những ngọn núi sừng sững không thể di dời và những ngôi sao di chuyển tuần hoàn trên bầu trời, chưa kể khuôn mặt của Chúa, nhưng ông không muốn tranh cãi. Ông ngẩn ngơ bởi lũ trẻ lôi thôi lếch thếch (phản phát bóng dáng của những người nghèo thời Nữ hoàng Victoria) đang ngồi rầu rĩ bên vệ đường cùng với mẹ chúng, trông cô giống như Đức mẹ Đồng trinh trẻ tuổi đầu bù tóc rối trong bộ đồ có vẻ vừa được lôi ra từ một cái rương quần áo.

Cô đã vội vội vàng vàng mặc lên người bộ trang phục nhái dân gypsy - khăn quấn đầu kiểu nông dân, đôi boots DM, váy nhung dài, áo jacket thuê kiểu Anh Địch đánh những mảnh gương nhỏ xíu - mà không nghĩ đến cái thực tế rằng họ sẽ tới một bãi biển trong thời tiết nóng bức và trời sẽ càng lúc càng nóng bức hơn nữa. Cô đã sắp xếp ngựa ngựa thu thập mọi thứ cần thiết cho chuyến xuất hành này - thức ăn, nước uống, khăn tắm, đồ bơi, rồi lại thêm thức ăn, thêm khăn tắm, đổi bộ quần áo này lấy bộ quần áo khác, xô, xẻng, lại thêm thức ăn, thêm quần áo, lưới đánh cá, một quả bóng nhỏ, thêm đồ uống, một quả bóng to, kem chống nắng, mũ, những miếng vải flannel ướt được vắt và nhét vào trong một cái túi bóng, một tấm thảm để trải ra ngồi - thế nên cô chỉ đơn giản khoác lên người bộ quần áo đầu tiên mà cô có thể tìm thấy.

“Chúc một ngày tốt lành.” Ông lão nói, nghiêng chiếc mũ vải tuyết với Viola.

“Ngày hôm nay có thể tốt lành được sao?” Cô nói.

Trong lúc đó, người chủ gia đình chẳng biết gì về máy móc đang hành động như một thằng ngốc, anh ta cứ nhảy nhót loang quanh trên đường như một chú hề. Anh ta đang mặc một cái áo phông màu loang và chiếc quần jean vá chằng vá chịt, ngay cả ở những chỗ không cần vá, Viola rất ghét chiếc quần này vì cô chính là người phải làm cái việc khâu vá ấy. Ngay đến ông nông dân cũng cảm nhận được phong cách của cả gia đình họ đã lỗi thời đến vô phương cứu chữa. Ông đã nhìn thấy bộ mặt của cái tương lai nổi loạn này - các thanh niên địa phương diễu hành ở vùng

ngoại ô, quần áo te tua rách rưới, xỏ khuyên và cài kim băng, bám sát gót họ là những đứa trẻ vị thành niên theo chủ nghĩa khoái lạc hóa trang thành cướp biển, những kẻ ngoài vòng pháp luật và những người thuộc phe Bảo hoàng trong cuộc Nội chiến. Khi ông nông dân ở độ tuổi của họ, ông đã ăn mặc như cha mình và chưa bao giờ phải đắn đo về chuyện đó.

“Chúng tôi là những đứa con của thập niên sáu mươi.” Viola thường nói vậy trong những năm sau này, như thể điều đó khiến cô trở nên thú vị hơn. “Những đứa con của hoa^[29]!” Mặc dù khi thập niên sáu mươi kết thúc, Viola vẫn còn mặc bộ đồng phục màu xám của trường Quaker^[30], và thi thoảng lắm mới đội lên đầu vòng hoa cúc đầy vẻ trẻ con mà cô bện từ những bông hoa bứt ở rìa sân bóng vọt của trường.

Cô châm một điếu thuốc cuộn mỏng manh và rầu rĩ ngẫm nghĩ về nghiệp chương dường như đang bám lấy số mệnh của cô. Cô rút mạnh một hơi thuốc lá rồi hếch cằm lên để khỏi phải xuống đầu bọn trẻ, ra vẻ rằng mình là một bà mẹ có trách nhiệm. Khi Viola mang thai lần đầu (đứa bé trong bụng cô lúc đó là Sunny), cô đã không biết thiên chức làm mẹ sẽ đòi hỏi ở cô những gì trong tương lai. Cô không chắc mình từng nhìn thấy một đứa trẻ, nói gì đến việc bế ẵm nó, và hình dung rằng việc đó sẽ giống như nuôi một con mèo hay cún lắm là một con chó con. (Hóa ra nó chẳng giống cả hai điều đó.) “Quán tính” là lời biện minh duy nhất của cô khi một năm sau, cô lại thấy mình mang thai, đứa trẻ lần này là Bertie.

“Đúng là vị cứu tinh của chúng tôi!” Dominic cười toe toét khi động cơ kêu lên khùng khục. Anh ta quỳ xuống trước mặt ông nông dân, hai bàn tay chắp lại cao quá đầu trong tư thế vái lạy và dập đầu xuống mặt đường trải đá rậm. Viola tự hỏi phải chăng anh ta đã dùng LSD^[31] - không phải lúc nào cũng dễ dàng nhận ra điều đó vì cuộc sống của anh ta giống như một chuyến phiêu du dài bất tận, khi thì hưng phấn, như lơ lửng trên chín tầng mây, lúc lại trầm lắng như vừa rơi xuống đáy vực thẳm.

Chỉ đến khi giai đoạn này của cuộc đời cô kết thúc, Viola mới nhận ra rằng anh ta là một người mắc chứng rối loạn lưỡng cực. Thuật ngữ “lưỡng cực” xuất hiện quá muộn đối với Dominic. Lúc đó anh ta đã chết rồi. “Đi bộ trước mặt một đoàn tàu có thể gây ra cái chết cho ta.” Viola cọt nhả nói với nhóm nhạc công nữ chuyên chơi trống ở Leeds, nơi cô đang nghiên cứu về chủ đề “nữ quyền thời kỳ hậu phản văn hóa” để lấy tấm bằng thạc sĩ ngành Phụ nữ học theo một chương trình học bán thời gian. (“Hả?” Teddy nói.) Miền Bắc ở thập niên tám mươi là môi trường thuận lợi cho sự nổi loạn.

“Một thằng gốc nhăn nhăn nhở nhở.” Ông nông dân kể với vợ khi về đến nhà. “Nhưng cũng có vẻ quý phái. Cứ tưởng người giàu phải khôn ngoan chứ.”

“Chẳng phải cứ giàu có là khôn ngoan đâu.” Bà vợ ông nông dân nói với vẻ từng trải.

“Tôi đã muốn mang cả nhà họ về đây, đãi họ một đĩa giấm bông với trứng và mời họ tắm nước nóng.”

“Chắc họ đến từ công xã.” Bà vợ nói. “Tội nghiệp bọn trẻ.” “Bọn trẻ” từng xuất hiện ở cửa nhà họ hồi mấy tuần trước. Lúc đầu, bà vợ ông nông dân tưởng chúng là dân gypsy đến để ăn xin nên đã định đuổi chúng đi, thế rồi bà nhận ra chúng là lũ trẻ sống ở trang trại bên cạnh. Bà đã mời chúng vào nhà, đãi chúng sữa với bánh, dạy chúng rải thức ăn cho ngỗng rồi dẫn chúng đi tham quan khu vắt sữa bò Red Devons.

“Tôi nghe nói họ hút ma túy và khóa thân nhảy nhót dưới ánh trăng.” Ông nông dân nói. (Đúng vậy, nhưng điều đó không thú vị như ta tưởng đâu.)

*

Trước lúc lái xe đi, ông nông dân không hề nhìn thấy Bertie. Cô bé vẫn đang ngồi bên vệ đường, lịch sự vẫy tay với cái đuôi xe Morris Minor đang rời xa.

Bertie ước gì ông ta mang theo mình về nhà. Cô bé từng nhìn trộm qua cánh cổng có năm thanh chắn và ngưỡng mộ những cánh đồng ngay hàng thẳng lối của ông ta - những con bò bóng mẩy và những con cừu trắng mịn như thể chúng vừa mới được tắm rửa. Cô bé cũng từng nhìn thấy ông nông dân đội chiếc mũ nỉ mềm tả tơi, ngồi trên cái máy kéo màu đỏ giống như trong truyện, rì rì lăn bánh xuôi ngược khắp những cánh đồng ngay hàng thẳng lối ấy.

Có một lần, khi không bị giám sát, cô bé và Sunny từng tha thẩn đi vào sân trại của họ. Bà vợ ông nông dân đã cho chúng ăn bánh, uống sữa và gọi chúng là “những đứa trẻ tội

nghiệp”. Bà ấy đã dẫn chúng đi xem những con bò màu đỏ to lớn đang được vắt sữa (quả là một điều kỳ diệu!), rồi chúng được uống sữa vẫn còn ấm ngay ở khu vắt sữa đó. Sau đó, bà vợ ông nông dân dẫn chúng đi cho ngỗng ăn, những con ngỗng trắng to lớn cứ kêu quàng quạc đầy kích động quanh chân Bertie và Sunny khiến chúng bật cười khanh khách. Mọi chuyện đã rất tuyệt vời cho đến khi Viola xuất hiện như một đám mây đen để đưa chúng về nhà và bộc phát chúng thở gấp khi nhìn thấy lũ ngỗng. Cô ghét ngỗng, vì một lý do bí ẩn nào đó.

Bertie đã nhanh tay nhặt được một chiếc lông ngỗng và mang nó về nhà để làm bùa may. Chuyến viếng thăm này giống như một câu chuyện cổ tích đối với cô bé, và cô bé luôn ước ao rằng mình có thể tìm được đường trở lại ngôi nhà trại kỳ diệu ấy. Hoặc được chở đến đó trong một chiếc Morris Minor cũ kỹ.

*

“Đói lắm rồi, mẹ ơi.”

“Con lúc nào chẳng đói.” Viola tươi tỉnh nói, cố gắng làm gương để chứng minh cho con trai thấy rằng không nhất thiết lúc nào cũng phải rên rỉ. “Thử nói lại mẹ nghe xem nào: “Mẹ ơi! con đói rồi ạ, mẹ có gì để ăn không ạ, *thưa mẹ?*” Ngài Lễ Độ sẽ nghĩ gì nào?”

Ngài Lễ Độ, cho dù ngài ta là ai, luôn bám sát cuộc sống của Sunny, đặc biệt là trong chuyện ăn uống.

Sunny lúc nào cũng kêu ca, Viola nghĩ, cái tên của thằng bé cứ như một biệt danh châm biếm vậy. Cô vẫn đang cố gắng giúp thằng bé có giọng điệu tươi vui hơn. “Con hãy rạng rỡ lên!” Cô thường nói, hoa tay múa chân và khuôn mặt tỏ ra vui vẻ quá mức. Hồi cô còn đi học trường Mount ở York, giáo viên kịch nghệ của họ thường làm điều này. Họ đã nghĩ đó là một ý tưởng kỳ quặc, nhưng bây giờ Viola có thể thấy được giá trị của việc tỏ ra vui vẻ ngay cả khi ta không muốn. Trước hết, ta có nhiều khả năng đạt được những gì ta muốn hơn. Thứ hai, mẹ ta sẽ không muốn bóp cổ ta sau mỗi năm phút. Tuy nhiên, thế không có nghĩa là cô tuân theo lời khuyên của giáo viên kịch nghệ kia. Đã lâu lắm rồi Viola không tỏ ra rạng rỡ. Nếu cô từng có khi nào làm vậy.

“Con *đói*.” Sunny kêu ca dữ dội hơn. Cậu có cái thói quen khủng khiếp là cắn răng khi tức giận. Cậu còn cắn người khi thực sự kích động. Viola vẫn co rúm lại vì kinh hãi khi nhớ đến chuyến viếng thăm cha cô ở miền Bắc vào năm ngoái nhân dịp sinh nhật Sunny. Chuyến đi ấy không có Dominic, đương nhiên, anh ta không làm những việc gì liên quan đến gia đình. “*Gia đình* ư?” Cha cô hỏi. “Nó không làm “những việc gì” liên quan đến gia đình ư? Nhưng nó có một gia đình đấy thôi. Con này. Các con của nó này. Chưa kể cha mẹ, anh chị em của nó.” Dominic bị cha mẹ mình “tù mặt”, đây là điều khiến Teddy lo lắng.

“Không, ý con là những việc truyền thống trong gia đình.” Viola nói. (Phải, Viola đang quá lạm dụng từ “gì” và nói năng quá vắn tắt). Nếu Dominic không phải là cha của

các con cô, chắc Viola đã ngưỡng mộ anh ta vì anh ta có thể dễ dàng phủi bỏ hết mọi trách nhiệm, với cái có là anh ta có quyền theo đuổi những ước mơ và thú vui của riêng mình.

Sunny đã cúi um lên lúc ông ngoại giúp cậu thổi nến trên bánh sinh nhật. Viola đã làm cái bánh ấy vào buổi sáng hôm đó trong căn bếp của cha mình, rồi xếp dòng chữ “Chúc mừng sinh nhật, Sunny” bằng những viên kẹo Smarties trên mặt bánh. Nhưng cô vụng về đến nỗi khiến cha cô tưởng rằng Bertie mới là người trang trí cái bánh.

“Khi nào chúng ta mới được ăn bánh vậy?” Sunny mè nheo. Cậu đã phải chịu đựng (tất cả bọn họ đều phải chịu đựng) món mì ống (làm từ bột chưa rây) kèm phô mát khó tiêu mà Viola đã làm. Đối với Sunny, món mì ống không phải dành cho ngày sinh nhật. Hơn nữa, đây là cái bánh *của cậu* mà.

“Ngài Lễ Độ sẽ không thích nghe giọng điệu đó đâu.” Viola nói.

Ngài Lễ Độ ấy là ai nhỉ? Teddy tự hỏi. Ông ta có vẻ đã tiếm quyền làm mẹ của Viola.

Viola cắt bánh và đặt một miếng trước mặt Sunny, cô chẳng hiểu tại sao thằng bé lại lao bắn về phía trước như một con rắn hổ lục và ngoạm vào cánh tay cô. Chẳng kịp nghĩ ngợi gì, cô dang tay tát thẳng vào mặt thằng bé. Cú sốc khiến thằng bé im bật, chỉ trong một giây mà như kéo dài bất tận, cả căn phòng nín thở, chờ đợi tiếng kêu gào đinh tai nhức óc vang lên. Như thường lệ.

“Hừ, nó cắn con *đau*.” Viola chống chế khi nhìn thấy vẻ mặt của cha mình.

“Thằng bé mới *năm* tuổi, vì Chúa, Viola.”

“Nó phải học cách tự kiểm soát bản thân.”

“Con cũng vậy.” Cha cô nói, bế Bertie lên như thể cô bé cũng cần được bảo vệ trước hành vi bạo lực của mẹ mình.

“Hừ, con mong đợi gì chứ?” Viola gắt gỏng với Sunny, che giấu nỗi xấu hổ và hối hận về hành vi đáng trách của mình. Tiếng gào gào đã biến thành tiếng rú, những giọt nước mắt đau đớn và buồn tủi nhoe nhoét trên khuôn mặt dính bánh kem sô cô la của Sunny. Cô cố gắng bế thằng bé, nhưng khi cô vừa choàng hai tay quanh người nó và nhắc nó lên, cơ thể nó liền gồng cứng lại khiến cô không thể nào giữ nổi nó. Khi cô đặt nó trở lại mặt đất, nó bắt đầu đá cô.

“Con không thể đá và cắn người khác mà không nghĩ đến hậu quả.” Viola nói, nghiêm khắc như một bà vú thời cổ, không để lộ chút dấu hiệu nào của mớ cảm xúc hỗn độn đang chiếm ngự trong lòng cô. Cô cảm thấy có một con quỷ đang quẩn quại bên trong cô. Con quỷ ấy thường nói qua đôi môi nhăn nheo của Bà Vú Nghiêm Khắc. Ông Lễ Độ rụt rè ngồi xuống đằng sau Bà Vú Nghiêm Khắc ấy.

“Có, con có thể!” Sunny rống lên.

“Không, con không thể.” Bà Vú Nghiêm Khắc điềm tĩnh nói. “Bởi vì một ông cảnh sát to lớn sẽ đến nhà và bắt con đi, tống con vào tù, nhốt con ở đó đến hết đời.”

“Viola!” Cha cô nói. “Vì Chúa, hãy kiềm chế! Nó còn nhỏ mà.” Ông giơ tay ra với Sunny và nói: “Nào, đi với ông đi, ông sẽ kiếm cho cháu một chiếc kẹo.”

Chẳng phải ông vẫn luôn là tiếng nói của lý trí sao? Hay đúng hơn là “Tiếng nói của Lý trí”, Viola thậm viết hoa biệt danh của cha mình như trong kinh *Cựu ước*. Cái Tiếng nói của Lý trí ấy vẫn luôn cần nhả sau lưng cô. Cô cố tình không thừa nhận rằng nó cũng là tiếng thì thầm lo lắng của chính lương tâm cô.

Khi chỉ còn lại một mình ở bàn, Viola bật khóc. Tại sao mọi chuyện luôn kết thúc như thế này? Và tại sao người có lỗi luôn là cô? Chưa từng có ai quan tâm đến cảm giác của cô, đúng không? Ví như chẳng ai làm bánh sinh nhật cho cô. Chẳng ai còn làm bánh sinh nhật cho cô nữa. Trước kia, cha cô vẫn làm bánh cho cô, nhưng cô đã không vui vẻ đón nhận những món quà ông tự tay làm, mà lại thêm loại bánh sinh nhật trong ô kính bày hàng của tiệm Terry’s hoặc Betty’s, hai tiệm bánh nằm đối diện nhau ở hai mặt của quảng trường St Helen, giống như một cặp đối thủ đang nghênh chiến.

Sau này, vào ngày sinh nhật lần thứ năm mươi, Viola tự đặt bánh cho mình ở tiệm Betty’s, khi ấy tiệm Terry’s đã rời khỏi “cuộc chiến” từ lâu. Dòng chữ “*Chúc mừng sinh nhật lần thứ năm mươi, Viola*” màu tím hoa cà mỏng manh uốn lượn trên nền kem màu trắng. Viola tự mua nó vì bất chấp những lời bóng gió xa gần của bà, Bertie đã không hiểu được tầm quan trọng của việc bà đã sống được một nửa thế kỷ. Khi ấy, Viola đã sống lâu hơn mẹ bà ba năm, nhưng đó không phải là cuộc đua tranh mà bà muốn thắng. Khi ấy, mẹ bà đã lùi vào quá vãng xa xăm. Càng quên lãng mẹ mình bao nhiêu, Viola càng nhớ mong bà bấy nhiêu.

Bà không nói với ai về chiếc bánh sinh nhật lần thứ năm mươi ấy và ăn hết một mình. Nó được để đến hàng tuần lễ mặc dù vào những ngày cuối cùng, nó đã rất chua. Viola tội nghiệp!

*

Cô nhặt tất cả những viên kẹo Smarties màu cam ra khỏi chiếc bánh của Sunny. Chúng được sản xuất trong một nhà máy ở phía bên kia thành phố - tất cả các viên kẹo, không chỉ riêng những viên kẹo màu cam. Viola từng đi tham quan nhà máy Rowntree's cùng trường học và nhìn thấy những màu sắc được trộn lẫn vào nhau trong thứ gì đó trông giống như máy trộn bê tông bằng đồng sáng loáng. Vào cuối chuyến tham quan, tất cả bọn họ đều được tặng một hộp sô cô la miễn phí. Hộp sô cô la của Viola chẳng bao giờ được ăn, bởi vì khi cô về đến nhà, cô đã ném nó vào cha cô. Cô không nhớ lý do tại sao. Có lẽ là vì ông không phải là mẹ cô.

Cô mang những cái đĩa bẩn vào bếp và bỏ chúng vào bồn rửa. Qua cửa sổ, cô thấy Sunny và Bertie đang ở trong vườn cùng ông ngoại, ông đang chỉ cho chúng xem những bông thủy tiên hoa vàng. ("Có đến hàng triệu bông hoa!" Sunny hồ hởi nói khi cậu chạy vào nhà.) Viola chăm chú nhìn các con, chúng đang quỳ gối giữa những bông hoa, khuôn mặt bừng lên ánh vàng. Chúng đang cười nói với cha cô. Cảnh tượng ấy khiến cô vô cùng buồn bã. Cô cảm thấy dường như mình đã sống ngoài lề hạnh phúc suốt cả cuộc đời.

*

“Đói!” Sunny gào lên với cô. Vẫn chăm chú nhìn ra biển như người gác ngọn hải đăng đang tìm kiếm một con tàu đắm, Viola quờ tay ra sau, thò vào trong ba lô và mò mẫm lục lọi trong đó một lúc trước khi lôi ra cái túi giấy đựng những chiếc sandwich còn thừa từ sáng - chúng được làm từ bột lúa mạch nhào chua và nhân là patê Tartex với dưa chuột héo. Sunny nổi khùng vì sự xuất hiện trở lại của món ăn chẳng chút hấp dẫn này. “Con không muốn thứ đó.” Cậu hét lên, ném trả chiếc sandwich cho cô. Cậu nhắm đích không chuẩn và một con chó Labrador tình cờ đi ngang qua đã tộp lấy chiếc bánh, nhai ngấu nghiến trong niềm ngạc nhiên thích thú.

“*Xin lỗi*, mẹ nghe không rõ?” Viola nói, giọng điệu cô chỉ ra rằng cô chẳng có ý xin lỗi chút nào.

“Con muốn thứ gì đó *ngon lành*.” Sunny nói. “Mẹ chẳng bao giờ cho chúng con thứ gì *ngon lành* cả.”

“Cứ đòi hỏi thiếu lễ phép thì chẳng bao giờ được.” Viola nói. (Điều này không đúng với con chó Labrador, Sunny nghĩ.) Dường như Bà Vú Nghiêm Khắc đã cùng đi với họ tới bãi biển. Viola đưa sandwich cho Bertie, cô bé vẫn đang mải mê đào một loạt những cái hố. Bertie nói “Cảm ơn mẹ” vì biết rằng sự lễ phép sẽ khiến mẹ dịu dàng với mình và cô bé thích điều đó. “Không có gì.” Viola nói. Sunny hăm hè trước màn kịch về sự lễ phép này, rõ ràng họ làm vậy chỉ để khiến cậu cảm thấy bề mặt. Giống như khi họ chơi trò Các gia đình hạnh phúc (cậu còn quá nhỏ nên chưa hiểu được

tính châm biếm của nó), *hể lần nào* ta không nói “ạ” và “cảm ơn”, ta sẽ mất Ông Chuột hoặc Bà Chim Cổ Đỏ, ngay cả khi ta chỉ đơn giản là *quên mất*. “Con ghét mẹ!” Cậu lăm bầm với Viola. Tại sao mẹ *không bao giờ* dịu dàng với cậu? “Dịu dàng” là lý tưởng của Sunny. Một ngày kia, vốn từ vựng về xã hội lý tưởng của cậu sẽ mở rộng hơn, nhưng bây giờ, cậu chỉ biết dùng từ “dịu dàng”. “Ghét lắm!” Cậu lại nói, với chính mình hơn là với mẹ cậu.

“La la la...” Viola nói. “Mẹ e rằng mẹ không thể nghe thấy lời con.”

Cậu hít sâu một hơi và hét to hết cỡ: “Con ghét mẹ!” Mọi người đều quay lại nhìn.

“Mẹ nghĩ có vài người ở ngoài biển không nghe thấy lời con đâu.” Viola nói với vẻ giả vờ điềm tĩnh khiến Sunny muốn phát điên. Thứ vũ khí mĩa mai lạnh lùng ấy là một mảnh khoe độc ác của mẹ cậu mà cậu không có cách nào chống đỡ được. Một cơn bão kéo đến trái tim đông giá của cậu. Cậu như chực nổ tung. Như thế mẹ cậu mới biết mùi.

Hãy nhượng bộ mẹ đi, Sunny, Bertie nghĩ. Anh không bao giờ thắng được đâu. Không bao giờ. Cô bé tiếp tục bình thản đào hố, một tay điều khiển cái xẻng nhỏ cán ngắn, tay kia cầm chiếc bánh sandwich mà cô bé không có ý định ăn. Sau khi lặng lẽ đào được một lúc, cô bé dịch mông sang bên cạnh và bắt đầu đào một cái hố khác, như thể cô bé đã dự tính một kế hoạch trong đầu, mặc dù kế hoạch ấy không nằm ngoài việc đào thật nhiều cái hố trước khi hết ngày.

Bertie được đặt tên thánh là “Moon” - không phải tên thánh, chỉ là “tên” thôi - trong một “nghĩ lễ đặt tên” do

Dorothy bày ra và tổ chức vào ban đêm trong khu rừng đằng sau nhà với sự có mặt của cả công xã. Viola trao đứa con mới sinh đang ngủ yên bình cho Dorothy. Bà ta giờ Bertie lên về phía mặt trăng như thể cô bé là một lễ vật. Trong một thoáng giây kinh ngạc, Viola đã tự hỏi phải chăng con gái cô sắp bị hiến tế. Dorothy nói Bertie có “đặc ân” là đứa trẻ đầu tiên sinh ra trong công xã. “Chúng tôi trao tương lai này cho người.” Bà ta nói với mặt trăng, nhưng mặt trăng vẫn đứng đưng với món quà này. Trời bắt đầu mưa, Bertie tỉnh giấc và òa khóc.

“Giờ thì chúng ta phải ăn mừng!” Dorothy tuyên bố khi họ đi vào trong nhà. Họ ăn dây nhau của đứa bé, đã được Jeanette rán lên với hành tây và mùi tây. Viola từ chối phần ăn của mình - cứ như là ăn thịt người vậy, cực kì đáng ghê tởm.

Và tên của các con cô quả thật là Sun và Moon^[32].

May thay, Bertie còn được đặt tên lót theo tên của cụ cô bé. “Moon Roberta ư?” Teddy nói, cố gắng giữ giọng bình thản khi được thông báo tin này trên điện thoại. “Nghe lạ quá!”

“Chà, bố cũng không muốn tên mình trùng với tên người khác, đúng không ạ?” Viola nói. “Đã có quá đủ Sophie và Sarah trên đời này rồi. Con muốn con bé có một cái tên nổi bật và khác biệt.” Teddy thì nghĩ ngược lại, nhưng ông giữ kín suy nghĩ ấy trong lòng. Việc này không kéo dài lâu. Chẳng mấy chốc Sun đã trở thành Sunny, còn Bertie thì tránh bị gọi là Moony bằng cách từ chối đáp lời mỗi khi bị gọi bằng bất cứ cái tên nào liên quan đến mặt trăng, cho

đến khi hầu hết mọi người đều quên mất rằng nó là cái tên nằm trong giấy khai sinh của cô bé. Dominic đã rất miễn cưỡng khi đăng ký khai sinh cho cô bé, vì anh ta nghĩ đó là yêu cầu của một “bộ máy quan liêu chuyên chế”, đây cũng chính là lý do anh ta và Viola không kết hôn với nhau.

Người duy nhất Bertie cho phép nhớ đến ý tưởng điên rồ này của cha mẹ cô bé là ông ngoại. Thi thoảng ông gọi cô bé là Bertie Moon, và Bertie cảm thấy cách gọi đó trù ẻo mỉa mai.

Cô bé “hoàn thành” một cái hố khác, nếu ta có thể nói là “hoàn thành một cái hố”, và thả chiếc bánh sandwich vào trong đó.

Viola đưa cho Sunny cái ba lô và nói: “Ở trong đó có một quả quýt. Đâu đó thôi.” Con trai cô cầu nhàu khi nghe nói đến quả quýt.

“Ồ, con ngừng kêu ca đi, được không?” Viola lẩm bẩm, cô vẫn đang mãi nhìn ra biển nên không nổi cáu với cậu.

(Tại sao mẹ *lại* sinh con?” Sau này, Bertie đã hỏi mẹ mình. “Mẹ sinh con chỉ để duy trì nòi giống thôi sao?”

“Đó là lý do người ta sinh con đẻ cái.” Viola nói. “Họ chỉ khoác cho việc đó một ý nghĩa cảm động hơn mà thôi.”)

Viola ước gì cô có ống nhòm. Ánh mặt trời lấp lánh trên mặt nước khiến cô khó nhìn rõ thứ gì. Có rất nhiều người trên biển và từ khoảng cách này, trông họ rất khó phân biệt, người nào người nấy chỉ là những bóng dáng bập bênh trên mặt nước màu xanh lam như những con hải cẩu lười

biếng. Cô bị cận thị nặng nhưng quá tự kiêu nên không chịu đeo kính.

Sunny tạm thời rút khỏi cuộc chiến và trở lại với trò nhặt sỏi. Cậu yêu những hòn sỏi. Cậu thích tất cả các loại đá sỏi, nhưng những hòn sỏi được biển bào nhẵn là tuyệt vời nhất. Cậu không thể tin nổi bãi biển này lại có nguồn sỏi phong phú đến thế. Có lẽ cậu sẽ không thể nhặt được hết sỏi ở đây mất.

“Bố đâu ạ?” Bertie đột nhiên ngẩng lên hỏi.

“Đang bơi.”

“Ở đâu ạ?”

“Đương nhiên là ngoài biển.”

*

Viola nhận thấy gần chỗ cô đang ngồi có một khúc gỗ trôi dạt trắng ỏn và khô giòn, nó thò lên khỏi mặt cát như một tấm bảng chỉ đường mảnh mai. Cô nhặt nó lên và bắt đầu vẽ vẽ những ký hiệu trên nền cát khô - những ngôi sao năm cánh, những mặt trăng hình lưỡi liềm và những chữ thập ngoặc xấu xa. Cô vừa bắt đầu nghiên cứu về phép thuật. Hay “Ma thuật”^[33].

“Ý con là gì - giống như của một người phụ nữ làm đôi à?” Teddy ngờ ngác hỏi.

“Là phép thuật bố ạ. Không phải ảo thuật. Máy thứ đại loại như phép phù thủy, huyền thuật, Pagan giáo. Bài Tarot.

Đó không phải là *những trò bịp bợm*, đó là những gì huyền bí.”

“Bùa chú?”

“Thi thoảng ạ.” Cô khẽ nhún vai.

Đêm qua cô đã xem bài Tarot với Jeanette. Mặt trời, Mặt trăng, Chàng khờ, các lá bài cứ nối tiếp nhau - chúng ám chỉ gia đình của cô. Nữ thượng tế - hiển nhiên là Dorothy. Tòa tháp - một thảm họa, một sự khởi đầu mới chẳng? Ngôi sao - một đứa con nữa ư? Lạ trời không phải là như vậy, mặc dù Star^[34] là một cái tên đẹp. Dominic đi bao lâu rồi nhỉ? Anh ta vốn bơi giỏi nhưng không giỏi đến mức có thể ở ngoài đó lâu đến thế.

Mặt trời tỏa sáng chói chang. Muốn thi triển ma thuật, ta cần tiến hành vào ban đêm, với một ngọn nến lập lòe trong bóng tối, chứ không phải trong tình trạng phơi nắng quá lâu như thế này. Viola ném khúc gỗ đi và thở dài trước sự nóng bức. Lúc này cô đã cởi giày, áo khoác, váy và khăn trùm đầu nhưng vẫn đang mặc nhiều quần áo hơn bất cứ ai trên bãi biển. Cô chỉ còn mặc một cái váy lót kiểu cổ và một cái áo chèn dài tay lạc quẻ mà cô kiếm được trong một cửa hàng đồ cũ, chúng đều được thắt ruy băng cầu kỳ và được viền đăng ten. Viola không biết rằng chiếc váy lót này vốn là y phục của một cô nhân viên bán hàng đã chết vì bệnh lao phổi, cô ta hẳn sẽ rất sốc và chẳng hài lòng chút nào khi thấy bộ đồ lót của mình bị phơi bày trên một bãi biển ở Devon.

Viola thôi nhìn ra biển và cuốn một điếu thuốc khác. Cô ghét bãi biển. Hồi cô còn nhỏ, khi gia đình cô vẫn còn là

một gia đình đủ đầy, mùa hè nào họ cũng tới những bãi biển ướt át, lạnh lẽo để nghỉ hè. Đó là một sự tra tấn đối với Viola. Đó hẳn là ý kiến của cha cô. Có lẽ mẹ cô sẽ muốn đến một nơi ấm áp và ngập tràn ánh nắng để *hưởng thụ*, nhưng cha cô có tính cách của một người Thanh giáo, ông coi một bãi biển bên biển Bắc là nơi *có lợi* cho một đứa trẻ. Cô giận dữ rút điều thuốc. Tuổi thơ của cô đã bị phá hỏng bởi sự vô lý của ông. Cô nằm ngửa trên cát, nhìn chăm chăm lên bầu trời không một gợn mây, suy ngẫm về sự tẻ nhạt khôn kham của cuộc đời mình. Việc này chẳng mấy chốc cũng trở nên tẻ nhạt, vì vậy cô ngồi dậy và lôi một cuốn sách ra khỏi cái ba lô “không đáy”.

Theo những gì cô còn nhớ, lúc nào cô cũng mang theo bên mình một cuốn sách. Một đứa con một bao giờ cũng thế. Văn chương đã rót vào tuổi thơ cô những mộng tưởng, và thuyết phục cô tin rằng một ngày nào đó cô sẽ là nữ chính trong câu chuyện do chính cô kể. Suốt lứa tuổi hoa niên, cô đã đắm mình vào cuộc sống của thế kỷ mười chín, đi lang thang qua các trảng đất hoang với chị em nhà Brontë, bức tức trước sự tù túng nơi những căn phòng khách của Austen. Dickens là người bạn - khá đa cảm - của cô, George Eliot là người bạn nghiêm khắc hơn. Viola hiện đang đọc lại tác phẩm *Cranford*. Bà Gaskell sẽ cảm thấy không thoải mái khi ở Cánh Đồng Cửa Adam, nơi mọi người chỉ đọc những thể loại sách như sách của Hunter S. Thompson hay những cuốn kinh yoga của Patanjali. Viola ngồi trên cát nóng, quấn một lọn tóc quanh ngón tay - đây là một thói quen cố hữu của cô khiến tất cả mọi người khó

chịu trừ chính bản thân cô - và tự hỏi tại sao cô không học hành chăm chỉ hơn ở trường đại học thay vì để cho Dominic dẫn dắt lầm đường lạc lối đến nỗi giờ đây chỉ suốt ngày nằm ườn hút ma túy. Đáng lẽ bây giờ cô đã có thể trở thành một giảng viên. Thậm chí là một giáo sư. Ánh mặt trời lóe lên trên những trang sách trắng tinh của bà Gaskell và Viola ngờ rằng cô sắp bị đau đầu. Mẹ cô, về cơ bản, đã chết vì chứng đau đầu.

“Hiệp ước thân thiện” ngăn ngui giữa họ bị Sunny phá vỡ khi cậu đổi ý về chuyện quả quýt, nhưng thay vì ăn nó, cậu lại ném nó vào Bertie. Hành động này đã dẫn đến một cuộc chiến la hét dữ dội giữa hai đứa trẻ, và cuộc chiến chỉ tạm ngưng khi Viola sử dụng chiến thuật đánh lạc hướng là cho chúng tiền để đi mua kem. Có một chiếc xe bán kem trên lối đi bộ và Viola dõi theo hai đứa trẻ đi về phía đó cho đến khi không còn nhìn thấy chúng nữa. Cô nhắm mắt lại. Năm phút bình yên, liệu đây có phải là sự đòi hỏi quá đáng không?

*

Viola đang học năm đầu tiên ở một ngôi trường đại học xây bằng bê tông và kính thì gặp Dominic Villiers, một cựu sinh viên trường mỹ thuật. Tuy đã bỏ học nhưng anh ta vẫn còn loanh quanh luẩn quẩn bên lề đời sống học thuật. Anh ta là con dòng cháu giống (Viola phải tra cứu cụm từ này) của một gia đình bán quý tộc. Thói nghiện ngập nổi tiếng, quá khứ từng học trường tư và việc anh ta có cha mẹ giàu

có nhưng tuyệt giao với họ để sống cuộc đời của một họa sĩ nghèo khổ, tất cả những điều ấy đã tạo cho anh ta một dấu ấn đặc biệt. Viola, với khát khao nổi loạn và vứt bỏ những xiềng xích của tầng lớp trung lưu tỉnh lẻ - thông qua mối quan hệ với người khác - đã bị thu hút bởi tiếng tăm của anh ta.

Dominic cũng rất điển trai và cô cảm thấy hãnh diện khi anh ta cuối cùng cũng “vồ chụp” lấy cô (dù cho có chút lờ mờ, nếu người ta có thể vồ chụp một cách lờ mờ) sau vài tuần lượn lờ quanh cô và nói “Tới nhà anh chứ?”. Trong căn hộ dơ dáy của anh ta không có bức tranh khắc axit nào, nhưng có rất nhiều tấm toan lớn trông như bị vấy những màu sắc căn bản lên. “Em có thể nhận ra ư?” Anh ta nói, cảm động vì cô hiểu được kỹ thuật của anh ta. Viola, vốn chẳng hiểu gì về nghệ thuật, không thể ngừng nghĩ rằng “Nhưng ngay cả mình cũng có thể làm được điều đó mà”.

“Chúng có bán được không?” Cô ngây thơ hỏi và nhận được một bài giảng kiên nhẫn về việc “làm biến chất mối quan hệ trao đổi giữa nhà sản xuất và người tiêu thụ”.

“Ý anh là cho không?” Cô ngơ ngác nói. Vì là con một nên cô chẳng bao giờ cho đi thứ gì.

“Ơ!” Sau một hồi mãi mê chiêm ngưỡng tác phẩm của mình, anh ta ngoảnh lại và kêu lên một tiếng khi thấy cô đang nằm lỏa thể trên tấm ga cẩu bẩn.

Anh ta sống nhờ tiền trợ cấp và nói rằng điều đó thật là tuyệt, bởi vì như thế có nghĩa là nhà nước đang trả tiền cho anh ta để sáng tác nghệ thuật.

“Ý cậu là, người đóng thuế?” Teddy nói. Viola lần nữa mới mang “bồ” của mình về nhà (cách gọi của Teddy, ông đã tìm kiếm một từ vô thưởng vô phạt) vì sợ rằng quan điểm bảo thủ thâm kín của cha cô và sự ngăn nắp gò bó của ngôi nhà ở York sẽ ảnh hưởng xấu đến cô. Cô cảm thấy chán ghét khi nghĩ đến mảnh vườn của cha mình. Ông đã trồng những luống hoa ngay hàng thẳng lối, gồm hoa xô đỏ, hoa ngàn sao và hoa lỗ bình với những sắc màu đỏ, trắng và xanh lam. Tại sao ông không trồng chúng thành hình quốc kỳ Anh chứ? “Bố trồng chúng không phải vì lòng yêu nước.” Ông phản đối. “Bố chỉ nghĩ rằng mấy màu đó hợp với nhau thôi.”

“Những khu vườn...” Dominic nói.

Teddy chờ anh ta nói hết câu nhưng anh ta chẳng nói gì nữa. “Cậu thích chúng ư?” Ông nhắc anh ta.

“Vâng, chúng thật tuyệt vời. Người nhà cháu có một mê cung.”

“Mê cung?”

“Vâng.” Dominic có một điều đáng khen là luôn tự hào về tư tưởng tuân theo chủ nghĩa quân bình của mình. “Công tước hay công nhân vệ sinh...” Anh ta nói. “... Với cháu đều như nhau cả.” Mặc dù Viola ngờ rằng anh ta quen biết nhiều công tước hơn là công nhân vệ sinh. “Người nhà” của anh ta, như cách anh ta gọi họ, sống ở sâu trong lòng Norfolk và thuộc về một dòng họ chuyên nghề săn bắn và chài lưới, có chút dây mơ rễ má với hoàng gia “một cách không chính thống”. Viola chưa bao giờ gặp họ. Ngay cả sau khi cô sinh Sunny và Bertie, họ vẫn kiên quyết cắt đứt

liên lạc với Dominic. “Họ không muốn gặp cháu nội của họ ư?” Teddy nói. “Buồn thật đấy.”

Viola đã cảm thấy nhẹ nhõm. Cô ngờ rằng cô sẽ không bao giờ vừa mắt “người nhà” của anh ta. Teddy hỏi nguyên nhân chính xác khiến anh ta bị gia đình từ mặt là gì. “Ồ, bác biết đấy, toàn lý do quen thuộc - ma túy, hội họa, chính trị. Họ nghĩ cháu là kẻ rác rưởi, còn cháu nghĩ họ thật phát xít.”

Khi Teddy và Viola cùng nhau rửa ráy nồi niêu xoong chảo sau bữa ăn gồm món sa lát giảm bông và bánh táo vụn mà ông đã làm vào sáng hôm đó, ông nói “Chà, dù sao đi nữa, trông cậu ta cũng điển trai” sau khi tìm kiếm một ưu điểm đáng khen ngợi ở anh ta. Teddy rất “khéo tay” trong chuyện bếp núc. (“Bố phải tự công nhận như vậy.”) Dominic đang “chợp mắt” trong phòng khách. “Nó mệt quá hả?” Teddy nói. Viola chưa bao giờ nhìn thấy bố mình ngủ, dù là ngủ gà gật hay ngủ trên ghế tắm nắng.

Khi Dominic tỉnh giấc, vì Teddy không thể nghĩ ra điều gì khác (không hiểu sao ông không thể tưởng tượng ra cảnh Dominic chơi cờ), ông đã lấy ra cuốn album ảnh chứa đựng những hình ảnh ngây ngô của con gái ông ở nhiều độ tuổi và nhiều góc độ khác nhau. Viola chưa bao giờ tự nhiên khi đứng trước một cái máy ảnh. “Ở ngoài, trông con bé xinh đẹp hơn nhiều.” Teddy nói.

“Vâng, rất gợi cảm.” Dominic nói, thậm chí còn liếc mắt đưa tình với cô. Viola có chút hãnh diện. Cô nhận thấy cha cô cau mặt trước câu nói và những ẩn ý của Dominic. Bố hãy quen với việc đó đi, cô nghĩ. Bây giờ con đã là một

người phụ nữ trưởng thành rồi. (“Tôi làm tình, do đó tôi tồn tại.” Cô đã viết vào trang đầu cuốn *Luận bàn về phương pháp* của Descartes, bản in của Penguin Classics, và hài lòng về tư tưởng đả phá của mình.)

Cô là người tiếp theo trong cả một hàng dài những cô bạn gái của Dominic, và không bao giờ hiểu được tại sao anh ta dừng lại ở cô. Nhưng hóa ra không phải dừng hẳn - chỉ là tạm dừng mà thôi. “Tuy nhiên em là người duy nhất khiến anh luôn trở về nhà.” Anh ta nói. Giống như một con chó, cô nghĩ, nhưng không phải là không có chút mãn nguyện.

Về cơ bản, họ đều là những người rất lười biếng nên ở bên nhau sẽ dễ dàng hơn là tách nhau ra.

Viola chật vật vượt qua kỳ thi tốt nghiệp và ra trường với tấm bằng hạng ba xoàng xĩnh về Triết học, Hoa Kỳ học và Văn học Anh. “Dù sao thì nó cũng không cần thiết.” Cô nói. “Điều quan trọng ở đời là sống thế nào chứ không phải là bằng cấp giấy tờ ra sao.” Cô không nói với ai về sự thất vọng khôn cùng của mình về kết quả ấy và đã không dự lễ tốt nghiệp, cô nói nó chỉ mang tính hình thức mà thôi.

“Sau này con có thể hối tiếc đấy.” Teddy nói.

“Bố chỉ muốn có một tấm ảnh con đội mũ và mặc áo choàng để treo lên tường nhằm khoe khoang chứ gì.” Cô cáu kỉnh nói.

Chà, điều đó thì có gì sai trái chứ? Teddy tự hỏi.

“Vậy là con sẽ không kết hôn?” Teddy đã ướm hỏi khi Viola nói với ông rằng cô đang mang thai Sunny.

“Thời buổi này chẳng còn ai kết hôn nữa đâu.” Cô tùy tiện nói. “Đó là một quy tắc lỗi thời của giai cấp tư sản. Tại sao con lại muốn bị còng tay với ai đó suốt phần đời còn lại chỉ vì cái xã hội độc đoán yêu cầu con phải làm thế chứ?”

“Ồ, hôn nhân không tệ đến mức ấy đâu.” Teddy nói. “Con sẽ dần quen với cái “còng tay” ấy, như cách con gọi nó.”

*

Khi Sunny ra đời, họ đang sống trong một ngôi nhà chiếm dụng bất hợp pháp ở London với mười người khác. Họ dùng chung bếp, phòng tắm với những người còn lại, và có một căn phòng mà họ có thể gọi là phòng riêng của mình. Căn phòng ấy được nhồi nhét chật ních những bức tranh của Dominic và tất cả các vật dụng cá nhân của trẻ con. Teddy đã tài trợ cho họ những vật dụng ấy khi ông nhận ra sẽ chẳng có ai khác mua chúng. Ông sợ rằng Viola sẽ chẳng biết một đứa trẻ cần những gì. “Con sẽ cần một cái nôi.” Ông nói với cô. “Và một cái chậu tắm cho trẻ con.”

“Nó có thể ngủ trong một cái ngăn kéo.” Viola nói. “Và con có thể tắm cho nó trong bồn rửa.” (“Vâng.” Dominic đồng tình. “Người nghèo vẫn làm vậy mà.”) Đặt nó nằm trong một cái ngăn kéo ư? Nó ư? Teddy bèn rút tiền tiết kiệm và gửi cho họ một cái nôi, một cái xe đẩy và một cái chậu tắm.

Dominic hầu như chẳng bao giờ hoàn thiện nổi một bức tranh. Thi thoảng, bất chấp sự cự tuyệt nền kinh tế tư bản một cách công khai, anh ta cố gắng bán một bức, nhưng những bức tranh của anh ta đem cho còn chẳng ai lấy. Viola tự hỏi liệu một ngày nào đó họ có bị chôn vùi dưới cả núi toan của anh ta không. Kết quả là họ không có tiền. Dominic từ chối hỏi xin gia đình mình bất cứ thứ gì. “Anh ấy có lòng tự trọng rất cao và luôn tuân thủ tuyệt đối những nguyên tắc của mình như thế.” Cô nói với cha. “Đúng vậy.” Teddy đồng ý.

Cô giải thích với cha mình rằng chiếm dụng nhà bất hợp pháp là một việc làm hợp lý. “Tại sao lại coi đất đai là vật sở hữu trong khi đó là tài sản chung của tất cả chúng ta chứ...” Lý lẽ ấy - của ai khác, chứ không phải của cô - bất chợt tuôn ra. Cô đã không được ngủ một cách đúng nghĩa suốt hàng tuần lễ. Sunny cứ khóc tựa mèo gào suốt nửa đêm về sáng như thể đang bộc phát nỗi đau vì bị mất đi những đám mây huy hoàng^[35]. (Cậu sẽ không bao giờ thực sự nguôi ngoai sau nỗi mất mát này.) Một ngày nọ, cha cô xuất hiện trên ngưỡng cửa căn hộ chiếm dụng bất hợp pháp của họ và nói: “Bố không đợi đến lúc được mời, vì nếu đợi thì chẳng biết đến khi nào bố mới được giới thiệu với cậu nhóc này.” Hiển nhiên là ông đang trách móc cô không mang đứa bé và đồ đạc của nó lên một chuyến tàu để về nhà với ông, trong khi thực tế cô hầu như chẳng bước nổi một bước.

Teddy đã mang đến một bó hoa, một hộp sô cô la và một bọc áo liền quần dành cho trẻ em. “Của hãng Mothercare

đấy.” Ông nói. “Nó là một hãng mới, con đã mua ở đó bao giờ chưa? Giá mà chúng ta có loại quần áo như thế này hồi con còn nhỏ. Hồi đó chỉ toàn là áo khoác sơ sinh và giày sơ sinh chẳng có tí tính thiết thực nào. Ngày trước, thế hệ bố gọi thứ này là quần áo lót. Con định để bố đứng ngoài này mãi à?”

“Vậy ra đây là một “ngôi nhà chiếm dụng bất hợp pháp” hả?” Ông hỏi khi họ len qua những chiếc xe đạp hầu hết đã hỏng và những hộp các tông ở tiền sảnh. (“Ồ, tôi từng là một người cấp tiến, thậm chí là một kẻ vô chính phủ.” Sau này, Viola đã tuyên bố như vậy. “Sống trong một căn nhà chiếm dụng bất hợp pháp ở London - một khoảng thời gian thú vị.” Trong khi thực tế thì phần lớn thời gian cô phải chịu đựng sự lạnh lẽo, khốn khổ và cô đơn, chưa kể còn như bị trói tay trói chân, chẳng làm được trò trống gì vì phải thực hiện thiên chức làm mẹ.)

Teddy bắt tàu quay về miền Bắc ngay trong ngày và nằm thao thức cả đêm, lo lắng cho đứa con gái duy nhất và đứa cháu duy nhất của mình. Viola từng là một đứa trẻ đáng yêu, tuyệt vời. Nhưng ông cho rằng đứa trẻ nào chẳng tuyệt vời chứ. Kể cả Hitler.

*

“Một công xã ở nông thôn?” Teddy nói khi Viola kể với ông về nơi ở tiếp theo của cô.

“Vâng. Sống chung với những người khác. Để tránh những tác động tiêu cực của hệ thống tư bản chủ nghĩa và

cố gắng tìm một lối sống mới.” Cô nói, lặp lại lời Dominic. “Và chống lại chủ trương chính thức hóa nhà thờ.” Cô nói thêm. Đó là từ dài nhất mà cô biết. Cô đã nghe người ta bàn tán về từ ấy ở khắp nơi trong trường đại học, mặc dù vẫn còn mơ hồ về ý nghĩa của nó. (“Nhà thờ ư?” Teddy thắc mắc.) “Xã hội truyền thống đang bị băng hoại về đạo đức và tài chính. Bọn con sẽ sống cuộc sống tự cung tự cấp.” Cô hãnh diện nói.

““Tự do thực sự là khi người ta sử dụng đất đai để tự nuôi dưỡng và bảo vệ bản thân.”” Teddy nói.

“Cái gì ạ?” (*Con không biết sao?* Teddy nghĩ. Đó là điều mà cô đã được dạy hồi còn nhỏ mà.) “Đây là câu nói của Gerrard Winstanley^[36].” Ông nói. “Những người chủ trương Cào bằng Đích thực. Phái Đào sâu^[37]. Con không biết thật ư?”

Ông tự hỏi còn những gì mà Viola không chịu học nữa. Teddy bị hấp dẫn bởi tất cả các phong trào duy tâm cấp tiến nảy sinh quanh cuộc Nội Chiến, ông tự hỏi nếu ông sống ở thời đó, liệu ông có gia nhập một phong trào như vậy không. *Ta thấy thế giới đảo ngược.* (“Đó là một khúc bi ca, không phải hoan ca.” Ursula đã trách cứ ông từ lâu lắm rồi.) Có lẽ họ đều phun ra những điều nhằm nhí giống như Viola. Ông cho rằng Kibbo Kift là “kẻ thừa kế” tự nhiên của họ. “Vương quốc yêu chuộng hòa bình và những thứ tương tự như thế.” Ông nói với Viola. “Khao khát khôi phục lại thiên đường trên mặt đất.” Ông khẳng khẳng. “Niềm tin về một thời đại hoàng kim.”

“Ồ, điều đó à...” Cô nói, cuối cùng cũng nghe thấy gì đó mà cô hiểu được. Cô đã nhìn thấy cuốn *Sự theo đuổi thời đại hoàng kim* trên giá sách của ai đó. Cô căm ghét việc cha cô biết quá nhiều thứ. “Bọn con quan tâm đến sự tiến hóa của vũ trụ.” Cô vui vẻ nói. Cô không biết điều đó có nghĩa là gì.

“Nhưng con có bao giờ thích vùng đồng quê đâu.” Teddy thắc mắc.

“Con vẫn không thích mà.” Viola nói. Cô chẳng vui vẻ gì với cuộc sống mới này, nhưng bất cứ thứ gì cũng tốt hơn ngôi nhà chiếm dụng bất hợp pháp bẩn thỉu, bừa bộn giống như một cái lò mổ kia.

Công xã chiếm cứ một ngôi nhà trại cũ xập xệ ở Devon, hầu hết diện tích gieo trồng đã bị bán đi, nhưng phần còn lại đủ để họ trồng lương thực và nuôi dê, gà. Ít nhất là trên lý thuyết. Từ thời Trung cổ, nó được gọi là Trang trại Long Grove, nhưng khi Dorothy mua nó ở một cuộc bán đấu giá “với cái giá rất hời” - chủ yếu là vì phần diện tích còn lại là đầm lầy, những phần đất tốt đã bị ông nông dân ở trang trại bên cạnh mua mất (phải, chính là người chủ của chiếc xe bán tải Morris Minor và cái sân đầy ngổn) - Dorothy đã đặt lại tên cho nó là Cánh Đồng Của Adam. Một tấm biển sơn cái tên mới này bằng các màu bảy sắc cầu vồng được đóng đinh vào cánh cổng ở lối vào sân trại. Không một ai ở khu vực này gọi nó bằng cái tên mới ấy.

Khi họ tới, công xã đã tồn tại được năm năm, với ba cặp đôi khác đều ở độ tuổi ngoài hai mươi - Hilary và Matthew, Thelma và Dave (người Scotland), Theresa và Wilhelm

(người Hà Lan). Viola mãi không nhớ nổi tên bọn họ. Ngoài Dorothy, còn có ba người độc thân khác nữa - một phụ nữ người Mỹ ở độ tuổi ba mươi tên là Jeanette; Brian, một cậu thiếu niên có vẻ đã bỏ nhà ra đi. (“Tuyệt!” Dominic nói.)

Và cuối cùng là Bill, một ông lão trạc ngũ tuần. Ông ta từng là thợ máy trong Lực lượng Không quân Hoàng gia Anh RAF. Viola nói: “Ồ, hồi chiến tranh bố cháu cũng thuộc lực lượng RAF đấy.” Ông ta đáp lại: “Ồ, thật sao? Phi đoàn nào?”

“Cháu không biết.” Cô nhún vai. Cô chưa bao giờ nói chuyện với cha mình về chiến tranh, và dù sao đi nữa đó đã là chuyện lâu lắm rồi. Sự thờ ơ của cô có vẻ làm Bill thất vọng. “Cháu là người yêu chuộng hòa bình.” Cô nói với ông ta.

“Tất cả chúng ta đều như vậy, cô gái thân mến ạ.” Ông ta nói.

Cô thực sự là người yêu chuộng hòa bình, cô giận dữ nghĩ. Cô đã theo học ở một trường Quaker, vì Chúa, và đã tham gia một cuộc biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam. Trong cuộc biểu tình đó, cô đã cố gắng hết sức để bị bắt. Những năm tháng huy hoàng của cô vẫn còn ở phía trước - Greenham, Upper Heysford^[38] - nhưng từ lâu cô đã giẫm chân lên con đường của sự phản nộ chính đáng. Cha cô đã lái máy bay, thả bom xuống những người khác. Có lẽ ông chính là người phải chịu trách nhiệm với việc thả bom lửa xuống Dresden - trong chương trình học của cô ở trường đại học có tác phẩm *Lò sát sinh số Năm*. (“Chỉ có những chiếc máy bay Lancaster mới thả bom xuống Dresden thôi.”

Teddy nói. “Thì sao? Thì sao?” Con gái ông nói. “Bố nghĩ điều đó xóa được tội cho bố sao?” “Bố không đòi hỏi được xóa tội.” Teddy nói.) Chiến tranh là tội ác, Viola nghĩ, nhưng khá cụt hứng bởi sự hờ hững của Bill trước ý kiến của cô. Đường như ông ta cũng không muốn được xóa tội.

Dominic sướng rơn vì anh ta có một phòng vẽ, đó là một cái chuồng bò cũ quét vôi trắng nằm ở đằng sau. Còn Viola nhẹ nhõm vì cô không còn phải sống chung với những bức tranh của anh ta nữa.

Số lượng người ở đó tăng lên bởi dòng người liên tục đổ về vào cuối tuần, chủ yếu là từ London. Lúc nào cũng có những người hoàn toàn xa lạ ngủ trên sàn nhà và sofa hoặc ngồi quây quần bên nhau, hút ma túy và trò chuyện. Và trò chuyện. Và trò chuyện. Họ có bốn phân “đóng góp” bằng cách phụ giúp làm vườn hoặc làm những việc sửa chữa nói chung, nhưng điều đó hiếm khi xảy ra.

Dorothy là nữ chúa ở đây, đương nhiên rồi. Mọi thứ đều phải chia sẻ và giữ làm của chung, nhưng bà ta vẫn nắm giữ các giấy tờ của ngôi nhà trại và sở hữu chiếc xe bán tải, phương tiện đi lại duy nhất của họ. Toàn bộ công trình này là ý tưởng của bà ta. Bà ta đã ngoài sáu mươi tuổi, thường mặc áo dài và trùm khăn lụa trên đầu, đi loanh quanh với nụ cười viên mãn trên mặt, nụ cười đó rất dễ khiến người ta bực tức nếu bản thân họ không cảm thấy viên mãn. Bà ta là một con cừu già trong mắt Viola, chắc cũng gần già bằng cha cô. Bà ta từng là một nữ diễn viên không thành công, nhưng sau đó đã “theo một người đàn ông” tới Ấn Độ rồi trở về một mình và mang theo “sự khai sáng”. (“Bà ấy đã được

khai sáng như thế nào?” Viola thì thầm với Dominic. “Em không thấy bất cứ dấu hiệu nào của việc đó. Bà ấy giống tất cả những người khác, nhưng tệ hơn.”)

Dominic đã bị bà ta kiểm tra một cách nghiêm ngặt xem có phù hợp với công xã không, còn Viola mãi tới khi chuyển đến đây mới gặp Dorothy. Cô nhận thấy Dorothy tự thích giọng nói của chính mình, và bà ta khiến Viola có cảm giác như thể mình đang trở lại trường đại học. “Cánh Đồng Của Adam...” Dorothy nói một cách khoa trương. “... Là nơi biến tất cả những gì có thể xảy ra thành hiện thực. Nơi chúng ta có thể khám phá bản chất nghệ sỹ của chúng ta và giúp những người khác khám phá bản chất nghệ sỹ của họ. Chúng ta luôn di chuyển về phía ánh sáng. Cô uống trà nhé?” Bà ta hỏi với phong thái của một nữ công tước khiến Viola giật mình, cô đã bắt đầu gà gật như hồi nghe giảng trên giảng đường.

Dorothy đưa cho Viola một cái cốc dày đựng thứ nước đặc quánh, đắng ngắt. “Tôi cho rằng đây không phải loại trà mà cô biết.” Dorothy nói và Viola tự hỏi phải chăng bà ta đang cố gắng chuốc thuốc mê cho cô hay đầu độc cô. (“Em hoang tưởng quá đấy!” Dominic nói.) Cô lắc đầu khi Dorothy hỏi “Ăn bánh nướng không?” và chìa ra một cái đĩa xếp chồng chất những thứ trông như những viên đá cuội. Không gian tạm thời yên ắng trong lúc Dorothy nhai nhồm nhoàm một trong những “viên đá” ấy. “Cô sẽ thấy rằng...” Cuối cùng, bà ta tiếp tục nói. “... Chúng ta là một cấu trúc lỏng lẻo được cấu thành từ những cá nhân mạnh mẽ tình cờ đi về cùng một phía. Hướng tới một sự thấu hiểu siêu việt.”

“Vâng.” Viola cẩn trọng nói, cô không biết những lời nói tuôn ra từ đôi môi bám đầy vụn bánh của Dorothy có ý nghĩa gì. Hiển nhiên là có một thứ được gọi là thiên siêu việt^[39], cô đã từng tập loại thiên đó, và cô cũng đã được học về phong trào Siêu nghiệm trong văn học Mỹ, đã cẩn mẫn đọc hết cuốn *Walden* và cuốn *Thiên nhiên* của Emerson, nhưng chúng có vẻ chẳng liên quan mấy đến việc đốt lá xô thơm và lầm rầm tụng niệm nghe rộn cả người (giống như một con khỉ đột trầm uất) của Dorothy.

“Để làm được như vậy, tất cả chúng ta đều phải góp sức.” Dorothy nói. Chúng ta phải làm thế sao? Viola mệt mỏi nghĩ. Cô đang bụng bầu vượt mặt và còn phải bế Sunny trên tay.

Vì chẳng có kỹ năng gì đặc biệt nên cô được giao cho những công việc bình thường - nấu nướng, lau dọn nhà cửa, nướng bánh mì, làm vườn, vắt sữa dê, “vân vân”... “Về cơ bản toàn là việc nội trợ.” Viola nói. Cô từng tham gia biểu tình đòi lương cho người nội trợ hồi cô còn học đại học, cho dù cô chưa từng mớ tay vào mấy việc ấy, và bây giờ cũng chẳng vui vẻ gì khi phải làm những việc đó. Hoặc nói cho đúng hơn là cô chẳng vui vẻ gì khi phải làm những việc đó cho những người khác thay vì làm cho chính mình. Sống trong một công xã là như vậy đấy. Ngoài ra còn có “những việc vườn tược nhẹ nhàng”, nghĩa là đào xới đám đất đỏ rần đan đầy cây kế ở các dải đất dọc theo lề bãi cỏ đằng sau. Cô được miễn “làm nông”, tức là trồng những loại rau lấy củ và những cây bắp cải bị sâu đục. Phong trào Đào sâu, cô khốn khổ nghĩ khi đứng dưới mưa, cố gắng đào xới lớp bùn

bằng một cái xẻng lung lay. Cô đã trở thành một kẻ Đào sâu đơn độc vì có vẻ như chưa từng có ai phải dính dáng đến công việc chẳng nhẹ nhàng tí nào này - các bờ cỏ đều rất rộng.

Và họ đang ở giữa nơi đồng không mông quạnh. Viola chưa bao giờ thích vùng đồng quê, đó là một nơi lạnh lẽo, bùn lầy, thiếu thốn tiện nghi. Hồi cô còn nhỏ, gia đình cô cũng từng sống trong một trang trại cũ, xung quanh vô cùng trống trải. Cô nhớ hồi đó cha cô liên tục giục giã cô ra ngoài để “tận hưởng chút không khí trong lành”, để theo ông đi dạo, tìm kiếm những con chim, những cái cây, những tổ chim, những “khối đá”. Tại sao lại có người muốn tìm kiếm một khối đá chứ? Cô nhớ mình đã vui mừng thế nào khi chuyển tới một ngôi nhà chung tường có hệ thống sưởi tập trung và những tấm thảm vừa khít ở York. Đương nhiên, niềm vui ấy không kéo dài lâu, vì một ngôi nhà đâu còn là một ngôi nhà khi không có bóng dáng của người mẹ!

Công xã có một sạp hàng trong một phiên chợ diễn ra hằng tháng ở thị trấn, ở đó họ bán những mặt hàng mà họ tự làm - những ổ bánh mì nặng trĩu trông như những viên đạn được bắn ra từ máy lạng đá. Những ngọn nến nhiều màu sắc có mùi khó ngửi, khi chảy thì biến thành những cái vũng đáng ghê tởm. Và dĩ nhiên cả đồ gốm nữa. Wilhelm có một lò gốm, đó chính là nơi xuất xứ của những cái cốc và đĩa dày cộp mà họ thường dùng. Ngoài ra họ còn bán những cái giỏ liễu gai mà tất cả bọn họ đều phải đan. Giống như người mù, Viola đã nghĩ khi được đề nghị học đan những cái giỏ ấy. Đây đúng là cuộc sống của một người hầu không

được trả lương vào thế kỷ mười tám, phải kiêm thêm cả việc đan giỏ. Và cô còn phải chăm sóc bọn trẻ, bởi vì dù mọi người đều nói việc của cá nhân cũng là việc chung nhưng chẳng ai tỏ ra quý mến, vô vập Sunny, tuy vậy cô cũng chẳng trách bọn họ. Tiền được giữ trong một quỹ chung, và cô không thể lấy ra được một xu nếu không giải trình được mình chi tiêu vào việc gì. Viola nghĩ, một ngày nào đó cô sẽ ôm cái quỹ chung đó mà bỏ trốn và dùng nó để mua Coca-Cola, sô cô la, tã lót dùng một lần và tất cả những món đồ mà công xã cấm sử dụng.

Dorothy có vẻ dành nhiều thời gian để “cân bằng trung khu tập trung năng lượng tinh thần trong cơ thể” (Vài người sợng thật đấy, Viola nghĩ), và nhờ Jeanette xem bài Tarot cho bà ta. Bà ta thi thoảng đan giỏ và Viola chưa từng thấy bà ta vắt sữa dê. Đó là một con dê Toggenburg thô lỗ, nó ghét Viola nhiều như Viola ghét nó vậy.

Khoảng thời gian duy nhất mà cô cảm thấy bình yên ở Cánh Đồng Cửa Adam là khi cô đi ra ngoài, giả vờ tìm trứng. Lũ gà đẻ ở bất cứ chỗ nào chúng muốn. Thật kỳ cục! Teddy cũng nuôi gà, nhưng lũ gà của Teddy rất có kỷ luật, chúng chỉ đẻ trong ổ của mình mà thôi. Tuy nhiên, ngay cả trong một buổi đi tìm trứng một cách vô định như vậy, cô cũng không thoát khỏi “cuộc đột kích” của Dorothy (Bà ta thành linh xuất hiện như một con dơi vậy). “Cô là Viola Todd, đúng không?” Có lần, bà ta đột ngột đứng chắn trước mặt cô như thể quý cô Jessel^[40] khi cô đang đi trên đường và hỏi cô như vậy với giọng nói chê trách. Bertie lúc ấy đang ngủ trong chiếc xe đẩy Maclaren, một vật thể quá

mỏng manh đối với loại địa hình nhiều vết lún này (bánh xe luôn bị long ra). Cô đã để Sunny ở với bố nó, một hành động tương đương với việc bỏ rơi con trẻ.

Bertie cựa mình trong giấc ngủ và giơ tay lên như thể né tránh sự xuất hiện không mong muốn của Dorothy. Viola thì giật mình hoảng hốt vì cô đang tha thẩn dọc theo các hàng rào, mơ màng nghĩ đến những chiếc bánh mì nướng phết bơ nóng hổi và Đại úy Wentworth trong cuốn tiểu thuyết *Thuyết phục*.

“Vâng, cháu đúng là Viola Todd.” Viola dè dặt nói. Cô đã sống dưới một mái nhà với Dorothy hơn một năm nay, vậy mà bà ta vẫn không biết tên cô sao? “Không sai.”

“Có phải mẹ cô tên là Nancy không? Nancy Shawcross?”

“Có lẽ thế.” Viola càng thận trọng hơn. Cô không thích tên của mẹ mình được phát ra qua đôi môi của Dorothy. Mẹ cô là một hình tượng thiêng liêng.

“Sao, bà ấy có đúng là Nancy không?” Dorothy nói.

“Bà ấy đúng là Nancy.” Viola nói, không muốn dùng thì quá khứ khi nhắc đến mẹ mình.

“Bà ấy là một trong các chị em gái nhà Shawcross phải không?”

“Bà ấy đúng là người nhà Shawcross.” Thật là tuyệt khi nói chuyện về mẹ cô như thể bà vẫn còn sống.

“Tôi biết mà!” Dorothy thốt lên vẻ kịch côm. “Tôi biết chị gái bà ấy - Millie. Chúng tôi từng diễn chung một sân khấu với nhau hồi còn là những diễn viên trẻ. Nhưng chúng tôi

đã mất liên lạc với nhau hàng năm trời rồi. Bác gái cô thế nào?”

“Đã mất rồi.” Viola thẳng thừng đáp, sẵn sàng đưa Millie vào thì quá khứ.

Khuôn mặt Dorothy co rúm lại vẻ đau khổ. Bà ta đưa tay lên trán như thể thất vọng. “Mất rồi ư!”

“Cháu hầu như không biết bác ấy.” Viola thản nhiên nói. “Hình như bác ấy luôn ở nước ngoài.”

“Hừm.” Dorothy nói, như thể bức tức bởi thông tin này. Bà ta cau mày. “Mà cô đang làm gì đấy?”

“Tìm trứng ạ.” Viola nói dối trơn tru. Ở đây ta luôn phải để cho người khác nhìn thấy mình đang làm gì đó *hữu ích*. Thật là mệt mỏi.

“Sao không đội cho đứa trẻ đó (chúng luôn được gọi là “đứa trẻ đó” hoặc “những đứa trẻ đó”) một cái mũ bonnet che nắng?”

“Mũ bonnet?” Viola nói, ngạc nhiên khi nghe thấy một từ cổ lỗ như thế. Đại úy Wentworth vẫy tay ra hiệu cho cô. “Cháu phải đi tiếp đây.” Cô nói. “Cháu phải đi tìm trứng.”

*

Khi Viola mang thai Bertie, Dorothy đã chủ trương một “cuộc sinh nở thuận tự nhiên” cho đứa trẻ mới ở Cánh Đồng Của Adam. Viola không thể nghĩ ra điều gì tệ hơn. Sunny đã được sinh ra trong một bệnh viện thực hành^[41] rộng lớn và nhộn nhịp ở London, lần đó Viola đã say thuốc Pethidine^[42].

Vào ban đêm, bọn trẻ được mang tới phòng chăm sóc trẻ và các bà mẹ được cho uống thuốc ngủ. Sung sướng làm sao! Họ được giữ lại đó một tuần và được phục vụ các bữa ăn chính, bữa ăn nhẹ và sữa, không phải làm gì nhiều ngoài việc cho con bú và thay tã cho con, thậm chí nhiều khi họ còn chẳng phải ra khỏi giường. Viola không có ý định từ bỏ tất cả những điều tốt đẹp đó để đổi lấy một cuộc vượt cạn cam go khốn khổ do Dorothy (một người không có con cái) sắp đặt. Viola bất giác nghĩ đến cuốn tiểu thuyết kinh dị *Đứa con của Rosemary*.

Cô gần như là một tù nhân. Ở trang trại không có điện thoại, và cô không biết làm thế nào để tới được bệnh viện nếu không có ai chở cô đến đó bằng chiếc xe bán tải của Dorothy. Bây giờ cô mới thấy hối hận vì hồi còn ở nhà cô đã không kiên trì học lái xe với cha mình. Cô đã không muốn bị ngồi chết gí trong một cái xe với cha cô, nghe ông chỉ dạy những thứ ông biết còn cô thì không (hầu như là tất cả mọi thứ). Ông là một giáo viên nhẵn nại đến mức khiến người khác phải bực mình. Cô đột nhiên nhớ ra một chuyện. Đó là cha cô từng mất một năm kèm cặp cô vào mỗi sáng thứ Bảy để cô có thể vượt qua môn Toán ở kỳ thi tốt nghiệp cấp hai. Ông đã dùng đúng một cây bút chì suốt cả năm - một cây bút chì mềm ngắn ngắn. Viola thì không thể giữ nổi một cây bút chì hay bút mực quá một ngày. Cô rất hay đánh mất chúng. Cô cảm thấy hoa mắt chóng mặt khi nghĩ đến môn Đại số và các phương trình, nhưng cha cô vẫn nhẵn nại giảng giải cho đến khi cô hiểu (dù cô chỉ nhớ được trong một thời gian ngắn). Dĩ nhiên, bây giờ tất cả các kiến thức

đó đã bị quên lãng, vậy thì ông giúp cô học chúng để làm gì? Và sự nhẫn nại của cha cô chỉ giúp cô trầy trật vượt qua kỳ thi ấy với một mức điểm thấp, sau đó là đạt kết quả trung bình ở tất cả các môn trong kỳ thi tốt nghiệp cấp ba ngoại trừ môn Anh văn, rồi đặt được chân vào cửa một trường đại học hạng xoàng, và ra trường với một tấm bằng kém cỏi. Hãy xem điều đó đã đẩy cô tới đâu. Tới nơi đây chứ còn đâu nữa. Không tiền bạc, không nghề nghiệp, hai đứa con, một người bạn trai vô dụng. Thà rằng cô bỏ học ở tuổi mười lăm và học nghề cắt tóc còn hơn.

Đương nhiên, cuối cùng cô đã sinh Bertie ở bệnh viện và quỷ sứ đã không tới giành giật cô bé. Hẳn không có nhu cầu, hẳn đã có Sunny.

*

Hẳn là cô đã ngủ thiếp đi. Cô giật mình tỉnh giấc và cảm thấy mặt mình bỏng rát vì bị mặt trời chiếu rọi. Mất vài giây cô mới nhớ ra các con. Chúng đi mua kem bao lâu rồi? Cô cuống cuống đứng dậy và nhìn quanh bãi biển. Không thấy bóng dáng chúng đâu. Liệu chúng có bị bắt cóc, chết đuối, ngã khỏi vách đá? Các viễn cảnh xấu nhất cứ thế hiện ra trong đầu cô, kết tội cô là một bà mẹ tồi tệ.

Cuối cùng thì cô cũng tìm thấy chúng, chúng đang kiên nhẫn nhưng có chút ử rử chờ đợi ở lều Trẻ Lạc. Viola thậm chí còn không biết đến sự tồn tại của cái lều này. “Con cố tình phải không?” Cô nói với Sunny khi họ chạy đua với thủy triều để thu thập những đồ đạc ướt át dính đầy cát của

mình và nhét vào những cái túi. (Đây chính là lý do mình không nên tới bãi biển, cô nghĩ.)

Sunny phản nộ đến mức không nói nên lời. Cậu đã sợ đến mất hồn mất vía khi nhận ra mình không thể tìm được đường về từ chỗ xe bán kem. Bãi biển rộng mênh mông và gần như tất cả mọi người ở đó đều cao lớn hơn cậu. Cậu đã tưởng tượng rằng hai anh em cậu sẽ bị sóng biển cuốn đi hoặc sẽ phải ngồi lại trên bãi cát cả đêm khi xung quanh tối om, không một bóng người. Cái áp lực là người có bốn phận chăm sóc Bertie khi mẹ vắng mặt khiến cậu cuống quýt đến quẩn trí, vì thế khi một quý bà dịu dàng tốt bụng tới chỗ cậu và nói “Kìa, hai cháu đang tha thẩn ở đây làm gì vậy? Hai cháu bị lạc mẹ à?”, cậu liền cảm thấy nhẹ cả người và òa khóc. Cậu thực lòng yêu mến người phụ nữ đó biết bao.

“Đừng bao giờ làm thế nữa nhé!” Viola nói.

“Con chẳng làm gì cả.” Cậu khẽ nói. Cậu chẳng có tâm trạng để cự cãi. Sáng hôm đó, cậu giống như một cái đồng hồ bị lên dây cót quá căng. Còn bây giờ cậu chỉ khẽ kêu tích tắc.

“Bố đâu ạ?” Bertie hỏi.

“Đang bơi.” Viola cấm cử.

“Bố bơi hàng tiếng đồng hồ rồi.”

“Ừ, đúng vậy.” Viola nói. Cô không có đồng hồ đeo tay. Teddy đã tặng cô một chiếc Timex nhỏ xinh khi cô vượt qua kỳ thi tốt nghiệp cấp hai, nhưng cô đã đánh mất nó từ lâu rồi. Cầu trời cho Dominic chết đi, cô nghĩ.

Nếu anh ta chết đuối ngoài khơi, cô có thể bắt đầu một cuộc sống mới. Đó là một cách dễ dàng để chấm dứt mối quan hệ với anh ta, dễ dàng hơn nhiều so với việc gói ghém đồ đạc và bỏ đi. Hơn nữa, cô biết đi đâu chứ? Lại còn tiền bạc nữa. Dominic có một món tài khoản ủy thác. Cô không biết nó là cái gì, nhưng anh ta đã “bất ngờ nhận” được nó từ vài tuần trước. (Anh ta nói) có một lý do phức tạp liên quan đến luật pháp khiến anh ta không thể dứt bỏ số tiền này giống như anh ta dứt bỏ “người nhà” anh ta. Nhưng anh ta có cho cô hay các con cô ít tiền nào không? Không, anh ta sẽ nộp tiền cho công xã, sẽ chuyển số tiền ấy cho Dorothy! Và tệ hơn - không, không phải là tệ hơn, mà là bớt tệ hơn một chút - cô đã phát hiện ra một lá thư từ mẹ anh ta. Bà đã thuê một thám tử tư để tìm anh ta, và trong thư, bà đã năn nỉ anh ta “hàn gắn rạn nứt” giữa họ và để cho bà gặp các cháu của bà “với mẹ của chúng, mẹ chắc chắn đó là một người phụ nữ tuyệt vời”.

Nếu Dominic chết đi, Viola sẽ được thừa hưởng tài khoản ủy thác kia thay vì Dorothy (Tại sao lại không chứ?). Rồi sau đó cô có thể chuyển đến sống trong một ngôi nhà thực thụ và có một cuộc sống bình thường. Giá mà cô đã kết hôn với Dominic và đảm bảo được quyền của mình đối với tài sản thừa kế của anh ta. Nếu vậy thì giờ cô sẽ là một góa phụ trẻ đáng thương và người ta sẽ phải đối xử tốt với cô. Thậm chí cô có thể đến sống với những người nhà chồng thuộc về một dòng họ chuyên săn bắn và chài lưới mà cô chưa từng gặp mặt kia. Suy cho cùng, họ đã nghĩ rằng cô là người phụ nữ tuyệt vời. Dĩ nhiên, khi họ gặp cô, có lẽ họ sẽ rút lại lời

nhận xét ấy, nhưng ai mà biết được chứ, có lẽ dần dà cô có thể được chấp nhận vào gia tộc của họ và trở thành “người nhà” họ. Cô có thể mang họ của họ. Viola Villiers, hơi lú lẫm một chút, giống như một bài luyện diễn thuyết, tuy nhiên cái tên đó vẫn có chút sang trọng, giống như những nữ diễn viên của thế kỷ mười tám làm nhân tình của những người đàn ông thuộc giới quý tộc và cuối cùng thường trở thành công tước phu nhân.

Có lẽ Sunny là người thừa kế của một điền trang hoặc thứ gì đó đại loại thế. Và trong một thoáng giây, cô cho phép mình tưởng tượng ra những con thiên nga đang bơi trên mặt hồ và những con công múa trên thảm cỏ. Cô không ngại chuyện họ có tính phát xít, cô thực sự không ngại điều đó, miễn là họ có hệ thống lò sưởi tập trung, máy sấy khô quần áo, bánh mì trắng thay vì bánh mì làm bằng bột lúa mạch chua, và những tấm đệm mềm mại thay vì những chiếc đệm cứng trải trên sàn nhà.

*

Cô có nên báo cho ai đó không? Cả ba người họ đều đã quá mệt mỏi, họ chắc chắn sẽ không đủ sức để đối mặt với những việc sẽ diễn ra sau khi họ thông báo có người mất tích. Nhưng họ sẽ về nhà bằng cách nào? Cô không biết lái xe. Cô thở dài thườn thượt.

“Mẹ ơi?” Bertie nói. Bertie nắm bắt rất tốt tâm trạng của Viola.

Họ chậm chạp lê bước trở lại lều Trẻ Lạc. Người phụ nữ hiền dịu vẫn ở đó. Sunny lao đến ôm chầm lấy bà, bám chặt vào bà.

“Cô lại lạc ai nữa à?” Bà tươi cười nói với Viola.

*

Sunny, Bertie, Viola và hai viên cảnh sát vạm vỡ chen chúc trong một chiếc xe tuần tra, đi thẳng về Cánh Đồng Của Adam. (“Đó là trang trại Long Grove, đúng không?” Một viên cảnh sát hỏi.) Lũ trẻ, ngồi ở băng ghế sau với Viola, lập tức ngủ thiếp đi. Da chúng trơn bóng vì lớp kem chống nắng cũ, ngoại trừ đôi chân bám đầy cát. Chúng vẫn đi chân không, Viola chẳng còn sức đâu để ép chúng đi xăng đan vào. Chúng đang bắt đầu bốc ra thứ mùi của loại quả chín nẫu.

Có lẽ các con của cô sẽ sống tốt hơn nếu không có cô. Đáng lẽ cô nên để chúng ở lại với bà vợ của ông nông dân, cô nghĩ, khéo léo biến sự ích kỷ thành lòng vị tha. Cô chợt nhớ đến những con ngỗng trong sân và rừng mình. Hồi nhỏ, cô từng bị một con ngỗng rượt theo và mổ tới tấp, kể từ đó cô rất sợ chúng. Cha mẹ cô - lúc đó cô vẫn còn đủ cả cha lẫn mẹ - đã cười cợt cô. Lũ ngỗng luôn cảm nhận được nỗi sợ hãi của cô, chúng thường chạy về phía cô như một lũ du thủ du thực, xúm đen xúm đỏ xung quanh cô, vừa mổ vào cô vừa kêu quang quác. “Đừng tỏ ra mình là một con ngỗng ngu ngốc, Viola.” Teddy thường nói với cô như vậy. Ông luôn bảo cô phải như thế này, đừng có thế kia. (Tiếng nói

của Lý trí.) Mẹ cô từng kể cho cô nghe một câu chuyện có tên là *Cô gái chặn ngỗng*. Theo những gì Viola còn nhớ, trong câu chuyện có một con ngựa biết nói bị chặt đầu.

Có lẽ cô nên đề nghị viên cảnh sát cứ tiếp tục lái xe đến tận York và thả cô ở nhà cha cô. Cô ngạc nhiên khi thấy mình nhớ nhà. Cô không chỉ nhớ những con phố hẹp và những nhà thờ thời Trung cổ, nhớ bức tường bao và thánh đường lớn, mà còn nhớ ngôi nhà chung tường ở vùng ngoại ô mà cô đã dành nửa cuộc đời mình để cười nhạo.

“Bà Todd?” Cô đã bảo mấy viên cảnh sát cứ gọi cô là “chị Todd” nhưng họ chẳng buồn đoái hoài đến ý tưởng mới mẻ này. Vì cô đã là mẹ trẻ con nên họ sẽ không gọi cô là “Cô”.

“Chúng ta đến nơi rồi, bà Todd. Bà đã về đến nhà rồi.”

Không hẳn, cô nghĩ.

*

Viola đã kể về tình cảnh khốn khổ của mình với người phụ nữ ở lều Trẻ Lạc. Bà ấy lập tức lo liệu mọi việc: thông báo với lực lượng bảo vệ bờ biển, tàu cứu đắm địa phương, cảnh sát và vài người khác, phần lớn là những người đang thơ thẩn quanh lối đi dạo bên bờ biển, hứng thú với “vở kịch” này nhưng thất vọng vì chẳng có gì để xem mấy. Có vẻ như quá nhiều nhân lực, vật lực đã được huy động chỉ để tìm kiếm duy nhất một người bị mất tích khi đang bơi trên biển.

Viola đã thuật lại mọi việc. Cũng không có gì nhiều. Dominic đã nói “Anh đi bơi đây” rồi chạy xuống biển, lao

mình vào trong làn nước, tay chân vẫy vùng và chẳng thấy quay lại nữa. Chẳng khai thác được gì thêm từ lời khai này, vì vậy hai viên cảnh sát lực lưỡng bèn đưa họ trở lại Cánh Đồng Cửa Adam. Sunny bướng bỉnh bám chặt vào người phụ nữ ở lầu Trẻ Lạc như con sao sao bám vào tảng đá, mẹ cậu phải cạy mãi mới tách cậu ra được. “Cậu bé tội nghiệp!” Người phụ nữ thốt lên. Viola liền nói: “Bà có thể giữ nó nếu bà muốn.” Hiển nhiên là người phụ nữ ở lầu Trẻ Lạc nghĩ rằng đó là một lời nói đùa.

*

Cánh cửa ngôi nhà trại bật mở khi chiếc xe cảnh sát dừng lại và Dorothy bước ra, trùng mắt với Viola và nói: “Cô dẫn lũ heo đến cửa nhà tôi sao?” Hai viên cảnh sát phần nộ thấy rõ khi bị gọi xách mé như vậy bởi một người phụ nữ tuy mặc váy dài nhưng rõ ràng là một bà cụ đã nghỉ hưu và đáng lẽ phải cư xử có hiểu biết hơn.

“Các người không thể vào nhà nếu không có giấy khám nhà.” Dorothy hống hách nói.

“Chúng tôi không có ý định vào nhà.” Một viên cảnh sát nói, hít ngửi không khí một cách khoa trương. Mặc dù trong nhà có rất nhiều ma túy nhưng thứ mùi duy nhất có thể ngửi thấy lại là mùi dầu thơm hoặc hương nồng nặc của Dorothy.

Lúc này, Dorothy đã bước ra sân trại và đứng chống nạnh, bảo vệ lãnh địa của mình. “Các người sẽ không được bước qua đây.” Bà ta nói như thể đang bảo vệ một rào chắn.

“Ồ, vì Chúa!” Viola nói. Cô đã quá mệt mỏi với chuyện nhảm nhí này.

“Cô đã ở nơi quái quỷ nào vậy, Viola? Chúng tôi cứ thắc mắc chuyện gì đã xảy ra với cô. Dominic đang ở trong phòng vẽ, cậu ta đã về hàng tiếng đồng hồ rồi.”

“Anh ấy đã về ư? Về đây?” Viola hỏi.

“Hừ, còn ở đâu được chứ?”

“Đó là ông Villiers mà chúng ta đang nói đến ư?” Một viên cảnh sát xen vào. “Ông Dominic Villiers?”

“Quý ông đã khiến chúng ta phải mở một cuộc tìm kiếm quy mô lớn ngoài biển?” Người kia nói. “Người đã khiến chúng ta phải huy động cả một chiếc trực thăng cứu hộ của lực lượng RAF để tìm kiếm?”

*

“Vậy là sau một hồi ngụp lặn trên biển, cậu ta lên bờ nhưng không thể tìm thấy cô nên cứ thế lái xe về nhà?” Người nông dân hỏi.

“Chỉ mặc độc cái quần bơi?” Bà vợ của ông nông dân nói, lắc đầu vẻ không tin trước sự thật này. Viola có thể thấy rằng cô đã đẩy hai vợ chồng họ tới giới hạn của trí tưởng tượng. Họ sẽ không bao giờ hành xử như Dominic bởi vì họ là người bình thường.

Cô đã gói ghém đồ đạc vào trong một cái túi, lấy hết số tiền từ quỹ chung nhân lúc không ai để ý rồi đi bộ sang trang trại kế bên. Thậm chí chẳng ai nhận ra cô đã bỏ đi.

Cô đã chuẩn bị tinh thần để đương đầu với lũ ngỗng nhưng dường như chúng đã đi ngủ.

“Ồ, là cô à!” Ông nông dân đã nói. Chuyện xảy ra lúc sáng nay dường như đã quá xa xôi đối với tất cả bọn họ.

Bà vợ của ông nông dân tắm tấp cho bọn trẻ. Khi chúng từ phòng tắm đi ra, quần khăn tắm quanh người, trông chúng sạch sẽ, tinh tươm như chưa bao giờ lấm bẩn. Sau đó, chúng được mặc cho bộ pyjama mà bà vợ ông nông dân để dành cho các cháu của bà khi chúng về thăm bà. Bà đã hâm nóng món hầm và khoai tây. Viola cùng các con ngẫm nhất trí rằng họ sẽ không nhắc đến việc mình là người ăn chay. Viola cảm thấy cô đã có đủ rắc rối rồi (ha!), không cần phải làm phức tạp mọi chuyện thêm nữa (họ đang ở trong một trang trại, cô tự biện minh). Sau đó, khi bà vợ của ông nông dân lấy ra món tráng miệng mà bà làm có kem chế biến từ sữa của những con bò có bộ lông màu đỏ bóng mẩy, Viola không nói “Đừng ăn thứ đó! Thành phần của nó có men dịch vị tiết ra từ một enzyme trong dạ dày của bò!”, giống như cô thường nói về pho mát. Thay vì thế, cô lặng lẽ nuốt nó xuống. Thật là ngon!

Họ ngủ lại ở đó, trên những tấm ga giường cũ sạch sẽ, lũ trẻ ngủ trên một chiếc giường đôi. Ngay từ khi còn rất nhỏ, trước cả khi biết nói, Bertie đã có thói nói mê khi ngủ, cô bé cứ ú ớ suốt đêm, nhưng đêm nay, Sunny nhẹ nhõm khi thấy cô bé ngủ im. Cậu đặt một hòn sỏi dưới gối để tạo cảm giác an tâm. Khi cậu tỉnh dậy vào sáng hôm sau, đó là vật đầu tiên mà cậu tìm. “Ôi trời ơi!” Viola nói khi cậu đặt nó bên cạnh đĩa ăn sáng của cậu.

Họ ăn món trứng bác vàng ruộm như vầng mặt trời. Rồi bà vợ của ông nông dân lại mặc cho bọn trẻ bộ đồ mới mà bà định để dành cho cháu của bà. Sunny diện chiếc quần soóc sạch sẽ và cái áo Aertex nhỏ xíu, trong khi Bertie mặc chiếc váy in hoa với phần thân trên may kiểu xếp nếp hình tổ ong và cổ áo kiểu Peter Pan màu trắng. Trông chúng cứ như con cái của nhà khác vậy.

Ông nông dân chở họ tới nhà ga, từ đó họ bắt một chuyến tàu tới London, và từ ga King's Cross ở London, họ lại bắt một chuyến tàu khác tới York.

“Chào các con!” Teddy nói khi ông mở cửa và nhìn thấy “nhóm người tị nạn” nhỏ bé đang đứng trên bậc thềm. “Quả là một điều bất ngờ tuyệt diệu!”

1947

Mùa đông khắc nghiệt này

Tháng Hai

*Bông giọt tuyết với sắc trắng tinh khôi nhất
Ngóc đầu lên lần đầu vào ngày lễ Nến Candlemas.*

“Tôi suýt thì bỏ lỡ khóm hoa nhỏ bên con mương ở chân một hàng rào. Nước trong mương vẫn đóng băng “cứng như đá”, giống như nước ở mọi cái hồ và kênh rạch khác trên hòn đảo này. Vì vậy, năm nay tôi đã không mong đợi “loài hoa báo xuân quả cảm^[43]” của Wordsworth xuất hiện đúng thời điểm. Theo truyền thống, hoa giọt tuyết nở vào ngày lễ Nến Candlemas (ngày mồng Hai tháng Hai). Ở một số vùng, nó được gọi tên là “hoa chuông Candlemas”, nhưng giữa mùa đông dài và ảm đạm chưa từng có này, chúng ta chắc chắn phải thứ lỗi cho chúng nếu chúng xuất hiện hơi muộn một chút.”

Nancy kìm nén một cú ngáp, Teddy bắt gặp nhưng không nói năng gì. Cô đang chăm chú với món đồ đan dở bên ngọn đèn tù mù. Vì thời tiết tệ hại này mà khắp nơi đều bị cắt điện, nhưng ngôi nhà của họ không bị ảnh hưởng gì, bởi lẽ ngay từ đầu nó đã không mắc điện rồi. Ở dưới nhà, họ thắp đèn dầu và đèn dầu hỏa, còn trên gác thì thắp nến. Họ

túm tụm xung quanh ngọn lửa lò sưởi vốn là ngọn nguồn ấm áp duy nhất của họ, nếu không kể đến bản thân họ. Teddy cúi người để khêu một khúc củi bằng thanh còi lửa rồi liếc lên nhìn Nancy, thầm nghĩ: Cô ấy sẽ tự làm hỏng mắt mình dưới ánh sáng này mất. Cô đang đan một cái áo len chui đầu không tay kiểu Fair Isle^[44] phức tạp cho anh. Cô nói trong mẫu đan có Toán học. Các khuôn mẫu có trong mọi thứ. Theo Nancy, Toán học là “điều duy nhất chân thực”.

“Không phải là tình yêu sao?” Teddy nói.

“Ồ, tình yêu, đương nhiên rồi.” Nancy cộc lốc nói. “Tình yêu là điều thiết yếu, nhưng nó là một thứ trừu tượng, còn các con số là tuyệt đối. Các con số không thể bị bóp méo.” Một câu trả lời không thỏa đáng, hẳn rồi, Teddy nghĩ. Đối với anh, tình yêu mới là tuyệt đối, hơn hẳn tất cả mọi thứ. Đúng không? Với anh?

Họ đã cưới nhau vào mùa thu năm 1945 ở Phòng Hộ tịch Chelsea, mỗi bên chỉ có một người chị em gái - Ursula và Bea - để làm chứng. Teddy lúc ấy mặc quân phục nhưng không đeo huân chương. Còn Ursula đã nài nỉ Izzie cho cô mượn một bộ váy đầm mà bà mua ở Paris hồi trước chiến tranh nhưng không nói lý do tại sao. Bea đã giúp Nancy chỉnh sửa bộ váy đầm ấy để nó bớt lộng lẫy và phù hợp với cuộc sống khổ hạnh thời bấy giờ hơn. Sáng hôm đó, Bea đã tới Covent Garden để mua một ít cúc đại đóa, những bông cúc to tướng lòe xòe màu gỉ sắt được cô khéo léo bó lại để tạo thành một bó hoa cưới. Bó hoa rất hợp với chiếc váy lụa màu thịt hào. Hồi trước chiến tranh, Bea từng là sinh viên

của trường St Martin, là người có tính nghệ sỹ nhất trong số tất cả các cô gái nhà Shawcross, mặc dù Millie sẽ khó lòng chấp nhận điều đó. Teddy vẫn nghĩ họ là các cô gái, mặc dù Winnie, cô chị cả, giờ đã bốn mươi tuổi rồi.

Cả Teddy lẫn Nancy đều không thể tính đến một đám cưới hoành tráng khi mà chiến tranh chỉ vừa mới kết thúc chưa lâu. “Và ai sẽ trao em cho chú rể?” Nancy nói. “Sẽ rất buồn nếu không được bố dắt đi trên lễ đường.” Thiếu tá Shawcross đã mất vài tuần trước, điều này cũng không bất ngờ lắm.

Teddy nghĩ anh hiểu Nancy - trước chiến tranh, anh *thực sự* hiểu cô - nhưng bây giờ cô luôn khiến cho anh bất ngờ. Anh đã cho rằng khi kết hôn, anh và Nancy sẽ dính chặt lấy nhau và hòa làm một - theo ý nghĩa trong *Kinh thánh* của từ này - trong khi thực tế anh liên tục nhận ra sự khác biệt giữa họ. Cô thường làm anh chao đảo khi mà anh mong đợi - hy vọng - cô giúp anh đứng vững.

Họ từng là thanh mai trúc mã của nhau, hay đúng hơn là mọi người thường gọi họ như thế. “Em ghét lối ví von đó lắm.” Nancy nói vào cái đêm trước đám cưới giản dị của họ. Họ đang uống rượu trong một quán rượu tồi tàn, gần như vắng tanh ở một con hẻm trên đường Piccadilly. Họ chọn nơi này vì nó gần ngôi trường mà cả hai người đều đang học để lấy chứng chỉ dạy học cấp tốc.

Dạy học đã là một phần trong viễn cảnh về cuộc sống toàn vẹn của họ sau chiến tranh. Thực ra đó là viễn cảnh của Nancy, Teddy chỉ đơn giản làm theo cái viễn cảnh đó vì anh không thể nghĩ ra việc gì khác. Anh không có ý định trở

lại ngành ngân hàng - cái nghề khiến anh không thể chịu đựng nổi hồi trước chiến tranh - và anh cũng không thể làm phi công được nữa. Không quân Hoàng gia Anh không có lời kêu gọi nào đối với hàng tá người - có lẽ phải hàng trăm mới đúng - muốn ở lại và tiếp tục bay sau khi chiến tranh kết thúc. Đất nước đã xong việc với họ rồi. Họ đã cống hiến tất cả những gì mình có rồi đột nhiên bị thả trôi. Lòng biết ơn không còn là tôn chỉ nữa. Trong tình cảnh này, dạy học dường như là một lựa chọn tốt đối với anh. Thơ, kịch, tiểu thuyết kinh điển, đó là lĩnh vực anh từng yêu thích. Hẳn là anh có thể nhen nhóm lại tình yêu ấy và truyền tải nó đến với thế hệ sau. Đó là một việc làm tốt đẹp, đúng không?

“Em cũng nghĩ vậy.” Nancy hồ hởi nói. “Bây giờ thế giới cần nghệ thuật hơn lúc nào hết. Nó có thể dạy cho chúng ta những điều mà con người rõ ràng không thể.” Không phải là Toán học sao? “Không, Toán học chẳng thể dạy chúng ta điều gì cả. Nó chỉ là *chính bản thân* nó thôi.”

Teddy không nghĩ rằng nghệ thuật (“Nghệ thuật.” Anh nghĩ, nhớ đến mẹ mình) nên được dùng để làm công cụ giáo dục, nó nên là ngọn nguồn của niềm vui và sự an ủi, sự thăng hoa và sự thấu hiểu. (Thực ra, nó chỉ nên là chính “bản thân nó”.) Đối với anh, nó đã từng là tất cả những thứ như trên. Tuy nhiên, Nancy lại có xu hướng nghiêng về tính giáo dục của nó.

Người giáo viên đáng kính là người truyền đạt kiến thức, Nancy nói, có vẻ tâm đắc với ý kiến này. Họ chính là những người sẽ tạo nên tương lai tốt đẹp hơn cho thế giới bằng đóng góp nhỏ bé của họ. Cô đã gia nhập Đảng Lao động và

tham dự đều đặn những cuộc họp nghiêm túc, âm thầm. Kibbo Kift đã tạo cho cô một nền móng rất tốt.

Họ đến quán rượu vì Nancy nói cô muốn đảm bảo rằng Teddy không mắc chứng “lo lắng trước đám cưới” và “hoàn toàn chắc chắn” rằng anh muốn tiến hành đám cưới này. Anh tự hỏi liệu có phải chính cô mới là người không chắc chắn, và cô đang hy vọng anh sẽ giải thoát cho cô vào phút chót không. Họ đang uống một ly cognac ngon bất ngờ. Chủ quán đã lấy chai rượu này từ dưới quầy để dành cho “đôi uyên ương” khi ông ta biết được rằng họ sẽ kết hôn vào ngày mai. Có vẻ như nó không có nguồn gốc hợp pháp. Thi thoảng Teddy lại tự hỏi phải chăng tất cả mọi người đều kiếm được tiền từ chiến tranh, ngoại trừ những người đã chiến đấu trong lòng của nó?

“*Courage, mon ami*^[45]!” Nancy nâng ly, tỏ lòng tôn kính với quê hương của loại rượu này. Cô cảm thấy họ cần can đảm ư?

“Vì tương lai...” Anh đáp, cùng ly với cô. Trong chiến tranh, suốt một thời gian dài anh đã không tin vào tương lai - nó đã có vẻ là một ý niệm kỳ quặc - và bây giờ khi anh đang sống trong cái “sau này” đó, như cách anh nghĩ về nó trong chiến tranh, nó phần nào càng có vẻ giống một ý niệm kỳ quặc hơn. “... Và hạnh phúc.” Anh nói thêm như thế vừa chợt nghĩ ra, bởi vì đó là điều mà người ta nên nói, dầu chỉ để lấy may.

“Cứ như cái chuyện “Anh ấy đã cưới cô hàng xóm” ấy nhỉ!” Nancy tiếp tục rủ rủ. “Như thế chúng ta không có lựa

chọn nào trong vấn đề này, như thể đó là *định mệnh* của chúng ta vậy.”

“Nhưng em *từng* là cô hàng xóm của anh đấy thôi.” Anh nói. “Và anh *đang sắp* cưới em còn gì.”

“Vâng.” Cô kiên nhẫn nói. “Nhưng chúng ta đang *lựa chọn*. Đó là điều quan trọng. Chúng ta không chỉ nhắm mắt đưa chân bước vào một thứ gì đó.” Teddy nghĩ có lẽ anh thì có.

Họ đã biết nhau từ thuở ấu thơ, nếu không phải là người yêu của nhau thì chắc chắn cũng là đôi bạn thân thiết nhất. Khi Teddy rời Góc Cáo để đi học ở trường nội trú, Nancy là người duy nhất không phải thành viên trong gia đình được anh nhắc đến trong những lời cầu nguyện hàng đêm. *Xin hãy che chở cho phụ mẫu con* (anh đã học được rằng ở trường nội trú, chẳng ai gọi cha mẹ mình là “bố” và “mẹ”, ngay cả trong những lời khấn nguyện trong lòng) và *Ursula, Pamela, Jimmy, Nancy và Trixie*. Sau khi Trixie chết và được thay thế bằng Jock, lời cầu nguyện của anh được sửa thành và *Jock và Trixie trên thiên đường*. Phải, những chú chó cũng được coi là thành viên trong gia đình. Maurice chỉ được đưa vào danh sách nếu có khi nào anh chợt nghĩ đến anh ta và cảm thấy có lỗi.

“Em không cần phải kết hôn một cách miễn cưỡng.” Anh nói với cô. “Anh sẽ không ràng buộc em. Suy cho cùng, ai chả đính hôn trong chiến tranh chứ.”

“Ồ, anh đúng là đồ ngốc.” Cô nói. “Đương nhiên em muốn lấy anh. Anh có chắc là *anh* muốn lấy *em* không? Đó

mới là vấn đề. Và anh chỉ được trả lời là “có” hoặc “không” thôi. Không được vòng vo.”

“Có.” Anh nói nhanh và khá to khiến hai vị khách khác của quán rượu - một ông lão và một con chó trông còn già hơn cả ông ta - vốn đang lơ đãng uể oải liền giật mình nhìn sang.

Chiến tranh đã là một vực thẳm lớn và không còn đường nào để trở lại bờ bên kia, trở lại với cuộc sống trước đây của họ, trở lại với con người họ khi ấy. Điều này không chỉ đúng với riêng họ mà còn đúng với cả châu Âu hoang tàn tội nghiệp. Chị gái Ursula của anh nói: “Người ta nghĩ về những ngọn tháp lớn bị lung lay, những *Altstadt*^[46] với những con đường trải sỏi nhỏ hẹp, những tòa nhà thời Trung cổ, những *Rathaus*^[47] và thánh đường, những trường học lớn, tất cả đều đã biến thành đồng đổ nát.”

“Do em.” Teddy nói.

“Không, do Hitler.” Ursula nói. Cô luôn thích đổ lỗi cho Adolf thay vì người Đức nói chung. Cô từng đến đất nước ấy hồi trước chiến tranh, cô có bạn bè ở đó và vẫn đang cố gắng tìm kiếm vài người trong số họ. “Người Đức cũng là nạn nhân của Đảng Quốc xã, nhưng đương nhiên họ không thể nói ra điều đó một cách công khai.”

Khi cuộc chiến kết thúc, Ursula từng tham gia một chuyến bay thị sát và đã chứng kiến tận mắt cảnh điêu tàn cùng những đồng đổ nát vẫn còn cháy âm ỉ của nước Đức. “Nhưng rồi người ta nghĩ đến những lò hỏa thiêu.” Cô nói. “Người ta nghĩ đến Hannie tội nghiệp. Cuộc tranh cãi kiểu ấy dường như luôn kết thúc ở những trại tập trung, không

phải sao? Auschwitz, Treblinka. Tội ác khủng khiếp. Chúng ta đã phải chiến đấu. Nhưng chúng ta vẫn phải tiếp tục tiến bước. Và dù có chiến tranh hay không thì chúng ta cũng không bao giờ có thể quay đầu lại.” (Cô là triết gia trong gia đình.) “Chúng ta chỉ có thể bước vào tương lai, nỗ lực hết sức mình, đại loại thế.” Đây là khi người ta vẫn tin vào tính khả tín của thời gian - quá khứ, hiện tại, tương lai - các thời mà người ta dựa vào để xây dựng nên nền văn minh phương Tây. Trong những năm sau này, Teddy cố gắng tìm hiểu về vật lý lý thuyết theo kiểu nghiệp dư thông qua các bài báo trên tờ *Telegraph* và một cuộc vật lộn quả cảm với các cuốn sách của Stephen Hawking vào năm 1996, nhưng đành chịu thất bại khi gặp lý thuyết dây^[48]. Từ đó, Teddy cứ thong thả đối mặt với từng ngày, từng giờ một.

Bấy giờ Ursula đã qua đời được mấy chục năm, đã bị loại trừ hoàn toàn khỏi thời gian. Nhưng vào năm 1947, thời gian vẫn là chiều thứ tư của không gian, người ta vẫn dựa vào nó để tạo nên cuộc sống thường ngày. Đối với Ursula, cuộc sống thường ngày của cô là làm việc trong ngành dân chính, và cô sẽ làm công việc đó trong hai mươi năm nữa, sống cuộc sống đường hoàng, bình lặng của một người phụ nữ độc thân có nghề nghiệp ổn định ở London thời hậu chiến. Rạp hát, các buổi hòa nhạc, triển lãm. Teddy đã luôn nghĩ chị gái mình sẽ có một niềm đam mê lớn lao nào đó - một sự nghiệp, một người đàn ông, một đứa bé (hẳn rồi). Anh còn mong được làm cậu đứa con của Ursula hơn là mong được làm cha đứa con của riêng mình (thành thật mà nói, anh có chút căng thẳng khi đối mặt với thiên chức ấy),

nhưng chị gái anh đã gần bốn mươi, vì vậy anh cho rằng cô sẽ không bao giờ được làm một người mẹ.

Teddy nghĩ vợ và chị gái mình giống như hai mặt của một đồng xu sáng lóa. Trong khi Nancy là người mơ mộng thì Ursula lại là người thực tế; trong khi Nancy là người lạc quan với trái tim sôi nổi thì tâm hồn Ursula lại nặng trĩu nỗi đau thương của lịch sử. Trong khi Ursula cố gắng chấp nhận hoàn cảnh nếu bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng vĩnh viễn thì Nancy, vẫn vui vẻ và ngoan cường, sẽ tìm cho bằng được cánh cổng để trở lại khu vườn ấy.

Teddy tìm kiếm hình tượng có liên quan như “một con chó săn lùng sục một con cáo” (trích lời Bill Morrison).

*

Đang cắm cúi vào chiếc áo đan kiểu Fair Isle, Nancy ngẩng lên và nói: “Anh đọc tiếp đi. Đọc tiếp về những bông hoa giọt tuyết của anh đi.”

“Em chắc chứ?” Anh nói vì cảm nhận được sự thiếu hào hứng ở cô.

“Vâng.” Cô nói một cách dứt khoát, có lẽ là nghiêm nghị.

“Bạn bè tôi ở miền Nam nước Anh vẫn chưa thấy bông giọt tuyết nào nở cả, vậy mà ngược lại, ở miền Bắc khắc nghiệt này, “niềm vui thú đầu tiên trong năm^[49]” của Keble đã bắt đầu nhô những cái đầu ẻo lả của mình qua tấm chăn tuyết. (Người Pháp gọi chúng bằng cái tên vô cùng thích hợp là Perce-neige - hoa xuyên tuyết.) Nhưng có lẽ cái tên

mà tôi yêu thích nhất của loài hoa xuân bé nhỏ này là “những nàng trinh nữ tháng Hai.”

Bút danh của anh là Arestis, và đây là chuyên mục hằng tháng của anh - *Tản mạn về thiên nhiên*, một chuyên mục ngắn trên tờ *North Yorkshire Monthly Recorder*. Đây là một tờ tạp chí nhỏ cả về khuôn khổ lẫn tham vọng, được mọi người biết đến với cái tên rút gọn là *Recorder*, chỉ được lưu hành ở địa phương, ngoại trừ một vài bản được gửi ra nước ngoài hằng tháng, tới các nước trong Khối Thịnh vượng chung và (anh bị dẫn dụ tin rằng) một cô dâu thời chiến đang sống ở Milwaukee^[50]. Teddy cho rằng họ đều là dân di cư, là những người sống trong cảnh tha hương, cách xa các thông tin về những buổi đấu giá cừu và những cuộc họp của Hội Phụ nữ. Anh tự hỏi còn bao lâu nữa thì cô dâu ở Milwaukee bắt đầu cảm thấy rằng quê hương của cô xa lạ như mặt trăng?

Một người phụ nữ ở Northallerton - chưa từng có ai ở tòa soạn gặp cô - phụ trách đăng các công thức nấu ăn cũng như các mẹo vặt hữu ích, và thi thoảng giới thiệu các mẫu đan len. Ngoài ra còn có mục giải ô chữ (hoàn toàn không khó chút nào), chuyên mục thư của độc giả, các bài báo về những danh lam thắng cảnh trong vùng và các trang quảng cáo tẻ nhạt của các doanh nghiệp địa phương. Đó là loại tạp chí được bày khắp nơi trong phòng chờ của các phòng khám cho đến khi nó trở thành báo cũ hàng tháng, hay có khi hàng năm trời. Nếu không kể người phụ nữ ở Northallerton, tạp chí *Recorder* có đội ngũ nhân viên gồm bốn người - một nhiếp ảnh gia bán thời gian; một người phụ

nữ phụ trách tất tậ việc quản lý, bao gồm các mục thông cáo, quảng cáo và việc đặt báo dài hạn; biên tập viên Bill Morrison và Teddy, người làm tất cả những việc khác, bao gồm cả phụ trách chuyên mục *Tản mạn về thiên nhiên*.

Họ đã chuyển tới Yorkshire vì Nancy nghĩ đó sẽ là nơi họ có thể sống một cuộc sống đơn giản, tốt đẹp, một cuộc sống thôn dã, gần liền với thiên nhiên, một cuộc sống mà người ta nên sống. Một lần nữa, Kibbo Kift đã phát huy được tác dụng của mình. Cả hai người họ đều không thể chịu đựng bộ mặt u ám, sứt sẹo của thủ đô, còn Yorkshire, theo lời Nancy, có vẻ cách xa chốn đô thị, ít bị sự cơ giới hóa và chiến tranh ảnh hưởng đến hơn. “Chà...” Teddy nói, nghĩ về vụ ném bom Hull và Sheffield, về những dãy nhà máy đen sì của West Riding và, hơn hết, những phi trường lộng gió hung hiểm nơi anh đã đóng quân trong chiến tranh và cũng là nơi phần tốt đẹp hơn - có lẽ là phần tốt đẹp nhất - của cuộc đời anh đã trải qua khi gắn bó với một chiếc máy bay ném bom Halifax ồn ào, lạnh lẽo.

“Anh thích Yorkshire, đúng không?” Nancy băng quơ nói như thể người ta nói: “Năm nay chúng ta tới vùng Hồ nhé? Anh thích nơi đó, đúng không?”

“Thích” không phải là từ mà Teddy sẽ dùng ở thời điểm trong cuộc đời mà mỗi ngày đều mong manh và dường như có thể là ngày cuối cùng của anh trên Trái đất, và thì duy nhất là thì hiện tại bởi vì tương lai đã ngừng tồn tại, mặc dù họ đang liều lĩnh chiến đấu vì nó. Họ đã ném mình vào kẻ thù với quy mô lớn, mỗi ngày lại là một trận

Thermopylae^[51] mới. (“Hy sinh...” Sylvie nói. “... Là một từ khiến người ta cảm thấy việc giết chóc là cao cả.”)

Nhưng, đúng vậy, anh đã thích Yorkshire.

Họ từng nói chuyện về việc di cư. Đến Úc hoặc Canada. Teddy từng học khóa huấn luyện phi công sơ cấp ở Canada và đã thích những con người thân thiện ở đó cùng phong cách thoải mái của họ. Anh vẫn còn nhớ một chuyến đi hái đào ở đất nước ấy, còn bây giờ, trong mùa đông này, nó cứ như một giấc mơ. Trước chiến tranh, anh cũng từng du ngoạn khắp nước Pháp, chuyến đi đó thậm chí còn phù du hơn bất cứ giấc mơ nào, nhưng nước Pháp là mộng tưởng của một chàng trai trẻ, không phải là nơi dành cho một người Anh đã có gia đình vào năm 1947. Cuối cùng, họ kết luận, họ đã chiến đấu vì xứ Anh (“Nước Anh.” Nancy sửa lời anh), và sẽ thật sai trái nếu rời bỏ đất nước này trong thời khắc nó đang cần đến họ. Có lẽ việc ở lại mới là sai lầm, anh nghĩ vậy trong những năm sau này. Đáng lẽ họ nên mua tấm vé trị giá năm bảng và ra đi, nhập bọn với tất cả những cựu chiến binh bất mãn khác, những người đã nhận ra rằng Anh quốc thời hậu chiến ảm đạm giống như một đất nước thất bại hơn là một quốc gia chiến thắng.

Nancy tìm thuê được một ngôi nhà trại cũ nằm trong một thung lũng đang sắp sửa biến thành một bãi đất hoang mọc đầy thạch nam. Nó được đặt tên là Nhà Chuột (“Thật là quái gở!” Sylvie nói), mặc dù họ chẳng bao giờ hiểu được lý do tại sao nó lại được đặt tên như vậy, vì - đáng kinh ngạc thay - họ chưa bao giờ nhìn thấy một con chuột nào trong

suốt thời gian sống ở đó. Có lẽ nó được gọi như thế bởi vì nó quá nhỏ, Nancy nói.

Có một cái lò bếp bằng gang vừa là lò sưởi vừa là bếp, ở mặt sau của nó còn có một thùng đun nước nóng. (“Cảm ơn Chúa!” Họ thường xuyên nói vậy một cách nồng nhiệt trong thời tiết lạnh lẽo này.) Trong bữa tối, họ thường chỉ ăn bánh mì nướng phết loại bơ được chia khẩu phần, và họ sẽ dùng một cái nĩa bằng đồng để xiên miếng bánh lên ăn ngay trước lò sưởi thay vì đối mặt với những luồng gió băng giá thổi vào qua phòng rửa bát. Cái phòng ấy nhỏ xíu, được coi như thêm ở mặt sau của ngôi nhà vào một thời điểm nào đó trong quá khứ. Nối liền với phòng rửa bát là một căn phòng khác nhỏ như một cái lều, trong đó có một cái chậu rửa và một cái chậu tắm, những vòi nước bằng đồng của nó đã cáu đen, còn lớp men của nó thì bong tróc, loang lổ gỉ. Không radio, không điện thoại, nhà vệ sinh thì ở ngoài trời, vì thế trong thời tiết này, họ phải sử dụng một cái xô hôi hám. Đó là tổ ấm đầu tiên của họ, và Teddy nghĩ anh đã hiểu trong tương lai họ sẽ nghĩ về nó một cách triu mến ra sao, mặc dù bây giờ thì không.

Thật may là căn nhà có đầy đủ nội thất, vì họ chẳng có đồ đạc gì ngoài một cây đàn piano kiểu đứng mà họ đã xoay xở nhét vào trong căn phòng ở tầng một. Nancy chơi piano khá tốt, mặc dù còn xa mới hay bằng Sylvie. Chủ nhân cũ của ngôi nhà dường như đã chết ở đây, vì thế họ đang được thừa hưởng vài món đồ của bà lão tội nghiệp ấy: những chiếc tách, đĩa lót tách, nệm ghế, đèn bàn, chưa kể cái nĩa ăn bánh mì nướng bằng đồng. Họ đoán đó là một người phụ

nữ, bởi những tấm rèm và vải bọc ghế tuy là loại vải lanh sòn mòn có kiểu họa tiết thời vua James I được cả hai giới ưa chuộng, nhưng ngôi nhà này còn rải rác những tấm chăn đan bằng kim móc, những tấm thảm thêu ren, những bức tranh được đóng khung thêu hình khu vườn và những bức tượng quý bà mặc váy phồng, tất cả những điều đó đều nói lên rằng chủ nhân của nó là một bà lão. Họ coi bà là một mạnh thường quân vô hình. Ít nhất thì họ không phải dùng đám chăn ga gối nệm từng bao bọc một tử thi, vì bà Shawcross đã lục lọi tủ đựng đồ vải ở Quạ Gáy Xám để tìm cho họ bộ “dự phòng” của bà.

Họ bắt đầu thuê nhà vào tháng Năm, mùa hoa bung nở, và bị lòn bịp bởi bầu trời êm ả. (“Nhiều chữ “b” quá, anh bạn trẻ.” Bill Morrison nói. “Tôi đoán chắc là có một từ để gọi điều này.” Teddy nói: “Điệp âm.” Và Bill Morrison nói: “Chà, cố gắng đừng thế nhé!”) “Chúa ơi!” Sylvie nói khi bà đến thăm họ. “Chẳng phải đơn sơ quá sao?” Họ đã làm sandwich kẹp thịt bò muối, còn Sylvie thì mang đến trứng gà và dưa chuột muối. Thế là họ bèn luộc trứng và tổ chức một bữa ăn ngoài trời khá thơm tất. Họ ngồi trên một tấm thảm cũ, làm bệp rúm lớp cỏ um tùm của mảnh vườn. “Các con đang đi thụt lùi đấy.” Sylvie nói. “Chẳng bao lâu nữa các con sẽ sống trong một hang động và tắm táp ở một con suối.”

“Điều đó tệ lắm sao ạ?” Nancy nói, bóc vỏ một quả trứng. “Bọn con có thể sống như dân gypsy. Con có thể sục sạo quanh các hàng rào để tìm quả mọng, gõ cửa từng nhà

để bán rượu cognac pha soda và bùa may mắn. Còn Teddy có thể bắt cá, bắn thỏ.”

“Teddy sẽ không bắn thứ gì cả.” Sylvie quả quyết nói. “Nó không giết chóc.”

“Anh ấy sẽ làm vậy nếu buộc phải thế.” Nancy nói. “Anh lấy hộ em lọ muối với?”

Anh đã giết chóc, Teddy nghĩ. Nhiều người. Những người vô tội. Anh đã góp phần tàn phá châu Âu tội nghiệp. “Anh đang ngồi đây mà, em biết đấy.” Anh nói. “Ngay cạnh em.”

“Và...” Nancy tiếp tục nói, rõ ràng rất tâm đắc với ý tưởng này. “... Tóc bọn con sẽ ám mùi khói gỗ và con cái của bọn con sẽ cưỡi truồng chạy lông nhông.”

Đương nhiên, cô nói thế để chọc tức Sylvie. Sylvie bực bội nói: “Con từng là một nữ học giả, Nancy. Cuộc sống hôn nhân đã thay đổi thứ gì đó ở con.”

“Không, chiến tranh đã thay đổi thứ gì đó ở con.” Nancy nói. Họ im lặng trong một thoáng để nghĩ xem “thứ đó” có thể là gì.

Hồi chiến tranh, anh đã mất Nancy vì Cam kết Bảo mật. Cô đã không thể nói với anh cô đang làm gì, và anh cũng không thể nói với cô anh đang làm gì (bởi vì anh không muốn), rồi mối quan hệ của họ lung lay vì thiếu sự thấu hiểu. Cô đã thề sẽ kể với anh khi chiến tranh kết thúc (“Sau này, em sẽ kể với anh tất cả. Em hứa đấy.”), nhưng đến lúc đó, anh không còn quan tâm lắm. “Các loại mật mã và những thứ đại loại thế.” Cô thú nhận, mặc dù dĩ nhiên anh

đã đoán được điều này từ lâu rồi, cô còn có thể làm gì khác chứ?

Chẳng có người nào khác từng làm việc ở Bletchley hồi chiến tranh lại nói về những gì họ đã làm, nhưng Nancy sẵn sàng vi phạm lời cam kết để “không có thứ gì ngăn cách giữa họ”. Các bí mật có thể giết chết một cuộc hôn nhân, cô nói. Vớ vẩn, Sylvie nói, chính các bí mật có thể cứu vãn một cuộc hôn nhân.

Nancy sẵn sàng phơi bày toàn bộ trái tim mình cho Teddy xem, nhưng Teddy lại có những căn buồng riêng mà anh sẽ không bao giờ mở cửa. Anh không thành thực như cô về cuộc chiến của mình - nỗi kinh hoàng, sự ác liệt, chưa kể nỗi sợ hãi, dường như là một điều hết sức riêng tư. Và còn cả sự thiếu chung thủy của anh nữa. Nancy thừa nhận đã “lên giường” với những người đàn ông khác khi cô nghĩ rằng anh đã hy sinh chứ không phải đang ở trong một trại POW^[52], còn anh đã phản bội cô dù không có cái cớ là nghĩ rằng cô đã chết.

Cô không bao giờ hỏi, anh cho rằng đó là ưu điểm của cô. Và anh thấy sự thú nhận sẽ chẳng mang lại điều gì tốt đẹp. Anh đã cân nhắc điều này trong cái quán rượu nhỏ tồi tàn vào đêm trước đám cưới của họ. Anh có thể khai hết những tội lỗi và khiếm khuyết của mình, nhưng thực sự thì rốt cuộc nó cũng chẳng là gì cả, và Nancy cũng sẽ coi nó chẳng là gì cả, đó có thể mới là điều tồi tệ nhất.

Sylvie cũng mang theo một cái bánh ngọt khá cứng và những hạt carum trong bánh cứ mắc vào răng họ. Bà đã tự làm cái bánh ấy. Dù đã học nấu nướng ở giai đoạn muộn

màng trong cuộc đời nhưng Sylvie vẫn còn lúng túng trong lĩnh vực này. Nancy cắt bánh và đặt từng miếng bánh vào những cái đĩa cộc cạch của bà cụ chủ nhà cũ.

“Nếu các con có một đám cưới thực thụ...” Sylvie nói. “... Các con đã có quà cưới - một bộ ấm chén bằng sứ chẳng hạn - như vậy các con sẽ không phải tiếp khách bằng những món đồ sành cộc cạch kỳ dị. Chưa kể tất cả những vật dụng thiết yếu khác của cuộc sống hôn nhân.”

“Ồ, bọn con vẫn xoay sở ổn cả khi không có những vật dụng thiết yếu ấy.” Nancy nói.

“Con đang càng lúc càng trở nên giống mẹ con đấy.” Sylvie nói. Nancy liền đáp “Cảm ơn mẹ. Con sẽ coi đó là một lời khen”, khiến Sylvie càng bức bối hơn. Đương nhiên, Sylvie chưa bao giờ nguôi ngoai chuyện Teddy và Nancy không mời bà dự đám cưới. Theo lời bà, họ đã “lén lút kết hôn”. “Đó không phải là kiểu ảnh mà con có thể lồng trong khung bạc, đúng không?” Bà thở dài khi nhìn chăm chú vào những tấm ảnh nhỏ xíu mà Bea chụp vào ngày hôm đó bằng cái máy ảnh Brownie cũ của cô.

“Bánh ngon đấy ạ.” Nancy nói, cố gắng xoa dịu Sylvie, nhưng rồi lại bị phân tâm khi một con ong lớn kiệt sức rơi xuống thảm, mắc vào những sợi len. Nancy đẩy nó leo lên lòng bàn tay cô và mang nó tới hàng rào, đặt nó vào một chỗ râm mát.

“Nó sẽ chết.” Sylvie nói với Teddy. “Chúng chẳng bao giờ hồi phục được. Chúng đã kiệt sức vì làm việc vất vả, chúng là những thành viên của Hội Giám lý trong thế giới côn trùng.”

“Nhưng bản năng của cô ấy là cứu giúp.” Teddy trù mến nói về Nancy khi cô chăm sóc con ong, vốn chỉ là một sinh vật nhỏ nhoi trong thế giới tự nhiên rộng lớn.

“Có lẽ thi thoảng chúng ta không nên làm vậy.” Sylvie nói. “Trời nóng quá!” Bà nói thêm, cầm chiếc khăn giấy tự quạt cho mình. “Mẹ vào nhà đây. Và cái bánh này *chẳng* ngon tẹo nào. Nancy luôn giỏi nói dối.”

*

Họ đã chẳng nghĩ gì đến mùa đông khi chuyển tới Nhà Chuột. Họ vẫn bàn tính về việc nuôi một đàn gà Leghorn, học nuôi ong, đào xới khu vườn bị bỏ hoang và trồng khoai tây “trong năm đầu tiên” để cải tạo đất. “Trồng nên một khu vườn Địa Đàng.” Nancy cười. Họ thậm chí còn tính đến chuyện nuôi dê. Chẳng chuyện gì trong số đó thành hiện thực khi những đêm dài ảm đạm bủa vây họ. Họ đã dành hết thời gian và tâm sức cho nhau, giống như những con châu chấu hưởng thụ mùa hè hơn là những con kiến chuẩn bị cho mùa đông. Họ đều cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm vì chưa kịp mua một con dê.

Bây giờ, họ khó mà nhớ nổi những buổi tối mùa hè đầu tiên - khi hơi nóng trong ngày được tích trữ bên dưới những mái hiên gie ra, và những tấm rèm cotton sờn rách phất phơ uốn lượn ở khung cửa sổ mở rộng. Họ ái ân khi trời vẫn còn sáng, chìm vào giấc ngủ say, rồi thức dậy vào lúc bình minh để làm tình một lần nữa. Họ không bao giờ nhìn thấy bóng tối. Giờ thì họ phải đính một tấm chăn đắp ngựa màu

xám cũ kĩ lên cửa sổ và lúc nào cũng nồm nớp sợ gió lùa. Băng đá bám đầy trên các tấm kính cửa sổ, cả ở bên trong lẫn bên ngoài.

“Ở đây cũng chẳng khá khẩm gì hơn.” Ursula viết thư cho họ từ London. Họ lấy thư từ cái hòm thư tự chế ở cuối đường. Lúc thư từ được giao đến thì họ đã đi làm, thành ra họ chưa bao giờ được chứng kiến lòng quả cảm của người đưa thư mà chỉ có thể tưởng tượng ra. Những nỗ lực của họ dường như cũng quả cảm chẳng kém. Họ đã mua một chiếc Land Rover cũ của quân đội trong một cuộc bán đấu giá bằng một phần số tiền mừng cưới (rất hào phóng) của Izzie. Món quà cưới tiêu chuẩn của bà đối với các đám cưới của gia đình là một bộ dao nĩa để ăn món cá, nhưng riêng Teddy thì được bà tặng một tấm séc có giá trị lớn trong bữa trà chiều ở tiệm Brown’s. “Augustus nợ cháu.” Bà nói. Augustus chẳng bao giờ lớn lên như Teddy, cậu vẫn vô tư lự và liên tục gây ra tội lỗi. Thi thoảng Teddy lại tự hỏi Augustus sẽ làm gì nếu cậu ta lớn lên. Anh tưởng tượng rằng nhân vật hư cấu được tạo ra từ hình tượng của chính anh này - Gus - sẽ đang quanh quẩn ở Soho dơ dáy thời hậu chiến, thường xuyên lui tới những câu lạc bộ và những quán rượu tai tiếng. Chắc hẳn câu chuyện đó sẽ thú vị hơn hẳn cuốn *Augustus biến mất*, tác phẩm mới nhất trong series về Augustus. Cuốn sách ấy đã vượt qua màn mưa tuyết để đến chỗ họ vào hai ngày trước và hiện đang nằm chễm chệ trên nắp cây đàn piano của Nancy, chưa được ai đụng đến. Trên bìa sau của nó có giới thiệu rằng: “Trong tập truyện này,

Augustus sẽ tham gia một nhóm ảo thuật ở địa phương và tiếp tục bày trò tinh quái”.

“Ngay cả mùa đông bất tận này cũng sẽ phải kết thúc.” Nancy nói. “Những bông hoa giọt tuyết chính là bằng chứng. Anh đã nhìn thấy chúng, đúng không? Không phải là anh bịa ra để viết báo đấy chứ?”

Anh ngạc nhiên vì cô nghĩ ra một điều như thế. “Dĩ nhiên là không.” Anh nói. Anh đang bắt đầu ước rằng mình chưa bao giờ nhìn thấy những bông hoa giọt tuyết chết tiệt ấy và chọn chúng làm chủ đề của mình. Anh đang mong đợi tháng Ba đến với sự phong phú của những loài chim và chồi non. Vào mùa xuân, Agrestis sẽ chẳng thiếu đề tài. Anh lấy một khúc củi từ trong giỏ và bỏ vào đồng lửa. Nó bắn tóe những tàn lửa lấp lánh lên tấm thảm trải trước lò sưởi. Họ đều chăm chú theo dõi để xem có tia lửa nào bùng lên không, nhưng chúng chỉ kêu xèo xèo một cách vô hại rồi tắt ngúm.

“Sao anh không đọc tiếp đi?” Nancy nói.

“Em chắc chứ?”

“Vâng.” Đôi mắt cô vẫn kiên định nhìn chiếc áo đang đan. *(Nancy luôn giỏi nói dối.)*

“Vài người nói rằng dân La Mã đã đem những bông hoa giọt tuyết đầu tiên đến vùng này, nhưng có những người lại nói rằng chúng được trồng lần đầu bởi các tu sĩ (hay có lẽ là các nữ tu), và thực tế thì ta có thể thấy chúng trải đầy mặt đất vào mùa xuân như một tấm thảm phủ lên “chỗ đứng trống trơn, đổ nát của ca đoàn”^[53] trong thơ của Shakespeare. Tuy nhiên không hiểu sao ta vẫn có cảm giác

nó là một loài hoa bản địa, đã có mặt ở đây từ thuở hồng hoang, là tinh hoa của nước Anh.

Một truyền thuyết về nguồn gốc của hoa giọt tuyết kể rằng khi Adam và Eve bị trục xuất khỏi vườn Địa Đàng, họ còn phải chịu một hình phạt, đó là bị đẩy vào một mùa đông vĩnh cửu. Một thiên thần vì thương hại họ đã biến một bông tuyết thành hoa giọt tuyết, dấu hiệu cho biết mùa xuân sẽ trở lại trên thế gian."

Nancy lại ngáp cái nữa, lần này lộ liễu hơn.

"Anh chỉ đang soát lỗi thôi." Teddy nói. "Em không cần phải thích nó."

Cô ngẩng lên và nói: "Em thích mà! Đừng nhạy cảm như vậy. Em chỉ mệt thôi."

"Có lẽ những ai trong chúng ta phải chịu đựng mùa đông khắc nghiệt này sẽ có thể dễ dàng đồng cảm với những vị tổ phụ trong Kinh thánh của chúng ta. Lễ Nến Candlemas trong lịch Công giáo là lễ tẩy uế của Đức mẹ Mary..."

"Nó khá là dài dòng nhỉ? Anh có nghĩ vậy không?"

"Dài dòng ư?" Teddy nói.

*

Trước chiến tranh, anh đã tự coi mình là một nhà thơ và có vài bài thơ được đăng trên những tờ tạp chí văn chương ít tiếng tăm. Nhưng trong một chuyến về thăm Góc Cáo hồi chiến tranh, anh đã giở lại những tác phẩm tiền chiến này - được anh cất trong một hộp giày dưới gầm chiếc giường của

mình thuở ấu thơ - và nhìn thấu bản chất của chúng: những dòng chữ nguệch ngoạc gà mờ của một trí tuệ non nớt. Về phong cách, chúng dựa vào những phép ẩn dụ vòng vo, mơ hồ, hầu như luôn cố gắng miêu tả cảm xúc của anh với thiên nhiên. Anh đã bị thu hút bởi đường cong của ngọn đồi, thung lũng và mặt nước trong thơ của Wordsworth. “Anh có một tâm hồn ngoại giáo.” Nancy từng nói với anh như vậy nhưng anh không đồng ý. Anh có tâm hồn của một cha xứ vùng quê đã đánh mất đức tin của mình. Nhưng bây giờ điều đó không quan trọng, vì vị thần Pan^[54] vĩ đại thực sự đã chết rồi, và chiến tranh từ lâu đã dập tắt khát vọng làm thơ của Teddy.

Sau khi tốt nghiệp trường Oxford, anh đã nộp đơn xin ở lại trường và học tiếp thạc sĩ Triết học, trì hoãn thời điểm tìm việc. Từ sâu thẳm trong trái tim, anh vẫn muốn là một người lái tàu, nhưng anh cho rằng điều đó không thể thành hiện thực. Anh sẽ rất ngạc nhiên (và cả vui sướng nữa) nếu ai đó nói với anh rằng năm năm sau, anh sẽ được đào tạo để trở thành phi công.

Anh đã lựa chọn thơ của Blake để nghiên cứu vì thứ mà anh cho là “sự ngây ngô mù mờ” của mình (*“Điều đó có nghĩa là gì?”* Sylvie nói), nhưng sau một học kỳ, anh quá bồn chồn bức rứt nên đã từ bỏ Blake và trở về Góc Cáo. Anh mệt mỏi với việc phân tích và mổ xẻ văn chương, “giống như một cuộc khám nghiệm tử thi”, anh nói với Hugh như vậy khi ông mời anh vào thư phòng của ông để uống một ly rượu mạch nha và “trò chuyện một chút” về tương lai của anh.

“Con muốn...” Teddy trầm ngâm nói. “... Đi du ngoạn một chút để thăm thú đất nước. Và có lẽ cả một chút châu Âu nữa.” Anh nói “đất nước” là để chỉ xứ Anh hơn là cả nước Anh, và nói “châu Âu” là để chỉ nước Pháp, nhưng không nói rõ ra vì Hugh có định kiến khá khó hiểu với nước Pháp. Teddy cố gắng giải thích với bố mình rằng anh muốn cảm nhận thế giới một cách *trực tiếp*. ““Một cuộc sống của các giác quan” như cách nói của bố. Làm nông và làm thơ. Hai việc ấy không trái ngược với nhau.” Không, không, hoàn toàn không, Hugh nói, Virgil từng sáng tác tác phẩm *Nông ca* và những tác phẩm đại loại vậy. Một “nhà thơ nông dân”. Hoặc một “nông dân làm thơ”. Hugh đã làm việc ở ngân hàng cả cuộc đời, đó chắc chắn không phải là cuộc sống của các giác quan.

Từ năm mười hai tuổi, Teddy đã làm việc ở trang trại của Lâu đài Ettringham vào các kỳ nghỉ, không phải vì tiền - anh thường không được trả tiền - mà vì niềm vui được lao động trong bầu không khí trong lành. (“Cô không thể nghĩ ra điều gì tồi tệ hơn.” Izzie nói. Bà đã thấy anh phụ việc ở khu vắt sữa bò trong một lần bà tới thăm Góc Cáo và suýt bị một con bò cái xéo phải.) “Trong thâm tâm, con không phải là một trí thức.” Anh nói với bố, biết rằng quan điểm này sẽ thu hút sự chú ý của Hugh, và đúng là ông đã gật đầu đồng tình. Và gắn bó với đất đai, Teddy nói, chẳng phải đó là mối quan hệ sâu sắc nhất so với tất cả sao? Từ đó sẽ sinh ra những áng thơ không chỉ là sản phẩm khô khan của tri thức (Hugh lại gật đầu) mà còn chạm đến trái tim của người đọc.

Có lẽ thậm chí cả một cuốn tiểu thuyết. (Anh đã non nớt làm sao!)

“Một cuốn tiểu thuyết?” Hugh nói, không kìm được nhướn mày. “Hư cấu?” Sylvie mới là người đọc tiểu thuyết, không phải Hugh. Hugh là người đàn ông của thời đại ông. Ông thích những gì thực tế. Nhưng Teddy là một trong những đứa con cưng của Hugh. Cả Hugh và Sylvie đều bí mật xếp thứ tự những đứa con của mình, mặc dù Sylvie cũng chẳng giấu giếm điều đó lắm. Họ có cảm nhận khá giống nhau - Pamela xếp ở giữa, Maurice xếp ở dưới cùng, chỉ có một điểm khác biệt là Ursula, cô vốn được xếp ở vị trí khá xa so với trái tim Sylvie nhưng lại là người gần gũi với trái tim Hugh nhất. Đứa con cưng của Sylvie đương nhiên là Teddy, đứa con trai tuyệt vời nhất của bà. Teddy tự hỏi bà đã thích ai nhất trước khi anh ra đời. Anh ngờ rằng chẳng có ai cả.

“Chà, bố hiểu con không muốn bị *mắc kẹt*.” Hugh nói. Bố anh đã có cảm giác bị mắc kẹt sao? Phải chăng đó là lý do ông cho Teddy hai mươi bảng và nói với anh rằng hãy ra đi và “sống cuộc sống đích thực trong một thời gian”? Teddy từ chối món tiền ấy - điều quan trọng là anh phải tự bước trên đôi chân của mình, dù đi bất cứ đâu - nhưng anh vô cùng cảm kích sự tán thành của bố.

Mẹ anh không ủng hộ anh, điều đó cũng chẳng có gì lạ. “Con muốn làm *cái gì cơ?*” Sylvie nói. “Con có bằng của trường Oxford, vậy mà con lại muốn lang thang như một nhà thơ thời Trung Cổ ư?”

“Một kẻ hát rong.” Hugh nói. “Một kẻ khổ rách áo om^[55].” Ông là người rất hâm mộ Sullivan và Gilbert vĩ đại.

“Chính xác.” Sylvie nói. “Những kẻ vô công rồi nghề tha thân từ nông trang này sang nông trang khác, trông chờ các chủ trại thuê mình làm việc. Người nhà Beresford không như vậy.”

“Thực ra, nó là người nhà Todd mà.” Hugh nói (nhưng chẳng có tác dụng gì). “Em đã trở nên hóm hỉnh quá rồi, Sylvie.” Ông nói thêm, càng chẳng lay chuyển được bà.

“Con không định làm thế mãi.” Teddy nói. “Có lẽ chỉ một năm thôi, rồi sau đó con sẽ ổn định với một công việc gì đó.” Anh vẫn đang nghĩ về từ “nhà thơ thời Trung Cổ” của Sylvie và bị thu hút bởi ý tưởng (rất không ổn định) đó.

Và thế là anh lên đường. Anh làm công việc gieo hạt giống bắp cải ở Lincolnshire, trải qua mùa cừu sinh sản ở Northumberland, phụ giúp thu hoạch lúa mì ở Lancashire, hái dâu tây ở Kent. Anh được các bà vợ của những ông nông dân phục vụ ăn uống ở bàn ăn của những ngôi nhà trại rộng lớn. Vào mùa đông, anh ngủ trong kho thóc hay nhà kho và những ngôi nhà tranh xiêu vẹo, còn vào những đêm mùa hè ấm áp thì ngủ trong cái lều bạt cũ hơi mốc meo đã gắn bó với anh từ hồi còn tham gia sinh hoạt ở đội Sói Con và Kibbo Kift. Cuộc phiêu lưu đáng nhớ nhất của cái lều ấy còn chưa xảy ra, đó là năm 1938, khi nó theo Teddy và Nancy đi cắm trại ở Peak District, trong thời gian đó, họ (cuối cùng) thôi làm bạn bè và trở thành người yêu của nhau.

“Không thể vừa làm bạn bè vừa là người yêu sao?” Teddy thắc mắc.

“Chà, đương nhiên.” Nancy nói. Teddy nhận ra rằng anh đã quen Nancy quá lâu và quá thân thiết với cô nên không thể đột nhiên “say đắm” cô. Anh yêu cô, đương nhiên, nhưng anh không say đắm cô và chưa bao giờ như vậy. Anh tự hỏi liệu có bao giờ anh sẽ say đắm cô không?

Nhưng đó là chuyện trong tương lai. Còn bây giờ anh đang ở trong một chuồng cừ để trông đàn cừ, đọc thơ của Housman và Clare bên ánh đèn Tilley. Anh đang tập làm thơ, những bài thơ của anh hầu như chỉ nói về phong cảnh và thời tiết (những bài thơ được cất trong hộp giày) mà ngay cả anh cũng cảm thấy tẻ nhạt. Chẳng có bài thơ nào về đàn cừ, hoặc thậm chí là cừ con. (*“Những sinh vật nhỏ xíu há hốc miệng run rẩy”* - Bài thơ *Đàn cừ con ở Grasmere* của Rossetti luôn khiến anh chùn bước.) Những con bò chẳng đem lại gì ngoài sữa. Teddy chẳng bao giờ làm được những câu thơ kiểu như *Bầu trời có hai màu như một con bò hoang* của Hopkins. “Anh tôn sùng Hopkins.” Anh viết thư cho Nancy từ một nơi nào đó ở phía nam bức tường thành Hadrian^[56]. “Giá mà anh có thể viết được những câu thơ như của ông ấy!” Anh luôn tỏ ra vui vẻ trong những lá thư, như thể đó là phép lịch thiệp, trong khi thực tế anh đang thất vọng vì những câu thơ thô kệch của mình.

Izzie tới thăm anh trong thoáng chốc, bà ở trong một khách sạn bên hồ Windermere và đãi anh một bữa tối đắt tiền ở đây. Trong bữa ăn ấy, bà liên tục tiếp rượu cho anh và hỏi anh nhiều câu hỏi để “tạo tính chân thật” cho cuốn *Augustus làm nông dân*.

Một năm trôi qua nhanh chóng. Vụ thu hoạch táo sớm ở Kent đã sinh ra một bài tụng ca mùa thu sẽ làm cho thi sĩ Keats phải cảm thấy hổ thẹn (*Mấy ngón tay sương giá lạnh băng/ Chưa chạm đến những quả táo hồng ươm nắng...*). Anh vẫn chưa sẵn sàng từ bỏ cả thơ ca lẫn nghề nông, vì thế anh đã lên một chuyến phà ở Dover, mang theo một cuốn sổ dày sạch sẽ mới tinh trong túi. Khi đặt chân lên đất Pháp, anh bèn hướng về phía nam, đến với những ruộng nho và vụ thu hoạch nho, nghĩ tới ly nước suối Hippocrene^[57] đổ rục của Keat, mặc dù Hippocrene ở Hy Lạp chứ không phải ở Pháp, đúng không nhỉ? Anh đã không nghĩ gì đến Hy Lạp. Anh tự quở trách mình vì thiếu sót (lớn) này trong lịch trình tìm về cái nôi của nền văn minh. Sau này, anh lại tự quở trách mình lần nữa vì đã bỏ qua những kỳ quan của Venice, Florence và Rome, nhưng vào lúc đó anh đã vui vẻ né tránh phần còn lại của châu Âu. Vào năm 1936, đó là một vùng đất hỗn loạn và Teddy cảm thấy mình không cần phải trải nghiệm những biến động chính trị của nó. Trong những năm sau này, anh tự hỏi liệu anh có sai lầm không, liệu anh có nên tránh đối mặt với mầm mống của tội ác như thế không. Đôi khi chỉ cần một người đàn ông tốt đứng lên là đủ đương đầu với cái xấu, Ursula đã nói với anh như vậy trong chiến tranh. Cả hai người họ đều không thể nghĩ ra một ví dụ trong lịch sử. Ursula nêu ý kiến: “Có lẽ trừ Đức Phật. Chị không tin Chúa có thật.” Trong khi đó, có rất nhiều ví dụ chứng minh điều ngược lại, chỉ cần một người đàn ông xấu đứng dậy là cái ác sẽ lên ngôi, Teddy rầu rĩ nói.

Có lẽ sẽ có thời gian dành cho Hy Lạp. Dù sao đi nữa, hạn chót (“chùng một năm”) là do anh tự đặt ra.

*

Khi vụ thu hoạch nho để làm rượu vang Sauternes kết thúc, anh “nâu giòn và khỏe khoắn như một người nông dân”, đó là lời miêu tả của anh về chính mình trong một lá thư gửi cho Nancy. Tiếng Pháp của anh cũng trôi chảy hơn theo kiểu quê kệch. Sau một ngày hái nho, anh đói cồn cào và ngốn ngấu bữa tối khổng lồ mà chủ trại cung cấp cho các nhân công. Vào ban đêm, anh dựng chiếc lều bạt cũ trên một cánh đồng. Lần đầu tiên kể từ thời thơ ấu ở Góc Cáo, anh được ngủ giấc ngủ không mộng mị của người chết hoặc người vô tư, nhờ sự trợ giúp từ lượng rượu vang dồi dào trong bữa tối. Thi thoảng còn có một người phụ nữ. Anh chưa bao giờ viết một lời nào về điều này.

Trong phần đời còn lại của mình, hễ nhắm mắt là anh có thể khơi lên hình ảnh và mùi vị của những món ăn anh đã từng thưởng thức ở Pháp - mùi tỏi phi thơm lừng trong các món hầm, lá a ti xô quét bơ, món *oeufs en cocotte* - trứng được đúc trong những quả cà chua loại to và được đem nướng trong lò. Một súc thịt lưng cừu nướng nhồi tỏi và lá hương thảo, một tác phẩm nghệ thuật. Đây là những hương vị hoàn toàn xa lạ với khẩu vị nhạt nhẽo của người Anh. Pho mát, chua và nặng mùi, các món tráng miệng - *flaugnarde* với đào, *clafouti* với anh đào, *tarte aux noix*, *tarte aux pommes* và *Far Breton* - một loại bánh tạc làm từ sữa trứng

và bận khô mà cho đến cuối đời anh vẫn mơ được nếm lần nữa, nhưng giấc mơ ấy không bao giờ thành hiện thực. “Bận khô và sữa trứng ư?” Bà Glover nghi ngờ nói khi anh trở về.

Bà Glover rời khỏi Góc Cáo ngay sau khi Teddy trở về, có lẽ những yêu cầu của anh về các món ăn vùng miền của nước Pháp đã dồn ép bà ra đi. “Đừng ngốc nghếch thế!” Sylvie nói. “Bà ấy nghỉ hưu để về sống với em gái.”

Đương nhiên, còn có những bữa sáng diễn ra ở cái bàn lớn trong phòng bếp chính. Không phải là món cháo dành cho người ốm ở trường nội trú hay món trứng kèm thịt muối xông khói tầm thường ở Góc Cáo. Thay vì thế anh rạch một đường trên cái bánh mì baguette mới nướng, phết pho mát Camembert vào bên trong rồi nhúng nó vào một bát cà phê đặc nóng bỏng. Khi về nhà, anh đã quên hết cách chào ngày mới này. Nhiều thập kỷ sau, khi đang sống trong cư xá Fanning Court, Teddy đột nhiên nhớ đến nó. Cái ký ức sống động ấy đã thúc giục ông lão Teddy mua một cái bánh mì baguette ở tiệm Tesco’s (“được nướng ngay tại chỗ” - vâng, nhưng từ cái gì?) và một khoanh pho mát Camembert nhỏ chưa chín, rồi rót suất cà phê sáng của mình vào một cái bát thường được dùng để đựng ngũ cốc thay vì cái ca như thường lệ. Hương vị không giống. Hoàn toàn không giống.

Khi mùa đông đến, anh đi về phương Nam - “Em giống như loài chim nhạn vậy.” Anh viết thư cho Ursula - cho đến khi biển cả ngăn bước chân anh lại. Rồi anh thuê căn phòng bên trên một tiệm cà phê tại một làng chài nhỏ, nơi vẫn chưa bị các du khách hủy hoại. Hằng ngày, anh ngồi ở một

cái bàn trong tiệm cà phê duy nhất ấy, khoác một chiếc áo jacket và quấn một cái khăn để bảo vệ mình trước mùa đông của xứ Riviera, hút thuốc Gitanes và uống cà phê espresso từ những chiếc cốc nhỏ và dày màu trắng, cuốn sổ ghi chép được đặt ở trên bàn ngay trước mặt. Vào bữa trưa, anh chuyển sang rượu vang, bánh mì cùng cá tươi vừa được đánh bắt từ dưới biển lên và nướng bằng củi. Còn vào những buổi chiều êm đềm, anh háo hức chờ đợi được thưởng thức một loại rượu khai vị. Anh tự nhủ, mình đang sống cuộc sống của các giác quan, nhưng tận sâu trong lòng, anh nghi ngờ rằng mình đang trốn tránh cuộc đời và cảm thấy tội lỗi. (Dù sao đi nữa, anh là người Anh.)

Dân làng trù mến gọi anh là “*L’Ecrivain Anglais*^[58]”, vì anh là nhà thơ đầu tiên tới thăm họ, mặc dù ở nơi đó, các nghệ sĩ nhiều nhan nhản. Họ bị ấn tượng bởi thứ tiếng Pháp thông tục và sự cẩn mẫn ghi chép của anh. Anh thấy mừng vì họ không thể đọc được những bài thơ tầm thường ấy. Nếu hiểu được, họ có thể bót ngưỡng mộ anh hơn một chút.

Anh quyết định tiếp cận với Nghệ thuật (viết hoa theo kiểu của Sylvie) một cách có phương pháp hơn.

Thi ca là những công trình nghệ thuật, không chỉ là những từ ngữ đơn giản tuôn ra bừa bãi từ trong trí óc. Anh đã viết từ “Quan sát” làm tiêu đề ở đầu cuốn sổ và các trang giấy chứa đầy những hình ảnh tẻ nhạt - “Hôm nay biển rất xanh - Xanh thắm? Xanh ngắt? Xanh biếc?”, và “Ánh mặt trời lấp lánh trên mặt biển như một nghìn viên kim cương”, hoặc “Bờ biển như được tạo nên từ những khối màu rắn chắc và những mảnh nắng nóng bỏng.” (Anh khá

hài lòng với câu này.) Và “Hôm nay *Madame la propriétaire*^[59] đang mặc chiếc áo jacket ngắn màu xanh lá cây khô hài”. Anh tự hỏi có bài thơ nào viết về *Madame la propriétaire* không? Anh nghĩ tới những cánh đồng hoa oải hương và hoa hướng dương mà anh đã nhìn thấy trong chuyến lưu trú tạm thời của mình (bây giờ chúng đã được thu hoạch hết) và khơi gợi lên các hình ảnh - “những cụm hoa lộng lẫy” và “những cái đĩa vàng của Helios^[60] quay sang thờ phụng vị thần của mình”. Giá mà anh là một họa sĩ - vẽ có vẻ không khó bằng làm thơ. Anh đoán chắc rằng những bông hoa hướng dương của Van Gogh không khiến ông phải tốn nhiều tâm sức đến vậy.

“Lũ chim mòng biển đang lượn vòng và kêu quang quác phía trên đầu, phấn khích bởi những chiếc thuyền đánh cá đang trở về nhà.” Anh nắn nót viết trước khi châm một điếu Gitane nữa. Mặt trời (gần như) đã ở dưới đầu trục căng buồm - cha anh sẽ nói vậy nếu ông có mặt ở đây (sao ông lại không thích nước Pháp chứ?) - và đã đến lúc để uống *pastis*^[61]. Anh bắt đầu nghĩ mình giống như một kẻ chơi rong, một kẻ hưởng lạc. Anh đã tiết kiệm đủ tiền để tận hưởng mùa đông ở Côte d’Azur, rồi sau đó có lẽ sẽ đi về phía bắc và tham quan Paris. “Ta không thể chết nếu chưa đến thăm Paris.” Izzie nói. Nhưng rốt cuộc đến hết đời anh vẫn chưa đặt chân tới đó.

Trước lễ Giáng sinh không lâu, anh nhận được một bức điện. Mẹ anh đang nằm viện. “Viêm phổi, khá nặng, nên về nhà ngay.” Cha anh đã viết cộc lốc như vậy. “Mẹ con có hai lá phổi giống như của bà ngoại con.” Hugh nói khi Teddy về

nhà. Teddy chưa bao giờ gặp người bà này và cũng chẳng biết gì về hai lá phổi huyền thoại đã giết chết bà (theo lời kể của Sylvie). Sylvie bình phục nhanh lạ lùng và kịp về nhà trước khi năm cũ kết thúc. Teddy nghĩ bệnh tình của bà không trầm trọng đến mức họ phải đánh điện gọi anh về, và trong một thời gian anh đã nghi ngờ rằng đây là một sự thông đồng của cả gia đình, nhưng “Mẹ con cứ đòi gặp con suốt”, Hugh áy náy giải bày. “Đưa con trai hoang đàng^[62].” Cha anh đã trù mến gọi anh như vậy khi ông đón anh ở nhà ga.

Thành thật mà nói, Teddy khá nhẹ nhõm khi dứt được thơ. Sau lễ Giáng sinh thân mật ở Góc Cáo, anh cảm thấy sẽ thật ngớ ngẩn nếu lặn lội đường xá xa xôi để trở lại Pháp. (Để làm gì? Để làm một kẻ chơi rong ư?) Vì vậy, khi bố anh tìm được cho anh một vị trí trong ngân hàng của ông, anh đã đi làm ngay. Ngày đầu tiên, khi bước chân vào những hành lang im lìm ộp ván gỗ gụ bóng loáng, anh cảm thấy mình giống như một tù nhân đang bắt đầu thụ án chung thân. Giống như một con chim bị cắt đi đôi cánh, mãi mãi chỉ có thể ở dưới mặt đất. Là thế này ư? Cuộc đời anh kết thúc như thế này ư?

“Thế đấy, Ted.” Hugh nói. “Bố biết cuối cùng con sẽ gắn bó với thứ gì đó mà.”

Khi chiến tranh xảy ra, Teddy cảm thấy như trút được gánh nặng.

“Có chuyện gì vậy?” Nancy nói, lấy một cuộn thước dây từ giỏ đồ đan và ướm lên vai anh.

“Không có gì đâu.” Anh nói. Rồi anh trở lại với bông hoa giọt tuyết chết tiệt kia.

“Không giống như nhiều người nghĩ, từ “giọt” trong “giọt tuyết” không phải để chỉ bông tuyết mà để chỉ một chiếc khuyên tai. Ta có thể hình dung ra bông hoa mong manh này rung rinh trên tai của một người đẹp thời Nữ hoàng Elizabeth.”

“Nếu phân tích chi li ra thì, một chiếc khuyên đang đeo trên tai có thể rung rinh không chứ?” Nancy nói, đặt đôi kim đan xuống đùi và cau mày trước chiếc áo đang đan dở. Cô kéo cái dải tai mỏng manh của mình để chứng minh cho sự bất động của viên ngọc trai màu xám nhỏ bé trên đó. “Nếu nó được treo *toòng teng*, nó có thể rung rinh.”

Cô thật giỏi lý luận. Cô sẽ trở thành một quan tòa giỏi của tòa án tối cao. Cô có thể đưa ra một ý kiến khách quan với cung cách dễ chịu nhất. “Anh thật phũ phàng với em.” Cô cười nói. Trước kia cô từng bóng gió rằng những bài báo này khá “tẻ nhạt”. Đó là thể văn báo chí, Teddy biện bạch nghĩ, một thể loại khô khan. Nancy luôn là người cầu toàn.

*

Khi họ chuyển tới Yorkshire, Teddy nhận thấy mình đang ở một trường trung học bình thường dành cho nam sinh tại một thị trấn công nghiệp nhỏ chuyên sản xuất len, xấp xệ và lấm lem muội khói, đang âm thầm sụp đổ, và ngay từ bài

học đầu tiên - *Romeo và Juliet*, “Đàn bà là giống loài yếu đuối hơn nên lúc nào cũng bị ép vào tường” - trước một lớp học gồm những thằng nhóc mười ba tuổi thâm cười khẩy, anh đã biết đây là một sai lầm. Anh nhìn thấy tương lai đang trải ra trước mắt anh, hết ngày ảm đạm này đến ngày ảm đạm khác. Thấy mình nghiêm túc thực hiện bốn phần kiếm tiền để nuôi Nancy và những đứa con còn chưa chào đời nhưng đã đổ lên vai anh trách nhiệm to lớn. Và cũng thấy mình, vào ngày nghỉ hưu, là một người đàn ông bất đắc chí. Công việc này cũng chẳng khác gì công việc ở ngân hàng cả. Anh là một người khắc kỷ, đức tính đó đã được rèn giữa hồi anh còn đi học, và anh trung thành như một chú chó, vì thế anh biết anh sẽ chịu đựng cảnh sống ấy, bất kể phải hy sinh bản thân đến mức nào.

“Em đã chiến đấu vì những đứa trẻ đó.” Ursula nói khi cô đến thăm anh. “Vì sự tự do của chúng. Chúng có xứng đáng không?”

“Không, hoàn toàn không.” Teddy nói và họ đều bật cười bởi vì đó là một câu nói sáo rỗng mà họ đã chán nghe. Họ biết rằng tự do, giống như tình yêu, là một thứ tuyệt đối và không thể tùy tiện phân phát hay ban ơn.

Nancy, trái lại, rất yêu nghề. Cô là giáo viên dạy Toán ở một trường điểm dành cho những nữ sinh thông minh, ngoan ngoãn tại một thành phố nghỉ dưỡng êm đềm. Cô thích giúp chúng trở nên thông minh hơn, ngoan ngoãn hơn, và đổi lại, chúng cũng yêu quý cô. Trong đơn xin việc gửi nhà trường, cô đã nói dối rằng cô chưa kết hôn (thậm chí không phải là một góa phụ), gạt bỏ hoàn toàn Teddy ra

khỏi lai lịch của cô. Cô lại là cô Shawcross. “Họ không thích những giáo viên đã có gia đình.” Cô giải thích với Teddy. “Bởi vì những giáo viên ấy sẽ nghỉ để sinh con, hoặc bị phân tâm bởi cuộc sống gia đình, bởi chồng họ.” Bị phân tâm? Đương nhiên, cô dự tính sẽ bỏ việc dạy học khi nào họ có con, nhưng điều đó còn phụ thuộc vào Chúa, mà Chúa thì không có vẻ gì là vội vã cả.

Cô biết việc dạy học giống như một cực hình đối với Teddy. Một trong nhiều ưu điểm của Nancy là cô không muốn người khác phải chịu đựng quá mức cần thiết. (Teddy luôn ngạc nhiên khi biết có bao nhiêu người như thế.) Cô động viên anh viết lách trở lại - “Lần này là một cuốn tiểu thuyết đi.” Cô nói. Cô đã đọc những bài thơ cất trong hộp giày của Teddy và anh cho rằng ý kiến của cô về chúng khá giống anh. “Một cuốn tiểu thuyết.” Cô nói. “Một cuốn tiểu thuyết cho thế giới mới, một thứ gì đó thật tươi mới và khác biệt, nói cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta nên làm gì.” Thế giới này chẳng mới mẻ gì lắm với Teddy, nó khá già cỗi và rệu rã (giống như những gì anh vẫn nghi ngờ về bản thân mình), và anh không chắc nó có gì đáng để viết thành một cuốn tiểu thuyết, nhưng Nancy có vẻ quả quyết rằng anh có tài. “Chí ít cứ thử đi.” Cô nói. “Anh sẽ không biết liệu mình có làm được không cho đến khi anh thử.”

Và thế là anh nghe theo lời dụ dỗ của Nancy. Vào các buổi tối và các ngày cuối tuần, anh đều ngồi xuống trước chiếc máy đánh chữ hiệu Remington nhỏ xíu mà cô tìm được trong một cửa hàng đồ cũ. Không còn “Những quan

sát” nào nữa, anh nghĩ. Không còn những cuốn sổ ghi chép dày cộp. Cứ thế tiến hành thôi.

Anh tìm tiêu đề trước, gọi tác phẩm đầu tiên của mình trong lĩnh vực văn chương là *Một lùm cây yên ắng cho chúng ta*, được lấy cảm hứng từ bài thơ *Endymion* của Keats:

*Một vưu vật là niềm vui bất tận
Mỗi ngày thêm duyên dáng, yêu kiều;
Chẳng bao giờ tan biến, phiêu diêu
Mà sẽ giữ lùm cây yên ắng
Cho chúng ta có giấc ngủ ngon
Đầy mộng đẹp và đầy sức khỏe
Cùng hơi thở êm êm khe khẽ.*

“Ồ, hẳn là ông ấy phải rất khao khát “sức khỏe cùng hơi thở êm êm khe khẽ”.” Ursula nói. “Hẳn là ông ấy đã hy vọng rằng bằng cách tưởng tượng ra những thứ đó, ông ấy sẽ có được chúng.” Chị gái anh luôn nói về Keats với giọng điệu u sầu, như thể ông vừa mới qua đời. Nhưng đó là một tiêu đề vụng về, không được hấp dẫn lắm. “Em thấy ổn mà.” Nancy nói. “Ít nhất là ở thời điểm này.” Anh biết cô đang nghĩ gì. Cô tin rằng anh cần được chữa trị và viết lách có thể là liều thuốc công hiệu với anh. “Nghệ thuật là một liệu pháp.” Anh đã vô tình nghe thấy cô nói với bà Shawcross. Mẹ anh sẽ cười nhạo một ý niệm như thế. Câu mở đầu của bài thơ *Endymion*: “*Một vưu vật là niềm vui bất*

tận” giống như một tín điều của Sylvie hơn. Có lẽ lựa chọn nó để làm tiêu đề thì sẽ hay hơn nhiều. *Một vụ vật*.

Rủi thay, Teddy phát hiện ra rằng các nhân vật hoặc cốt truyện mà anh cố tạo ra đều nhạt nhẽo và tầm thường. Các tác giả vĩ đại trong quá khứ đã đặt ra những tiêu chuẩn khiến cho mọi thủ thuật của anh đều trở nên thảm hại. Anh không thể tìm thấy sự gắn kết nào với những cuộc đời đơn điệu mà anh sáng tác. Nếu mỗi tác giả là một vị thần thì anh chỉ là một vị thần cấp thấp tội nghiệp, luẩn quẩn loanh quanh ở những ngọn đồi thấp dưới chân núi Olympus. Anh cho rằng muốn viết được tiểu thuyết thì ta phải quan tâm đến một vấn đề nào đó, nhưng anh chẳng quan tâm đến vấn đề gì để có thể viết nên một câu chuyện cả. “Về chiến tranh thì sao?” Nancy nói. Chiến tranh ư? Anh nghĩ, thậm xưng sốt khi cô nghĩ rằng một thứ quá kinh hoàng trong đời thực như thế có thể được đưa vào tiểu thuyết nhanh đến vậy. “Vậy thì cuộc đời.” Cô nói. “Cuộc đời của anh. Một *Bildungsroman*^[63].”

“Anh nghĩ thà anh cứ *sống* cuộc sống của anh...” Teddy nói. “... Còn hơn là sáng tác ra nó.” Và anh sẽ viết gì chứ? Nếu loại bỏ những gì liên quan đến chiến tranh (anh thừa nhận rằng như thế phải loại trừ rất nhiều) thì chẳng có gì xảy ra với anh cả. Tuổi thơ ở Góc Cáo, một thoáng trải nghiệm cuộc sống khá cô đơn và vô nghĩa của một nhà thơ kiêm nông dân lang thang, và bây giờ là cuộc sống hôn nhân nhàm chán - cho củi vào lò sưởi, lựa chọn giữa Ovaltine hay ca cao, và Nancy sắc sảo, diêm dăm mặc áo len dài tay để chống lại cái lạnh. Không phải là anh đang

phàn nàn về cuộc sống hôn nhân của mình, anh biết anh nên cảm thấy may mắn khi có nó, bởi vì đó là thứ mà nhiều người quen của anh có muốn cũng chẳng được.

*

“Ôi, hãy dạy tôi làm thế nào để quên nghỉ^[64]...” Một cậu bé mà anh chẳng bao giờ nhớ nổi tên đọc to bằng giọng nói vô hồn. Thế rồi chuông reo, cả lớp đứng bật dậy như một đàn chim sẻ và chen lấn xô đẩy nhau để ủa ra khỏi cửa lớp trước cả khi anh cho chúng nghỉ. (“Kỷ luật có vẻ không phải là sở trường của thầy.” Thầy hiệu trưởng thất vọng nói. “Tôi cứ tưởng vì thầy là một sĩ quan RAF...”)

Teddy ngồi ở bàn giáo viên trong lớp học trông trơn, đợi các học sinh của một lớp Anh văn năm hai lục tục kéo đến. Anh nhìn quanh căn phòng dơ dáy với mùi cao su và mùi của những cái cổ bản không được lau rửa. Ánh mặt trời buổi sáng dịu dàng chiếu rọi qua các ô cửa sổ, soi tỏ bụi phấn và bụi đất mà những cậu bé đã khuấy tung lên. Bên ngoài những bức tường này là cả một thế giới bao la rộng lớn.

Anh đột ngột đứng dậy và đi ra khỏi lớp, len qua một đám học sinh mười một tuổi đang miễn cưỡng đi qua cửa để vào lớp. “Thưa thầy?” Một đứa trong bọn nói, giật mình khi thấy thầy giáo bỏ lại lớp học.

*

Anh tự ý bỏ dạy, lái xe về nhà trên con đường cái, vừa đi vừa nghĩ anh có thể dừng lại ở đâu đó và cuốc bộ một đoạn dài để cho mình thời gian suy ngẫm. Anh đang có nguy cơ trở thành một kẻ lang bạt, không thể gắn bó với bất cứ thứ gì. Các anh em trai của anh đang sống rất tốt. Jimmy đang sống một cuộc sống gấp gáp, hào nhoáng ở Mỹ, “kiếm những món tiền lớn”, trong khi Maurice là một quan chức ở Whitehall, một “cây đa cây đề”. Còn anh thì đang ở đây, thậm chí không thể làm một giáo viên quen. Hồi chiến tranh, anh từng lập một lời thề rằng nếu anh sống sót, anh sẽ sống một cuộc sống bình lặng, không kêu ca, phàn nàn. Lời thề ấy có vẻ sẽ không được giữ trọn. Anh tự hỏi ở anh có vấn đề gì không ổn chẳng?

Một người bị hỏng xe bên vệ đường đã cứu vớt anh. Teddy dừng chiếc Land Rover và đi tới để xem ông ta có cần giúp gì không. Nắp ca pô của chiếc Humber Pullman cũ kĩ của ông ta đang được dựng lên, còn người đàn ông thì nhìn chăm chăm vào động cơ xe với vẻ bất lực của người không thông thạo máy móc, như thể chỉ bằng sức mạnh của những ý nghĩ, ông ta có thể làm cho động cơ hoạt động trở lại. “A, một quý ông trên đường.” Người đàn ông cười mũ nói khi Teddy dừng chiếc Land Rover lại. “Thứ chết tiệt này kiệt sức mất rồi. Giống hệt tôi. Bill Morrison.” Ông ta nói, giờ bàn tay núng nính ra.

Trong lúc Teddy hí hoáy với máy phát điện của chiếc ô tô, họ tán gẫu về những cây táo gai sum sê sắp thành hàng dài ven đoạn đường này. “Tháng Năm.” Bill Morrison gọi chúng bằng cái tên ấy. Ông nói trái tim ông hào hứng hẳn

lên khi nhìn thấy chúng. Sau đó, Teddy không nhớ rõ cuộc trò chuyện này ra sao nhưng nó đã lan man “dây cà ra dây muống” (theo cách nói của Bill), từ vị trí của cây táo gai trong văn hóa dân gian Anh - táo gai Glastonbury, đại loại vậy - tới Nữ hoàng tháng Năm và cây nêu ngày mồng Một tháng Năm. Teddy đã kể cho ông ta nghe rằng đối với người Celts, loài cây này đánh dấu lối vào thế giới bên kia, còn người Hy Lạp cổ đại lại mang theo nó trong đám rước dâu.

“Tôi đoán anh từng học đại học, đúng không?” Bill Morrison nói. Giọng điệu ông ta mang vẻ ngưỡng mộ hơn là nhạo báng, mặc dù có lẽ cũng có một chút châm chọc. “Anh đã thử viết lách bao giờ chưa?”

“À thì...” Teddy chần chừ.

*

“Chúng ta đi ăn trưa nhé, chàng trai? Tôi mời.” Bill Morrison nói khi chiếc Humber cũ kỹ kêu lên khùng khục và hoạt động trở lại. Thế là Teddy thấy mình lái xe theo ông ta như một đoàn hộ tống gồm hai chiếc xe để đến một khách sạn ở Skipton, ăn một bữa trưa túy lúy với thịt bò nướng. Trong lúc ăn, Bill Morrison chăm chú tìm hiểu chi tiết về cuộc đời anh từ mọi góc cạnh.

Bill Morrison là một người đàn ông cao lớn chất phác với nước da tái xanh, ông từng “học việc” ở tòa soạn tờ *Yorkshire Post*, từ rất lâu trước đây, và bây giờ là một thành viên thủ cựu, bộc trực của Đảng Bảo thủ. “Tuy già nhưng còn tinh anh lắm.” Teddy đã kể lại với Nancy như vậy. Trong

mắt ông, Chúa là một người Anh giáo khỏe khoắn, một người Yorkshire có lẽ chơi cricket cho đội tuyển của hạt khi không ban xuống những luật lệ từ trên núi. Theo thời gian, Teddy biết được thêm nhiều điều về trái tim rộng lượng và sự tốt bụng ẩn giấu dưới vẻ cộc cằn của ông. Ông rất thích thú khi biết Teddy đã có gia đình (“Đó là lẽ tự nhiên đối với một người đàn ông”) và thường khích anh kể về cuộc chiến của mình. Bản thân Bill đã “sống sót sau trận Somme^[65]”.

Ông là biên tập viên của tờ *Recorder*. Rất lâu sau đó Teddy mới biết ông cũng là chủ sở hữu của tờ *Recorder*. “Anh có biết nó không, Ted?”

“Có.” Teddy lịch sự nói. Anh có biết không nhỉ? Anh lơ mờ nhớ lại mình từng đọc tờ tạp chí này trong phòng đợi của một phòng khám nha khoa để quên chuyện sắp bị nhổ một chiếc răng sâu. Chăm sóc răng miệng không phải là vấn đề cần được ưu tiên trong trại tù binh chiến tranh POW.

“Bởi vì tôi đang tìm người viết bài cho mục *Tản mạn về thiên nhiên*.” Bill Morrison nói. “Mỗi tuần chỉ vài dòng thôi - chẳng đủ để làm cần câu com cho anh đâu. Trước kia chúng tôi từng có một người phụ trách chuyên mục ấy với bút danh là Agrestis. Đó là tiếng Latin. Anh biết nó có nghĩa là gì không?”

“Một người nông thôn, một người nhà quê.”

“Chà, đúng vậy.”

“Chuyện gì đã xảy ra với người đó?” Teddy hỏi trong lúc suy ngẫm về lời đề nghị bất ngờ này.

“Tuổi già đã mang ông ấy đi. Ông ấy là một người nhà quê kiểu cũ. Một lão già khó chịu.” Bill Morrison trù mến nói.

Teddy rút rè nhắc đến kinh nghiệm làm nông của mình, những con cừu xứ Northumberland, những quả táo xứ Kent, tình yêu của anh với đồi núi, thung lũng và sông suối, biển cả. Niềm khoái lạc có được từ một hạt sỏi trông như cái tách úp trên đĩa lót, chiếc lá dương xỉ đang bung mở, hoa văn trên lông của một con điều hâu. Vẻ đẹp trác tuyệt của bản đồng ca lúc bình minh trong một khu rừng hoa chuông xanh ở Anh. Anh không nhắc gì đến nước Pháp, những khối màu rắn chắc và những mảnh nắng nóng bỏng. Chúng sẽ không hợp với thị hiếu của một người đàn ông đã từng chiến đấu trong trận Somme.

Teddy được đánh giá rất tốt, cho dù anh là người miền Nam.

“Có hai người đàn ông...” Bill Morrison nói khi họ ăn món pho mát Stilton. Mất một lúc Teddy mới nhận ra rằng đây là lời dẫn dắt khá sáo mòn của một câu chuyện dí dỏm. “Một người là dân Yorkshire, vùng đất của Chúa. Người còn lại không phải là dân Yorkshire. Người không phải là dân Yorkshire nói với người kia (lúc này Teddy bắt đầu rồi): “Hôm nọ tôi gặp một người Yorkshire.” Rồi người là dân Yorkshire nói: “Sao anh biết đó là người Yorkshire?” Và người không phải là dân Yorkshire (giờ thì Teddy điên cả đầu) nói: “Bởi vì thổ âm của anh ta.” Người đàn ông Yorkshire lại nói: “Không phải đâu, anh bạn, nếu anh ta là

dân Yorkshire, anh ta sẽ khoe điều đó với anh ngay khi vừa mở miệng.””

“Hãy thử nhét nó vào một cây pháo giật Giáng sinh^[66].” Nancy nói khi Teddy cố gắng kể lại cho cô nghe câu chuyện ấy vào tối hôm đó khi anh về nhà, đã ngà ngà say. (“Ôi trời ơi, người anh sặc mùi bia. Em khá thích đấy.”) “Và anh có một công việc mới ở một tòa soạn báo ư?”

“Không, không phải là một tòa soạn báo.” Teddy nói. “Thực sự thì cũng không phải là một công việc.” Anh nói thêm. “Chỉ vài si linh một tuần thôi.”

“Còn trường học thì sao? Anh vẫn sẽ dạy học chứ?”

Trường học, Teddy nghĩ. Chuyện sáng nay đã trở thành quá khứ. (*Ôi, hãy dạy tôi làm thế nào để quên nghĩ.*) Anh nói anh đã bỏ trốn. “Ồ, tội nghiệp anh yêu.” Nancy cười. “Và chuyện này sẽ dẫn đến nhiều chuyện khác tốt đẹp hơn, em biết mà, em có linh cảm như vậy.”

Đúng là thế thật. Tháng Mười với những sắc màu của mùa thu, nấm, hạt dẻ và mùa hè Anh Điêng^[67] đến muộn. Tháng Mười một với “Bà mẹ Thiên nhiên bao bọc những đứa con của mình” để chuẩn bị cho cuộc chiến với cái lạnh sắp tới, và tháng Mười hai với cây nhựa ruồi không thể thiếu cùng loài chim cổ đỏ. “Hãy tìm một đề tài khiến người ta cảm động.” Bill nói, và thế là anh viết về chuyện tại sao chim cổ đỏ lại có cổ màu đỏ.

Chúng chỉ là những mẫu chuyện tẻ ngắt nhưng Bill Morrison thấy ổn vì ông không “tìm kiếm thứ gì uyên bác”.

Lại một bữa trưa túy lúy nữa ngay trước Giáng sinh và anh được mời làm một “phóng viên lưu động”. Người từng giữ vị trí này đã chết trong chiến tranh. “Ông ấy tham gia đoàn tàu hộ tống Bắc Cực^[68].” Bill Morrison nói ngắn gọn, không muốn đi sâu vào chi tiết, và nói rằng ông cũng sẽ chết sớm nếu cứ phải chạy đôn chạy đáo làm công việc của hai người.

“Bây giờ anh hạnh phúc rồi chứ?” Nancy hỏi khi họ treo cành nhựa ruồi và tầm gửi mà họ đã hái ở trong rừng lên.

“Ừ.” Teddy nói sau một hồi suy ngẫm lâu hơn mức cần thiết.

*

Những bông giọt tuyết đáng nguyên rủa.

“Có vài người cho rằng việc hái những sứ giả mùa xuân nhỏ bé nhưng can đảm này sẽ mang lại vận xui nên họ sẽ không mang chúng vào trong nhà. Có lẽ vì chúng mọc quá nhiều trong các nghĩa địa của nhà thờ.”

Sylvie luôn hái những bông giọt tuyết đầu tiên nở hoa ở Góc Cáo. Đó quả là điều đáng tiếc vì chúng héo và tàn rất nhanh.

“Màu trắng của hoa giọt tuyết khiến người ta liên tưởng đến sự tinh khiết, vì thế loài hoa khiêm nhường này được gán cho hình tượng trong trắng, ngây thơ (có ai còn nhớ “Ban nhạc Giọt Tuyết” gồm những cô gái trẻ của thế kỷ trước không?).

Có một truyền thuyết của Đức...”

“Ôi, Chúa ơi.” Nancy lẩm bẩm.

“Chuyện gì vậy?”

“Em tuột mất một mũi đan. Anh cứ đọc tiếp đi!”

“... Kể lại rằng khi Chúa trời tạo ra vạn vật, ngài đã bảo tuyết đi hỏi xin màu sắc từ các loài hoa. Tất cả các loài hoa đều từ chối, trừ bông giọt tuyết tốt bụng. Để đền đáp ơn nghĩa này, tuyết đã cho phép nó trở thành loài hoa đầu tiên của mùa xuân.

Âm nhạc có sức mạnh hàn gắn. Nước Đức không còn là kẻ thù của chúng ta và chúng ta nên nhớ đến kho tàng thần thoại, truyền thuyết và cổ tích phong phú của họ, chưa kể những di sản văn hóa, những bản nhạc của Mozart...”

“Mozart là người Áo mà.”

“Ừ, đúng rồi.” Teddy nói. “Không hiểu sao anh lại quên mất điều đó. Vậy thì là Beethoven. Brahms, Bach, Schubert. Schubert có phải là người Đức không nhỉ?”

“Không phải, ông ấy cũng là người Áo.”

“Haydn thì sao?” Anh đánh bạo nói.

“Người Áo.”

“Nhiều người Áo quá nhỉ? Vậy thì - những di sản văn hóa của nó gồm âm nhạc của Bach, Brahms, Beethoven...”

Nancy khẽ gật đầu, như một giáo viên đồng ý sự sửa chữa của một học sinh. Chắc là cô đang đếm những mũi đan.

“Trong số những người này, Beethoven là...”

“Chúng ta đã bỏ bằng bông hoa giọt tuyết rồi đấy. Sao anh lại đi nói về người Đức vậy?”

“Bởi vì anh đang nhắc đến một truyền thuyết của Đức.”
Teddy nói.

“Nhưng bài viết của anh nghe như nói về việc tha thứ cho người Đức vậy. Anh đã tha thứ cho họ rồi ư?”

Anh đã tha thứ cho họ rồi ư? Có lẽ về mặt lý thuyết thì đúng, nhưng tận sâu trong tim anh, nơi sự thật ngự trị, thì không. Anh nghĩ về tất cả những người quen đã bị giết. Những người chết, giống như các thiên thần và ác quỷ, nhiều không đếm xuể.

Đã ba năm kể từ khi cuộc chiến của anh kết thúc. Vào năm cuối cùng, anh đã bị loại khỏi vòng chiến đấu và bị nhốt trong một trại tù binh chiến tranh POW gần biên giới Ba Lan. Anh đã nhảy dù ra khỏi một chiếc máy bay đang bốc cháy trên lãnh thổ nước Đức và không thể tránh được việc bị bắt giữ vì một bên mắt cá chân bị vỡ. Máy bay của anh đã bị hỏa lực phòng không bắn hạ trong cuộc không kích dữ dội xuống Nuremberg. Lúc bấy giờ anh còn chưa biết rằng đó là đêm tồi tệ nhất của cuộc chiến đối với Binh chủng Máy bay ném bom - chín mươi sáu máy bay bị mất tích, năm trăm bốn mươi lăm người bị giết, nhiều hơn cả toàn bộ cuộc Không chiến Anh Quốc^[69]. Nhưng đến lúc anh trở về nhà, đó chỉ còn là tin tức cũ kĩ, nguội lạnh, Nuremberg gần như đã bị quên lãng. “Anh đã rất dũng cảm.” Nancy động viên anh với vẻ dửng dưng, như thể cô đang khen ngợi vì anh vừa đạt điểm cao trong một bài kiểm tra Toán - ít nhất là Teddy cảm thấy như vậy.

Bây giờ, đối với anh, cuộc chiến là một mớ hỗn độn những hình ảnh ngẫu nhiên ám ảnh anh trong giấc ngủ -

dãy Alps dưới ánh trăng, một lưỡi cánh quạt bay qua không trung, một khuôn mặt tái nhợt trong làn nước. *Thôi, chúc anh may mắn.* Thi thoảng là mùi tử đinh hương nồng nàn, có lúc là một bản nhạc khiêu vũ ngọt ngào. Và lúc nào cũng vậy, vào cuối cơn ác mộng sẽ có một đoạn kết không thể tránh khỏi, lửa cháy bùng bùng và cú va chạm choáng váng khi bị rơi xuống đất. Khi gặp ác mộng, chúng ta thường tự mình tỉnh dậy trước cái kết khủng khiếp, trước cú rơi, nhưng Teddy phải nhờ đến Nancy đánh thức. Cô phải vỗ về, an ủi anh, và anh sẽ nhìn chăm chăm vào bóng tối trong một lúc lâu, tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra với anh nếu cô không thể đánh thức anh dậy vào một đêm nào đó.

Trong chiến tranh, anh đã cam chịu chấp nhận cái chết. Thế rồi, chiến tranh đột nhiên kết thúc và anh bỗng thấy mình có một ngày hôm sau, rồi lại một ngày hôm sau và một ngày hôm sau nữa. Một phần trong anh không bao giờ thích nghi được với việc mình có một tương lai.

*

“Beethoven.” Anh bừng tỉnh bắt đầu lại. Ta không thể bắt Beethoven phải chịu trách nhiệm cho cuộc chiến. Anh chợt nhớ đến một ký ức - anh và Ursula ngồi trong Phòng hòa nhạc Hoàng gia Albert - đó là năm nào nhỉ, 1943 thì phải? - họ cùng nghe Bản giao hưởng số Chín của Beethoven, Ursula gần như run lên vì xúc động trước sức truyền cảm của âm nhạc. Anh cũng đã cảm nhận được nó,

sức mạnh của thứ gì đó nằm bên ngoài nhịp sống nhỏ bé thường ngày. Anh lắc lắc người như một chú chó bị ướt lông.

“Anh ổn chứ, anh yêu?”

Anh “ừ” một tiếng. Anh muốn xua tan chiến tranh, muốn xua tan sự khủng khiếp và bi thương của nó. Những điều này anh không thể nói thành lời.

“Và, anh biết đấy...” Nancy, với tâm hồn bình thản, tiếp tục nói. “Em nghĩ chẳng ai muốn nghe nhắc đến chiến tranh khi họ đọc chuyên mục *Tản mạn về thiên nhiên* của Agrestis đâu. Ngược lại là đằng khác.”

“Anh pha ca cao nhé?” Anh đề nghị để thoát khỏi chủ đề này. “Hay em muốn uống Ovaltine hơn?”

“Ovaltine anh ạ.”

“Em sẽ làm hỏng mắt mình đấy.” Anh nói khi rót chai sữa đã bị đông một nửa vào một cái nồi và đặt nó lên bếp.

“Em thôi rồi đây.” Cô nói, thoăn thoắt quăn những cuộn len có màu sắc khác nhau.

Sữa trong nồi đột nhiên dềnh lên và Teddy vội bắc cái nồi xuống trước khi sữa trào ra. Khuôn mặt anh đỏ bừng vì lửa, khiến anh nhớ đến vết bỏng trên cổ. Nó lộ lộ ngay phía trên cổ áo anh với lớp da màu hồng nhàn nheo và bóng loáng, dấu hiệu cho thấy còn có những vết sẹo khác nữa ở những nơi kín đáo hơn.

“Chà, Trung tá Không quân Todd.” Nancy nói. “Em nghĩ đã đến giờ đi ngủ rồi.”

Cô luôn nhắc đến cấp bậc thời chiến của anh với chút châm biếm, như thể anh đã giả vờ có nó. Anh không biết tại

sao cô lại làm thế, nhưng điều đó khiến lòng anh chùng xuống đôi chút.

Họ đi lên Ultima Thule, cái tên mà họ đặt cho căn phòng ngủ trên gác mái giống như cái tủ ướp đá của họ. Teddy rùng mình khi anh cởi các lớp quần áo và nhảy lên giường như thể đang lao vào vùng nước băng giá của biển Bắc.

Họ nhanh chóng sưởi ấm cho nhau sau cú sốc ban đầu khi chạm vào những tấm chăn lạnh giá và luồng không khí rét mướt. Trong thời tiết thế này, việc ân ái trở nên bạo liệt hơn, chẳng còn chút lảng mạn nào. (“Người ta không bao giờ lạnh khi có một ông chồng ở bên.” Chị gái Millie của Nancy viết thư cho cô từ vùng đất Arizona khô cằn nóng bức. “Đặc biệt là một ông chồng đẹp trai như chồng em!”)

Một trận bão tuyết đã nổi lên, nghe như ai đó đang ném liên tiếp những quả bóng tuyết vào cửa sổ. Họ là một cặp Adam và Eve mới, bị đày đọa trong mùa đông vĩnh hằng.

Nancy hôn lên má anh và nói: “Chúc anh ngủ ngon, trái tim yêu dấu của em.” Nhưng Teddy đã ngủ mất rồi.

Nancy thổi tắt ngọn nến bên cạnh giường và đợi những cơn ác mộng của Teddy bắt đầu.

Họ phải có một đứa con, cô nghĩ. Họ phải có một đứa con để hàn gắn những tổn thương của Teddy, để hàn gắn thế giới này.

1939

Cuộc chiến của Teddy

Sự ngây thơ

Anh không nghe Chamberlain^[70] đưa ra lời tuyên bố ảm đạm về chiến tranh trên radio, bởi vì anh đã lựa chọn việc dẫn con chó già nhà Shawcross là Harry đi dạo trên con đường mòn. Đó là một chuyến đi dạo thông dong, chậm chạp và nhẹ nhàng, vì bây giờ con chó thuộc giống Golden Retriever này chỉ có thể chịu đựng được kiểu vận động như vậy. Đôi mắt nó đã mờ đục và thân hình từng to lớn lừng lững giờ hốc hác đến mức chỉ còn da bọc xương. Nó còn bị điếc nữa, giống hệt Thiếu tá Shawcross. Hai bọn họ, ông già và con chó, đã ngủ gà gật bên nhau suốt những buổi chiều hè dài đằng đẵng của năm 1939, gắn bó với nhau trong thế giới câm lặng của riêng họ - Thiếu tá Shawcross thì ngồi trên chiếc ghế liễu gai cũ của mình, còn Harry nằm bẹp trên bãi cỏ dưới chân ông.

“Lòng em đau như cắt khi thấy nó như vậy.” Nancy nói. Cô nói về Harry mặc dù cô cũng xót xa cho cha mình. Teddy thấu hiểu nỗi thương tâm đặc biệt khi nhìn thấy con chó mà ta biết từ lúc nó còn nhỏ xíu đang dần chạm đến chân dốc bên kia của cuộc đời. “Những dấu hiệu của cái chết, trái với

tiêu đề bài thơ của Wordsworth^[71].” Ursula nói. “Ôi, giá mà tuổi đời của lũ chó dài hơn. Chúng ta đã phải khóc thương quá nhiều chú chó rồi.”

Các cô gái nhà Shawcross đều vô cùng yêu mến người cha già của họ, và Thiếu tá Shawcross đáp lại tình yêu ấy thậm chí còn mãnh liệt hơn. Hugh vốn gần gũi với Pamela và Ursula, đương nhiên rồi, nhưng Teddy luôn rất kinh ngạc khi thấy Thiếu tá Shawcross thoải mái thể hiện cảm xúc của mình với các con, ông thường ôm hôn “các cô gái của cha” và rom róm nước mắt chỉ bởi nhìn thấy họ. (“Cuộc Đại chiến.” Bà Shawcross nói. “Nó đã khiến ông ấy thay đổi.”) Cuộc chiến ấy cũng khiến Hugh trở nên trầm lặng hơn. Thiếu tá Shawcross có mong một cậu con trai không? Chắc chắn là có, chẳng phải đàn ông ai cũng thế sao? Chẳng phải Teddy cũng vậy ư?

Anh định cầu hôn Nancy. Có lẽ là hôm nay. Một ngày lịch sử trọng đại, để trong tương lai, Nancy sẽ nói với các con của họ (vì chắc chắn họ sẽ có con): “Con biết không, bố con đã cầu hôn mẹ vào ngày chiến tranh bùng nổ đấy.” Teddy cảm thấy anh đã chờ đợi lâu rồi, có lẽ là quá lâu. Đầu tiên là để Nancy hoàn thành tấm bằng cử nhân Toán học ở Trường Newnham, và bây giờ là để cô học lấy bằng tiến sĩ. Đề tài nghiên cứu để lấy học vị tiến sĩ của cô là thứ gì đó liên quan đến “các số tự nhiên”. Chúng có vẻ chẳng tự nhiên chút nào đối với Teddy. Anh không muốn thấy mình phải chờ đợi đến khi chiến tranh kết thúc nữa, vì ai biết nó sẽ kéo dài bao lâu.

Teddy hiện hai mươi lăm tuổi, đối với mẹ anh, anh gần như đã “quá lứa”. Bà háo hức mong có cháu, háo hức hơn hẳn những lần mong đợi trước, bởi vì Pamela đã có “ba đứa con trai và quân số vẫn còn tăng lên”, còn Maurice có một trai một gái. “Giống như cá tắm bột rán và khoai tây chiên^[72].” Ursula nói. Teddy chẳng biết gì mấy về các con của Maurice và Sylvie nói cho anh biết rằng chúng “khá đần”.

Kết hôn với Nancy có vẻ là điều tất yếu. Tại sao anh lại *không* cưới cô chứ? “Thanh mai trúc mã.” Bà Shawcross nói, xúc động bởi ý niệm lãng mạn này. Mẹ anh thì không bị xúc động như thế.

Tất cả mọi người đều cho là như vậy, ngay cả Sylvie, người nghĩ rằng Nancy “quá thông minh” nên không phù hợp với hôn nhân. (“Hôn nhân mài mòn người ta.”)

“Dù sao đi nữa, còn có thể là ai khác ngoài Nancy?” Teddy hỏi Ursula. “Tính đến nay, cô ấy là người tốt nhất mà em biết. Cũng là người dễ thương nhất nữa.”

“Và em yêu cô ấy. Và em biết rằng tất cả *chúng ta* đều yêu quý cô ấy.”

“Đương nhiên, em yêu cô ấy.” Teddy nói. (Đó có phải là một câu hỏi không?) Anh có biết tình yêu là gì không? Tình yêu dành cho người cha, người chị, thậm chí là một chú chó thì anh có biết, nhưng còn tình yêu giữa người chồng và người vợ? Hai cuộc đời đan cài vào nhau chặt chẽ đến mức không thể gỡ nổi. Hoặc bị ràng buộc như con bò bị thắt vào ách, con ngựa bị đóng yên cương. (“Mục đích của hôn

nhân là vậy.” Sylvie nói. “Nếu không, chúng ta sẽ trở nên phóng túng.”)

Anh nghĩ về Adam và Eve, anh nghĩ về Sylvie và Hugh. Dường như cả hai cặp đều không phải là những ví dụ tốt lắm. “Cuộc hôn nhân của cha mẹ Nancy...” Ursula nói. “... Chẳng phải đó là một hình mẫu lý tưởng sao? Thiếu tá Shawcross và bà Shawcross thật hạnh phúc. Ít nhất là ở bề ngoài.” Nhưng bề ngoài và thực tế là hai vấn đề khác nhau, đúng không? Và ai mà biết những bí mật của một cuộc hôn nhân chứ?

Anh đã yêu Nancy hồi họ còn nhỏ, nhưng đó là một kiểu tình yêu khác, thánh thiện, trong sáng nhưng ngây thơ, trẻ con. *Vì bây giờ chúng ta nhìn qua một tấm gương mờ tối*^[73].

“Có lẽ nên đi thẳng vào vấn đề hơn.” Ursula nói. “Em sẽ cảm thấy thế nào nếu em *không* cưới cô ấy?” Thế là, anh nghĩ, đương nhiên anh sẽ cưới Nancy. Họ sẽ chuyển tới một vùng ngoại ô êm đềm, có những đứa con, và anh sẽ nỗ lực làm việc để thăng tiến trong ngân hàng, cho đến khi các nhân viên tôn kính anh như họ tôn kính cha anh. Hoặc cũng có thể là không.

Không chỉ sự sắc bén của vợ anh sẽ bị làm cho cùn đi. Tương lai là một cái lồng nhốt kín anh. Chẳng phải tự thân cuộc đời là một cạm bẫy lớn hay sao, chẳng phải hai hàm răng của nó đang chực chờ để cắn phập vào nhau ư? Đáng lẽ anh không nên trở về từ nước Pháp. Đáng lẽ anh nên ngừng lười biếng, ngừng giả vờ rằng anh có tâm hồn của một nhà thơ. Thay vì thế anh nên bám lấy con người phiêu lưu trong anh và tiến về phía đông, khám phá những điểm

tận cùng của Đế quốc - như nước Úc chẳng hạn. Một nơi nào đó nguyên sơ và còn nhiều bất ổn, nơi một người đàn ông có thể tự nhào nặn mình thay vì bị những người xung quanh nhào nặn. Quá muộn rồi. Bây giờ thứ nhào nặn anh không còn là địa lý của Đế quốc, mà sẽ là cấu trúc của chiến tranh.

Họ đã tới cánh đồng bò sữa, Teddy bứt vài lá cỏ dài từ hàng rào và thét lên: “Bò... ò, bò... ò...” Nhưng sau khi thoáng liếc mắt về phía anh, lũ bò vẫn thờ ơ bình thản. Anh châm một điếu thuốc và dựa người vào cánh cổng trong lúc hút thuốc. Harry đã vụng về nằm phịch xuống mặt đất, hai mạng sườn gãy trơ xương của nó phập phồng vì nỗ lực hít thở. “Anh bạn già tội nghiệp.” Teddy nói, thò tay xuống và gãi gãi phía sau vành tai mềm mại của chú chó già. Anh nghĩ về Hugh. Họ chưa bao giờ chạm mặt nhau ở ngân hàng nhưng thi thoảng cha anh sẽ mời anh tới ăn trưa tại câu lạc bộ của ông ở Pall Mall. Thế giới tài chính lạnh lùng phù hợp với Hugh, nhưng đối với Teddy, nó thật nhàm chán, tẻ nhạt và thi thoảng khiến anh thấy vô cùng khốn khổ.

Cha anh sắp nghỉ hưu, đương nhiên, ông thường đi thơ thẩn quanh vườn, ngủ gà gật bên những trang sách mở của cuốn *Wisden* trong vườn hay trong phòng riêng, khiến Sylvie điên tiết. Chỉ hơn một năm sau, Hugh sẽ được tìm thấy trong tình trạng như thế, ngồi trên cái ghế sồi nắng trong vườn, cuốn sách *Wisden* để mở trên đùi. Ngủ giấc ngủ ngàn thu. Ngay cả cái chết bình yên nhất này của ông cũng có vẻ làm Sylvie phẫn nộ. “Ông ấy cứ lảng lạng mà đi,

chẳng nói một lời!” Bà phàn nàn, như thể ông còn nợ bà nhiều thứ. Có lẽ đúng là thế thật.

“Bố không phải là người ồn ào.” Ursula viết thư gửi sang Canada cho Teddy bằng tờ giấy poluya màu xanh, có một vết mực bị nhòe, hẳn là vì bị một giọt nước mắt rơi trúng.

Teddy đi đầu mẩu thuốc lá dưới chân và nói: “Đi nào, Harry, chúng ta sẽ bị lỡ bữa trưa nếu không nhanh lên.” Con chó vẫn không thể nghe thấy lời anh, nhưng ngay cả khi Teddy khẽ chọc vào người nó, nó vẫn không nhúc nhích, và anh sợ rằng anh đã khiến nó hoàn toàn kiệt sức. Tuy chỉ còn da bọc xương nhưng nó vẫn nặng khủng khiếp, Teddy không chắc anh có thể bê thi thể của con chó về tận nhà, mặc dù anh cho rằng anh sẽ phải cố gắng xoay xở làm việc đó nếu không có lựa chọn nào khác - đó là điều buộc phải làm. Nhưng may thay, Harry đã quả cảm lê mình dậy và họ chậm rãi đi về nhà Nancy.

*

“Ôi, cháu đừng vào nhà.” Bà Shawcross nài nỉ khi nhìn thấy anh ở cửa sau của Quạ Gáy Xám. Bà thấy cái khăn lau bát đĩa về phía anh như thể anh là một con ruồi.

Nancy đang ở nhà nhân kỳ nghỉ dài. Cô đang nằm bẹp trên giường vì bị bệnh ho gà (“Tùng này tuổi rồi!”) và được bà Shawcross cần mẫn chăm sóc. Bà Shawcross biết hồi nhỏ Teddy chưa mắc bệnh này. “Cháu không được để mình nhiễm bệnh.” Bà nói. “Người lớn mà mắc bệnh này thì khủng khiếp lắm.”

“Đừng tới gần con bé đó.” Sylvie đã khuyến cáo khi anh nói với bà rằng anh đã nghĩ ý đưa Harry đi dạo, vì hiện giờ ở Góc Cáo chẳng có con chó nào. Quá muộn rồi, anh nghĩ.

“Con bé đó” là cô gái mà anh sắp sửa cầu hôn, nhưng có lẽ không phải là hôm nay. “Con bé thực sự khá yếu.” Bà Shawcross nói. “Nhưng đương nhiên bác sẽ gửi tình yêu của cháu đến cho nó.”

“Nhờ bác ạ.”

Các loại mùi khác nhau của bữa trưa Chủ nhật bay ra từ căn bếp của bà Shawcross. Những lọn tóc của bà xoả tung từ búi tóc xộc xệch, mặt bà đỏ bừng và trông bà như chệnh choáng say, nhưng theo kinh nghiệm của Teddy, đây chính là kết quả của việc nấu nướng bữa trưa Chủ nhật. Giống như Góc Cáo, Quạ Gáy Xám vừa mới mất đi người đầu bếp, và bà Shawcross dường như còn ít phù hợp với nghệ thuật bếp núc hơn cả Sylvie. Chẳng thấy bóng dáng Thiếu tá Shawcross đâu cả. Bà Shawcross là người ăn chay và Teddy tự hỏi bà sẽ ăn gì trong lúc ông Shawcross thưởng thức món thịt bò. Có lẽ là một quả trứng. “Ôi, Chúa ơi, không.” Bà Shawcross nói. “Chỉ nghĩ đến việc ăn trứng thôi cũng đủ khiến bác cảm thấy buồn nôn rồi.”

Teddy nhìn thấy một chai Madeira để mở trên bàn bếp và một cái ly nhỏ đựng đầy một nửa thứ chất lỏng màu nâu ấy. “Chiến tranh.” Bà Shawcross nói, đôi mắt mọng nước, và chẳng còn nhớ gì đến sự lây nhiễm, bà kéo Teddy vào vòng ôm ấm áp, nồng nàn mùi rượu của mình. Bà có mùi rượu Madeira và xà phòng Coal Tar, một sự kết hợp lạc quẻ, khó chịu. Bà Shawcross đầy đặn, dịu dàng và luôn có chút

rầu rĩ. Nếu Sylvie bực tức trước những thói xấu của thế giới thì bà Shawcross lại chịu đựng cái gánh nặng ấy một cách nhẫn nại, như đối với một đứa trẻ. Anh cho rằng chiến tranh sẽ làm cho gánh nặng đó càng trở nên nặng nề hơn.

Bà Shawcross đặt tay lên thái dương và nói: “Ôi trời, bác nghĩ con đau đầu lại tấn công bác rồi.” Bà thở dài và nói thêm: “Ơn Chúa vì bọn bác chỉ có con gái. Neville sẽ không thể đối mặt với việc tiễn một đứa con trai ra chiến trường.”

Teddy chắc chắn mình đã ủ bệnh ho gà. Bà Shawcross không biết rằng tuần trước Nancy đã lên London để gặp anh, cô đã len lén đi vào phòng trọ của anh dưới con mắt sắc bén như mũi khoan của bà chủ nhà, và ở lại qua đêm. Hai người họ ép sát vào nhau trên cái giường chật hẹp, cười rung cả người trước tiếng lò xo giường cọt kẹt. Họ vẫn chưa rành chuyện đó. “Rõ là a ma tơ.” Nancy cười cọt nói. Giữa họ có sự đam mê, nhưng đó là sự đam mê điềm điềm, vui vẻ. (Dĩ nhiên, có thể có người tranh luận rằng, theo cách định nghĩa ấy thì đó chẳng phải là sự đam mê nữa rồi.) Anh từng quan hệ với một, hai cô gái ở trường Oxford và một vài cô ở Pháp, nhưng việc quan hệ với họ giống như một chức năng của cơ thể hơn, khiến anh bất mãn và vô cùng bối rối. Hành động ấy có lẽ không đến mức hoàn toàn hoang dã nhưng chắc chắn cũng có chút bản năng thú vật, và anh cho rằng anh biết ơn Nancy vì cô đang thuần hóa nó. Thứ ham muốn cuồng dại và sự lảng mạn mộng tưởng có lẽ chỉ nên hiện hữu trong những trang sách. Anh ngờ rằng anh giống cha mình. Nhưng chiến tranh sẽ thay đổi điều này, giống như nó sẽ thay đổi mọi thứ, nó sẽ dẫn anh đến với những mối quan

hệ chớp nhoáng ít văn minh hơn. Tuy nhiên, Teddy sẽ không bao giờ thoải mái với những từ ngữ miêu tả tình dục. Anh cũng không rõ là do sự đứng đắn vờ vĩnh hay nỗi e ngại thực sự. Con gái anh trong tương lai sẽ không ngại ngần gì những từ ngữ ấy. Viola làm tình, ăn nằm, thậm chí còn dùng những từ suồng sã hơn và sẵn sàng kể oang oang những chuyện này. Teddy cảm thấy nhẹ nhõm khi Viola tuyên bố mình không còn quan hệ với ai ở tuổi năm mươi lăm.

Phòng trọ của anh khá gần Bảo tàng Anh, nó có chút xập xệ nhưng anh thích nó, mặc dù bà chủ nhà ghê gớm đến mức có thể sánh ngang với Thành Cát Tư Hãn. Teddy không biết rằng, vì sự kìm hãm khắc nghiệt của chiến tranh và hoàn cảnh, đêm vụng trộm ấy của anh với Nancy sẽ là một trong số ít dịp hiếm hoi họ có thể thân mật với nhau cho đến khi chiến sự kết thúc.

*

“Nancy tội nghiệp thế nào rồi?” Hugh hỏi khi Teddy trở về Góc Cáo.

“Con nghĩ cô ấy vẫn ổn.” Teddy nói. “Mặc dù thực ra con không gặp cô ấy. Vậy là chúng ta đang có chiến tranh sao bố?”

“Bố e rằng vậy. Vào thư phòng đi, Ted, và uống với bố một ly.” Thư phòng là nơi ẩn dật của Hugh, là chốn an toàn mà người khác chỉ có thể vào nếu được mời. “Con nên nhanh chân...” Ông nói thêm. “... Trước khi mẹ con nhìn thấy con. Bố đoán bà ấy sẽ trở nên kích động. Bà ấy không

thể chịu nổi chuyện này, cho dù chúng ta đều biết nó sẽ xảy ra.”

Teddy không chắc tại sao anh lại quyết định không nghe lời tuyên bố chiến tranh. Có lẽ chỉ đơn giản vì anh cho rằng việc dẫn một con chó đi dạo vào sáng Chủ nhật nắng ấm trước bữa trưa là việc quan trọng hơn.

Hugh rót hai cốc whisky mạch nha từ cái bình thon cổ nặng trĩch bằng thủy tinh được chạm khắc hoa văn mà ông cất trong thư phòng. Họ cụng ly và Hugh nói “Vì hòa bình” trong khi Teddy tưởng ông sẽ nói “Vì chiến thắng”. “Con nghĩ con sẽ làm gì?” Hugh hỏi anh.

“Con cũng không biết nữa.” Teddy nhún vai. “Chắc con sẽ tòng quân.”

Bố anh cau mày, nói: “Nhưng không phải là lục quân chứ!” Nỗi kinh hãi âm thầm về những con hào thoáng lóe lên trên mặt ông.

“Con nghĩ là không quân bố ạ.” Teddy nói. Trước khoảnh khắc này, anh thực sự chẳng nghĩ gì về chuyện đó, nhưng bây giờ, anh nhận ra rằng cửa lồng đang mở, những song sắt nhà tù đang sụp đổ. Anh sắp sửa thoát khỏi những xiềng xích của ngân hàng. Anh nhận ra mình cũng sắp sửa thoát khỏi viễn cảnh về cuộc sống ở vùng ngoại ô, về lũ trẻ có thể bị gọi là “khá đần”. Thậm chí thoát khỏi cái ách và bộ yên cương mang tên là hôn nhân. Anh nghĩ về những cánh đồng hoa hướng dương vàng rực. Những khối màu rắn chắc. Những mảnh nắng nóng bỏng.

Anh lo lắng liệu nước Pháp có bị sụp đổ dưới bàn tay ma quái của Hitler không? Chắc là không.

“Phi công.” Anh nói với bố mình. “Con muốn bay.”

*

Lời tuyên bố chiến tranh đã làm trì hoãn bữa trưa Chủ nhật. Sylvie vẫn đang hái lá bạc hà ở ngoài vườn để làm gia vị cho món thịt cừu lúc Teddy đi tìm bà. Bà không có vẻ kích động chút nào, chỉ khá nghiêm nghị. “Con lỡ mất lời tuyên bố của Chamberlain rồi.” Bà nói, đứng thẳng dậy và xoa eo lưng. Mẹ anh cũng đang già đi, anh nghĩ. “Và mẹ cho rằng con sẽ phải chiến đấu.” Bà nói, nhìn nắm lá bạc hà mà bà đang vò nát trong tay.

“Con cho rằng vậy.” Anh nói.

Sylvie xoay gót và dùng dùng đi vào trong nhà, để lại mùi bạc hà thơm ngát ở đằng sau. Bà dừng lại ở cửa hậu và ngoảnh lại nói với anh một câu thừa thãi: “Bữa trưa sẽ muộn đấy.”

“Mẹ có bức lăm không?” Chiều hôm đó, Ursula hỏi anh qua điện thoại.

“Rất bức.” Anh nói và họ đều cười. Trước đó, Sylvie đã ủng hộ chính sách nhượng bộ rất nhiệt tình.

Mọi người tới tập gọi điện cho nhau suốt cả chiều. Thành thật mà nói, Teddy phát mệt vì liên tục bị hỏi xem anh định làm gì, như thể tương lai của cuộc chiến này chỉ nằm riêng trên vai anh.

“Nhưng em là người lính duy nhất của gia đình mình.” Ursula nói. “Em sẽ làm gì?”

“Gia nhập không quân.” Anh đáp ngay tức khắc. Càng được hỏi câu hỏi này nhiều lần, câu trả lời của anh càng trở nên chắc chắn. (Anh tự hỏi Augustus sẽ làm gì? Ý anh là Augustus trưởng thành, bản sao của anh, chứ không phải cậu bé trẻ mãi không già như Peter Pan trong những cuốn sách của Izzie.) “Dù sao đi nữa, em không phải là người lính duy nhất, còn Maurice và Jimmy thì sao?”

“Maurice sẽ tránh né bất cứ mối nguy hiểm nào, rồi em sẽ thấy.” Ursula nói. “Còn Jimmy, chị cho rằng... Ôi trời. Chị vẫn nghĩ nó là trẻ con, chị không thể hình dung ra nó cầm một món vũ khí trong tay.”

“Nó gần hai mươi rồi.” Teddy cảm thấy cần phải chỉ ra sự thật ấy.

*

Bữa trưa thật ảm đạm. Chỉ có ba người họ - nếu tính cả Bridget đang ở trong bếp thì là bốn người, nhưng họ chẳng bao giờ tính cô ấy vào. Họ ăn thịt cừu với khoai tây và ít đậu đũa khá xơ hái ở trong vườn. Sau đó, Bridget đặt đánh thạch món bánh pudding làm từ gạo đựng trong cái đĩa hình bầu dục xuống bàn và nói: “Nó bị khô mất rồi, “nhờ” đám người Đức chết tiệt đó đấy.”

“Ít nhất thì bây giờ Bridget sẽ có ai đó ngoài mẹ để đổ lỗi cho những tai họa trong thế giới của chị ta.” Ursula nói khi Teddy kể với cô qua điện thoại về câu nói của Bridget. “Cuộc chiến này sẽ đẫm máu, em biết đấy.” Cô buồn bã nói thêm. Ursula có vẻ nắm được nhiều thông tin. Cô “quen

biết” nhiều người, đương nhiên, trong đó bao gồm cả một người có vị trí cao trong Bộ Hải quân.

“Anh chàng Phó Đề đốc của chị là người thế nào?” Anh hỏi cô khá dè dặt vì Sylvie đang ở quanh đó.

“Ồ, em biết đấy - là người đã có gia đình.” Ursula nhẹ nhàng nói. *“Đừng xét đoán để khỏi bị xét đoán^[74].”* Cô đã nói khi tâm sự với anh về cuộc tình này. Teddy đã giật mình khi biết chị gái mình dan díu với chồng của người khác, là *người thứ ba*. Nhưng đến cuối cuộc chiến, chẳng có chuyện gì về đàn ông và đàn bà làm anh ngạc nhiên nữa cả. Thực tế là anh chẳng còn ngạc nhiên với bất cứ chuyện gì. Hóa ra cả tòa kiến trúc của nền văn minh lại được xây dựng trên một nền móng bấp bênh bao gồm cát lún và trí tưởng tượng.

*

Sau bữa trưa, họ lại uống một ly whisky lớn và rồi lại một ly nữa trước bữa tối, vậy nên lúc Teddy rời đi London, cả Teddy và Hugh - vốn không phải sâu rượu - đều đã ngà ngà say. Teddy nghĩ sáng mai anh vẫn sẽ đến ngân hàng, nhưng vào giờ ăn trưa, anh sẽ đi tìm một văn phòng tuyển quân để đăng ký. Và rồi, có lẽ thế giới này tuy sẽ không đảo lộn như lời khúc ballad cũ về cuộc Nội chiến nhưng chắc chắn sẽ thay đổi trong chừng mực nào đó.

“Khúc ballad đó là một khúc bi ca chứ không phải hoan ca.” Ursula nói. Thi thoảng cô cũng câu nệ chi tiết gần giống như Nancy vậy. *“Giáng sinh đã bị khai tử ở traten*

Naseby.” Chị gái anh lúc này chưa phải là người Thanh giáo - chiến tranh sẽ biến cô thành người như vậy.

Sylvie hôn lên má anh nụ hôn tạm biệt, rất lạnh lùng, và quay người đi, nói rằng bà sẽ không nói lời chào tạm biệt với anh bởi vì nó sẽ tạo cảm giác như đây là lần gặp cuối cùng. Teddy nghĩ mẹ anh thật giỏi diễn xuất nếu bà quyết tâm làm việc đó. “Con đang chuẩn bị bắt chuyến tàu 720 tới ga Marylebone mà mẹ.” Anh nói với bà. “Có phải con đi vào chỗ chết đâu.”

“Chưa đến lúc thôi.”

Hugh vỗ vai anh như cách một người cha thường làm và nói: “Đừng để ý tới mẹ con. Nhớ bảo trọng nhé Ted?” Đó là lần cuối cùng anh được bố chạm vào.

*

Anh đi dọc con đường mòn dẫn tới nhà ga trong bóng chiều chạng vạng. Cho đến lúc đã ngồi trong một toa hạng nhì, anh mới nhận ra thứ khiến anh chóng mặt và nóng rực cả người không phải là rượu whisky của Hugh mà chính là căn bệnh ho gà của Nancy. Căn bệnh đã trì hoãn nỗ lực gia nhập cuộc chiến của anh mất vài tuần khốn khổ, thậm chí khi anh đã khỏi bệnh và cố đăng ký, anh vẫn bị người ta đuổi về và bảo rằng hãy đợi một thời gian nữa. Đến giữa mùa xuân năm 1940, anh nhận được một tấm phong bì được để trên chiếc bàn ngoài tiền sảnh nhà trọ của anh. Khi mở ra, anh mới thấy thì ra đó chính là một thông báo từ Bộ Không quân bảo anh đến trình diện ở sân bóng cricket

Lord's để phỏng vấn. Vào mùa hè trước khi anh nhập học trường Oxford, bố anh đã đưa anh tới sân Lord's để xem trận cricket đối kháng Toàn Ấn Độ đầu tiên. Thật kỳ lạ khi giữa vô vàn địa điểm, đây lại là nơi anh chính thức được chấp nhận gia nhập cuộc chiến. "Đội Anh đã thắng 158 lượt chạy." Bố anh nhớ lại khi anh nói với ông về địa điểm ấy. Và Teddy tự hỏi cần bao nhiêu lượt chạy mới thắng được cuộc chiến này? - Ngay cả ở giai đoạn này trong cuộc đời, anh vẫn có thói quen liên tưởng linh tinh. Mặc dù thực tế nó cần chính xác bảy mươi hai lượt chạy, không lượt nào bị loại - đó chính là số lần xuất kích của anh tính đến cuối tháng Ba năm 1944.

Bước chân anh tới chỗ làm nhẹ nhàng hơn. Anh dừng lại để vuốt ve một con mèo đang nằm sưởi nắng trên một bức tường. Anh ngả mũ chào một người phụ nữ thanh lịch anh gặp trên đường, rõ ràng cô ta bị anh mê hoặc nên mỉm cười đáp lại (nụ cười của cô ta khá hấp dẫn, đặc biệt là ở thời điểm này). Anh dừng lại để ngửi mùi một bông tử đinh hương nở muộn trên hàng rào bao quanh những khu vườn của quảng trường Lincoln's Inn Fields. Anh nghĩ rằng "sự huy hoàng và giấc mộng^[75]" của Wordsworth không hoàn toàn bị quên lãng.

Thứ mùi quen thuộc của đồng thau và gỗ được đánh bóng xộc tới bữa vẫy anh khi anh bước vào ngân hàng. Sẽ không còn nữa, anh nghĩ, sẽ không còn nữa.

Hơn một năm sau, khi trên bộ quân phục của anh đã có chiếc phù hiệu hình đôi cánh, và khóa huấn luyện của anh trong Kế hoạch Huấn luyện Bay Khối thịnh vượng chung Anh ở Canada đã hoàn thành, anh trở về trên con tàu Hoàng hậu Mary khởi hành từ New York. “Thích thế!” Izzie nói khi nghe kể về chuyện này. “Cô từng có khoảng thời gian thật tuyệt vời khi đi trên con tàu đó.” Teddy không buồn nói cho bà biết rằng con tàu khách ấy giờ đã trở thành tàu chở lính cho quân đội Mỹ, anh đã phải chen lấn xô đẩy mới lên được trên đó (“bị đẩy xuống đáy khoang tàu đọng đầy nước bẩn”) và tất cả mọi người - một nửa trong số đó bị say sóng trong suốt cuộc hành trình - bị lèn chặt hơn cả những con cá mòi trong hộp. Họ còn có cảm giác bất an khi băng qua Đại Tây Dương giữa thời tiết xấu mà không có tàu hộ tống. Con tàu này được cho là chạy nhanh hơn cả tàu ngầm Đức, nhưng Teddy không tin điều đó. “Vâng, thức ăn tuyệt lắm ạ.” Anh mĩa mai nói với bà (mặc dù nếu so sánh với những bữa ăn đạm bạc của chế độ phân phối thì nó vẫn còn ngon chán). Anh không biết liệu bà có nghe ra giọng điệu châm biếm của anh hay không. Izzie luôn là người khó hiểu.

Sau khi từ Canada về, anh được nghỉ phép vài ngày trước khi tham gia một Đơn vị Huấn luyện Chiến đấu. Chị gái anh đã xoay xở đào thoát khỏi London để về Góc Cáo ăn trưa. Izzie cũng đang “quanh quẩn” ở đó, không mời mà đến, theo lời Sylvie. Vào mùa thu năm 1942 ấy, Pamela đã đi tản cư ở một nơi đồng không mông quạnh, mặc dù cô sẽ sớm trở về; Maurice gần như cắm rễ trong một boong ke ở

Whitehall; Jimmy đang được huấn luyện trong một đơn vị lục quân ở Scotland. Còn Hugh thì đã qua đời. Sao có thể? Sao bố anh có thể chết được chứ?

Hồi đó Teddy đã được phê chuẩn nghỉ phép để về chịu tang cha và Hải quân (cụ thể là người đàn ông của Ursula ở Bộ Hải quân, nhưng Teddy không bao giờ biết điều này) đã kiếm được chỗ cho anh trên một con tàu buôn được hộ tống, nhưng vào phút chót, lệnh phê chuẩn đã bị hủy. “Dù sao đi nữa con cũng sẽ không về kịp đám tang.” Sylvie nói. “Vì vậy con có về được hay không cũng chẳng mấy khác biệt.”

“Tôi thấy ngạc nhiên...” Maurice nói. “... Khi đang trong chiến tranh mà lại có người coi đó là một yêu cầu quan trọng.” Ursula nói: “Maurice là một trong những kẻ đóng dấu cho các giấy phép mua hàng - hoặc không - và gạch chéo lên những lá đơn. Anh ta chính là loại người sẽ bác bỏ một lá đơn xin nghỉ phép để về chịu tang.” Maurice sẽ rất bức tức khi bị coi là kẻ thấp kém đến mức phải đóng dấu bất cứ thứ gì. Anh ta chỉ việc ký tên thôi. Ngoáy một chữ ký trơn tru từ ngòi chiếc bút Sheaffer bằng bạc. Nhưng không phải trong trường hợp này.

Teddy phải cảm ơn bất cứ người nào đã bác bỏ yêu cầu nghỉ phép của anh. Đoàn tàu hộ tống đã bị tàu ngầm Đức tấn công. Con tàu mà Teddy định đi đã bị đánh chìm cùng tất cả thành viên trên tàu. “Chắc là em đã được giữ lại để dành cho một mục đích cao cả hơn.” Ursula nói.

“Không phải là chị tin điều đó đấy chứ?” Teddy hỏi, kinh ngạc nghĩ rằng chị gái mình có thể đã ngộ đạo.

“Không.” Cô nói. “Chị đã học được một điều rằng sống và chết là hoàn toàn ngẫu nhiên.”

“Hoàn toàn đúng. Người ta học được điều đó trong cuộc chiến *lần trước*.” Izzie nói, châm một điếu thuốc lá dù bà hầu như chưa động đến một miếng thịt gà hầm nào mà Sylvie đã nấu cho bữa trưa. Sylvie đã làm thịt con gà ấy vào sáng nay để “ăn mừng” sự trở về của “đứa con trai hoang đường”. (Lại nữa rồi, anh nghĩ. Đó là vai trò của anh trong cuộc đời này ư? Suốt đời hoang đường?) “Hoang đường gì chứ.” Teddy chống chế. “Con đi học chiến đấu mà.”

“Nhưng, coi kìa, cả nhà đã làm thịt con gà béo này để chào mừng em trở về.” Ursula nói.

“Một con gà già thì đúng hơn.” Izzie nói.

“Đúng là cùng loại nên dễ nhận ra nhau.” Câu nói này là của Sylvie, đương nhiên.

Izzie gạt cái đĩa của mình đi và Sylvie nói: “Tôi hy vọng cô sẽ ăn hết chỗ thịt đó. Con gà này đã chết vì cô đấy.” Ursula cười phá lên và Teddy nháy mắt với cô. Nhưng anh có cảm giác sai trái khi vắng mặt Hugh mà anh vẫn có thể vui vẻ.

Izzie đã đào tẩu qua bờ bên kia của đại dương vào giây phút tình trạng chiến tranh được công bố nhưng lúc Teddy cập cảng Liverpool thì bà đã trở về, quả quyết rằng “lòng yêu nước” là một bốn phần quan trọng hơn cả sự an toàn của bản thân. “Yêu nước cái gì chứ.” Sylvie khinh miệt nói. “Cô về nhà chỉ vì cuộc hôn nhân của cô là một thảm họa.” Người chồng của Izzie - vốn là nhà soạn kịch nổi tiếng - đang “dan díu với hết người nọ đến người kia ở Hollywood”,

Sylvie nói. Nghe thấy từ “dan díu”, Teddy liếc nhìn Ursula đang ngồi ở phía đối diện với anh qua chiếc bàn ăn theo phong cách Nhiếp chính Phục hưng, nhưng cô lại đang nhìn xuống đĩa thịt gà trước mặt mình.

Sylvie hiện có một đàn gà lớn và bà lấy trứng của chúng để đem đổi lấy những thứ thiết yếu khác. Những con gà bị vắt kiệt sức ấy thường kết thúc cuộc đời trên bàn ăn của Góc Cáo khi chúng không còn làm tròn nhiệm vụ của mình trên mặt trận đẻ trứng. “TBL^[76].” Ursula nói. Khi thấy vẻ mặt ngơ ngác của Sylvie, cô giải thích: “Thiếu bản lĩnh. Dễ dao động. Khi những người lính không chế ngự được sự lo lắng, căng thẳng của mình. Nhưng họ gọi đó là sự hèn nhát.”

“Cô đã thấy nhiều người như vậy dưới những con hào.” Izzie nói.

“Cô đâu có ở dưới những con hào.” Sylvie nói, bà luôn cúi gằm mỗi khi Izzie nhắc tới những trải nghiệm của mình trong cuộc chiến lần trước. Họ đều như thế trong chùng mực nào đó. Lại một điều là chỉ có Hugh chịu đựng được một chút “cuộc chiến của Izzie”, như cách ông gọi nó. Ông từng tình cờ gặp em gái mình một lần ở một trạm cấp cứu không quá xa tuyến lửa trong trận Somme kinh hoàng. Ông đã bối rối khi nhìn thấy bà. Bà có vẻ đang ở nhầm chỗ - bà thuộc về căn phòng khách ở Hampstead hoặc đáng ra phải mặc chiếc váy dạ hội, ve vãn và bốn cọt một người đàn ông không thể cưỡng lại được sức hút của bà. Ký ức về “hành động đại dột” của bà - đó là cách ông gọi cuộc tình vụng trộm tai tiếng của bà với một người đàn ông lớn tuổi hơn,

đã có vợ, dẫn đến hậu quả là bà sinh ra một đứa con ngoài giá thú - đã gần như bị bùn đen lấp kín trong tâm trí ông. Dù sao đi nữa, Izzie đó khác Izzie này. Izzie này mặc một bộ đồng phục bên dưới cái tạp dề bẩn thỉu, máu lấm lem một bên má, đang xách một cái xô trắng men đựng thứ gì đó rõ là hôi thối. Rồi khi bà nhìn thấy ông, bà há hốc miệng và nói: “Ồ, nhìn anh kìa, anh vẫn còn sống, tuyệt quá! Em sẽ không hôn anh đâu, em e rằng em đang bẩn khiếp đi được.” Đôi mắt bà ngân ngấn lệ và chính ở khoảnh khắc đó, Hugh đã tha thứ cho em gái rất nhiều lỗi lầm trong tương lai, những lỗi lầm mà lúc bây giờ vẫn chưa xảy ra.

“Em đang làm gì ở đây thế?” Ông hỏi, giọng điệu quan hoài dịu dàng.

“Ồ, em là một FANY.” Cô hấp tấp nói. “Giúp đỡ mọi người, anh biết đấy.”

“*Cánh đàn ông* mới phải chui xuống những con hào.” Sylvie khẳng khẳng. “... Chứ không phải mấy cô tình nguyện viên cầu kì, chải chuốt.”

“Đội quân Y tá và Cứu thương không phải là những cô nàng cầu kì, chải chuốt.” Izzie điềm tĩnh nói. “Tay bọn em lúc nào cũng lấm bẩn. Và thật khủng khiếp khi gọi một người đàn ông là kẻ hèn nhát.” Bà lặng lẽ nói thêm.

“Vâng, đúng vậy.” Ursula đồng ý. “Nhưng gọi một con gà như thế thì cũng không tồi.” Teddy cười, nấu mình trong sự hài hước. Anh sợ mình làm không tốt trong cuộc chiến sắp tới. “Nó đã rứt đầu rứt cổ.” Anh nói, chỉ vào chỗ thịt gà trên đĩa của Izzie. Cả anh, cả Ursula đều cười rũ rượi. “Các con thật trẻ con.” Sylvie giận dữ nói. Không hản thế, Teddy

nghi. Họ là những người sẽ phải vững vàng để bảo vệ Sylvie, đàn gà của bà, Góc Cáo, những sự tự do cuối cùng còn sót lại.

Nội dung trong những lá thư mà chị gái gửi đến Canada cho anh vốn tản mạn (“vì Cam kết Bảo mật, kiểu vậy”), nhưng qua những ẩn ý trong từng câu chữ, anh hiểu được rằng chị anh đã có một khoảng thời gian khá khủng khiếp. Teddy chưa được thử thách trong chiến trận, nhưng chị anh thì đã trải qua rồi.

Đương nhiên, chị anh đã đứng về chiến tranh, nó thực sự “đắm máu”. Trong sự an toàn, ấm áp, xa hoa của những rạp chiếu bóng sang trọng ở Canada, anh đã vừa ăn bỏng ngô vừa kinh hoàng xem những bộ phim thời sự về các cuộc tấn công trong Cuộc oanh kích Blitz nhắm vào nước Anh. Tới Rotterdam. Rồi tới Warsaw. Và nước Pháp đã thực sự thất thủ. Teddy hình dung ra cảnh đám xe tăng giày xéo những cánh đồng hoa hướng dương thành bùn đen. (Thực ra chúng không bị như vậy, chúng vẫn ở đó.)

“Phải, con đã bỏ lỡ nhiều thứ.” Sylvie nói, như thể anh đến rạp hát muộn và lỡ mất nhiều chi tiết thú vị của một vở kịch. Bây giờ dường như mẹ anh đã hoàn toàn quen thuộc với những sự kiện của cuộc chiến và trở nên hiểu chiến đến đáng kinh ngạc. Teddy cho rằng mẹ anh dễ dàng trở nên như vậy là vì bà đang ở một nơi tương đối yên bình như Góc Cáo. “Mẹ đã bị những lời tuyên truyền thuyết phục.” Ursula nói, như thể Sylvie không có ở đó.

“Còn chị thì không ư?” Teddy nói.

“Chị thích những dữ kiện thực tế hơn.”

“Con đã trở thành một ông Gradgrind^[77] rồi đó.” Sylvie nói.

“Không thể nào.”

“VẬY các dữ kiện thực tế ấy nói lên điều gì?” Izzie hỏi nhưng Ursula - vốn quen biết một cô gái làm trong Bộ Không quân - không nói rằng cơ hội sống sót của Teddy trong chuyến xuất kích đầu tiên cùng lắm là rất mong manh, và khả năng sống sót trong kỳ quân dịch^[78] đầu tiên của anh gần như bằng không. Thay vì thế, cô rặng rờ nói: “Chúng nói lên rằng đây là một cuộc chiến *đúng đắn*.”

“Ồ, tốt quá!” Izzie nói. “Chẳng ai muốn chiến đấu trong một cuộc chiến tranh phi nghĩa cả. Cháu sẽ ở phe các thiên thần, cháu trai yêu quý.”

“VẬY ra các thiên thần là người Anh ạ?” Teddy nói.

“Rõ ràng ràng ra rồi.”

*

“Tình hình tồi tệ lắm ạ?” Anh hỏi Ursula khi đón cô ở ga tàu vào sáng hôm đó. Trông cô xanh xao và rầu rĩ, giống như một người đã ở trong nhà quá lâu hoặc có lẽ đang tham gia chiến đấu. Anh tự hỏi chị mình có còn gặp gỡ người đàn ông ở Bộ Hải quân không?

“ĐỪNG nói về chiến tranh vội. Nhưng đúng vậy, nó rất khủng khiếp.”

Họ đi đường vòng để ghé vào nghĩa địa của nhà thờ, nơi Hugh được chôn cất. Từ bên trong nhà thờ vọng ra tiếng

hát nho nhỏ của cộng đoàn sáng Chủ nhật, họ đang ngân lên bài *Ngợi ca Thiên chúa*.

Tấm bia mộ màu xám của Hugh với dòng chữ có vẻ nhạt nhẽo được khắc trên đó - *Người cha và người chồng thân yêu* - vẫn còn mới, xù xì, thô ráp. Lần cuối Teddy gặp bố là lúc ông vẫn còn sờ sờ trước mặt anh bằng xương bằng thịt, vậy mà bây giờ thịt da ông đang rữa nát trong một cái huyết dưới chân anh. “Tốt hơn hết là nên tránh những ý nghĩ tầm tối.” Ursula khuyên anh như vậy, và lời khuyên ấy sẽ giúp ích cho anh trong ba năm sau đó. Hay đúng ra là cả quãng đời còn lại của anh. Teddy chợt nghĩ bố anh là người đàn ông đường hoàng, tử tế biết chừng nào, thực ra ông là người tuyệt vời nhất trong gia đình anh. Nhân lúc anh sơ hở, nỗi đau buồn đã ập đến, tóm chặt lấy anh.

*

“*Người cha và người chồng thân yêu* - nghe buồn quá ạ, chẳng nhạt nhẽo chút nào.” Bertie nói. Đó là năm 1999, gần sáu mươi năm sau khi Hugh qua đời. Bây giờ, cuộc đời của Teddy đã dài như lịch sử. Bertie đã hỏi ông muốn làm gì trong lần sinh nhật thứ tám mươi lăm, và ông nói ông muốn thăm lại “những chốn xưa”. Vậy là cô đã thuê một chiếc ô tô và họ khởi hành từ Fanning Court, bắt đầu chuyến đi mà Bertie gọi là “một chuyến đi phượt”, còn Teddy gọi là “chuyến đi giã biệt”. Ông nghĩ mình sẽ chẳng sống thêm được bao lâu khi qua thiên niên kỷ mới, và nghĩ rằng đây sẽ là một cách tuyệt vời để khép lại trọn vẹn một cuộc đời và

một thế kỷ. Ông sẽ ngạc nhiên khi biết rằng ông vẫn còn hơn một thập kỷ nữa ở phía trước. Đó đã là một chuyến đi lạ lùng và thú vị, tràn đầy cảm xúc (“Chúng ta đã đi được hết các nơi muốn đến rồi.” Bertie nói sau chuyến đi) và khơi lên trong ông những tình cảm đích thực chứ không chỉ là nỗi hoài cổ, vốn là một thứ cảm xúc vụn vặt trong mắt Teddy.

Lúc đó, địa y đã bám đầy trên bia mộ của Hugh và dòng chữ khắc trên đó không còn rõ nét nữa. Sylvie cũng được mai táng trong nghĩa địa này, giống như Nancy và cha mẹ bà. Teddy không biết Winnie và Gertie được chôn cất ở đâu nhưng Millie thì ở đây, cuối cùng bà cũng được an nghỉ ở quê nhà sau cả một đời lênh đênh, chẳng yên ổn ở nơi nào. Teddy nghĩ, tất cả những người này đều được gắn kết với Bertie bằng một “sợi chỉ đỏ” mỏng manh, nhưng cô sẽ không bao giờ biết họ.

Pamela và Ursula, giống như Bea, đã lựa chọn hỏa thiêu. Teddy đã đợi những bông chuông xanh trong rừng nở hoa mới rắc tro của Ursula xuống giữa chúng. Người chết nhiều không đếm xuể.

“Tốt hơn hết là nên tránh những ý nghĩ tăm tối.” Ông nói với Bertie.

“Ông thích viết gì trên bia mộ *của mình*?” Cô hỏi, chẳng đếm xỉa đến lời nhắc nhở của ông. Teddy nghĩ đến những tấm bia mộ trắng toát bạt ngàn ở các nghĩa trang liệt sĩ. Tên, chức vụ, số hiệu. Ông nghĩ về Keats, “*Tên người nằm đây được viết trên mặt nước*”, Ursula luôn thấy văn bia ấy quá bi thảm. Rồi ông nghĩ đến lời Hugh từng nói: “Ồ, con có thể ném bố vào thùng rác cũng được, bố sẽ chẳng bận tâm

đâu.” Và những cái tên được viết trên bia đá ở đài tưởng niệm chiến tranh tại Runnymede, đó là tên của những người chết mà không có huyết mộ.

Thứ gì đó đã thay đổi. Đó là gì nhỉ? Đương nhiên rồi - những cây dẻ ngựa cao lớn, bất kham, mọc tự do phóng túng từng che bóng mát cho người chết ở một bên nghĩa địa giờ đã biến mất hết, thay thế cho chúng là những cây anh đào nhỏ bé, hiền lành đang trở hoa, được trồng một cách quy củ hơn. Bức tường đá cũ kĩ trước kia bị những cây dẻ ngựa che khuất giờ đã hiển hiện, được xây lại mới tinh và sạch sẽ.

“Hãy chôn ông ở trong rừng.” Ông nói. “Không cần ghi tên, chẳng cần thứ gì cả, chỉ cần một cái cây. Một cây sồi, nếu cháu có thể tìm được, nhưng nếu không có thì chọn cây nào cũng được. Đừng để mẹ cháu lo liệu.”

Chết là hết. Đôi khi phải mất cả đời mới hiểu được điều đó. Ông nghĩ về Sunny, cậu đang mài miết không ngừng nghỉ trong hành trình tìm kiếm thứ mà cậu đã bỏ lại đằng sau. “Hãy hứa với ông là cháu sẽ sống trọn vẹn cuộc đời của cháu.” Ông nói với Bertie.

“Cháu hứa.” Bertie nói, cô đã hai mươi tư tuổi và biết rằng mình sẽ không thể làm vậy.

*

Khúc *Tình yêu thánh siêu việt* báo cho họ biết rằng buổi lễ Chủ nhật sắp kết thúc. Teddy thơ thẩn giữa các nấm mộ. Hầu hết những người được chôn dưới đó đều đã mất từ lâu,

trước cả khi anh chào đời. Ursula đang nhặt những quả dẻ ngựa từ rặng cây hùng vĩ ở đầu bên kia nghĩa địa. Cây nào cây nấy đều cao lớn, và Teddy tự hỏi liệu rễ của chúng có quấn vào xương của những người chết không. Anh tưởng tượng chúng đang len lỏi qua những lồng ngực, uốn mình quanh các cổ chân như những chiếc vòng xuyên và trói chặt các cổ tay như gông cùm xiềng xích.

Khi anh bước tới chỗ Ursula, anh thấy cô đang kiểm tra một quả dẻ ngựa. Lớp vỏ màu xanh với những chiếc gai nhọn lởm chởm của nó đã nứt, để lộ cái hạt bóng loáng bên trong. “Quả của cây này đấy.” Cô nói, đưa nó cho anh. “*Media vitae morte sumus*. Chúng ta đang chết giữa cõi sống. Hay là ngược lại nhỉ? Thật kỳ diệu, phải không, khi nhìn thấy thứ gì đó mới toanh vừa bước vào thế giới này, chẳng hạn như một con bê đang được sinh ra hoặc một chồi nụ đang hé nở?” Hồi nhỏ, họ từng chứng kiến những chú bê được sinh ra ở Trang trại Gia đình. Teddy nhớ anh đã cảm thấy buồn nôn khi nhìn thấy lớp màng bọc trơn nhẵn của chúng, trông chú bê như thứ gì đó vừa được ông hàng thịt gói lại vậy.

Đoàn người dự lễ buổi sáng bắt đầu tràn ra khỏi nhà thờ, hòa mình vào ánh nắng. Ursula nói: “Em từng rất thích chơi quả dẻ ngựa. Nhìn những cậu bé chơi quả dẻ ngựa mà có cảm giác như đang ở thời Trung cổ vậy. Món vũ khí có gai nhọn tua tủa bao quanh và có cán để cầm được gọi là chùy gai đúng không nhỉ? Hay là chùy Sao Mai? Một cái tên thật đẹp đối với một món vũ khí gớm ghiếc như vậy.” Cô nói lan man. Teddy nhận ra cô đang đánh lạc hướng tâm trí mình,

anh cho rằng đó là một biện pháp để chống lại sự khủng khiếp của chiến tranh. Anh nghĩ Ursula biết những gì xảy ra trên mặt đất: trong một cuộc oanh tạc. Teddy thì chỉ có thể tưởng tượng, và kể từ bây giờ, sự tưởng tượng sẽ không có chỗ trong thế giới của anh.

Dĩ nhiên, anh cũng đã từng thấy vài chuyện kinh hoàng, những vụ tai nạn trong khóa huấn luyện, nhưng chúng không phải là chủ đề mà anh có thể nhắc đến bên món thịt gà hầm trên cái bàn ăn theo phong cách Nhiếp chính Phục hưng.

Anh mang chồng đĩa bẩn vào bếp ("Bridget sẽ làm việc đó mà." Sylvie đánh giọng nói, nhưng Teddy làm như không nghe thấy) và bắt gắp bộ xương gà trên bàn bếp, đã bị lóc hết thịt. Dạ dày anh chột nhột nhạo.

Ở trường huấn luyện bay tại Ontario, Teddy từng chứng kiến một chiếc máy bay Anson hạ cánh khẩn cấp. Trong một bài tập bay đường trường, nó vừa cất cánh thì phải quay lại gần như ngay lập tức vì động cơ bị trục trặc. Teddy nhìn nó lao vun vút vào phi trường, chao qua đảo lại trước khi rơi thẳng xuống đường băng. Các bình chứa nhiên liệu của nó gần như còn đầy nguyên nên cú va chạm đã gây ra một vụ nổ kinh hoàng. Hầu hết mọi người đã chạy đi tìm chỗ trú ẩn khi thấy cảnh tượng ấy. Teddy đã nhào ra đằng sau một nhà chứa máy bay.

Tất cả mọi người trên mặt đất đều có vẻ bình an vô sự, xe cứu hỏa và xe cứu thương phóng nhanh như bay tới chỗ chiếc Anson đang bốc cháy ngùn ngụt.

Người ta báo lại rằng một thành viên của tổ bay đã thoát khỏi “giàn thiêu” ấy, ông ta bị thổi bay ra ngoài khi chiếc máy bay phát nổ, thế là Teddy tham gia tìm kiếm cùng vài người bạn phi công thực tập khác. Họ tìm thấy linh hồn cô đơn lạc lõng ấy giữa những cây tử đinh hương bao quanh hàng rào vành đai. Sau đó, họ nhận ra rằng đó chính là thầy huấn luyện, một viên phi công dày dạn kinh nghiệm thuộc Không lực Hoàng gia Canada RCAF vừa mới bay cùng Teddy ngày hôm qua. Bây giờ ông ta phô bày một cảnh tượng gớm ghiếc: chỉ còn là một bộ xương, da thịt đã bay biến gần như hoàn toàn vì sức ép của vụ nổ. (“Bị lột da tróc thịt.” Một phần não bộ của Teddy đã nghĩ như vậy.) Bộ ruột của thầy huấn luyện, vẫn còn ấm, kết thành tràng hoa trên những nhành tử đinh hương. Hoa tử đinh hương đang nở rộ, mùi của chúng vẫn rất rõ rệt, không hề bị thứ mùi hôi thối như ở trong lò mổ này át mất.

Một người trong đội tìm kiếm với Teddy bỏ chạy, vừa chạy vừa gào thét và chửi rủa luôn mồm. Anh ta liền bị tước đi tư cách phi công, không bao giờ được bay nữa. Người ta tuyên bố anh ta là kẻ TBL, và anh ta rời đi trong nỗi nhục nhã ê chề, chẳng rõ là đi đâu về đâu. Một viên phi công thực tập khác trong đội tìm kiếm với Teddy, một người xứ Wales, nhìn chằm chằm vào những gì còn sót lại của thầy huấn luyện và chỉ đơn giản nói: “Gã khốn tội nghiệp.” Teddy cho rằng phản ứng của anh nằm giữa hai thái cực ấy. Kinh hãi trước cảnh tượng rùng rợn, nhẹ nhõm vì mình không có mặt trên chiếc Anson đó. Đây là trải nghiệm đầu tiên của anh về những điều khủng khiếp mà cỗ máy chiến

tranh có thể gây ra cho cơ thể mong manh yếu đuối của con người, một điều mà anh cho rằng chị gái anh đã biết rõ.

“Cái đó để hầm lấy nước dùng đấy.” Bridget nói khi cô thấy Teddy nhìn chằm chằm vào bộ xương gà, như thể anh đang tính lấy trộm nó. Cô đang đứng bên cái bồn Belfast bằng đá to tướng trong bếp để rửa bát, bọt ngập đến tận khuỷu tay. Teddy lấy cái khăn lau bát đĩa trên móc xuống và nói: “Để em lau cho.”

“Cậu tránh ra đi!” Bridget nói, nhưng Teddy biết đó là cách bày tỏ lòng cảm kích của cô. Bridget bao nhiêu tuổi nhỉ? Anh thậm chí không thể đoán được. Trong cuộc đời anh, anh thấy cô đã trải qua quãng thời gian tươi đẹp nhất của mình, từ sự ngây thơ và thậm chí là phù phiếm (“Nhà quê ra tỉnh.” Theo cách nói của Sylvie) tới sự nhẫn nhục mệt mỏi. Cô nói cô đã “đánh mất cơ hội” của mình trong cuộc chiến lần trước, và Sylvie chế giễu: “Mất cơ hội gì cơ? Cơ hội có một cuộc hôn nhân cực nhọc và buồn tẻ, liên tục phải lo lắng về con cái à? Cháu ở đây với chúng ta còn sung sướng hơn đấy.”

“Tôi sẽ về nhà.” Cô nói với Teddy, miễn cưỡng đưa một cái đĩa ăn tối đang nhỏ nước tong tong cho anh. “Khi toàn bộ chuyện này kết thúc.”

“Về nhà ư?” Teddy nói, thoáng ngơ ngác. Cô quay lại nhìn anh chằm chằm và anh nhận ra rằng mình chưa bao giờ thực sự nhìn Bridget. Hoặc là anh nhìn nhưng không bao giờ thấy cô.

“Ireland.” Cô nói như thể anh là kẻ ngớ ngẩn, và anh cho rằng mình đúng là ngớ ngẩn thật. “Cậu ra kia ngồi đi. Tôi

phải đi lấy món tráng miệng.”

*

Còn Nancy? Nancy thì sao? Cô đang ở đâu? Một năm trước, cô đột ngột bị bắt khỏi thế giới bí ẩn của những con số tự nhiên và bị đem đi giấu ở một địa điểm bí mật. Khi người ta hỏi cô đang làm gì, cô nói cô đang làm việc cho một bộ phận của Bộ Thương mại, đã được chuyển từ London tới chốn an toàn ở vùng nông thôn. Qua lời cô kể, công việc đó nghe rất tẻ nhạt (“chia khẩu phần những loại nguyên vật liệu nhà làm hiếm hoi”) đến nỗi chẳng ai buồn hỏi gì thêm. Teddy đã mong được gặp cô, nhưng vào phút chót cô gọi điện thoại và nói: “Em không thể chuồn đi khỏi đây được, em *rất* tiếc.”

Gần mười tám tháng không gặp nhau, vậy mà cô chỉ “tiếc” thôi sao? Anh cảm thấy bị tổn thương, nhưng rồi anh nhanh chóng tha thứ cho cô. “Cô ấy quá kín tiếng. Em không biết khi nào em mới gặp lại cô ấy.” Anh nói với Ursula khi họ “la cà” trên con đường mòn. (“Chị thích từ đó, dạo gần đây chị chẳng mấy khi được la cà.” Cô nói.) Họ dừng lại và châm thuốc trước khi về Góc Cáo. Sylvie không thích ai hút thuốc trong nhà. Ursula rít một hơi sâu và nói: “Đây là một thói quen xấu, nhưng chị cho rằng nó không xấu bằng chiến tranh.”

“Những lá thư của cô ấy cực kì nhạt nhẽo.” Teddy nói, vẫn tiếp tục bám lấy chủ đề về sự khó hiểu của Nancy. “Như thể có một nhân viên kiểm duyệt đứng bên khuỷu tay

cô ấy lúc cô ấy viết chúng vậy. Có vẻ công việc của cô ấy vô cùng bí mật. Theo chị đoán thì cô ấy thực sự đang làm gì?”

“Chà, chắc chắn là một việc gì đó liên quan đến bộ môn Toán học thâm sâu.” Ursula đáp, ngay cả cô cũng nói rất mập mờ. Người đàn ông ở Bộ Hải quân của cô vẫn có thói quen kể cho cô nghe nhiều chuyện lúc đang ở trên giường. “Chị nghĩ nếu em không hỏi gì thì sẽ dễ dàng hơn với con bé.”

“Em cá rằng nó liên quan đến mật mã của Đức.” Teddy nói.

“Ôi, đừng nói điều đó với bất cứ ai.” Ursula nói, xác nhận những nghi ngờ của anh.

*

Sau bữa trưa, Teddy rủ Ursula uống một ly whisky trong thư phòng của cha họ. Đó có vẻ là một cách hay để tưởng nhớ ông, một điều mà anh cảm thấy là mình chưa làm.

“Thư phòng?” Ursula nói. “Chị e rằng không còn thư phòng nào nữa.”

Khi anh thò đầu qua cánh cửa căn phòng nhỏ ở trong cùng của ngôi nhà, anh phát hiện ra Sylvie đã biến “nơi ẩn náu” của Hugh thành thứ mà bà gọi là “phòng khâu vá”. “Bây giờ nó đã trở nên xinh xắn, sáng sủa và thoáng đãng.” Bà nói. “Trước kia nó quá u ám.” Các bức tường được sơn màu xanh lá cây nhạt, sàn nhà được trải thảm kiểu Aubusson, và những tấm rèm nhung nặng nề đã được thay thế bằng một loại vải lanh nhạt màu. Một cái bàn thanh nhả

thời Victoria dùng để ngồi khâu vá, trước kia bị bỏ xó trong căn phòng đơn sơ của Bridget, nay được đặt một cách thuận tiện bên cạnh cái ghế thư giãn có những cái núm ở lưng, là thứ mà Sylvie đã “lựa được với cái giá rất hời trong một cửa tiệm nhỏ ở Beaconsfield.”

“Mẹ khâu vá ở trong này à?” Teddy hỏi Ursula, nhặt lên một cuộn chỉ từ chiếc giỏ đựng đồ khâu và trầm ngâm nhìn nó.

“Theo *em* thì là gì?”

Thế là họ bèn đi dạo quanh vườn. Phần lớn khu vườn giờ được dành để trồng rau và đặt những chuồng gà lớn. Đàn gà của Sylvie được nhốt kĩ càng vì lúc nào cũng có một con cáo lảng vảng đâu đây. Cây dẻ gai già cỗi uy nghi vẫn đứng sừng sững giữa bãi cỏ, nhưng phần còn lại của khu vườn - ngoại trừ những cây hoa hồng của Sylvie - đang bắt đầu bị bỏ bê. “Mẹ có làm cách nào cũng không thể kiếm được một thợ làm vườn tử tế.” Sylvie giận dữ nói. Izzie mĩa mai “Ôi, chiến tranh phiền phức quá đi mất” và mỉm cười với Teddy vẻ chế giễu, nhưng anh không hưởng ứng, vì anh có cảm giác sai trái nếu đồng lõa với Izzie để chống lại mẹ mình, ngay cả những khi mẹ anh trái tính trái nết nhất.

“Mẹ đã đánh mất người thợ làm vườn cuối cùng vào tay Vệ quốc quân.” Sylvie nói, lờ Izzie đi. “Cầu Chúa phù hộ cho chúng ta nếu ông lão Mortimer là người duy nhất đứng giữa chúng ta và bè lũ xâm lược.”

“Bà đang kiếm một con lợn.” Ursula nói với Teddy khi họ chăm chú nhìn lũ gà bị nhốt đang kêu rù rù và cục cục về chán chường.

“Ai cơ?”

“Mẹ chứ ai.”

“Một con lợn á?” Anh không thể hình dung ra Sylvie trong vai trò một người nuôi lợn.

“Chị biết, ở mẹ đầy những điều ngạc nhiên.” Ursula nói. “Ai mà ngờ mẹ lại có máu kinh doanh theo kiểu chợ đen cơ chứ? Mẹ sẽ đến cửa sau của từng nhà để chào hàng thịt muối và xúc xích. Chị nghĩ chúng ta nên cố vũ sự táo bạo của mẹ.”

Ở cuối vườn, họ bắt gặp một khóm cúc mắt bò lớn - hẳn là chúng đã di cư đến đây từ đồng cỏ. “Lại một “bè lũ xâm lăng” khác.” Ursula nói. “Chị nghĩ chị nên mang một ít về London.” Cô khiến Teddy ngạc nhiên khi lấy ra một con dao nhíp lớn từ túi áo khoác và bắt đầu cắt vài nhánh hoa mảnh mai. “Em sẽ sửng sốt khi thấy những gì chị mang theo bên mình.” Cô cười. “Luôn chuẩn bị sẵn sàng. Đó là châm ngôn của cả Hội Hướng đạo Nam và Hội Hướng đạo Nữ, em biết đấy - “Vào bất cứ lúc nào, ta cũng phải ở trong trạng thái sẵn sàng đối mặt với những khó khăn và thậm chí là những mối nguy hiểm. Muốn được như vậy, ta cần biết mình phải làm gì và làm như thế nào.””

“Ở đội Hướng đạo Nam thì khác.” Teddy nói. “Những yêu cầu của họ dài hơn, chi tiết hơn.” Anh cho rằng người ta đòi hỏi ở đàn ông nhiều hơn, mặc dù tất cả những người phụ nữ mà anh quen biết đều sẽ không đồng ý với suy nghĩ này.

Ursula luôn quên rằng anh chưa bao giờ tốt nghiệp đội Sói con để lên đội Hướng đạo. Đương nhiên, cô chưa bao giờ phải chịu đựng những trò đáng xấu hổ của Kibbo Kift.

*

Anh quyết định quay lại London với Ursula, mặc dù anh biết điều này sẽ làm mẹ anh thất vọng, bà đã mong anh nán lại thêm một ngày nữa. Không có bố anh, Góc Cáo trở nên trống rỗng, điều đó khiến anh chán nản.

“Nếu đi ngay bây giờ, chúng ta có thể bắt kịp chuyến tàu sắp tới.” Ursula nói, rồi rút giục anh ra khỏi cửa. “... Nhưng chưa chắc nó đã chạy đúng lịch trình.”

“Thực sự thì chúng ta còn khối thời gian.” Cô nói sau khi họ tạm biệt mọi người và bước ra đường. “Chị chỉ muốn chuồn thật nhanh. Ngay cả vào những lúc mẹ dễ tính nhất, chị cũng khó lòng chịu nổi mẹ, cô Izzie còn tệ hơn. Vì vậy, khi cả hai người họ ở bên nhau thì đúng là thảm họa.”

*

“Em có đến ở căn hộ của chị không?” Ursula hỏi khi đoàn tàu vào ga Marylebone và anh đáp rằng không, anh sẽ đi tìm một người bạn cũ để “vui chơi một đêm trên thành phố”. Anh không rõ tại sao anh lại nói dối, hay đúng ra thì tại sao anh lại không muốn ở cùng với chị mình. Có lẽ là vì cái thôi thúc dai dẳng muốn được tự do lần cuối cùng.

Trong lúc tạm biệt nhau, Ursula đột nhiên nói: “À, chị suýt quên mất.” Và sau một hồi lục lọi túi xách, cô lấy ra một vật thể nhỏ bằng bạc đã cẩu bẩn vì nhuộm màu thời gian.

“Một con thỏ à?” Anh hỏi.

“Không hẳn, chị nghĩ nó là thỏ rừng, mặc dù cũng không dễ phân biệt. Em có nhận ra nó không?” Anh không nhận ra. Con thỏ ngồi nghiêm trong một cái giỏ nhỏ. Lông của nó được chạm trổ, tai nó nhọn và sắc. Đúng rồi, là thỏ rừng, Teddy nghĩ. “Nó được treo trên mui xe đẩy của em.” Ursula nói. “Hồi em còn nhỏ. Cả xe đẩy của bọn chị nữa. Chị nghĩ nó được lấy ra từ một cái lục lạc của mẹ.” Con thỏ rừng này đúng là vật trang trí trên cái lục lạc của Sylvie hồi bà còn sơ sinh. Bà từng suýt chọc mù mắt mẹ bà khi nghịch nó.

“Và?” Teddy hỏi.

“Một bùa may.”

“Thật ư?” Anh hoài nghi nói.

“Một linh vật. Thay vì một cái bàn chân thỏ, chị cho em cả một con thỏ rừng để giúp em được an toàn.”

“Cảm ơn chị.” Anh nói, cảm thấy buồn cười. Ursula vốn không phải là người mê tín và tin vào bùa chú. Anh nhận lấy con thỏ rừng và thả tọt nó vào túi, cho nó nhập chung một chỗ với quả dẻ ngựa mà sáng nay cô đưa cho anh, quả dẻ ngựa ấy giờ đã mất đi vẻ tươi mới bóng loáng. Anh nhận thấy những bông cúc mắt bò của Ursula, được quấn trong giấy báo ẩm, đang rũ xuống, gần như héo úa. Chẳng thể *giữ* được thứ gì, anh nghĩ, mọi thứ đều chảy qua các kẽ ngón tay như cát hoặc nước. Hoặc thời gian. Có lẽ chẳng *nên* giữ thứ gì. Anh gạt đi ý nghĩ giống như của một thầy tu ấy.

“Chúng ta đang chết ngay từ khoảnh khắc được sinh ra.” Sylvie đã nói vu vơ như vậy khi bà dõi theo Bridget lừ đừ bê một đĩa táo hầm vào phòng ăn. “Chỉ toàn là quả rụng.” Bridget thông báo. Từ khi bà Glover nghỉ hưu - để về sống

với một người em gái ở Manchester - Bridget cảm thấy mình buộc phải đảm nhận trọng trách bày tỏ sự bất bình thay bà. Dường như Sylvie đã bán những quả táo ngon nhất trong vụ táo bội thu của vườn quả - loại quả duy nhất mà Bridget không nhìn với ánh mắt nghi ngại. ("Cô ta lớn lên ở Ireland." Sylvie nói. "Ở đó họ không có hoa quả.") Trước khi Teddy rời khỏi nhà, Bridget đã ấn một quả táo nhỏ sâu sùi, bị sâu đục lỗ chỗ vào tay anh "để đi đường", và bây giờ nó đang nằm yên ảm trong cái túi chật căng của anh.

Thay vì gặp gỡ người bạn tưởng tượng, Teddy dạo một vòng quanh các quán rượu ở London và đã ngà ngà say sau khi được một ông chủ hảo tâm đãi những chầu bia miễn phí. Anh phát hiện ra bộ quân phục RAF hấp dẫn đến nhường nào đối với các cô gái, mặc dù anh đã cố tránh "hỏa lực phòng không Piccadilly" - cụm từ chỉ gái mại dâm ở khu Tây mà anh học được từ đám lính Mỹ trong chuyến vượt Đại Tây Dương. Đó là những cô gái táo bạo, xác xược và anh tự hỏi họ đã hành nghề này từ trước hay xuất hiện như một phần tất yếu của đoàn xe chở hành lý của binh lính trong chiến tranh.

Cuối cùng, anh thấy mình lang thang quanh quán ở Mayfair, tự hỏi anh sẽ nghỉ qua đêm ở đâu. Anh va phải một cô gái. "Tôi là Ivy, rất vui được gặp anh." Cô cũng bị lạc trong màn đêm tối tăm. Rồi họ khoác tay nhau đi tiếp cho đến khi tình cờ tìm thấy một khách sạn có tên là Flemings ở phố Half Moon. Người gác cổng đêm cứ lăm lét liếc nhìn họ và họ đã cười cợt chuyện đó khi nửa nằm nửa ngồi trên giường, tựa người vào gối, cùng nhau chia sẻ hai chai bia

lớn mà Ivy đã kiếm được ở đâu đó. “Nơi này sang quá!” Cô nói. “Hẳn là anh giàu lắm.” Tối nay thì đúng là anh giàu thật, Izzie đã cho anh hai mươi bảng - món tiền xương máu mà Augustus nợ anh - và anh muốn tiêu số tiền đó càng nhiều càng tốt khi còn có thể. Chết rồi thì chẳng mang theo được thứ gì. Izzie, vốn tiêu xài hoang phí, thường nói như vậy.

Thì ra, Ivy là một cô gái ATS^[79] vô tư lự thuộc một khẩu đội pháo phòng không đóng ở Portsmouth và hiện đang nghỉ phép. (“Ồi, đáng lẽ tôi không nên nói với anh nơi tôi công tác.”)

Tiếng còi báo nguy vang lên nhưng họ không đi tìm hầm trú ẩn. Thay vì thế, họ ngắm nhìn những đợt “pháo hoa” được Không quân Đức cung cấp miễn phí. Teddy thấy mừng vì cuối cùng anh đã “tóm được cái đuôi” của Cuộc oanh kích Blitz.

“Bọn con hoang.” Ivy tươi cười nói khi những chiếc máy bay ném bom lượn lơ phía trên đầu. Cô nói cô đang phụ trách “máy quan trắc”. “Thợ vận hành số ba.” (“Ồi, tôi lại thế rồi!”) Anh chẳng biết đó là cái gì. “Tiêu diệt chúng đi, các chàng trai!” Cô hét lên khi những quả đạn pháo tạo thành những sọc đỏ trên bầu trời. Họ nhìn thấy một chiếc máy bay ném bom bị đèn rọi trúng. Đây là những gì người ta nhìn thấy từ dưới mặt đất, Teddy nghĩ, nín thở, bắn khoăn về viên phi công đang ở trong chiếc máy bay ném bom ấy. Trong vài tuần nữa, chính anh sẽ ở trên đó, anh nghĩ.

Chiếc máy bay ném bom thoát khỏi ánh đèn rọi, bấy giờ Teddy mới lại thở ra.

*

“Đừng có giờ trò gì đấy.” Ivy nói, cởi đồ, chỉ giữ lại chiếc váy lót rồi leo lên chiếc giường lạnh lẽo. “Tôi là một cô gái ngoan.” Cô ta nghiêm túc nói. Cô ta có khuôn mặt khá thô với hàm răng hô như răng hươu, và đã có vị hôn phu là lính hải quân, do đó Teddy nghĩ cô ta sẽ an toàn, anh sẽ không động đến cô ta, đặc biệt là vì anh đã khá say. Nhưng vào một lúc nào đó trong màn đêm giờ đã yên tĩnh trở lại, họ lăn về phía nhau vào giữa tấm đệm vồng, cô khéo léo đưa anh lún vào bên trong cô trong trạng thái mơ mơ màng màng, và anh cảm thấy nếu mình phản kháng thì thật bất lịch sự. Chuyện đó diễn ra rất nhanh, nhanh chưa từng thấy. Một cách trần tục nhất, nhơ nhớp nhất. Khi họ tỉnh dậy, đôi mắt vẫn còn lơ lơ vì tác dụng của bia, anh nghĩ cô sẽ ăn năn hối lỗi. Nhưng thay vì thế, cô chỉ vươn vai, ngáp và uốn éo người nhích lại gần, mong đợi một lần nữa. Dưới ánh nắng mai lơ mờ xám xám, trông cô thật lố mẫm, nếu cô không hiểu biết quá rõ về hỏa lực phòng không thực thụ, anh có thể đã hiểu lầm rằng cô là một “hỏa lực phòng không Piccadilly”. Anh tự nhấc móc mình - cô là một cô gái dễ thương, thậm chí là một người bạn tốt, còn anh đang tỏ ra hợm hĩnh - nhưng anh cáo lỗi và bỏ đi.

Anh trả tiền phòng và đề nghị một người đàn ông ở quầy lễ tân mang một khay đồ ăn sáng lên cho “vợ tôi”, rồi đẩy

một món tiền boa hậu hĩnh ngang qua mặt quây.

“Chắc chắn rồi, thưa ngài.” Anh ta nói, nhếch mép cười khinh bỉ bất chấp món tiền boa kia.

*

Sau đó, anh lên một chuyến tàu ở ga King's Cross, đi tới một OTU. Đơn vị Huấn luyện Chiến đấu. Sau khóa huấn luyện ấy còn một khóa ở HCU, Đơn vị Chuyển đổi Hạng nặng. “Chiến tranh toàn là từ viết tắt.” Ursula nói.

Anh cảm thấy nhẹ nhõm khi chuyến tàu đông như nêm cuối cùng cũng chậm chậm lăn bánh rời khỏi nhà ga, mừng rỡ vì đã bỏ lại đằng sau sự tan hoang bẩn thỉu của London. Suy cho cùng, chiến tranh đang diễn ra và anh phải chiến đấu. Anh nhớ ra quả táo nhỏ sần sùi trong túi và ăn hết nó chỉ với hai lần cắn. Anh cứ tưởng nó sẽ ngọt lịm nhưng vị của nó lại chua loét.

1993

Chúng ta, những người bị bỏ lại

“**C**hà, xong được cái hộp đó rồi.” Viola nói, như thể vừa hoàn thành một việc gì đó đáng ghê tởm, như thể vừa dọn đồng rác bẩn thỉu của ai đó, trong khi tất cả những gì cô làm chỉ là xếp những món đồ thủy tinh sạch sẽ vào một cái hộp các tông. Cô đang cầm dụng cụ cắt băng dính như thể nó là một món vũ khí. Cô bắt gặp Sunny đang lắc điều thuốc lá ra khỏi bao. Và trước khi cậu kịp quẹt một que diêm, cô quát lên với cậu “Dừng lại ngay!” như thể cậu sắp châm que diêm vào ngòi nổ của một quả bom thay vì một điều thuốc lá Silk Cut. “Con mười chín tuổi rồi mà.” Sunny lẩm bẩm. “Con có thể bỏ phiếu bầu cử, kết hôn và chết vì đất nước mình (liệu thằng bé có làm bất cứ điều gì trong số đó không? Teddy tự hỏi) nhưng con không thể hút một điều thuốc lá sao?”

“Đó là một thói quen đáng ghê tởm.”

Teddy định nói với Ursula “Trước kia con vẫn hút thuốc mà”, nhưng thấy rằng điều đó sẽ châm ngòi cho một “quả bom” khác. Thay vì thế, ông đi đun nước để pha trà cho mấy người thợ dọn nhà.

Sunny thả phịch người xuống xô pha. Cũng chung số phận với hầu hết những món đồ nội thất khác của Teddy, chiếc xô pha này đang bị tổng khứ đi vì nó quá công kềnh, không phù hợp với căn hộ mà ông sắp chuyển tới. Nó được thay thế bởi một chiếc ghế đôi rẻ tiền nhỏ xíu. “Dành cho khách.” Viola nói khi đặt chiếc ghế ấy cho ông từ một cuốn ca ta lô. Về phần ông, ông có một thứ được gọi là ghế “nhô lên hạ xuống” (“phù hợp với người già”), ông buộc phải thừa nhận rằng nó thoải mái vô cùng. Ông không thích từ “già”, nó gây ra nhiều định kiến như từ “trẻ” trước đây vậy.

Phần lớn đồ đạc của Teddy sẽ được đưa đến các cửa hàng từ thiện. Ông đang bỏ lại nhiều thứ hơn những gì ông sẽ nhận được. Cả một đời tích lũy để rồi được gì chứ? Rõ ràng là chẳng có gì nhiều. “Ông ngoại có nhiều *rác* quá.” Lúc này Teddy đã nghe thấy Sunny nói với Viola như vậy, như thể ông đã vi phạm một vấn đề đạo đức ghê gớm lắm khi lưu trữ các bảng sao kê ngân hàng suốt một thập kỷ qua, hoặc một quyển lịch từ năm năm trước có những bức tranh vẽ hình chim chóc theo kiểu Nhật Bản mà ông giữ lại bởi vì chúng quá xinh đẹp. “Bố không thể mang theo *bất cứ thứ gì* trong số này, bố biết điều đó, đúng không?” Viola đã nói như thể ông là một đứa trẻ có quá nhiều đồ chơi. “Bố có bao giờ vứt đi *thứ gì* không vậy?”

Đúng vậy, từ một, hai năm trước, ông đã bắt đầu đánh mất thói quen tần tiện mà ông từng có, ông trở nên mệt mỏi với những sự lựa chọn và quyết định không ngừng nghỉ mà thế giới vật chất yêu cầu. Sẽ dễ dàng hơn nếu cứ để mọi thứ chồng đống lên, chờ đợi cuộc sàng lọc quy mô lớn mà

cái chết của ông sẽ mang đến. “Thế cũng tốt.” Ông nghe thấy con gái mình nói với Sunny. “Chúng ta sẽ chẳng phải dọn dẹp gì nhiều lúc ông qua đời.”

Cứ đợi đến lúc Viola già mà xem, ông nghĩ (“Già hơn ẹ.” Bertie nói), sẽ đến lượt con cái nó dọn dẹp “rác” của mẹ chúng - những cái lưới bắt giấc mơ, những bức tượng Đức mẹ Đồng trinh phát sáng (“trở trêu thay”), những cái đầu búp bê bị vật rời ra (cũng “trở trêu thay”), những quả cầu phù thủy “ngăn chặn tà ma xâm nhập vào nhà”.

Sunny có vẻ đã ngủ thiếp đi như thể mệt mỏi lắm, như thể cậu đã phải lao động vất vả chứ không phải chỉ di chuyển một vài cái thùng giấy. Mấy người thợ dọn nhà đã làm tất cả những việc nặng nhọc trong khi Sunny chỉ kiểm tra đóng hồ sơ giấy má. Và cứ năm phút, cậu lại nói với Teddy “Ông có muốn giữ lại thứ này không? Ông có muốn giữ lại thứ này không? Ông có muốn giữ lại thứ này không?”, cứ như một con vẹt đang nhại tiếng người, cho đến khi Teddy phải lên tiếng: “Cứ để đó cho ông, Sunny, ông sẽ tự mình kiểm tra. Dù sao cũng cảm ơn cháu.”

Teddy đặt một đĩa bánh quy và hai cốc trà lên một cái khay. Đĩa, cốc và khay sau này đều sẽ được gửi đến Oxfam^[80]. “Bố có tới bốn cái khay! Bốn cái đấy!” Viola nói, như thể Teddy phải đích thân chịu trách nhiệm cho sự thừa mứa lãng phí này. “Chẳng ai cần đến *bốn* cái khay cả. Bố chỉ có thể mang theo một cái thôi.” Ông chọn cái khay cũ nhất, một cái khay thiếc mòn vẹt và xước xát mà ông đã có từ lâu lắm. Nó là cái khay của bà lão vô danh đã sống và qua đời trong căn nhà tranh mà ông từng ở hồi mới cưới. Họ

thường gọi bà là “bà lão” như thể bà là một hồn ma thân thiện.

“Thứ cũ kĩ đó ư?” Viola nói và nhìn cái khay với vẻ kinh hãi. “Thế còn cái khay bằng tre xinh đẹp mà con mua cho bố thì sao?”

“Nó có giá trị về mặt tình cảm.” Teddy quả quyết nói.

Ông mang trà ra chỗ mấy người thợ dọn nhà đang nghỉ ngơi. Họ đang ngồi ở đuôi thùng xe, hút thuốc và hưởng thụ chút ánh nắng mặt trời, mừng rỡ đón lấy cốc trà được mang tới.

*

Sunny chậm rãi mở mắt giống như một con mèo vừa ngủ dậy và nói: “Ông không làm gì cho cháu à? Cháu đang thèm uống thứ gì đó.” Teddy cho rằng Sunny kế thừa lòng vị kỷ từ cha mẹ cậu. Cả Viola và Dominic đều luôn coi mình là nhất. Ngay cả cách chết của Dominic cũng ích kỷ. Sunny cần được thuyết phục tự đứng trên đôi chân của mình, chiếm lấy một vị trí trong thế giới rộng lớn ngoài kia, và hiểu được rằng thế giới ấy còn vô vàn người khác, không chỉ có mình cậu.

“Ấm nước ở trong bếp ấy.” Teddy nói với cậu.

“Cháu biết rồi.” Sunny mĩa mai nói.

“Đừng có nói cái giọng đó.” Viola nói (Giọng điệu của mẹ nó chứ ai, Teddy nhận định). Cô khoanh tay về hần học, nhìn trừng trừng mấy người thợ dọn nhà ngoài cửa sổ. “Nhìn họ kìa, một cặp vô công rồi nghề nhận tiền công để

ngồi uống trà.” Theo những gì Teddy còn nhớ, kể cả trước khi họ mất Nancy, Viola đã cảm ghét niềm vui của những người khác, như thể niềm vui ấy đã rút bớt thứ gì đó khỏi thế giới này.

“Bố nhớ hình như con từng đứng về phía những người lao động mà.” Teddy ôn tồn nói. “Hơn nữa, bố mới là người trả tiền công cho họ. Họ là người tốt, bố sẵn lòng trả tiền cho họ để họ uống trà trong mười phút.”

“Thôi, *con* quay lại với cái việc phân loại bất tận này đây. Bố có *biết* bố có bao nhiêu món đồ thủy tinh không? Con đã đếm được tận *tám* cái ly để uống rượu brandy. Bố có *bao giờ* cần đến tám cái ly để uống rượu brandy không vậy?” Viola có một cuộc sống bừa bãi. Cuộc đời cô gặp hết thảm kịch này đến thảm kịch khác. Có lẽ việc được quyền phân loại các khay trà và ly uống rượu brandy đã tạo cho cô ảo tưởng rằng cô có quyền kiểm soát. Teddy ngờ rằng ông đang liều lĩnh tự coi mình là một chuyên gia tâm lý dù ông chẳng hiểu gì về lĩnh vực ấy.

“Bố chắc chắn sẽ không cần đến chúng ở nơi mà bố sắp đến đâu.” Cô nhấn mạnh. Nghe như cô đang nhắc đến thế giới bên kia chứ không phải việc ông chuyển đến khu cư xá dành cho người già, mặc dù ông cho rằng hai nơi đó đều như nhau cả. “Chẳng đời nào có chuyện có đến tám người ở trong căn hộ mới của bố và tất cả bọn họ đều muốn uống brandy cùng một lúc đâu.” Viola nói. Teddy nghĩ, có lẽ sau khi chuyển đến đó, ông sẽ tổ chức một tiệc rượu brandy, một bữa tiệc dành cho tám người, đương nhiên rồi. Sau đó, ông sẽ chụp ảnh làm bằng chứng để cho Viola xem.

“Chí ít bố cũng không có chó để phải tống khứ đi.” Cô nói.

“Tống khứ đi ư?”

“À, ở chỗ bố sắp dọn đến, họ không cho phép nuôi thú cảnh. Bố sẽ phải đem cho nó đi.”

“Hoặc con có thể nuôi nó.”

“Ồ, con không thể, con còn có lũ mèo mà.”

Tại sao họ lại đi nói về một con chó tưởng tượng, không hề tồn tại nhỉ? Teddy tự hỏi.

“May là Tinker chết rồi.” Cô nói. Cô thật tàn nhẫn!

Trước kia, Teddy không để ý, bây giờ ông mới nhận ra Tinker là con chó cuối cùng mà ông nuôi. Ông cho rằng ông đã nghĩ là mình sẽ nuôi một con chó khác - không phải chó con, ông không còn đủ sức nuôi chó con nữa, có lẽ là một con chó trưởng thành bị bỏ rơi ở trại chó. Ông và nó có thể sống những ngày cuối đời bên nhau. Tinker chết đã ba năm rồi. Vì ung thư. Bác sĩ thú y đã tới nhà ông để kết liễu cuộc đời nó trước khi căn bệnh quái ác khiến nó phải chịu nhiều đau đớn. Nó là một con chó tuyệt vời, có lẽ là con chó tuyệt vời nhất của ông. Một con chó săn cáo rất khôn. Teddy đã ôm nó trong tay lúc bác sĩ thú y tiêm cho nó, ông đã kiên định nhìn thẳng vào mắt nó cho đến khi đôi mắt ấy chẳng còn sinh khí. Ông từng làm vậy với một người đàn ông. Bạn của ông.

“Cháu thích Tinker, ngoại Ted ạ.” Sunny bất ngờ nói xen vào, đột nhiên cậu như trở lại là một cậu bé sáu tuổi. “Cháu nhớ nó.”

“Ông biết. Ông cũng vậy.” Teddy nói, vỗ vai cháu trai.
“Cháu muốn uống trà không, Sunny?”

“Còn con thì sao? Con có phần không?” Viola nói với giọng điệu vui vẻ giả tạo mỗi khi cố gắng vờ như họ là một gia đình hạnh phúc. (“Gia đình bất bình thường thì có.” Bertie nói.)

“Đương nhiên là có chứ.” Teddy nói.

*

Họ dọn đến ngôi nhà ở York này vào năm 1960. Trước đó, sau khi rời khỏi Nhà Chuột, họ đã thuê một ngôi nhà trại (Ayswick), đó là nơi Viola sống những năm đầu đời. Khi họ chuyển tới York, việc mất đi vùng đồng quê giống như một vết thương đối với Teddy. Nhưng sau đó, ông còn có những vết thương lớn hơn nên đành cố gắng kiên trì ở lại York cho đến khi ông trở nên thích nó.

Đây là một ngôi nhà chung tường ở vùng ngoại ô. Trông nó giống hệt hàng nghìn ngôi nhà khác trên mảnh đất này - ốp tường bằng đá cuội, phong cách giả Tudor^[81], cửa sổ lồi và cong với những ô kính nhỏ hình thoi, mảnh vườn lớn ở cả đằng trước và đằng sau nhà. Nó đã là nhà của Viola trong nửa quãng đời thơ ấu của cô - rõ ràng cũng là nửa quãng đời tồi tệ nhất - mặc dù cô luôn làm như nó chẳng có ý nghĩa gì với cô cả. Có lẽ cũng không phải là không có ý nghĩa gì. Suốt thuở thiếu thời đầy tủi hờn, cô đã nóng lòng muốn thoát khỏi sự giam hãm tù túng của nó (“u ám”, “cổ lỗ”, “bé như lỗ mũi”, vân vân). Khi cô cuối cùng cũng rời

khỏi nhà để đi học đại học, có cảm giác như một bóng đèn lớn đã rời khỏi ngôi nhà. Teddy biết Viola bất mãn với ông nhưng ông không rõ tại sao. (“Ông có bao giờ nghĩ ngược lại không?” Bertie nói. “Có thể chính mẹ cháu mới là người khiến ông bất mãn?” “Nước mắt không bao giờ chảy ngược, cháu ạ.” Teddy nói.)

*

Ông sẽ tới một nơi có tên là Fanning Court. “Một cư xá chở che cho những người già đã nghỉ hưu.” Từ “chở che” khiến bố có cảm giác đó là một nơi dành cho chó hoặc ngựa vậy. “Bố đừng lảm cẩm thế!” Viola nói. “Đó là nơi ở an toàn hơn cho bố nhiều.” Ông chẳng nhớ nổi có lúc nào cô không coi ông là một mối phiền toái. Ông ngờ rằng ông càng già đi thì tình trạng này càng trở nên tồi tệ hơn. Bấy lâu nay cô cứ lèo nhèo nài ông chuyển đi để có người “để mắt đến bố”.

“Bố mới bảy mươi chín tuổi.” Teddy nói. “Bố có thể tự để mắt đến mình. Bố chưa lú lẫn đâu.”

“Lúc này thì *chưa*.” Viola nói. “Nhưng sớm muộn gì bố cũng sẽ phải chuyển đi mà, vậy thì thà sớm còn hơn là muộn. Bố không thể leo cầu thang và bố chắc chắn không thể làm vườn được nữa.” Ông nghĩ ông vẫn chăm sóc tốt cho mảnh vườn, với chút trợ giúp từ một người đàn ông tới mỗi tuần một lần để làm những công việc nặng nhọc và cắt cỏ vào mùa hè. Cuối vườn có mấy cây ăn quả và từng có một khoảnh vườn lớn để trồng rau. Teddy từng trồng mọi thứ - khoai tây, đậu Hà Lan, cà rốt, hành tây, tỏi, mâm xôi,

lý chua đen. Cà chua và dưa chuột được trồng trong nhà kính. Ông đã xây một cái chuồng nhỏ để nuôi vài con gà, thậm chí ông còn nuôi cả một tổ ong trong vài năm. Giờ thì phần lớn mảnh vườn đã hóa thành thảm cỏ với những bụi cây và hoa dễ trồng - trong đó chủ yếu là hoa hồng. Ông vẫn trồng đậu hoa vào mùa hè và hoa thược dược vào mùa thu, mặc dù việc đó đang bắt đầu trở nên khó nhọc.

Ông sẽ khó lòng nguôi ngoai nếu mất đi mảnh vườn này. Lúc ông chuyển tới đây, ông đã nghĩ mảnh vườn sẽ chẳng thể xoa dịu cảm giác hụt hẫng trong ông khi mất đi vùng đồng quê hoang dã mà ông đã bỏ lại, nhưng hóa ra ông đã nghĩ lầm. Giờ thì thứ gì sẽ là nguồn an ủi của ông? Có lẽ là một vài chậu hoa trên ban công hay một bồn hoa ở cửa sổ. Trái tim ông chùng xuống.

Hàng năm trời nay Viola cứ lải nhải về thực phẩm hữu cơ và việc cô đã nuôi các con bằng một chế độ ăn lành mạnh, nhưng cô có vẻ không hiểu nổi ông khi ông nói rằng ông đã nuôi cô bằng thực phẩm hữu cơ - “thu hoạch ngay ngoài vườn”. Cô nói sao chúng có thể là thực phẩm hữu cơ được, cứ như trước thời của cô thì không có phân bón hữu cơ và lao động chân tay vậy. Hồi còn nhỏ, cô chẳng hứng thú gì với việc học nuôi ong, tỏ ra miễn cưỡng khi cho gà ăn hay nhặt trứng, và nói rằng mảnh vườn khiến cô bị dị ứng. Cô có còn bị dị ứng phấn hoa vào mùa hè không?

“Con vẫn bị dị ứng à?” Ông hỏi.

“Đáng lẽ con sẽ để bố sống cùng con.” Cô tiếp tục như thể ông chưa nói gì (“Để ư?” Teddy nghĩ.) “Nhưng nhà chật

quá và, đương nhiên, bố sẽ không thể leo lên leo xuống cầu thang. Việc đó hoàn toàn không phù hợp với một người già.”

Vài năm trước, Viola đã rời York để tới Leeds. Ở York, cô đã làm việc cho một Đơn vị Trợ cấp Phúc lợi (Teddy không biết đó là gì), nhưng sau đó cô kiếm được việc làm trong Câu lạc bộ Thiên Gia đình ở Leeds. Đó cũng là một nghề có vẻ mơ hồ và nghe tên thì nó không phù hợp lắm với Viola. Đương nhiên, cuộc hôn nhân của cô với Wilf Romaine chính là nguyên nhân khiến cô chuyển đi. (“Chúng tôi đã lén lút kết hôn.” Viola vô tư nói trong một cuộc phỏng vấn với tờ *Phụ nữ và Gia đình* vào năm 1999. Teddy không chắc từ “lén lút” có còn phù hợp với cô không khi lúc đó cô đã hơn ba mươi tuổi và có hai đứa con nhỏ.)

Bây giờ cô đang sống ở Whitby nhờ trợ cấp phúc lợi, mặc dù họ không nói gì về chuyện đó nhưng ông vẫn có thể nhận ra. Cô đã mua một ngôi nhà chài cũ bằng số tiền nhận được từ cuộc ly dị với Wilf Romaine. Cô bốn mươi một tuổi và phần lớn cuộc đời chỉ sống nhờ số tiền mà những người khác cho cô - Teddy, gia đình Dominic (“một món tiền còm cõi”) rồi đến cuộc hôn nhân thảm họa với Wilf. “Nếu con nhận ra từ trước...” Cô giận dữ nói, như thể đó là lỗi của ai khác. “... Con sẽ bỏ qua việc yêu đương và sinh con mà tìm ngay một công việc khi con tốt nghiệp. Có lẽ bây giờ con đã là một kiểm soát viên ở đài BBC rồi, hoặc một chức vụ gì đó ở MI5^[82].” Teddy chỉ ừ hử cho qua chuyện.

Căn nhà ở Whitby chỉ có bốn căn phòng oằn mình chồng chất lên nhau. Teddy sẽ không ngạc nhiên nếu Viola cố tình cất công lặn lội tìm một nơi không phù hợp với một “người

già”. Cứ làm như ông từng suy tính đến việc sống cùng cô vậy. (“Thế còn tệ hơn là chết nữa.” Bertie đồng ý.)

Viola nói là cô đang “viết”. Teddy không chắc điều này có nghĩa là gì nhưng chẳng muốn hỏi quá kĩ. Không phải vì ông không quan tâm mà vì Viola sẽ nổi cáu nếu ai đó bảo cô nói rõ chi tiết về bất cứ điều gì. Sunny cũng giống như vậy, cậu bực tức với cả những câu hỏi vô thưởng vô phạt nhất. “Gần đây cháu đang làm gì?” Teddy đã hỏi cậu cháu trai khi cậu tới - với vẻ miễn cưỡng - vào sáng nay để giúp ông chuyển đồ. Bất cứ câu hỏi nào liên quan đến những kế hoạch của Sunny cho tương lai đều nhận được một cái nhún vai và một tiếng thở dài cùng câu trả lời: “Việc này việc kia thôi.”

“Nó giống bố nó y sì đúc.” Viola nói. (Không, Teddy nghĩ, nó giống hệt mẹ nó.) “Con thất vọng vì nó. Nó chẳng trưởng thành gì cả, chỉ to xác hơn thôi. Đương nhiên, nếu nó là một đứa trẻ sống ở thời buổi này, có lẽ nó sẽ được chẩn đoán là mắc chứng khó đọc và tăng động. Và có lẽ cả rối loạn vận động nữa. Thậm chí là tự kỷ.”

“Tự kỷ?” Teddy nói. Thật nực cười khi con gái ông luôn cố gắng phủi trách nhiệm của mình. “Bố luôn thấy nó là một thằng bé khá bình thường.” Điều này không hoàn toàn đúng, Sunny đã phải chật vật bước những bước khó nhọc trên đường đời, loạng choạng, nghiêng ngả, va vấp, nhưng phải có ai đó bên vực thằng bé tội nghiệp. Nếu Teddy buộc phải “chẩn đoán” về vấn đề mà cậu mắc phải thì đó chính là sự bất hạnh. Teddy yêu Sunny đến đau lòng. Ông lo sợ cho cậu, cho tương lai của cậu. Tình yêu Teddy dành cho

Bertie thì đơn giản hơn, lạc quan hơn. Sự thông minh, sáng dạ của Bertie thì thoảng nhắc ông nhớ đến Nancy (một điều mà Viola không bao giờ có được). Cô cũng giống bà ở tính cách hoạt bát, vui vẻ, mặc dù có lẽ ở ngoài đời thực bà có thể không được hoạt bát, vui vẻ như những gì đọng lại trong ký ức của ông sau khi bà mất.

*

“Cái gì đây?” Nghe giọng Viola có vẻ phẫn nộ, như thể cái hộp các tông nhỏ hình chữ nhật chứa bằng chứng của một tội ác khủng khiếp. Trên cái hộp chưa khai có hình một cái máy xay cà phê.

“Máy xay cà phê.” Teddy ôn tồn nói.

“Đây là cái máy xay cà phê mà con biếu bố dịp Giáng sinh. Bố còn chưa dùng nó.”

“Ừ, bố chưa dùng.”

“Cái máy xay cà phê của bố cổ lỗ sĩ lắm rồi. Bố nói bố cần một cái mới.” Cô bắt đầu mở các cánh cửa tủ và nhìn vào các ngăn tủ bếp, cuối cùng lấy ra - “Một cái máy xay cà phê. Bố *tự* mua à? Con đã phải vay mượn để mua một *món quà* biếu bố đấy.Ồ, khoan đã.” Cô giơ một tay ra như thể đang cố ngăn một cỗ xe tăng. “Khoan đã.Ồ, dĩ nhiên...”

Sunny thò thân vào bếp và cầu nhàu: “Nữ hoàng kịch nghệ đang cảm rằm cái gì vậy?” Viola chỉ cho cậu xem cái hộp đựng chiếc máy xay cà phê chưa được dùng đến. “Của *Đức* đấy!” Cô tuyên bố, như thể cô đang ở tòa án và vừa đưa ra một bằng chứng có tính quyết định.

“Thì sao ạ?” Sunny nói.

“Hãng Krupps.” Teddy nói.

“Thì sao ạ?” Sunny nói.

“Ông con không chịu mua đồ của Đức.” Viola nói. “Bởi vì *cuộc chiến tranh* ấy.” Cô nói từ “chiến tranh” một cách mỉa mai như thể cô đang tranh cãi với bố mình về độ dài chiếc váy, độ dày của lớp trang điểm trên mắt hoặc mùi thuốc lá trong hơi thở - tất cả những chủ đề gây ra những cuộc tranh cãi kịch liệt trong thời niên thiếu của cô.

“Gia đình Krupp ủng hộ quân phát xít.” Teddy nói với Sunny.

“Ồ, bài giảng về lịch sử lại bắt đầu rồi đấy.” Viola nói.

“Các nhà máy của họ sản xuất ra thép.” Teddy tiếp tục nói, lờ cô đi. “Thép là thứ quan trọng nhất của mọi cuộc chiến.” Ông đã ném bom (hoặc cố ném bom) các công trình của Krupps ở Essen vài lần. “Họ sử dụng nô lệ làm nhân công. Và người Do Thái từ các trại tập trung.”

“Cuộc chiến đã kết thúc gần năm mươi năm trước rồi.” Viola nói. “Bố không nghĩ đã đến lúc bố quên nó đi à? Hơn nữa...” - Viola lúc nào cũng phải chen thêm từ “hơn nữa” - “... Trong những nhà máy mà bố ném bom cũng có nhiều công nhân là nô lệ và cả người Do Thái nữa. Thật trớ trêu cho bố.” Cô đắc thắng nói. Vụ kiện khép lại. Bồi thẩm đoàn đã bị thuyết phục.

Chiếc ô tô đầu tiên của Viola sau “sự đào thoát” khỏi Dominic (và bốn lần thi lấy bằng lái) là một chiếc VW Beetle cũ. Khi Teddy lau bầu gị đó về việc “mua đồ của

Anh”, cô đã phun trào những lời trách cứ về tính bài ngoại. Sau này, khi Teddy đã sống ở Fanning Court được vài năm, cái lò nướng rẻ tiền trong căn hộ của ông bị hỏng, Viola đã đặt mua một cái lò mới của hãng Siemens từ tiệm Currys mà không hỏi ý kiến Teddy. Khi nhân viên giao hàng mang cái lò đến, ông đã (rất lịch sự) đề nghị họ đưa trả nó về cho cửa hàng.

“Con cho rằng bố cũng đã ném bom họ?” Viola nói.

“Ừ.”

Ông nhớ Nuremberg (ông không bao giờ quên được), cuộc không kích cuối cùng trong cuộc chiến của ông. Trong buổi huấn thị trước chuyến xuất kích, sĩ quan tình báo - một người phụ nữ - nói với họ rằng nhà máy Siemens ở đó sản xuất đèn pha rọi, động cơ điện, “những thứ đại loại vậy”. Sau chiến tranh, ông mới biết rằng họ còn sản xuất lò thiêu cho các trại tập trung và ông tự hỏi liệu đó có phải là thứ nằm trong số “những thứ đại loại vậy” đó không. Trong chiến tranh, ông đã được giới thiệu với một người bạn của Bea tên là Hannie, một người tị nạn, và mặc dù ông biết bây giờ điều này có thể chẳng có ý nghĩa gì với Hannie, nhưng chính vì cô mà ông đã có hành động khá ti tiện này đối với tiệm Currys. Sáu triệu chỉ là một con số nhưng Hannie có một khuôn mặt, một khuôn mặt xinh đẹp, cô đeo đôi khuyên tai nhỏ bằng ngọc lục bảo (“Đồ giả đấy!”), biết thổi sáo, xúc nước hoa Soir de Paris và có một gia đình bị kẹt lại ở Đức. Có ý kiến cho rằng Hannie vẫn còn sống khi bị ném vào những lò thiêu ở Auschwitz. (“Người ta rất muốn tha thứ cho họ.” Ursula từng nói từ lâu lắm. “Thế rồi người ta nghĩ

đến Hannie tội nghiệp.”) Vì vậy ông không thực sự cảm thấy mình cần một lý do để biện hộ cho việc không mua một cái lò nướng của Đức. Hoặc việc ném bom họ đến tối tăm mặt mũi. Điều đó không hoàn toàn đúng, và ông có thể đã thừa nhận như vậy nếu ông không tranh cãi với một người cứng đầu cứng cổ như con gái ông. Ông đã giết phụ nữ, trẻ em, người già, những người mà đáng lẽ ông phải bảo vệ theo thể tục. Ở giữa trái tim thối nát của mỗi cuộc chiến là những người vô tội. Ngày nay, người ta gọi việc này là “tổn thất nằm ngoài dự kiến”, nhưng những thường dân đó không “nằm ngoài dự kiến”, họ chính là những mục tiêu. Chiến tranh đã thành ra như vậy đấy. Không còn là binh lính chém giết lẫn nhau mà là người này giết người khác. Bất cứ người nào.

Ông không đưa ra quan điểm giản hóa luận này với Viola, cô sẽ dễ dàng đồng ý với nó, sẽ không hiểu được sự thỏa hiệp đáng sợ mà chiến tranh buộc lương tâm ta phải chấp nhận. Sự dẫn đo không có chỗ trong một cuộc chiến mà kết quả còn chưa ngã ngũ. Họ đã ở bên phe chính nghĩa, đứng về lẽ phải - ông vẫn tin như vậy. Suy cho cùng, còn lựa chọn nào khác chứ? Hãy nghĩ về hậu quả khủng khiếp của Auschwitz, Treblinka! Hãy nghĩ đến việc Hannie bị ném vào một cái lò thiêu!

Teddy nhìn Sunny đang khom người trước bồn rửa ở bếp, và biết rằng ông sẽ không bao giờ có thể tâm sự những điều này với cậu.

Rõ là lắm cảm, Sunny nghĩ khi cuộc cãi cọ trong bếp tiếp tục đưa qua đẩy lại như trò bóng bàn. Cậu thích bóng

bàn (hay đúng ra là từng thịch) hỏi cậu còn là một đứa trẻ, mặc dù cậu không hoàn toàn tin mình từng là một đứa trẻ. Họ từng có một kỳ nghỉ hè - bao gồm cậu, Bertie và ngoại Ted - trong một ngôi nhà to lớn, cũ kĩ, xiêu vẹo ở đâu đó. Trong ga ra hoặc nhà kho gì đó của nó có một cái bàn đánh bóng. Đó là kỳ nghỉ tuyệt vời nhất trong đời cậu. Ở đó còn có lũ ngựa ("Lừa chứ." Bertie cải chính) và một cái hồ ("Cái ao mà").

Cuộc tranh cãi trong bếp vẫn ồn ào không dứt. Ha ha.

"Vì thế bố mới mua một cái máy xay cà phê hiệu Philips để thay thế cho nó?" Viola nói. "Và bố định nói với con rằng bàn tay *của họ* sạch sẽ trong cuộc chiến ấy? Trong chiến tranh thì chẳng có bàn tay nào sạch sẽ cả đâu."

"Bàn tay của hãng Philips khá sạch." Teddy nói. "Sau chiến tranh, Frits Philips đã được tuyên dương là "dân ngoại công chính"^[83]". Điều đó có nghĩa là ông ấy đã giúp đỡ những người Do Thái." Ông giải thích với Sunny.

"Hừ." Viola khinh khỉnh nói, ám chỉ rằng cô đã thua trong cuộc tranh luận này.

Sunny ngáp và lùi ra khỏi bếp.

*

Viola lĩnh ra vườn. Mảnh vườn không còn ngăn nắp như trước kia nhưng nó vẫn tiết lộ bố cô là người kĩ tính. Những cây đỗ leo thẳng lên giàn, những cây hoa hồng vẫn chẳng có lấy một vết lốm đốm hay bị sâu đục. Trên quan tài của mẹ cô, bố cô không đặt một vòng hoa mà đặt một bó hoa

hồng hái từ mảnh vườn này. Viola nhớ khi ấy cô đã nghĩ rằng mẹ cô xứng đáng với thứ gì đó sang trọng và cầu kỳ từ một bàn tay chuyên nghiệp hơn. Tự tay làm ra vẫn tuyệt hơn chứ, bố cô nói. Ngược lại thì có, Viola nghĩ.

Ông không thích hoang phí, trong khi Viola chẳng thể hiểu nổi tại sao sự hoang phí lại là một tội lỗi. Thứ gì vẫn dùng được thì không cần phải vứt đi. (Tiếng nói của Lý trí.) Ta có thể tái sử dụng hộp sữa chua và hộp thiếc để ươm hạt giống, dùng bánh mì chua và bánh ngọt để làm món pudding, xay nhỏ những mẫu thịt thừa. (Ai còn có máy xay thịt nữa?) Áo len chui đầu cũ được cắt ra để nhồi làm gối nệm. Bất cứ loại quả nào sắp hỏng thì được làm thành mứt hoặc tương. Khi ta ra khỏi một căn phòng, ta phải tắt đèn và đóng cửa. Nhưng Viola chẳng làm thế. Hồi còn nhỏ, cô không bao giờ có giấy để vẽ mà luôn phải vẽ vào những mảnh giấy dán tường còn thừa mà bố cô cho. ("Chỉ cần lật nó lại là có thể dùng tốt.") Giấm và báo được dùng để lau cửa sổ. Tất cả những thứ khác được đem ủ phân hoặc dành cho lũ chim. Bố cô gỡ tóc rụng ở những cái lược để cho lũ chim lót tổ. Ông lúc nào cũng chăm lo cho lũ chim trong vườn.

Ông không keo kiệt, cô phải công nhận điều đó. Ngôi nhà luôn ấm áp - quá ấm là khác, hệ thống sưởi tập trung luôn được để ở nhiệt độ cao. Ông cho cô nhiều tiền tiêu vặt và để cô tự lựa chọn quần áo của mình. Thức ăn thì ê hề. Cô từng căm ghét chuyện gần như tất cả mọi thứ đều được lấy từ mảnh vườn: hoa quả, trứng, rau, mật ong. Thịt gà thì không, thịt gà thì ông mua ở hàng thịt. Ông không thể giết

một con gà. Ông cứ để chúng chết già, điều này thật kỳ cục vì lũ gà già bắt đầu tràn lan trong mảnh vườn của ông.

Cô từng ở ngoài vườn hàng tiếng đồng hồ vào mùa hè như một người nông dân trên đồng, hai bàn tay dính nhớp vì hái quả lý chua đỏ, lý chua đen và mâm xôi. Cô bị những bụi lý chua lông cào xước, bị ong đốt, bị đám côn trùng ẩn mình trong cỏ cắn và cảm thấy ghê tởm những con sâu cùng sên trần. Tại sao họ không thể mua sắm trong những siêu thị đèn đuốc sáng trưng, chọn những gói thực phẩm màu mè, những loại rau quả bóng mẩy xuất xứ từ một nơi xa xôi do người khác hái chứ?

Giờ thì, nếu cô thành thực với chính mình - cô biết cô hiếm khi như vậy - cô thấy nhớ tất cả những bữa ăn mà cô cảm ghét vào thời điểm đó. Bố cô đã trưng dụng những cuốn sách dạy nấu ăn cũ của Nancy và làm món thịt nướng ngày Chủ nhật, bánh táo, thịt hầm khoai tây và bánh hấp nhân đại hoàng. “Bố cháu siêu thật đấy.” Mọi người thường nói với cô như vậy. Các giáo viên của cô quý mến ông, một phần vì họ từng quý mến Nancy, nhưng cũng vì cái cách ông đảm nhiệm vai trò của người mẹ. Cô không muốn ông làm mẹ cô, cô chỉ muốn Nancy làm mẹ cô thôi.

(“Chúng tôi là những người sớm đi theo tiếng gọi của cuộc Cách mạng Xanh. Tôi được nuôi dạy trong một gia đình tự cung tự cấp, rất quan tâm đến môi trường sinh thái. Chúng tôi tự trồng các loại rau củ quả, tái chế tất cả mọi thứ, chúng tôi thực sự là những người đi trước thời đại trong vấn đề tôn trọng hành tinh này.” Teddy rất ngạc nhiên khi đọc được những dòng này trong một bài phỏng

vấn ở phần phụ lục in màu của một tờ báo Chủ nhật, trước khi ông rời khỏi Fanning Court để tới nhà dưỡng lão không lâu.)

Bố cô đọc cuốn *Mùa xuân tĩnh lặng* khi nó mới được xuất bản, ngay sau khi mẹ cô mất. Dĩ nhiên là ông mượn ở thư viện. (Ông có bao giờ thực sự *mua* một cuốn sách không nhỉ? “Nhưng chúng ta nên ủng hộ các thư viện công cộng, nếu không chúng sẽ bị đóng cửa.”) Ông từng “tra tấn” cô bằng cách đọc to những đoạn văn. Đó là khi ông bị ám ảnh bởi lũ chim trong vườn. Hiện có vài con thuộc những loài khác nhau đang bâu quanh cái hộp đựng thức ăn cho chim. Viola chẳng phân biệt nổi con nào là chim gì.

Cô trở lại bếp - giờ trong bếp chẳng còn ai nữa, ơn Chúa - và bắt đầu lôi những cái đĩa ra khỏi tủ chén bát và cho chúng vào những cái hộp, chia riêng những hộp sẽ mang đến Fanning Court và những hộp sẽ mang đến cửa hàng từ thiện. (Ai cần đến bốn cái đĩa đựng rau có nắp đậy hoặc thậm chí là một cái liễn xúp chứ?)

Dường như tất cả mọi thứ trong bếp đều khơi lại ký ức. Những cái đĩa Pyrex gợi cô nhớ đến món khoai tây nghiền nướng với thịt băm và món pudding làm từ gạo. Những cái cốc vại khủng khiếp bằng thủy tinh màu xanh lá cây với hoa văn gỗ ghê khiến tất cả mọi thứ đựng trong đó trông như bị nhiễm bẩn, đó chính là những cái cốc đựng sữa mà cô từng uống hằng đêm trước khi đi ngủ - kèm theo hai cái bánh quy Rich Tea, loại bánh quy cơ bản nhất, trong khi cô đang chết thèm thứ gì đó hấp dẫn hơn - chẳng hạn như bánh của hãng Club hay Penguin. Việc bố cô kiên quyết cho cô ăn

loại bánh quy cơ bản vào giờ đi ngủ đã nói lên tất cả về sự hà khắc của ông. (“Bố đang nghĩ đến răng của con.”)Ồ, và đám bát đĩa bằng sành của hãng Midwinter mang lại cho người ta cảm giác sâu muộn kia nữa. Cả cuộc đời có thể được chứa trong mẫu hoa văn của một bộ bát đĩa. (Một câu văn hay ho. Cô cất kín nó đi.) Một ngày kia, toàn bộ chỗ này sẽ trở thành “đồ cổ” và Viola sẽ rất bức tức vì cô đã đóng hộp chúng để gửi tới Oxfam mà không thèm liếc lại lấy một lần.

Bố cô có vẻ quá cổ lỗ nhưng ông hẳn đã từng tân tiến. Lại một câu văn thú vị. Cô cũng cất kín nó đi để dùng sau này. Cô đang viết một cuốn tiểu thuyết. Nó nói về một cô gái trẻ thông minh, sáng dạ, già dặn, và mối quan hệ không được xuôi chèo mát mái của cô với người bố đơn thân của mình. Đây là một việc bí mật. Một việc cô không thể nói với ai. Viola cảm nhận được ở bên trong cô có một con người tốt hơn con người lúc nào cũng muốn trừng trị thế giới vì cách cư xử tồi tệ của nó (trong khi cách cư xử của cô cũng rất đáng trách). Có lẽ viết lách là một cách để đưa con người đó ra ánh sáng.

Cô làm rơi một cái cốc đựng sữa hiệu Midwinter khiến nó vỡ tan. “Khỉ thật!” Cô nói, khẽ khàng hơn cô định.

*

Teddy đã để Viola sắp xếp chuyển vài món đồ kenh càng trong nhà tới một cuộc bán đấu giá và, theo cách nói của cô, họ đã thu về được “một món tiền rẻ mạt”. Cây đàn piano

của Nancy, chiếc tủ búp phê của Gertie. Những đồ vật quý giá. Cây đàn piano đã bị lệch tông và bị bỏ xó vì bây giờ chẳng có ai chơi nó nữa. Viola bỏ chơi đàn (cô không có năng khiếu lắm) sau khi Nancy qua đời.

Khi Teddy nghĩ về Nancy, ông thường hình dung bà đang ngồi ở cây đàn ấy. Ông nghĩ về bà hằng ngày, như ông nghĩ về rất nhiều người khác. Người chết nhiều không đếm xuể và ông cho rằng việc nhớ về họ là một loại bốn phân. Không phải lúc nào cũng liên quan đến tình yêu.

Ông nhớ đến lần mình đi vào căn phòng này và nhìn thấy Nancy đang chơi piano - gần như là lần cuối. Nhạc của Chopin. Ông đã nghĩ đến một bức tranh của Vermeer trong Triển lãm Quốc gia - một người phụ nữ đang ở bên một cây đàn clavoxanh nhỏ trong một căn phòng - ông không thể nhớ chính xác, đã lâu lắm rồi ông không lên London. *Người phụ nữ bị làm phiền khi đang chơi đàn piano*, ông nghĩ khi ông nhìn thấy Nancy. Ông có thể tưởng tượng bà đang sống trong một căn phòng gọn gàng, lạnh lẽo trong tranh của Vermeer. Ông có thể tưởng tượng bà đang đọc thư, rót sữa. Ông có thể tưởng tượng ra lời yêu cầu của bà và mục đích của nó. Khi ông bước vào phòng, bà ngẩng lên từ cây đàn piano, tỏ ra kinh ngạc như thể bà đã quên mất sự tồn tại của ông, và mang vẻ mặt bí hiểm như thể bà đã chìm đắm trong chính bản thân bà, vẻ mặt mà thi thoảng bà vẫn mang. Nancy bí ẩn.

Lòng ông đã thất lại khi những người thợ dọn nhà mang cây đàn piano đi. Ông đã yêu Nancy, nhưng có lẽ cách yêu của ông không phù hợp với bà. Có lẽ một ai đó ở thế giới

rộng lớn ngoài kia sẽ khiến bà hạnh phúc hơn. Nhưng ông đã yêu bà. Không phải là kiểu tình yêu đầy đam mê mãnh liệt hay tình yêu bay bổng lãng mạn kiểu hiệp sĩ, mà là một kiểu tình yêu thiết thực, đáng tin cậy hơn.

Ông cũng buồn khi thấy cái tủ búp phê của Gertie bị khiêng đi mất. Nó vốn là đồ của nhà Shawcross và được kê ở phòng ăn của ngôi nhà Quạ Gáy Xám. Nó là một món đồ theo trào lưu Thủ công Mỹ nghệ của hãng Liberty, đã lỗi thời nhiều năm nhưng hiện đang được ưa chuộng trở lại, tuy nhiên quá trình ấy diễn ra không đủ nhanh đối với Viola, cô đã luôn coi nó là xấu xí và “thảm hại”. Mười lăm năm sau, vào năm 2008, khi Viola nhìn thấy người anh em song sinh của cái tủ búp phê của Gertie - mà có lẽ đó chính là nó - trên chương trình *Antiques Roadshow* và cái giá mà nó được định, Viola sẽ tức điên lên vì mình đã không “giữ lấy nó”. “Đáng lẽ mẹ phải giữ nó lại.” Viola nói với Bertie. “Nhưng ông ấy cứ khẳng khẳng đòi bỏ nó đi.” Teddy càng già, Viola càng hay gọi ông gọn lỏn là “ông ấy” hơn, như thể ông là một vị thần gia trưởng đã làm hỏng cuộc đời cô.

“Chiếc đồng hồ quả lắc cầm tay cũ của bố đâu rồi nhỉ?” Cô đột nhiên hỏi, quét mắt khắp căn phòng khách giờ đã gần như trống không. “Hình như con không nhìn thấy nó khi chúng ta đóng gói đồ đạc.” Đó là chiếc đồng hồ của Sylvie và trước đó là của mẹ bà. Nó đã rơi vào tay Ursula khi Sylvie mất và Ursula để nó lại cho Teddy, vì vậy nó đã đi theo một con đường ngoằn ngoèo trên cái cây gia phả. “Bố biết đấy!” Viola nói với vẻ thờ ơ giả tạo. “Nếu bố không muốn giữ nó nữa, con sẽ lấy nó về.” Cô là kẻ nói dối rất

kém - rõ ràng lời nói dối của cô chẳng có tí chân thật nào, nhưng cô lại hoàn toàn tin tưởng vào khả năng lòe bịp của mình. Nếu cô cần tiền, tại sao cô không *hỏi xin* ông? Cô luôn trông chờ được người khác cho thứ gì đó, giống như một con chim cú cu hơn là một con thú săn mồi. Như thế trong cô luôn có một nỗi thèm khát không bao giờ có thể thỏa mãn. Nó khiến cô trở nên tham lam.

Đó là một chiếc đồng hồ tốt do Frodsham^[84] chế tác và khá giá trị, nhưng Teddy biết rằng nếu ông đưa nó cho Viola, cô sẽ bán nó, làm mất nó hoặc đánh vỡ nó, trong khi ông rất coi trọng việc giữ nó lại trong gia đình mình. Một món đồ gia truyền. (“Từ đó đáng yêu quá!” Bertie nói.) Ông hy vọng rằng chiếc chìa khóa vàng nhỏ bé được dùng để lên dây cót cho nó sẽ tiếp tục được xoay bởi bàn tay của một thành viên trong gia đình, một người là máu mủ của ông. Sợ chỉ đỏ. Nếu nó rơi vào tay Viola thì cô gần như chắc chắn sẽ làm mất nó. Vì vậy, ông đã đưa cái đồng hồ ấy cho Bertie vào lần cuối cô đến thăm ông. Đáng lẽ ông nên cho cô cả chiếc tủ búp phê của Gertie nữa, nó sẽ hợp với ngôi nhà theo trào lưu Thủ công Mỹ nghệ nơi cô sẽ sống sau này cùng hai đứa con song sinh và người đàn ông tuyệt vời mà cô đã lấy làm chồng - một bác sĩ mà cô tình cờ gặp trên cầu Westminster vào tuần lễ diễn ra Đại lễ Kim cương của Nữ hoàng^[85]. Nhiều năm sau, sau khi Bertie kết hôn và chuyển tới ngôi nhà này ở East Sussex, cô đã đem cái đồng hồ đi định giá để bảo hiểm và phát hiện ra rằng nó trị giá đến ba mươi nghìn bảng. Mỗi lần Viola đến thăm cô, Bertie phải giấu tiệt “quả trứng vàng lót ổ^[86]” nhỏ bé của cô đi và quần

chặt nó lại để bịt tiếng kêu của nó. Lúc đó Teddy đã nằm dưới đất được hai năm rồi và ông sẽ không bao giờ được nhìn thấy ngôi nhà theo trào lưu Thủ công Mỹ nghệ của Bertie, không bao giờ được nhìn thấy chiếc đồng hồ ấy tiếp tục đếm ngược thời gian trên mặt lò sưởi của cô.

“Bố đã đóng gói cái đồng hồ đó rồi à?” Viola hỏi với vẻ trách móc.

Teddy nhún vai về ngây thơ và nói: “Có lẽ thế. Chắc là nó đang ở dưới đáy một cái hộp nào đó.” Ông yêu Viola như bất kỳ người cha nào yêu con mình, nhưng việc đó thật khó khăn.

*

“Có lẽ chúng ta sẽ phải sơn lại ngôi nhà này một chút trước khi rao bán nó.” Viola nói. “Nhưng nhân viên bất động sản nói rằng nó sẽ khá dễ bán.” (Con gái ông đã nói chuyện với nhân viên bất động sản sao? Sau lưng ông?) “Và rồi bố sẽ có một khoản tiền để sống nốt những ngày còn lại.” Đó chính là tình cảnh của ông kể từ bây giờ ư? Sống nốt những ngày còn lại. Đương nhiên, ông đã luôn ở trong tình cảnh như thế, ai cũng vậy, nếu may mắn.

“Nhà mới.” Viola nói. “Một sự khởi đầu mới. Việc đó sẽ...” Cô suy nghĩ để tìm một từ thích hợp.

“Đây khó khăn?” Teddy ướm lời. “Đây buồn tủi?”

“Con đang định nói là việc đó sẽ giúp bố trở nên tràn trề sinh lực.”

Ông không muốn một sự khởi đầu mới, và ông ngờ rằng Fanning Court sẽ chẳng bao giờ đem lại cho ông cảm giác thoải mái như ở nhà. Nó là một tòa nhà còn mới, vẫn rõ mùi sơn và mùi của những món đồ nội thất chống cháy. Căn hộ mà Teddy mua là một trong những căn hộ cuối cùng được bán của tòa cư xá này. (“Bố rất may mắn khi mua được nó đấy.” Viola nói.) Ít nhất ông không chuyển tới một căn hộ vừa có người chết. Những nơi thế này thuộc dạng “người này đi, người kia đến”, không phải sao? “Không, đây chỉ là một trạm nghỉ, Teddy.” Một trong (số ít) người bạn còn sống của ông là Paddy nói. “Những chặng đường thánh giá^[87].” Cán cân thăng bằng của Teddy đã nghiêng lệch, bây giờ ông biết nhiều người chết hơn là người sống. Ông tự hỏi ai sẽ là người ở lại cuối cùng. Ông hy vọng đó không phải là ông. “Trạm nghỉ tiếp theo là nhà dưỡng lão.” Paddy nói. “Tôi thà tiêm một mũi tiêm nhân đạo để có cái chết êm ái như một con chó già còn hơn là đến một nơi như thế.” “Tôi cũng vậy.” Teddy đồng ý.

Những không gian công cộng ở Fanning Court được sơn màu hồng và màu be dịu mắt. Các bức tường ở hành lang được treo các bức tranh thuộc trường phái Ấn tượng dễ nhìn. Dường như chẳng có ai từng ngắm chúng cả. Nghệ thuật cũng chỉ như giấy dán tường. “Dễ thương quá, phải không bố?” Viola nói với vẻ lạc quan gượng ép khi họ lần đầu được dẫn đi tham quan một vòng. “Có cảm giác hơi giống một khách sạn bố nhỉ? Hoặc một con tàu du lịch?” Viola đi tàu du lịch bao giờ vậy? Cô đang hết sức quyết tâm làm cho ông phải thích Fanning Court.

Người dẫn họ đi tham quan khu cư xá là bà giám thị, một người phụ nữ có tên là Ann Schofield. Bà ta nói: “Hãy gọi tôi là Ann, Ted.” (Hãy gọi *tôi* là ông Todd, Teddy nghĩ.) “Giám thị”, nghe như trong truyện của Trollope vậy. Và bây giờ ông sẽ là một cư dân ở Fanning Court - một nhà tế bần thời đại mới. Nhưng Ann Schofield chẳng có điểm gì giống với Septimus Harding^[88] cả. Bà ta to béo và có dáng vẻ hời hả. Giọng nói vùng trung du chậm rãi (“Giọng Brummie^[89] đấy và tôi tự hào về nó”) không lột tả được sinh lực tràn trề của bà ta. “Ở đây, chúng tôi là một gia đình hạnh phúc.” Bà ta nhấn mạnh, cứ như Teddy có thể là một con chiên ghê^[90].

Bà ta đi trước dẫn đường. Bà ta có cặp móng đồ sộ và Teddy tự quở trách mình vì sự thô lỗ của ông, nhưng nó cứ lồ lộ đập vào mắt khiến người ta không thể không chú ý đến. “Kiểm soát viên mập ú^[91].” Bertie đã gọi bà ta như vậy khi cô lần đầu tới Fanning Court thăm ông. Cô đã rất yêu thích những cuốn sách *Tàu hỏa Thomas*, cô yêu tất cả các cuốn sách. Cô đang học năm đầu ở trường Oxford, nơi Teddy từng theo học - giờ nó dạy cả nam lẫn nữ. Cô cũng học ngành mà Teddy học ngày trước. Cô là người kế tục ông, là tạo vật ông truyền lại cho thế gian, là thông điệp của ông với nhân loại.

Họ đi tới phòng sinh hoạt chung trước, ở đó có một nhóm nhỏ đang chơi bài Bridge. “Bố nhìn kìa.” Viola thì thầm. “Bố thích chơi bài, đúng không?” (“Ờ...” Teddy nói.)

“Ồ, ở đây chúng tôi có đủ loại hoạt động.” Ann Schofield nói. “Bài Bridge này - như ông thấy đấy - rồi domino, sắp

chữ, bóng thắm, kịch nghiệp dư, hòa nhạc, một buổi uống cà phê đàm đạo vào mỗi sáng thứ Tư...” Teddy bỏ ngoài tai. Chân ông như bị chuột rút, ông muốn về nhà, uống một tách trà và xem chương trình *Countdown*. Ông không phải người nghiện ti vi nhưng ông thích trò giải đố - những chương trình tử tế với đối tượng khán giả trung niên trầm tĩnh. Ông thấy chúng vừa có tính giải trí vừa có tính thử thách, mà ở tuổi của ông, như thế là quá đủ rồi.

Chuyến tham quan vẫn chưa kết thúc. Điểm dừng tiếp theo là một phòng giặt là nóng ẩm đầy những cỗ máy khổng lồ, và sau đó là “kho phế thải” (khá bốc mùi) với những thùng rác cỡ đại có thể nuốt chửng cả một “người già” nếu họ không cẩn thận. “Dễ thương quá!” Viola lẩm bẩm. Teddy liếc nhìn cô. Dễ thương ư? Ông nghĩ. Trông cô hơi quá khích. Tiếp đến là một “căn bếp nhỏ” nơi họ có thể tự làm cho mình “những loại đồ uống nóng” khi họ “giao lưu với nhau” ở sảnh sinh hoạt chung. Đi đến đâu họ cũng thấy người ta mỉm cười chào ông hoặc hỏi khi nào thì ông chuyển đến. “Những người bạn mới của bố đấy.” Viola rạng rỡ nói.

“Những người bạn cũ của bố chẳng có vấn đề gì cả.” Teddy nói, chân ông bắt đầu nặng như chì.

“Chà, ngoại trừ việc hầu hết bọn họ đều đã chết.”

“Cảm ơn con vì đã nhắc bố.”

“Ổn chứ ạ?” Ann Schofield nói, ngoảnh lại nhìn họ khi cảm nhận được mối bất đồng giữa hai người.

Một người phụ nữ tập tễnh đi dọc theo hành lang về phía họ với sự trợ giúp của một cái khung tập đi. “Xin chào, ông

đến nhập hội với chúng tôi, phải không?” Bà ta vui vẻ nói với Teddy. Cứ như ông đến gia nhập một giáo phái nào đó vậy. Teddy nhớ đến một chương trình ti vi từ thập niên sáu mươi mà Viola từng thích xem. *Tù nhân*. Trái tim ông chùng xuống. Đây sẽ là nhà tù của ông, không phải sao? Một nhà tù có giám thị.

Họ gặp thêm nhiều bà lão nữa - thực ra đâu đâu cũng thấy những bà lão. Lúc Teddy chuyển đến đây, ông nhận ra rằng hầu hết “cư dân” ở nơi này là phụ nữ. Họ thích ông, phụ nữ luôn thích ông. Đương nhiên ông vẫn còn khá nhanh nhẹn, hoạt bát và tài cán. Và những người phụ nữ này thuộc về cái thế hệ có thể bị ấn tượng chỉ bởi vì một người đàn ông biết cách bật hoặc tắt công tắc ấm đun nước. Ông khiến cho một vài trái tim mong manh ở Fanning Court phải run rẩy, nhưng ông đã cố hết sức để khéo léo tránh chuyện yêu đương hay dan díu. Vì mặc dù bề ngoài của nơi này có vẻ hoàn toàn êm đềm, nhưng bên dưới lớp sơn màu be của nó vẫn đầy rẫy những chuyện ngòi lê đôi mách và thói ghen ăn tức ở. Teddy, vẫn là một người đàn ông đẹp lão ở tuổi tám mươi (đặc biệt là trong mắt một người phụ nữ ở độ tuổi bảy mươi), đã vô tình khơi lên đủ loại cảm xúc mãnh liệt.

“Ông cho rằng ở độ tuổi của ông không còn nhiều đàn ông nữa.” Ông nói, biện giải cho một vụ xích mích.

“Ở độ tuổi của cháu cũng vậy.” Bertie nói.

*

“Đi nào, Ted!” Ann Schofield nói. “Còn nhiều thứ để xem lắm.” “Nhiều thứ để xem” ấy là một mảnh vườn nhỏ trồng theo phong cách đô thị. Vài cái ghế băng. Một bãi đỗ xe.

“Ồ, tôi không nghĩ bố tôi sẽ mang theo xe hơi.” Viola nói.

“Ồ, tôi nghĩ là có.” Teddy nói.

“Thiệt tình, bố à, bố đã quá tuổi lái xe rồi.” (Ông cho rằng Viola muốn lấy chiếc xe của ông. Xe của Viola rất hay bị hỏng.) Viola thích tranh luận về những vấn đề như thế này ở khu vực công cộng, nơi có khán giả để họ có thể thấy được cô có lý thế nào, còn các thành viên khác trong gia đình cô vô lý ra sao. Cô từng làm thế với Sunny suốt, khiến cho cậu bé tội nghiệp tức điên lên. Đến giờ cô vẫn làm vậy.

“Ồ, nhiều cư dân ở đây vẫn có xe mà.” Ann Schofield nói, khiến Viola thất vọng.

*

Căn hộ này vừa bằng phòng khách của bà nội ông ở Hampstead. Đã lâu lắm rồi Teddy không nghĩ về bà cụ Adelaide, và ông ngạc nhiên khi thấy trong đầu mình vẫn còn in rõ một ký ức về cụ, đó là hình ảnh cụ mặc chiếc váy dài màu đen thời Victoria - cho dù đó là thập niên hai mươi - và phàn nàn về những đứa cháu nội ồn ào. Thời ấy nay đã xa lơ xa lắc rồi.

Ông nhớ rằng có một lần, trong một chuyến viếng thăm cực kì tế nhị, ông và Jimmy đã len lén lên gác để khám phá phòng ngủ của bà cụ, nơi họ vốn dĩ bị cấm bén mảng đến. Ông nhớ cái tủ quần áo của bà cụ to kình cang, bên

trong được lót bằng lụa xếp ly, sức nức mùi long não, oải hương và phảng phát mùi mốc meo. Hai người họ đã trèo vào bên trong tủ, mặt họ quệt mạnh vào những bộ quần áo lố mốt lạ lùng của bà cụ Adelaide. “Em không thích ở trong này đâu.” Jimmy thì thầm. Teddy cũng không thích nên bước ra ngoài trước, chẳng may va phải cánh cửa khiến nó đóng sầm lại. Phải loay hoay mất một lúc họ mới mở được nó ra lần nữa, vì tay cầm của nó được thiết kế khá kỳ cục.

Khi Jimmy cuối cùng cũng nhào ra, những tiếng thét kinh hãi của cậu bé Teddy lúc ấy đã triệu tập cả nhà đổ xô tới. Cụ Adelaide vô cùng phẫn nộ (“Mấy thằng nhóc tai quái này, mấy thằng nhóc tai quái này”), nhưng ông nhớ rằng Sylvie đã đưa tay lên bịt miệng mình để cụ Adelaide không thể nhìn ra là bà đang cười. Kể từ đó, Jimmy tội nghiệp không bao giờ thích nổi những không gian tù túng. Jimmy từng là lính biệt kích trong chiến tranh, từng đặt chân lên bãi biển Sword và tham gia những cuộc đụng độ nho nhỏ trên mảnh đất châu Âu hoang tàn sau Ngày Đổ Bộ trước khi theo Trung đoàn Chống tăng số 63 miệt mài chiến đấu trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến. Hẳn là Jimmy phải căm ghét khoảng không gian chật chội trong lòng những cỗ xe chống tăng ấy lắm. Ông đã ở trong Trung đoàn 63 khi họ giải phóng trại tập trung Bergen-Belsen, nhưng ông và Teddy chưa bao giờ nói về chuyện đó, họ hầu như chẳng nói gì về chiến tranh. Teddy ước gì họ đã nói về vấn đề ấy.

Trước khi ông phát hiện ra bí mật về Jimmy vào một ngày bất ngờ ngay sau khi chiến tranh kết thúc, hình ảnh

những người đồng tính trong mắt Teddy là những anh chàng xinh đẹp, ẻo lả mà ông nhìn thấy ở Soho. Ông đã không nghĩ rằng những người đàn ông như thế có thể can đảm, táo bạo như những gì Jimmy đã thể hiện.

Jimmy đã mất từ lâu ở độ tuổi năm mươi vì bệnh ung thư hạch bạch huyết tiến triển nhanh. Khi nhận được chẩn đoán, ông đã lái xe ra khỏi đường đi và lao qua một vách đứng. Sống khoa trương, chết cũng khoa trương. Đương nhiên, ông sống ở Mỹ mà. Teddy đã không tới đám tang của em trai mà tới một nhà thờ địa phương, ngồi lặng lẽ suy nghĩ vào lúc Jimmy được chôn cất ở phía bên kia bờ Đại Tây Dương. Vài ngày sau, một lá thư màu xanh dương mỏng manh được gửi đến hòm thư của ông qua đường hàng không, như thể nó là một chiếc lá hiếm hoi lửng bay vào trong đó. Trong lá thư ấy, Jimmy đã nói lời vĩnh biệt. Ông viết rằng ông đã luôn yêu quý, ngưỡng mộ Teddy và Teddy luôn là người anh tốt của ông. Teddy nghĩ điều này không hoàn toàn đúng. Ông đã khá lơ là bốn phần của một người anh. Ông chưa bao giờ hỏi về cuộc sống đồng tính của Jimmy (thực ra là ông không muốn biết), và đã luôn nghĩ rằng (bây giờ ông sẵn sàng thừa nhận là ông đã rất hóm hỉnh) nghề nghiệp của Jimmy - trong ngành quảng cáo - là khá tầm thường. Ông đã cảm thấy thất vọng tương tự khi Bertie cũng làm việc trong ngành quảng cáo, cái ngành mà theo ông thấy chỉ khuyến khích người ta tiêu số tiền mà họ không có vào những thứ mà họ không cần. (“Đúng vậy ạ.” Bertie đồng ý.)

“Chà, Jimmy đã có một cuộc chiến khủng khiếp.” Ursula nói vào lúc bấy giờ. “Chị nghĩ sự tầm thường là một liều thuốc giải tốt dành cho nó.”

“Chúng ta ai cũng có một cuộc chiến khủng khiếp.” Teddy nói.

“Không phải ai cũng vậy.” Ursula nói. “Em thì có, chị biết.”

“Chị cũng thế mà.”

“Chúng ta đều có một công việc phải làm.” Ursula nói. “Và chúng ta đã làm nó.”

Ôi, ông nhớ chị ông quá! Trong số tất cả mọi người, trong đám đông người chết nhiều không đếm xuể, trong hàng hà sa số những linh hồn đã ra đi trước ông, việc mất đi Ursula khiến ông đau đớn hơn cả. Bà đã bị đột quỵ, gần ba mươi năm trước. Một cái chết nhanh gọn, ơn Chúa, nhưng hồi đó bà còn quá trẻ. Và bây giờ, Teddy đã quá già.

“Bố ời?”

“Ơi, bố xin lỗi, bố mãi nghĩ đến mấy chuyện.”

“Bà giám thị - Ann - đang giải thích về những sợi dây báo nguy.” Ôi trời, Teddy nghĩ.

Trong mỗi căn phòng đều có những sợi dây đỏ mảnh mai treo lủng lẳng trên trần. “Vì vậy nếu ông bị ngã...” Ann Schofield nói. “... Ông có thể kéo một sợi để gọi trợ giúp.” Teddy không buồn hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu ông không ở gần một sợi dây khi bị ngã. Ông hình dung Ann Schofield lạch bạch chạy tới chỗ ông dọc theo những hành lang sơn màu hồng và màu be, ông nghĩ ông thích nằm yên ở chỗ

ông bị ngã và chầm chậm trút hơi thở cuối cùng với chút kiêu hãnh còn sót lại hơn.

Ann Schofield gọi tòa cư xá này là “Fanning”, do đó Teddy cảm thấy nó nghe như một khách sạn ở Mayfair, nơi ông từng qua đêm với một cô gái. Ông không thể nhớ nổi tên của cái khách sạn đó (Hannings? Channings?) nhưng ông khá chắc chắn tên cô gái là Ivy. Họ đã va vào nhau trong màn đêm đen kịt, cả hai đều đang tìm kiếm một chỗ để ngã lưng vào đêm đó. Cô đang tìm kiếm Câu lạc bộ Công giáo ở phố Chester, còn Teddy không thể nhớ lúc ấy ông đang tìm kiếm cái gì, nếu có. Ông đã say còn cô cũng khá chệnh choáng, và họ đã bỏ nhào (theo đúng nghĩa đen) vào cái khách sạn ấy.

Những gì ở hiện tại trở nên nhòe mờ - và ông cho rằng càng ngày chúng càng mờ mịt hơn - nhưng quá khứ lại sáng dần lên. Ông có thể nhìn thấy những bậc thềm bụi bặm của cái khách sạn ở London đó, thấy mái cổng màu trắng và cái cầu thang hẹp dẫn lên căn phòng áp mái ở tầng năm. Ông gần như có thể cảm nhận được vị bia mà họ đã uống. Có một chỗ trú ẩn dưới tầng hầm nhưng khi còi báo nguy vang lên, họ không đi xuống đó mà thò đầu ra ngoài cửa sổ trong không khí lạnh giá của màn đêm, ngắm nhìn cuộc oanh tạc. Khẩu đội pháo cao xạ ở công viên Hyde đang gây ra tiếng ồn đáng sợ. Bây giờ ông đang nghỉ phép sau khi trở về từ khóa huấn luyện ở Canada, là một viên phi công chưa nhuộm máu trong cuộc chiến.

Cô đã đính hôn với một lính thủy. Ông tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với cô. Chuyện gì đã xảy ra với anh lính thủy của

cô.

Ông từng nghĩ về cô một lần, trong một phi vụ tới Mannheim, khi họ băng qua vành đai đèn rọi dày đặc bảo vệ vùng Ruhr. Ông đã nghĩ không biết tình hình thế nào ở dưới mặt đất kia, mảnh đất của kẻ thù, có lẽ ở đó có hàng trăm cô nàng Ivy - những cô gái dễ thương với hàm răng hô như răng hươu và có vị hôn phu đang ở trên tàu ngầm - điều khiển những khẩu súng cao xạ của Đức, tất cả tập hợp lại với nhau để cố gắng giết chết ông.

“Bố ời? Bố? Thật là! Bố chú ý giúp con được không ạ?” Viola đảo mắt về phía Ann Schofield, cố gắng tỏ ra vừa vui vẻ vừa trù mến, mặc dù Teddy ngờ rằng cô chẳng hề có cả hai cảm giác đó. Một ngày kia, con cũng sẽ già, ông nghĩ, ơn Chúa là ông sẽ không còn có mặt trên cõi đời này để chứng kiến điều đó. Và Bertie nữa, thật buồn khi nghĩ rằng một ngày nào đó con bé có thể trở thành một bà lão vịn vào cái khung tập đi, nặng nề lê bước dọc theo những hành lang tẻ ngắt. *Người ta sinh ra để chuốc lấy khổ đau.* Đó là thơ của Hopkins, phải không nhỉ? *Và ta đang khóc thương Margaret.* Những câu thơ đó đã luôn làm ông xúc động, ông nhớ...

“Bố!”

*

Ông cho rằng đó là lỗi của ông. Ông đã trượt chân trên một mảnh băng phủ trên mặt đường ở gần nhà và biết ngay rằng đó là một điều tồi tệ. Ông nghe thấy mình rú lên đau

đón và ngạc nhiên vì bản thân có thể phát ra một âm thanh như thế, ngạc nhiên vì chính ông đã phát ra nó. Kết cục là ông nửa nằm nửa ngồi trên vĩa hè. Hồi chiến tranh, máy bay của ông từng bị bắn hạ và bao trùm trong lửa, ông đã nghĩ sẽ chẳng còn chuyện gì tồi tệ hơn có thể xảy ra với ông. Nhưng cú ngã này đau đến không thể chịu đựng nổi.

Có mấy người hoàn toàn xa lạ chạy vội đến giúp ông. Ai đó gọi xe cứu thương. Một quý bà tự xưng là y tá khoác chiếc áo choàng của mình lên vai ông. Bà cúi xuống bên cạnh ông, bắt mạch cho ông rồi nhẹ nhàng vỗ lưng ông, như thể ông là một đứa trẻ còn ẵm ngửa. “Đừng cử động!” Bà nói. “Vâng.” Ông ngoan ngoãn đáp, khá vui mừng vì lần đầu tiên có người bảo ông phải làm gì. Bà nắm tay ông trong lúc họ đợi xe cứu thương tới. Chỉ là một hành động giản dị nhưng ông ngập tràn cảm kích. “Cảm ơn.” Ông lẩm bẩm khi cuối cùng cũng được đưa lên xe cứu thương. “Không có gì.” Bà nói. Ông chưa bao giờ biết tên bà. Có lẽ, nếu ông biết tên bà, ông sẽ gửi cho bà một tấm thiệp hoặc một bó hoa.

Ông đã bị gãy hông và cần phải phẫu thuật. Bệnh viện khẳng khẳng thông báo cho “thân nhân” của ông, mặc dù Teddy đã đề nghị họ đừng làm thế. Ông muốn lết đi và chữa lành những vết thương trong yên bình, giống như một con cáo hay một chú chó. Nhưng lúc tỉnh dậy sau khi thuốc mê hết tác dụng, ông có thể nghe thấy tiếng Viola lẩm bẩm: “Đây chính là sự khởi đầu của kết thúc.”

“Bố gần tám mươi rồi.” Cô nói, dùng giọng nói “lý lẽ” của mình. “Bố không thể đi lang thang khắp nơi như trước đây nữa.”

“Bố đang đi mua sữa ở cửa hàng ngay gần đây.” Teddy nói. “Thế đâu phải là “đi lang thang”.”

“Kể cả như thế. Việc đó sẽ càng ngày càng trở nên khó khăn đối với bố. Con không thể cứ chạy long sông sọc tới mỗi lần bố làm gì ngớ ngẩn được.”

Teddy thở dài, nói: “Bố có bảo con đến đâu.”

“Ồ, thế bố không bảo con đến thì con sẽ không đến chắc?” Cô nói lý. “Bố nghĩ con sẽ không đến giúp bố khi bố bị tai nạn sao?”

Sau khi ra viện, ông phải chịu đựng sự có mặt của cô trong ba ngày. Suốt lúc đó, cô cứ cẩu kính nặng xị lên về việc phải bỏ mặc lũ mèo để tới chăm sóc ông. Còn nữa, cô nói cô “ghét ở trong ngôi nhà này”. “Bố nhìn xem, mấy chục năm rồi mà bố chẳng sửa sang gì cho nó cả. Nó quá *cổ lỗ* rồi.”

“Bố mới là người *cổ lỗ*.” Teddy nói. “Bố không nghĩ đó là điều tồi tệ.”

“Bố thật vô lý.” Viola nói, quấn một lọn tóc nhuộm màu nâu đỏ quanh ngón tay (một thói quen khiến người khác khó chịu mà ông đã quên mất.)

*

Viola gọi điện cho Sunny và nói với cậu rằng cậu sẽ phải “dành ít thời gian” để chăm sóc ông ngoại. Mỗi lần nghĩ đến Sunny là Viola lại hoang mang kinh hãi. Sunny đã từng thử tự tử. Nhưng cậu không quyết tâm lắm nên chưa thể tự kết liễu cuộc đời mình. Có phải thế không? Nhớ cậu tự tử thật thì sao? Nỗi kinh hãi siết chặt trái tim Viola. Cô nghĩ cô sẽ ngất đi mất. Cô biết Sunny bất mãn với cô, nhưng cô không biết phải làm gì.

Nỗi kinh hãi khiến cô trở nên tàn nhẫn. “Dù gì con cũng chẳng có việc gì khác để làm.” Cô nói với cậu.

*

Về phần Sunny, cậu thích khoảng thời gian được trở lại nhà của ngoại Ted. Đó là nơi duy nhất cậu từng vui vẻ, hạnh phúc.

Teddy ngủ trên chiếc trường kỷ ở dưới nhà trong khi Sunny chiếm cái phòng ngủ ấm cúng ở mặt sau của tầng trên, vốn là phòng ngủ của mẹ cậu và sau đó là phòng của Bertie hồi cô sống ở đây. Đương nhiên Sunny cũng từng sống ở đây, mặc dù không lâu bằng em gái, vì cậu từng buộc phải chịu đựng một mùa hè dài khủng khiếp ở trang viên Jordan. Cậu tự hỏi liệu có bao giờ cậu quên được quãng thời gian kinh hoàng ấy không.

Cậu thích căn phòng bé nhỏ này. Đây là nơi em gái cậu từng ngủ. Trước kia, đêm nào cậu cũng sang phòng của Bertie. Em gái cậu đã cứu rồi cậu theo cách cơ bản nhất - hơi ấm và ánh sáng - nhưng bây giờ con bé đã đi rồi. Tới

trường Oxford, một thế giới xa lạ. “Chúng tôi gửi gắm hy vọng của mình vào con bé đó!” Viola từng nói với bạn bè mình về Bertie như vậy. Như thể đó là chuyện thú vị. Càng tệ hơn nữa khi họ đều nghĩ rằng phụ nữ là “giống loài ưu việt hơn” (lại còn cái chuyện tào lao gì mà “con cá đi xe đạp^[92]” nữa). Sunny dường như là bằng chứng sống cho điều này.

*

Đêm nào mùi lá cháy khét lẹt cũng lùa ra từ phòng ngủ của Sunny, bay xuống cầu thang khi Teddy đang mơ màng ngủ. Cần sa, ông nghĩ, mặc dù ông chẳng biết gì mấy về nó.

Sunny vẫn sống ở Leeds, cậu bị Viola bỏ lại khi cô chuyển tới Whitby. Hiện giờ cậu đang sống trong một căn hộ bừa bộn nhếch nhác ở Leeds với vài cậu thanh niên cùng trang lứa, tất cả đều quá vị kỷ nên cậu không thể coi họ là bạn bè.

Cậu đã bỏ học đại học (Ngành Nghiên cứu Truyền thông - “Ồ, thật trớ trêu.” Viola nói), và bây giờ có vẻ chẳng làm gì cả. Cậu rất vụng về. Dường như cậu chẳng có kỹ năng cần thiết nào để vượt qua những thử thách đơn giản của cuộc sống thường nhật. Cậu chơi ghi ta trong một ban nhạc, cậu nói, hay đúng hơn là hét vọng ra từ căn bếp nơi cậu đang đun một hộp đậu hầm để ăn trong bữa trà.

“Tốt lắm.” Teddy hét vọng lại từ phòng khách. Ông khá chắc chắn ông có thể ngửi thấy mùi món đậu hầm đang cháy.

Họ thường xuyên ăn đậu đóng hộp và spaghetti đóng hộp. Cả cá tẩm bột rán và khoai tây chiên nữa, Sunny đích thân đi mua chúng ở cửa hàng gần đây. Nếu không thì họ sẽ gọi đồ ăn tối từ các nhà hàng ở khắp thị trấn, thậm chí là khắp nơi trên thế giới - đồ ăn Ấn Độ, đồ ăn Trung Hoa. Họ rất hay ăn pizza. Lúc đầu Teddy không biết điều này, ông cứ nghĩ chỉ có những người phụ nữ từ tổ chức WRVS^[93] mới có chương trình giao thức ăn đến tận nhà. “Dạ?” Sunny nói.

“Ông đùa ấy mà.” Teddy nói.

“Dạ?”

Tất cả khiến Teddy phải tốn bộn tiền. (Buộc phải vậy, giọng nói của mẹ ông vang lên trong đầu ông.) Sunny hoàn toàn không biết nấu nướng. Viola cũng là một đầu bếp tồi, cô chỉ biết nấu những món khó tiêu từ gạo lứt và đỗ. Viola đã nuôi dạy cả hai con thành người ăn chay, Bertie giờ vẫn vậy, nhưng Sunny dường như sẵn lòng ăn bất cứ thứ gì. Teddy nghĩ nếu ông có thể nhúc nhắc đi lại được, ông có thể dạy cậu vài món đơn giản - xúp đậu lăng, thịt bò hầm khoai tây, bánh ngọt Madeira. Cậu chỉ cần được khuyến khích một chút.

*

Thì ra Sunny có bằng lái xe tạm thời. Teddy cố không tỏ ra ngạc nhiên, ông đã quen nghe Viola kể về sự kém cỏi và thiếu óc sáng kiến của Sunny. “Tốt quá!” Teddy nói. “Xe của ông đang bị bỏ xó ở trong ga ra đấy, cháu hãy đưa nó đi một vòng. Máy tẩm bằng thông báo xe tập lái cũ của Viola

cũng ở đâu đó trong đây thôi.” Viola từng chống đối quyết liệt sự hướng dẫn của ông.

“Thật à?” Sunny ngờ vực nói. “Mẹ cháu không chịu ngồi chung xe để kèm cháu lái nữa. Mẹ cháu nói mẹ cháu muốn chết vì tuổi già.” Teddy không nghĩ việc ngồi kèm Sunny lái xe có thể sánh nổi với việc bay hết đêm tối tám này tới đêm tối tám khác vào sâu trong lòng địch - những kẻ chỉ có một khao khát duy nhất là giết chết ông - vì thế ông nói: “Nếu cháu không thực hành thì làm sao thành thạo được. Đi nào!” Phải có người tin tưởng thẳng bẻ chứ, Teddy nghĩ. Họ nhét cái xe lăn mà NHS^[94] cho ông mượn vào cốp xe rồi khởi hành.

Họ kết thúc cuộc hành trình ở Harrogate, một thị trấn mà Teddy yêu thích. Ông đã thường xuyên đến đó, cả trong chiến tranh lẫn khoảng thời gian sau này. Họ đỗ xe ở trung tâm thị trấn, mặc dù phải loay hoay rất lâu mới đỗ được xe vào đúng vị trí, vì Sunny có vẻ không phân biệt được sự khác nhau giữa trái và phải, tiến và lùi. Nhưng cậu lái xe không tồi - cậu lái chậm chạp và không dứt khoát, nhưng tinh thần cậu vững vàng hơn khi cậu nhận ra Teddy sẽ không quát mắng mình từ đầu đến cuối như Viola. “Trăm hay không bằng tay quen.” Teddy động viên cậu.

Họ ăn một bữa trưa ngon miệng ở tiệm Betty’s rồi đi vào Valley Gardens. Đây đó, những chồi non đầu tiên của mùa xuân đã nhú mình xuất hiện trở lại trên nền đất ẩm ướt, trấn an người ta rằng thời tiết lạnh giá sắp kết thúc. Sunny thường đẩy xe lăn hơi quá nhanh. Teddy ước gì ông cháu họ có thể đổi chỗ cho nhau một lúc để Sunny có thể trải

nghiệm cảm giác không thoải mái khi chiếc xe lăn đi qua gờ đường và những chỗ gồ ghề, nhưng nhìn chung Teddy khá hài lòng với chuyến đi này. “Cháu có biết ông muốn làm gì trước khi chúng ta quay về không?” Ông nói khi họ quay đầu xe theo hình chữ U (hơi đáng sợ) và hướng về thị trấn của họ.

*

“Tối nghĩa trang ạ?” Sunny nói. Thì ra cậu chưa bao giờ tới nghĩa trang. Cậu đã không có mặt trong đám tang của bố cậu và cũng không có người quen nào khác bị chết cả.

“Stonefall.” Teddy nói với cậu. “Nghĩa trang Liệt sĩ của Khối thịnh vượng chung. Những người được mai táng ở đây chủ yếu là người Canada. Vài người Úc và Newzealand, một số ít người Mỹ và Anh.”

“Ồ!” Sunny nói. Thật khó để khơi gợi sự hứng thú của cậu.

Một cánh đồng dành cho người chết. Những hàng mộ chỉ màu trắng ngay ngắn - giống như những cái gối cứng trên chiếc giường xanh của họ. Các thành viên của một tổ bay được chôn cất cạnh nhau, kề vai sát cánh bên nhau trong thế giới bên kia giống như họ đã từng gắn bó ở thế giới này. Phi công, cơ khí viên, hoa tiêu, điện đài viên, xạ thủ, lính cất bom. Hai mươi tuổi, hai một tuổi, mười chín tuổi. Bằng tuổi Sunny. Teddy từng biết một cậu bé khai man tuổi của mình để đủ điều kiện làm phi công trên một chiếc máy bay Halifax khi mới mười tám tuổi. Cậu chết khi tròn mười chín.

Liệu Sunny có thể làm được điều mà cậu bé ấy đã làm không? Điều mà tất cả bọn họ đã làm? Ông Chúa là cậu không phải làm vậy.

“Họ chỉ là những cậu trai trẻ.” Teddy nói với Sunny. Nhưng họ cứ như những người đàn ông trưởng thành, họ đã làm công việc của người đàn ông trưởng thành. Họ càng trẻ hơn trong mắt Teddy khi ông trở nên già đi. Họ đã hy sinh cuộc đời của họ để Sunny có thể sống cuộc đời của cậu - cậu có hiểu được điều đó không? Teddy cho rằng ta không nên mong đợi lòng biết ơn. Bản chất của sự hy sinh là cho đi chứ không phải nhận lại. “Hy sinh...” Ông nhớ Sylvie từng nói. “... Là một từ khiến người ta cảm thấy việc giết chóc là cao cả.”

“Đây không phải là những tổ bay bị bắn hạ trên lãnh thổ của kẻ địch.” Teddy nói với Sunny. Đây chỉ là (*chỉ là!*) những người chết trong các chuyến bay huấn luyện - tổng cộng hơn tám nghìn người. (*Bố lại giảng về lịch sử rồi, ông nghe thấy giọng nói của Viola vang lên trong đầu.*) “Có vài người trong số họ chết khi máy bay rơi xuống mặt đất trên đường trở về, hoặc chết ở bệnh viện Harrogate sau đó vì những vết thương mà họ trúng phải trong một cuộc không kích.” Nhưng Sunny đã cất bước thong thả dọc theo các hàng mộ. Vai nhô lên, đầu cúi xuống, cậu dường như không bao giờ thực sự *nhìn* vào thứ gì. Có lẽ cậu không muốn nhìn.

“Ít nhất họ cũng có mộ phần, ông cho rằng như thế cũng tốt rồi.” Teddy tiếp tục nói với Sunny cho dù cậu dường như đã ở ngoài tầm nghe. Đó là một mảnh khoe mà ông biết được từ hồi Sunny còn nhỏ. Cậu có thể tỏ ra là mình không

lắng nghe nhưng thính giác của cậu tinh nhạy như một chú chó, và Teddy luôn hy vọng cậu sẽ tiếp thu được kiến thức bởi sự thẩm thấu thay vì một quá trình xử lý thông tin diễn ra trong não bộ. “Hơn hai mươi nghìn tổ bay của những chiếc máy bay ném bom không có mộ phần.” Ông nói. “Ở Runnymede có một đài tưởng niệm.” Dành cho những người không có chiếc gối bằng đá để tựa đầu ngơi nghỉ, tên của họ được viết trên mặt nước, bị đốt trên mặt đất, bị tán nhỏ vào thinh không. Nhiều không đếm xuể.

Teddy đã tới thăm đài tưởng niệm ngay sau khi nó được Nữ hoàng trẻ tuổi khánh thành vào năm 1953. “Sao anh không cho em đi cùng nhỉ?” Nancy đã nói. “Chúng ta có thể coi nó là một kỳ nghỉ cuối tuần. Ở tại Windsor hoặc lên London.” Ông đã cố giải thích rằng đó là một chuyến hành hương chứ không phải một kỳ nghỉ. Rồi khi ông đi một mình thật, Nancy chẳng buồn chào tạm biệt ông. Bà nói ông đã “nhốt bà bên ngoài” cuộc chiến của ông, ông đã thấy điều này thật nực cười vì chính bà cũng giấu kín cuộc chiến của mình. Chưa kể, vào những dịp hiếm hoi họ gặp nhau trong chiến tranh, bà cứ liên tục giục ông quên đi chuyện chiến sự để họ có thể tận hưởng thời gian bên nhau. Bây giờ ông mới cảm thấy hối tiếc. Tại sao lúc đó họ không biến chuyến đi ấy thành một kỳ nghỉ cuối tuần?

“An toàn trong căn buồng thạch cao tuyết hoa.” Ông nói với Sunny khi cậu thơ thẩn quay lại.

“Dạ?” Sunny nói.

“Chẳng thứ gì có thể chạm đến, dù là buổi sáng hay buổi trưa, ngủ một giấc đến thời điểm phục sinh hằng dậy, dưới

xà nhà bằng xa tanh và mái nhà bằng đá. Thơ của Emily Dickinson. Thật buồn cười là chính mẹ cháu đã “giới thiệu” bà ấy với ông. Bà ấy là một nhà thơ.” Ông nói thêm khi Sunny tỏ vẻ ngỡ ngàng, như thể cậu đang thăm rà soát trong đầu danh sách người quen của Viola để tìm một bà Emily Dickinson. “Bà ấy mất rồi. Là người Mỹ.” Teddy bổ sung. “Khá dị, cháu có thể thích bà ấy. *Tôi nghe thấy tiếng ruồi vo ve khi tôi chết.*” Sunny ngẩng đầu lên.

“Ông sẽ đi bộ một chút.” Teddy nói. Sunny giúp ông đứng dậy và dìu ông tập tễnh bước chầm chậm dọc theo những dãy người chết.

Ông muốn nói chuyện với cháu trai về những người đàn ông này. Về việc họ bị lão cáo già Churchill^[95] phản bội ra sao - ông ta thậm chí chẳng hề nhắc đến họ trong bài diễn văn mừng ngày Chiến thắng, việc họ chẳng được trao huân chương hay lập đài tưởng niệm, và việc Harris^[96] bị bêu riếu vì một chính sách mà ông ấy không đề ra, mặc dù vào cuối cuộc chiến chính ông ấy đã thực thi nó bằng lòng nhiệt huyết đáng thương. Nhưng điều đó phỏng có ích gì? (*Lại giảng về lịch sử rồi.*)

“VẬY...” Sunny nói, cọ mũi giày lên một tấm bia mộ. Đôi giày của cậu lem luốc, xấu xí, trông như đôi giày của một người lính nhảy dù. “VẬY là ông đã nhìn thấy, ờ... những chuyện thực sự tồi tệ?”

“Những chuyện tồi tệ ư?”

Sunny nhún vai. “Rùng rợn.” Cậu lại nhún vai. “Khủng khiếp.”

Teddy không thực sự hiểu sức hút của mặt tối đối với giới trẻ ngày nay. Có lẽ vì chúng chưa từng trải qua nó. Chúng lớn lên trong một thế giới tươi sáng và có vẻ quyết tâm tự tạo ra bóng tối cho mình. Ngày hôm qua, Sunny đã thú nhận rằng cậu “rất thích” làm ma cà rồng.

“Gớm ghiếc.” Cậu nói thêm, như thể Teddy không hiểu ý nghĩa của từ “rùng rợn” và “khủng khiếp”. Teddy nghĩ về thầy hướng dẫn bay người Canada bị bay hết da thịt và tất cả những chuyện “khủng khiếp” đã xảy ra sau đó. *Chúc anh may mắn.* Một cái cánh quạt bay vun vút trong không trung. Tên của cô gái WAAF^[97] đó là gì nhỉ? Hilda chẳng? Phải, là Hilda. Cô ấy có dáng người cao ráo, khuôn mặt tròn trĩnh, bầu bĩnh. Cô ấy thường chở họ tới địa điểm lên máy bay. Cô ấy là một người bạn tốt của Stella. Stella là một điện đài viên, chủ nhân của giọng nói truyền cảm chào đón những tổ bay mệt mỏi trở về từ những phi vụ. Ông từng thích Stella và nghĩ rằng giữa họ có thể nảy sinh thứ gì đó, nhưng rốt cuộc chẳng có gì cả.

Hilda là típ người vui vẻ. “Chúc may mắn, các chàng trai!” Bây giờ ông vẫn có thể hình dung ra cô đang nói thế. Lúc nào cũng thấy cô đói. Khi họ trở về, nếu còn tí đồ ăn nào, họ đều đưa hết cho Hilda. Sandwich, kẹo, bất cứ thứ gì. Teddy bật cười. Quả là kỳ cục khi nhớ đến điều đó.

“Ngoại ời?”

Chuyện xảy ra ngay trước khi chiến tranh kết thúc, trước trận Nuremberg. Khi ấy ông đã ra địa điểm lên máy bay và nói chuyện với một thợ lắp ráp về chiếc F-Fox, chiếc phi cơ của ông lúc bấy giờ. Họ cùng đi theo một chiếc phi cơ

khác đang tiến đến gần, một chiếc máy bay trở về rất muộn từ phi vụ đêm hôm trước. Nó có vẻ đã bị trúng đạn, chắc chắn nó sẽ bị rung lắc dữ dội khi hạ cánh. Và Hilda đang thông thả đạp xe dọc theo đường vành đai. Đó là một phi trường rộng mênh mông, mọi người đều đạp xe. Ngay cả Teddy cũng có một chiếc xe đạp cũ kĩ cộc cạch, mặc dù với tư cách trung tá không quân, ông được phép sử dụng một chiếc xe hơi của RAF. Ông đã tự hỏi Hilda đang làm gì ở ngoài đó. Ông sẽ không bao giờ biết câu trả lời. Chiếc máy bay bị trúng đạn gào rú lao về phía đường băng, nhưng Hilda chẳng thèm liếc nhìn nó. Cô nhìn thấy Teddy và giơ tay lên vẫy. Cô chẳng hề thấy chiếc cánh quạt trên máy bay bị bật tung, một lưỡi cánh quạt văng ra, lao đi vun vút trong không trung với tốc độ đáng kinh ngạc. Nó giống như hạt giống khổng lồ của một cây sung dâu, cứ liên tục xoay vèo vèo, nhanh đến nỗi cả Teddy lẫn người thợ lắp ráp đều chẳng kịp phản ứng. Họ còn chẳng kịp hét lên: “Coi chừng!” Hilda không nhìn thấy cái lưỡi cánh quạt ấy bay về phía mình, Teddy cho rằng đó chính là vấn đề. Đó là một vận xui, chỉ chệch đi vài phân và vài giây thôi thì Hilda đã thoát nạn. “Rủi là cô ấy quá cao.” Sau đó, người thợ lắp ráp nói, hoàn toàn thực tế.

“Ngoại ời?”

Bị mất đầu. Lưỡi cánh quạt đã phạt đứt đầu của Hilda. Ông nghe thấy tiếng thét chói tai của một cô gái WAAF, to hơn cả tiếng ồn khủng khiếp của chiếc máy bay đang lồng lộn trên đường băng. Người lính cắt bom bị chết trong cú va chạm, hoa tiêu trên máy bay đã chết vì bị trúng đạn

pháo của hỏa lực phòng không ở đâu đó trên bầu trời vùng Ruhr. Chuyện đó có vẻ chỉ là thứ yếu. Các cô gái WAAF chạy ào về phía Hilda, vừa la hét vừa gào khóc. Teddy yêu cầu họ giải tán, trở về chỗ nghỉ của họ rồi ông đi ra, nhặt cái đầu lên. Có vẻ sai trái nếu mong ai khác làm việc đó. Bánh xe đạp của cô ấy vẫn còn quay.

Đó chỉ còn là một cái đầu, không còn là Hilda nữa. Chẳng thể nghĩ nó liên quan gì với Hilda bầu bình, vui vẻ. Đêm hôm sau, ông đưa Stella đến một buổi khiêu vũ ở phi đoàn bên cạnh, nhưng giữa họ chẳng có gì tiến triển.

“Ngoại ời?”

“Trong chiến tranh có rất nhiều chuyện khủng khiếp xảy ra, Sunny ạ. Nhớ đến chúng chẳng ích lợi gì. Tốt hơn hết là nên tránh những ý nghĩ tăm tối.”

*

“Ông đang tìm ai à?” Sunny hỏi.

“Ừ.”

“Ở đây họ không có, ờ, bản đồ ạ?”

“Có lẽ là có đấy.” Teddy nói. “Nhưng nhìn kìa, ông tìm thấy ông ấy rồi.”

Ông dừng lại trước một tấm bia mộ viết “Trung sĩ Không quân Keith Marshall RAAF^[98]. Lính cắt bom” và nói: “Chào Keith.”

“Ông ấy không được chôn cùng tổ bay của mình.” Sunny nói, xấu hổ vì đang ở cùng một người đàn ông nói chuyện

với người chết, mặc dù trong nghĩa địa hiện chỉ có hai ông cháu họ.

“Ừ. Những người còn lại trong tổ bay vẫn ổn. Ông ấy chết khi bọn ông bị tấn công trên đường từ Thành phố Lớn quay lại phi trường - hồi ấy bọn ông thường gọi Berlin bằng cái tên ấy. Thi thoảng có những chiếc máy bay xâm phạm - của Đức - ẩn mình trong đội hình máy bay ném bom trên đường về nhà. Đó là một trò hèn hạ. Ông ấy là bạn của ông, một trong những người bạn tốt nhất mà ông từng có.”

“Ông còn muốn tìm ai nữa không ạ?” Sunny hỏi sau vài phút kìm nén sự nóng ruột một cách quả cảm.

“Không, không còn ai nữa cả.” Teddy nói. “Ông chỉ muốn cho Keith biết rằng có người đang nghĩ về ông ấy.” Ông cười với cháu trai và nói: “Về nhà thôi, James. Đừng buông tha lũ ngựa^[99].”

“Dạ?”

*

Lúc này, trời bắt đầu tối và Sunny nói: “Cháu chưa bao giờ lái xe vào ban đêm.”

“Cái gì cũng phải có lần đầu tiên.” Teddy nói. Dĩ nhiên, đôi khi lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng. Hành trình trở về hơi rợn tóc gáy nhưng Teddy quyết tâm giữ vững bình tĩnh để khuyến khích sự tự tin của Sunny. Teddy ngạc nhiên khi Sunny hỏi: “Thế hồi trước ông làm gì? Ông lái máy bay ném bom à? Ông là phi công sao?”

“Ừ.” Teddy nói. “Ông là phi công của một chiếc máy bay ném bom Halifax. Những chiếc máy bay ném bom được đặt tên theo những thành phố của nước Anh - Manchester, Stirling, Wellington, Lancaster. Halifax. Dĩ nhiên, những chiếc Lancaster đã chiếm trọn vinh quang. Chúng có thể bay cao hơn và chở được khối lượng bom nặng hơn. Nhưng thực tế, vào giai đoạn cuối cuộc chiến, khi những chiếc Halifax được lắp động cơ Bristol, chúng có thể sánh ngang những chiếc Lancaster. Bọn ông yêu những chiếc “Halibag” cũ. Sau chiến tranh, những chiếc Lancaster trở nên nổi tiếng còn bọn ông cứ như những cô phù dâu vậy. Trong tình huống phải thoát ra ngoài khẩn cấp, khả năng sống sót của cháu sẽ cao hơn nếu cháu bay trên một chiếc Halifax. Máy bay Lancaster thì có cái xà dọc to tướng chết tiệt ở giữa và...” Sunny đột nhiên lạng xe qua hai làn đường. May là con đường gần như vắng tanh. (“Ồi!”) Teddy không biết đó là vì Sunny đang cố tránh thứ gì hay vì cậu đã ngủ gật. Teddy cho rằng mình nên ngậm miệng lại. Giọng nói của Nancy từ nơi xa xăm vọng về với ông. *Hãy nói chuyện gì đó thú vị hơn chuyện ném bom.* Ông thở dài và lẩm bầm: “Thermopylae”.

“Dạ?”

*

Khi họ cuối cùng cũng về đến nhà, Teddy nói: “Cháu đã làm rất tốt, Sunny. Cháu sẽ trở thành một người lái xe rất giỏi.” Tốt hơn hết là luôn khen ngợi thay vì chê bai. Và

chăng, cậu đã làm tốt thật. Sunny làm sandwich kẹp thịt xông khói (cậu đang tỏ những dấu hiệu tiến bộ nhất định trên mặt trận bếp núc) và họ vừa ăn vừa xem ti vi, mỗi người còn uống một ly bia để chúc mừng chuyến trở về an toàn. Lần đầu tiên trong hàng thập kỷ nay, Teddy nghĩ ông cần một liều thuốc lá. Ông kháng cự lại sự cám dỗ ấy. Ông mệt lử và ngủ thiếp đi trên xô pha trước cả khi uống hết ly bia hoặc chương trình *Bữa tiệc tại nhà của Noel* kết thúc.

*

Đáng lẽ ông nên chuyển nhà về lại vùng đồng quê khi Viola đã đủ lông đủ cánh và đi học đại học. Một nơi nào đó không xa lắm, có lẽ là Hambledon Hills. Một ngôi nhà tranh nhỏ bé. (Ông trù mẩn nghĩ về Nhà Chuột.) Nhưng thay vì thế ông đã ở lại đây và ì ạch lê bước, bởi vì thứ gì đó mách bảo ông rằng đây là cuộc sống mà ông phải sống. Và ông thích York, thích mảnh vườn của ông. Ông có bạn bè, ông tham gia vài câu lạc bộ. Ông là thành viên của một hội khảo cổ học và thường đi đào bới với họ. Rồi câu lạc bộ ngao du, nhóm nghiên cứu chim. Ông thích hoạt động đơn lẻ hơn, vì việc trở thành thành viên của một hội nhóm có vẻ khoác lên cho ông khá nhiều trách nhiệm, nhưng ông có thể làm tròn những trách nhiệm ấy và phải có ai đó làm thế chứ, nếu không thế giới này sẽ sụp đổ mất. Ông đã không nghĩ rằng làm việc cho một tờ báo tỉnh lẻ là công việc vất vả nhất trên đời, vì vậy, khi nghỉ hưu, ông vô cùng kinh ngạc khi thấy

mình đột nhiên có nhiều thời gian rảnh rỗi. Có lẽ là quá nhiều.

*

“Còn những thứ này thì sao ạ?” Viola hỏi, chỉ vào cái giá sách cất giữ *Những cuộc phiêu lưu của Augustus*. “Bố nghĩ ta có thể bán lại chúng không? Ý con là chúng đã hết thời nhiều năm rồi. Chúng lại còn được đề tặng riêng cho bố nữa chứ - con cho rằng điều đó làm giảm giá trị của chúng. Nhưng bố có nguyên một bộ, vì vậy ai đó có thể hứng thú với chúng.”

“Bố chính là người có hứng thú với chúng.” Teddy nói.

“Nhưng bố chưa bao giờ thích chúng.” Viola nói. “Bố thậm chí chưa từng đọc chúng.”

“Có, bố đã đọc rồi.”

“Chúng vẫn còn nguyên như mới.”

“Đó là vì bố được dạy phải giữ gìn những cuốn sách.” Teddy nói. Đương nhiên là Viola cũng được dạy như vậy, nhưng cô là một độc giả cầu thả. Khắp các trang sách của cô dây bẩn nào là đồ ăn, thức uống, bã nôn của mèo và có Chúa mới biết là còn những gì nữa. Cô luôn đánh rơi chúng vào bồn tắm hoặc để quên chúng ngoài trời mưa. Hồi còn nhỏ, cô thường ném chúng vèo vèo như thể chúng là những quả tên lửa mỗi khi cô tức giận. Teddy từng bị sách của Enid Blyton va vào trán không chỉ một lần. Cuốn *Vùng đất xa xăm* suýt chút nữa đã làm gãy mũi ông. Ông sẽ không ngạc nhiên nếu cô vẫn còn thói ném đồ. Teddy cho rằng cô

dễ tức giận như vậy bởi vì cô đã mất mẹ. Ông lại tự coi mình là một nhà tâm lý nữa rồi. (“Còn cháu thì tức giận vì cháu có một người mẹ.” Bertie nói.) Sylvie chưa bao giờ tán thành những lý thuyết về cú sốc thời thơ ấu. Bà nói con người ta sinh ra đã vậy, giống như một món quà được gói ghém hoàn thiện, chờ đợi được mở ra. Thế hệ của mẹ ông dường như không phải chịu đựng cảm giác tội lỗi.

Teddy đi lấy một cái hộp rỗng và bắt đầu bỏ các cuốn sách về Augustus vào trong đó. Đã lâu lắm rồi ông chưa mở ra cuốn nào. Izzie viết cuốn cuối cùng vào năm 1958. Chúng đã không còn được bán từ lâu lắm rồi, tính cho đúng ra là từ hồi chiến tranh. Thời hoàng kim của Augustus là khoảng thời gian giữa các cuộc chiến. Augustus Edward Swift *sống* vào quãng năm 1926-1939. Đương nhiên, Augustus tội nghiệp đã bị “khai tử” từ lâu trước khi Izzie qua đời vào năm 1974. Phiên bản của cậu ta trong suy nghĩ của Teddy thì vẫn còn tồn tại lay lắt, thi thoảng lại ngóc đầu dậy. Có phải bây giờ cậu ta đã là một ông già? Cậu ta có đang quẩy đạp và la hét vì bị lôi xềnh xệch tới một khu cư xá dành cho người cao tuổi, một liều thuốc lá ngậm ở khóe miệng, chiếc quần lấm lem và cầm mọc đầy râu?

Teddy đã tới thăm Izzie trước khi bà mất vài ngày. Lúc đó bà đã khá lẩn. Bây giờ thật khó để hình dung về bà, chỉ còn lại những ấn tượng, cái miệng đỏ chót phàm ăn, nước hoa, những điệu bộ màu mè. Có lúc bà đã muốn nhận nuôi ông. Nếu ông làm con nuôi của bà, liệu cuộc đời ông có khác đi không hay nó vẫn sẽ y chang như cũ?

Trong di chúc, Izzie trao bản quyền những cuốn sách về Augustus cho Teddy. Nó hầu như chẳng có giá trị gì. Phần tài sản còn lại của bà, chủ yếu bao gồm ngôi nhà ở Holland Park, được trao cho “cháu nội tôi”, một người phụ nữ ở Đức mà họ chưa bao giờ nghe nói đến. “Để bù đắp.” Di chúc viết.

Pamela, Teddy và con gái của Pamela là Sarah đã kiểm kê mọi thứ trong ngôi nhà sau đám tang của Izzie. Một công việc giống như ác mộng. Họ đã tìm thấy một tấm huân chương Croix de Guerre dưới đáy hộp trang sức của bà. Quả là một chuyện khó tin. Hai bí mật này - cô cháu gái người Đức và tấm huân chương Croix de Guerre - đã nói lên bản chất bí hiểm không thể hiểu thấu của Izzie. Nếu Ursula vẫn còn sống, với tâm hồn của một thám tử, bà chắc chắn sẽ tìm hiểu tường tận cả hai chuyện đó. Còn Teddy bấy giờ chẳng thấy hứng thú (giờ ông mới hối hận). Chẳng bao lâu sau, Pamela bắt đầu lộ những triệu chứng của bệnh Alzheimer. Pammy tội nghiệp, bà đã phải sống phần đời còn lại trong cảnh ảm đạm. Thế là những bí ẩn đầy mâu thuẫn ở con người Izzie chẳng bao giờ được làm sáng tỏ, hẳn là bà cũng thích như vậy.

Ông gói bức chân dung chụp trong studio mà Cecil Beaton^[100] đã chụp Izzie sau thành công rực rỡ đầu tiên của bà. Trong bức chân dung ấy, Izzie trông như một ngôi sao điện ảnh. Hình ảnh bà không được tự nhiên vì đã được xử lý kỹ lưỡng. “Nhưng quyến rũ.” Bertie nói. “Ừ, ông cũng nghĩ vậy.” Teddy nói. Ông đưa cho Bertie bức ảnh này khi cô tới Fanning Court thăm ông lần đầu tiên. “Nhưng mẹ

ông mới là người đẹp.” Ông nói. Ông nhớ đến thi hài của Sylvie trong cỗ quan tài mở nắp để mọi người ngắm bà lần cuối. Những dấu vết của năm tháng đã rơi khỏi mặt bà và Bea đã bám chặt cánh tay ông, chỉ hai người họ, như thể họ đang ở một cuộc triển lãm riêng tư (ông cho rằng đúng là vậy). Tại sao lại là Bea nhỉ? Hôm đó Nancy đang ở đâu? Ông không thể nhớ nổi. Đương nhiên, Bea nay cũng mất rồi. Ông đã luôn quý mến bà, quý mến đến mức có lẽ chính bà cũng không ngờ đến. Lạy Chúa kính yêu, Teddy nghĩ, thôi nhớ về những người chết. Ông cất bước chân dung do Beaton chụp cùng chỗ với những cuốn sách về Augustus và dán băng dính để niêm phong cái hộp lại. “Bố sẽ mang chúng theo.” Ông quả quyết nói với Viola.

“Sunny đâu ạ?” Viola hỏi.

Ừ nhỉ, Sunny đâu rồi?

Dạo gần đây tôi đã đôi ba lần nhìn thấy một con cáo đực to lớn, nhưng hôm nay là một buổi chiều nóng nực nên hẳn là nó đang nằm dưới bóng râm y như hầu hết các sinh vật khác. Con cáo vốn mang tiếng xấu. Một tên trộm láu cá và thường là duyên dáng trong truyện ngụ ngôn và truyện cổ tích, cái tên của nó đại diện cho sự khôn lỏi (và đôi khi là thông minh). Một kẻ vô đạo đức, lừa đảo và thi thoảng tà ác. Nhà thờ Thiên Chúa giáo thường ví con cáo với quỷ sứ. Trong nhiều nhà thờ ở vùng này, bạn sẽ tìm thấy những hình ảnh về con cáo mặc áo chùng của thầy tu đang thuyết giáo cho một bầy ngỗng. (Có một bản khắc gỗ tuyệt đẹp trong thánh đường ở Ely.) Con cáo là một loài thú ăn thịt

quỷ quyết, gian xảo, vô đạo đức, vô lương tâm, còn bầy ngỗng là những kẻ ngây thơ...

Cậu đang ở trên tầng áp mái, thật không thể tin nổi, nơi này thậm chí còn nhiều hộp “rác” hơn. Không khí ở đây dày đặc sự hoang phế. Có một cái hộp chứa đầy thứ này - những tờ giấy poluya mốc meo chỉ chít những hàng chữ đã phai màu được đánh máy kiểu cách dòng đơn. Có vài tờ cậu đọc mà chẳng hiểu gì, vì vậy Sunny kết luận có lẽ đó là thơ.

Căn phòng áp mái này giống như một viện bảo tàng bị quên lãng, phủ đầy bụi và gỉ sét. Sunny không thích bầu không khí trong các viện bảo tàng nhưng cậu thích ý tưởng sưu tầm, chẳng hạn như những khay bướm và côn trùng hay những cái tủ xếp đầy những viên đá. Cậu thích những cuốn sách về Augustus, mặc dù cậu sẽ không nói thế. Thứ cậu thích không phải nội dung bên trong mà chỉ là vẻ ngoài giống nhau của chúng. Mỗi quyển đều có một con số trên gáy, nếu ta xếp chúng thành hàng, ta có thể đếm được từ một đến bốn mươi hai. Hồi cậu còn bé, cậu sưu tầm đá, cuội và những hòn sỏi trên đường, bất cứ thứ gì. Đến giờ, thi thoảng cậu vẫn cảm thấy nổi thôi thúc muốn nhặt một hòn đá và cho vào trong túi quần.

Mỗi lần cậu lấy những tờ giấy ra, một lớp bụi mỏng, giống như đá talc màu xám, lại lả tả trút xuống. Cậu đọc một cách chậm rãi, môi cậu mấp máy từng từ như thể cậu đang suy luận ý nghĩa của một thứ tiếng nước ngoài.

Chuồng ngựa nơi Thánh gia^[101] đang trú ngụ trong đêm chỉ có một đống lửa nhỏ lập lòe chực tắt. Trong số nhiều sinh vật nhỏ bé tới đây để chia vui sự xuất hiện của Đấng

Cứu thế, có một con chim cổ đỏ. Khi nhìn thấy đĩa bé tím tái vì lạnh, nó bèn đến đứng trước ngọn lửa yếu ớt, dùng đôi cánh của mình để quạt cho ngọn lửa bùng lên. Trong lúc làm vậy, ngực của nó đã bị cháy và vĩnh viễn mang màu đỏ, dấu hiệu để người ta tưởng nhớ đến công ơn của nó.

Có rất nhiều bài viết như thế này. Ở cuối mỗi bài đều được đánh máy chữ “Agrestis”. Chẳng biết nó có nghĩa là gì. Mỗi bài viết là một chủ đề khác nhau - “lòng sục hoa anh thảo”, “sự trở lại đáng hoan nghênh của mùa xuân”, “sắc vàng rực rỡ của thủy tiên hoa vàng”, “con rái cá với bộ “quân trang” bóng nhẫy”, “bông hoa giọt tuyết với sắc trắng tinh khôi nhất”. Lũ thỏ rừng - “những sứ giả Celtic của Eostre, nữ thần mùa xuân” - đang đâm bốt trên một cánh đồng. Thỏ rừng đâm bốt ư? Sunny tự hỏi. Chúng thi tài với nhau hay sao?

*

Một cái hộp âm mốc khác đựng đầy nút áo và đồng xu cũ. Một hộp giày đựng các bức ảnh. Cậu hầu như chẳng nhận ra ai trong những bức ảnh ấy. Trong số chúng có rất nhiều tấm ảnh đen trắng nhỏ xíu mà Sunny có cảm giác là có từ thời tiền sử. Đến thập niên bảy mươi, chúng đã có màu. Có vài tấm ảnh vuông nhỏ xíu đã ngả vàng chụp cậu và Bertie trong mảnh vườn của Teddy. Họ mặc những bộ đồ xanh xanh đỏ đỏ trông như những chú hề. Cảm ơn, mẹ Viola, cậu cay đắng nghĩ. Thảo nào hồi nhỏ cậu bị bắt nạt. Có bức ảnh cậu và Bertie đang đứng trước một luống hoa

với Tinker ngồi giữa họ. Trái tim cậu hơi thất lại. Cậu đã khóc khi ông cậu nói với cậu rằng Tinker đã chết. Cậu lấy tấm ảnh ấy và nhét vào trong túi quần.

Có một cái hộp khác nhỏ và hoen gỉ. Khi mở nó ra, cậu thấy bên trong có những tấm huân chương. Có lẽ chúng là của ông ngoại cậu từ hồi chiến tranh. Ngoài ra còn có một con sâu bướm nhỏ bằng vàng. Một con sâu bướm ư? Một tấm thiệp nhỏ, đã mủn đi theo thời gian - một tấm “thẻ thành viên Câu lạc bộ Sâu bướm” viết rằng nó được dành cho “W/C^[102] E. B. Todd”. Một tấm thẻ thành viên khác của “Câu lạc bộ Cá vàng” dành cho “P/O^[103] E. B. Todd”. Những chữ cái bí ẩn này có nghĩa là gì? Ngoại Ted đã tham gia những câu lạc bộ kỳ quặc gì vậy? Cậu chỉ có thể nhìn thấy mờ mờ những chữ cái được đánh máy trên thẻ thành viên Câu lạc bộ Cá vàng: “Thoát chết nhờ sử dụng xuống hơi khẩn cấp, tháng Hai năm 1943.”

Sunny nghĩ về chuyến đi của họ tới Harrogate, khi ngoại Ted bị thương ở hông. Tuy Sunny không nói ra nhưng cậu thích chuyến đi ấy. Cậu đã xúc động trước những nấm mộ ngay hàng thẳng lối ở nghĩa trang. Có lúc cậu đã phải đi ra chỗ khác và để mặc ngoại Ted ngồi trơ trên chiếc xe lăn bởi vì cậu cảm thấy nước mắt đang dâng lên. Thật buồn khi thấy tất cả những chàng trai đã chết ấy. Họ đều trạc tuổi cậu, và họ đã làm một việc cao cả, một việc anh hùng. Họ thật may mắn. Lịch sử đã được trao vào tay họ. Chuyện đó sẽ không xảy ra với cậu. Cậu sẽ không bao giờ được trao cho cơ hội để trở nên cao cả và anh hùng.

Điều đó khiến cậu giận dữ. Cậu lấy những tấm huân chương ra khỏi cái hộp thiếc và thả chúng vào trong túi cùng với bức ảnh lấy trộm khi nãy.

Chiến tranh thật sự thú vị, nhất là chuyện về những chiếc máy bay ném bom. Có lẽ Sunny sẽ đọc một cuốn sách về cuộc chiến ấy. Có lẽ khi đó cậu có thể nói chuyện với ngoại Ted về nó mà không cảm thấy mình giống như một thằng ngốc. Ông ngoại cậu cũng là một anh hùng, không phải sao? Ông đã có một cuộc đời đầy ý nghĩa. Sunny tự hỏi làm thế nào để cậu cũng có được một cuộc đời như vậy.

Cậu lóng ngóng trèo xuống cái thang bắc lên gác mái và thả phịch một cái hộp xuống sàn nhà. Viola làm ra vẻ là mình nghệt thở vì bụi. “Con biết là mẹ bị dị ứng mà.” Cô giận dữ kêu lên.

“Trên đó còn cả mớ.” Sunny nói.

“Ôi, vì Chúa.” Viola nói với Teddy. “Bố đúng là kẻ chuyên tích trữ, bố ạ.”

Teddy lờ cô đi và nói với Sunny: “Cháu có tình cờ thấy cái hộp đựng huân chương của ông lúc ở trên đó không?”

“Huân chương ạ?”

“Từ hồi chiến tranh. Lâu lắm rồi ông không để mắt đến chúng. Ông đang định tới dự một bữa tiệc hội ngộ của RAF, ông nghĩ ông có thể mang chúng theo.”

Sunny nhún vai, nói: “Cháu không biết.”

“Chúng ta tiếp tục được chứ?” Viola nói.

“Tất cả mọi thứ đã được chất lên xe.” Viola nói. “Bố chỉ cần kiểm tra kiểu anh ngố trước khi nó đi.”

“Kiểm tra kiểu gì cơ?” Teddy nói.

“Kiểm tra kiểu anh ngố.” Viola lặp lại. “Bố biết đấy, nghĩa là nhìn ngó xung quanh một lượt, đảm bảo rằng bố không bỏ sót thứ gì.”

Chỉ còn cuộc đời của bố thôi, Teddy nghĩ.

1951

Con sâu vô hình

Viola lần nữa mãi không chịu xuất hiện trên sân khấu cuộc đời. Teddy và Nancy đã cưới nhau được năm năm nhưng vẫn không có dấu hiệu gì là sẽ có con, và họ gần như đã từ bỏ hy vọng. Họ cân nhắc đến việc xin con nuôi. Một người phụ nữ không có khiếu hài hước ở trung tâm giới thiệu con nuôi nói rằng chẳng mấy chốc họ sẽ quá già, và ở thời điểm này trẻ con đang khan hiếm (như thể số lượng của chúng thay đổi theo mùa vậy). Bà ta hỏi họ có muốn đăng ký không?

“Có.” Nancy nói, sốt sắng hơn Teddy nghĩ. Người phụ nữ không có khiếu hài hước kia tên là Taylor Scott, bà ta đang ngồi sau một cái bàn giấy phát mãi rẻ tiền. Teddy và Nancy ngồi trên những cái ghế cứng ngắc trước mặt bà ta để nghe bà ta chất vấn. (“Cứ như mình là những học sinh nghịch ngợm ấy.” Nancy nói.)

“Nếu trẻ con “khan hiếm” đến vậy thì...” Nancy nói. “... Chúng tôi không ngại nhận nuôi một đứa trẻ da màu đâu.” Cô quay sang Teddy, nói: “Đúng không anh?”

“Đúng.” Anh nói, bị bất ngờ. Họ chưa từng bàn đến vấn đề này. Thậm chí anh còn chưa từng nghĩ đến chuyện con

của họ sẽ không phải là đứa trẻ da trắng. Trong một phi vụ hồi chiến tranh, có một thành viên của tổ bay khác từng bay cùng với tổ bay của anh, đó là một xạ thủ ở tháp pháo đuôi, quê ở Jamaica, đen nhẻm như hòn than. Anh không thể nhớ nổi tên cậu ta, chỉ biết rằng cậu ta mười chín tuổi, tràn đầy sức sống cho đến khi cậu ta bị rơi ra khỏi cái tháp pháo ở đuôi máy bay trong một chuyến trở về từ vùng Ruhr.

“Anh không ngại đâu.” Teddy nói. “Nhưng đừng có là màu xanh lá cây đấy nhé!” Anh biết đó là một câu pha trò gương gạo. Anh hình dung ra cảnh mình không nói gì với Sylvie về kế hoạch này rồi theo dõi vẻ mặt bà trong lần đầu tiên bà ngó vào chiếc giường cũ và nhìn thấy một khuôn mặt nhỏ bé đen sì đang nhìn lại bà. Anh bật cười và bà Taylor Scott nhìn anh vẻ nghi ngại. Nancy đưa tay sang siết chặt bàn tay anh để động viên. Hoặc có lẽ là cảnh cáo. Họ không được tỏ ra rằng mình là người có tâm thần không ổn định.

“Nhà cửa?” Bà Taylor nói, viết gì đó lên tờ đơn đăng ký của họ mà họ không thể đọc nổi.

Lúc này họ đã rời khỏi Nhà Chuột và chuyển vào sâu trong thung lũng hơn chừng vài dặm, sống trong một ngôi nhà trại cho thuê có tên là Ayswick ở rìa một ngôi làng nhỏ. Nơi đó có một trường học nhỏ, một quán rượu, một cửa hàng, một hội trường làng và một nhà nguyện của Hội Giám lý, nhưng không có nhà thờ. “Ở đây có tất cả những gì chúng ta cần.” Nancy nói. “Có lẽ chỉ trừ nhà nguyện.” Nửa thế kỷ sau, quán rượu sẽ trở thành một “quán rượu bán đồ ăn hảo hạng”; trường học biến thành một xưởng gốm; cửa

hàng biến thành tiệm cà phê (“tất cả đều là đồ nhà làm và được chế biến ngay tại chỗ”); hội trường làng là một phòng triển lãm tranh có bán những món đồ lưu niệm thường thấy cho khách du lịch như gối thêu, lịch, “cái đặt thìa” và những vật trang trí có hình con cừu; còn nhà nguyện của Hội Giám lý trở thành một ngôi nhà riêng. Hầu hết những ngôi nhà tranh còn lại đều trở thành nhà nghỉ mát. Khách du lịch nườm nượp kéo nhau đến đây - thi thoảng có đến cả đoàn xe khách - bởi vì từng có một bộ phim truyền hình dài tập có bối cảnh trong quá khứ được quay tại ngôi làng này.

Teddy biết tất cả những điều này bởi vì ông đã trở lại đây cùng với Bertie vào năm 1999 trong “chuyến đi giả biệt” của ông. Họ phát hiện ra Nhà Chuột đã hoàn toàn biến mất, không còn sót lại một viên đá nào, nhưng Ayswick thì vẫn còn đó, bề ngoài vẫn hệt như cũ. Bây giờ nó đã trở thành một nhà nghỉ được đặt lại tên là Mỹ Cảnh, do một cặp vợ chồng ở độ tuổi năm mươi “đang trốn tránh cuộc cạnh tranh khốc liệt nơi đô thị” quản lý.

Họ quyết định trong tích tắc là sẽ qua đêm ở đó. Teddy được sắp xếp ở trong căn phòng ngủ của ông và Nancy ngày trước nên đã đề nghị đổi phòng. Vì thế, ông ngủ trong một căn phòng nhỏ ở phía trong cùng của ngôi nhà mà mãi đến sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, ông mới nhận ra nó từng là phòng của Viola, và ông tự hỏi sao mình có thể quên điều đó. Ở đây từng kê cái nôi của cô, rồi đến cái cũi, và cuối cùng là cái giường đơn nhỏ bé. Dưới sự chỉ đạo của Nancy, ông đã đóng hình những nhân vật ngộ nghĩnh bằng gỗ dán lên tường - Jack, Jill, cái giếng và một cái xô^[104]. (“Không,

dịch sang bên trái hơn nữa - làm cho cái xô trông như đang bị đổ ấy.”) Bên cạnh giường của Viola từng có một cái đèn ngủ nhỏ hình ngôi nhà tỏa ánh sáng ấm áp qua các ô cửa sổ. Ông đã đóng một cái tủ sách để đựng những cuốn sách thời thơ ấu của Viola - *Gió qua rừng liễu, Khu vườn bí mật, Alice ở xứ sở diệu kỳ* - và bây giờ ông đang ở đây, ở phía bên kia của chiếc gương soi^[105], nhìn chăm chăm vào lớp giấy dán tường Toile de Jouey, một bức tranh nghiệp dư lớn về thung lũng mùa đông, và một cái đèn cạnh giường với chụp đèn bằng giấy màu trắng rẻ tiền. Chẳng bao giờ quay lại thế giới cũ nữa.

Ngôi nhà ấm áp hơn nhiều so với hồi ông sống ở đây cùng Nancy, nhưng ông thấy buồn khi những tấm ván ô kiểu Georgian đã bị gỡ khỏi các bức tường - Teddy cho rằng chúng chính là nạn nhân của thập niên sáu mươi - và bây giờ phòng nào phòng nấy đều dán giấy dán tường hình kẻ sọc và hình hoa tươi tắn, có “nhà vệ sinh khép kín” và những tấm thảm màu sắc nhã nhặn. Ayswick đã biến đổi thành một thứ mà ông không thể nhận ra - thực ra là thành Mỹ Cảnh - và chẳng còn sót lại thứ gì liên quan đến ông hay quá khứ của ông. Bây giờ chẳng có ai ngoài Teddy biết rằng ông và Nancy từng có thời túm tụm với nhau bên chiếc bếp Aga lớn trong phòng bếp khi gió thổi tràn trên ngọn đồi và gào rít qua từng căn phòng, cạnh tranh với tiếng hát của Beniamino Gigli và Maria Caniglia trong vở *Tosca* đang phát từ chiếc đĩa hát yêu quý của họ. Chẳng ai biết rằng Moss, con chó collie có bộ lông hai màu đen trắng của họ, ngủ say sưa trên tấm thảm kết bằng vải vụn trước cái bếp

Aga lớn đó, trong lúc Teddy viết nháp những bài viết cho chuyên mục *Tản mạn về thiên nhiên* vào một cuốn sổ phóng viên, còn Nancy - giống như một quả đậu chín sắp bung nở - ngồi móc những món đồ nhỏ xíu bằng ren cho đứa con mà họ sắp được gặp.

Tất cả những kỷ niệm đó rồi sẽ chết theo ông, Teddy nhận ra điều này khi đang phết bơ lên miếng bánh mì nướng trong phòng ăn sáng của Mỹ Cảnh - trước đây nó vốn là một phòng khách phụ không được dùng đến, lúc nào cũng phủ đầy bụi bặm, nhưng bây giờ ông phải thừa nhận rằng nó khá xinh đẹp với ba cái bàn tròn phủ khăn trải trắng tinh, và trên mỗi bàn đều có một bó hoa nhỏ. Ông là vị khách đầu tiên xuống ăn sáng, ông đã ăn thịt muối, trứng và xúc xích (Theo lời Viola, ông vẫn “ăn uống rất khỏe”, nghe cứ như một lời chỉ trích) và tán gẫu sôi nổi với bà chủ nhà nghỉ trước khi bất cứ ai khác xuất hiện. Ông không nhắc đến chuyện ông từng sống ở đây. Như thế sẽ kỳ cục lắm. Và cuộc trò chuyện sẽ đi vào lối mòn. Bà chủ sẽ tỏ ra ngạc nhiên và nói: “Hẳn là nó đã thay đổi rất nhiều so với hồi ông sống ở đây.” Và ông sẽ nói: “Vâng, chắc chắn rồi!” Và sẽ chẳng có lời nào nhắc đến tiếng quạ kêu vào buổi tối khi chúng vội vã tìm chỗ ngủ trên rặng cây đằng sau ngôi nhà trại, hoặc cảnh hoàng hôn trắng lệt như được miêu tả trong thơ của Blake nhìn từ trên đỉnh đồi.

*

“Ayswick.” Nancy nói. “Đó là một ngôi nhà trại.” Bà Taylor Scott nhướn một bên lông mày như thể bà chẳng ưa những ngôi nhà trại. “Trong một ngôi làng.” Nancy vội nói thêm. “Hay đúng ra là ở rìa của ngôi làng ấy. Nó có đủ những tiện nghi cần thiết.”

Họ thuê được Ayswick là vì người chủ của nó đã xây cho mình một ngôi nhà gạch hiện đại “đủ mọi tiện nghi” và coi ngôi nhà trại cũ là một “con voi trắng^[106]”, vì vậy ông ta mừng như được mùa khi có người sẵn sàng chấp nhận những hành lang lát đá gió lùa thông thoáng và những cánh cửa sổ kêu lạch cà lạch cạch. “Nhưng nó có nét đặc sắc riêng!” Nancy vui vẻ nói khi họ ký hợp đồng thuê nhà.

Trái ngược với Nhà Chuột nhỏ xíu, ngôi nhà trại này rộng thênh thang, có thể nói là quá rộng đối với một gia đình chỉ có hai người. Nó được xây từ giữa thế kỷ mười tám và mặt tiền bằng đá xám dãi dầu mưa nắng đã mòn đi đôi chút, nhưng bên trong vẫn toát lên vẻ thanh lịch với những tấm ván lót sàn bằng gỗ sồi to bản, những tấm ván ốp tường kiểu Georgian được quét sơn trong phòng khách, những gò trang trí được đắp nổi và tuyệt vời nhất là căn bếp khổng lồ của ngôi nhà trại với một cái bếp Aga cũ màu kem trông “giống như một con thú to lớn thân thiện đem lại cho ta cảm giác bình yên” (theo lời của Nancy). Họ vẫn chẳng có đồ đạc gì của chính mình ngoại trừ cây đàn piano của Nancy. Và ở đây chẳng có bà lão nào đã mất để cho họ mượn các loại vật dụng. Do đó, họ rất biết ơn vợ chồng người nông dân vì đã để lại cái bàn đồ sộ trong bếp, vốn

được dùng để phục vụ bữa sáng cho cả một đám nhân công háu đói của trang trại.

Bà vợ ông nông dân khẳng khẳng kê bộ bàn ghế Ercol đơn giản phù hợp với thời đại trong căn phòng ăn nhỏ bé của bà ta. “Dễ thương quá!” Nancy lịch sự nói khi cô đến thăm bà ta. Cô đã mang hoa đến để “cảm ơn” họ và ngồi ở cái bàn gỗ du giản dị, uống cà phê Camp^[107] đã được đun với sữa đặc. Cả Teddy và Nancy đều khá cầu kì về cà phê. Họ đặt hạt cà phê rang của Ý từ hãng Border’s ở York qua đường bưu điện. Viên bưu tá luôn tỏ vẻ ngạc nhiên bởi mùi hương thoát ra từ gói giấy màu nâu. Họ tự xay hạt cà phê bằng một cái máy xay cầm tay được gắn cố định lên cái bàn ở bếp, và pha cà phê bằng một chiếc bình lọc cũ mà Teddy mang từ Pháp về hồi trước chiến tranh.

“Ngôi nhà trại mới khá vô hồn.” Nancy nói với Teddy. “Không có nét đặc sắc nào.” Cũng không có nhện hay chuột. Không có bụi hay vết nứt nào bò lan trên trần, hay vết ẩm nào loang trên các bức tường, những thứ mà một ngày kia sẽ khiến cho đứa con gái khó khăn lắm mới có được của họ bị mắc chứng viêm thanh quản và nghẹt mũi vào mùa đông. Thêm nữa, ngôi nhà trại mới nằm khuất mình ở một nơi kín gió của ngọn đồi, trong khi Ayswick nhìn thẳng xuống dải thung lũng phía dưới, hứng chịu trực tiếp sức mạnh của những trận gió bạo tàn. Họ có thể đứng ở cửa trước và dõi nhìn các hiện tượng thời tiết tiến về phía họ, như thể chúng là kẻ địch đang xông đến. Chúng sống chung với họ và có tính cách - “Mặt trời đang cố lộ dạng”,

“Em nghĩ trời muốn mưa”, “Tuyết đang lăn lữa chưa chịu rơi.”

Hôm đó là thứ Bảy, khi Nancy đi từ căn nhà trại mới về, cô thấy Teddy đang tràn trề cảm hứng với vùng đồng quê.

Hiện giờ khu rừng tràn ngập hoa găng cáo^[108]. Loài hoa bản địa khiêm nhường này được nhà thực vật học người Đức ở thế kỷ mười sáu là Leonhart Fuchs đặt cho cái tên Latin là digitalis, dịch ra là “thuộc về ngón tay”, và quả thực ở Yorkshire này chúng thi thoảng được gọi là “những ngón tay của phù thủy”. (Quả là một sự trùng hợp kỳ lạ khi từ “Fuchs” trong tiếng Đức có nghĩa là “cáo”.) Hoa găng cáo còn có rất nhiều cái tên khác - găng tiên, chuông tiên, chuông cáo, đuôi cáo - nhưng hầu hết chúng ta quen thuộc nhất với cái tên “găng cáo”. Có thể từ này bắt nguồn từ một từ trong tiếng Anh cổ: Foxes glófa.

“Trước giờ em chưa từng nghĩ đến chuyện cái tên ấy bắt nguồn từ đâu.” Nancy nói. Cô đứng đằng sau anh, vịn tay lên vai anh mà đọc.

Đó là một loài hoa chẳng chút kiêu kỳ. Suốt nhiều thế kỷ, nó được dùng như một phương thuốc dân gian để chữa vô số loại bệnh tật trước khi người ta phát hiện ra công dụng của nó trong việc điều trị các vấn đề về tim mạch. Có thể vài người trong các bạn vẫn còn nhớ hoặc đã từng là một thành viên của ủy ban Thảo mộc địa phương hồi chiến tranh, được giao nhiệm vụ hái hoa găng cáo để sản xuất thảo dược digitalis khi chúng ta không thể nhập khẩu từ nguồn quen thuộc.

“Anh biết được điều này từ mẹ em.” Nancy nói.

“Đúng vậy. Bà là chủ tịch ủy ban Thảo mộc của hạt mình mà.”

“Mẹ anh nghĩ mẹ em là phù thủy.” Nancy nói. “Nếu là ba trăm năm trước, có lẽ bà sẽ dìm mẹ em chết đuối.” Mảnh vườn của họ, mảnh vườn ở Ayswick, hầu như chỉ toàn hoa mao địa hoàng. Họ mượn ông nông dân một cặp liềm hái để tạo ra một bãi cỏ xù xì và để mặc phần còn lại cho thiên nhiên. Có trồng một khu vườn cũng chẳng để làm gì vì chắc chắn nó sẽ bị lép vế so với sự tráng lệ của khung cảnh xung quanh. Khi họ chuyển tới York, Teddy ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng chỉ một phần tư mẫu đất ở vùng ngoại ô cũng có thể chứa nhiều niềm vui đến vậy.

Nancy hôn lên đỉnh đầu anh và nói: “Em phải chấm bài đây.” Cô không còn dạy những cô bé trường điểm ham học nữa, cuối cùng thì cô cũng bị lương tâm lôi kéo tới nơi “thực sự cần” cô. Hằng ngày, cô lái xe tới thị trấn gần nhất, nơi cô là chủ nhiệm bộ môn Toán của một trường cấp hai hạng xoàng. Bây giờ Nancy đã dùng họ của chồng, bỏ lại cái tên “cô Shawcross” ở ngôi trường điểm kia. Ngôi trường mới, nơi có đầy những học sinh “thiệt thòi”, không quá e ngại những người phụ nữ đã có gia đình. Nancy nói, cho dù cô có là một con ngựa cụt đầu thì họ cũng chẳng bận tâm, miễn là cô có thể giải cứu bộ môn Toán của họ.

Còn Teddy đã dần trở thành biên tập viên không chính thức của tờ *Recorder* khi Bill Morrison từng bước “rút về phía sau”. Teddy thuê một người mới ra trường làm những công việc nhàm chán đòi hỏi phải chạy đi chạy lại nhiều,

nhưng anh vẫn đảm nhiệm viết phần lớn nội dung của tờ báo.

Như lời họ kể với bà Taylor Scott, vào các ngày cuối tuần, họ đi bộ qua ngọn đồi và thung lũng, quan sát thiên nhiên “trong tất cả những bộ y phục khác nhau của nó”, như cách nói của Agrestis, và lấy cảm hứng để viết bài cho chuyên mục *Tản mạn về thiên nhiên*. Họ có một con chó collie lông khoang trắng đen tên là Moss rất ngoan, hằng ngày Teddy vẫn đưa nó đi làm cùng mình. Vào buổi tối, họ chơi giải ô chữ hoặc đọc những bài báo trên tờ *Manchester Guardian* cho nhau nghe. Họ có radio, thích chơi bài kipbi và nghe nhạc từ cái đĩa hát vốn là quà cưới mà Ursula tặng họ.

“Thế còn bạn bè?” Người phụ nữ ở trung tâm giới thiệu con nuôi hỏi.

“Thực sự chúng tôi cũng không có nhiều thời gian dành cho bạn bè.” Nancy nói. “Chúng tôi còn có công việc và phải chăm lo cho nhau nữa.”

“Cứ như một bài kiểm tra miệng khủng khiếp ấy.” Nancy nói với Teddy khi họ ra về. “Khi em nói chúng ta thích nghe đĩa opera, em thể là bà ta đã nhăn mặt. Và khi em nói cả hai chúng ta đều xuất thân từ những gia đình khá đông anh chị em, có thể thấy rõ là bà ta băn khoăn liệu chúng ta có thói hoang dâm vô độ hoặc - tệ hơn - theo Công giáo hay không. Và em không biết bà ta nghĩ điều gì là tốt hơn: giao du rộng rãi hay chỉ có một, hai người bạn. Em nghĩ em còn chưa chắc chắn về mặt đó. Đáng lẽ chúng ta không nên nhắc đến Moss, bà ta không phải người yêu chó. Và việc

nhắc đến tờ *Guardian* cũng là một sai lầm, ắt hẳn bà ta là một độc giả của tờ *Mirror*.”

“Đi lễ nhà thờ thì sao?” Bà Taylor Scott đã hỏi, nhìn chăm chăm vào Teddy như thể đang cố ép anh khai ra một bí mật tội lỗi nào đó.

“Chủ nhật hằng tuần, Giáo hội Anh.” Nancy nói nhanh. Lại một cú siết tay nữa.

“Và mục sư của cô sẽ viết giấy chứng nhận chứ?”

“Đương nhiên.” (“Em không bịa ra điều đó.” Ừ thì không phải bịa, chỉ là một lời nói dối thẳng thừng thôi, Teddy nghĩ.)

“Chúng ta có thể trở thành thành viên của Hội Giám lý và dự lễ ở nhà nguyện của làng ta.” Nancy nói. “Em chắc chắn bà Taylor Scott sẽ hài lòng khi biết chúng ta theo hội của Wesley^[109], ông ấy rất mẫu mực. Ông ấy từng có câu nói nổi tiếng: “Cầu Chúa đừng bao giờ để con sống đến tận lúc trở nên vô dụng!”” Teddy đã trích dẫn những lời này ở đám tang của Ursula, và rồi hối hận vì điều đó bởi nó khiến chị gái anh nghe như một người nghiêm nghị khủng khiếp, đặc biệt là vào năm 1966, khi lý tưởng sống hữu ích đã trở nên lỗi thời. Ursula không theo tôn giáo nào, chiến tranh đã làm cô mất niềm tin ở tôn giáo, nhưng cô ngưỡng mộ việc các giáo phái cải cách đã rèn giũa tín đồ của họ có được sự trầm tĩnh và tinh thần nỗ lực.

Teddy đã đứng ra lo liệu cho đám tang của Ursula. Rồi suốt vài tháng sau đó, anh đã mong cô viết thư cho anh và nói với anh về nó. (“Teddy thân yêu của chị, chị hy vọng em vẫn khỏe.”)

“Ngoại ơi, ngoại vẫn ổn chứ ạ?” Bertie hỏi, ngồi vào cái ghế bên cạnh Teddy ở bàn ăn sáng của Mỹ Cảnh và ghé sang hôn lên má ông. “Chuyến đi dọc theo miền ký ức này đang làm ông khó chịu à?” Ông vỗ vỗ lên tay cô và nói: “Hoàn toàn không.”

Hôm nay họ sẽ đi khám phá vài phi trường nơi ông từng đóng quân trong sự nghiệp phục vụ Lực lượng Không quân Hoàng gia hồi chiến tranh. Giờ những nơi ấy đã trở thành khu công nghiệp hoặc trung tâm mua sắm bên ngoài thị trấn. Nhà cửa đã mọc lên san sát ở những nơi đó, còn có cả một nhà tù, nhưng chỗ ông đóng quân trong kỳ quân dịch đầu tiên thì vẫn là một nơi hoang phế, ảm đạm, giống như trong trí tưởng tượng của ông, với tàn tích ma quái của những dãy nhà ở, dấu vết của đường vành đai, cái khung phủ kín cỏ của một kho bom và cái xác nứt nẻ, xập xệ của đài kiểm soát không lưu có những khung cửa sổ hoen gỉ và lớp bê tông bong tróc. Bên trong đã bị cỏ dại xâm lấn - cỏ lửa, tầm ma và chút chút - nhưng vẫn còn một phần tấm bảng phân công nhiệm vụ, và trên tường vẫn treo một mảnh bản đồ Tây Âu bạc phếch toí tả, đã lỗi thời từ lâu.

“Tất cả những thứ này rồi cũng sẽ biến mất.” Teddy nói với Bertie khi họ quan sát tấm bản đồ. Bertie liền nói: “Đừng. Ông cháu mình sẽ phát khóc mất. Hãy tìm chỗ nào để uống trà ngoại nhé!”

Họ tìm thấy một quán rượu có tên là Thiên Nga Đen và vào đó để uống trà, ăn bánh nướng. Mãi đến lúc trả tiền, Teddy mới nhớ ra đây là nơi mà họ từng gọi là Vịt Lấm Bùn,

và là nơi diễn ra nhiều cuộc chè chén của họ trong kỳ quân dịch đầu tiên của ông.

*

“Anh có nghĩ là chúng ta vượt qua được “bài kiểm tra vấn đáp giáo lý” của bà Taylor Scott không?” Nancy cúi kính.

“Anh không biết. Bà ấy rất kín miệng.”

Nhưng một hôm, trước khi họ tìm được một đứa trẻ dù thuộc bất cứ màu da nào, Nancy xuống ăn sáng và nói: “Em nghĩ một thiên thần đã ghé thăm em.”

“Gì cơ?” Teddy nói. Anh đang nướng bánh mì trên cái bếp Aga, tâm trí để cả vào những bài viết của Agrestis, không để ý đến lời thông báo của cô. Ngày hôm qua, anh đã nhìn thấy hai con thỏ rừng “đắm bốc” ngoài cánh đồng và đang cố gắng nghĩ ra một từ để truyền tải được niềm thích thú của anh khi ấy.

“Một thiên thần ư?” Anh nói, dứt tâm trí ra khỏi *Lepus europaeus*^[110] (“những sứ giả Celtic của Eostre, nữ thần mùa xuân”).

Nancy mỉm cười sung sướng với anh. “Anh làm cháy bánh mì rồi kìa.” Cô nói. Rồi cô tiếp tục: “Em là một người phụ nữ có phúc. Em *nghĩ* em sắp có con. Chúng ta. Chúng ta sắp có con, anh yêu ạ. Một trái tim non nớt đang đập. Bên trong em. Quả là một điều kỳ diệu.” Nancy đã cự tuyệt đạo Thiên Chúa từ rất lâu, nhưng đôi khi Teddy vẫn thoáng

bắt gặp hình ảnh một nữ tu sĩ cao quý ngự trị ở bên trong cô.

*

Gần cuối cuộc vượt cạn khó nhọc, đầy đau đớn kéo dài tận hai ngày của Nancy, đã có lúc bác sĩ kéo Teddy qua một bên và cảnh báo rằng anh có thể phải lựa chọn giữa việc cứu Nancy và đứa bé. “Nancy.” Anh nói không chút do dự. “Hãy cứu vợ tôi.”

Teddy chưa chuẩn bị gì cả. Khi chiến tranh kết thúc, anh được cho là sẽ rời khỏi thung lũng bóng tối của cái chết để tới vùng đồi núi ngập tràn ánh nắng. Anh chưa sẵn sàng cho một cuộc chiến nào khác.

“Họ đã đề nghị anh lựa chọn.” Nancy nói khi đã mẹ tròn con vuông. (Anh tự hỏi ai đã kể với cô?) Cô đang nằm trên giường, khuôn mặt trắng bệch vì mất máu, đôi môi khô nẻ, mái tóc vẫn còn ướt đẫm mồ hôi. Anh nghĩ trông cô thật xinh đẹp, cô giống như một vị thánh tử vì đạo đã sống sót sau khi bị lửa thiêu. Đứa bé trong vòng tay cô dường như chưa từng trải qua cuộc thử thách vừa rồi. “Nếu là em thì em sẽ chọn con, anh biết điều đó, đúng không?” Nancy nói, dịu dàng hôn lên trán tạo vật non nớt vừa mới chào đời này. “Nếu phải lựa chọn giữa việc cứu anh hay cứu con, em sẽ chọn cứu con.”

“Anh biết.” Anh nói. “Anh thật ích kỷ. Em đang thực hiện sứ mệnh của một người mẹ.” (Rõ ràng anh đã không thực hiện sứ mệnh của một người cha). Trong những năm sau

này, Teddy tự hỏi liệu Viola có mơ hồ biết rằng, về mặt lý thuyết, bố cô đã sẵn sàng kết án tử cho cô mà không suy nghĩ lấy một giây? Trong lúc Nancy đang mang thai, khi được hỏi cô mong con trai hay con gái, Nancy luôn cười nói: “Chỉ cần con ra đời khỏe mạnh là em mừng lắm rồi.” Nhưng khi Viola ra đời và họ biết rằng cô bé sẽ là đứa con duy nhất của họ, Nancy đã nói: “Em mừng vì con là con gái. Nếu là con trai, khi lớn lên nó sẽ lấy vợ và rời đi. Nó thuộc về một người phụ nữ khác, nhưng con gái thì luôn thuộc về mẹ nó.”

*

Bác sĩ nói họ sẽ không có thêm đứa con nào nữa. Gia đình Nancy có năm người con, gia đình Teddy cũng vậy. Thật kỳ lạ khi họ chỉ có một đứa con duy nhất là “con nhộng béo” đang nằm trong “tổ kén” này. Được tạo nên từ đường và gia vị^[111]. (Hóa ra là nhiều gia vị hơn đường.) Họ đã bàn bạc về việc đặt tên cho con từ trước, nếu là con gái thì sẽ là Viola. Lúc ấy, nghĩ đến bốn người chị em gái của mình, Nancy tưởng tượng mình cũng sẽ có nhiều con gái và cô nghĩ thêm những cái tên Rosalind, Helena và có lẽ cả Portia hoặc Miranda. Những cô gái năng nổ, tháo vát. “Sẽ không có cái tên nào trong các vở bi kịch.” Cô nói. “Không Ophelia, không Juliet.” Và cô đã nghĩ mình sẽ có một đứa con trai cho Teddy, họ sẽ gọi nó là Hugh. Đứa con trai ấy sẽ không bao giờ ra đời.

Hồi ấy, dường như việc đặt tên cho con cái theo các nhân vật của Shakespeare là một lựa chọn hiển nhiên. Đó là năm

1953 và họ vẫn đang suy ngẫm về ý nghĩa của việc là một người Anh. Giúp đỡ họ là một nữ hoàng trẻ trung mới đăng quang, hiện thân của Nữ hoàng Gloriana^[112]. Họ nghe ca sĩ Kathleen Ferrier hát những bài dân ca Anh trên cái máy hát quý giá của họ. Họ đã đi nghe cô ấy hát với dàn nhạc giao hưởng Halle ở lễ khai trương tại Phòng hòa nhạc Free Trade ở Manchester. Nó đã bị oanh tạc vào năm 1940 và Nancy nói rằng năm 1940 dường như đã quá xa xôi. “Chúng ta đúng là những kẻ yêu nước ngớ ngẩn.” Cô nói, lau đi một giọt nước mắt khi khán giả giậm chân và vỗ tay tán thưởng nhà soạn nhạc Elgar và bài hát *Mảnh đất hy vọng và vinh quang*. Một năm sau, khi Kathleen Ferrier chết lúc còn quá trẻ, Bill Morrison nói “Một phụ nữ miền Bắc vĩ đại”, cho dù cô xuất thân từ phía bên kia của dãy núi Pennine, và đăng cáo phó về cô trên tờ *Recorder*.

Nancy yêu Viola ngay từ cái nhìn đầu tiên. Cô nói đó là một *tình yêu sét đánh*, sâu sắc và mãnh liệt hơn bất cứ loại tình yêu lãng mạn nào. Người mẹ là cả thế giới của con gái và con gái cũng là cả thế giới của người mẹ, một thế giới toàn vẹn và không thể bị chiếm lĩnh. Teddy biết anh không bao giờ có thể bị ai đó choán hết tâm trí mình như vậy. Anh yêu vợ và con gái. Đó có lẽ là sự yêu thương bất di bất dịch hơn là một nỗi ám ảnh vĩ đại, tuy nhiên anh không nghi ngờ chút nào rằng nếu phải hy sinh tính mạng của mình vì họ, anh sẽ vứt bỏ nó ngay không chút do dự. Và anh cũng biết rằng anh sẽ không còn khao khát thứ gì khác ở thế giới rộng lớn ngoài kia, không còn khao khát những mảnh màu sắc nóng bỏng, sự ác liệt của chiến tranh hay sự lãng mạn.

Tất cả những điều đó đều đã ở lại đằng sau. Bây giờ, anh có một bốn phận khác, không phải với chính anh, không phải với đất nước của anh, mà là với gia đình nhỏ này.

Với Nancy, liệu đó có phải chỉ đơn giản là tình yêu? Hay còn là thứ gì mãnh liệt hơn? Có lẽ là vì mẹ con họ đã từng cùng nhau trải qua giây phút đứng giữa ranh giới sinh tử. Đương nhiên, anh cũng từng được nếm trải tình mẫu tử thiêng liêng ấy với Sylvie. Anh biết rằng bà đã yêu anh vô bờ hồi anh còn nhỏ (có lẽ là cả cuộc đời anh), nhưng bà chẳng bao giờ dồn hết niềm hạnh phúc của mình vào anh. (Bà có làm thế không?) Đương nhiên, anh chưa bao giờ hiểu mẹ mình, anh ngờ rằng chẳng có ai hiểu bà cả, cha anh chắc chắn lại càng không.

*

Nancy, tuy là người vô thần, quyết định rằng Viola nên được rửa tội.

“Mẹ tin rằng như thế gọi là đạo đức giả đấy.” Sylvie nói với Teddy khi đang ở ngoài tầm nghe của Nancy (bà chủ yếu nói chuyện với Teddy ở ngoài tầm nghe của cô).

“Chà, mẹ cũng vậy mà.” Teddy nói. “Mẹ vẫn đến nhà thờ nhưng con biết mẹ không tin.”

“Anh quả là ông chồng tốt.” Sau đó, Nancy nói. “Lúc nào cũng đứng về phía vợ thay vì đứng về phía mẹ.”

“Anh chỉ đứng về phía lẽ phải thôi.” Teddy nói. “Chẳng qua em luôn tình cờ đứng ở phía đó, còn mẹ anh thì hiếm khi.”

“Con sẽ không liều lĩnh.” Nancy nói với Sylvie ở buổi lễ rửa tội. “Con đang đặt cược nước đôi, theo kiểu của Pascal^[113].” Sylvie càng bức bối hơn khi Nancy nhắc đến nhà toán học kiêm triết gia người Pháp ấy. Giá mà Teddy cưới người nào ít học thức hơn, bà nghĩ.

Họ đã về “nhà” để làm lễ rửa tội cho Viola. “Tại sao chúng ta vẫn gọi đó là nhà khi đã có một ngôi nhà riêng hoàn toàn tuyệt vời của chính mình?” Nancy trầm ngâm. “Anh không biết.” Teddy nói, mặc dù anh biết rằng trong tim anh, Góc Cáo sẽ luôn là nhà.

*

Các bà mẹ đỡ đầu - dì Bea và bác Ursula - hứa sẽ cự tuyệt quỹ sứ và tất cả những sự nổi loạn chống đối Chúa, sau đó họ ăn mừng ở Quạ Gáy Xám với rượu sherry ngọt và một cái bánh Dundee^[114]. Khỏi cần phải nói, Sylvie rất tức giận vì họ đã không mở tiệc ở Góc Cáo ngay bên cạnh.

Teddy tặng cho Nancy cái nhẫn đính duy nhất một viên kim cương nhỏ để kỷ niệm chuyến hành trình thuận buồm xuôi gió của Viola đến với thế giới này. “Đây là chiếc nhẫn đính hôn mà anh chưa từng tặng em.” Anh nói.

*

Viola lớn lên, giống như một con nhộng núc ních chưa hóa thành bướm bướm. Nancy đi làm trở lại khi Viola bắt đầu đi học tiểu học ở trường làng. Cô dạy học bán thời gian

ở một trường nội trú tư đất đỏ của Giáo hội Anh ở gần đó, đây là ngôi trường dành cho các nữ sinh không đủ điều kiện để vào trường điểm trong kỳ thi tốt nghiệp tiểu học, nhưng cũng không thể học ở những ngôi trường cấp hai hạng xoàng vì cha mẹ chúng coi đó là một sự nhục nhã đáng hổ thẹn.

Người nông dân đã ngỏ ý bán Ayswick cho họ. Rồi họ đăng ký một khoản vay có thể chấp để mua ngôi nhà trại cũ ấy. Cuộc sống có vẻ cứ tiếp diễn như thế mãi, Teddy không có tham vọng gì và Nancy dường như cũng bằng lòng với hiện tại, cho đến một ngày mùa hè năm 1960, khi Viola tám tuổi, Nancy quyết định rằng cô muốn họ thay đổi.

Cô nói cuộc sống ở nông thôn rất tốt nhưng chẳng mấy chốc Viola sẽ cần nhiều thứ hơn nữa: một ngôi trường trung học tốt không nằm cách nhà tận một giờ đi xe buýt, bạn bè, các hoạt động giao du, đó là những thứ khó có thể tìm thấy “ở nơi đồng không mông quạnh” này. Hơn nữa, ngôi nhà trại quá lớn, gây khó khăn cho việc dọn dẹp hằng ngày, lại còn tốn bộn tiền cho hệ thống sưởi, chưa kể hệ thống ống nước có từ thời Tiền Trung cổ. Cùng nhiều lý do tương tự.

“Anh không nghĩ ở thời Tiền Trung cổ đã có hệ thống ống nước.” Teddy nói. “Anh tưởng em yêu ngôi nhà này bởi vì nó đặc sắc.”

“Nó đặc sắc quá thành ra phiền phức.”

“Cú đánh úp” này là một điều hoàn toàn bất ngờ. Lúc ấy họ đang ngồi trên giường, đọc những cuốn sách mượn ở thư viện, một cái kết yên bình cho một ngày khá nhàm chán, ít nhất là với Teddy, sau khi anh phải theo dõi một triển lãm

nông sản ở địa phương để viết bài cho tờ *Recorder*. Ở đó có quá nhiều chú cừu được chải chuốt và quá nhiều loại rau củ được trưng bày một cách cầu kỳ khiến người ta chẳng còn thấy hứng thú. Khá thất vọng, anh buộc lòng phải đánh giá những cái bánh xốp Victoria trong quầy của Hội Phụ nữ (anh cảm thấy mình khá giống một vị giám khảo mới toanh trong một cuộc thi nhan sắc). “Nhẹ tựa lông vũ.” Anh tuyên bố chiếc bánh đoạt giải bằng một câu nói sáo rỗng.

Bấy giờ các trường học đều đã nghỉ hè và Nancy muốn đi khám mắt. Thời tiết lại rất đẹp nên Teddy nói anh sẽ đưa Viola đến triển lãm nông sản cùng mình. Viola đương nhiên chẳng thích thú gì các gia súc ở nông trại. Cô bé tỏ ra căng thẳng khi tới gần lũ bò và lợn, thậm chí lo lắng trước lũ cừu và kêu ré lên nếu một con ngỗng đến gần (trước đây cô bé từng bị chúng đuổi và mổ). “Còn có những thứ khác mà.” Teddy lặc quan nói, và đúng là có một triển lãm hoa mà Viola nói là rất “thú vị”, mặc dù - bất chấp những lời cảnh báo của Teddy - cô bé cứ thò mũi vào hết lọ đậu hoa này đến lọ đậu hoa khác nên đã bị lên cơn dị ứng phấn hoa. Tuy những cuộc thi chó chăn cừu khá “tẻ nhạt” (Teddy phải đồng ý với điều này) nhưng trò ném dĩa của Hội Nông dân trẻ lại thành công. Cô bé chi rất nhiều tiền cho trò chơi này chỉ để đổi lấy một phần thưởng ít ỏi, bởi cô bé thường ném bừa chứ chẳng biết nhắm đích. Cuối cùng, Teddy phải nhúng tay vào, ném vài quả bóng và thắng được một con cá vàng, do đó cô bé không phải ra về tay không. Ngoài ra còn có một màn trình diễn của những chú ngựa lùn. Tuy cô bé tỏ rõ là mình ghét ngựa nhưng vẫn rất thích xem trò biểu

diễn này. Cô bé vỗ tay nhiệt liệt mỗi khi có bất cứ ai cười ngửa nháy qua được những chướng ngại vật nhỏ.

Trong quây của Hội Phụ nữ, Viola được cưng chiều hết mực - tất cả mọi người trong Hội Phụ nữ đều biết rõ Teddy và cho Viola ăn rất nhiều bánh. Teddy cũng được họ đãi bao nhiêu là bánh ngọt. Viola cũng giống như Bobby, con chó Labrador màu vàng của họ - cô bé sẽ ăn liên tục cho đến khi có người bảo cô bé dừng lại. Cũng giống như Bobby, cô bé hơi mập mạp. "Cún con mũm mĩm." Nancy nói. Có lẽ câu đó là nói về Viola chứ không phải Bobby, vì Bobby đã qua thời "cún con" từ lâu rồi. Moss, chú chó collie ưu tú của họ, đã chết sau khi Viola chào đời không lâu. Thế rồi chú chó Bobby trầm tĩnh đã được lựa chọn để làm người bạn trung thành và tận tụy của Viola suốt tuổi ấu thơ.

Đến xế chiều, Viola bắt đầu trở tính trở nết vì nóng nực và mệt mỏi. Điều đó cùng với lượng bánh ngọt và nước cam ép dồi dào mà cô bé đã ních đầy bụng tạo thành một sự kết hợp tai hại. Thế là trên đường về nhà, Teddy phải dừng xe lại hai lần để cho Viola xuống nôn trên vệ cỏ. "Con gái tội nghiệp!" Anh nói, cố gắng vỗ về cô bé, nhưng cô bé giãy ra khỏi vòng tay anh. Teddy từng hy vọng mối quan hệ của mình với con gái sẽ giống như mối quan hệ của Thiếu tá Shawcross với các con gái của ông, hoặc có lẽ chừng mực hơn một chút, giống như mối quan hệ của Pamela và Ursula với Hugh, nhưng trong tim Viola không có chỗ dành cho anh, Nancy đã chiếm trọn nó. Sau khi họ mất Nancy, Nancy càng chiếm nhiều diện tích hơn trong trái tim Viola. Con gái anh luôn chất chứa đầy oán giận với cái thế giới đã cướp

mất mẹ cô, để lại cho cô người cha dù có cố gắng bao nhiêu cũng chẳng thể nào thay thế được người mẹ ấy.

Viola ngủ suốt chặng đường còn lại, để mặc Teddy lo lắng cho con cá vàng (đã được Viola đặt tên là Vàng Vàng) đang bị nhốt trong cái nhà tù bằng túi ni lông nóng bức, ngột ngạt.

*

“Con muốn một con ngựa lùn.” Viola tuyên bố với Nancy khi hai bố con họ về đến nhà. Rồi khi Teddy lý luận rằng “Nhưng con đâu có thích ngựa”, Viola liền òa khóc và gào lên với anh rằng ngựa lùn không phải là ngựa. Anh không tranh cãi với con về điều đó. “Nó mệt quá ấy mà.” Nancy nói khi Viola thả phịch người xuống xô pha trong cơn nức nở giả tạo. “Sự khắc kỷ nổi tiếng của nhà Todd đâu mất rồi?” Nancy lẩm bẩm. “Nhạy cảm” là từ mà cô sẽ dùng để miêu tả đứa con gái mỏng manh của mình. “Được nuông chiều thái quá thì có.” Sylvie sẽ nói như vậy. Teddy kịp thời cứu con cá vàng thoát khỏi tai họa bị đè nát dưới thân hình mũm mĩm như cún con của Viola. “Được rồi, con gái yêu.” Nancy nói với Viola. “Nào, để mẹ lấy cho con một mẫu sô cô la nhỏ nhé, nó sẽ giúp con vui lên, đúng không nào?” Đúng là như vậy và cô bé nín ngay lập tức.

Teddy mang con cá vàng vào bếp và thả nó ra khỏi túi, nhìn nó trườn vào cái chậu rửa đựng nước máy. “Không phải là một cuộc sống tốt đẹp lắm, đúng không, Vàng Vàng?” Anh nói với nó. Teddy là một trong những thành viên đầu

tiên của Câu lạc bộ Cá vàng^[115], mặc dù anh hiếm khi nghĩ về điều này. Anh có một cái huy hiệu nhỏ bằng vải hình con cá có cánh đang để ở đâu đó, kết quả của một lần hạ cánh khẩn cấp xuống biển Bắc. Chuyện đó xảy ra trong kỳ quân dịch đầu tiên của anh. Thi thoảng anh vẫn tự hỏi vào lúc đó liệu anh có thể làm tốt hơn không, anh có nên bay nốt vài dặm cuối cùng vào đất liền thay vì lao thẳng chiếc Halifax xuống biển? Đó là một sự việc khủng khiếp. *Thôi, chúc anh may mắn.*

Anh thầm ghi nhớ rằng ngày mai anh sẽ đến một cửa hàng thú cảnh và mua một cái bể cá cho Vàng Vàng, để con cá có thể bơi lội suốt phần đời còn lại trong cái không gian tù túng đơn độc ấy. Anh cho rằng mình có thể mua cho nó một người bạn, nhưng điều đó chỉ nhân đôi nỗi khổ lên mà thôi.

*

Tối đó, nằm trên giường, Teddy cảm thấy mình đang phải trả giá cho cái bánh của Hội Phụ nữ - nó như bị kẹt lại ở đâu đó dưới những rễ xương sườn của anh, khiến anh cảm thấy ầm ạch khó chịu.

“Khổ thân anh.” Nancy nói. “Để em lấy cho anh ít thuốc nhuận tràng nhé?” Anh nhận ra cô đang dùng giọng điệu mà cô thường dùng để xoa dịu Viola mỗi khi cô bé bị đau hay phật ý vì điều gì (*một mẫu sô cô la nhỏ*). Anh gạt đi lời đề nghị ấy và quay lại đọc sách. Anh đang đọc cuốn *Sinh ra trong tự do*, còn Nancy đang đọc *Chiếc chuông* của Iris

Murdoch. Anh tự hỏi liệu những cuốn sách họ đọc có nói lên được điều gì về bản thân họ không.

Tuy nhiên, anh không thể tập trung và gập cuốn sách lại mạnh hơn anh định. “Vậy là em muốn chúng ta chuyển nhà?” Anh hỏi.

“Vâng, em nghĩ là em muốn như vậy.”

Khi Viola ra đời, Teddy và Nancy đã hào hứng bàn bạc về kế hoạch dành cho cô bé một tuổi thơ lành mạnh ở nơi thôn dã - họ mừng tượng ra hình ảnh cô bé trèo cây, nhảy qua những con mương và đi lang thang khắp vùng đồng quê chỉ với một con chó bầu bạn. (“Lơ là một chút cũng chẳng hại gì.” Nancy nói. “Chính điều đó đã giúp ích cho chúng ta hồi chúng ta còn nhỏ.”) Tuy nhiên, theo thời gian, họ phát hiện ra Viola không phải là đứa trẻ phù hợp với cuộc sống ở nông thôn. Cô bé hài lòng với việc ru rú trong nhà cả ngày, đọc một cuốn sách hay nghe cái máy quay đĩa nhỏ hiệu Dansette mà họ mua cho cô bé (nhạc của Cliff Richard, anh em nhà Everly) với Bobby nằm lười trên thảm dưới chân cô bé. Cả con chó và đứa trẻ từ lâu đã đi đến một thỏa thuận là sẽ không giậm chân và nhảy nhót. Có lẽ Nancy nói đúng. Viola sẽ hợp với cuộc sống ở vùng ngoại ô hơn.

Dù sao đi nữa, có lẽ một sự thay đổi sẽ có lợi cho tất cả bọn họ, Nancy nói vậy. Teddy cảm thấy không cần phải thay đổi, anh khá hài lòng với cuộc sống ở nơi “đồng không mông quạnh” và đã nghĩ rằng Nancy cũng thế. “Có lợi cho chúng ta ư?” Anh nói. “Có lợi như thế nào?”

“Thú vị hơn. Nhiều việc để làm hơn. Ở đó sẽ có các tiệm cà phê, rạp hát, rạp chiếu bóng, cửa hàng cửa hiệu. Và

nhiều *người* hơn. Chúng ta không thể hài lòng với việc lũng sục những bông anh thảo đầu tiên của mùa xuân hay nghe tiếng chim chiền chiện hót.” (Cô không thỏa mãn ư? *Người vợ bất mãn*, giống như một vở hài kịch thời kỳ khôi phục chế độ quân chủ, Teddy nghĩ. Một người khá tội nghiệp. Anh bất giác nghĩ về mẹ mình.) “Em từng hài lòng với việc “lũng sục những bông anh thảo”, theo cách nói của em.” Anh nói. Anh khá thích cụm từ ấy, nó giàu chất thơ hơn thói quen ăn nói thông thường của Nancy, và anh lưu nó lại để dành cho Agrestis sử dụng. Thời gian qua đi, bản ngã thứ hai của anh đã hình thành nên hình dáng và tính cách trong tâm trí anh - một anh chàng nhà quê khỏe khoắn, đầu đội mũ lưỡi trai, tay cầm tẩu thuốc, một người đàn ông thực tế nhưng lại tận tụy phục dịch sự đồng bóng của Bà mẹ Thiên nhiên. Thi thoảng Teddy cảm thấy mình thật kém cỏi khi so với cái bản ngã thứ hai tràn trề sinh lực này.

Đã có thời việc phát hiện ra một tổ chim hay thậm chí là bông anh thảo đầu tiên sẽ làm cho người vợ bất mãn của anh phấn khởi. “Nhưng chẳng ai trong chúng ta là không thay đổi cả.” Cô nói.

“Có anh đây.” Teddy nói.

“Không, anh cũng đã thay đổi.”

“Chúng ta đang tranh cãi đấy à?”

“Không!” Nancy cười nói. “Nhưng bây giờ chúng ta đã đầu bốn cả rồi, ì à ì ạch...”

“Ì ạch?”

“Em không có ý xúc phạm. Em chỉ muốn nói rằng có lẽ chúng ta cần thay đổi một chút. Anh không muốn cuộc đời trôi qua trong khi anh vẫn giậm chân tại chỗ, đúng không?”

“Anh nghĩ chuyện này là vì Viola chứ không phải vì chúng ta?”

“Em không đề nghị chúng ta di cư sang nửa bên kia của thế giới.” Nancy nói. “Chỉ đến York thôi mà.”

“York ư?”

Nancy trèo xuống giường và nói: “Gì thì gì em cũng phải đi lấy cho anh thuốc nhuận tràng đã. Rõ ràng chỗ bánh trong bụng đã khiến anh trở nên cộc cằn. Đây chính là một bài học dành cho anh vì cái tội quá quyến rũ trong mắt các bà các cô ở Hội Phụ nữ đó.” Khi cô đi qua phía giường anh đang nằm, cô trều mền xoa tóc anh như thể anh là một cậu bé và nói: “Em chỉ nói là chúng ta nên *nghĩ* về chuyện đó chứ không phải là chúng ta nhất thiết phải *làm* thế.”

Anh vuốt tóc mình xệp xuống và nhìn chằm chằm lên trần nhà. *Ì ạch*, anh nghĩ. Nancy từ phòng tắm trở lại, lắc lắc thứ chứa trong lọ thủy tinh màu xanh dương. Trong một thoáng giây, anh sợ rằng cô sẽ bón từng thìa thuốc nhuận tràng cho anh, nhưng thay vì thế cô chỉ đưa nó cho anh và nói: “Anh uống đi, nó sẽ có tác dụng đấy.” Cô trèo lại lên giường và tiếp tục đọc cuốn sách của mình, như thể cuộc tranh cãi về việc thay đổi cuộc sống của họ đã ngã ngũ và được giải quyết ổn thỏa.

Anh tộp một hơi hết chỗ thuốc màu trắng như phấn ấy và tắt cái đèn bên phía giường của anh. Như thường lệ, giấc

ngủ lại lảng tránh anh và những ý nghĩ của anh hướng sang Agrestis, người đang viết một bài báo về chuột đồng nước.

Mặc dù thuộc Bộ Gặm nhấm nhưng anh bạn nhỏ dễ thương này (Arvicola terrestris) thường bị gọi nhầm là chuột nước. Nhân vật Ratty được đông đảo bạn đọc yêu mến trong truyện Gió qua rừng liễu của Kenneth Grahame thực chất là một con chuột đồng nước. Chúng là một sinh vật có tuổi thọ ngắn ngủi trong thế giới hoang dã, sự tồn tại của chúng trên Trái đất chỉ kéo dài vỏn vẹn vài tháng, mặc dù khi bị nhốt, chúng sẽ sống được lâu hơn nhiều. Có khoảng tám triệu con chuột đồng nước - giống như nhân vật Ratty của Grahame - sống ở những cái hang bên bờ sông cũng như các con mương, dòng suối và những vùng nước khác...

Không lâu trước khi Teddy rời khỏi Fanning Court để tới Nhà dưỡng lão Đồi Dương, khi ông đã ngoài chín mươi tuổi (việc “sống trong cảnh giam cầm” rõ ràng đã kéo dài cuộc đời ông), ông đọc được một bài báo trên tờ *Telegraph* (lúc đó ông phải nhờ đến sự trợ giúp của một chiếc kính lúp để đọc được bài báo ấy). Bài báo tuyên bố rằng ở Anh chỉ còn khoảng hai trăm năm mươi nghìn con chuột đồng nước. Ông cảm thấy tức giận thay cho chúng và đề cập đến chủ đề này một cách khá sôi nổi ở buổi đàm đạo hằng tuần trước sự hoang mang của các cư dân khác. “Lũ chồn vizon được nuôi trong các trang trại...” Ông giải thích. “... Đã trốn thoát ra ngoài thiên nhiên hoang dã và đàn áp lũ chuột đồng nước. Ăn thịt chúng.”

Một, hai bà lão có mặt trong sảnh sinh hoạt chung từng giữ khư khư những chiếc áo khoác lông chồn vizon, rồi bỏ xó chúng trong những cái tủ quần áo mỏng manh bằng gỗ dán phủ melamine ở Fanning Court, và họ không có ý định thương cảm lũ chuột đồng nước vô tội. “Và, đương nhiên.” Teddy tiếp tục. “Chúng ta đã phá hoại môi trường sống của chúng, đó là điều mà con người làm rất giỏi.” Vân vân. Nếu họ chú ý - nhưng chẳng mấy ai chú ý - sau khi nghe hết “bài giảng” này, các cư dân của Fanning Court sẽ chẳng có gì là không biết về lũ chuột đồng nước (hay thậm chí là cả chủ đề về sự nóng lên toàn cầu đầy nan giải).

Cuộc vận động của Teddy về việc bảo vệ loài động vật có vú nhỏ bé đang bị thiên hạ bỏ mặc không được những người uống Nescafe và ăn bánh bourbon sô cô la hưởng ứng nhiệt tình. (Họ cũng có thái độ như vậy đối với những ý kiến của ông về loài nhím gai và thỏ nâu bé nhỏ, “và lần cuối các ông bà nghe thấy tiếng hót của một con chim cúc cu là khi nào?”) “Đúng là kẻ ôm cây^[116].” Một trong những cư dân nam - một luật sư về hưu - lẩm bẩm.

“Thực sự thì... bố à!” Viola nói. “Bố không thể *hô hào* người ta.” Hình như Kiểm soát viên mập ú, Ann Schofield, đã nhờ Viola “nói đôi lời” với Teddy về thái độ “hằn học” của ông. “Nhưng chúng ta đã mất gần chín mươi phần trăm số lượng chuột đồng nước chỉ trong vòng ba mươi năm.” Ông phản đối Viola. “Điều đó khiến bất cứ ai cũng phải cảm thấy hằn học. Mặc dù bố cho rằng sự hằn học ấy cũng chẳng thấm vào đâu so với cảm giác tức giận của bọn chuột đồng nước.” (“Khi mất đi thứ gì ta mới nhận ra giá trị của

nó.” Bertie nói. “Theo lời bài hát.” Teddy không biết đó là bài hát nào nhưng ông hiểu ý kiến ấy.) “Bố đừng lảm cẩm thế.” Viola nói. “Và con nghĩ bố đã khá già rồi, không còn thích hợp để theo đuổi *đại nghĩa* nữa đâu.” Trong mắt con gái ông, các loài động vật hoang dã phải gánh chịu rủi ro theo thuyết chọn lọc tiến hóa khắc nghiệt của Darwin. “Toàn bộ nỗi ám ảnh với hệ sinh thái này chẳng đem lại lợi ích gì cho bố cả.” Viola nói. “Bố đã già quá rồi, bố không nên tỏ ra kích động như vậy.”

Hệ sinh thái ư? Teddy nghĩ. “Thiên nhiên.” Ông nói. “Ngày trước thế hệ của bố gọi nó là Thiên nhiên.”

Trong chuyến “viếng thăm chớp nhoáng” tới Fanning Court này, Viola đã vận động Teddy chuyển tới một nhà dưỡng lão - bà mang theo một nắm tờ rơi quảng cáo. Vài ngày trước, ông đã bị ngã, may là không nặng lắm, hai chân ông đã bị chùn và ông ngã phịch xuống như một chiếc đàn concertina bị sập. “Cái mông quái quỷ của tôi bị dính chặt vào sàn rồi.” Ông càu nhàu với Ann Schofield khi bà ta tới (phải, ông đã ở gần một trong những cái dây màu đỏ và phải, ông đã kéo nó). “Làm ơn để ý lời ăn tiếng nói!” Bà ta khiển trách như thể ông là một đứa trẻ tội lỗi, trong khi mới hôm qua thôi, lúc bà ta nghĩ bà ta đang ở một mình trong phòng giặt là, ông đã nghe thấy bà ta mắng chửi cái cửa trượt của một cái máy giặt: “Sao mày không chịu mở ra hả, cục phân khốn kiếp này?” Lời chửi rủa ấy nghe càng đánh đả hơn bởi chất giọng Birmingham của bà ta.

Với sự trợ giúp ít ỏi từ Kiểm soát viên mập ú (“Theo quy tắc về sức khỏe và an toàn, tôi phải gọi nhân viên y tế.”),

ông đã xoay xở quỳ gối dậy rồi bò lên ngai trên xô pha. Ngoài vài vết thâm tím thì ông hoàn toàn không có vấn đề gì, nhưng đây là “bằng chứng không thể chối cãi” mà Viola vin vào để cho rằng ông không thể “sống độc lập”. Bà đã nhéo nhéo thuyết phục ông rời khỏi căn nhà của ông để tới Fanning Court. Bây giờ bà lại cố dụ ông rời khỏi đây để đến một nơi được gọi là Đồi Dương. Ông cho rằng Viola sẽ không thỏa mãn cho đến khi nào bà tổng được bố mình vào trong quan tài.

Bà xòe các tờ rơi của nhà dưỡng lão ra, tờ rơi của Đồi Dương được cố ý đặt ngay trên cùng, và nói: “Ít nhất bố hãy nhìn một cái đi nào.” Ông liếc qua chúng - trên đó có hình mấy người tóc bạc đang tươi cười vui vẻ và, như ông chỉ ra cho bà thấy, không có dấu hiệu nào của cú tẩu thoát và chúng lú lẫn.

“Dạo này bố nói năng khiếp quá.” Viola nghiêm nghị nói. “Chuyện gì đang xảy ra với bố vậy?”

“Bố sắp chết rồi.” Ông nói. “Điều đó khiến bố quá khích.”

“Bố đừng lắm cảm thế!” Ông nhận thấy bà ăn mặc rất lịch sự. “Con đang đến một nơi này.”

“Nơi này là nơi nào?” Viola luôn ghét phải giải thích, đó là một phần tính cách khép kín của bà. Hồi bà còn niên thiếu, ông từng có lần chạm mặt bà trên đường. Lúc ấy bà đang đi với bạn học và đã phớt lờ ông khi đi ngang qua ông. Một cậu con trai tên Hugh sẽ chẳng bao giờ làm một việc như thế.

“Nơi này là nơi nào?” Ông lặp lại, cố giục bà nói cụ thể hơn.

“Người ta đang làm một bộ phim dựa trên một cuốn tiểu thuyết của con. Con có một cuộc họp với mấy ông sếp của họ.” Cung cách cố tỏ ra thân nhiên của bà khi nói mấy từ “bộ phim” và “mấy ông sếp” khiến người ta có cảm giác bà dừng dừng với chuyện đó, trong khi bà rõ ràng không dừng dừng chút nào. Từng có một bộ phim dựa trên cuốn tiểu thuyết thứ hai của bà, *Những đứa con của Adam*. Nó là một dạng phim chất lượng thấp - của Anh, Viola đã tặng ông một đĩa DVD. Cuốn sách cũng chẳng xuất sắc gì. Nhưng ông không nói với bà điều đó. Ông nói ông thấy nó “rất hay”.

“Chỉ rất hay thôi sao ạ?” Bà cau mày.

Chúa ơi, ông nghĩ, như thế còn chưa đủ sao? Nếu ông có bao giờ hoàn thiện được cuốn tiểu thuyết của mình, ông sẽ mừng hóm nếu nó được khen là “rất hay”. Nó đã được đặt tên là gì nhỉ? Thứ gì đó liên quan đến việc ngủ và thở khẽ, đó là một câu thơ của Keats, ông chỉ nhớ được chừng đó, nhưng là bài thơ nào? Ông cảm thấy những đám mây đang tụ lại trong trí não ông. Có lẽ Viola nói đúng, có lẽ đã đến lúc từ bỏ, bước vào phòng chờ của cửa Chúa.

Cuốn tiểu thuyết đầu tay của Viola, *Chim sẻ ban mai* (quả là một nhan đề khủng khiếp!), nói về một cô gái trẻ “thông minh” (hoặc ngạo mạn đến đáng bực mình) được một tay người cha nuôi dạy. Rõ ràng nó có tính tự truyện, một loại thông điệp mà Viola gửi đến ông. Cô gái luôn bị đối xử tàn tệ và cha cô là người có tính kỷ luật chặt chẽ đến

xuân ngọc. Đó không phải thứ mà Sylvie sẽ gọi là Nghệ thuật.

“Cuốn nào?” Ông hỏi, tập trung suy nghĩ, xua đi những đám mây. “Họ đang chuyển thể cuốn tiểu thuyết nào của con thành phim?”

“*Chiều tàn.*” Rồi bà nóng nảy nói thêm khi thấy ánh mắt ngây ngẩn của ông. “Đó là cuốn tiểu thuyết nói về một người mẹ phải từ bỏ đứa con của mình.” (“Đó là mơ tưởng của mẹ cháu đấy.” Bertie nói.) Bà nhìn vào chiếc đồng hồ bằng vàng nặng nề trên cổ tay mình một cách khoa trương. (“Hãng Rolex. Quả là một món đầu tư lớn.”) Ông không chắc bà làm thế là để nhắc ông nhớ đến cuộc sống bận rộn của bà, hay nhắc ông nhớ đến thành công của bà. Ông nghĩ là cả hai. Dạo gần đây bà đã thon thả hơn, bà ăn kiêng và thay đổi kiểu tóc, tóc bà có đến mười sắc vàng khác nhau mà Teddy chưa bao giờ nhìn thấy. Không còn mái tóc màu nâu đỏ, không còn những bộ trang phục luộm thuộm. Những chiếc váy bằng nhung và những bộ trang phục đính kim sa lấp lánh mà bà vẫn diện khi sang tuổi trung niên nay đã biến mất. Bây giờ, mỗi khi ông nhìn thấy bà, bà đều mặc những bộ vét được may đo và những trang phục mang màu sắc trung tính. “*Những đứa con của Adam* đã làm thay đổi cuộc đời tôi.” Ông đọc được điều này trong tờ *Woman’s Weekly* để ở sảnh sinh hoạt chung khi đang vờ lật giở các trang báo, tìm kiếm các công thức nấu ăn mà trên bìa hứa hẹn là dành cho “*Những bữa tối rẻ tiền và dễ làm*”. “Tác giả từng đoạt giải thưởng - Viola Romaine - nói về cuốn tiểu thuyết bán chạy trước đây của bà. “Không bao giờ là

quá muộn để theo đuổi giấc mơ của bạn.” Bà nói với chúng ta trong cuộc phỏng vấn độc quyền này.” Vân vân.

“Con phải đi đây.” Bà nói, đột ngột đứng dậy, dùng đưa cái quai túi xách bằng dây xích mạ vàng nặng nề. “Bố phải bắt đầu cân nhắc đến một viện dưỡng lão, bố à. “Nhà dưỡng lão” mới đúng - ngày nay chúng được gọi như vậy. Tiền không thành vấn đề. Đương nhiên con sẽ đỡ bố. Nơi này...” Bà gõ gõ móng tay sơn màu hồng vào tờ rơi giới thiệu về Đồi Dương. “... Được cho là rất tuyệt vời. Bố hãy suy nghĩ về chuyện này nhé! Bố hãy nghĩ xem bố muốn đến nơi nào.”

Góc Cáo, ông nghĩ. Đó là nơi bố muốn đến.

*

Teddy không chống lại ước muốn chuyển nhà đột ngột của Nancy, và khi đọc được tin tuyển dụng thích hợp trên tờ *Yorkshire Evening Press*, anh đã nộp đơn, và họ chuyển tới York vài tuần sau đó. (Nhanh như chớp vậy.) Nancy dễ dàng xin được chân giáo viên Toán bán thời gian ở trường Mount, một trường Quaker, và trở lại với công việc đầy nhẹ nhàng là dạy bảo những cô bé thông minh, ngoan ngoãn. Viola cũng đi học ở ngôi trường cấp hai này. Nancy nói cô thích Hiệp hội Giáo hữu, đó là hội gần gũi với Thiên Chúa giáo nhất mà những người theo thuyết bất khả tri có thể tham gia được.

Teddy biết York từ hồi chiến tranh. Hồi đó, nó là một mê cung bí ẩn bao gồm những đường phố âm u, chật hẹp. Đó là nơi để đi uống rượu và nhảy nhót, chè chén ở quán rượu

Betty's hoặc dìu dắt các cô gái lướt đi quanh những phòng khiêu vũ ở De Grey, là nơi diễn ra những nụ hôn lóng ngóng với các cô gái nhiệt tình trong cảnh tối tăm khi toàn thành phố phải tuân thủ lệnh tắt đèn tạm thời. Dưới ánh sáng thời bình, tấm màn che bí hiểm của York đã được vén lên một chút, lịch sử của nó được trưng bày khắp nơi. Anh thích nó dưới ánh sáng ban ngày hơn mặc dù nó vẫn còn chứa nhiều lớp bí mật, như thể mỗi khi có một lớp được khai quật thì vẫn còn một lớp khác đang chờ đợi được khám phá. Cuộc đời của con người dường như nhỏ bé đến thảm hại trước bối cảnh quá giàu tính lịch sử như vậy. Anh cảm thấy được an ủi kỳ lạ khi nghĩ tới bao nhiêu người đã ra đi trước đó, bao nhiêu người đã bị quên lãng. Đó là trật tự tự nhiên của vạn vật.

Teddy chưa từng tưởng tượng mình sẽ sống trong một ngôi nhà giống như ngôi nhà mà họ vừa mua - một ngôi nhà chung tường vững chãi ở vùng ngoại ô. Khác với Nhà chuột và Ayswick, ngôi nhà này không có tên, chỉ có số nhà, điều này cũng phù hợp với vẻ ngoài nhạt nhòa của nó. Hoàn toàn không có tí "đặc sắc" nào. Con người mới của Nancy, người không đi lòng sục những bông anh thảo, đón nhận nó một cách hồ hởi - cô nói nó "hợp lý và thiết thực". Họ lắp đặt hệ thống sưởi tập trung, trải thảm và cải tạo lại cả nhà bếp lẫn phòng tắm theo phong cách hiện đại. Trong mắt Teddy, nó chẳng có ưu điểm nào về mặt thẩm mỹ. Nếu Sylvie nhìn thấy nó, bà sẽ vô cùng kinh hoàng, nhưng lúc này bà đã mất được hai năm rồi. Bà mất vì đột quỵ trong lúc đang cắt tỉa những cây hoa hồng của bà. Họ luôn dùng đại từ sở hữu

ấy - những cây hoa hồng đó chỉ thuộc về mẹ họ mà thôi. Bây giờ chúng không còn tồn tại nữa - Theo lời Pamela, chúng đã bị những người chủ mới của Góc Cáo “nhổ lên”. “Chị cho rằng bí quyết để bớt đau lòng...” Ursula nói. “... Là đừng bận tâm.” Nhưng anh vẫn bận tâm. Và Ursula cũng vậy.

Suốt vài tháng sau khi họ chuyển đến York, mỗi lần thức giấc vào buổi sáng, Teddy thường cảm thấy nhói lên một nỗi buồn man mác khi lắng nghe bản hòa ca êm dịu của vùng ngoại ô buổi sớm mai bị xen lẫn với tiếng xe cộ qua lại rầm rập vọng đến từ đâu đó - anh đoán là từ đường A64. Anh nhớ mình từng có cả một thế giới xanh tươi hoang dã ngoài ngưỡng cửa - trong khi ở thành phố York này chẳng có lấy một con thỏ, chim trĩ hay con lửng nào, chỉ có những con công trong Vườn Bảo tàng mà thôi. Teddy không nhìn thấy con cáo nào cho tới tận mãi sau này, khi những con cáo đô thị dơ dáy bắt đầu “đột kích” các thùng rác ở đằng sau khu Fanning Court. Khi ấy, Teddy thường len lén mang thức ăn thừa ra cho chúng, hành động từ thiện len lút này khiến Ann Schofield choáng váng vì kinh hãi. Bà ta nói chúng là loài vật có hại. (“Bà ta mới là loài có hại.” Bertie nói. Thi thoảng Bertie lại gọi cho Teddy nhớ đến Sylvie - chí ít là những điểm tốt đẹp nhất ở bà.)

Ngôi nhà mới có mảnh vườn sau rộng rãi, và Teddy đã mua một cuốn sách về làm vườn của tạp chí *Reader's Digest*. Theo quan niệm của anh, một mảnh vườn là thiên nhiên bị tài khéo léo của con người chế ngự và gò ép. Đôi cánh của anh đã bị cắt, giống như Lú Lo, con vẹt yến

phụng màu xanh lam mà Viola khẳng khẳng đòi mua vào dịp sinh nhật của cô bé. “*Con chim cổ đỏ bị nhốt trong lồng*^[117].” Teddy lẩm bẩm khi Nancy mang con chim về nhà từ cửa hàng thú cảnh. “Em biết, em biết.” Cô nói. “*Khiến cả thiên đường phần nộ*^[118]. Nhưng vẹt yến phụng là loài được gây giống để nuôi nhốt mà. Thật đáng tiếc, nhưng chúng không biết gì khác.”

“Đó hẳn là một sự khuây khỏa lớn đối với chúng.” Teddy nói.

Tù binh nhỏ bé khác của họ, Vàng Vàng bất hạnh, đã chết trong lúc chuyển nhà. Trong bài thơ dài của Blake về những hành vi sai trái không thấy nhắc đến con cá vàng trong bể cá, nhưng ông ấy chắc chắn sẽ không đồng tình với việc giam cầm nó như thế. Viola đã rất buồn khi nhìn thấy cái xác bọt bọt của Vàng Vàng dập dềnh trong bể cá, và Teddy phải lục tìm cái phù hiệu cũ của Câu lạc bộ Cá vàng của mình để giơ ra cho cô bé xem. “Con hãy tưởng tượng nó đã mọc thêm đôi cánh...” Anh khuyên nhủ con gái. “... Để bay lên thiên đường.”

Lú Lo hóa ra là một con chim được đặt nhầm tên. Trong cả cuộc đời ngắn ngủi của nó, nó chẳng bao giờ thốt ra một tiếng kêu nào. Phần lớn thời gian nó chỉ mỗ không ngừng nghỉ vào miếng mai mực treo trong lồng, hoặc đi lạch bạch trên cần đậu bằng gỗ. Trong một thoáng giây đồng cảm với sinh vật bất hạnh ấy, Teddy nghĩ có lẽ sẽ tốt hơn nếu là Icarus và chấp nhận cú rơi.

“Em lại đi nữa à?” Anh nói, cố gắng tỏ ra điềm tĩnh.

“Vâng.” Cô nhẹ nhàng nói. “Anh thấy không có vấn đề gì chứ?”

“Ừ, đương nhiên rồi.” Teddy nói. “Chỉ là...” Anh ngập ngừng, không biết phải nói thế nào về những nỗi nghi ngại của mình.

Đây sẽ là lần thứ ba Nancy vắng nhà trong mấy tháng qua, mỗi lần cô lại tới thăm một người chị em gái khác nhau. Lần đầu tiên, cô xuống Dorset để giúp Gertie chuyển nhà, chẳng bao lâu sau cô lại tới vùng Hồ với Millie (“Thăm ngôi nhà tranh của Wordsworth và những việc đại loại vậy.”). Lúc ấy, Millie đang có một cuộc sống khá phóng túng ở Brighton và vừa mới ly dị. “Có lẽ chị ấy cần một người lắng nghe mình với vẻ cảm thông.” Nancy nói.

Nancy từng tuyên bố mình là “người chỉ thích ru rú nơi xó nhà”, cô thậm chí không hào hứng với chuyến đi nghỉ ở biển hằng năm của họ. Mỗi mùa hè, ba người họ - Nancy thường gọi là “gia đình tam đầu chế”, vì Viola được coi là bình đẳng với cha mẹ, mặc dù Teddy nhận thấy gia đình họ giống một bạo chúa nhỏ và hai gia nhân tận tụy hơn - lại đi nghỉ ở vùng biển miền đông như một bốn phận: Bridlington, Scarborough, Filey. Chuyến đi này là vì Viola hơn là bản thân họ. “Xô và xẻng.” Nancy nói đó là tất cả những gì một đứa trẻ cần, và khẳng khẳng giữ vững niềm tin này một cách quả cảm khi “gia đình tam đầu chế” run rẩy nấu mình chỗ hàng rào chắn gió, hoặc trú ẩn trong những trà thất ẩm thấp, đầy hơi nước sau khi ăn những cái sandwich kẹp xúc xích gan mà bà chủ nhà trọ của họ gói cho mỗi sáng.

Nó chẳng giống một chuyến đi nghỉ mà giống một cuộc thử thách về sức chịu đựng hơn. Viola liên tục lặp đi lặp lại điệp khúc “Chúng ta về nhà được chưa ạ?” Còn Teddy âm thầm hưởng ứng câu hỏi ấy trong đầu. Họ ở trong những ngôi nhà trọ không cho phép mang chó vào, và vào những lúc như thế, thân phận con một của Viola mới lộ rõ. Cô không giỏi chơi một mình lắm và càng không giỏi chơi với những người khác.

Teddy không có ý định lựa chọn bờ biển Yorkshire lộng gió cho kỳ nghỉ của mình. Biển Bắc là mồ chôn của rất nhiều người trong số những người chết mất xác được tưởng niệm ở Runnymede, đáy biển ở đó rải rác những thứ lộng lẫy và lạ lùng^[119]. Anh từng dập dềnh trôi nổi một cách bất lực trên những con sóng dữ tàn nhẫn của nó suốt hai đêm khủng khiếp nhất trong cuộc chiến của anh. (*Thôi, chúc anh may mắn!*) Nancy nói khi nào Viola lớn hơn một chút, họ sẽ đi xa hơn - Wales, Cornwall. “Châu Âu.” Teddy nói. Những khối màu rắn chắc. Những mảnh nắng nóng bỏng.

Vậy mà bây giờ Nancy lại đòi đi lên London để thăm Bea. (“Chỉ hai đêm thôi, đi xem một chương trình nào đó, có lẽ là một triển lãm.”) Đã gần đến giờ đi ngủ nhưng cô vẫn đang chấm bài tập về nhà. Teddy có thể nhìn thấy những cột phân số chẳng có ý nghĩa gì với anh. “Cho cô thấy các phép tính của em nhé!” Nancy nắn nót viết bằng bút đỏ rồi dừng lại và ngược nhìn anh. Cô luôn mang vẻ mặt thẳng thắn, vô tội, nó mời mọc sự thú nhận, hứa hẹn sự xá tội. Anh cho rằng các học sinh của cô hẳn phải yêu quý cô lắm.

“Chà, dù sao đi nữa...” Nancy nói. “... Em nghĩ em sẽ đi London vào tối thứ Tư và về vào thứ Sáu. Lúc anh đi làm thì Viola cũng đi học. Khi tan học, con bé có thể về nhà bạn nó là Sheila và đợi anh đến đón nó ở đó.” (Kế hoạch này chi tiết quá chừng, Teddy nghĩ. Chẳng phải sẽ dễ dàng hơn cho tất cả mọi người nếu cô đến thăm Bea vào cuối tuần sao?) “Anh không *ngại* làm chân giữ nhà đấy chứ? Và Viola sẽ thích lắm đấy khi có một khoảng thời gian được ở riêng bên anh.”

“Thật ư?” Teddy nói, hơi rầu rĩ. Viola giờ đã sắp lên chín mà vẫn chỉ quấn lấy mẹ, còn Teddy dường như chỉ là một người bố trên danh nghĩa đối với cô bé mà thôi.

“Nếu anh không muốn em đi thì em sẽ không đi nữa.” Nancy nói. Quả là một lời nói dãi bôi, Teddy nghĩ. Nếu anh nói “Ừ, em đừng đi” thì cô sẽ nói gì? Nhưng anh chỉ nói: “Đừng ngốc nghếch thế, sao anh lại không muốn em đi chứ? Đương nhiên là em nên đi, chẳng có lý do gì để em không đi cả. Và anh có thể gọi đến số của Bea để tìm em nếu có bất cứ vấn đề gì.”

“Em chắc chắn là anh sẽ không cần phải làm thế đâu.” Nancy đáp lại rồi hờ hững nói thêm: “Em nghĩ là bọn em sẽ ra ngoài nhiều đấy.”

Lúc Nancy đến vùng Hồ chơi, trong ngôi nhà tranh mà Millie thuê không có điện thoại. Khi cô tới giúp Gertie chuyển nhà, điện thoại ở nhà mới của Gertie chưa được lắp đặt. “Nếu có chuyện gì cực kì khẩn cấp...” Nancy hồ hởi nói. “... Hoặc một tai nạn khủng khiếp nào đó xảy ra...” (Quả là gở mồm gở miệng khi nhắc đến những chuyện như

thế một cách liến thoắng như vậy, Teddy nghĩ) "... Anh có thể đăng một thông báo lên radio giống như người ta vẫn làm. Anh biết đấy - *Cảnh sát đang cố liên lạc với ông A bà B được cho là đang ở vùng Westmoreland. Xin hãy liên lạc, đại loại vậy.*" Bốn mươi năm sau, khi Teddy sống ở Fanning Court, Viola đã đưa cho Teddy một chiếc điện thoại di động và nói: "Đó, giờ thì bố sẽ chẳng bao giờ ở ngoài tầm liên lạc nữa. Nếu bố lại bị tai nạn, (cô ám chỉ cái hông bị gãy của ông, cô không bao giờ để ông quên đi điều không may này, như thể nó phơi bày một khiếm khuyết lớn trong tính cách của ông) hoặc đi lạc hay gì gì đó đại loại thế."

"Đi lạc ư?"

Ông chẳng bao giờ học cách sử dụng chiếc điện thoại ấy. Các nút bấm quá nhỏ, hướng dẫn sử dụng lại quá phức tạp. "Tre già khó uốn." Ông nói với Bertie. "Và dù sao đi nữa, tại sao ông lại muốn "ở trong tầm liên lạc" suốt mọi lúc chứ?"

"Ngày nay, người ta chẳng có chỗ nào mà trốn cả." Cô nói.

"Trong trí tưởng tượng." Ông gợi ý.

"Ngay cả ở đó..." Bertie dứt khoát nói. "... Ông cũng không được an toàn."

*

"Tốt rồi." Nancy nói. "Vậy em sẽ đi vào thứ Tư. Thế nhé!" Cô bắt đầu xếp chồng các cuốn vở bài tập lên nhau một cách ngay ngắn. "Xong hết rồi. Sao anh không hâm nóng sữa để pha ca cao nhỉ?" Cô nở nụ cười kỳ quặc với anh

và nói: “Mọi chuyện ổn chứ? Nếu anh không muốn thì chúng ta không cần uống ca cao cũng được.”

“Không.” Anh nói. “Không có gì đâu. Để anh đi pha.” Cho anh thấy sự tính toán của em đi, Nancy, anh nghĩ.

*

Khi Nancy đến Dorset để giúp Gertie chuyển nhà và không thể liên lạc được, Teddy đã ngạc nhiên khi Gertie gọi điện cho anh. Giống như mọi khi, cô nói mà chẳng mào đầu: “Em có biết cái tủ búp phê to dùng bằng gỗ sồi trong phòng ăn của chị không? Cái tủ theo trào lưu Thủ công Mỹ nghệ từng kê ở phòng ăn của Quạ Gáy Xám ấy?”

“Cái tủ có bản lề bằng đồng và ốp trang trí những viên gạch De Morgan phải không chị?” Teddy nói. Rõ ràng là anh biết nó.

“Chính nó đấy. Nhà mới của chị chẳng có chỗ để kê nó - gần như là chẳng đủ chỗ để kê bất cứ thứ gì.” Cô vui vẻ nói thêm, khiến Teddy nhớ đến việc anh đã quý mến Gertie nhiều thế nào và lý do tại sao. “Là thế này...” Cô tiếp tục. “Chị biết em luôn trầm trồ khen ngợi nó, vì vậy chị nghĩ em có thể muốn có nó. Chị có thể thuê một chiếc xe bán tải để chở nó, sẽ không tốn kém lắm đâu. Nếu không, chị e rằng chị sẽ phải bán nó đi mất.”

“Chị tốt quá! Em thích lắm, nhưng...” Anh nghi ngại nói thêm. “Em không chắc là bọn em có đủ chỗ để kê nó.” Anh băng khuâng nghĩ đến Ayswick, cái tủ này trông sẽ đẹp biết bao trong căn bếp của ngôi nhà trại rộng rãi ấy, nhưng ở

đây, bên trong những bức tường tầm thường, nhạt nhòa của ngôi nhà chung tường ở thành phố York, nó chắc chắn sẽ khá lạc quẻ. Anh ngạc nhiên bởi một nỗi thèm muốn bất ngờ - đó là món đồ nội thất của nhà Shawcross mà anh còn nhớ rõ. Từ quá khứ. “Nancy nói thế nào về chuyện này hả chị?”

“Chị không biết.” Gertie nói. “Sao em không đích thân hỏi nó?”

“Chị có thể cho em nói chuyện với cô ấy không?”

“Cho em nói chuyện với nó ư?” Gertie nói. “Ý em là gì?”

“Chị hãy chuyển máy cho cô ấy.”

“Em bảo chị chuyển máy cho nó á?” Nghe giọng Gertie có vẻ bối rối.

“Cô ấy đang ở chỗ chị mà.” Teddy nói, bản khoăn không rõ tại sao Gertie lại không hiểu ý anh.

“Không, nó không ở đây.” Gertie nói.

“Cô ấy không ở Lyme Regis? Với chị? Cô ấy không giúp chị chuyển nhà sao?”

Gertie lúng túng im lặng một lúc trước khi dè dặt nói: “Không, nó không ở đây.” Teddy cảm nhận được rằng Gertie đang lo lắng cô có thể đã phản bội Nancy trong chừng mực nào đó, và bản năng đầu tiên của anh (kỳ lạ làm sao) là cứu Gertie khỏi tình trạng lúng túng mà cô đã chui đầu vào, vì vậy anh giả lả nói: “Ồ, chị đừng lo, chắc là em nhớ nhầm. Em sẽ tìm cô ấy và gọi lại cho chị. Lời đề nghị của chị về cái tủ búp phê thật là tuyệt. Em cảm ơn chị, chị Gertie.” Anh vội gác máy vì cần rà lại thông tin kỳ quặc này. *Em sẽ*

xuống Lyme để giúp chị Gertie chuyển nhà. Lời tuyên bố ấy khó mà khiến anh hiểu nhầm được.

Nếu Nancy có chuyện gì đó không muốn anh biết, khiến cô phải giả vờ đến Dorset với Gertie, vậy thì chắc chắn cô phải có một lý do, đúng không? Anh biết Nancy có thể nói một lời nói dối vô hại khi cần thiết, nhưng cô không phải người làm mấy chuyện *lén lút*, ngược lại là đằng khác. Thi thoảng anh cảm thấy sự thân mật trong cuộc hôn nhân của họ có được là nhờ cô đã vi phạm Cam kết Bảo mật. Khi cô trở về từ “Dorset”, anh chẳng hỏi gì cô cả ngoài câu “Việc chuyển nhà thế nào?” và cô trả lời “Tốt cả, mọi chuyện đều suôn sẻ”.

“Nhà mới của Gertie có đẹp không?”

“Ừm. Đẹp lắm.” Cô nói qua loa và anh không hỏi gì thêm, bởi anh không muốn tỏ ra là mình đang chất vấn cô. Thay vì thế, anh sẽ đợi xem liệu có gì tiến triển từ sự giấu giếm này không. Trong danh sách các mối nghi ngờ của anh, ngoại tình không xếp thứ hạng cao lắm, anh gần như không thể cho rằng Nancy là loại vợ sẽ cắm sừng chồng. Anh đã luôn nghĩ về cô - vẫn nghĩ về cô - là một người không thể chê vào đâu được, luôn suy nghĩ và hành động đúng đắn. Nancy không phải loại người giả vờ ngây thơ. Cô cũng không phải loại người lầm đường lạc lối. Nếu cô nói dối anh, đó hẳn là một lời nói dối cần thiết. Có lẽ có một điều bất ngờ nào đó ẩn dưới trò qua mắt này - một bữa tiệc sinh nhật hoặc một buổi đoàn viên gia đình? Vì Sylvie đã mất và Góc Cáo đã bị bán, có vẻ như chẳng còn thứ gì có thể thúc đẩy cả gia đình Todd tụ họp với nhau nữa. Teddy

và hai người chị thân thiết nhất của anh là Ursula và Pamela dường như không bao giờ ở cùng một chỗ trong cùng một thời điểm, ngoại trừ các đám tang. Chẳng có đám cưới nào cả - có vẻ chẳng có đám cưới nào nữa, tại sao lại thế? “Đó là vì chúng ta đang ở giai đoạn chuyển giao thế hệ.” Nancy nói. “Chẳng mấy chốc sẽ đến đám cưới của Viola thôi.”

Viola là mũi tên đơn độc mà họ nhắm mắt bắn bừa vào tương lai, không biết cô sẽ hạ cánh xuống chỗ nào. Đáng lẽ họ nên nhắm bắn tốt hơn, Teddy nghĩ khi ông nhìn cô (sau khi né tránh cuộc hôn nhân với Dominic, cha của các con cô) cuối cùng cũng kết hôn với Wilf Romaine ở Tòa thị chính Leeds - một cuộc hôn nhân vá vúi tồi tệ. “Cậu ta thích uống rượu chứ?” Teddy thận trọng hỏi trong lần đầu tiên Viola giới thiệu ông với “người đàn ông mới của con”. “Nếu đó là một lời chỉ trích...” Viola nói. “... Bố hãy nuốt lại nó đi. Có bao giờ bố không vạch lá tìm sâu, bới móc lỗi lầm của con không vậy?” Ôi, Viola.

*

Lần tiếp theo Nancy vắng nhà để tới gặp Millie ở vùng Hồ, Teddy tự thề với mình rằng sẽ không kiểm tra cô, giống như một thám tử tư phô trương. Không có bữa tiệc sinh nhật hay cuộc đoàn viên gia đình nào từ khi cô trở về từ Dorset, nhưng đó không phải là bằng chứng cho bất cứ việc gì ám muội. Anh kiểm chế không nhắc điện thoại và gọi đến căn hộ của Millie để xem liệu cô có ở đó không, nhưng hẳn

là sự bồn chồn bứt rứt của anh đã lây sang Viola, cô bé cứ mè nheo suốt quãng thời gian Nancy đi vắng: “Bao giờ mẹ về ạ?” Điều đó đã cho anh một lý do chính đáng để tìm người vợ bất mãn của mình, anh biện luận khá hợp tình hợp lý.

“Ồ, chào Teddy.” Millie ề à nói. “Lâu rồi không nói chuyện với em.”

“Chị không đến vùng Hồ với Nancy à?” Con giận đột ngột dâng lên, anh thẳng thừng hỏi. Một nỗi giận dữ chính đáng, đúng không? Millie im lặng một, hai giây rồi nói: “Chị vừa mới về. Thực ra, chị vừa tiễn nó lên tàu về nhà với em.” Chị ấy là một diễn viên, chị ấy chưa bao giờ diễn tốt như lúc này, anh nghĩ. Chẳng hợp tình hợp lý chút nào khi Nancy đi xuống tận Brighton rồi mới về nhà, nhưng anh không có cách nào để chứng minh rằng cô có làm vậy không. Hay không làm vậy. Từ trước đến nay Teddy chưa bao giờ ghen tuông, anh nhận ra điều này khi gã thám tử tư phô trương góc cái đầu xấu xí của mình lên và nói: “Vùng Hồ thế nào, chị Millie? Hai người đã làm gì ở đó?”

“Ồ, em biết đấy.” Cô dễ dàng nói. “Đến thăm ngôi nhà tranh của Wordsworth và những việc đại loại vậy.”

*

Millie có kể lại cuộc điện thoại ấy với Nancy không? Cô chắc chắn không cảm nhận được là anh đã nghi ngờ cô khi cô thông báo về ý định đến thăm Bea. (Phải chăng tất cả các chị em gái của cô đều là đồng mưu với cô trong trò lừa

dối này? Ngay cả Gertie tốt bụng và Winnie nghiêm trang, cứng rắn?)

Teddy không còn tự chủ được nữa, anh cảm thấy tê liệt. Anh không thể hỏi Nancy chuyện gì đang xảy ra (dù đó là điều hiển nhiên phải làm), bởi vì câu trả lời sẽ là một lời nói dối hoặc một sự thật mà anh không muốn nghe. Vì vậy anh “ì ạch” chờ đợi, (từ này có vẻ ám ảnh anh), mặc dù bây giờ anh thấy mọi thứ đều bị hoen ố bởi nỗi nghi ngờ. Anh nghiên ngẫm phân tích mọi sắc thái trong hành vi của Nancy. Cô rõ ràng có nhiều hành động mờ ám. Chẳng hạn, có một buổi tối anh phát hiện ra cô đang ở ngoài tiền sảnh, dựa vào bức tường dán giấy Anaglypta, thì thầm nói chuyện điện thoại rồi cắt ngắn cuộc trò chuyện khi nhìn thấy anh. “Ai thế?” Anh hỏi, như thể đó là vấn đề mà anh chẳng mấy bận tâm. “Bea ấy mà, chỉ là mấy chuyện tán gẫu vớ vẩn thôi.” Cô nói. Hoặc cái kiểu cô sốt sắng tranh lấy thư vào buổi sáng trước khi đạp xe đưa Viola đến trường. Cô đang mong đợi gì chẳng? Không, hoàn toàn không.

Anh đã hơn một lần bắt gặp cô nhú mày lo lắng hoặc nhìn xa xăm khi đang khuấy nước xốt hoặc soạn giáo án. Cô sẽ nói “Xin lỗi anh, em lơ đãng quá” hoặc “Em hơi đau đầu” - cô đã trở thành nạn nhân của chứng đau nửa đầu suốt vài tháng qua. Thi thoảng anh cũng bắt gặp vẻ đau đớn thoáng qua trên mặt cô khi cô nhìn Viola. Anh cho rằng đó là sự giằng xé giữa cảm xúc dành cho tình nhân và cảm xúc dành cho con cái. Phản bội một ông chồng là đã đủ tồi tệ rồi, nhưng phản bội một đứa con lại là vấn đề hoàn toàn khác.

Anh không tin cô định đến thăm Bea hay thậm chí là đi London. Trong trí tưởng tượng của anh - đến giờ trí tưởng tượng ấy đã khá khủng khiếp - cô vợ tội lỗi của anh ẩn định những cuộc hẹn hò đôi bại của mình ở một nơi nào đó gần đây, có lẽ là trong một khách sạn nhộp nhúa trên đường Micklegate. (Một kỷ niệm thời chiến của anh. Một cô gái địa phương. Một cuộc gặp bị lãng phí một cách đáng tiếc.)

Sau khi cô rời khỏi nhà để bắt chuyến tàu tới ga King's Cross, anh đã gọi điện cho Ursula để giải bày tâm sự, nhưng thay vì thông cảm với anh, cô lại gay gắt nói: "Đừng ngớ ngẩn thế, Teddy, Nancy sẽ không bao giờ ngoại tình."

Et tu, Brute^[120]? Anh nghĩ, lần đầu tiên thất vọng về chị gái mình.

*

Như đã định, vào tối thứ Sáu, một chiếc tắc xi chở người vợ lầm đường lạc lối của anh về từ nhà ga. Teddy nhìn thấy nó dừng lại, anh quan sát Nancy trả tiền và tài xế tắc xi lấy cái va li nhỏ của cô ra khỏi cốp xe. Trông cô có vẻ mệt mỏi khi bước trên lối đi rải sỏi dẫn vào nhà. Có lẽ cô kiệt sức sau những giây phút cuồng hoan hoặc phiền muộn vì phải rời xa nhân tình.

Anh mở cửa trong lúc cô vẫn đang mò mẫm tìm chìa khóa. "Ồ, cảm ơn anh." Cô nói, đi qua anh để vào tiền sảnh mà không buồn nhìn anh. Người cô nồng nặc mùi thuốc lá và cả mùi rượu nữa. "Em hút thuốc đấy à?" Anh hỏi. "Không, đương nhiên là không" - Chắc tình nhân của cô là

người hút thuốc, mùi của hắn đã ám sang cô. *Dấu vết* của hắn. “Và uống rượu nữa.” Anh nói, cảm thấy khiếp sợ.

“Trong toa tàu của em, ai cũng hút thuốc cả.” Cô bình thản nói. “Và đúng là em đã uống một ly whisky trên tàu. Có sao không anh? Em xin lỗi, nhưng em mệt đứt cả hơi rồi.”

“Chắc là vì đi xem nhiều bảo tàng và triển lãm quá.” Anh mỉm cười nói.

“Gì cơ?” Cô đặt va li xuống và quay sang nhìn anh chăm chăm, vẻ mặt cô không thể đoán định nổi.

“Anh biết chuyện gì đang diễn ra.” Anh nói.

“Anh biết ư?”

“Em đang ngoại tình. Em đang dùng những chuyến đi chơi ngắn ngày này để làm vỏ bọc.”

“Những chuyến đi chơi ngắn ngày?”

“Chắc em nghĩ anh chậm hiểu thật. Teddy già nua tội nghiệp ì à ì ạch.”

“Ì ạch?”

“Anh biết em đang làm trò gì.” Anh lặp lại, trở nên cáu kỉnh vì cô không phản ứng lại sự châm chọc của anh. Anh cao thượng quyết định rằng nếu cô thú nhận mọi chuyện và tuyên bố rằng sẽ chấm dứt vụ ngoại tình này, anh sẽ tha thứ cho cô. Nhưng nếu cô tiếp tục nói dối, anh e rằng anh có thể làm gì hay nói gì đó sẽ không chừa cho họ một đường lui. (“Anh chưa bao giờ “say đắm” em, em biết đấy.”)

Tình hình càng tồi tệ hơn khi cô chỉ đơn giản quay đi và bước vào bếp, ở đó, cô rót một cốc nước từ vòi. Cô từ từ

uống nước rồi cẩn thận đặt cái cốc rỗng lên giá úp cốc.

“Anh *biết* hết rồi.” Anh phẫn nộ nói, nhưng vẫn cố kìm giọng vì Viola đang ngủ trên gác.

Nancy buồn bã nhìn anh và nói: “Không, Teddy. Anh không biết đâu. Anh chẳng biết gì cả.”

Quốn sách
giành giải
COSTA
NOVEL
AWARD
2015

Những chú chim chưa bao giờ được

HOT

2

TRƯỜNG SAH LAG DONG



tiểu thuyết
Khánh Vân dịch

KATE ATKINSON

1942 - 1943

Cuộc chiến của Teddy

- Trải nghiệm -

“Còn hai mươi phút nữa là tới mục tiêu, thưa phi cơ trưởng.”

“OK, hoa tiêu.”

Họ đã phải chạt vật vượt qua dàn hỏa lực phòng không được dựng lên làm hàng rào phòng thủ ở ven biển, rồi bẻ ngoặt một góc chính xác theo kế hoạch bay trên vùng lãnh thổ bị chiếm đóng trước khi băng qua vành đai đèn rọi dày đặc bao quanh vùng Ruhr. Trên đường bay của họ có rất ít mây, thi thoảng họ có thể nhìn thấy những ánh đèn ở bên dưới - đó là một nhà máy đang làm việc hoặc một địa điểm không tuân thủ chặt chẽ mệnh lệnh tắt đèn tạm thời. Chốc chốc, những ánh đèn pin hoặc đèn xách tay lại chiếu về phía họ, và vào lúc họ bay qua lãnh thổ Hà Lan, Norman Best, cậu cơ khí viên trầm lặng của họ đã đọc to tín hiệu mã Morse^[121] từ một người có thiện ý ở bên dưới, *dit-dit-dit-dah*^[122]. Chữ V trong từ *Victory* (chiến thắng). Đó là một thông điệp thể hiện sự tin tưởng và an ủi mà họ thường xuyên nhìn thấy.

“Cảm ơn, anh bạn, bất kể anh là ai.” Teddy nghe thấy xạ thủ ở tháp pháo đuôi nói. Xạ thủ ở tháp pháo đuôi là một người Scotland tóc đỏ gầy gơ xương, cậu ta mười tám tuổi và rất lảm lòi, nhưng cậu ta luôn cố gắng giữ mồm giữ miệng, chỉ thoả mái liên thoảng khi họ ở trên mặt đất. Tổ bay của Teddy biết rằng cậu ta thường im lặng trên hệ thống liên lạc nội bộ trừ phi có gì cần nói. Họ có thể dễ dàng tán gẫu với nhau, nhất là trên đường trở về, khi tất cả mọi người đều đã thoả mái hơn, nhưng chỉ cần một thoảng lơ là thôi, đặc biệt là đối với các xạ thủ, họ có thể sẽ tiêu đời. Chấm hết.

Giống như cậu xạ thủ ở tháp pháo đuôi, Teddy cũng muốn cảm ơn người đàn ông - hay phụ nữ - Hà Lan vô danh dưới kia. Thật là tuyệt khi biết rằng họ đang được ủng hộ. Họ đang quá tách biệt với mặt đất - ngay cả khi họ đang phá hủy nó bằng những quả bom (có lẽ phải nói rằng đặc biệt là khi họ đang phá hủy nó bằng những quả bom) - đến nỗi thi thoảng họ quên mất rằng có những quốc gia ở dưới kia coi họ là niềm hy vọng cuối cùng.

*

“Tôi có thể nhìn thấy những vật đánh dấu mục tiêu đang được thả xuống ở đằng trước, thừa phi cơ trưởng, cách chúng ta hai mươi dặm, màu đỏ anh đào.”

“OK, lính cắt bom.”

Đây là phi vụ cuối cùng trong kỳ quân dịch của họ. Họ bút rút không yên vì những linh tính chẳng lành. Họ đã

đánh bại số mệnh để đi tới được buổi tối hôm nay và đều đang băn khoăn tự hỏi liệu số mệnh có tàn nhẫn đến nỗi đưa họ đi xa tới mức này rồi đốn gục họ không. (Có thể lắm. Họ biết chứ.) “Chỉ một lần nữa thôi, Chúa Jesus ơi, chỉ một lần nữa thôi.” Anh đã nghe thấy cậu lính cắt bom người Úc vô thần lắm bầm những lời ấy khi họ ở trên đường băng, đợi ánh đèn Aldis màu xanh lá cây^[123].

Họ đã phải rất vất vả mới đạt được đến con số ba mươi cần thiết. Một vài chuyến xuất kích của họ chỉ được tính là một phần ba phi vụ. Những chuyến bay “làm vườn” - tức là rải mìn xuống những con kênh vận tải ở Hà Lan hoặc ngoài khơi bờ biển vùng Frisia - hay những chuyến bay tấn công các mục tiêu ở Pháp chỉ được ghi nhận là một phần ba phi vụ. Nước Pháp bị chiếm đóng được coi là một đất nước “thân thiện”, nhưng dù thân thiện hay không thì nó vẫn đầy rẫy những gã lính Đức đang cố bắn hạ họ. Đúng là họ dễ bị giết chết hơn khi tham gia một cuộc không kích trên bầu trời nước Đức (“Khả năng tử trận cao hơn gấp bốn lần.” Theo lời cô bạn của Ursula ở Bộ Không quân), nhưng chuyến xuất kích nào họ chả phải mạo hiểm tính mạng. Thật là vô lý, Teddy nghĩ. Hoặc, theo cách nói thẳng thắn hơn của cậu lính cắt bom: “Bất công đếch chịu được.” Keith là người đầu tiên lập thành một đội với Teddy ở Đơn vị Huấn luyện Chiến đấu OTU.

Lập đội là một việc bất ngờ khiến phần lớn trong số họ đều kinh ngạc. Tất cả các vị trí cấu thành nên một tổ bay - phi công, hoa tiêu, điện đài viên, lính cắt bom và các xạ thủ - chỉ đơn giản được dồn thành đóng vào một nhà chứa máy

bay và làm theo lời yêu cầu của Chỉ huy Trạm “Hỡi các chàng trai chân chính, các cậu hãy gắng hết sức mình để tự lập ra những tổ bay xuất sắc nhất nhé”, như thể việc lập đội dựa trên luật hấp dẫn bí ẩn sẽ hiệu quả hơn nhiều so với bất cứ phương thức quân sự nào. Và, kỳ lạ thay, điều đó có vẻ đúng, ít nhất là theo những gì Teddy có thể nhận thấy.

Tất cả bọn họ đều loanh quanh thơ thẩn mất một lúc như một bầy ngỗng trong sân trại vào giờ ăn, có chút lúng túng trước lời yêu cầu của viên chỉ huy. “Cứ như một vũ trường quái quỷ ấy nhỉ, người nào người nấy đều đợi được lọt vào mắt xanh của một cô nàng nào đó.” Keith nói khi cậu ta tiếp cận Teddy và tự giới thiệu mình. “Tôi là Keith Marshall, lính cắt bom.” Bộ quân phục màu xanh dương sẫm của cậu ta cho thấy cậu ta là người Úc.

Đối tượng đầu tiên Teddy nhắm đến là một hoa tiêu nhưng anh thích vẻ ngoài của Keith, và chiến tranh đã dạy cho Teddy một bài học là ta thường có thể nhìn ra tính cách của một người đàn ông từ vẻ ngoài của anh ta: một biểu cảm trong mắt, một cái liếc đây đó, nhưng chủ yếu là một vẻ gì đó mà anh không thể cắt nghĩa được, và anh tự hỏi phải chăng chính vì nét khó hiểu ấy mà anh lập tức có cảm tình với Keith. Đương nhiên, anh cũng từng nghe thấy một thầy huấn luyện nói rằng cậu ta là một “chàng trai cừ khôi, thạo việc”. Và lời khen ấy hoàn toàn đúng. Keith không đủ điều kiện để trở thành phi công (“Không thể hạ cánh thứ chết tiệt đó”) nhưng đã đứng đầu lớp trong khóa học về bom.

Người Úc có tiếng là nóng tính nhưng Keith có vẻ điềm đạm, đôi mắt xanh dương của cậu ta toát lên vẻ đăm chiêu. Cậu ta hai mươi tuổi, lớn lên ở một trại nuôi cừu, và Teddy cho rằng cậu ta đã dành phần lớn cuộc đời để nhìn chăm chăm vào chân trời xa xăm dưới ánh dương chói lóa, trái ngược với những cánh đồng xanh dịu mắt trong thời thơ ấu của Teddy. Anh cho rằng hẳn điều đó đã tạo nên cách nhìn đời của mỗi người.

Keith nói cậu ta đang mong đợi được nhìn thấy một chút gì đó của thế giới, “cho dù chỉ là Đệ tam Đế chế Đức quốc xã bị chìm trong biển lửa”.

Họ bắt tay nhau như những quý ông hào hoa phong nhã, rồi Keith nói: “Chà, phi cơ trưởng, tốt hơn hết là chúng ta nên tiếp tục đi kiểm các thành viên khác thôi, nếu không sẽ chỉ còn sót lại những người không ai cần đến. Chúng ta không muốn lựa chọn những người như vậy, phải không?” Teddy nghĩ, đây là lần đầu tiên một thành viên trong tổ bay của anh (tổ bay của anh!) gọi anh là “phi cơ trưởng”. Anh có cảm giác như cuối cùng mình đã đi đúng đôi giày của mình.

Họ cùng quét mắt khắp nhà chứa máy bay, rồi Keith nói: “Anh có nhìn thấy cậu chàng đang đứng cười bên bức tường đằng kia không? Đó là một điện đài viên. Tối qua tôi đã uống rượu với cậu ấy và cậu ấy có vẻ là một người trung thực.”

“OK.” Teddy nói. Đó có vẻ là một sự tiến cử tốt.

Cậu chàng điện đài viên ấy mười chín tuổi, quê ở Burnley, tên là George Carr. Teddy từng chứng kiến George

Carr ngỏ ý sửa xe đạp hộ ai đó, cậu ta nhiệt tình tháo nó ra thành từng mảnh rồi lắp lại nguyên vẹn trước khi đem trả cho chủ nhân của nó và nói: “Đó, tôi cá là nó còn tốt hơn cả lúc mới mua ấy.” Cậu ta nói cậu ta thích mày mò mọi thứ, tính cách đó có vẻ hữu ích đối với một điện đài viên.

Đến lượt George chỉ ra cho họ một xạ thủ trên không, cậu ta cũng quen cậu chàng này trong một đêm chè chén ở nhà ăn tập thể. Cậu chàng tên là Vic Bennett, là người ở đảo Canvey và có điệu cười ngoác tận mang tai (cậu ta là người có hàm răng xấu nhất trong số những người mà Teddy từng gặp). Sau khi được giới thiệu, cậu ta vẫy gọi “một người bạn” cùng học khóa huấn luyện bắn súng với cậu ta. “Tinh như cú.” Cậu ta nói. “Nhanh như chuột. Mà vẻ ngoài cũng hơi giống chuột thật. Một con chuột màu hoe.” Đó chính là cậu chàng người Scot lẩm lòi. “Kenneth Nielson, nhưng mọi người đều gọi tôi là Kenny.”

Vẫn chưa có hoa tiêu, Teddy nghĩ, hoang mang khi thấy mình bị mất quyền kiểm soát quá nhanh. Việc này hơi giống trò chơi hệ quả^[124], hoặc có lẽ là trò bịt mắt bắt dê.

Làm thế nào để nhận ra một hoa tiêu giỏi nhỉ? Anh tự hỏi và nhìn quanh phòng. Một người điềm tĩnh, nhưng chẳng phải tất cả bọn họ đều cần điềm tĩnh sao? Chú ý mũi xuống bàn, hoàn toàn chú tâm vào công việc. Anh nghe thấy một giọng Canada chậm rãi, điềm tĩnh ở đâu đó sau lưng anh. Anh xoay người lại, xác định chủ nhân của giọng nói đó và khi nhìn thấy phù hiệu hoa tiêu của cậu ta, anh liền nói: “Tôi là Ted Todd. Tôi là một phi công đang tìm kiếm một hoa tiêu giỏi.”

“Chính là tôi đây.” Anh chàng Canada nhún vai, nói. “Chỉ ít cũng đủ để đáp ứng yêu cầu của anh.” Cậu ta tên là Donald McLintock. Đương nhiên được gọi tắt là Mac. Teddy thích người Canada, trong thời gian tập huấn ở đó, anh thấy họ là những người đáng tin cậy, và họ không dễ bị căng thẳng quá mức hay có trí tưởng tượng quá phong phú - vốn là những đặc điểm không tốt đối với một hoa tiêu. Giọng nói của Mac đã khơi lại trong anh những hồi ức thân thương về bầu trời thênh thang rộng mở nơi anh từng học lái máy bay trên những chiếc Tiger Moth hay Fleet Finch và xao xuyến trước tầm thẳm phong cảnh khổng lồ sắc sỡ của tỉnh Ontario. Những chiếc máy bay ấy chỉ là những vật thể nhỏ bé mong manh so với những chiếc Anson và Harvard mà anh đã lái lúc tốt nghiệp, chưa kể những chiếc Wellington đồ sộ mà họ sẽ học lái ở Đơn vị Huấn luyện Chiến đấu. Các phi công chiến đấu cơ thường chế giễu gọi các phi công lái máy bay ném bom là “Tài xế xe buýt”, nhưng đối với Teddy, có vẻ như chính những chiếc “xe buýt” đó sẽ giành được chiến thắng.

“Mừng cậu nhập hội, hoa tiêu.” Teddy nói. Họ lại lịch thiệp bắt tay nhau khấp lớt. Ôi chà, họ là một tổ bay ô hợp, Teddy nghĩ. Anh khá thích điều đó. “Chỉ cần thêm một cơ khí viên người New Zealand nữa...” Keith nói, trùng khớp với những suy nghĩ của Teddy. “... Là chúng ta sẽ giống cái Hội Quốc Liên^[125] quái quỷ.” Họ không kiếm được người New Zealand nào, thay vì thế họ có Norman Best, người xứ Derby, một cựu học sinh trường điểm khá nhút nhát và nghiêm túc, có tấm bằng về ngôn ngữ và một

niềm tin kiên định vào Cơ Đốc giáo, nhưng đó là khi họ chuyển sang Đơn vị Huấn luyện Chuyển đổi Hạng nặng, còn hiện tại họ chỉ có từng này người thôi. Họ là một đội. Đơn giản như thế đấy. Kể từ giờ họ ăn cùng nhau, uống cùng nhau, bay cùng nhau và cuộc đời họ gắn bó chặt chẽ với nhau.

Đêm đầu tiên ấy, sau khi lập đội, cả tổ bay liền kéo nhau đi chè chén như một thủ tục bắt buộc. Noi theo tinh thần của chủ nghĩa quân bình, tất cả bọn họ phải thay phiên nhau mỗi người đãi một tuần bia. Thế là sau sáu vại bia, họ lảo đảo trở về chỗ ngủ, say bí tỉ và tuyên bố rằng tình bạn của họ là bất diệt. Teddy chưa bao giờ uống say như thế trong đời, và đêm đó, khi anh nằm trên tầng hai của chiếc giường tầng, căn phòng như xoay tròn xung quanh, anh nhận ra rằng anh cũng chưa bao giờ phấn chấn đến thế. Hay đúng hơn thì đã lâu lắm rồi anh không phấn chấn như vậy, có lẽ là từ hồi anh còn bé tí. Anh sắp có một cuộc phiêu lưu.

Tất cả bọn họ đều là hạ sĩ quan, ngoại trừ Teddy. Theo những gì anh biết, anh được phong làm sĩ quan chẳng vì lý do gì ngoài việc đã học đúng trường, cả trung học lẫn đại học, và khi được hỏi, anh đã nói rằng mình thích cricket, dù anh không thực sự thích nó lắm nhưng anh có thể thấy rằng nếu anh nói thật thì đó sẽ là một câu trả lời sai lầm. Và đó là lý do nhiều tháng sau, anh đang ở đây, trên đường tới Duisburg, với tư cách là chỉ huy của một đám đàn ông, là kẻ làm chủ vận mệnh của mình, là người nắm giữ linh hồn mình và linh hồn của một chiếc Halifax bốn động cơ kênh

càng quái quỷ có xu hướng đáng ngại là nghiêng về bên phải mỗi khi cất cánh và hạ cánh.

*

“Mười phút nữa là đến mục tiêu, phi cơ trưởng.”

“OK, hoa tiêu. Mười phút nữa là đến mục tiêu, lính cắt bom.”

“OK, phi cơ trưởng.”

Trên không trung, họ gọi nhau bằng vai trò của họ, nhưng dưới mặt đất, họ trở lại là chính bản thân họ - Ted, Norman, Keith, Mac, George, Vic và Kenny. Giống như những người bạn đồng hành trong một chuyến phiêu lưu trong sách truyện, Teddy nghĩ. Trong số những “đồng chí” của Augustus, có hai người tên là Norman và George, nhưng Augustus của Izzie và những đồng đội của cậu vẫn chỉ mười một tuổi, mãi mãi là trẻ con và bận rộn với việc bắn súng cao su, bắt cá tuế và sục sạo chạn thức ăn để tìm những lọ mứt - vì một lý do nào đó, có vẻ như chúng coi những lọ mứt ấy là một món ăn thiêng liêng giống như chén thánh vậy. Đứa con tinh thần mà Izzie sáng tạo ra cùng nhóm bạn vui vẻ của cậu hiện đang “góp mặt” trong cuốn *Augustus và chiến tranh* - kiếm chác giấy vụn bằng cách lấy báo trong hòm thư nhà người khác và thu thập sắt vụn bằng cách lấy trộm nồi niêu xoong chảo của các nhà hàng xóm, khiến họ tức điên. (“Chảo rán không phải là sắt vụn.” Bà Swift phản nộ nói. “Nhưng con lấy nó để phục vụ cho chiến tranh mà.” Augustus phản đối. “Mẹ lúc nào cũng nói rằng

chúng ta phải quyên góp các thứ còn gì. Con chỉ đang quyên góp những chiếc chảo rán của mọi người thôi mà.”) Teddy cảm phần nghĩ, Augustus của Izzie không phải đối mặt với hỏa lực phòng không hoặc lo lắng về một chiếc Messerschmitt sà đến chỗ mình như một con chim săn mồi đói khát.

Augustus của anh - phiên bản trưởng thành của cậu ta mà anh tưởng tượng ra - gần như chắc chắn đang né tránh cuộc đời quân ngũ. Có lẽ cậu ta sẽ trở thành dân phe phẩy, một kẻ đầu cơ trục lợi trong chiến tranh, bán rượu, thuốc lá và bất cứ thứ gì mà cậu ta có thể nhúng đôi tay dính chàm của mình vào. (“Của ngài đây, thưa ngài, mười si linh. Nhớ đừng bép xép với ai nhé!”)

*

Họ đang chật vật vượt qua hệ thống hỏa lực phòng không - những quả đạn pháo liên tục lóe lên và những luồng khói xám xịt phủ trùm lên họ - mặc dù tiếng động cơ Merlin đình tai nhức óc của chiếc máy bay đã át đi những tiếng nổ.

“Hãy chú ý quan sát kỹ lưỡng nhé, mọi người.” Teddy nói.

Phía xa xa, anh có thể thấy một cơn mưa bom lửa đang ào ào trút xuống, có lẽ là từ một chiếc máy bay đang cố tăng độ cao. Nó chỉ càng giúp cung cấp thêm ánh sáng cho những chiếc chiến đấu cơ của Đức đang bay phía trên tốp máy bay ném bom có nhiệm vụ thả pháo sáng đánh dấu mục tiêu - những quả pháo sáng tuyệt đẹp, lung linh như

ngọn chúc đài, dường như treo lơ lửng trong không trung, tạo nên một hành lang sáng trưng cho chiếc máy bay ném bom bất hạnh bay dọc theo. Mấy giây sau, một chiếc máy bay ném bom nổ tung thành một quả cầu lửa đỏ rực, phun ra những làn khói đen sì.

“Ghi lại điều đó, hoa tiêu.” Teddy nói.

“OK, phi cơ trưởng.”

*

Họ đã cất cánh muộn. Là một tổ bay giàu kinh nghiệm, thường thì họ sẽ bay gần như đầu đoàn, nhưng cái động cơ phía trong ở cánh trái của họ bị trục trặc, do đó họ trở thành chiếc máy bay cuối cùng cất cánh khỏi phi trường và bay ở ngay phần đuôi của “đàn vịt trời” khi họ tới điểm hẹn phía trên Flamborough Head. “Chà, phải có ai đó chốt đoàn chứ.” Teddy nói, cố gắng động viên các đồng đội đang chán nản, nhưng lời động viên ấy không hiệu quả lắm. Họ đều biết rằng việc bị tụt lại đằng sau sẽ khiến họ dễ dàng trở thành một mục tiêu cho các chiến đấu cơ nhắm đến - bởi vì khi ấy họ sẽ trở thành đốm sáng nhỏ tách biệt hiện lên rõ rệt trên màn hình radar của quân đội Đức, chứ không còn là một phần của một đội hình đông đúc chặt chẽ, khó tiêu diệt nữa.

Đương nhiên, một đội hình máy bay ném bom đông đúc cũng có mặt trái đáng sợ. Trước đây, họ từng tham gia cuộc không kích Cologne trong một đội hình có đến cả nghìn chiếc máy bay. Đó là lần đầu tiên Harris sử dụng nhiều

chiếc phi cơ đến vậy trong một cuộc không kích. Trong một đoàn máy bay lớn như thế, bạn sẽ thấy mình bị luồng khí từ động cơ của chiếc máy bay đằng trước phụt thẳng vào mặt, khiến bạn di chuyển khó khăn, và suốt lúc đó sẽ tự hỏi tất cả những chiếc máy bay khác đang ở đâu. Teddy đã cảm thấy rằng mối nguy hiểm lớn nhất không phải đến từ các chiến đấu cơ hay hỏa lực phòng không của Đức mà đến từ chính họ. Họ đã được xếp thành nhiều lớp, những chiếc Stirling chậm chạp bay ở dưới cùng, những chiếc Lanc^[126] có khả năng bay cao thì bay ở trên cùng, còn những chiếc Halifax thì bị kẹp ở giữa như nhân của chiếc bánh sandwich. Tốc độ chuẩn, độ cao và vị trí của mỗi chiếc máy bay đều đã được quyết định từ trước, nhưng như thế không có nghĩa là tất cả mọi người đều ở đúng chỗ của mình.

Trên đường đi, có lúc một chiếc Halifax khác bay qua ngay sát trên đầu họ, chỉ cách họ chừng sáu mét, thân hình đen ngòm kênh càng của nó trông giống hệt một con cá voi - một con cá voi có những ống xả đỏ rực. Sau đó, trên đường tới mục tiêu, Vic Bennett, đang ở trong tháp pháo giữa, bỗng hét lên thất thanh bởi vì một chiếc Lancaster phía trên bọn họ vừa mở cửa khoang chứa bom, vậy là Teddy phải lạng lách để né tránh nó, vừa tránh vừa lo mình sẽ đâm sầm vào một chiếc máy bay khác.

Họ đã chứng kiến một cuộc va chạm ở gần họ đến mức đáng ngại, một chiếc Halifax bên cánh trái của họ tự dưng bay chéo qua đội hình máy bay ném bom và một chiếc Lancaster đã đâm sầm vào nó. Chiếc máy bay của họ - khi ấy họ vẫn còn lái chiếc máy bay có tên riêng là *J-jig* - chao

đảo bởi sức ảnh hưởng từ vụ nổ kinh hoàng. Những dải lửa trắng sáng chói bốc lên từ những bình xăng ở hai cánh của chiếc Lanc, và Teddy hét lên với các xạ thủ của mình rằng không được nhìn vào chúng để đề phòng bị mất khả năng nhìn trong đêm tối.

Họ đã tìm ra Cologne không khó khăn gì. Lúc họ đến mục tiêu, nó đang cháy rừng rực, khắp nơi toàn là lửa và khói, chúng đã che khuất những quả pháo sáng đánh dấu, vì vậy họ tiến thẳng đến giữa đám cháy lớn nhất để thả bom rồi bỏ đi. Khi hồi tưởng lại, Teddy cảm thấy đó có vẻ là một cuộc không kích chẳng có gì ấn tượng, bất chấp quy mô đồ sộ của nó, và thành thực mà nói, bây giờ Teddy hầu như không thể nhớ nổi các chi tiết. Có cảm giác như anh đã sống rất nhiều cuộc đời. Hoặc có lẽ cuộc đời anh chỉ là một đêm trường bất tận, giống như trong thơ của Blake.

Và bản chất của thời gian cũng biến đổi. Trước kia, nó giống như một tấm bản đồ thên thang - dường như bất tận - trải ra trước mắt anh và anh có thể lựa chọn hướng mình sẽ đi. Giờ thì tấm bản đồ chỉ trải ra dưới chân anh từng bước một và có thể biến mất vào bất cứ lúc nào. “Chị cũng cảm thấy như vậy lúc những cuộc tấn công ở London lên đến đỉnh điểm.” Ursula nói, cố gắng giải thích phép ẩn dụ vòng vo này khi anh gặp cô trong chuyến nghỉ phép đầu tiên của anh - cứ mỗi sáu tuần họ lại được nghỉ sáu ngày, và anh đã lựa chọn nghỉ phép ở London thay vì về Góc Cáo. Anh thậm chí còn chẳng nói với Sylvie là anh được nghỉ phép.

“Trước chiến tranh thì...” Ursula nói. “... Ngày nào cũng như ngày nào, đúng không? Ở nhà, đi làm, rồi lại về nhà. Thói quen làm cho các giác quan cùn đi. Thế rồi, đột nhiên người ta có cảm giác rằng họ đang sống ở rìa cuộc đời họ, như thể họ không bao giờ biết được liệu họ sắp sửa rơi xuống hay bay lên.” Teddy nhận thấy dù rơi xuống hay bay lên thì kết cục họ cũng chẳng thể hạ cánh một cách nhẹ nhàng được.

“Em cũng nghĩ vậy.” Anh đồng ý, nhận ra rằng anh không thực sự hiểu mình đang nói gì và chẳng quan tâm lắm. Anh sống cuộc đời của mình trước mặt cái chết. Đó là cách nói đơn giản, ngắn gọn, chẳng cần phải vòng vo bằng mấy phép ẩn dụ văn hoa, bóng bẩy.

*

“Tám phút nữa là tới mục tiêu, phi cơ trưởng.”

“OK, hoa tiêu.”

“Hãy cảnh giác, các xạ thủ.”

“Vâng, phi cơ trưởng.”

“OK, phi cơ trưởng.”

Các xạ thủ không cần nhắc nhở, đây chỉ là một cách để mọi người giữ liên lạc với nhau. Anh biết họ đang lia mũi súng khắp bầu trời, giữ vững cảnh giác như mọi khi. Tính từ phi vụ đầu tiên đến giờ, họ hầu như không phải khai hỏa những khẩu súng của mình. Lúc họ bắt đầu nổ súng cũng là lúc họ tự đánh dấu mình thành mục tiêu cho quân địch nhắm đến. Một chiếc chiến đấu cơ có thể dễ dàng bỏ sót họ

trong bóng tối, nhưng nếu họ bắn một tràng đạn lửa đỏ rực ngay ở cửa máy bay, nó sẽ sớm phát hiện ra họ. Những khẩu đại bác to xác của nó sẽ có tính sát thương cao hơn những khẩu súng máy Browning nhỏ bé của họ. Các xạ thủ súng máy về cơ bản chỉ là người canh gác. Có những xạ thủ chẳng phải bắn một viên đạn nào suốt cả một kỳ quân dịch.

Chị gái Pamela của Teddy đã kết hôn với một bác sĩ, anh ta từng nói với Teddy rằng anh ta đã đọc được một mẫu tin về những thí nghiệm trong buồng ôxy, kết quả cho thấy ôxy sẽ giúp ích cho thị lực của các xạ thủ, và thị lực của họ cũng là thứ đầu tiên mất đi nếu bị thiếu ôxy. Kể từ đó, Teddy bắt đầu bắt các xạ thủ của mình đeo mặt nạ ôxy từ lúc cất cánh cho đến khi hạ cánh.

Họ đang ở chính giữa một khu vực được phòng thủ dày đặc. Một bức màn khói xám từ hàng rào hỏa lực phòng không nằm lơ lửng trước mặt họ, đó là tấm rèm khói chất nổ mà họ phải vượt qua.

So với những cuộc không kích quy mô lớn với hàng nghìn chiếc máy bay ném bom, đêm nay là một cuộc không kích tương đối vừa phải, chỉ có chừng hai trăm chiếc phi cơ - trong số đó có mười hai chiếc thuộc phi đoàn của họ - tất cả bay theo đội hình giống như một bầy ngỗng, thẳng tiến về vùng Ruhr, Thung lũng Hạnh phúc.

Họ đã nhìn thấy một chiếc Lancaster bị một chiến đấu cơ bắn trúng phần cánh và rơi xuống, bốc cháy ngùn ngụt như một chiếc lá bằng lửa đang chao rụng, và họ cũng đã nhìn thấy một “anh bạn” Halifax bị đèn pha chiếu rọi khi nó đi qua hàng rào phòng thủ của vùng Ruhr. Nó bị luồng sáng

chính màu xanh dương “tóm gọn” và họ lảng lảng theo dõi những luồng sáng phụ chuyển hướng, giống như những cỗ máy tự động vô hồn, chiếu về phía con mồi của chúng, khiến nó như bị mắc kẹt trong ánh sáng trắng chói lòa, rồi những quả đạn pháo được phóng lên một cách tàn nhẫn, nhắm vào chiếc máy bay tội nghiệp. Chiếc Halifax tuyệt vọng bổ nhào xuống theo đường xoắn ốc, nhưng những luồng sáng vẫn bám theo nó không ngừng nghỉ, và hẳn là hỏa lực phòng không hạng nặng đã bắn trúng nó bởi vì họ thấy nó nổ tung thành một quả cầu lửa khổng lồ.

“Ghi lại điều đó, hoa tiêu.” Teddy nói bằng giọng bình thản. “Có ai nhìn thấy người nào nhảy dù không?”

Những tiếng “không” lầm rầm vang lên trên hệ thống liên lạc nội bộ, tiếp đó là tiếng thốt của Keith: “Máy thăng cha tội nghiệp.” Họ đã bị bắn hạ ngay trước mắt cậu ta, ngay trước mũi chiếc máy bay này, khi đang chuẩn bị tiếp cận mục tiêu. Quả là một cú sốc khi chứng kiến một chiếc phi cơ rơi xuống, nhưng chẳng có thời gian để nghĩ về điều đó. Kẻ bị bắn hạ không phải là ta, đó mới là điều quan trọng.

Nếu chúng con phải ra đi, Teddy cầu nguyện, xin hãy để chúng con ra đi trong tích tắc, trở thành một quả cầu lửa chứ không phải bị rơi xuống. Nhưng bằng cách nào thì cũng sẽ không có cú hạ cánh nhẹ nhàng. Không phải anh đang nghĩ gở, anh chỉ tuân theo thuyết định mệnh mà thôi. Vào lúc này - hay đúng ra là vào bất cứ lúc nào - điều mà tổ bay của anh không mong muốn nhất là một đội trưởng thoái chí. Đặc biệt là đêm nay, khi họ đều đang bồn chồn lo lắng.

Teddy nghĩ trông họ cũng rệu rã nữa, một sự mệt mỏi không chỉ ở mặt thể xác. Anh còn nhận ra trông họ thật già cỗi. Mặc dù Keith chỉ vừa mới tổ chức ăn mừng sinh nhật lần thứ hai một bằng một bữa tiệc huyền não ở phòng sinh hoạt của các trung sĩ. Các hoạt động ăn mừng của họ toát lên vẻ hồn nhiên, giống như những cậu bé nghịch ngợm ở một bữa tiệc ồn ào dành cho trẻ con. Những dấu chân đen như bồ hóng in trên trần nhà, những lời hát bất nhã vang lên quanh cây đàn piano sau khi các cô gái WAAF đã về đi nghỉ (thi thoảng một, hai cô gái táo bạo vẫn nán lại). Suy cho cùng, cũng không quá khác biệt so với Augustus và những người bạn nhỏ của cậu ta.

Sylvie, vốn hay trễ giờ, luôn chỉnh những cái đồng hồ ở Góc Cáo chạy nhanh hơn mười phút (một thói quen dễ khiến mọi người nhầm lẫn hơn là giúp mọi người đúng giờ). Teddy nghĩ giờ đây sẽ tốt hơn biết bao nếu có ai đó vặn ngược chiếc đồng hồ của họ, để họ tưởng rằng đây chỉ là phi vụ thứ hai chín chứ không phải phi vụ thứ ba mươi, và giải thoát họ khỏi những dự cảm u ám.

Vấn đề càng trở nên tệ hơn khi trên máy bay của họ có một phi công phụ. Cậu ta là một phi công tập sự đang chuẩn bị “nhúng chàm” trong chuyến xuất kích đầu tiên. Theo thông lệ, một tân binh thường được gửi kèm theo một tổ bay giàu kinh nghiệm để “quan sát học hỏi” trước khi dẫn dắt tổ bay của riêng mình trong các phi vụ, nhưng vì lý do nào đó, một viên phi công phụ non tay bị coi là kẻ mang lại xui xẻo. Teddy thấy niềm tin này khá vô căn cứ. Lần “nhúng chàm” đầu tiên của anh là một chuyến bay ném

bom các bến cảng ở Wilhelmshaven với tổ bay của chiếc *C-Charlie*, lúc bấy giờ họ đang trong phi vụ thứ mười hai và gần như không quan tâm đến sự tồn tại của anh, như thể chỉ cần lờ anh đi là họ có thể giả vờ như chẳng có ai đang ngồi ở ghế lái phụ. Khi trở về, chiếc *C-Charlie* hầu như chẳng bị tổn hại gì - ngoại trừ vài vết thủng vì trúng hỏa lực phòng không và một động cơ bị hỏng - nhưng ngay cả sau khi đã hạ cánh, cả tổ bay vẫn né tránh anh cứ như anh có thể làm hại họ bằng một cách nào đó. Chẳng bù cho tổ bay của anh, họ sướng điên lên khi thấy anh trở lại mặt đất “bình an vô sự”, sau đó cả bọn kéo nhau đến một quán rượu địa phương để chè chén say sưa, ăn mừng sự kiện này, không quên kéo theo cả tổ mặt đất. Quán Thiên Nga Đen, được mọi người biết đến với cái tên Vịt Lấm Bùn, có ông chủ rất dễ tính. Ông ta cho phép các tổ bay được ghi nợ dù biết rằng nhiều người trong số họ sẽ chẳng bao giờ trả được khoản tiền đó. Dựa vào sổ nợ của ông ta cũng có thể tính được bao nhiêu người đã chết.

Trong kỳ quân dịch thứ hai của Teddy, có một tổ bay mới - lái chiếc *W-William* - bị mất phi công khi cậu ta tham gia chuyến bay với một tổ bay khác. Họ lập tức được bổ sung người thay thế, nhưng viên phi công thay thế này cũng phải tham gia một chuyến bay “dự thính” và cũng không trở về. (Suy cho cùng, có lẽ họ đúng là những kẻ mang lại vận xui.) Lúc này, tổ bay mới thiếu phi công ấy vô cùng hoang mang, giống như những chú chó lo lắng, vì vậy khi họ được chỉ định viên phi công thứ ba (đương nhiên cậu ta rất căng thẳng), Teddy đã đi kèm cả đội trong phi vụ đầu tiên của

họ, cậu phi công mới phải ngồi ở ghế lái phụ của chiếc *W-William*, chiếc máy bay của chính cậu ta. Đó là một cuộc không kích thử nghiệm ở Berlin mà họ phải dốc toàn bộ sức lực và họ đã cố gắng giữ vững tinh thần.

Khi hạ cánh, họ vỡ òa vì vui sướng. “Làm tốt lắm, các cậu bé.” Anh nói. Họ *đúng* là các cậu bé vì trong số họ chẳng có thành viên nào quá hai mươi tuổi. Họ mời anh đi uống rượu cùng trong phòng sinh hoạt chung của các trung sĩ - họ nói rằng suy cho cùng, anh cũng là một thành viên trong tổ bay của họ. Anh nhận lời nhưng ra về sớm. “Liều lĩnh đúng chỗ thì mới đáng liều lĩnh.” Anh viết cho Ursula, vì đây là một trong những câu cách ngôn mà cô tâm đắc.

“Không phải lúc nào cũng vậy.” Cô hồi đáp.

Ngày hôm sau, chiếc *W-William* tiếp tục đi làm nhiệm vụ, lần này là một chuyến rải mìn tương đối an toàn, họ phải thả những quả mìn mà họ gọi là “rau” xuống Langeoog ở phía đông quần đảo Frisia. Teddy cảm thấy buồn bã hơn thường lệ khi đọc những dòng chữ quen thuộc trong nhật ký của các phi vụ vào ngày hôm sau. *Phi cơ này cất cánh lúc 16 giờ 20 phút và không trở về. Do đó, nó được báo cáo là mất tích.* Sau chiến tranh, mỗi khi nhìn xuống biển Bắc, anh nhận thấy mình khó mà không nghĩ rằng nó là một nghĩa địa nước khổng lồ, chứa đầy những bộ khung máy bay gỉ sắt và những thi thể trẻ trung.

Trong chuyến xuất kích tiếp theo, tổ bay của chiếc *C-Charlie*, những người đã miễn cưỡng tiếp nhận Teddy làm phi công phụ, đã bị hết nhiên liệu khi đang tìm chỗ đậu trong màn sương mù và đâm sầm xuống những trảng đất

gần Helmsley. “Phi vụ thứ mười ba của họ.” Vic Bennett nói, như thể đó chính là nguyên nhân. Cậu ta là người mê tín nhất trong số tất cả bọn họ. Khi họ bay tới Stuttgart trong phi vụ thứ mười ba - lại rơi đúng vào ngày thứ Sáu - cậu ta đã nhờ cha tuyên úy ban phước đặc biệt cho chiếc *J-Jig* già cỗi tội nghiệp, và cha tuyên úy - một người vui tính, nhiệt tình - đã rất vui vẻ thực hiện yêu cầu đó.

Các tổ bay tin rằng năm phi vụ đầu tiên và năm phi vụ cuối cùng là những chuyến bay nguy hiểm nhất, mặc dù theo những gì Teddy nhận thấy, các quy luật về xác suất có hiệu lực vào bất cứ thời điểm nào. Chỉ có một phần sáu trong số các tổ bay hoàn thành được kỳ quân dịch đầu tiên. (Chưa bao giờ có nhiều người bị ám ảnh bởi những con số thống kê đến thế, anh nghĩ.) Chẳng cần đến cô bạn của Ursula trong Bộ Không quân, anh cũng biết rằng tỷ lệ sống sót của lính không quân bọn anh là rất thấp. Vào đầu kỳ quân dịch này, nếu Teddy là một người đánh bạc (dĩ nhiên anh không phải người như thế), anh sẽ không đặt cược rằng họ sẽ sống sót cho đến khi nhìn thấy cháu của họ. Hoặc con của họ, vì họ thậm chí còn chưa có con. Chưa một ai trong số họ lập gia đình, và Teddy ước đoán ít nhất một nửa trong số họ là trai tân khi anh lần đầu gặp họ. Giờ thì còn ai ở trong tình trạng đó không? Anh không biết. Vic Bennett thì không, cậu ta đã đính hôn với một cô gái tên là Lillian (Lil) và lúc nào cũng nói về cô ấy, kể cả những chuyện mà họ “làm với nhau”.

Tuần tới Vic sẽ kết hôn với Lillian, tất cả bọn họ đều được mời dự đám cưới. Teddy không nghĩ Vic lại lập ra các

kế hoạch như vậy. Bản thân anh không còn lập các kế hoạch nữa. Đối với anh, chỉ có hiện tại mà thôi, và sau cái hiện tại này sẽ là một cái hiện tại khác. Nếu ta may mắn. (“Em sẽ trở thành một nhà sư tuyệt vời đấy.” Ursula nói.)

“Nếu cậu nhìn vào tỷ lệ người chết...” Cô bạn của Ursula ở Bộ Không quân nói, nghiêm trang nhấm nháp một ly rượu gin màu hồng^[127]. “... Vậy thì, dựa vào Toán học mà nói, cái chết là điều không thể tránh khỏi.” Tất nhiên, còn có những cách hiểu khác khi nhìn vào các số liệu ấy, cô ta vội vã nói thêm khi Ursula trừng mắt nhìn cô ta. Teddy gặp cô ta khi anh đang nghỉ phép vào tháng Năm tiếp theo. Ba người họ đi uống rượu cùng nhau rồi sau đó đi nhảy ở Hammersmith Palais. Teddy cảm thấy không vui, anh không thoải mái vì có cảm giác rằng mỗi lần cô gái ở Bộ Không quân nhìn anh, cô ta lại nhìn thấy một loạt các bảng thống kê.

Nancy có biết sự tính toán số người chết đầy lạnh lùng này trong Binh chủng Máy bay ném bom không? Có lẽ là không. Cô đang được bao bọc ở đâu đó trong chốn an toàn lãnh đạm ở một trụ sở của những người trí thức. Cô đang cố gắng sắp xếp gặp anh ở London ngay khi kỳ quân dịch này kết thúc. Cô đã viết: “Hay là em đến dự lễ cưới đồng nghiệp của anh nhỉ? Anh có thể kiếm được thiệp mời cho em không, hay các cô bạn gái sẽ bị cho ra rìa?!” Anh cảm thấy giọng điệu của lá thư này hoàn toàn sai trái. Cách cô dùng sai từ “đồng nghiệp” chẳng hạn. Vic Bennett không phải là một “đồng nghiệp”. Cậu ta là *một phần* của Teddy, giống như một cánh tay hay một cái chân. Cậu ta là một người bạn thân, một người bạn chí cốt, một đồng chí. Nếu nên

văn minh tiếp tục tồn tại - hiện nó đang ở tình trạng bấp bênh - liệu nó có trở thành một xã hội bình đẳng không? Một Jerusalem mới đầy những người theo phong trào Cào bằng và Đào sâu? Và chắc chắn RAF không phải là nơi duy nhất mà các rào cản giai cấp bị sụp đổ, vì tất cả mọi người buộc phải chung tay góp sức với nhau. Teddy đã kể vai sát cánh với những người đàn ông - và phụ nữ - mà anh sẽ không bao giờ chạm mặt nếu vẫn đang ở trong cái thế giới của trường tư, Oxbridge^[128], ngân hàng. Anh có thể là đội trưởng của họ, anh có thể là người phải chịu trách nhiệm với họ, nhưng anh không phải là thượng cấp của họ.

Anh đã đốt lá thư của Nancy trong cái lò ở lều của anh. Chúng luôn khát nhiên liệu.

*

“Còn bốn phút nữa là tới mục tiêu, phi cơ trưởng.”

“OK, hoa tiêu.”

“Còn bốn phút nữa là tới mục tiêu, lính cắt bom.”

“OK, phi cơ trưởng.”

“Cái động cơ chết tiệt nằm ở phía trong của cánh trái ấy vẫn đang dở chứng, phi cơ trưởng.” Norman Best nói. Đền trên đồng hồ đo áp suất nhiên liệu cứ nhấp chồm suốt chuyến bay, như thể nó có sinh mệnh. Đó chính là cái động cơ đã trì hoãn việc cất cánh của họ, và Norman đã giám sát nó với vẻ nghi ngại được một lúc rồi. Vic Bennett nói may mà họ cất cánh muộn. Chẳng hiểu sao cậu ta lại quên mất “tấm bùa may mắn” của mình và đã thuyết phục được cô

gái WAAF - người đã chở họ ra địa điểm tập kết để lên máy bay - đưa cậu ta trở lại phòng thay đồ để lấy nó trong lúc tổ mặt đất xử lý cái động cơ hư hỏng. Tổ mặt đất là những người hùng thầm lặng của “lực lượng cò lê” - nào thợ lắp ráp, thợ sửa chữa, thợ máy, toàn bộ đều là hạ sĩ quan hoặc lính trơn, làm việc suốt ngày đêm trong mọi loại thời tiết. Họ vẫy tay tiễn các tổ bay lên đường và đón chào các tổ bay trở về. Họ có thể thức suốt đêm trong căn lều của mình vào những đêm xuất kích ảm đạm, chờ đợi chiếc máy bay “của họ” về nhà an toàn. Họ chẳng có tấm bùa may mắn nào, chỉ có những cú bắt tay lịch sự khấp lượt khi các tổ bay khởi hành và lời hẹn “Gặp lại vào sáng mai nhé!”

“Tấm bùa” đặc biệt của Vic Bennett là chiếc quần lót bằng xa tanh màu đỏ của vị hôn thê của cậu ta, cô nàng Lil đã được nói đến lúc trước. Những thứ “không thể nhắc đến” này, theo cách gọi của Vic, được gấp gọn gàng và được cất trong túi bộ đồ chiến của cậu ta trong mỗi chuyến bay. “Nếu chúng ta có thể dự đám cưới của cậu ấy...” Keith nói. “... Tớ biết tất cả chúng ta sẽ nghĩ gì khi cô dâu then thùng đỏ mặt bước dọc lối đi giữa hai hàng ghế.”

“Chính tớ sẽ đỏ mặt thì có.” Kenny Nielson nói.

May mắn là điều quan trọng nhất. “Thế quái nào mà người ta lại hình tượng sự may mắn thành một quý cô chứ.” Keith nói. “Nó chỉ là một ả điểm quái quỷ.” Sự mê tín lan tràn khắp căn cứ của họ. Dường như tất cả mọi người trong phi đoàn đều có một loại bùa may cho riêng mình - một lợn tóc, một bức hình Thánh Christopher, một quân bài, một bàn chân thỏ đâu đâu cũng thấy. Có một trung sĩ không

quân luôn hát bài *E Donna Mobile* khi họ thay đồ bay và một người khác phải xỏ chân trái vào giày trước chân phải. Nếu anh ta quên, anh ta phải cởi hết quần trang ra và mặc lại từ đầu. Anh ta đã sống sót sau cuộc chiến. Còn viên trung sĩ không quân hát bài *E Donna Mobile* thì không. Hàng trăm người khác với những nghi thức và vật thiêng kỳ cục riêng cũng không thoát khỏi lưỡi hái của tử thần. Người chết nhiều vô số kể và những vị thần có những kế hoạch của riêng họ.

Keith không có bùa may nào, cậu ta tuyên bố rằng gia đình cậu ta là một gia đình “ngược đời”, vận may của họ trái ngược với tất cả mọi người, và cậu ta có thể đi qua dưới một cái thang với một tá con mèo đen băng qua trước mặt mà vẫn sẽ “bình an vô sự”. Tổ tiên của cậu ta là dân Di gan Ireland, bị trục xuất tới Australia vì lối sống du mục. “Có lẽ không phải là dân Di gan thực thụ.” Cậu ta nói. “Tôi nghĩ họ chỉ là những kẻ ma cà bông, lang thang, vất vưởng thôi.”

Kenny Nielson là thành viên nhỏ nhất trong một gia đình có tới mười người con, là “út ít” trong nhà, và bùa may của cậu ta là một con mèo đen nhỏ sồn mồn - chỉ đúng một con duy nhất ấy - do một cô cháu gái của cậu ta vụng về khâu lại từ những miếng nỉ. Sinh vật đó trông thảm hại như thể nó đã ở trong miệng một con chó gần cả cuộc đời vậy.

Và bùa may của Teddy chính là con thỏ rừng bằng bạc mà Ursula đã cho anh, lúc đầu anh chẳng đoái hoài đến nó nhưng bây giờ, trong mỗi chuyến bay, nó luôn được nằm gọn gàng trong túi áo anh, ngay bên trên trái tim. Anh đã vô thức lập nên nghi thức của riêng mình, đó là chạm vào

con thỏ như thế nó là một thánh tích trước khi cất cánh và sau khi hạ cánh, thầm nguyện cầu và cảm ơn. Anh không thể sờ hẵn vào sinh vật nhỏ bé vô tri vô giác ấy qua lớp áo khoác bay bằng da cừu và chiếc áo phao Mae West dày cộp. Nhưng anh biết nó đang ở đó, âm thầm nỗ lực hết sức để bảo vệ anh.

Họ râu rĩ thơ thẩn đi đi lại lại trong lúc đợi cô gái WAAF chở Vic quay lại. George Carr ăn hết khẩu phần sô cô la của mình như thường lệ. Những người khác thì để dành, nhưng George lý luận rằng cậu ta có thể chết trong cuộc không kích và “không bao giờ được thưởng thức nó nữa”. Cậu ta nói trong thời thơ ấu của cậu ta ở Lancashire, sô cô la từng là thứ của hiếm không dễ gì có được.

Họ hút điếu thuốc cuối cùng trước khi phải nhin suốt sáu tiếng đồng hồ sắp tới hoặc có thể còn lâu hơn nữa, đi tiêu ở đuôi chiếc máy bay S-Sugar và ủ rũ nhìn chằm chằm xuống đất. Ngay cả cậu nhóc người Scotland bình thường hoạt bát cũng im như thóc. Viên phi công phụ tội nghiệp bắt đầu tỏ vẻ như thể đang trên đường tới chỗ hành hình. “Họ luôn như thế này à?” Cậu ta thì thầm với Teddy, và Teddy không thể nói với cậu bé tội nghiệp rằng: “Họ nghĩ tối nay họ sẽ tiêu đời.” Thay vì thế, anh tiết lộ cho cậu ta biết về tính nết chung của tổ bay mình và nói: “Không, họ chỉ là một đám ngốc nghếch khốn khổ thôi.”

Sáng hôm đó, Teddy đã nhận được một lá thư từ Ursula. Chỉ là một lá thư bình thường như bao lá thư khác, nhưng ở cuối thư cô đã viết “Em thế nào?”, và thứ tình cảm được dồn nén trong ba từ đơn gọn gàng ấy có vẻ đã ứa ra khỏi

trang giấy, hóa thân thành thứ gì đó lớn hơn và xúc động hơn nhiều. “Ở đây ổn cả.” Anh hồi âm với sự cô đọng tương tự. “Chị không phải lo lắng cho em đâu.” Anh bổ sung thêm, tặng cô món quà trấn an là một câu nói chứa từ có hai âm tiết.

Anh đã nhờ một cô gái WAAF có nhiệm vụ xếp dù tên là Nellie Jordan đi gửi lá thư hộ anh. Cô ta vốn phải lòng anh. Các cô gái WAAF đều mê mẩn Teddy. Anh ngờ rằng lý do chỉ đơn giản là vì anh đã ở đây lâu hơn hầu hết những người khác. Đó là một lá thư cần được gửi đi, không phải là loại được cất trong ngăn kéo của anh phòng trường hợp anh không trở về. Teddy có ba lá thư cất trong ngăn kéo, một cho mẹ anh, một cho Ursula và một cho Nancy. Chúng đều có lời lẽ giống nhau, nói rằng anh yêu họ, và họ không được quá đau lòng bởi vì anh đã chết khi đang làm một việc mà anh tin tưởng, và họ nên tiếp tục cuộc sống của mình bởi vì đó là điều anh mong muốn. Đại loại vậy. Anh không nghĩ lá thư vĩnh biệt một chiều này là chỗ để xem xét, tự vấn lương tâm hoặc phơi bày sự thật. Anh đã cảm thấy kỳ lạ khi viết về bản thân mình trong một tương lai nơi anh không tồn tại, như thể anh là một câu đố trừu tượng hóc búa.

Nếu anh chết, ai đó từ ủy ban chỉnh lý - một uyển ngữ kỳ cục - sẽ tới và nhanh chóng dọn dẹp quân trang của anh. Bất cứ thứ gì khiến cho một bà mẹ hay một người vợ phải bồn thần nghĩ ngợi - chẳng hạn như tranh ảnh khiêu dâm, thư gửi cho người phụ nữ khác hoặc bao cao su - sẽ được cất vào một cái túi khác. Teddy thì chẳng có bí mật gì phải giấu giếm, ít nhất là những bí mật để lại bằng chứng sờ sờ

trước mắt. Thi thoảng anh tự hỏi chuyện gì xảy ra với những vật bị loại bỏ vì lòng nhân đạo này - họ chỉ đơn giản vứt chúng đi hay có một cái kho ở đâu đó chứa đầy những bí mật không mong muốn ấy? Anh không bao giờ tìm ra câu trả lời cho câu hỏi này.

Sang năm sau, trong kỳ quân dịch thứ hai của anh, anh tình cờ mở cửa một nhà kho ở căn cứ và thấy nó treo đầy những bộ đồng phục của không quân. Lúc đầu, anh cứ nghĩ chúng là quân phục dự phòng, cho đến khi anh nhìn kĩ hơn, thấy những phù hiệu, quân hàm, cùng những tấm huân chương đeo trên dải ruy băng và nhận ra chúng được lấy từ cơ thể của những người chết và người bị thương. Nếu lúc đó anh chưa ít nhiều từ bỏ thi ca thì những bộ quân phục không người mặc ấy sẽ là một hình ảnh giàu chất thơ, khơi gợi lên cảm hứng trong anh.

Thi thoảng, khi một tổ bay mới đến một căn cứ không quân, họ thấy rằng trong những cái lều Nissan, đồ đạc của những người từng ở đó trước họ vẫn rải rác khắp nơi, như thể mấy người ấy sắp sửa trở về và bước từ ngoài vào. Ủy ban chính lý sẽ xua họ ra ngoài để tiện “dọn dẹp”, gói ghém đồ đạc của người chết khi các cô gái WAAF hay cần vụ thay mới chăn ga gối. Và thi thoảng những chàng tân binh ấy sẽ xuất kích ngay trong đêm đó và không trở về, thậm chí họ còn chưa được ngủ trên những cái giường mới được dọn dẹp sạch sẽ kia. Họ có thể đến rồi đi mà chẳng một ai biết đến. Tên của họ được viết trên mặt nước, bị đốt trên mặt đất, bị tán nhỏ vào thình không. Nhiều không đếm xuể.

*

Vic Bennett quay trở lại, giọng cao “thứ không thể nhắc đến” (“Tuy nhiên lại được nhắc đến quá thường xuyên.” Mac mĩa mai nói) và họ trèo lên chiếc *S-Sugar*, vật thay thế cho chiếc *J-Jig* trước đây. *J-Jig* là một con quái vật kênh càng. Giống như nhiều chiếc Mark II khác, nó có vẻ chẳng muốn rời khỏi mặt đất. Nếu nó là một con ngựa, nó sẽ là loại ngựa mà ta phải động viên khuyến khích để nó bắt đầu cuộc đua, chưa nói đến việc hoàn thành vòng đua ấy, và nếu ta không hiểu được nó, nếu ta không được cảnh báo về những nhược điểm của nó, đặc biệt là cái thói lạng về bên phải như muốn tự sát, rất có thể nó sẽ kết liễu cuộc đời ta trước cả khi phi vụ của ta bắt đầu.

Đêm nay là phi vụ thứ hai họ bay bằng chiếc *S-Sugar*. Nó là một chiếc phi cơ vừa được xuất xưởng, mới tinh như tổ bay của nó hồi còn là tân binh vậy. Tất cả bọn họ đều đã muốn kết thúc kỳ quân dịch của mình trên chiếc *J-Jig*, nhưng tiếc thay giờ nó chỉ còn là một hồi ức thân thương. Nó đã mang lại may mắn cho họ, giúp họ được an toàn, và họ vẫn còn rất căm phẫn vì mất nó, tin rằng đây là một dấu hiệu nữa cho thấy họ sẽ không hoàn thành được phi vụ thứ ba mươi. Trên thân nó vẽ hình hai mươi sáu quả bom, mỗi quả tượng trưng cho một phi vụ mà nó đã hoàn thành, một chiếc chìa khóa cho phi vụ thứ hai mươi một, một cây kem ốc quế mà một anh chàng vui tính nào đó đã tặng cho nó nhân dịp nó tham gia cuộc không kích ở Ý. Chiếc *S-Sugar* tính đến nay mới chỉ tham gia một phi vụ duy nhất là

chuyến không kích Dusseldorf, và họ vẫn chưa kịp đánh dấu kỷ niệm phi vụ đó. Mặc dù nó còn mới toanh nhưng chẳng ai trong số họ tin tưởng nó cả. Cái động cơ bên cánh trái quá nóng chỉ là một trong nhiều mối phiền toái của nó mà thôi.

Sĩ quan chỉ huy của họ đã đi cùng chuyến xe với Vic tới địa điểm lên máy bay và đang tỏ ra sốt ruột. “Còn mười phút.” Ông ta nói, gõ gõ vào đồng hồ đeo tay. Còn mười phút nữa để cất cánh, nếu không họ sẽ bị muộn và chuyến xuất kích này sẽ bị hủy bỏ.

Cô gái WAAF lái chiếc xe tải chở viên sĩ quan chỉ huy đi theo chiếc máy bay dọc đường vành đai, rồi đỗ lại cạnh chiếc caravan điều hành bay. Sau đó, họ trèo xuống, nhập hội với đoàn người đưa tiễn trông khá phờ phạc đang kiên nhẫn chờ đợi để vẫy chào tổ bay của Teddy. Teddy ngờ rằng vài người trong số đó đã từ bỏ hy vọng chiếc máy bay sẽ cất cánh và đã mặc kệ họ mà ra về trước.

Họ ì ạch di chuyển trên đường băng, tất cả mọi người đều hăng hái vẫy tay với họ, đặc biệt là sĩ quan chỉ huy, ông ta luôn cố gắng có mặt ở đó trước mỗi chuyến cất cánh, và thường tạo ấn tượng rằng ông ta tin nếu mình vẫy tay thật nhiệt tình - với cả hai cánh tay giơ cao, chạy theo họ bên đường băng sáng ánh đèn - ông ta sẽ giúp họ nhấc bánh xe lên thành công và kéo cái khoang chở đầy bom lên không trung. Đã có rất nhiều người thiệt mạng vì máy bay rơi ngay lúc vừa cất cánh. Vậy nên Teddy luôn cảm thấy nhẹ nhõm tốt độ khi anh nhấc được chiếc Halifax lên khỏi mặt

bê tông, bay lên phía trên những hàng rào và những rặng cây.

*

Nếu họ quay trở lại khi chưa đến được mục tiêu - chuyện này vẫn xảy ra suốt vì lý do thời tiết hoặc máy bay gặp trục trặc về kỹ thuật - thì những chuyến xuất kích ấy cũng không được tính là một phi vụ, bất kể họ đã trải qua một hành trình đáng sợ đến mức nào. “Bất công đếch chịu được.” Teddy nói. “Vô lý ghê gớm, ông bạn già ạ.” Keith nói, cố nhái theo giọng Anh của tầng lớp quý tộc nhưng nghe chả ra làm sao. Bấy giờ họ đang say sưa lè nhè nhân dịp được nghỉ ngơi trong bốn mươi tám giờ đồng hồ sau khi trở về từ Turin. Giờ Teddy mới nhận ra đáng lẽ họ không nên cố bay đến Turin mà nên trở lại giữa chừng, nhưng anh là một trong những viên phi công “kiên quyết tiến lên phía trước”. Vài người thì không.

Lần đầu tiên họ quay về giữa chừng là trong chuyến xuất kích thứ hai của họ, khi đó động cơ bên phải của họ bắt đầu rò rỉ dung dịch làm mát xuống biển Bắc và thiết bị liên lạc nội bộ của điện đài viên bị hỏng. Vì vậy lúc ấy Teddy đã đưa ra một quyết định mà anh nghĩ là đúng đắn, đó là trở về căn cứ sau khi trút hết những quả bom xuống biển Bắc. Sĩ quan chỉ huy của họ lúc đó - không phải là người bây giờ - đã không hài lòng. Ông ta không tán thành những chuyến trở về sớm, vì thế ông ta đã tra hỏi họ rất lâu về lý do tại sao họ không tiếp tục xông tới mục tiêu. Teddy

nghi lý do đã quá hiển nhiên - động cơ sẽ bị nóng quá mức và bốc cháy (Vào những ngày đầu tiên ấy, họ chẳng lạc quan chút nào về những chuyện như vậy) và họ cần giao tiếp với điện đài viên. “Thế ư?” Sĩ quan chỉ huy nói. “Dù tình cảnh ngặt nghèo thế nào cậu cũng phải cố mà xoay xở chứ, đúng không? Và một viên phi công giỏi sẽ chẳng lẩn tẩn gì về chuyện chỉ bay với ba động cơ.”

Đến lúc đó, Teddy mới nhận ra rằng họ không phải những chiến binh mà chỉ là những vật hy sinh vì đại nghĩa. Những con chim bị ném vào một bức tường, với hy vọng rằng cuối cùng, nếu có đủ số chim, chúng sẽ làm vỡ bức tường đó. Các số liệu thống kê trong những cuốn sổ cái to tướng của Bộ Chiến tranh của Maurice. (“Anh ta đã trở thành một gã khốn vênh vang tự đắc.” Ursula giận dữ viết.)

Và đó cũng là lúc Teddy quyết định rằng anh sẽ không để cho lòng dũng cảm của họ bị nghi ngờ lần nữa, họ sẽ không phải là “những người anh em yếu hèn” như lời nói của Harris, mà lần nào cũng sẽ “kiên định tiến tới” mục tiêu trừ phi hoàn toàn không thể, nhưng anh cũng sẽ cố gắng hết sức để giữ được tính mạng của cả tổ bay. Trong khoảng thời gian còn lại của kỳ quân dịch đầu tiên, mỗi khi họ không phải đi làm nhiệm vụ, anh thường bắt họ tập nhảy dù và hạ cánh trên mặt nước - họ chỉ tập chạy thôi vì không có điều kiện để tập trên không hay trên mặt nước thực sự, nhưng nếu họ biết phải làm gì, nếu họ thuần thục các thao tác, họ sẽ - có thể - vượt qua được những tỷ lệ u ám kia. Khi họ mới lập đội ở OTU, Vic và Kenny đã luyện bắn súng trên không nhiều hơn bất kỳ ai. Họ đã tiến hành những chuyến

bay ném bom giả ở cảng Immingham, tham gia vô số cuộc tập trận chung với máy bay chiến đấu để luyện rèn kỹ năng lẩn tránh. Teddy vẫn cố gắng cho họ thực hiện càng nhiều bài tập bay đường trường càng tốt, và thường xuyên tập trận chung với những chiếc chiến đấu cơ Spitfire từ căn cứ máy bay chiến đấu ở gần chỗ họ nhất. Anh thuyết phục cả đội thông thạo mã Morse và hiểu biết về công việc của nhau, để nhớ có rơi vào “hoàn cảnh ngặt nghèo” như lời viên sĩ quan chỉ huy máu lạnh kia, họ có thể thế chỗ nhau khi cần. Trên lý thuyết, Keith sẽ là người tốt nhất đảm nhiệm vị trí của Teddy nếu Teddy xảy ra chuyện gì, vì lúc đầu cậu ta đã được huấn luyện làm phi công, nhưng Teddy vẫn dạy cả Norman Best những bước lái máy bay sơ đẳng, “bởi vì cái gã xén lông cừu người Úc quái quỷ kia có thể lái “con diều^[129]” chết tiệt này nhưng hắn sẽ không thể làm cho nó hạ cánh”. Đạo này Teddy hay chửi thề, những từ đệm khiếm nhã là thứ dễ lây nhiễm, nhưng anh vẫn cố tránh những từ bậy nhất. Đương nhiên, nếu có chuyện gì xảy ra với Teddy thật, có lẽ tất cả bọn họ đều sẽ tiêu tùng cả.

Teddy biết rằng Mac luôn vạch ra lộ trình gần với những vùng đất trung lập nhất - Thụy Sĩ hoặc Thụy Điển hoặc Bồ Đào Nha - và vào những đêm trời trong, cậu ta sẽ trau dồi kỹ năng định vị bằng thiên văn của mình. Còn cậu chàng Norman Best rụt rè, nhút nhát thường mặc cả bộ quần áo kiểu Pháp bên trong bộ đồ chiến, kể cả quần lót. Đây là bộ đồ mà cậu ta kiếm được ở Paris hồi còn là sinh viên. Trong túi cậu ta còn nhét một chiếc mũ nồi Pháp xịn nữa. Cậu ta

đúng là một hướng đạo sinh, Teddy nghĩ. “Chuẩn bị sẵn sàng về mặt tinh thần bằng cách nghĩ trước bất cứ tai nạn hay tình huống nào có thể xảy ra.” Xem ra những kỹ năng sử dụng cung tên mà Teddy được học từ tổ chức Kibbo Kift sẽ chẳng giúp ích gì nhiều nếu anh phải trốn tránh ở Pháp.

Sau này, Norman phải nhảy dù xuống đất Pháp thật, khi bay cùng một tổ bay khác, trong kỳ quân dịch thứ hai của cậu ta vào năm 1943, nhưng mọi sự chuẩn bị của cậu ta đều hóa thành công cốc vì chiếc dù đã bốc cháy khi cậu ta nhảy ra khỏi máy bay, rồi cậu ta rơi thẳng xuống đất như một hòn chì dây dọi cháy rừng rực, thi thể của cậu ta không bao giờ được tìm thấy. Norman không mang theo bùa may nào, cũng không có nghi thức bắt buộc nào giống như George Carr, người phải quay vòng tròn theo chiều kim đồng hồ ba lần, giống như một chú chó đang tìm chỗ nằm, trước khi bước lên máy bay và nghĩ rằng không ai nhìn thấy.

Viên phi công tập sự khốn khổ đứng cạnh Teddy lúc cất cánh. Cậu ta tên là Guy - một cựu học sinh trường Eton, cậu ta khoe vầy với hy vọng có thể tạo nên một mối thân tình với Teddy. “Tôi không học trường Eton.” Teddy thờ ơ nói. Guy còn phải học hỏi nhiều. Nếu cậu ta sống đủ lâu. (“Đúng là một thằng ngốc.” Vic nói.)

Đương nhiên, cậu ta không phải là viên phi công tập sự đầu tiên bay cùng họ, họ từng bay với vài “kẻ lạc loài” - cách họ gọi những người có mặt trên máy bay nhưng không thuộc tổ bay của mình - khi các thành viên khác của tổ bay không thể tham gia phi vụ. George Carr từng được nghỉ phép để về dự tang cha. Mac từng bỏ lỡ một phi vụ bởi

bệnh viêm dạ dày, còn Kenny từng bị trật mắt cá chân khiến cậu ta không thể tham gia một cuộc không kích ở Bremen (hậu quả từ một cuộc diễn tập nhảy dù của Teddy). Vic Bennett đã lỡ mất phi vụ cuối cùng đầy kịch tính của chiếc *J-Jig* ở Turin tuần trước vì bị cảm lạnh nặng.

Mac đã bay bù với một tổ bay khác nhưng cả hai xạ thủ của họ vẫn thiếu một phi vụ để hoàn thành một kỳ quân dịch. Họ sẽ phải bay cùng tổ bay khác với tư cách “kẻ lạc loài”. Những kẻ đem lại vận xui.

Trong cuộc không kích Turin, họ đã bay với một xạ thủ trên không thay thế vị trí của Vic trong tháp pháo giữa. Giọng cậu ta nặng tiếng địa phương của vùng Tây Nam (“*Zummerzet*^[130]”) và cậu ta hầu như chẳng nói gì trong suốt chuyến đi.

Họ đã bay qua những đỉnh núi phủ đầy tuyết trắng của dãy Alps dưới ánh sáng rực rỡ của vầng trăng tròn vành vạnh. “Không nhiều người được chứng kiến cảnh này đâu, phải không, phi cơ trưởng?” Kenny Nielson nói oang oang trên hệ thống liên lạc nội bộ. Ngay cả Mac cũng ló ra từ sau bức màn của mình để “chiêm ngưỡng quang cảnh đó”. “Cũng gần bằng dãy Rocky.” Cậu ta nói. Kenny liền đáp: “Ừ, nhưng cậu chưa từng được thấy dãy Rocky *từ trên cao*, đúng không?” Keith bắt đầu lẩm bẩm gì đó về dãy núi Blue cho đến khi Teddy nói “Được rồi, mọi người”, trước khi họ sa đà vào cuộc tranh luận sôi nổi về các ưu, nhược điểm của những dãy núi trên thế giới.

“Kẻ lạc loài” chẳng có gì để nói về những ngọn núi. Teddy cho rằng ở Somerset không có nhiều núi. Ngoại trừ

vài chuyến đi biển ở Cornwall hồi anh còn nhỏ, miền Tây Nam là vùng đất anh chưa được khám phá. Anh nghĩ nếu sống sót sau chiến tranh, anh sẽ đi một vòng quanh nước Anh, khám phá tất cả đường lớn, đường nhỏ, những ngôi làng ít người biết đến, những di tích hùng vĩ, những đồng cỏ, trảng đất và hồ nước. Tất cả mọi thứ đang được họ chiến đấu bảo vệ.

Norman nói họ vinh dự “được ban đặc ân” ngắm nhìn thế giới theo một cách mà ít người có cơ hội trải nghiệm. Một đặc ân mà họ phải trả một cái giá khủng khiếp mới có được, Teddy nghĩ.

Họ không chỉ ngơ ngẩn sững sờ trước hình ảnh của dãy Alps dưới ánh trăng mà còn sững sốt bởi bầu trời thăm thẳm, tối đen như mực, điểm xuyết hàng ngàn hàng vạn vì sao - tựa như những hạt giống rực rỡ được một vị thần hào phóng nào đó gieo xuống, Teddy nghĩ, lại gần đến mức nguy hiểm lĩnh vực thi ca mà anh đã từ bỏ bấy lâu. Họ đã từng chứng kiến những buổi hoàng hôn và bình minh trắng lợt, đẹp đến rung động tâm can. Và có lần, trong một chuyến bay tới Bochum, họ còn được chiêm ngưỡng màn trình diễn ngoạn mục của Bắc cực quang - giống như một tấm rèm sặc sỡ rung rinh treo trên bầu trời, điểm lệt đến không bút nào tả xiết.

Ở vị trí biệt lập đằng sau máy bay, Kenny Nielson tuyên bố rằng cậu ta có “chỗ ngồi tuyệt vời nhất”. Những buổi hoàng hôn đặc biệt khiến cậu ta choáng ngợp. Từ đuôi máy bay, cậu ta có thể nhìn thấy cảnh mặt trời lặn rất lâu sau khi các thành viên còn lại trong đội đã chìm vào bóng tối.

“Bầu trời đang bốc cháy.” Cậu ta phấn khích thông báo sau khi Teddy nhấc chiếc Halifax khỏi đường băng và bay lên không trung. Teddy có một thoáng sợ hãi - anh hình dung kẻ thù đang tiến hành một trận Armageddon^[131] với họ, nhưng rồi Vic Bennett ở tháp pháo giữa nói: “Đó là buổi hoàng hôn đẹp nhất mà tớ từng nhìn thấy.”

“Ừ, cứ như Chúa đã tô màu cho bầu trời vậy.” Kenny đáp lời. Teddy liền nói: “Chúng ta yên lặng một chút được không?” Anh nhẹ nhõm vì tận thế chưa đến gần và bàng hoàng khi thấy bản thân mình lại có ý nghĩ là nó đang đến. “Thật là diễm tuyệt!” Kenny khẳng định, không thể buông bỏ vẻ đẹp này. Hoặc “Vẻ Đẹp”, như cách nói của Sylvie.

Vì là xạ thủ ở tháp pháo đuôi nên trong số tất cả bọn họ, Kenny là người ít có khả năng sống sót để chứng kiến một buổi hoàng hôn ở thời bình nhất. Cô bạn của Ursula nói cậu ta chỉ có một phần tư cơ hội sống tới lúc đó. Cuối cùng, đương nhiên, chính cô gái ở Bộ Không quân ấy mới là người không có tương lai, cô ta đã bị quả tên lửa Aldwych V-1 giết chết vào tháng Sáu năm 1944. Khi ấy cô ta đang vừa sưỡi nắng vừa ăn sandwich trong bữa trưa trên nóc Tòa nhà Adastral, nơi Bộ Không quân đóng đô. (Tỷ lệ xảy ra *chuyện đó* là bao nhiêu phần trăm? Teddy tự hỏi.)

Những cô gái khác trong Bộ Không quân bị hút ra khỏi những ô cửa sổ vỡ hết kính của tòa nhà và rơi xuống đường phố mà chết. Ursula nói có một người đàn ông bị một mảnh kính rơi cửa đứt đôi người. Teddy cho rằng đối với vài người, Ursula cũng chỉ là một cô gái - cô gái ở Lực lượng Dân phòng.

Cô ta tên là Anne. Cô gái ở Bộ Không quân ấy. Khi họ chia tay nhau sau buổi tối cùng vui chơi ở Hammersmith Palais (cô ta đã nhảy một điệu foxtrot điêu luyện), cô ta đã nói với Teddy: “Chà, chúc may mắn” và không nhìn vào mắt anh.

*

Trong chuyến bay tới Turin, họ không gặp nhiều hỏa lực phòng không - những khẩu súng cao xạ của Ý dường như không quyết liệt lắm. Họ giội bom xuống mục tiêu từ độ cao gần năm nghìn mét, nhắm vào những điểm được đánh dấu màu đỏ. Thời tiết bắt đầu xấu đi. Dãy Alps không còn xinh đẹp nữa - thực ra, họ không còn nhìn thấy chúng - và khi họ quay về nhà, họ thấy mình phải đối mặt với một tòa tháp mây tích khổng lồ đen sì sì, to lù lù ở ngay trên đầu họ. Bên trong con quái vật này có những ánh chớp và những tia lửa sáng lóa, như thể những vụ nổ nhỏ đang diễn ra, và lúc đầu, họ cứ nghĩ đó là một phần của cuộc oanh kích - hoặc thậm chí là một loại vũ khí mới đang được thử nghiệm - phải mất vài giây họ mới hiểu ra rằng họ đang bay vào một khối mây tích đồ sộ, hung hiểm.

Không khí nhiễu động dữ dội, rung lắc chiếc *J-Jig* như thể nó là một chiếc máy bay đồ chơi. Như thể nó là con ruồi trong tay những cậu bé tinh nghịch. Hoặc những vị thần hung bạo. Thần Zeus giáng sấm sét, thần Thor vung cây búa. Bridget thường giải thích đó là các nàng tiên đang di chuyển đồ đạc, một hình ảnh hiền hòa phù hợp với một thời

kỳ yên bình, tươi đẹp hơn. Vài nàng tiên mới đúng, Teddy nghĩ. Trên hệ thống liên lạc nội bộ, anh có thể nghe thấy những tiếng kêu ca, chửi thề, từ những lời réo gọi Chúa dè dặt, đầy sợ hãi của Norman - “Ôi, Chúa ơi” - đến những lời khiếm nhã gay gắt hơn của Keith: “Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp, hãy đưa chúng ta ra khỏi thứ quái quỷ này đi, phi cơ trưởng.”

Sau này, tất cả bọn họ đều nhất trí rằng cơn thịnh nộ của thiên nhiên ấy còn tồi tệ hơn bất cứ hệ thống hỏa lực phòng không nào mà họ từng gặp phải. Hỏa lực phòng không thì họ hiểu rõ, còn thứ họ đang đối mặt lúc bấy giờ khó lường hơn rất nhiều. Chốc chốc lại có tia chớp lóe lên, rọi sáng những gì trông như các hang động và khe nứt ác hiểm bên trong cái khối đen ngòm ấy. Những luồng khí nhiễu động thất thường khiến họ cứ liên tục chồm lên chồm xuống, hết lạng qua bên này rồi lại lạng qua bên kia - và Teddy băn khoăn tự hỏi liệu điều này có thể làm cho chiếc máy bay vỡ tan không.

Nhiệt độ bên ngoài giảm xuống đột ngột và băng bắt đầu hình thành trên hai cánh máy bay. Băng là một kẻ địch dữ tợn, nó có thể xuất hiện rất nhanh và đôi khi không báo trước - nó phải nặng đến cả tấn, đóng băng các động cơ và bộ điều chỉnh, phủ kín hai cánh máy bay trong những lớp băng dày trắng muốt. Nó có thể khiến cho chiếc máy bay trở nên nặng đến nỗi có thể rơi thẳng xuống đất hoặc vỡ tan tành ngay trên không trung.

Trên hệ thống liên lạc nội bộ liên tiếp vang lên những tiếng bật thốt “Jesus ơi”, “Chúa ơi” và “Mẹ kiếp” khi họ bị

quăng quật dữ dội, thậm chí còn có cả tiếng lầm rầm tụng niệm bài *Thánh vịnh 23*: “Vâng, dầu khi con đi qua thung lũng phủ bóng của cái chết...” Lời tụng niệm ấy bị ngắt ngang bởi vài tiếng thở hổn hển kinh ngạc khi chiếc *J-Jig* đột ngột được nhả ra khỏi đám mây tích để rồi lại thấy mình bị một bóng ma ám lấy.

Ngọn lửa Thánh Elmo^[132] xuất hiện khắp nơi, xanh rực và huyền ảo - một hiện tượng phát quang kỳ quái lóe lên dọc theo các mép của cánh máy bay, thậm chí xoay tròn theo các cánh quạt, bắn ra ngoài và tạo thành những vệt sáng mảnh mai lạ thường trong bóng tối, giống như những vòng pháo hoa hình xoắn ốc ma quái. Từ tháp pháo đằng sau, Kenny báo cáo rằng nó đang “nhảy nhót” giữa các họng súng của cậu ta. “Trên này cũng thế.” Xạ thủ ở tháp pháo giữa thông báo.

Hiện tượng kỳ lạ này khiến Teddy nghĩ đến các hồn ma Willis trong vở ba lê *Giselle*. Anh từng xem vở ba lê ấy ở Nhà hát Opera Hoàng gia hồi anh còn đi học, đó là chuyến đi do thầy giáo dạy nhạc của anh tổ chức. Các vũ công đã được chiếu sáng bởi ánh đèn xanh rờn rợn và kỳ dị, giống như thứ ánh sáng đang bám vào chiếc phi cơ *J-Jig* này. Nghĩ lại thì đó quả là một lựa chọn kỳ cục đối với một lớp học toàn những cậu nam sinh nội trú mười ba tuổi ôn ào, huyền não. Khi nghe kể chuyện này, bố anh đã nhướn mày và hỏi tên thầy giáo ấy là gì (“Bố đoán thầy ấy là người ngưỡng mộ Wilde”) và ngay cả Sylvie, vốn rất yêu Nghệ thuật, cũng lấy làm nghi ngờ về sự lựa chọn mà bà nói là khá “lạ đời” này, bởi vì thường thì họ chỉ rời khỏi khuôn viên trường để đi

xem một trận thi đấu bóng bầu dục. Sau đó, Teddy đã gặp ác mộng, anh mơ thấy những ma nữ ấy chộp lấy người anh và cố kéo anh xuống một nơi tối tăm, vô định.

Ngọn lửa xanh cuối cùng cũng chập chờn và tắt ngúm, động cơ phía ngoài ở cánh phải bắt đầu rung lên khùng khục rồi chạy tít mù. Teddy vừa mới tắt nó đi thì cái động cơ phiền phức phía trong cánh trái cũng bắt đầu rung lên. Nghe tiếng kêu, có cảm giác như nó sắp rụng hẳn khỏi cánh máy bay. Có lẽ nó rụng xuống cũng tốt.

Teddy bảo Mac lập ra một lộ trình bay mới để đưa họ về nhà một cách nhanh nhất. Con dông đã khiến cho những thiết bị đo đạc bằng từ tính của họ trở nên vô dụng. Vậy là Mac phải sử dụng phương pháp định vị dự đoán để lập ra một lộ trình mới, nhưng cậu ta còn chưa lập xong thì động cơ phía trong ở cánh trái đã bốc cháy. Tha cho tôi đi, Teddy nghĩ, rồi thực hiện một cú bổ nhào thẳng đứng (“Bám chắc vào, mọi người!”), cú bổ nhào này có kết quả đáng mừng là không những dập tắt được lửa mà còn giữ được bằng trên hai cánh. Đúng là trong cái rủi có cái may, anh nghĩ. Hay phải nói ngược lại mới đúng, mọi cái may đều nằm trong cái rủi.

Động cơ phía ngoài ở cánh phải hiện đang bốc khói và vài phút sau, Keith báo cáo rằng cậu ta nhìn thấy những ngọn lửa bốc lên, thế rồi, dùng một cái, động cơ ấy phát nổ, sức ép của vụ nổ khiến chiếc máy bay gần như lộn nhào. Một tràng cảm thán báng bổ vang lên như mưa trên hệ thống liên lạc nội bộ: “Chúa Jesus ơi”, “Chết tiệt” và Teddy nói: “Ổn rồi.” Quả là ngớ ngẩn khi nói vậy, anh nghĩ. Họ

đang bay bằng hai động cơ, chống chọi với một trận gió ngược, băng vẫn còn bám trên thân, không có radio và về nhà chỉ bằng phương pháp định vị dự đoán. Họ hoàn toàn không ổn chút nào.

Teddy đang tính yêu cầu mọi người rời khỏi máy bay thì một chuyện thậm chí còn đáng lo ngại hơn đã xảy ra. Mac bắt đầu hát. Mac đấy! Và không phải một bài hát ngắn nào đó từ những khu rừng xa xôi hẻo lánh ở Canada, mà oang oang biểu diễn cả một bài *Cậu bé thổi kèn theo điệu Boogie Woogie*. Cho dù nghe qua hệ thống liên lạc nội bộ, nó vẫn là một cuộc trình diễn khá đáng sợ, đặc biệt là khi cậu ta nhái tiếng kèn, giống như một con voi đang đau đớn. Khủng khiếp hơn nữa, ngay sau đó cậu ta cất tiếng cười man dại, khá giống kiểu hát của Charles Penrose^[133] trong bài *Viên cảnh sát cười*. Teddy bèn bảo Norman tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra đằng sau tấm rèm của Mac.

Thì ra ống ôxy của cậu ta đã bị đông cứng. Norman cố gắng rã đông nó bằng cà phê trong bình của mình nhưng chỗ cà phê ấy giờ cũng chỉ còn âm ỉm. Họ liền kéo Mac ra khỏi chỗ ngồi, cố gắng giúp cậu ta lấy dưỡng khí từ bình ôxy trung tâm và hy vọng mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Tình trạng thiếu ôxy thường khiến người ta làm những việc kỳ quặc nhất rồi sau đó giết chết họ.

Sau chiến tranh, Mac làm việc cho một công ty bảo hiểm lớn ở Toronto. Lúc Teddy gặp lại Mac trong một bữa tiệc hội ngộ của phi đoàn - bữa tiệc hội ngộ duy nhất mà Teddy tham dự - Mac đã lấy vợ, sinh được ba đứa con và nghỉ hưu sớm (“nhờ làm vài vụ đầu tư khôn ngoan”). Mac chẳng còn

có vẻ thân thuộc nữa, và Teddy chợt nhận ra có lẽ mình thực sự chưa bao giờ hiểu Mac. Có lẽ Teddy chưa bao giờ hiểu bất kỳ ai trong số họ. Họ chỉ có cảm giác là mình hiểu nhau bởi cái hoàn cảnh mà họ cùng bị đẩy vào. Phiên bản Mac già dặn này có vẻ khá tự mãn trong mắt Teddy. Khoảng thời gian khủng khiếp họ cùng kề vai sát cánh bên nhau có vẻ không để lại chút dấu ấn nào đối với ông ta. Ông ta cho rằng từ thuở hồng hoang người già đã có thói quen hồi tưởng lại những cuộc chiến cũ. Jericho^[134], Thermopylae^[135], Nuremberg. Ông ta thực sự không muốn giống họ. Teddy rời cuộc hội ngộ sớm, nói rằng “Xin lỗi các cậu, tôi phải tềch trước đây”, dễ dàng dùng lại thứ “tiếng lóng” mà giờ đây người ta cho là đã quá cổ lỗ.

Ngay cả khi đó, sau bao nhiêu năm trôi qua, ông thấy rằng trong những đêm dài thao thức, bị chứng mất ngủ hành hạ, ông sẽ niệm những cái tên ấy. *Essen Bremen Wilhelmshaven Duisburg Vegesak Hamburg Saarbrücken Düsseldorf Osnabrück Flensburg Frankfurt Kassel Krefeld Aachen Genoa Milan Turin Mainz Karlsruhe Kiel Cologne Gelsenkirchen Bochum Stuttgart Berlin Nuremberg*^[136]. Vài người có thể đếm cừ. Còn Teddy nhắm đếm những thành phố và thị trấn mà ông đã cố phá hủy, những thành phố và thị trấn đã cố hủy hoại ông. Có lẽ chúng đã thành công.

*

Trên đường từ Turin trở về, khi đang đến gần bờ biển nước Pháp, họ gặp phải hỏa lực phòng không. Một quả đạn

của súng cao xạ đã bắn trúng thân máy bay, gần như hất chiếc *J-Jig* rơi xuống khỏi bầu trời. Họ đang bay qua đám mây dày và trong một thoáng giây mất phương hướng, Teddy nghĩ họ đang bay lộn ngược. Chiếc máy bay nông nặc mùi thuốc súng và có khói thoát ra từ đầu đó, mặc dù không có dấu hiệu của lửa.

Teddy kiểm tra tổ bay của mình. “Mọi người ổn chứ?” Anh hỏi. “Xạ thủ ở tháp pháo đuôi? Xạ thủ ở tháp pháo giữa? Lính cắt bom?” Người luôn khiến Teddy lo lắng nhất là xạ thủ ở tháp pháo đuôi, cậu ta bị mắc kẹt ở phía cuối, cách xa bọn họ. Anh ngạc nhiên vì một người lảm lời và thích giao du như cậu nhóc Kenny Nielson lại rất đổi vui vẻ trong “cái ổ” lạnh lẽo và cô đơn của mình. Teddy biết bản thân anh không thể chịu đựng cái không gian chật chội, tù túng ấy.

Mọi người báo cáo về tình trạng của mình theo nhiều cách khác nhau, “Ổn”, “Tốt”, “Vẫn ở đây”, vân vân. Norman đi kiểm tra hư hại. Thân máy bay bị thủng vài lỗ và cửa thoát hiểm ở phía dưới đã bị bay mất. Cậu ta nói hằn là hệ thống thủy lực đã bị bể bởi vì cậu ta thấy mình đang bị bơm lợi trong thứ chất lỏng gì đó, nhưng chẳng có gì đang cháy cả. Họ càng lúc càng bay thấp dần và chậm dần. Họ đang ở độ cao dưới một nghìn năm trăm mét và còi mặt nạ dưỡng khí ra. Mac hiện đã trấn tĩnh trở lại và đang nằm ở chỗ nghỉ của tổ bay.

Teddy quyết định rằng họ không thể ì ạch bay rề rề thế này lâu hơn nữa. Anh bảo mọi người chuẩn bị rời khỏi máy bay, nhưng họ đang ở ngoài biển, và họ đều nhất trí rằng họ

muốn bay tiếp hơn là nhảy dù. Càng tham gia nhiều phi vụ, niềm tin của họ vào khả năng Teddy đưa họ đến mục tiêu rồi trở về nhà an toàn càng trở nên vững chắc đến không thể lay chuyển nổi. Có lẽ họ đã đặt niềm tin nhầm chỗ, Teddy râu rĩ nghĩ.

Lúc bờ biển Anh hiện ra trong tầm mắt (“Cảm ơn Chúa!” Anh nghe Norman nói), chiếc máy bay gần như đã hết nhiên liệu. George đã hí hụi sửa radio trong mấy tiếng đồng hồ vừa rồi, xoay xở phát đi một yêu cầu hạ cánh khẩn cấp nhưng khắp nơi dường như đã cửa đóng then cài đi ngủ cả rồi. Lúc này họ bay thấp đến nỗi khi bay qua một đường ray xe lửa, họ có thể nhìn thấy một đoàn tàu đang bò ở bên dưới, ánh lửa đỏ rực từ buồng đốt của đầu máy xe lửa lấp ló thoát ra khỏi những tấm chắn đen sì của nó. Anh không nghĩ họ có thể nhảy dù thành công từ độ cao này, vì thế anh bảo họ chuẩn bị tư thế chống đỡ va chạm, nghĩa là bám chặt vào bất cứ thứ gì trong tầm tay. Nhưng vào phút chót, một giọng nữ rành rọt điểm tĩnh cất lên từ căn cứ Scampton, cho phép họ hạ cánh. Norman nói: “Chúng ta có thể làm được, phi cơ trưởng.” Teddy nghĩ họ làm được nhờ mong ước mãnh liệt của họ hơn là vì bất cứ kỹ năng nào của anh. Nếu bảy khối óc đồng tâm nhất trí có thể lái một chiếc máy bay chỉ bằng sức mạnh ý chí thì họ hoàn toàn thừa sức làm được. Thực ra chỉ có sáu bộ óc.

Họ không đáp xuống đường bằng được. Không có hệ thống thủy lực nên Teddy không thể sử dụng hai cánh tà, bánh đáp máy bay sẽ không hạ xuống, do đó họ phải hạ cánh bằng bụng với vận tốc một trăm năm mươi dặm một

giờ, lao quá đường băng, đâm xuyên qua hàng rào vành đai, trượt băng băng vào một cánh đồng, nảy qua một con đường, gần như phạt cụt đầu hồi của một dãy nhà tranh trong trang trại trước khi đâm xuyên qua một hàng rào khác và cày nát một cánh đồng, tại đó, chiếc phi cơ mới chịu dừng lại sau một hồi rung lắc, chao đảo dữ dội. Vài người trong tổ bay bị ngã chúi vào vách ngăn ở phía trước, thâm tím và bầm giập, vì thế phải mất một lúc họ mới trèo được lên cái thang dẫn lên lối thoát hiểm bên trên. Những đám khói cay sè lập tức ngập tràn khoang máy bay. Teddy đứng ở chân thang, hướng dẫn mọi người trèo ra, giục họ: “Hãy nhanh chân hết mức có thể, các chàng trai.” Anh nhắm đếm. Còn thiếu hai người, trong đó một người chính là Kenny. Cũng không thấy tầm hơi xạ thủ ở tháp pháo giữa.

Khi Teddy cuối cùng cũng ra ngoài, anh thấy rằng tháp pháo đằng sau vẫn còn gắn liền nhưng những bộ phận còn lại của chiếc máy bay đã rơi rụng hết. Chiếc *J-Jig* đã để lại một vệt dài ở đằng sau - bánh xe, cánh, động cơ, bình nhiên liệu, giống như một người phụ nữ phóng đảng đang cởi phăng hết quần áo. Những gì còn lại của thân máy bay đang bốc cháy và anh thấy tổ bay vẫn còn choáng váng của mình tụ lại quanh tháp pháo đuôi của chiếc phi cơ, nơi Kenny có vẻ đang bị mắc kẹt. Keith hét lên với cậu ta: “Ra ngoài đi, thằng ngốc chết tiệt!” Mặc dù cậu ta rõ ràng không thể làm được điều đó vì cửa tháp pháo bị kẹt chặt, không chịu nhúc nhích.

Ôi, Chúa ơi, Teddy nghĩ, phi vụ ác mộng này sẽ không có hồi kết sao? Họ sẽ phải chịu hết nỗi kinh hoàng này đến nỗi

kinh hoàng khác chẳng? Phải, anh cho rằng vậy, vì chẳng phải chiến tranh là như thế ư?

Lúc này, thân máy bay đang sau Kenny bốc cháy phùng phùng và Teddy kinh hãi nghĩ đến những băng đạn của Kenny, tự hỏi còn bao lâu nữa thì lửa lan đến chỗ chúng. Kenny đang điên cuồng rửa xả toàn những lời tục tĩu mà sau này ngay cả Keith cũng phải thú nhận là từ trước đến giờ cậu ta chưa từng nghe thấy. Liệu họ có phải chứng kiến cảnh Kenny chết cháy không?

Trong tháp pháo có một ô kính Perspex nhỏ đã được tháo ra để cho xạ thủ ở tháp pháo đuôi có thể nhìn rõ ràng hơn (cũng như làm cậu ta lạnh gắt chết). Họ bắt đầu cố vũ Kenny cố gắng trèo qua khe hở nhỏ xíu này. Cậu ta đã cởi bộ đồ giữ nhiệt đồ sộ nhưng bộ quân phục vẫn làm cậu ta vướng víu.

Có lần, trong một chuyến tham quan sở thú ở London, Teddy đã nhìn thấy một con bạch tuộc len mình qua một cái lỗ nhỏ đến mức không ai nghĩ là nó có thể chui lọt, đây là trò giải trí mà người chăm sóc nó rất thích biểu diễn cho các cậu bé xem. Nhưng con bạch tuộc không bị vướng víu bởi một chiếc áo khoác dã chiến và đôi giày không quân kênh càng, hơn nữa, nó cũng không có xương. Tuy nhiên, nếu có ai thực hiện được ngón nghề giống như những trò biểu diễn của Houdini^[137] này thì đó phải là cậu xạ thủ ở tháp pháo đuôi nhỏ bé giống y như một con chuột của họ.

Cậu ta xoay sở chui được đầu ra và bắt đầu luồn vai qua khe hở. Teddy cho rằng hình ảnh này khá giống lúc một đứa trẻ chào đời, mặc dù anh hoàn toàn mù tịt về quá trình đó.

Khi Kenny đã luôn được vai qua khe hở, họ liền tóm lấy cậu ta và ra sức kéo, ai nấy đều gân cổ hò hét, cho đến khi cậu ta bất thành lình nẩy bật ra như một nút bần bật khỏi một cái chai, hoặc giống như Jonah^[138] được con cá voi nôn mửa ra. Thế rồi, trước sự sững sốt của họ, thay vì lập tức nhảy xuống, cậu ta gỡ mình ra khỏi tay họ, thò đầu và một cánh tay vào trong tháp pháo qua cái lỗ, một giây sau, cậu ta hân hoan rút đầu ra, giờ cao con mèo đen rách rưới nhưng vô cùng may mắn của mình.

Sau đó, tất cả bọn họ đều chạy trốn để tránh xa cái xác máy bay. Một phút sau, cái xác ấy phát nổ, các bình ôxy vỡ tung tạo nên những lưỡi lửa trắng sáng rực vươn cao lên bầu trời lúc rạng đông, tiếp đó là tiếng lốp bốp chói tai và những viên đạn bắn tung tóe từ các băng đạn trong hai tháp pháo.

Đó chính là kết cục của chiếc *J-Jig* tội nghiệp, “con ngựa thồ” cần cù đã chở họ tới địa ngục rồi quay lại trong cái bụng hôi hám, đầy dầu mỡ của nó.

“Nó đã là một “con diều” tốt.” Keith nói, cất lời tán tụng. Đúng thế, tất cả bọn họ đều nhất trí.

“An nghỉ nhé!” Kenny nói.

*

Cú hạ cánh của chiếc *J-Jig* đã đánh thức thô bạo những người sống trong các ngôi nhà tranh, nhưng một người phụ nữ hiền từ tốt bụng vẫn mang ra cho họ một khay trà. Ông nông dân xuất hiện, trách mắng họ vì đã phá hỏng những

cây bắp cải của ông ta, nhưng ông ta liền bị người phụ nữ hiền từ la rầy. Vào lúc đó, một chiếc xe tải trờ tới, đưa họ về căn cứ Scampton, ở đó, họ được ăn sáng rồi chờ đợi để được chở về phi đoàn của mình.

Bảy giờ họ chẳng muốn gì ngoài một giấc ngủ ngon, và hành trình trở về dường như kéo dài bất tận. Ngay cả khi đã về đến phi đoàn, họ vẫn phải trải qua thủ tục thường lệ là báo cáo với một sĩ quan tình báo. Họ xám ngoét vì mệt mỏi, khuôn mặt vẫn còn in những vết hằn từ những chiếc mặt nạ dưỡng khí, tai gần như điếc đặc vì tiếng ồn phát ra từ các động cơ của chiếc *J-Jig*. Đầu Teddy đau như búa bổ, một hiện tượng phổ biến sau mỗi chuyến bay.

Lúc đó đã gần đến giờ ăn trưa nhưng họ vẫn được thưởng những cốc trà pha rượu rum như thường lệ. Rồi cha tuyên úy lần lượt mang thuốc lá và bánh quy đến cho từng người và nói: “Thật là tuyệt khi thấy các cậu trở lại, các chàng trai.” Tổ mặt đất đã chờ họ cho đến khi nghe tin từ căn cứ Scampton rằng họ an toàn. Viên sĩ quan chỉ huy đã không ngủ tí nào, ngồi lì nghe họ báo cáo với sĩ quan tình báo. Họ là tổ bay hoạt động lâu nhất của ông ta, và ông ta quý mến họ như một người cha quý mến những đứa con của mình. Turin đã là phi vụ thứ hai mươi tám của họ.

Khi họ hạ cánh, không còn thấy “kẻ lạc loài” đâu cả. Họ đoán rằng hẳn là cậu ta đã mau mắn nhảy dù ra ngoài ngay khi Teddy yêu cầu họ rời khỏi chiếc *J-Jig*. Lúc đó họ đang ở trên bầu trời nước Pháp. Phải không nhỉ? Hoặc trên biển Bắc. Teddy mệt đến nỗi anh gần như chẳng còn nhớ nổi tên của chính mình, nói gì đến những chi tiết tỉ mỉ hơn của

chuyến trở về cam go ấy. Anh chắc chắn không thể nhớ được tên của “kẻ lạc loài” đó.

“Tôi nghĩ là Fred.” George Carr nói. “Frank chứ.” Theo lời Norman. “Nhất định là một cái tên bắt đầu bằng chữ F.” Họ nhất trí với nhau như vậy, và sĩ quan tình báo phải lật giở đồng giấy tờ của mình trước khi nói: “Thực ra là chữ H. Harold Wilkinson.”

“Chúng ta đoán cũng gần đúng còn gì.” George Carr nói.

Mac hoàn toàn chẳng nhớ gì về tình trạng thiếu ôxy của mình. Cậu ta nói cậu ta thậm chí còn không biết lời bài hát *Cậu bé thổi kèn theo điệu Woogie Boogie*, mặc dù họ cứ hát đi hát lại bài hát đó cho cậu ta nghe trong buổi chè chén sau phi vụ Turin. Họ được nghỉ bốn mươi tám tiếng và dành một nửa số thời gian ấy để ngủ, nửa còn lại thì say túy lúy quên trời quên đất ở quán rượu Betty’s ở York.

Rất lâu sau khi chiến tranh kết thúc, Teddy đã thử điều tra một chút xem có thể tìm hiểu được chuyện gì xảy ra với “kẻ lạc loài” ấy không. Không thấy có báo cáo nào về việc cậu ta nhảy dù thành công hay lẫn trốn hoặc bị bắt làm tù binh. Cậu ta là một trong những người mất tích, và cuối cùng tên của cậu ta được xuất hiện trên đài tưởng niệm Runnymede dành cho những người đàn ông không có mộ phần. Trên cái đài tưởng niệm đó, cậu ta được tưởng nhớ với cái tên Harold Wilkinson, không phải “kẻ lạc loài”. “Gã ngốc.” Vic Bennett nói. “Đáng lẽ hẳn phải tin tưởng phi công của mình hơn, đúng không? Không thể tin nổi là tôi lại bị lỡ mất chuyến bay đầy kích thích đó.”

*

Họ vẫn còn về sớm hơn tổ bay của chiếc *A-Able*. Chiếc máy bay ấy cũng tham gia cuộc không kích Turin cùng với họ, nhưng trên đường về đã đổi hướng bay tới Algiers vì hai động cơ của nó bị hỏng. Tổ bay của chiếc *A-Able* về đến phi trường sau khi đã được chính thức đăng thông báo là mất tích. Trước sự thích thú của mọi người, họ dỡ những thùng cam xuống từ chiếc máy bay Halifax của họ, chúng được chia cho mọi người khắp phi đoàn, và một ít được đem đến cho trường tiểu học ở địa phương. Teddy ăn quả cam của mình rất chậm rãi, anh nhấm nháp từng múi và nghĩ về những mảnh nắng nóng bỏng của vùng Địa Trung Hải mà anh không bao giờ nghĩ là mình sẽ được thấy lại một lần nữa. Đúng vậy. Sau chiến tranh, Teddy không bao giờ ra nước ngoài một lần nào, ông không bao giờ đi nghỉ ở nước ngoài, không bao giờ bước lên một chiếc máy bay hiện đại hoặc một con tàu biển. Viola nói với ông rằng “chính sách biệt lập chủ nghĩa” này thật “thảm hại”, và ông nói đó không phải là một *chính sách*, chẳng qua mọi chuyện cứ xảy ra như thế thôi. Nó cũng không mang tính “sô vanh hiếu chiến” và “bài ngoại” - hai từ ngữ đầy tính công kích khác trong kho vũ khí bằng ngôn từ của cô. Cô buộc tội ông “không có máu phiêu lưu”, còn ông nghĩ rằng chiến tranh đã mang đến cho ông quá đủ những chuyến “phiêu lưu” cho không chỉ một mà tận mấy cuộc đời rồi, và một người đàn ông vẫn có thể phát triển bản thân một cách tốt đẹp trong chính khu vườn của mình. “*Il faut cultiver noire jardin*”^[139],

Ông nói với cô, nhưng cô chưa bao giờ nghe nói về tác phẩm *Candide*. Ông thậm chí còn không chắc liệu cô đã bao giờ nghe nói về Voltaire chưa.

*

“Cửa khoang chứa bom đã mở, phi cơ trưởng.”

“OK, lính cắt bom.”

“Giữ yên, phi cơ trưởng. Bên trái. Bên trái. Giữ yên. Sang phải một chút. Giữ yên, giữ yên. Bom đã được thả.”

Sau khi trút được gánh nặng là những trái bom, chiếc *S-Sugar* bay vọt lên cao. Nhưng họ vẫn chưa xong việc, vì còn phải tiếp tục bay thẳng qua mục tiêu, giữ nguyên cao độ chừng ba mươi giây nữa trong lúc pháo sáng được thả xuống, cung cấp ánh sáng cho chiếc máy ảnh trong khoang chứa bom chụp hình. Đó là bằng chứng cho thấy họ đã thực hiện việc ném bom - nếu không có nó, chuyến bay của họ có thể không được tính là một phi vụ - nhưng Teddy nghĩ có Chúa mới biết người ta sẽ nhìn thấy gì khi họ kiểm tra kết quả. Những đám mây hoàn toàn che kín mục tiêu, chưa kể màn khói thải công nghiệp đen sì vĩnh viễn trùm lên vùng Ruhr, cho dù ở dưới kia có là bề mặt của mặt trăng thì họ cũng chẳng hay biết. Họ cứ thả bom dựa vào những vật đánh dấu được lực lượng máy bay chỉ điểm mới thành lập rải xuống và hy vọng phi vụ thành công tốt đẹp.

Sau này, rất lâu sau khi chiến tranh kết thúc, khi tất cả những cuốn sách lịch sử, hồi ký và tiểu sử bắt đầu xuất hiện, khi người ta không còn muốn quên đi chiến tranh và

bắt đầu muốn nhớ về nó, Teddy đã nghiên cứu kỹ về cuộc không kích này và phát hiện ra rằng, phần lớn lực lượng của họ đã ném bom xuống một nơi cách mục tiêu mười dặm về phía tây và, khi xem xét kỹ, có lẽ những chiếc máy bay ném bom phải chịu nhiều tổn hại hơn bất cứ ai trên mặt đất. Càng đọc nhiều, ông càng phát hiện ra trong những năm đó, những chuyến ném bom của họ đã thiếu chính xác đến mức nào. Ông đã nói với Mac về chuyện này ở bữa tiệc hội ngộ. “Thật là lãng phí!” Teddy nói. “Lãng phí biết bao nhiêu trái bom!” Mac nói. Teddy cho rằng vì là hoa tiêu nên Mac cảm thấy tự ái. “Chà, ý tôi thực sự không phải như vậy.” Teddy ngăn ngừa. “Sự lãng phí nằm ở chỗ chúng ta đã tổn thất biết bao người và máy bay mà kết quả đem lại chẳng là bao. Chúng ta cứ tưởng mình đang làm tê liệt nền kinh tế của họ, nhưng nhiều lúc chúng ta chỉ đang giết phụ nữ và trẻ em.”

“Tôi không thể tin nổi là anh đã trở thành một kẻ cả nghĩ như vậy đấy, Ted.”

“Không phải thế.” Ông phản đối.

“Họ đã gây ra cuộc chiến đó, Ted.” Mac nói.

Và chúng ta kết thúc nó, Teddy nghĩ. Ông mừng thầm vì mình đã ngồi ngoài cuộc chiến trong một trại tù binh chiến tranh POW suốt mười tám tháng cuối cùng, nhờ đó ông đã không phải chứng kiến Binh chủng Máy bay ném bom cố gắng xóa sổ nước Đức khỏi bản đồ châu Âu.

Đó là cú chốt cho mọi cuộc tranh luận. Họ đã gây ra cuộc chiến đó. Họ đã gieo gió. Họ đã chuốc lấy nó. Những câu nói sáo rỗng rập khuôn mà chiến tranh đã thổ ra. “Ăn

miếng trả miếng.” Mac nói. “Và anh có thể nói những gì anh thích, Ted, nhưng một người Đức tốt là một người Đức đã chết.” (Tất cả bọn họ ư? Teddy tự hỏi. Kể cả bây giờ?)

“Tôi biết. Tôi không nói chúng ta không nên ném bom họ.” Teddy nói. “Nhưng với sự nhận thức muộn màng...”

“Vấn đề là, Ted, cho dù có cái mà anh gọi là “sự nhận thức muộn màng” ấy, nếu được yêu cầu, liệu anh có làm lại việc đó lần nữa không?”

Có. Đương nhiên là có (Auschwitz, Treblinka), nhưng ông không trả lời Mac.

*

Chiếc máy ảnh đóng màn trập, Teddy nghiêng chiếc *S-Sugar* đi để chuẩn bị quay đầu, còn Mac ấn định lộ trình cho đoạn đường về nhà. “Cũng không quá tệ.” Viên phi công phụ nói. (Tên cậu ta là Guy, phải không nhỉ? Teddy không chắc. Cậu ta có vẻ là Guy. Hay là Giles nhỉ?) Hai, ba giọng nói càu nhàu rên rĩ trên hệ thống liên lạc nội bộ. Câu nói ấy được coi là đặc biệt xui xẻo. “Chúng ta vẫn còn phải đi một chặng đường dài.” Teddy nói. Và quả thực trên đường trở về, hệ thống hỏa lực phòng không vẫn ghê gớm như lúc họ xông đến mục tiêu, nếu không muốn nói là còn khủng khiếp hơn. Họ có thể cảm nhận đạn pháo cao xạ nổ khắp nơi xung quanh họ, cùng sự rung chuyển và tiếng va đập khi những mảnh đạn vỡ trúng vào thân máy bay.

Ở mạn trái bỗng lóe lên ánh sáng chói lòa, một chiếc máy bay Lancaster bị trúng đạn vào cánh. Cái cánh máy

bay ấy bị thổi bay đi, văng ra trong không trung cho đến khi nó va vào một chiếc máy bay Lancaster khác, phát đứt tháp pháo ở giữa. Thế rồi cả hai chiếc Lancaster đều lao xuống đất theo hình xoắn ốc, lửa bốc ngùn ngụt, một cú rơi khá là duyên dáng.

“Mẹ kiếp!” Một giọng nói đầy kinh hãi vang lên trên hệ thống liên lạc nội bộ. Teddy không chắc là Vic hay George. Mẹ kiếp, anh thầm nghĩ. Anh cử Norman đi ra đằng sau để đánh giá tổn hại. “Cái lỗ to khủng khiếp.” Cậu ta nói. Không cần lời khẳng định của cậu ta, họ cũng đủ biết được điều đó, một cơn gió lạnh buốt vừa luồn vào chiếc *S-Sugar*. Guy có vẻ chẳng còn nghĩ rằng mọi chuyện không quá tệ nữa, cậu ta ra hiệu với Teddy rằng cậu ta sẽ đi ra đằng sau để “làm quen” với cái bồn cầu di động hiệu Elsan khai lòm. Guy. Học trường Eton. Mình phải ghi nhớ điều này, Teddy tự nhắc móc mình. Việc “kẻ lạc loài” người Somerset bị mất tích lần trước đã khiến anh bị giày vò bởi cảm giác tội lỗi, bởi ý nghĩ mình đã lơ là bổn phận của bản thân. Suy cho cùng, anh phải chịu trách nhiệm với tất cả mọi người trên máy bay. Điều tối thiểu anh có thể làm là nhớ được tên của họ, vì Chúa. Guy không bao giờ quay lại bởi vì vào đúng lúc đó, cả hai xạ thủ đồng thanh hét lên trong hệ thống liên lạc nội bộ: “Máy bay chiến đấu ở hông trái, hãy nghiêng sang trái, lộn vòng kiểu xoắn ốc, mau!” Teddy liền đẩy cần điều khiển về phía trước, nhưng họ không kịp tránh quả đạn pháo từ một chiếc chiến đấu cơ, một tiếng rầm lớn vang lên như thể có vị thần nào đó trên trời đang ném những hòn đá vào thân máy bay. Mùi thuốc súng lấp đầy khoang phi cơ.

Teddy đã cho chiếc *S-Sugar* bổ nhào xuống, nhưng lúc anh nghiêng sang phải và bắt đầu bay hướng lên trên, chiếc chiến đấu cơ đã đi mất từ bao giờ mà Teddy không hề hay biết. Nó đã biến mất một cách bí ẩn như lúc nó xuất hiện và không quay lại nữa. Mac lập ra một lộ trình bay thẳng để về căn cứ, tránh những khu vực phòng thủ dày đặc quanh Rotterdam và Amsterdam, nhưng lúc họ tới bờ biển Hà Lan, họ đã hạ xuống độ cao sáu trăm mét. Chiếc chiến đấu cơ đã hoàn thành nhiệm vụ của nó. Các động cơ phía trong ở cả hai cánh của chiếc *S-Sugar* đều bị hỏng, cánh liệng ở bên phải đã bay mất, và năm bình chứa nhiên liệu ở cánh đều bị thủng. Ngoài ra còn có một lỗ thủng lớn trên thân máy bay. Teddy tắt những động cơ vô dụng và họ kiên trì bay tiếp, giờ đã quá muộn để quay lại vì họ đang bay qua mây. Khi cuối cùng cũng ra khỏi đó, họ đã ở ngoài biển Bắc.

Một chiếc Halifax lạc lõng khác nhập hội với họ một lúc, nhưng vì họ bay quá chậm và thấp nên người bạn đồng hành ấy đã bỏ họ lại và lao vút đi với một cú vẩy cánh giã biệt. Giờ chỉ còn lại mình họ.

Ở độ cao bốn trăm năm mươi mét, Teddy bảo các thành viên khác chuẩn bị cho việc hạ cánh xuống biển. Anh điêm tĩnh thông báo với họ rằng họ còn cách bờ biển Anh mười dặm nữa. “Lại gần hơn chút nữa đi, phi cơ trưởng.” Ai đó nói. Ý nghĩ phải hạ cánh xuống biển đã đủ tồi tệ rồi, nếu mà bị quân Đức tóm sống nữa thì đúng là không thể tưởng tượng được. “Cứ đi tiếp đi!” Norman lầu bàu. “Hãy nhớ là lần trước chúng ta đã trở về được từ Turin!”

Ở độ cao ba trăm mét, họ có thể nhìn thấy những con sóng bạc đầu. Cao chừng bốn đến sáu mét. Biển động, Teddy nghĩ.

Lúc này, họ đã ném đi tất cả những gì có thể vứt bỏ được - chiếc bàn của hoa tiêu, đệm gối, bình nước, bình ôxy. Keith dùng rìu bổ vỡ các ghế ngồi, còn Vic gỡ những khẩu súng ở tháp pháo giữa và quảng chúng đi, tiếp theo, cái tháp pháo cũng chịu chung số phận. Họ ném đi bất cứ thứ gì để có thể bay thêm một đoạn đường nữa. “Còn cách bờ biển Anh bốn dặm.” Mac thông báo, giọng cậu ta vẫn điềm tĩnh như thường lệ. Giấy tờ và bản đồ của cậu ta đã bay tung tóe khắp nơi khi họ bỏ nhào xuống để tránh chiếc chiến đấu cơ, và bây giờ cậu ta đang dùng đỉnh thu thập chúng lại như thể đang đóng cửa văn phòng để nghỉ cuối tuần. Không hoảng loạn là một chuyện, Teddy nghĩ, nhưng không có ý thức về sự khẩn trương lại là một chuyện khác. Anh nhớ cái lần họ cố giải thoát Kenny khỏi cái tháp pháo ở đuôi máy bay, trong lúc mọi người cuống quýt tìm cách cứu Kenny thì Mac chỉ đứng một chỗ mà bình phẩm.

“Cứ đi đi, phi cơ trưởng.” Một giọng khác nói. Ở độ cao một trăm năm mươi mét, George Carr kẹp chặt ma níp, chuyển hệ thống IFF sang tần số cấp cứu quốc tế và đi lấy radio dùng trên xuống hơi.

Ở độ cao một trăm hai mươi mét, đồng hồ đo nhiên liệu chỉ số 0. Họ mở các lối thoát hiểm và Teddy ra lệnh cho mọi người chuẩn bị sẵn sàng tư thế cho việc hạ cánh xuống biển. Mac nằm xuống chỗ nghỉ ở mạn phải, Norman ở mạn trái, chân họ chống vào xà dọc đằng trước. Các xạ thủ dựa

lưng vào xà dọc đằng sau, George và Keith ngồi giữa hai chân họ. Họ đều đặt tay ra sau gáy hoặc đặt lên túi dù để giảm chấn động. Teddy đã huấn luyện họ rất kĩ.

Họ rơi xuống nước với vận tốc một trăm mười dặm một giờ. Khoang của lính cắt bom bị vỡ vì lực va chạm và một con sóng khổng lồ mang theo nước và xăng tràn vào bên trong chiếc *S-Sugar*, ngập đến tận cổ họ trước cả khi họ kịp làm phồng những chiếc áo phao Mae West. George bị va đập đến bất tỉnh và họ vụng về kéo cậu ta qua cửa thoát hiểm. Hóa ra Kenny không biết bơi, hơn nữa còn sợ nước, vì thế Mac phải dùng một tay tóm chặt gáy cậu ta và lôi qua cái khoang máy bay ngập đầy nước trong khi cậu ta vùng vẫy loạn xạ, kêu oai oái vì sợ. Teddy đi sau cùng. Thuyền trưởng luôn là người cuối cùng rời khỏi con tàu.

Chiếc xuồng hơi được xếp gọn ghẽ trong cánh máy bay giờ đã căng phồng và chặn lối thoát hiểm bên trên. Chiếc *S-Sugar* gần như ngập nước hoàn toàn và bắt đầu nghiêng sang trái. Trong một thoáng, Teddy đã nghĩ vậy là hết, nhưng rồi anh ngụp xuống nước và bơi qua lỗ thủng trên thân máy bay.

Họ đều ra được bên ngoài và bằng cách này hay cách khác đều leo lên được chiếc xuồng hơi. Norman cắt dây neo, rồi họ bỗng bênh trôi khỏi chiếc *S-Sugar*. Chiếc phi cơ vẫn đang nổi dập dềnh, nghiêng về một bên trên mặt biển dữ dằn, xám xịt, nhưng chỉ trong vài phút, nó đã bị làn nước nuốt chửng và biến mất mãi mãi.

Họ nghe thấy tiếng động cơ văng vẳng đâu đó trong bóng tối. Mac tóm lấy khẩu súng lục Verey và cố gắng bắn một viên đạn, nhưng những ngón tay của cậu ta đã sưng vù và tê cóng vì lạnh nên không thể bóp cò nổi. Họ đã ở trên mặt nước bao nhiêu tiếng đồng hồ rồi? Họ đều đã mất hết khái niệm về thời gian. Họ chỉ chắc chắn được một điều rằng đây là đêm thứ hai họ ở trên biển. Họ đã nhanh chóng nhận ra rằng việc hạ cánh xuống biển chỉ là khởi đầu cho những khó khăn của họ. Biển động dữ dội, và lúc họ vừa mới lên được xuống hơi thì một cơn sóng nhồi khổng lồ đã hất tung bọn họ xuống biển trở lại. Ít nhất thì chiếc xuống hơi vẫn ở nguyên tư thế cũ (một may mắn nho nhỏ), nhưng họ đã phải cố gắng hết sức, gần như là phi thường, mới có thể leo lên chiếc xuống hơi lần nữa, chưa kể còn phải kéo theo anh chàng George bất tỉnh nữa.

Vic đã rơi mất giày ở đâu đó và đang tê tái vì lạnh. Họ thay phiên nhau xoa bàn chân cho cậu ta nhưng tay họ cũng dần trở nên tê cóng. Quần áo họ ướt sũng nước, nước ngấm vào cả da thịt, khiến cho sự lạnh lẽo và khốn khổ của họ càng tăng lên gấp bội phần.

Họ lóng ngóng dựng George Carr tội nghiệp dậy, nhưng cậu ta cứ tuột xuống đáy xuống hơi ngập nước. Cậu ta đã hơi tỉnh nhưng rên rỉ nhiều. Chẳng rõ cậu ta có đau hay không nhưng Mac vẫn cho cậu ta một liều moócphin và cậu ta trở nên im lặng.

Radio dùng trên xuống hơi đã mất khi họ bị hất xuống biển, và chẳng ai biết họ đã trôi dạt bao xa từ vị trí hạ cánh

lúc đầu. Khả năng một chiếc máy bay nhìn thấy họ hoặc một chiếc xuống cứu hộ tìm ra họ dường như quá xa vời.

Lúc một người trong số họ - Norman - ráng sức bóp được cò súng thì tiếng động cơ đã biến mất hoàn toàn. Keith liền nói: “Muộn xù nó rồi.” Viên đạn chỉ có tác dụng rọi sáng bóng tối mênh mông quanh họ và, nếu có thể, càng làm tinh thần họ sa sút hơn nữa. Teddy tự hỏi phải chăng họ đã tưởng tượng ra tiếng động cơ máy bay? Có lẽ tình cảnh này cũng giống như bị lạc trong sa mạc, chẳng mấy chốc họ sẽ nhìn thấy ảo ảnh hoặc trở thành con mồi cho tất cả các loại ảo giác và những trò lừa mị của trí óc.

“Tôi sẽ hy sinh bất cứ thứ gì để có được một liều thuốc lá.” Keith nói.

“Tôi có một bao đấy.” Kenny nói, cố gắng lấy chúng ra khỏi túi. Họ nhìn những liều thuốc Woodbine ướm nhẹp với vẻ tiếc nuối trước khi ném chúng qua thành xuống. Đương nhiên, tất cả chỗ quân nhu được dành cho lúc khẩn cấp đã mất hết - thuốc lá, thức ăn và bất cứ thứ gì có thể giúp họ xốc lại tinh thần hoặc cầm cự trong nghịch cảnh này đã bị cuốn đi khi họ bị nhấn chìm lần thứ hai. Teddy tìm thấy một miếng sô cô la trong túi áo, rồi Mac dùng con dao nhíp của mình cẩn thận cắt đều nó rồi chia cho mọi người. George đã đúng khi ăn khẩu phần sô cô la của mình trước khi họ cất cánh, Teddy nghĩ - bây giờ cậu ta chẳng còn ăn được nữa rồi. Vic cũng từ chối mẫu sô cô la, cậu ta đang bị say sóng khủng khiếp.

“Tôi đã nghe biết bao câu chuyện...” Keith nói. “... Về những người đàn ông trôi dạt trên biển hàng tuần lễ trên

một con thuyền không mui, và cuối cùng họ phải ăn thịt lẫn nhau, bắt đầu từ cậu bé bồi tàu.” Theo bản năng, cả hội đều quay sang nhìn Kenny. “Nhưng tôi chỉ muốn nói cho các cậu biết rằng, tôi thà ăn cái chân của mình còn hơn ăn bất cứ thằng cha nào trong số các cậu.”

“Cậu làm tôi tự ái đấy.” Mac nói. “Tôi sẽ là bữa ăn ngon cho bất cứ gã đàn ông nào.”

Thế là họ bắt đầu bàn tán sôi nổi về thức ăn, trong cái tình cảnh chẳng có khả năng nào để kiếm được thức ăn thì việc này chẳng bao giờ là một ý kiến hay, nhưng rồi dần dần cuộc trò chuyện lắng xuống và im hẳn. Họ mệt đến nỗi chẳng còn nói năng được gì và từng người rơi vào giấc ngủ chập chờn. Teddy lo rằng giấc ngủ lạnh lẽo này có thể khiến họ không tỉnh dậy được nữa, nên anh vẫn thức canh họ.

Để giữ cho trí óc bận rộn, anh tự hỏi mình sẽ ăn thứ gì. Nếu anh có thể ăn một bữa, bữa ăn đó sẽ như thế nào? Một nhà hàng hoành tráng hay một bữa tối dành cho trẻ con? Cuối cùng, anh quyết định mình sẽ ăn một cái bánh nướng nhân thịt thú săn của bà Glover, và tiếp theo là món bánh bông lan phủ mật đường và sữa trứng. Nhưng anh không quan tâm đến thức ăn, anh chỉ muốn bữa ăn ấy có đủ các thành viên trong gia đình mình ngồi quanh cái bàn kiểu Nhiếp chính Phục hưng, Hugh vẫn còn sống và ngồi ở đầu bàn, Jimmy ngồi trên đùi Pamela, các chị gái của anh vẫn là những cô bé buộc tóc bằng ruy băng và mặc váy ngắn. Bridget mang những đĩa thức ăn từ phòng bếp lên, bà Glover cầu nhàu ở “hậu trường”. Sylvie duyên dáng và vô tư

lự. Thậm chí có cả một chỗ dành cho Maurice. Và một con chó đang ngồi dưới gầm bàn. Hoặc hai con - vì chúng tồn tại trong trí tưởng tượng của anh chứ không phải trong huyết mọ của chúng, vì thế cả Trixie và Jock đều ngồi cạnh nhau một cách ấm áp bên chân anh. Bất chấp những ý định tốt đẹp của anh, anh không thể giương nổi mắt nữa, và rơi vào cái hố sâu đen ngòm của giấc ngủ.

*

Buổi sáng thứ hai trên biển, bầu trời xám xịt chẳng đem lại chút lạc quan nào. Biển cả đã yên ả hơn trong vài tiếng đồng hồ nhưng bây giờ lại đột nhiên có gió giạt. Bọt sóng liên tục bắn lên người, lên mặt họ khiến họ ướt sũng và khó thở. Cứ tưởng rằng họ không thể nào ướt hơn được nữa nhưng hóa ra điều đó hoàn toàn có thể. Tội tệ hơn nữa, họ phát hiện ra chiếc xuồng hơi dường như đã bị rò, và họ phải bơm không khí vào bằng những cái ống thổi khẩn cấp, nhưng một lúc sau chúng cũng bị hỏng và họ không tìm ra được cách nào để sửa chúng, cách duy nhất để họ có thể tát nước ra khỏi xuồng là dùng hai bàn tay lạnh giá để múc, khiến tay họ càng trở nên tê cóng.

George đang ở trong tình trạng vô cùng tồi tệ, Vic cũng vậy. Cả hai người họ đều không có cách nào chống đỡ những con sóng đang liên tục đập vùi họ. Teddy trườn tới bên George và cố gắng bắt mạch cho cậu ta, nhưng những con sóng xô tới quá dữ dội. Anh nghĩ George có thể đã chết nhưng không nói gì với những người khác.

Khi liếc sang Kenny, anh thấy cậu ta đang nhìn George chăm chăm với vẻ thương xót. Cậu ta đánh mắt sang Teddy và nói: “Nếu tôi chết, phi cơ trưởng, tôi thà chết cùng anh hơn là bất cứ ai khác.”

“Cậu sẽ không chết đâu.” Teddy nói khá sảng. Họ đều sẽ tiêu tùng nếu họ trở nên tuyệt vọng. *Tốt hơn hết là nên tránh những ý nghĩ tầm tối.*

“Tôi biết, nhưng nếu tôi chết...”

*

Hẳn là các bạn đang thắc mắc viên phi công phụ của họ đâu. Guy. Chẳng ai nhìn thấy cậu ta sau khi họ bị chiếc máy bay chiến đấu tấn công, rồi khi tất cả đã ở trên xuống, họ bàn tán một lúc về những gì có thể đã xảy ra với cậu ta. Cuối cùng, họ kết luận rằng không phải là cậu ta tự dung tan biến trong không khí, chắc hẳn cậu ta đã bị rơi xuống qua lỗ thủng trên thân máy bay mà không ai nhìn thấy hay nghe thấy lúc họ lộn vòng theo hình xoắn ốc, để rồi lao thẳng xuống biển Bắc khi trên người không có dù.

Một con sóng lớn đầy tai họa khác đập thẳng vào người họ như thể nó là một mảng bê tông. Họ cố gắng bám chặt thành xuống hết mức có thể, nhưng cả Vic và Kenny đều bị ngã nhào xuống nước. Teddy không biết họ lấy đâu ra sức mạnh để cứu được Kenny đang hoảng loạn (“Bởi vì cậu ta còi.” Sau này, Keith nói), nhưng họ đã cứu được cậu ta. Tuy nhiên, bất kể họ cố gắng bao lần để kéo thân hình nặng trĩu của Vic lên chiếc xuống hơi, cậu ta đều tuột lại

xuống nước. Cứ như đã tròng xe cát, chỉ đơn giản vì họ đã quá yếu. Họ cố gắng buộc sợi dây thừng của chiếc xuồng hơi vào cánh tay Vic, nhưng Teddy thấy cậu ta chẳng có cách nào cầm cự được quá vài phút dưới nước.

Teddy ở gần Vic nhất và vẫn đang cố gắng bám chặt cậu ta khi Vic bỗng ngửa đầu lên và nhìn thẳng vào mắt Teddy, và Teddy biết cậu ta không còn chút ý chí chiến đấu nào. “Thôi, chúc anh may mắn!” Vic thì thầm và rút tay khỏi sợi dây thừng. Cậu ta trôi đi chỉ vài thước rồi lặng lẽ biến mất dưới những con sóng, chìm xuống nắm mộ vô danh của chính mình.

*

George Carr chưa chết như Teddy đã lo sợ mà chết ở bệnh viện hai ngày sau đó vì “chấn động và ngâm nước”, Teddy cho rằng điều đó có nghĩa là cậu ta chết vì nhiễm lạnh.

Một con tàu của Hải quân Hoàng gia đã tình cờ tìm thấy họ khi đang đi tìm một chiếc máy bay khác cũng bị rơi xuống biển. Các thành viên trên tàu đã kéo họ lên boong, cởi quần áo ướt cho họ, đem cho họ trà nóng pha rượu rum và thuốc lá, rồi sau đó quấn chăn quanh người họ và nhẹ nhàng đặt họ nằm lên những chiếc giường tầng, như thể họ là những đứa trẻ sơ sinh. Teddy lập tức chìm vào giấc ngủ sâu nhất mà anh từng biết. Chừng một tiếng đồng hồ sau, khi Teddy được đánh thức và được đem đến thêm nhiều trà

nóng pha rượu rum, anh ước gì họ cứ để anh ngủ yên trên cái giường đó mãi mãi.

*

Họ nằm ở bệnh viện tại Grimsby một đêm rồi bắt tàu hỏa quay trở lại phi đoàn của mình. Ngoại trừ George, đương nhiên, gia đình cậu ta đã đến đón thi thể của cậu ta và đưa về an táng ở quê nhà Burnley.

Họ được nghỉ vài ngày, nhưng Kenny vẫn còn phải bay bù cho phi vụ thứ mười ba mà cậu ta đã bị lỡ. Chẳng ai trong số họ có thể tin rằng sau tất cả những gì họ đã trải qua, người ta vẫn muốn Kenny hoàn thành đầy đủ kỳ quân dịch của mình, nhưng sĩ quan chỉ huy của họ, một người đàn ông tốt bụng trong mắt họ, nói rằng ông ta cũng đành “bó tay”, không can thiệp được gì.

Thế là, chỉ một tuần sau khi họ được kéo lên từ dưới biển như những con mèo sắp chết đuối, họ lại thấy mình đang ngồi trên đường băng, chờ đợi tín hiệu cất cánh. Những người còn lại trong tổ bay - Teddy, Mac, Norman và Keith, tất cả đều đã kết thúc kỳ quân dịch của mình - đã tình nguyện bay cùng Kenny trong chuyến không kích cuối cùng. Cậu ta đã khóc khi họ nói với cậu ta điều đó và Keith nói: “Thằng nhóc mít ướt này.”

Đó là một hành động hào hiệp, liều lĩnh. Vì một lý do nào đó, họ cảm thấy mình đã được “tôi luyện” bởi chuyến hạ cánh xuống biển vừa rồi, như thể chẳng còn chuyện gì tồi tệ có thể xảy đến với họ nữa cả. Đương nhiên, theo cô gái ở Bộ

Không quân, điều này hoàn toàn không có căn cứ. Họ đã bất chấp mọi hiểm gở. (Có lẽ vận may ngược đời của Keith đã có tác dụng.) Họ đã mượn phi cơ của một tổ bay khác và lựa lấy hai người để trám vào những vị trí còn trống, chuẩn bị cho chuyến xuất kích, dựa trên nguyên tắc tất cả bọn họ đều là “kẻ lạc loài” trên chuyến bay này. Họ thậm chí còn mang theo một phi công phụ, mặc dù viên phi công phụ này không phải một phi công mới đang học hỏi kinh nghiệm, mà chính là sĩ quan chỉ huy của họ, ông ta nói ông ta “có hứng thú” tham gia chuyến bay với họ. Teddy những tưởng nhờ ông ta mà họ có thể nhận được một phi vụ nhẹ nhàng - một phi vụ niken chẳng hạn, nghĩa là thả truyền đơn xuống đất Pháp - nhưng không, họ phải bay tới Thành phố Lớn trong một cuộc không kích toàn lực. Họ đều được tiêm nhiễm một nỗi cuồng nhiệt và phấn khích kỳ quặc, giống như những cậu bé chuẩn bị tham gia một cuộc thám hiểm của đội Hướng đạo.

Họ luôn lách tới Berlin rồi trở về mà không bị hỏa lực phòng không gây tổn hại gì, thậm chí còn không chạm trán chiếc chiến đấu cơ nào. Họ là một trong những chiếc máy bay đầu tiên trở về phi đoàn. Kenny trèo xuống máy bay, hôn lên mặt bê tông của đường băng. Họ bắt tay nhau và sĩ quan chỉ huy nói: “Đó, cũng không tệ, đúng không, các chàng trai?” Đáng lẽ ông ta không nên nói thế. Ông ta đã tham gia chuyến không kích định mệnh ở Nuremberg và sau này Teddy nghe nói ông ta không bao giờ trở về.

Lilian đã lộ rõ bụng bầu, cô mặc một cái váy in hoa cũ đã khá chật. Trông cô có vẻ mệt mỏi, hai mắt thâm quầng và đôi chân gầy gò xương nổi rõ các đường gân xanh. Chẳng còn đâu vẻ tươi tắn rực rỡ, Teddy nghĩ. Khó mà tin rằng đây chính là cô nàng Lil, chủ nhân của “những thứ không thể nhắc đến” bằng xa tanh màu đỏ. Hãy xem chúng đã dẫn cô ấy đến đâu.

“Chúng ta có lẽ thức canh người chết thay vì một lễ cưới.” Bà Bennett nói. “Ngồi xuống đi Lil kéo mỏi.” Lilian vâng lời ngồi xuống trong lúc bà Bennett pha một ấm trà.

“Trước đây cháu chưa từng tới đảo Canvey.” Teddy nói. Và mẹ của Vic đáp lời: “Thì có lý do gì để cậu đến kia chứ?” Teddy nhận thấy Vic được thừa kế hàm răng xấu từ mẹ. “Cậu ấy chẳng nói gì về đứa bé cả.” Teddy nói. Bà Bennett liền đáp: “Thì có lý do gì để nó nói kia chứ?” Và Lilian nhướn mày, mỉm cười với Teddy. “Chỉ là đứa con ngoài giá thú.” Mẹ của Vic nói, rót trà từ cái ấm thiếc to tướng. Ở bà vừa có vẻ phản đối, chê bai vừa có vẻ an ủi, dỗ dành - một sự kết hợp kỳ lạ.

“Nó không phải là đứa con ngoài giá thú đầu tiên, cũng không phải là đứa cuối cùng.” Lilian nói. “Anh ấy để lại một lá thư.” Cô nói với Teddy. “Họ đều làm vậy, anh biết đấy.”

“Vâng, tôi biết.” Teddy nói.

“Đương nhiên là cậu ấy biết.” Bà Bennett nói. “Chính cậu ấy cũng sẽ để lại một lá thư.”

Teddy cho rằng mẹ của Vic không bao giờ có thể trở thành mẹ chồng chính thức của Lilian, và trong tương lai,

cô gái tội nghiệp có thể thoát khỏi bà ta. Trong cái rủi cũng có chút may.

“Anh ấy đã nói...” Lilian tiếp tục nói, phớt lờ bà Bennett. “... Anh ấy đã nói khi đứa bé chào đời, nếu nó là con trai, tôi phải đặt tên cho nó là Edward.”

“Edward?” Teddy dờ dẩn lặp lại.

“Theo tên anh.”

Lần đầu tiên trong suốt cuộc chiến này, Teddy đã vỡ òa. Anh bật khóc nức nở, những tiếng nấc nghẹn ngào, chối tai. Rồi Lilian đứng dậy, choàng hai tay quanh người anh, vừa kéo anh về phía cơ thể ọ ọ của cô vừa nói “Nào, nào”, giống như cô sẽ làm với đứa con của mình trong vài tháng tới.

*

Mẹ của Vic giờ đã dịu dàng hơn, bà nài anh ở lại ăn bữa cơm với họ, như thể món thịt bò hầm bột ngô rán sẽ chữa lành được nỗi đau chung của họ. Anh còn được đãi thêm trà, thuốc lá và kẹo, những thứ mà họ đã mua để dành cho bữa tiệc chào mừng Vic về nhà. Anh chỉ được phép rời đi khi mí mắt bắt đầu trĩu xuống, rồi Lilian nói: “Mẹ con ta phải buông tha cho người đàn ông tội nghiệp này về thôi, con sẽ tiễn anh ấy ra bến xe buýt.”

“Tôi sẽ đi với cậu.” Bà Bennett nói, chụp một cái mũ lên đầu. Teddy nghĩ rằng giờ anh là mối liên hệ duy nhất với Vic mà họ có, vì thế họ không cam lòng để anh đi.

“Nó đã viết về cậu.” Mẹ Vic nói, nhìn thẳng về phía trước khi họ đợi ở bến xe buýt. “Nó nói cậu là người đàn

ông tốt nhất mà nó từng biết.” Teddy thấy môi bà run run. Chiếc xe buýt hiện ra trong tầm mắt, miễn cho Teddy việc phải cố gắng nghĩ ra câu trả lời.

“Cháu suýt quên mất.” Anh nói. “Cậu xạ thủ ở tháp pháo đuôi của bọn cháu - Kenny Nielson - đã nhờ cháu gửi cho đứa bé một thứ.”

Teddy lấy ra con mèo đen xù xì từng là bùa may của Kenny. Nó vẫn còn nguyên vẹn sau cú ngâm mình trong nước ở biển Bắc, nhưng chắc chắn trông chẳng đỡ xấu xí hơn chút nào. Trong phi vụ cuối cùng của nó, nó đã hãnh diện ngồi chễm chệ trong buồng lái để bay suốt chặng đường đến Berlin rồi trở về.

“Trông gớm quá!” Bà Bennett nói khi nhìn thấy nó. “Cậu không thể đưa thứ này cho một đứa bé.” Nhưng Lilian vẫn cầm lấy con mèo vải nhỏ bé và nói với Teddy: “Cảm ơn anh, tôi sẽ trân trọng nó.”

“Thôi, cháu đi đây.” Teddy nói, bước lên xe buýt. “Rất vui vì được gặp hai người. Chà, chúc may mắn!” Anh nói thêm, mãi sau mới nhận ra rằng đó cũng là những lời cuối cùng của Vic.

1982

Lòng can đảm lúc nửa đêm về sáng

Hầu như đêm nào cậu cũng vùi mặt vào gối khóc nức nở, tự hỏi cậu đã làm gì để phải nhận lãnh tình cảnh này. Phải chăng là vì ở cậu có vấn đề gì không ổn? Tất cả mọi người đều nói thế - mẹ cậu, bà nội cậu, thậm chí thi thoảng cả em gái cậu - nhưng đó là gì? Bởi vì nếu cậu biết, cậu sẽ cố gắng sửa chữa, cậu thực sự sẽ làm vậy. Cậu sẽ thực sự cố gắng. Lúc đó, có thể hình phạt kéo dài bất tận này sẽ kết thúc, mụ phù thủy độc ác xung là bà cậu sẽ cho cậu về nhà, và chừng nào cậu còn sống, cậu sẽ không bao giờ nghịch ngợm nữa.

Hằng đêm, mỗi khi đi ngủ, Sunny lại tuyệt vọng nhớ đến một loạt quy tắc khiến cậu hoang mang bối rối, những câu chất vấn và thái độ không hài lòng (về tất cả các mặt) của mọi người - những thứ đã choán hết cả một ngày của cậu ở trang viên Jordan (*đứng thẳng lưng, khép miệng khi ăn, không được mang vào trong nhà, cảm ơn rất nhiều, nhớ lau rửa lỗ tai, cháu định trồng khoai tây trong đó đấy à, tay cháu cầm cái gì đấy, cháu có vấn đề gì à?*). Bất kể cậu làm gì cũng không bao giờ đúng. Điều đó khiến cậu rất căng

thằng. Và tại sao cậu không bao giờ có thể nhớ được là phải nói “ạ” và “cảm ơn” nhỉ? Bà cậu thường mắng cậu vì tội đó.

Cậu phải kìm tiếng khóc của mình, bởi vì nếu bà cậu nghe thấy, bà sẽ rầm rầm đi lên cầu thang và xông vào phòng cậu, bắt cậu im lặng và đi ngủ. “Đừng có để tao phải lên đây lần nữa.” Bà luôn nói thêm như vậy. “Một ngày nào đó tao sẽ chết vì leo cái cầu thang này mất.” Ô, giá mà điều đó thành sự thật, Sunny nghĩ. Và tại sao bà lại để cậu ở trên này nếu việc leo cầu thang khó khăn với bà đến thế?

Mặc dù bà nói đây là “phòng trẻ” nhưng cậu thấy nó giống với một cái xà lim hơn - nó là một căn phòng gác mái khủng khiếp ở trên tầng mà bà gọi là “tầng của gia nhân”, mặc dù bà nói họ không còn có gia nhân “đúng nghĩa” nữa. Dù sao đi nữa, những người giúp việc trong nhà họ - bà Kerrich và Thomas - chẳng bao giờ lên đây. Bà cậu nói gia đình họ đang sống trong “cảnh sa sút”, đó là lý do chỉ có bà Kerrich đến đây hằng ngày để nấu nướng, dọn dẹp, và Thomas, người sống trong một ngôi nhà tranh ở cổng trang viên Jordan, phụ trách mấy việc khuân vác, sửa chữa và chăm sóc khu vườn. Sunny không ưa Thomas. Ông ta luôn nói với cậu những điều như “Thế nào? Cậu có muốn đến xem túp lều gỗ của tôi không, cậu trai?”, rồi cười hô hố như thể đó là câu bông đùa thú vị nhất, để lộ những cái lỗ đen sì trống hoác nơi những chiếc răng đã bị rụng mất. Cả Thomas và bà Kerrich đều có giọng nói kỳ cục, vừa bèn bẹt vừa lên bổng xuống trầm. (“Giọng Norfolk.” Bà Kerrich giải thích.) “Thật ra họ là người nhà quê.” Bà cậu nói. “Nhưng là người tốt. Không ít thì nhiều.”

Thomas và bà Kerrich suốt ngày càu nhàu với nhau về việc “phục tùng lệnh bà”, thậm chí còn càu nhàu nhiều hơn về Sunny và “lượng công việc tăng thêm” mà cậu đang tạo ra cho họ. Họ nói chuyện về cậu ngay trước mặt cậu như thể cậu không ở đó, như thể cậu không ngồi ở cái bàn trong bếp với họ, Thomas hút thuốc Woodbine còn bà Kerrich thì uống trà. Cậu muốn nói “Hôm nay ngài Lễ Độ đi đâu rồi?”, giống như mẹ cậu thường nói với *cậu* nếu cậu thô lỗ với người khác trước mặt họ. Thực ra ngài Lễ Độ sẽ rất bận rộn nếu ngài ấy sống ở trang viên Jordan. Sunny sẽ không bao giờ thô lỗ với bất cứ ai cho đến hết đời nếu họ *cho cậu về nhà*.

Tuy nhiên, thà ở trong bếp còn hơn là ở những nơi còn lại trong nhà. Đó là căn phòng ấm áp nhất và là nơi luôn dễ dàng có được thức ăn. Nếu cậu quanh quẩn trong bếp đủ lâu, bà Kerrich sẽ ném cho cậu thứ gì đó để ăn, cứ như bà ném một mẩu đầu thừa đuôi thẹo cho lũ chó. Ông bà nội của cậu ăn uống rất tần tiện và cậu lúc nào cũng đói. Cậu đang tuổi ăn tuổi lớn nên cần phải ăn thật nhiều. Ngay cả mẹ cậu cũng nói thế. Tệ hơn nữa, các bữa ăn luôn kèm theo hàng loạt lời giáo huấn - *khép miệng lại khi nhai, ngồi thẳng lưng, dùng dao nĩa đúng cách, mày lớn lên trong chuồng gia súc đấy à?* Bà cậu nói cung cách ăn uống của cậu “thật gớm ghiếc”, có lẽ họ nên cho cậu ăn cám lợn vì kiểu ăn của cậu giống như một con lợn vậy. “Họ không còn nuôi lợn nữa.” Bà Kerrich nói. “Nếu còn, có lẽ bà ấy sẽ ném *cậu* vào chuồng lợn để làm thức ăn cho *chúng* đấy.” Cậu nói

đó không giống một lời đe dọa mà giống một lời khẳng định hơn.

Bà Kerrich thở dài, nói với Thomas: “Chà, tôi nên mang “cà phê sáng” cho lệnh bà thôi.” Hai từ “cà phê sáng” nặng mùi châm biếm, chỉ ra rằng bà Kerrich, với thân phận một người nhà quê, ưa thích trà đặc và ngọt hơn là loại cà phê dành cho những kẻ thượng lưu, trưởng giả. Bà nội của Sunny chẳng phải là “lệnh bà” gì cả, bà chỉ là một “bà” bình thường thôi. Bà Villiers. Bà Antonia Villiers. Hầu như mỗi lần cậu cố nói từ “bà nội” là lại bị vấp (đặc biệt là vì cậu thấy khó mà tin nổi cậu thực sự có dây mơ rễ má với bà). Tại sao cậu không thể chỉ gọi bà là Bà hay Nội thôi? Cậu từng thử một lần. Lúc ấy bà đang đứng bên ô cửa kính trong “phòng khách” trở ra hàng hiên, theo dõi Thomas cắt cỏ (“Làm ăn chả ra sao cả!”) trong khi Sunny ngồi trên thảm, chơi bộ đồ chơi lắp ráp Meccano cũ của bố cậu mà bà nội cậu miễn cưỡng “cho cậu mượn” (“Chơi cẩn thận đấy!”), thế rồi cậu nói: “Nội ơi, cháu uống sữa được không?” Và bà quay ngoắt lại, nhìn cậu chăm chăm như thể trước kia bà chưa bao giờ nhìn thấy cậu, rồi bà nói: “Gì cơ?” Kiểu nói khá giống mẹ cậu, có điều cấm cử hơn gấp mười lần, cứ như bà muốn cấm cậu bằng những lời lẽ đó vậy. “Bà nội ơi, cháu uống sữa được không...” Cậu vội vàng sửa lại. “... À?” Cậu nói thêm. (Ngài Lễ độ gật đầu đồng tình.) Bà nội cậu chỉ tiếp tục nhìn cậu chăm chăm cho đến khi cậu nghĩ một trong hai người họ sẽ biến thành đá, nhưng cuối cùng bà lẩm bẩm “*Nội ơi, cháu uống sữa được không*”, như thể đó là câu hỏi khó hiểu nhất mà bà từng nghe. Thế rồi bà lại quay

sang theo dõi Thomas. (“Cái gã này cứ như chưa từng nhìn thấy một thảm cỏ bao giờ ấy!”)

“Sữa ư?” Bà Kerrich cười. “Cậu chẳng bao giờ thấy nó, cậu nhóc ạ, đó chính là sự phiền phức của cậu đấy.” Sunny biết rằng những cậu bé đang lớn cần phải uống sữa, ai cũng biết điều đó mà! Những người này bị *làm sao* vậy? Chúng cũng cần ăn bánh quy, chuối, bánh mì phết bơ mứt và tất cả những thứ mà ở trang viên Jordan cho là xa xỉ, nhưng người ông thực sự của cậu - ngoại Ted - lại coi là những bữa ăn phụ cần thiết trong ngày. Sunny đã quen sống với những người lớn dường như chẳng hiểu gì về trẻ con - những người ở Cánh Đồng Cửa Adam, “nhóm phụ nữ yêu hòa bình” của mẹ cậu, lớp học của cậu - nhưng ở những nơi ấy, cậu vẫn được cho ăn uống đàng hoàng, không sớm thì muộn.

“Ôi trời ơi!” Bố cậu, Dominic, nói. “Cứ như sống trong một cuốn tiểu thuyết của Dickens vậy. *Thưa ngài, cháu có thể ăn thêm không ạ?* Bố vẫn còn nhớ. Và rồi khi con đi học ở trường nội trú, con sẽ phải ăn những thứ chán chết mà họ cho con ăn ở đó.” Trường nội trú ư? Sunny nghĩ. Cậu sẽ không đi học trường nội trú đâu, cậu sẽ về nhà khi kỳ nghỉ hè kết thúc, trở lại ngôi trường ở York, nơi mà trước đây cậu không thích lắm nhưng bây giờ cậu đang bắt đầu cảm thấy nó giống như một thiên đường đã mất. “Ồ, đừng quá chắc chắn thế.” Bố cậu nói. “Bây giờ bà ấy đã tóm được con rồi, bà ấy sẽ không thả con ra đâu.”

Dominic đang sống ở tầng trên của chuồng ngựa (“Tháp canh của bố đấy”), và Sunny thường thấy bố mình nằm trên một cái sofa cũ tả tơi, vây quanh là những tấm toan đang vẽ

dở. Tất cả những dấu vết còn sót lại của lũ ngựa là mùi phân còn vương lại khi ta bước lên những bậc đá lộ thiên dẫn tới phòng của Dominic. Bố của Sunny đang (“tự”) trực xuất mình ra khỏi tòa nhà chính.

Dominic có vẻ cũng chẳng ăn nhiều, mặc dù anh ta thường có sẵn một thanh sô cô la ở đâu đó để chia cho con trai. Anh ta nói anh ta không được khỏe, “phải nằm viện, đại loại vậy”, nhưng bây giờ anh ta đã khá hơn nhiều. Đường như mỗi lần Sunny tới gặp anh ta, anh ta đều đang ngủ, mặc dù anh ta tuyên bố là mình đang suy nghĩ. Có than phiền điều gì với anh ta cũng vô ích. Anh ta nói anh ta đang phải “uống thuốc theo đơn với liều rất nặng”. Những cái lọ nhỏ được sắp thành hàng trên ngưỡng cửa sổ. “Nó giống như một con lười vậy.” Bà của Sunny nói với ông của cậu (“Ông nội” - một từ khó gọi nữa), và mặc dù Sunny cảm thấy cậu phải bênh vực bố mình nhưng không thể không thừa nhận thực tế rằng điều bà cậu nói là đúng. Thực ra, ngay cả những con lười cũng sẽ trở nên mất kiên nhẫn với Dominic. (Sunny từng ngồi xem cùng ngoại Ted một chương trình về tự nhiên có nói đến những con lười.) Ông nội cậu chẳng có ý kiến gì về Dominic. Theo lời bà Kerrich, đó là vì ông “lắm cảm” rồi. “Não ông ấy đã nhũn như trứng bác.”

“Làm sao Dominic có thể thừa kế trong tình trạng đó chứ?” Bà của Sunny lắc nhai, không mấy may mắn lòng vì cứ phải độc thoại trong mọi cuộc nói chuyện với chồng mình - có lẽ bà thích như vậy. “Nhỡ nó chẳng bao giờ tỉnh táo thì sao? Đứa trẻ đó sẽ là niềm hy vọng duy nhất của chúng ta, lạ Chúa phù hộ.” “Đứa trẻ đó” bắn khoản tự hỏi về ý nghĩa

của những lời lẽ ấy. Cậu không thực sự cảm thấy mình xứng đáng là niềm hy vọng duy nhất của ai đó. Dường như cậu là “người cuối cùng của dòng họ Villiers”. Nhưng còn Bertie thì sao? “Nó là *con gái*.” Bà cậu thờ ơ nói. ““Một dòng họ sẽ kết thúc ở các cô con gái.” Đó là điều sẽ được nói đến trong sách của Debrett^[140].” Sunny thấy đó có vẻ là một kết thúc tốt đẹp, nhưng bà cậu nói họ cần một người thừa kế là con trai, cho dù là một đứa con ngoài giá thú. (“Nó là một thằng nhóc con hoang, đúng không?” Bà Kerrich nói với Thomas. “Theo đủ mọi nghĩa.”) “Chúng ta sẽ biến thằng bé thành người nhà Villiers.” Bà cậu nói. “Nhưng đó là một công việc rất khó khăn.”

“Tình trạng” của cha Sunny dường như là lỗi của cậu. Như thế nào? Tại sao?

“Chỉ vì cậu tồn tại.” Bà Kerrich giải thích, đưa cho cậu một cái bánh quy Rich Tea khô khốc. “Nếu cậu Dominic không vướng vào ma túy và mẹ cậu cùng những thứ tương tự...” Bà ta nói. “... Thì cậu ấy đã có thể cưới ngựa hàng ngày và cưới một cô gái xinh đẹp đeo ngọc trai, mặc bộ đôi áo len chui cổ và áo len cài cúc, giống như những người cùng đẳng cấp với cậu ấy. Thay vì thế, cậu ấy lại trở thành...” - Bà ta giơ các ngón tay làm dấu nháy kép - “... Một họa sĩ”. Và rồi cậu ấy bị áp lực vì có một đứa con như cậu.” Bà Kerrich là một nguồn thông tin vô đáy, nhưng rủi một nỗi, hầu hết các thông tin của bà đều nhầm lẫn hoặc sai lệch.

Lũ chó, đánh hơi thấy bánh quy, tràn vào trong bếp và chạy xồng xộc quanh chân họ dưới gầm bàn. Chúng có ba

con, thuộc giống chó spaniel^[141], con nào con nấy nước dãi lòng thòng, chẳng quan tâm đến ai ngoài chính bản thân mình. Snuffy, Pippy và Lippy. Những cái tên ngớ ngẩn. Ngoài Ted có một con chó thực thụ tên là Tinker. Ngoài Ted nói Tinker “điềm tĩnh như một tảng đá”. Lũ chó của bà cậu luôn lén nhè hàm răng góm ghiếc tấp vào chân cậu, rồi khi cậu than vãn với bà cậu, bà nói: “Cháu đã làm gì chúng? Chắc là cháu đã làm gì chúng chứ gì? Chúng chẳng bao giờ cắn ai vô cớ cả.” Trong khi những gì chúng làm hoàn toàn trái ngược với lời bà nói.

“Cút ngay, lũ chó săn góm ghiếc.” Bà Kerrich quát chúng, nhưng những lời lẽ ấy chẳng có chút tác dụng nào. Chúng thậm chí chẳng được dạy dỗ đi vệ sinh đúng chỗ nên thường để lại thứ mà bà cậu nuông chiều gọi là “những viên xúc xích nhỏ” trên khắp các tấm thảm Ba Tư đã “cũ sòn”. (“Thấy góm!” Bà Kerrich nói.) Cả ngôi nhà đều cũ kĩ. Bà cậu thường nói nó sắp đổ sụp xuống đầu họ. Cái giọng the thé của bà đang hét lên từ nơi nào đó trong nhà: “Snuffy! Pippy! Lippy!” và lũ chó chạy ào ra khỏi bếp như một cơn lốc, nhanh như lúc chúng xộc vào vậy. “Nếu tôi có quyền, tôi sẽ xử lý hết cả lũ.” Bà Kerrich nói. Sunny ngờ rằng bà ta không chỉ nói về lũ chó.

Sunny cư xử tốt hơn lũ chó nhiều, nhưng lại bị đối xử chẳng bằng một góc so với chúng. Như thế có công bằng không chứ?

Một trong những cái chuông gọi gia nhân ở tiền sảnh bắt đầu rung lên leng keng. Những cái chuông lanh lảnh dữ dội như thể người rung chúng ở đầu dây bên kia đang nổi cơn

thịnh nộ (nhưng thực ra chúng vẫn thường kêu inh ỏi như vậy). “Ôi mẹ ời, đức ông lại gọi rồi.” Bà Kerrich nói, nhắc mình ra khỏi ghế. “Tiếng chuông triệu tập.” (Lần nào bà cũng nói vậy.) “Đức ông” cũng chẳng phải là đức ông gì cả, mà chỉ là “Đại tá Villiers”. Ông của Sunny (được cho là) hiếm khi rời khỏi cái ghế bành bên lò sưởi. Ông ta có đôi mắt ướm át màu lam nhạt, thường chẳng nói thành lời mà chỉ phát ra một âm thanh lai giữa tiếng sữa và tiếng ho, giống như một con hải cẩu, vậy mà dường như bà của Sunny và bà Kerrich đều dễ dàng hiểu được ý ông ta, còn Sunny căng hết cả đầu óc cũng chẳng dịch nổi những âm thanh ấy thành thứ tiếng Anh thông thường. Mỗi khi Sunny ở gần ông ta, ông ta sẽ tóm lấy cậu và giữ chặt, đồng thời cúi véo cậu và gào vào tai cậu: “Mày là ai?”

Sunny hoàn toàn không biết phải trả lời câu hỏi này thế nào. Hình như cậu không còn là Sunny nữa. Bà cậu nói bà không thể gọi cậu bằng một cái tên ngớ ngẩn như thế. Nếu gọi là “Sun” thì còn kỳ cục hơn, vì vậy bà nói từ bây giờ cậu sẽ được gọi là Philip, đó là tên người ông lắm cảm của cậu.

“Ôi trời!” Bố cậu mệt mỏi nói khi Sunny tới báo cho anh ta biết là từ bây giờ cậu sẽ có tên là Philip. “Cứ để bà ấy gọi con bằng bất cứ cái tên nào bà ấy muốn. Như thế còn hơn là cãi nhau với bà ấy. Dù sao đi nữa, một cái tên thì có là gì chứ? Đó chỉ là một cái nhãn mà họ treo trên cổ con.” Bà cậu không chỉ đổi tên của cậu mà còn dẫn cậu vào thành phố Norwich, mua cho cậu những bộ quần áo hoàn toàn mới, do đó cậu không còn mặc những cái áo len cổ lọ kẻ sọc đan bằng tay trông như chú hề và những cái quần yếm

bằng vải trúc bầu thô, thay vì thế, cậu mặc quần soóc ka ki và áo dài tay “bánh chọe”, còn đôi dép xăng đan bằng nhựa trong của cậu được thay thế bằng đôi giày Start-Rite kiểu cổ. Tệ hơn cả, bà đã đưa cậu tới một “hiệu cắt tóc dành cho quý ông” để cắt và cạo những lọn tóc dài của cậu thành kiểu đầu “ngắn ngắn ở đằng sau và hai bên”, khiến ngoại hình của cậu biến đổi hoàn toàn. Cậu thực sự không còn là chính mình nữa.

Cậu không kể với ngoại Ted về nhân dạng mới này, vì cậu cảm nhận được rằng điều đó sẽ dẫn đến nhiều câu hỏi mà cậu không trả lời xuể. Cậu vẫn trò chuyện điện thoại với ông ngoại hằng tuần. Bà cậu sẽ đứng cạnh trong lúc cậu mân mê cái ống nghe kênh càn trong tay, “tán gẫu một chút” với ngoại Ted. Thật đáng tiếc, sự hiện diện đầy tính hăm dọa của “bà nội” đã ngăn Sunny hét lên thật to với ông về cảnh ngộ khốn khổ của mình. Cậu không giỏi “tán gẫu” lắm, vì thế, nhìn chung cậu chỉ trả lời nhất gừng những câu hỏi của Teddy. Cậu có vui không? *Có ạ*. Thời tiết có đẹp không? *Có ạ*. (Trời rất hay mưa.) Cậu có được ăn no không? *Có ạ*. (Không!) Và cuối cùng Teddy thường kết thúc cuộc trò chuyện bằng câu nói: “Cháu có muốn nói chuyện với Bertie không? (*Có ạ*) Và vì cô bé cũng chẳng giỏi “tán gẫu” giống Sunny nên suốt hai phút sau đó chúng chỉ im lặng, lắng nghe tiếng thở khò khè của nhau cho đến khi bà cậu sốt ruột nói “Đưa điện thoại lại cho bà”, rồi ra lệnh cho Bertie ở đầu dây bên kia đưa trả ống nghe cho ông ngoại cô bé. Thế rồi bà cậu vờ nhỏ nhẹ nói những lời như: “Bây giờ thằng bé đã quen với cuộc sống ở đây, tôi nghĩ nó nên ở lại thêm một

thời gian nữa. Vâng, ở đây nó được tận hưởng không khí đồng quê trong lành, lại còn được ở với bố nó. Đương nhiên, đó chính là điều mà Viola yêu quý mong muốn.” Vân vân. Viola yêu quý ư? Sunny nghĩ, không thể hình dung ra viễn cảnh “bà nội” và “Viola yêu quý” ở chung trong một căn phòng.

Sunny ước rằng cậu biết một loại mật mã hoặc một thứ ngôn ngữ bí mật nào đó để có thể truyền tải sự đau khổ của cậu (*Cứu cháu với!*), nhưng thay vì thế cậu nói “Tạm biệt ngoại”, mặc dù cậu cảm thấy một thứ gì đó khủng khiếp (nỗi đau buồn) đang dâng lên trong cái bụng (khá trống rỗng) của mình.

“Hội chúng Stockholm^[142].” Bertie nói. “Anh bắt đầu đồng cảm và gần bó với những kẻ bắt giữ mình, giống như Patti Hearst^[143].” Lúc này là năm 2011 và họ đang ngồi ở đỉnh ngọn núi Batur, ngắm mặt trời mọc. Họ đã leo lên đây nhờ ánh đèn pin từ trước khi bình minh ló dạng. Sunny đã sống ở Ball hai năm. Trước đó, anh ở Úc, và trước khi đến Úc thì anh đã ở Ấn Độ trong nhiều năm. Bertie đã đến thăm anh vài lần. Viola thì chưa bao giờ.

Bertie sẽ xoay sở tốt hơn Sunny nếu cô phải đến sống ở trang viên Jordan. Cô biết cách làm vui lòng người khác nhưng cô cũng biết khi nào thì nên chống đối. Sunny chưa bao giờ thực sự học được cách làm cả hai việc đó một cách đúng đắn.

“Họ giống như ma cà rồng ấy.” Sunny nói với Bertie. “Họ cần nạp máu tươi. Bất kể nó tanh tươi thế nào.”

“Anh cho rằng họ tồi tệ như trong trí nhớ của anh ư?” Bertie hỏi.

“Còn tệ hơn ấy chứ, tệ hơn rất nhiều.” Sunny cười.

*

Về cơ bản, họ đã bắt cóc cậu và bây giờ họ đang cầm tù cậu. Ngoại Ted đã hỏi cậu rằng: “Cháu muốn có một kỳ nghỉ ngắn với bố cháu không?” Bây giờ cậu đang được nghỉ hè. Dường như cả một đời người đã trôi qua kể từ lúc mẹ con họ rời xa Devon và công xã ở trang trại Cánh Đồng Của Adam. Devon đã trở thành một kỷ ức vàng, rõ ràng là vì cậu đã được tiêm nhiễm những mộng tưởng tươi đẹp thời thơ bé của em gái cậu về lũ ngỗng, những con bò màu đỏ và bánh ngọt. Khi họ chuyển tới York, Sunny đã hy vọng tất cả bọn họ đều sẽ sống với ngoại Ted, nhưng mẹ cậu nói: “Không được đâu.” Rồi vài tuần sau, mẹ cậu thuê một ngôi nhà liền kề nhỏ dơ dáy và cho cậu vào học ở “trường Steiner^[144]”, một nơi cậu không thích tí nào, nhưng bây giờ cậu sẽ sẵn sàng trở về đó.

“Cháu có thể làm quen với ông bà nội của cháu.” Ngoại Ted nói, cố tỏ ra hồ hởi. “Họ sống trong một ngôi nhà bề thế ở vùng đồng quê, ở đó có chó, có ngựa, vân vân. Đến chơi với họ vài tuần chắc sẽ vui lắm, ý cháu thế nào?” Lũ ngựa đã bị tổng khứ đi từ lâu còn lũ chó sẽ ăn thịt cậu nếu chúng có cơ hội. “Họ cũng có cả một mê cung nữa.” Teddy nói. Sunny cứ tưởng ông ngoại cậu nói những người ông bà mà cậu chưa từng biết này cũng “sùng sốt^[145]” lắm, vì thế

cậu chẳng lấy gì làm ngạc nhiên. Cậu cũng khá sững sốt khi thấy mình bị đưa đến ở với họ. Cậu biết rằng cậu không được làm theo ý mình. Viola đã khắc sâu điều đó vào trong tâm trí cậu - “Con không được nói con muốn làm gì”, “Con sẽ làm theo những gì mẹ bảo chứ không phải những gì con muốn”, “Bởi vì mẹ *nói* như thế!”

“Đó không phải là ý của tôi.” Sunny nghe thấy ông ngoại cậu nói chuyện điện thoại với một người nào đó mà cậu không thể thấy mặt. “Nhưng mẹ nó rất sốt sắng.” Lúc này, mẹ cậu đã bỏ lại anh em cậu để “đấu tranh cho những niềm tin của mình”. Điều đó có nghĩa là gì? Các con của mẹ cậu không quan trọng bằng những niềm tin của mẹ cậu sao? Chẳng phải con cái cũng chính là niềm tin ư? Mẹ cậu đã tới trại hòa bình Greenham Common^[146]. Bertie nói nó nghe như một địa danh trong truyện cổ tích (cho đến khi chính Bertie cũng đến đó). Bertie nghĩ tất cả mọi thứ đều nghe như một địa danh trong truyện cổ tích. Viola đang “vây bủa căn cứ^[147]” ở đó, bất kể điều đó có nghĩa là gì. “Nó nên thử ôm ấp^[148] con mình.” Sunny nghe thấy Teddy càu nhàu.

Bà nội cậu và Dominic đã lái một chiếc xe to dùng cũ kĩ đến, rồi khi họ xuống xe, ngoại Ted thì thâm vào tai Sunny “Đó là bà của cháu đấy, Sunny!”, mặc dù ông cũng chưa bao giờ gặp bà. Bà cậu mặc một cái áo lông thú xác xơ trông như được làm từ lông chuột, răng bà vàng khè như những bông hoa thủy tiên trong vườn của ông cậu. Bà có vẻ già lắm rồi, nhưng sau này nghĩ lại, Sunny cho rằng lúc ấy bà không quá bảy mươi tuổi. (“Khi ta bé, ta thấy ai cũng già hơn thực tế mà.” Bertie nói.)

“Bố!” Bertie reo lên, chạy ào qua Sunny và lao vào vòng tay của bố họ, sự hăm hở giống như một chú cún con của cô khiến cả Sunny lẫn Dominic đều kinh ngạc. “Này!” Bố họ nói, lùi lại một bước, như thể con gái anh ta có thể tấn công anh ta.

“Chào Ted!” Dominic nói với Teddy khi anh ta đã nhận ra Bertie. “Mọi chuyện thế nào ạ?”

Teddy mời họ vào nhà để uống trà. “Tôi đã làm một cái bánh ngọt, một cái bánh sandwich Victoria^[149].” Ông nói và người bà mới của hai đứa trẻ cau mày, không chỉ vì cái bánh mà còn vì chuyện một người đàn ông lại đi làm bánh.

Và rồi cũng đến lúc. Trà đã uống, bánh đã ăn - hoặc không - Sunny bị nhét vào băng ghế sau của chiếc xe với ba con chó đang rất căm phẫn, và điều tiếp theo mà cậu biết là cậu đang ở Norfolk, còn người được cho là bà của cậu nói rằng cậu cần bắt đầu trưởng thành. Cậu mới có bảy tuổi thôi! Còn nhiều năm nữa cậu mới cần trưởng thành! Điều này thật không công bằng.

*

Cậu khốn khổ xì mũi vào gối lần cuối. Đêm nào cậu cũng trần trọc mãi mới ngủ được, và khi vừa thiếp ngủ, cậu sẽ giật mình thức giấc, thấy mình bị bao vây bởi đủ loại vật thể góm ghiếc lù lù hiện ra trong bóng tối xung quanh. Dưới ánh sáng ban ngày an toàn hơn, cậu có thể nhìn ra chúng là gì - những món phế thải được chất đống ở đó qua nhiều năm mà Thomas phần chí đã bỏ lại khi ông ta được

lệnh dọn dẹp căn phòng cho “thằng bé” - một cái nôi được đan bằng tay đã sờn, một cái giường cũ bị gãy, một bộ ván trượt tuyết bị mất một tấm, một cái chao đèn khổng lồ và, tệ hơn cả, một con ma nơ canh bằng gỗ mà Sunny quả quyết rằng khi màn đêm buông xuống, nó cứ nhích lại gần cậu từng chút một, vô cùng đáng sợ, như thể nó đang chơi trò “một, hai, ba”. “Ôi trời, “phòng trẻ”.” Dominic nói. “Nó chẳng khác nào đáy địa ngục. Nếu bố có con, bố sẽ cho chúng ở căn phòng đẹp nhất trong nhà.”

“Bố chả có con còn gì.” Con trai anh ta nói.

“Ồ, ừ, chà, phải rồi, con biết ý bố là gì mà.”

Không hẳn thế, Sunny nghĩ.

Trong phòng trẻ lúc nào cũng lạnh, mặc dù đang là mùa hè. Trên tường loang vết ố và một mẫu giấy dán tường đã bị tróc ra, lơ lơ lửng lửng như lớp da bị lột. Ô cửa sổ duy nhất, lốm đốm rêu đen, đã bị kẹt chặt, nếu không Sunny đã cố trèo ra ngoài và tuột xuống một ống nước để bỏ trốn - một hành động mà Augustus thường làm trong những cuốn sách.

Ngoại Ted có rất nhiều cuốn sách về cậu bé đó, chúng có tên là *Những cuộc phiêu lưu của Augustus*, hình như là do chính cô của ông viết về ông. Viola đã đọc vài cuốn cho Sunny nghe. Augustus bày đủ trò nghịch ngợm nhưng có vẻ như mọi người đều nghĩ rằng đó là chuyện bình thường, vậy mà nếu Sunny chỉ cần làm rơi một hạt đậu khỏi đĩa của mình thôi, cậu sẽ trở thành đứa trẻ tồi tệ nhất trên đời trong mắt bà cậu. Thật là không công bằng!

Cậu ước gì có Bertie ở đây. Con bé sẽ chui vào giường với cậu và ủ ấm cho cậu. Con bé rất giỏi ủ ấm, ngoại Ted cũng thế. Ở trang viên Jordan này, chưa từng có ai chạm vào cậu, có chăng cũng chỉ là cấu véo hoặc đánh cậu, hoặc nếu là lũ chó thì sẽ cắn cậu. Bà nội cậu thường quật cái thước kẻ bằng gỗ dài ba mươi phân vào khoeo chân cậu. “Cái này đã giúp Dominic nên người.” Bà nói. (“Ôi dào, hãy xem cậu ta trở thành người thế nào kìa.” Bà Kerrich nói. Nhưng như thế không có nghĩa là bà Kerrich phản đối hình phạt bằng đòn roi. Ngược lại thì có.) Cậu rất hay tè dầm ra giường, từ lúc ở nhà cậu vẫn vậy, nhưng ở đây người phải đem chăn ga đi giặt là bà Kerrich. Bà ta cứ lải nhải đi lải nhải lại với cậu rằng cậu là một “thằng nhóc khó ưa”, và khi bà ta thực sự bức tức, bà ta để mặc cho cậu ngủ trên đồng chăn ga ướt lạnh vào cả buổi tối hôm sau.

Trong phòng trẻ còn chứa những cuốn sách bị mủn và những bức tranh ghép hình Victory. Sunny bèn đem chúng ra để tiêu khiển. Cậu đọc rất kém nhưng lại rất giỏi trò ghép hình, mặc dù niềm vui của cậu cứ vơi dần, vơi dần khi phải ghép đi ghép lại mãi mấy bức tranh “Ngôi nhà của Anne Hathaway” hay “Vua Arthur ở Dartmoor.”

Phòng trẻ vẫn vương vãi những món đồ chơi cũ trong thời thơ ấu của Dominic. Sunny cứ liên tục giẫm phải một chú lính tinh nghịch hoặc một chiếc ô tô Dinky khiến cậu bị trượt chân, vì thế cậu thu thập những báu vật nhỏ bé này và cất vào trong một hộp giày cũ. Cậu vẫn giữ con thỏ rừng bằng bạc mà ngoại Ted đã cho cậu (dù rất khó khăn), nhưng cậu ước gì có được sự an ủi từ những hòn đá của cậu.

Ở lối xe chạy vào nhà có một ít sỏi nhưng như thế vẫn chưa đủ. Bà cậu đã tước đi viên đá cuội đẹp nhất mà cậu tìm được trên bãi biển ngay trước khi họ rời Devon. (“Thứ bần thiêu!”) Nếu có được những hòn sỏi ấy, cậu đã có thể rải chúng để làm dấu giống như Hansel và Gretel^[150] đã làm để rồi tìm được đường về nhà. Hoặc Bertie, Gretel của cậu, có thể lần theo dấu vết và tìm thấy cậu, sau đó giải thoát cậu khỏi cái lồng này. Cậu ngủ thiếp đi với ý nghĩ vui vẻ ấy.

*

Thế rồi, một “vấn đề gây nhiều tranh cãi” nảy sinh, đó là việc học tập của cậu. Bà Kerrich nói với Thomas rằng bà chẳng hiểu tại sao cậu không thể đi học ở trường địa phương. “Nó không đủ tốt đối với một người nhà Villiers.” Thomas nói. Mình mang họ Todd mà, Sunny nghĩ, Sunny Todd, không phải là Philip Villiers. Bao lâu nữa thì cậu quên mất điều này? Bà Kerrich nói bà nghĩ “cậu nhóc thừa kế bị chậm tiến nên lệnh bà cần gì phải xoắn xít lên về việc học tập của cậu ta nhỉ!” “Cháu không chậm tiến.” Sunny lầm bầm. Bà Kerrich nói: “Cháu chỉ được lên tiếng khi nào có người nói chuyện với cháu, cậu nhóc.” Ngài Lễ Độ lắc đầu thất vọng trước sự bất nhả của Thomas và bà Kerrich.

Bà Kerrich nói đúng, bà nội cậu không thể chấp nhận nổi trường tiểu học địa phương, mấy từ “trường công lập” khiến bà rùng mình. Cậu chưa đủ tuổi theo học ở trường nội trú mà Dominic từng học. “Chưa đến lúc.” Bà nội cậu nói. Phải đợi đến sinh nhật tám tuổi của cậu đã. Ngay cả trong mắt

một đứa trẻ bảy tuổi như cậu, tám tuổi vẫn còn rất nhỏ. “Ừ.” Bố cậu nói. “Bố đã rất khổ sở khi ở đó, nhưng bố không *nhớ nhà*. Ai mà nhớ một nơi như thế này chứ, con có thể phát ốm khi ở trong trang viên Jordan này, và khi *thoát ra khỏi* nó, con sẽ cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm.” Chẳng mấy khi Dominic nói nhiều thế này. Anh ta nói anh ta đang thức dậy sau “giấc ngủ đông”, vứt bỏ tình trạng lơ đãng, uể oải của mình. “Không thuốc thang gì nữa. Giờ bố nhìn thấy mọi thứ rõ ràng hơn rồi. Bố cần thoát ra khỏi đây.”

“Con cũng thế.” Sunny nói. Có lẽ họ có thể chạy trốn cùng nhau. Sunny mừng tượng hai bố con họ đang đi bộ dọc theo một con đường quê, mang theo tay nải đựng đồ đạc được làm bằng những chiếc khăn tay chấm bi màu đỏ và trắng buộc vào đầu những cái que. Có lẽ có cả một con chó nhỏ chạy lon ton bên cạnh họ.

“Họ chẳng hiểu gì về trẻ con cả.” Bố cậu nói. “Con không biết cái cảnh lớn lên ở đây là như thế nào đâu.”

Con biết mà, Sunny nghĩ. Con *đang* lớn lên ở đây đấy thôi.

“Họ tin dùng sự cảm đoán, đó chính là vấn đề, họ nghĩ điều đó sẽ trui rèn nên những đức tính tốt đẹp nhưng thực tế lại trái ngược. Đương nhiên, thực ra người nuôi dạy bố là một nanny^[151]. Bà ta còn tồi tệ hơn tất cả bọn họ cộng lại.” Sunny không biết nanny có nghĩa là gì. Nanny duy nhất mà cậu biết là con dê ở Devon mà cậu vẫn còn nhớ. Nó hơi kinh khủng và luôn cố gắng ăn quần áo của ta nếu ở quá gần nó. Chắc hẳn một con dê thì không thể nuôi dạy bố cậu được, nhưng dạo gần đây Sunny đã gặp quá nhiều chuyện đáng

kinh ngạc đến nỗi chẳng còn gì có thể khiến cậu thấy kinh ngạc nữa rồi. “Chà.” Dominic nói, trôi miên man theo dòng ký ức. “Nanny thực sự là đồ khốn kiếp.”

“Đồ khốn kiếp là gì ạ?” Sunny hỏi.

“Một người thực sự xấu xa.”

*

Bà nội cậu đã tìm ra “một giải pháp”. Một trường tiểu học tư thục ở địa phương, một trường ngoại trú - Thomas sẽ chở cậu đi đi về về hằng ngày. (“Ồ, cậu ta sẽ đi học ở đó sao?” Thomas nói.) “Thực ra cũng không phải là trường tốt lắm.” Bà nội cậu nói. “Nhưng chúng ta sẽ không phải xấu hổ quá về hành vi của Philip.” Hành vi gì? Đạo gần đây cậu ngoan như chuột vậy.

“Cháu sẽ đi học ở đây ông ạ.” Cậu nói với ngoại Ted trong cuộc trò chuyện điện thoại hằng tuần của hai ông cháu.

“Ông biết rồi.” Teddy nói, nghe giọng ông cũng rầu rĩ như cảm giác trong lòng Sunny vậy. “Mẹ cháu đã thỏa thuận chuyện này với Antonia. Ông sẽ cố làm gì đó, được chứ? Từ giờ cho đến lúc ấy, cháu phải thật khắc kỷ nhé, Sunny.” Sunny không biết khắc kỷ là gì nhưng đó rõ ràng không phải điều gì dễ chịu.

Còn vài ngày nữa là cậu bắt đầu đi học ở trường mới, thời tiết thật đẹp, như thể nó cố ý đợi cho đến khi cậu chẳng còn mấy thời gian để hưởng thụ nó. Sunny chơi trong những khu đất hoang cỏ dại mọc um tùm suốt cả ngày dài.

Chơi một mình thật là chán, cậu đã chịu hết nổi khi phải làm một hiệp sĩ cưỡi ngựa đấu thương thời Trung cổ, Robin Hood hay một nhà thám hiểm rừng già đơn độc rồi. Vì thế, cậu thấy nhẹ cả người khi bố cậu rủ: “Chúng ta đi phiêu lưu một chuyến nhé, Phil?”

Sunny cảm thấy cậu đã “phiêu lưu” đủ rồi. Mấy hôm trước, cậu tình cờ tha thân đi vào trong mê cung - bà cậu đã “ngghiêm cấm” cậu bén mảng tới gần nó, nhưng vì cậu thậm chí còn chẳng biết nó là cái gì nên cậu khó có thể tránh nó được. Đó là một nơi đáng sợ, um tùm rậm rạp, và cậu đã quay trở lại gần như ngay lập tức - nhưng đã quá muộn! Cậu đã bị lạc, bốn bề chỉ thấy những bụi gai và những giậu thủy laps. Lúc Thomas tới tìm cậu thì trời đã tối, ông ta huýt sáo gọi cậu như gọi một con chó vậy. Bấy giờ Sunny đã lăn ra ngủ giữa những cái rễ xù xì dưới chân hàng giậu, và Thomas đánh thức cậu bằng cách chiếu đèn pin vào mặt cậu, rồi đá nhẹ mũi giày vào người cậu một cái để dựng cậu dậy.

“Tại sao mày lại chui vào đó khi tao đã dặn mày không được làm thế?” Bà nội cậu rít lên. Đương nhiên, chẳng ai quan tâm cậu đã kinh hãi thế nào. Cậu đã quá quen với điều đó rồi, vì vậy khi bố cậu nhắc đến từ “phiêu lưu”, một giọng nói nhỏ nhẹ trong đầu cậu đã khuyên cậu phải thận trọng. Từ “phiêu lưu” thốt ra từ miệng bố cậu nghe thì có vẻ đầy hứa hẹn nhưng thực tế lại chẳng có gì hay ho. Với ngoại Ted thì thường ngược lại.

“Ừ, hôm nay hãy tạm đem nó đi đâu đó cho khuất mắt.” Bà nội “yêu quý” của cậu nói.

Mấy ngày hôm nay, Dominic cứ mãi miết vẽ thâu đêm suốt sáng, vẩy sơn lên các tấm toan. “Bố đang tràn trề cảm hứng.” Anh ta nói. “Bố đang vẽ một kiệt tác.”

*

Vào một buổi sáng, Dominic làm tất cả bọn họ sững sốt khi xuống nhà để ăn sáng - một bữa ăn đạm bạc ngay cả khi nó được cho là ngon lành nhất - và vui vẻ gọi “Cho cháu món thịt xông khói và trứng ngon nhất của bác, bác Kerrich!” khi bà ta rón rén bê nồi cháo loãng thường lệ đi vào. Bà ta vừa bỏ đi vừa kêu ca: “Ôi, Chúa ơi, lại bắt đầu rồi. Cậu ấy lại hưng phấn rồi.” Sunny chẳng ngạc nhiên khi cả món thịt xông khói lẫn món trứng đều không xuất hiện, cậu biết rõ tình trạng của chạn thức ăn hơn hầu hết mọi người, vì cậu suốt ngày lén lút quanh quẩn ở đó để lục lọi đồ ăn. Toàn những thứ cơm thừa canh cặn, chẳng hạn như một miếng hành muối còn sót lại hay một miếng khoai tây nguội ngắt. Thi thoảng cậu căng thẳng thò ngón tay quệt một vòng bên trong lọ mứt cam. Bà Kerrich cứ như một con diều hâu vậy.

Dominic có vẻ quên ngay món thịt xông khói và trứng mà mình vừa yêu cầu, nhả nha châm một điếu thuốc lá. Bà nội Sunny cũng hút thuốc rất nhiều, các bức tường ở trang viên Jordan đều nhuốm một màu vàng nhạt. Đôi mắt Dominic vẫn tia máu và anh ta cứ bồn chồn nhấp nhồm như một con ếch. “Nào, Phil!” Anh ta nói trước khi Sunny kịp múc thìa cháo cho vào miệng. “Đi thôi!”

*

Họ đi bộ hàng tiếng đồng hồ, chỉ được bổ sung năng lượng bằng một thanh sô cô la Mars nhoe nhoét vì đã chảy một nửa mà Dominic bẻ đôi và chia cho con trai. Trước đây, anh ta đã uống vài viên thuốc nhỏ màu hồng, anh ta đặt chúng trong lòng bàn tay và xòe ra cho Sunny nhìn, đấu tranh tư tưởng xem có nên cho con trai một mẫu nhỏ không. “Có lẽ chỉ một phần tư viên thôi nhỉ?” Anh ta trầm ngâm suy ngẫm. “Thử tưởng tượng xem một đứa trẻ mà phê thuốc thì sẽ thế nào.” Cuối cùng, anh ta quyết định không làm thế bởi vì anh ta sẽ bị “bà sói cái” “măng nhiec thậm tệ”.

Họ uống nước từ một cái ao nhìn khá là xanh, Dominic nói đây là một nguồn nước kỳ diệu và ở dưới đáy sâu của nó có một con cóc có viên ruby trên trán. “Nếu con nhìn thật kĩ, con có thể thấy nó đấy.” Trước nỗi thất vọng của bố cậu, Sunny không thấy gì cả. Họ lại tiếp tục lên đường, bố cậu vẫn huyên thuyên về con cóc. Sunny lúc này đã mệt lả. Chuyến cuộc bộ này chẳng giống một cuộc phiêu lưu tẹo nào.

“Con mệt rồi.” Sunny nói. “Chúng ta dừng chân một lát được không ạ?” Cậu lo lắng không biết họ sẽ quay lại trang viên Jordan kiểu gì. Chắc không phải là đi bộ suốt từng ấy chặng đường chứ? Họ đã đi hàng dặm đường và chân cậu đang run lên vì mỏi. Nếu ngoại Ted ở đây, ngoại sẽ chia lưng cho cậu và nói: “Ôi, ngoại già quá, chẳng công nổi cháu nữa rồi.”

“Đây là một bài tập rèn luyện tốt cho thể lực của con.” Dominic nói, tiếp tục sỏi bước. “Đi tiếp đi!”

Khuôn mặt Sunny bóng râm. Cậu biết đáng lẽ cậu phải đội mũ và bôi kem chống nắng. Cậu khát khô cả cổ nhưng họ chẳng đi qua cái ao nào nữa, dù là một cái ao có nước màu xanh. Sunny chợt nhận ra cậu đang đi cùng một người không thực sự *có trách nhiệm* với cậu. Chẳng phải bố cậu vốn không phải là một người trưởng thành thực thụ sao? Nỗi sợ hãi như một mũi giáo đâm vào bụng cậu. Cậu đang không được an toàn.

Quả là nhẹ nhõm khi họ tới một khu rừng, vì nó mang đến cho họ chút bóng râm, và ở đây, Sunny tìm thấy ít mâm xôi dại chua khủng khiếp nhưng ít nhất chúng cũng là đồ ăn được.

Cứ chốc chốc họ lại dừng lại để Dominic say sưa ngắm nghía một chiếc lá dương xỉ hoặc hồ hởi ca ngợi một tiếng chim hót. “Con có nghe thấy không, Chúa Jesus ơi, con có *nghe* thấy không, Phil?” Khi phát hiện một cây nấm khổng lồ mọc trên một thân cây, anh ta quỳ gối xuống và nhìn chăm chăm vào nó. Cây nấm hợp hồn anh ta chừng như hàng tiếng đồng hồ, và Sunny buộc phải nói “Chúng ta đi tiếp được không bố?”, bởi vì bụng cậu đang đau quặn, có lẽ là do những quả mâm xôi chua loét mà cậu đã ăn lúc nãy, nhưng Dominic bắt đầu nhảy chồm chồm và hét lên: “Ôi Chúa ơi, ôi Chúa ơi, bố không thể tin nổi là lúc nãy bố không nhìn thấy nó - nấm ngai cóc! Nấm ngai cóc - con cóc có viên ruby trên trán - hai thứ này có liên quan đến nhau!”

“Bởi vì nó là cái ngai cho con cóc ngồi ạ?” Sunny ngo ngác.

“Bởi vì con cóc là *vua* của loài năm ngai cóc - đó chính là điều bí mật. Bí mật này có thể thay đổi mọi thứ. Chúng ta năm được kiến thức bí mật ấy rồi. Chúng ta đã ngộ đạo.”

“Ngộ đạo í ạ?”

“Ừ. Ôi trời ơi.”

Thế rồi anh ta cứ lảm nhảm một lúc lâu. Sunny tính đến chuyện nằm xuống và phủ những chiếc lá lên người mình giống như một con vật nhỏ bé trong rừng. Cậu có thể đánh một giấc, rồi có lẽ khi tỉnh dậy, cậu sẽ thấy mình đang ở trang viên Jordan, hoặc thậm chí tuyệt vời hơn nữa là ở nhà của ngoại Ted. Nhưng không, họ tiếp tục lê bước.

Ra khỏi khu rừng, họ lại phải chịu sự tra tấn của ánh mặt trời nóng bỏng. Dominic đã ngừng nói, thực ra tâm trạng anh ta dường như đã thay đổi hoàn toàn và trở nên u ám hơn. Anh ta lảm bảm gì đó với chính mình, nhưng những lời lẽ ấy thực sự chẳng có ý nghĩa gì cả.

*

Lúc này họ đang đi bộ dọc theo một con đường mòn, hai bên là những hàng giậu lớn, thế rồi con đường đột nhiên kết thúc và họ bước sang một con đường cái nhỏ. Mặt đường bóng râm. Hai bàn chân Sunny đau đến mức cậu nghĩ mình không thể bước tiếp được nữa. Trên đường xuất hiện hai cánh cổng màu trắng. Giữa mỗi cánh có một vòng tròn lớn màu đỏ, còn trên đỉnh của chúng có một ngọn đèn nhỏ

không được thấp sáng vì trời vẫn chưa tối. Họ đi qua hai cánh cổng mở toang và Sunny nhận ra họ đang ở trên một đường ray. Cuối cùng thì cũng có thứ gì đó thú vị. Liệu có đoàn tàu nào sắp chạy qua đây không? Họ có thể đợi nó không? “Đương nhiên.” Dominic nói. “Có lẽ đó là lý do chúng ta được dẫn đến đây đây.” Ai đã dẫn bố con cậu đến đây? Sunny tự hỏi. Vua của loài nắm ngai cóc ư? Cậu không hỏi điều này, cậu chỉ nhẹ nhõm vì bố cậu dường như đã tươi tỉnh trở lại.

Trước kia Sunny chưa bao giờ đi qua cái cổng xe lửa nào. Cậu yêu những đoàn tàu. Ngoại Ted rất hay dẫn cậu đến bảo tàng đường sắt ở York. Ông nói hồi còn nhỏ, ông cũng rất yêu những đoàn tàu.

Sunny đang mong họ sẽ băng qua các đường ray, nhưng Dominic lại ngồi phệt xuống giữa đường, ngay giữa hai cánh cổng màu trắng và bắt đầu cuộn một điếu thuốc lá. Sunny ngập ngừng phân vân bên cạnh anh ta. Ngồi trên một con đường, đặc biệt là một con đường có đường ray tàu hỏa chạy qua, không phải là một ý hay, ngay cả trong mắt một đứa trẻ bảy tuổi, nhưng mặt khác, hai chân cậu không thể chịu đựng lâu hơn nữa.

Khi băng qua con đường rải nhựa, những thanh ray được gắn với những tấm ván gỗ và bố cậu vỗ vỗ vào tấm gỗ bên cạnh mình, nói: “Nghỉ ngơi thôi, ngồi xuống đi!” Anh ta châm điếu thuốc cuộn và phát hiện ra một gói sô cô la bẹp rúm đã chảy hết ở túi quần sau, bèn sửng sốt nhìn chúng. “Oa!” Anh ta nói. “Màu tím.”

Nhìn thấy gói sô cô la, Sunny không còn chân chừ nữa, dứt khoát ngồi xuống, những tấm gỗ của đường ray cũng không quá nóng. Cậu có thể nhìn xa tí tấp dọc theo đường ray về cả hai phía. “Tuyệt chứ hả?” Dominic nói. “Giống như một bài học về phối cảnh vậy. Con có biết phối cảnh không?” Cậu không biết.

“Vật nào càng xa thì con càng phải vẽ nó nhỏ lại. Phải mất đến, ờ, hàng nghìn năm người ta mới nghĩ ra điều đó đấy.”

Chân Sunny chạm vào một thanh ray kim loại và cậu khẽ kêu lên oai oái vì nó quá nóng, “ừ, do ánh mặt trời đấy, con trai.” Dominic nói. “Nóng lắm. Mà con cũng là mặt trời mà, đúng không?” Sunny nghĩ bố cậu không thực sự nói ra những câu hoàn chỉnh, đó chỉ là những ý nghĩ lộn xộn. “Cóc^[152] và Todd nữa chứ! Không phải tự dưng mà hai từ đó quá giống nhau, đúng không? Ra. Apollo. Chúng cũng là những cái tên thú vị, nhưng bố mẹ đã gọi con là Sun. Mặt trời của bố mẹ. (Hoặc có thể ông đã nói “con trai^[153]”. Tên của Sunny luôn gây ra những sự nhầm lẫn.)

“Giờ con là Philip rồi.” Sunny nhắc bố mình. Người cậu dính đầy sô cô la nhão, chuyện này sẽ khiến cậu gặp rắc rối với “bà sói cái”, nhưng cậu buồn ngủ đến nỗi chẳng buồn bận tâm. Cậu bắt đầu gà gât và dựa vào thân hình gầy gò, đẩy kích động của bố mình. “Và với những đường thẳng song song, giống như đường ray này, con phải có một điểm ảo^[154].” Dường như điều tuyệt vời nhất lúc này là được ngủ một giấc. Những ý nghĩ rời rạc của Dominic - sự sùng bái

mặt trời, luật phối cảnh, năm ngai cóc - đều dần dần tan biến.

Cậu thức giấc bởi tiếng chuông reng reng cùng ánh đèn chớp lóe, và thấy hai cánh cổng màu trắng đang từ từ khép lại, chặn đứng con đường. Họ sẽ bị mắc kẹt ư? Cuối cùng, những cánh cổng cũng đóng sầm lại. “Oa!” Dominic nói. “Chuyện này sẽ tuyệt diệu lắm đây, con không nên bỏ lỡ nó.” Sunny ngờ rằng cậu chẳng muốn chứng kiến nó chút nào và cố gắng đứng dậy, nhưng Dominic kéo cậu xuống trở lại. “Tin bố đi, Phil, con sẽ muốn chứng kiến cảnh này. Ôi trời - nhìn kia, nó đang đến. Nhìn thấy đoàn tàu không? Thấy không? Đếch thể tin nổi.”

Dominic đột ngột đứng dậy, kéo theo Sunny.

Vật thể nhỏ xíu ở đằng xa - Theo báo cáo của cuộc điều tra sau này, đó chính là chuyến tàu mang số hiệu 330 đi từ ga Liverpool Street tới Norwich - đang càng lúc càng lớn dần, kích thước của nó thay đổi theo từng giây. “Ở lại đi, ở lại đi!” Dominic thúc giục như thể Sunny là một chú chó. “Con làm sao thế? Con không muốn trải nghiệm chuyện này ư? Nó sẽ làm con sững sờ mê mẩn. *Nào! Aaaa!...*” Không, không hẳn là “aaaa” - chỉ có Augustus mới hét lên như vậy, còn người đàn ông bị đoàn tàu tốc hành đâm trực diện thì không.

*

“Đây rồi, đây hẳn là nơi đó.” Teddy nói. Ở băng ghế sau trên xe, Bertie hút sùm sụp chỗ nước ép còn sót lại trong

hộp và nhìn quanh với vẻ hứng thú.

Một tấm biển gắn ở trụ cái cổng hình vòm bằng sa thạch thông báo rằng đây là “Trang viên Jordan”, và bên dưới là một tấm biển khác đề chữ “Tư gia”. Teddy tự hỏi không biết họ lấy cái tên này trong *Kinh thánh* hay đây là tên của ai khác. Nếu là vài năm trước, ông sẽ cho rằng Jordan là một cái họ. Hồi chiến tranh, ông từng biết một cô gái WAAF có tên là Nellie Jordan (không, ông không có quan hệ thân mật gì với cô ta cả), nhưng dường như bây giờ nó còn được dùng làm tên thánh - ở lớp Bertie có một Jordan (một cậu bé). Ngoài ra, cùng với những cái tên thông thường như Hannah và Emma, còn có một Saffron và một Willow (cả hai đều là con gái), và một Dharma (một đứa trẻ xanh xao, gầy gò mà Teddy chẳng bao giờ xác định được giới tính). Ở lớp của Sunny từng có một cô bé tên là Squirrel. Ít ra đó cũng là cái tên không thể gọi tắt được, đây chính là mối bận tâm của Nancy khi họ đặt tên cho Viola. “Liệu người ta có gọi con là “Vi” không anh nhỉ? Em mong là không.” Nhiều năm sau, thi thoảng Teddy lại băn khoăn về Squirrel. Liệu cô bé có đổi tên hay, ở đâu đó trong thế giới người lớn, liệu có giáo viên hoặc luật sư hay bà nội trợ nào đáp lại khi có người gọi cái tên “Squirrel”?

Căn cứ vào ngôi trường mà chúng theo học, bất cứ nghề nghiệp nào được nhắc đến ở trên đều có vẻ quá xa vời đối với chúng. Đó là ngôi trường kiểu Rudolph Steiner - theo lời Viola, phương pháp giáo dục của nó là “lấy trẻ em làm trọng tâm”, chủ trương này hoàn toàn khác với Viola, vì cô thực sự chẳng coi con cái là trọng tâm chút nào. Bây giờ cô

còn chẳng chịu tham gia các buổi lễ của giáo hội Anh, và đã đồng ý để nhà Villiers lựa chọn một trường tiểu học tư thục không miễn tiền học phí ở địa phương cho Sunny tội nghiệp. Việc cô ít nhiều phải tay với con trai đã đủ tồi tệ rồi, cô lại còn chia cách cậu với em gái của cậu nữa. Teddy có thể hình dung rất rõ mình sẽ đau khổ thế nào nếu bị tách khỏi Ursula và Pamela ở cái tuổi lên bảy non nớt. Và nhớ đâu nhà Villiers đổi ý về Bertie thì sao? Liệu Viola có để họ nuôi cả con bé không?

“Cha mẹ của Dom có thể đem lại cho Sunny rất nhiều lợi ích.” Viola nói với Teddy. “Suy cho cùng, nó là người thừa kế của nhà Villiers, và Dom đã hòa giải với gia đình. Thực ra, anh ta đã về nhà rồi, và đang vẽ tranh.” Teddy thường quên mất rằng Dominic là một họa sĩ, có lẽ vì anh ta không thành công chút nào trong sự nghiệp cầm cọ của mình. “Và hẳn là bố cũng đồng ý rằng sẽ tốt cho Sunny khi nó lại được sống cùng cha nó.” Vân vân. Đủ các lý do để cô biện bạch cho quyết định bỏ rơi đứa con của mình. Teddy ngờ rằng nguồn cơn của việc này là tiền và nhu cầu của cô với nó.

Đương nhiên, ban đầu họ chỉ đề nghị đón Sunny về “vài tuần” vào dịp nghỉ hè, và Teddy đã không nhận ra họ có một kế hoạch dài hơi hơn. Giờ thì dường như Sunny sẽ ở lại với nhà Villiers (“Mãi mãi ạ?” Bertie nói, trên mặt hiện lên vẻ kinh hãi.) Sunny là một đứa trẻ nhạy cảm nên Teddy cảm thấy việc họ đem cậu đi và mong cậu khôn lớn bên những người phần nào xa lạ với cậu là một sai lầm. Teddy đã giấu Viola đi gặp luật sư của mình, bắt đầu đệ đơn lên tòa án chuyên xử các vụ tranh chấp trong gia đình để giành quyền

giám hộ cháu ngoại. Ông không quá hy vọng vào kết quả, nhưng chúng phải có người bảo vệ chứ, đúng không?

*

Hai cánh cổng bằng gang sừng sững ở trang viên Jordan đang mở rộng và họ lái xe qua mà chẳng gặp trở ngại gì. Lái xe đến Norfolk mất nhiều thời gian hơn so với Teddy tính toán. Trước kia ông chưa bao giờ tới đây, nơi này nằm ở phần đuôi của bản đồ nước Anh. Họ đã đi vòng vèo trên con đường một làn trong nửa tiếng đồng hồ cuối cùng, bị cản đường bởi các loại xe cộ chậm rì rì ở các nông trại và những con cừu ngoan cố. Chỗ đồ ăn họ mang theo đã gần hết. Họ đã nạp năng lượng trong cuộc hành trình bằng những chiếc sandwich làm từ bánh mì trắng kẹp phô mát và dưa chuột muối, rồi bim bim và bánh xốp phủ sô cô la KitKat - tất cả những thứ này vốn bị Viola cấm tuyệt đối, cô đã “dặn dò” Teddy về “chế độ ăn” của Bertie và Sunny (“không được ăn thứ gì có một khuôn mặt”) - chúng chỉ được phép ăn các món như “hạt kê và rau chân vịt hầm” hay “mì ống và đậu phụ nướng”. Ông có thể chấp nhận chuyện chúng là người ăn chay (“Cháu không ăn động vật chết đâu, ngoại Ted.” Bertie nói), đó là một chế độ ăn tuyệt vời trên nhiều phương diện, nhưng ông không thích làm theo các chỉ đạo trích thượng của Viola. “Nhập gia tùy tục.” Teddy nói. “Có nghĩa là chúng sẽ không ăn các loại thức ăn dành cho vẹt yến phụng.” Ông nhớ mình từng mua những chùm hạt kê cho Lú Lo, con vẹt yến phụng của Viola. Con chim tội nghiệp,

bao nhiêu năm trôi qua như vậy mà ông vẫn còn nghĩ đến nó.

Chế độ ăn chay, trường Steiner, những chuyến đi đến các buổi họp của tổ chức Woodcraft Folk - Teddy sẵn sàng chiều theo tất cả những điều này nếu Viola cho phép bọn trẻ ở yên dưới mái nhà của ông. Ông đã sai lầm khi để Sunny tới nhà Villiers. Viola đã xuống miền Nam để tham gia biểu tình phản đối chống lại tên lửa hành trình. Và khi Teddy nhẹ nhàng khuyên nhủ rằng trách nhiệm của một người mẹ, hay đúng hơn là một người mẹ đơn thân, phải được đặt lên trên hòa bình thế giới, cô liền nói rằng đó là điều vớ vẩn nhất mà cô từng nghe, vì cô đang cố gắng bảo vệ tương lai của toàn bộ trẻ con trên đời này, một nhiệm vụ có vẻ hơi quá nặng nề đối với một con người. Trong lần đi biểu tình gần đây nhất, cô đã dẫn theo cả Sunny và Bertie tới cắm trại ở Greenham Common vài ngày. Bọn trẻ đã năn nỉ cô đừng dẫn chúng đến đó nữa - chúng đã phải trải qua cái lạnh, cái đói, và sợ hãi những viên cảnh sát cưỡi ngựa ở Thames Valley khi thấy họ đối xử với phụ nữ như với lũ du côn. Viola nói lần tới cô hy vọng mình sẽ bị bắt. Teddy nói trên đời này hầu như *chẳng* ai mong mình bị bắt cả. Viola liền nói ông không hiểu gì về phi bạo lực, và ông có bao giờ nghĩ đến hàng nghìn người vô tội đã bị ông ném bom trong chiến tranh không? Cô ăn nói chẳng có tí logic nào. “Chuyện đó chẳng liên quan gì đến chuyện này.” Teddy nói và Viola đáp trả: “Nó *rất* liên quan.” (Thật không? Ông không còn biết nữa. Nếu là Ursula thì bà sẽ có câu trả lời.) Cuối cùng, Teddy nói: “Sunny và Bertie có thể ở với bố.” Về mặt Viola

lúc này trông giống hệt thần Atlas khi có ai đó nói với ông ta rằng được rồi, ông ta có thể hạ bầu trời xuống rồi.

Từ bấy đến nay đã vài tháng trôi qua và cuộc sống của bọn trẻ đã vào nền nếp. Tình yêu của Teddy được thể hiện qua những hành động thiết thực - ông cho bọn trẻ tham dự những buổi hòa nhạc ở trường học, mặc quần áo sạch sẽ, ăn uống đều đặn. Sunny và Bertie có vẻ bằng lòng. Chúng từng bị ảnh hưởng bởi cách nuôi dạy được chẳng hay chớ của Viola (“Tôi từng là một bà mẹ tồi tệ!” Viola vui vẻ tuyên bố) tạp chí *Mẹ và bé*, năm 2007. “Đúng thế!” Bertie đồng ý.)

Bấy giờ Teddy vẫn còn nuôi gà và ong. Lũ trẻ yêu cả hai loài vật đó. Chúng rất hay chơi ở ngoài trời. Teddy treo một cái xích đu trên một cành lê to lớn ở cuối vườn. Họ thường đi khám phá vùng đồng quê quanh York, ngắm những bông hoa súng ở Pocklington, thăm lâu đài Howard và Helmsley, đến Dales trong mùa sinh sản của cừu, tới tu viện Fountains và đến Whitby. Biển Bắc có vẻ bớt tang thương hơn khi ông có sự bầu bạn của Bertie và Sunny. Chúng thích đi bộ dọc theo những con đường phủ đầy dương xỉ, hoặc dã ngoại trên những trảng đất hoang tím thẫm. Chúng cảnh giác với rắn hổ lục, bướm bướm và điều hâu. (Chúng có thực sự là con của Viola không nhỉ?) Teddy giờ đã nghỉ hưu và lũ trẻ lấp kín rất nhiều khoảng trống trong cuộc đời ông. Và ông cũng lấp kín một khoảng trống lớn trong cuộc đời chúng.

Ông bắt đầu lập ra những kế hoạch dài hơi. Có lẽ ông nên chuyển chúng đến học ở một trường công lập, cho chúng gia nhập đội Sói Con và Chim Non^[155] thay vì tổ

chức Woodcraft Folk. Thế rồi, bất thành linh, Viola gọi điện yêu cầu ông để Sunny về nhà nội chơi. Teddy không muốn đưa Sunny đến Trang viên Jordan, nhưng ông có thể làm gì được chứ? Viola mới là người có toàn quyền. Quãng thời gian này, Viola tạo cảm giác là cô đang sống ở một trại phản đối chiến tranh. Chỉ khi cô trở về vào mấy tháng sau, ông mới phát hiện ra cô đã bắt bồ với Wilf Romaine sau một cuộc biểu tình lớn của chiến dịch giải trừ hạt nhân ở công viên Hyde, và kể từ đó họ đã “ăn ở” với nhau, theo cách cô nói, ở Leeds. Lần đầu tiên ông biết về việc này là khi cô nói: “Tuần sau con sẽ kết hôn, bố có muốn đến dự không?”

Con đường dài dẫn vào Trang viên Jordan từng có hai hàng du sùng sững hiên ngang đứng gác, nhưng bây giờ tất cả những gì còn lại chỉ là những gốc cây bị bệnh. Bi kịch này từng giáng xuống Lâu đài Ettringham hơn một thập kỷ trước, nhưng họ đã trồng lại những cây sồi. Đối với Teddy, dường như việc trồng sồi là một hành động thể hiện niềm tin vào tương lai. Ông muốn trồng một cây sồi. Nhiều năm sau, vào năm 1999, trong “chuyến đi giã biệt” cùng với Bertie, ông đã trở lại Lâu đài Ettringham. Nó đã trở thành một khách sạn nhưng vẫn giữ nguyên diện mạo của một trang viên. Họ đã uống rượu ở “Quán bar Daunt” và ăn một bữa không tồi trong nhà hàng ấy, nhưng lại qua đêm ở một nhà trọ rẻ hơn trong làng. Nó hầu như không còn là một ngôi làng nữa. Góc Cáo và Quạ Gáy Xám bị vây quanh bởi một khu nhà biệt lập đắt tiền mới xây. “Nhà của các cầu thủ bóng đá.” Bertie nói. Chúng được dựng lên trên đồng cỏ.

Lanh, phi yến, mao lương hoa vàng, mỹ nhân thảo, cầm chướng đỏ và cúc mắt bò. Tất cả đã biến mất.

Những thay đổi ấy khiến Teddy buồn hơn ông nghĩ, Bertie cũng thế, bởi vì đó là nơi mà cô chưa bao giờ biết và sẽ không bao giờ có thể biết được, tuy nhiên, trong chùng mực nào đó, cô hiểu rằng nó đã khiến cô trở thành con người cô bây giờ. Cô muốn gõ cửa Góc Cáo, xin phép những người chủ hiện tại của nó cho phép ông cháu cô vào trong nhà, nhưng đây là cổng điện tử có gắn camera an ninh và khi Bertie nhấn chuông, chẳng có ai trả lời. Teddy vô cùng nhẹ nhõm. Một khi đã vào trong đó, ông không nghĩ mình có thể bước ra qua ngưỡng cửa ấy được nữa.

*

“Bệnh nấm du.” Teddy giải thích với Bertie khi họ lái xe vào trang viên Jordan. “Nó làm cho những cây du bị chết.” “Tội nghiệp chúng!” Cô nói. Khác với Lâu đài Ettringham, ở đây, những cây du bị đốn không được thay thế bởi bất cứ loại cây nào khác, vì thế cảnh lượng trông thật thê thảm, như thể từng có một cuộc chiến xảy ra trong khu đất này vậy. Vẻ hoang phế hiện lên rõ mồn một từ trước cả khi họ tới cửa chính. Viola đã nhầm to về sự giàu có của nhà Villiers. Chỉ riêng việc sửa cái mái nhà này thôi hẳn cũng khiến họ tốn cả một gia tài.

Teddy tự trách mình, có lẽ nếu đích thân ông đưa Sunny tới đây, ông sẽ sớm nhận ra gia đình Villiers thối nát thế nào cả về nhà cửa lẫn tính cách, nhưng ông đã không làm

vậy mà để Dominic và mẹ anh ta lái xe đến đón cậu vào một buổi chiều lúc bắt đầu kỳ nghỉ hè.

“Antonia.” Teddy đã tươi cười nói, chìa tay ra, nhưng bà ta chỉ lạnh lùng hời hợt bắt tay ông và nói “Ông Todd”, mà không thực sự nhìn ông.

“Làm ơn gọi tôi là Ted.” Teddy nói.

“Antonia” đeo nhẫn kim cương đầy các ngón tay, chúng có màu xám xịt và đục ngầu vì cáu bẩn. Teddy từng tặng Nancy một chiếc nhẫn kim cương nhỏ xíu khi Viola ra đời - trông chẳng hào nhoáng chút nào - và bà nói đã kết hôn rồi thì ai còn đeo nhẫn đính hôn cơ chứ (“cứ như là hồi cổ ấy”), nhưng hồi chiến tranh họ chưa từng đính hôn một cách chính thức nên ông muốn bà có một kỷ vật minh chứng cho lòng tin của ông vào cuộc sống chung của họ trong tương lai. Mặc dù còn nghi ngại nhưng bà vẫn nói đó là một hành động đáng yêu. Bà dùng bàn chải và kem đánh răng để lau chiếc nhẫn mỗi tuần, vì thế nó lúc nào cũng lóng lánh. Ông đã giữ chiếc nhẫn lại để dành cho Viola, và đưa nó cho cô vào dịp sinh nhật năm cô hai mươi một tuổi, nhưng theo những gì ông nhớ, cô chưa từng đeo chiếc nhẫn đó.

Còn Dominic, trong chiều hôm đó, rõ ràng anh ta đã sử dụng một loại ma túy gây ảo giác - Teddy đoán là LSD - hoặc bản thân anh ta vốn điên điên khùng khùng. “Bánh ngọt!” Anh ta reo lên, xoa xoa hai bàn tay vào nhau khi Teddy bày ra một đĩa bánh ngọt. “Tuyệt quá mẹ nhỉ?” Anh ta nói, nhón lấy ba miếng bánh trên đĩa và thơ thẩn đi ra chỗ khác, để mặc Teddy và Antonia tự mình xoay xở trò chuyện với nhau.

“Bà uống trà nhé, Antonia?” Teddy mời bà ta. Không phải là ông không nhận thấy bà ta bực bội vì ông gọi tên tục của bà ta. Tuy nhiên, ông muốn bà ta chấp nhận việc ông và bà ta bình đẳng với nhau, vì họ đều là ông bà của đứa trẻ nhỏ xíu đang lúng túng, miễn cưỡng chịu đựng cái cảnh phải ngồi cùng họ.

Sunny và Bertie biến mất gần như ngay lập tức khi những vị khách của họ bước xuống khỏi chiếc ô tô, và Teddy phải dỗ dành mãi Sunny mới chịu quay trở lại phòng khách. Cậu bé cứ nhấp nha nhấp nhồm, rồi chỉ trong vài phút, khi người bà vừa mới được giới thiệu của cậu nói “Ngồi yên!” và “Đừng có nhún lên nhún xuống trên sofa như thế”, Teddy đã biết rằng để cậu đi với bà ta là một sai lầm, nhưng rốt cuộc ông vẫn để cậu đi, không phải sao?

“Bà muốn uống trà kiểu gì?” Ông lịch sự hỏi. Antonia liền đáp: “Trung Hoa, loãng, vắt thêm ít chanh.” Rồi Teddy nói: “Xin lỗi, tôi chỉ có loại trà hỗn hợp của hãng Rington thôi. Nhưng là trà sệt, không phải trà túi lọc.”

“Tôi phải ra ngoài để xem lũ chó có ổn không.” Antonia nói, đột ngột đứng dậy và đặt tách trà chưa nhấp một ngụm nào xuống. “Chúng đang ở băng ghế sau của xe.” Bà ta nói thêm khi Teddy ngậy ra nhìn bà ta. Ông đã không để ý rằng bà ta có mang theo chó, ông nói với Sunny rằng “Chó kìa” và Sunny trở nên vui vẻ hơn một chút. Sunny vốn thích chó. “Sao cháu không đi ra ngoài cùng nội của cháu để xem lũ chó nhỉ?” Teddy nói, nhận thấy bà ta nhẵn mặt trước từ “nội”.

Vậy mà ông vẫn để thằng bé đi với bà ta!

“Mea culpa”^[156]. Ông lầm bầm khi ông và Bertie dừng lại bên ngoài cửa chính của trang viên Jordan. Không có dấu hiệu của sự sống, không có con chó nào, không có Antonia, không có Sunny. Teddy thở dài và nói: “Hy vọng là ai đó đã đun nước, Bertie.” Người đó khó có thể là Antonia.

Lúc Antonia đã ra ngoài xem lũ chó, Teddy đi tìm Dominic và thấy anh ta đang ở vườn sau với Bertie và Tinker. Hoa hồng đang nở rộ - Teddy trồng vài cây rất đẹp bên một bức tường ngập nắng - và Dominic đã hái một bông, đó là loài hoa Belle de Crécy màu đỏ anh đào đẹp tuyệt vời. Một “chiếc giường đỏ thẫm chan chứa niềm khoái lạc”^[157], Teddy đã nghĩ đến câu thơ ấy khi ông trồng nó, và hy vọng không có con sâu vô hình nào gặm mòn trái tim hắc ám bí mật của nó, mặc dù ông biết đó là một phép ẩn dụ để ám chỉ Blake, chứ không phải là một lời cảnh báo về chuyện làm vườn.

Bertie liếc nhìn bông hồng bị ngắt và nói với Teddy: “Có sao không ông?” Cô bé có vẻ đang lo lắng giám sát Dominic, sự háo hức ban đầu của cô bé khi nhìn thấy anh ta đã bị bào mòn. Teddy tự hỏi liệu cô bé có còn nhớ đến những hành vi bất thường không thể tiên đoán được của bố mình hồi cô bé còn sống với anh ta không. Tinker đang ngồi cạnh Bertie, bám dính lấy cô bé với vẻ cảnh giác, như thể sẵn sàng hành động vào bất cứ lúc nào.

“Đương nhiên là không sao.” Teddy nói. “Cậu ấy được phép làm thế. Đó là một bông hoa xinh đẹp, phải không?” Ông nói với Dominic. Anh ta có vẻ say đắm với bông hồng đang cầm cách mặt mình không quá hai phân rưỡi.

“Vâng.” Dominic nói. “Một bông hoa lạ thường.”

“Nó có tên là Belle de Crécy.” Teddy giới thiệu.

“Ý con là, hãy *nhìn* nó xem, bố à, thực sự nhìn nó ấy. Tưởng tượng xem sẽ thế nào nếu ta có thể chui vào bên trong nó.”

“Chui vào bên trong nó?”

“Vâng, bởi vì dường như... có một *vũ trụ* bên trong nó. Có thể có cả những thiên hà đang ẩn náu ở đó. Giống như khi ta du hành trong không gian...”

“Cậu du hành trong không gian ư?” Teddy hỏi.

“Vâng, chắc chắn rồi, chúng ta đều đang du hành trong không gian. Và bố chui xuống một cái lỗ sâu^[158], bố biết chứ?”

“Không rõ lắm.”

“Ý *nghĩa* của hoa hồng.” Dominic nói. “Đó có thể là manh mối. Oa.”

“Sao cậu không vào lại trong nhà nhỉ, Dominic?” Teddy nói. Trước khi cậu biến mất vào trong bông hồng đó và chúng ta mất cậu mãi mãi, ông nghĩ. Cứ như đang nghe mấy lời lảm nhảm vô nghĩa của một thằng ngốc vậy. Thế mà ông vẫn để Sunny đi với họ! “Vào ăn thêm ít bánh đi, Dominic.” Ông nói với giọng điệu như thể đang dỗ dành một đứa trẻ điên dại.

Đúng lúc đó, cánh cửa dẫn ra sân mở ra (đó là cánh cửa trượt, có hai lớp kính mà Teddy vừa mới lắp và rất hài lòng), rồi ba con chó vừa kêu ăng ẳng vừa chạy xông xộc vào vườn. Tinker đang chìm trong cảm giác an toàn bởi những

lời nói chẳng ra đâu vào đâu của Dominic thì bỗng giật thót khi thấy mình đột nhiên bị ba “vị khách” hằm hè bao vây.

“Snuffy! Pippy! Loppy!” Antonia hét lên từ hàng hiên. Teddy và Tinker nhìn nhau. Rồi Teddy nói “Không sao đâu, cậu nhóc” bằng giọng nói trấn an hết mức. Ông sẽ không đòi nào giao con chó của mình cho nhà Villiers, vậy mà ông lại để cháu trai mình đến nhà họ.

“Cháu không muốn đi.” Sunny nói khi họ đang đứng bên chiếc ô tô, Dominic cho cái va li nhỏ của cậu vào cốp xe. Cậu bám chặt bàn tay Teddy và Teddy phải cạy tay cậu ra nhẹ nhàng hết mức có thể. “Ông có thứ này cho cháu.” Ông nói, thò tay vào trong túi và lấy ra con thỏ rừng nhỏ bằng bạc, vật mà theo lời Ursula từng được treo trên cái xe nô của ông. Ông nhét nó vào trong túi của Sunny và nói: “Nó đã bảo vệ ông an toàn suốt thời chiến tranh. Bây giờ nó sẽ bảo vệ cháu an toàn, Sunny. Và cháu chỉ đi có vài tuần thôi mà. Khi nào tới đó, cháu sẽ thích lắm. Tin ông đi!” *Tin ông đi!* Teddy đã phản bội mọi niềm tin khi để cậu đi với những người đó. Trái tim ông nặng trĩu khi dõi theo chiếc xe lăn bánh. Bertie bật khóc và Tinker liếm tay cô bé để an ủi. Có chuyện gì đó không ổn, nhưng chú chó không biết chuyện đó là gì. Bây giờ họ đang đi sửa sai đây. Họ đang đi giải cứu Sunny.

*

Họ xuống xe. Teddy vươn vai, nói với Bertie: “Ông già quá rồi, chẳng còn đủ sức để lái xe đường dài nữa. Tắm

thân già này không thể ngồi lâu một chỗ vì xương khớp cứ co cứng cả lại.” Thay vì chuông cửa, ở đây có một cái dây kéo chuông cứng ngắc, Teddy phải giật thật mạnh nó mới có tác dụng. Họ nghe thấy tiếng chuông vang lên văng vẳng ở đâu đó bên kia cánh cửa trông như cái pháo đài. Không có tiếng bước chân người ra mở cửa. Đúng là một ngôi nhà tang tóc, Teddy nghĩ.

Dominic mất được ba tuần, Antonia mới thông báo cho Teddy. Trong thời gian đó, những cuộc điện thoại hằng tuần mà ông gọi đến cho Sunny đều không có người nhấc máy, và khi ông đang phân vân có nên lái xe xuống đó không thì cuối cùng bà ta cũng gọi điện nói rằng đã có “một bi kịch” xảy ra. Thoạt đầu, Teddy thoáng sợ hãi vì nghĩ rằng bà ta ám chỉ đến Sunny, vì vậy khi bà ta nói Dominic đã chết, ông suýt thì bật cười nhẹ nhõm, đương nhiên, đó rõ ràng không phải là một phản ứng đúng đắn, do đó ông cố gắng nói: “Dominic ư?” Ông đoán anh ta chết là vì ma túy, nhưng Antonia nói đó là “một tai nạn khủng khiếp” và sẽ “không thể” kể chi tiết. “Tôi thực sự không thể nói về chuyện đó.” Tại sao bà ta không nói với ông sớm hơn? “Tôi đã mất đứa con duy nhất.” Bà ta lạnh lùng nói. “Tôi còn phải làm nhiều chuyện khác quan trọng hơn là gọi điện cho người này người kia.”

“Người này người kia ư?” Teddy lắp bắp. “Bertie là *con gái* của Dominic mà.” Và Sunny nữa, ông nghĩ, Sunny tội nghiệp đương đầu với chuyện này ra sao?

Ông đã bản khoăn mãi không biết phải báo tin này với Bertie như thế nào. Cuối cùng thì cái chết của bố cô bé

chẳng làm cô bé bận tâm bằng vấn đề hiện giờ anh ta đang ở đâu. Chẳng ở đâu cả, Teddy nghĩ. Hoặc có lẽ anh ta đang ở trong trái tim bí ẩn của bông hồng. Ông quyết định rằng câu trả lời phù hợp với trẻ con nhất cho câu hỏi hóc búa này là anh ta đã tái sinh. Ông gợi ý có thể bố cô bé đã biến thành một cái cây. Hoặc một con chim. Cô bé thì lại đoán bố mình đã biến thành một con mèo. Teddy cho rằng Dominic có điểm gì đó giống mèo, nhất là thói dễ ngủ của anh ta. “Bố cháu sẽ trở thành một con mèo con ạ?” Bertie hỏi. “Hay là một con mèo lớn?”

“Ông nghĩ là một con mèo con.” Teddy nói. Điều đó có vẻ hợp lý.

“Nếu ông cháu mình tìm thấy bố cháu...” Bertie cau mày nói. “... Ông cháu mình có nên nuôi bố cháu như một con thú cảnh không?”

“Có lẽ là không.” Teddy nói. “Tinker có thể không thích đâu.”

*

Còn Sunny tội nghiệp, suốt thời gian vừa qua cậu sống ra sao?

Cậu đã bắt đầu đến trường “trước cả khi thi thể bố cậu lạnh ngắt và được chôn dưới đất”, theo cách nói của bà Kerrich. Ngay cả trái tim sắt đá của bà ta cũng mềm đi - một chút - khi thấy Sunny phải tiếp tục cuộc sống như thế chẳng có chuyện gì xảy ra. Cậu mới ở trường được ba ngày thì bà cậu đã bị gọi đến để mang cậu về. “Thằng bé thực sự

hung tợn.” Giáo viên quản lý ký túc xá thông báo với bà. “Nó cắn, nó đập, nó la, nó hét với bất cứ ai trong tầm mắt. Nó đã cắn một miếng vào tay cô chủ nhiệm. Cứ như nó được một đàn sói nuôi dưỡng vậy.”

“Không phải đâu, mẹ nó đã nuôi nó đấy - nhưng tôi ngờ rằng mẹ nó cũng chẳng khác đàn sói là bao. Tôi e rằng thằng bé chưa bao giờ được rèn vào kỷ luật.” Bà quay sang Sunny - phải, cuộc trò chuyện này đang diễn ra ngay trước mặt cậu, Ngài Lễ độ đang nhăn nhó bên cạnh cậu - và nói: “Cháu có điều gì muốn nói không?” Cậu có thể nói gì đây? Cậu đã bị bắt nạt ra trò ngay từ giây phút bước chân qua cánh cửa trường học. Chúng đã chế nhạo cái chết của bố cậu, chế nhạo giọng nói của cậu (không đủ sang), chế nhạo sự dốt nát của cậu về cái “ba R^[159]” gì gì đó, chế nhạo bất cứ thứ gì mà chúng có thể chế nhạo. Chúng quấy rầy cậu ở khắp nơi, liên tục cấu véo, xô đẩy cậu. Chúng tụt cái quần soóc flannel màu xám của cậu xuống tận mắt cá chân - hai lần - trong nhà vệ sinh. Có lần, một thằng nhóc đã múa may một cái thước kẻ và nói “Chọc khe nó nào”, và trò này được ngăn chặn kịp thời chỉ vì cô chủ nhiệm thò đầu qua cửa và nói: “Nào, các cậu, chơi đùa thế đủ rồi.” (“Đó chỉ là những trò nghịch ngợm thông thường của một trường nam sinh thôi mà.” Thầy hiệu trưởng nói.)

Và suốt thời gian đó, tâm trí cậu cứ bị chìm đắm vào chuyện xảy ra ở cổng xe lửa (giờ cậu đã biết tên của cánh cổng ấy). Cậu đã cố gắng giật được tay mình ra khỏi tay của bố cậu vào phút chót, sau đó bóng con tàu âm âm, vun vút lao tới. Cậu đã kịp nhảy ra khỏi đường đi của nó và

không nhìn thấy chuyện gì xảy ra với Dominic, nhưng cũng không khó để đoán được. Từ chỗ cậu đang nằm, cậu có thể nhìn dọc theo đường ray, thấy con tàu dừng lại ở phía xa xa. Cậu không nghĩ cậu bị thương, chỉ hơi xước xát và trầy da chút thôi, nhưng cậu quyết định cứ ở yên đó và vờ như đang ngủ. Hậu quả của chuyện vừa xảy ra quá khủng khiếp, cậu không thể đương đầu nổi.

Một viên cảnh sát đã bế cậu lên và chở cậu tới bệnh viện. Ngay cả bây giờ, nếu nhắm mắt lại, cậu vẫn có thể cảm nhận được chất vải dày dặn của bộ đồng phục cảnh sát lúc cậu dựa đầu vào ngực ông ta. “Cháu ổn cả rồi, con trai^[160] ạ.” Viên cảnh sát nói và Sunny tự hỏi làm thế nào mà ông ta biết tên cậu. Cậu yêu viên cảnh sát đó.

“Tôi biết chuyện xảy ra với bố thằng bé thật khủng khiếp.” Giáo viên quản lý ký túc xá tiếp tục nói (Chuyện đó cũng xảy ra với cả cháu nữa mà, Sunny nghĩ). “Và tôi tin rằng anh ấy đã chết như một vị anh hùng...” (Bà cậu khẽ gật đầu, coi đó như một lời khen) “... Nhưng bà cũng biết là một thằng bé như thế này...” Câu nói lửng lơ ấy khiến Sunny băn khoăn cậu là một thằng bé như thế nào. Hẳn nhiên là hư đốn rồi, đó là điều chẳng cần phải nói ra. Hình như cậu đã giết bố cậu. Bằng cách nào? Cậu đã làm thế bằng cách nào? Bằng cách nào?

“Bởi vì, cậu biết đấy, cậu đã ở cùng với bố cậu lúc bố cậu mất.” Bà Kerrich nói. “Và nếu cậu không ở đó thì bố cậu cũng sẽ không ở đó, đúng không? Trên cái cổng xe lửa ấy. Và đương nhiên là bố cậu đã hy sinh tính mạng để cứu cậu, không phải sao? Cứu cậu thoát khỏi đoàn tàu quái quỷ đó.”

Thật ư? Sunny nghĩ. Điều này không khớp với những mảnh ký ức đau khổ của cậu về sự kiện đó, nhưng cậu thì biết gì chứ? (“Chẳng biết gì cả.” Bà cậu nói.) Hình như kết quả điều tra đã kết luận như vậy về vụ tai nạn ấy. Bố cậu đã đẩy cậu ra khỏi đường ray. Người lái tàu bị thương (ông ta phải nghỉ dưỡng thương lâu dài vì “tai nạn” ấy) khai rằng: “Chuyện xảy ra quá nhanh. Một người đàn ông - anh Villiers - có vẻ đang giằng co với một cậu bé trên cổng xe lửa. Người đàn ông - anh Villiers - có vẻ đang cố kéo cả hai bọn họ ra khỏi đường tàu. Anh ta xoay sở đẩy được cậu bé ra chỗ an toàn nhưng bản thân anh ta lại không có đủ thời gian để tự cứu mình.” Nhân viên điều tra những vụ chết bất thường nói rằng anh Villiers sẽ được tuyên dương vì tấm lòng cao cả đầy quả cảm của mình.

“NGƯỜI CHA ANH HÙNG CHẾT VÌ CỨU CON TRAI” là tiêu đề của một bài báo trên tờ báo địa phương. Ở chỗ làm, Teddy đã sai một cấp dưới tra cứu trên tấm vi phim và tìm được bài báo về vụ tai nạn cùng với một bản báo cáo điều tra. Cái cổng xe lửa vận hành tự động, đoàn tàu 330 xuôi xuống Norwich, vùn vụt. Dominic Villiers, họa sĩ người bản xứ. Ông Thomas Darnley, thợ làm vườn trong vùng kiêm người giúp việc ở trang viên Jordan, nhà của Dominic Villiers, nói rằng cậu con trai nhà này có những hành vi bất ổn và “rất mê những đoàn tàu”.

“Chúa ơi!” Teddy thốt lên.

Chẳng ai đưa ra cái nhận định đúng đắn là Dominic đã tự sát trong lúc mất trí vì sử dụng LSD kết hợp với các chất kích thích khác, và anh ta đã cố kéo con trai chết cùng,

mặc dù Teddy thấy điều đó còn có lý hơn hẳn chuyện cha của Sunny không thể tránh kịp một đoàn tàu đang vun vút lao đến.

Sunny tội nghiệp chẳng bao giờ biết được sự thật, cậu phải sống với gánh nặng tội lỗi suốt cả cuộc đời, hay ít nhất là cho đến khi cậu trở thành một Phật tử và vứt bỏ hết quá khứ.

(“Lúc đó anh mới bảy tuổi thôi mà!” Bertie nói. “Sao họ có thể đổ hết mọi tội lỗi lên đầu anh chứ?”)

“Chúng tôi sẽ giữ nó ở nhà.” Bà cậu nói với giáo viên quản lý ký túc xá.

Giáo viên quản lý ký túc xá cười nói: “Tôi hy vọng là bà sẽ xích thẳng bé lại.”

*

Bây giờ cậu không chỉ tè dầm hằng đêm mà còn thường xuyên tè dầm vào ban ngày. Dường như cậu không thể kiểm soát được cả cơ thể lẫn trí óc. Điều này thật đáng sợ. Họ đã “thuê một gia sư” - một ông Alistair Treadwell - phương pháp dạy học của ông ta chỉ đơn giản là lặp lại mọi thứ mỗi lúc một to tiếng hơn cho đến khi ông ta mất kiên nhẫn. Ông Treadwell thường dành nhiều thời gian để kể với Sunny về “sự bất công” và chuyện ông ta bị một thằng nhóc hèn học với ông ta “vu cáo”. Ông ta nói ông ta thậm chí chưa bao giờ ở *một mình* với thằng bé đó. Nhưng một khi thanh danh của ta bị nghi ngờ thì chẳng thể làm thế nào để thay đổi được.

Họ dạy và học ở cái bàn ăn dầu không to hơn thì cũng to bằng cả cái phòng ăn của Teddy. Ông Treadwell ăn trưa với món sandwich kẹp trứng, rồi đến chiều phải hơi thở đầy mùi trứng ấy vào khắp người Sunny. Sunny thường ngủ gà ngủ gật và khi tỉnh dậy, cậu đã thấy ông Treadwell đang đọc một cuốn sách dày (“của Tolstoy”). Ông Treadwell nói với bà của Sunny rằng cậu là đứa trẻ “thực sự không thể dạy dỗ nổi”. “Trò không học gì ở trường cũ của mình sao?” Ông ta luôn hỏi cậu như vậy. “Kể cả những thứ căn bản? Ba R?” Đương nhiên là không. Trường Steiner không dạy những thứ cơ bản ấy cho đến khi học sinh của mình hơn sáu tuổi, Sunny đến trường chỉ để vẽ bằng bút chì sáp và hát những bài hát về các chú lùn, thiên thần và thợ rèn, còn bộ ba R bí ẩn kia vẫn chỉ là một mối đe dọa ở xa tít chân trời.

Và rồi một ngày kia, trong lúc họ đang dạy và học thứ mà ông Treadwell gọi là “số học đơn giản” (nhưng Sunny lại thấy chẳng đơn giản chút nào), Sunny nhận ra cậu cần đi vệ sinh, nhưng ông Treadwell nói “Trò hãy giải phép toán này trước đã”, vì thế đến lúc cậu giải xong - hay đúng ra là đến lúc ông Treadwell bỏ cuộc, không còn đủ kiên nhẫn để ép cậu tự đưa ra câu trả lời đúng - Sunny cảm thấy rõ ràng rằng cậu sắp không nhịn nổi nữa. Nhà xí gần nhất là “phòng vệ sinh ở dưới nhà” vẫn còn cách xa hàng dặm, cậu luống cuống chạy và suýt thì ngã ngựa khi đâm sầm vào bà mình ở một góc rẽ.

“Cháu cần phải đi...” Cậu nói.

“Cháu quên nói gì nhỉ?” Bà ta nói. Cậu bắt đầu hoảng lên bởi vì không thể nghĩ ra mình đã quên gì, và cậu thực sự

mót lắm rồi. Cậu đã quên nói gì nhỉ? “Làm ơn - cảm ơn - cháu xin lỗi, bà nội.” Cậu nói, cuống quýt thốt ra tất cả những gì cậu có thể nghĩ đến để trả lời cho câu hỏi đó.

“Xin thứ lỗi ạ.” Bà nói.

“OK.” Cậu nói.

“Không phải, xin thứ lỗi ạ.”

“Vâng, OK.”

“Cháu quên không nói “Xin thứ lỗi ạ”.”

Nhưng đã quá muộn, cậu thực sự không nhìn nổi nữa rồi. Cậu phải gấp rút quyết định xem giữa hai tội thì tội nào nhẹ hơn - vẫn mặc nguyên quần hay cởi quần ra. Ngài Lễ Độ sẽ làm gì nhỉ? Tốt hơn là không nên làm bẩn quần, thế là cậu bắt chước lũ chó và ngồi xổm xuống thảm.

Bà cậu gào lên như thể đang đối đầu với một kẻ giết người. “Mày làm *cái gì* đấy?”

“Ị ạ.” Cậu nói, trong lúc cuống quýt, cậu đã thốt ra một từ mà mẹ cậu thường nói (“Nói toạc móng heo”).

“*Cái gì cơ?*” Bà cậu có vẻ không thở nổi và phải vịn tay vào một vật trang trí (thực ra là một chậu hoa), khiến nó đổ nhào xuống đất vỡ tan. Tiếng động ấy khiến cả bà Kerrich và Thomas chạy ngay tới.

“Thằng nhóc bắn thủ gớm ghiếc này.” Bà Kerrich nói.

Nhưng lũ chó cũng làm thế mà! “Bà thường nói đây là những viên xúc xích nhỏ.” Cậu khấn khoản nói với bà mình. Lúc này, ông Treadwell cũng đã tới nơi. Thật là vô cùng xấu hổ khi tất cả những người này đều tụ tập cả ở đây trong tình huống này.

“Mày là thằng bé đáng ghê tởm nhất trên đời.” Bà nội cậu quát và cậu hét lên đáp trả: “Còn bà là đồ khốn kiếp!”

Bốp! Ai đó (Sau này cậu mới biết là Thomas) đâm cho cậu một cú khiến cậu trượt dài trên sàn và văng vào bức tường gần nhất.

*

Cậu bị tổng cổ về phòng mình. “Cậu không được ăn tối, cậu trẻ Fauntleroy^[161] ạ.” Bà Kerrich nói. “Mà có khi cậu sẽ chẳng được cho ăn lần nào nữa ấy.” Chỗ bị va vào tường trên đầu cậu đau khủng khiếp. Cậu ước gì cậu cũng bị đoàn tàu kia chệt chết.

Cuối cùng thì cậu vẫn được cho ăn. Sáng hôm sau, bà Kerrich mang cho cậu một bát cháo và khuyên cậu hôm nay hãy ở yên trong phòng, “ẩn mình thật kĩ”. Cậu đã làm đúng như vậy. Cậu đã ẩn mình rất kĩ ở trong phòng khi Teddy và Bertie tới trang viên Jordan.

*

Cuối cùng, sau nhiều lần kéo chuông, cánh cửa chính của trang viên Jordan cũng kẽo kẹt mở ra.

Bà Kerrich dẫn họ đi xuôi theo một hành lang dài. Từ tình trạng của hành lang này và thi thoảng liếc nhìn qua khung cửa mở của các căn phòng dọc theo nó, họ thấy rằng sự tiêu điều hoang phế của ngôi nhà càng trở nên rõ rệt hơn. “Hơi giống ngôi nhà của bà Havisham^[162].” Teddy thì

thâm với Bertie. Họ được dẫn vào một phòng khách rộng thênh thang hiện chỉ có mình thân hình quắt queo của Antonia chiếm ngự. Ông đại tá đã được đưa tới cái nhà kính bị thủng, vì sau khi Dominic chết, chẳng ai còn kiên nhẫn với ông ta được nữa.

“Tôi xin lỗi vì đã đường đột tới đây, bà Antonia.” Teddy nói.

*

Tối hôm đó, cả ba bọn họ đều đã quá mệt mỏi nên không thể lái xe về nhà, vì vậy, Teddy đã dừng lại nghỉ qua đêm ở một ngôi nhà trại có mở dịch vụ lưu trú rồi khởi hành ngay sáng sớm hôm sau. “Nào tới chợ, nào tới chợ để mua một con lợn béo^[163].” Bertie nói khi Teddy khởi động xe. Hành trình về nhà dường như còn lâu hơn. Cả Bertie lẫn Sunny đều ngủ say sưa, cuộn tròn như những con mèo con ở băng ghế sau chiếc ô tô của Teddy trong suốt chặng đường còn lại.

Teddy những tưởng sẽ phải tranh cãi một chút với Antonia, nhưng bà ta đã trả lại Sunny cho ông ngay mà không giành giật gì. “Mang nó đi đi.” Bà ta nói. “Hoan nghênh ông.” Trên đầu Sunny có một cục u to tướng và mặc dù Teddy nói với bà ta rằng “Tôi phải gọi cảnh sát mới được”, nhưng thực ra ông rất mừng vì có thể đưa Sunny đi khỏi nơi đó.

Teddy giơ tay ra để chạm vào Sunny nhưng cậu rút người lại. Teddy thử lại lần nữa, chậm rãi hơn, giống như

đang đối mặt với một chú chó căng thẳng, lòng bàn tay úp xuống, đặt lên cái đầu trụ lúi của Sunny và cảm thấy lòng đau như cắt.

Ông đại tá chết vào mùa hè năm sau, còn Antonia vẫn tiếp tục sống lay lắt thêm nhiều năm nữa. Cơ quan dịch vụ xã hội đã phải can thiệp, Thomas và bà Kerrich bị truy tố vì tội ăn cắp đồ của bà ta. (“Chỉ là mấy món lặt vặt thôi mà.” Bà Kerrich bào chữa.) Họ cũng đã cố ép bà ta sửa đổi di chúc theo chiều hướng có lợi cho họ nhưng không thành (Lúc đó bà ta cũng lắm ốm rồi, như thể đó là bệnh truyền nhiễm). Theo di chúc, tài sản của bà ta vẫn để lại cho Dominic khi bà ta chết, vì vậy Bertie và Sunny được thừa hưởng tất cả. Thủ tục chứng thực di chúc kéo dài nhiều năm - giống như trong truyện *Bleak House* vậy, Teddy nghĩ. Lúc trang viên Jordan bị bán đi, sau khi nộp thuế di sản xong, hai anh em mỗi người còn lại vài nghìn bảng. Bertie mua một chiếc xe hơi mới, còn Sunny quyên góp số tiền của mình cho một trại trẻ mồ côi ở Ấn Độ.

Như thể theo bản năng, cả hai đứa trẻ đều thức giấc khi họ rẽ vào con đường nhà Teddy. “Về nhà rồi, về nhà rồi, hu ra^[164].” Bertie ngái ngủ nói khi Teddy đỗ xe ở đường dẫn vào nhà.

Ông đã gửi Tinker cho một người hàng xóm trông giúp, và khi bà ta mở cửa trước rồi nói “Chào Ted, chuyến đi vui vẻ chứ?”, Tinker lịch sự chầm chậm lách qua chân bà ta để đón chào họ. Trái tim Sunny căng tràn cảm xúc khiến cậu không thể nói gì cả. Khi Teddy nói “Chúng ta vào trong nhà nhé? Ông biết rằng ông cần một tách trà, và ông chắc chắn

cháu đang muốn một ít sữa và bánh ngọt, đúng không nào, Sunny? Ông đã làm loại bánh cháu yêu thích đấy - bánh sô cô la”, Sunny nghĩ trái tim cậu sẽ vỡ òa vì sung sướng. “Vâng ạ, ngoại Ted.” Sunny nói. “Cháu cảm ơn ngoại, cảm ơn ngoại rất nhiều, cảm ơn ngoại.” Và Teddy nói: “Không cần phải cảm ơn ông đâu, Sunny.”

1943

Cuộc chiến của Teddy

Một vụ vật

Anh ngửi thấy mùi hương của những bông hồng đại cuối cùng trong làn gió nhẹ ấm áp, cuốn theo bụi đất mù mịt. Trên các bụi cây quăn quýt ở hàng giậu đã điểm khá nhiều quả mọng đỏ chót, nhưng vẫn còn vài bông hoa nở muộn nấn ná trong những ngày nắng nóng oi bức nhất năm mà người ta gọi là “ngày chó má” này. Con chó thoáng dừng chân, héch mũi lên trời như thể nó cũng đang thưởng thức chút hương vị ngọt ngào còn sót lại ấy.

“*Rosa canina*. Hoa hồng chó^[165].” Teddy nói với con chó, như thể nó sẽ thích thú cái tên ấy. “Ngày chó má.” Anh nói thêm. Con chó sẽ chẳng đời nào gọi được tên mọi vật, vì vậy Teddy đã tự lãnh trách nhiệm gọi tên mọi thứ trên đời này thay cho nó.

Họ giống như hai chú chó già đang đi dạo cùng nhau, mắt họ đều trũng sâu, dấu hiệu của tuổi tác và những khó khăn vất vả họ đã trải qua. Thực ra, Teddy không biết con chó bao nhiêu tuổi, nhưng anh biết nó đã trải qua một khoảng thời gian tồi tệ trong Cuộc Oanh kích Blitz, còn Teddy, ở tuổi hai mươi chín, là một người già (anh đã nghe

thấy mình bị gọi là “ông già” một cách trêu mếu) khi so với các đồng đội còn lại trong tổ bay. Con chó này có tên là Lucky^[166], và đúng là nó mang lại may mắn thật. Chị gái anh đã đặt tên cho nó (“Một cái tên khuôn sáo khủng khiếp, chị xin lỗi nhé!”) sau khi cứu nó từ những đường phố của thành London bị oanh tạc. “Chị nghĩ phi đoàn của em có thể thích một con vật mang lại phước lành.” Cô nói.

Lần gần đây nhất anh dẫn một con chó đi dạo trên con đường mòn này là hồi trước chiến tranh - đó là Harry, con chó của nhà Shawcross. Harry chết khi Teddy đang tập huấn ở Canada và Nancy đã viết: “Em xin lỗi vì lâu rồi không liên lạc với anh. Suốt một thời gian em không thể đặt bút lên giấy, chỉ riêng việc viết mấy từ “Harry đã chết” cũng khiến em buồn đến não nề.” Lá thư của cô tới cùng ngày với bức điện báo cho anh biết về cái chết của Hugh, và mặc dù tin tức ấy không thể khiến anh đau lòng bằng cái tin mất đi người cha thân yêu, nhưng trong tim anh vẫn nhói lên một nỗi bi thương khôn tả.

Lucky chạy ở đằng trước và bắt đầu sủa ồm ồm, thứ gì đó ở hàng rào đang làm nó sợ chết khiếp - chắc là một con chuột đồng hoặc một con chuột chù. Hoặc chẳng có gì sất - nó là một con chó thành thị và vùng đồng quê cùng những cư dân ở đây là một bí ẩn đối với nó. Nó có thể hoảng hốt bởi một con chim bay thấp nhưng vẫn tỉnh bơ trước âm thanh của bốn chiếc động cơ Rolls-Royce Merlin gầm rú phía trên đầu. Đáng lẽ ngay từ đầu họ nên lắp động cơ Bristol Hercules cho những chiếc máy bay Halifax, đó là loại động cơ phù hợp với chúng, còn động cơ Merlin chẳng

bao giờ phát huy được hết ưu điểm của mình. Chỉ ít những chiếc Halifax cũng được chỉnh sửa phần cánh đuôi đứng, một phần là nhờ anh bạn Cheshire^[167], anh ta đã nài ép những người có thẩm quyền sửa đổi phần cánh đuôi đứng cũ hình tam giác, bởi vì nó có thể khiến họ bị trùng trùng dữ dội nếu phải lộn vòng theo đường xoắn ốc, nhưng tiếc là chúng vẫn phải sử dụng động cơ Merlin. Teddy cho rằng ai đó - một người như Maurice trong Bộ Không quân - đã quyết định lắp động cơ Merlin cho chúng. Vì tiết kiệm hoặc ngu dốt hoặc cả hai, vì hai điều đó thường đi đối với nhau. Những động cơ Hercules...

“Ôi, làm ơn, anh yêu.” Nancy nói. “Đừng nghĩ về chiến tranh nữa. Em quá mệt mỏi với nó rồi. Hãy nói về chuyện gì đó thú vị hơn chuyện ném bom đi.”

Lời nói này khiến Teddy im lặng. Anh cố nghĩ ra thứ gì đó thú vị hơn nhưng không thể. Thực ra, động cơ của chiếc Halifax chỉ là mào đầu của một chuyện mà anh biết Nancy sẽ muốn nghe, nhưng bây giờ nỗi tự ái khiến anh cáu kỉnh, quyết định không kể với cô nữa. Và *đương nhiên* anh muốn nói về chiến tranh và “chuyện ném bom” - đó là cuộc sống của anh và gần như chắc chắn sẽ là cái chết của anh, nhưng anh cho rằng cô không thể hiểu được điều đó, bởi vì cô vốn bị nhốt trong tòa tháp ngà của những bí mật.

“Thế thì chúng ta có thể nói về chuyện *em* làm gì suốt cả ngày dài.” Anh nói, khá hằn học. Cô siết chặt tay anh hơn và nói: “Ồ, anh *biết* là em không thể mà. Sau này, em sẽ kể hết với anh. Em hứa đấy.” Teddy nghĩ, thật kỳ quặc khi tin rằng vẫn còn có cái gọi là “sau này”.

Đó là vài ngày trước và họ đang thả bộ dọc theo lối đi dạo ven biển. (“Biển đấy.” Anh nói với Lucky đang phấn khích.) Nếu có thể lờ đi những cái bẫy của hệ thống phòng thủ ven biển khắp nơi xung quanh họ (thứ thực là khó đấy), đây dường như là hoạt động bình thường của một cặp đôi vào một ngày hè. Bằng phép màu nào đó, Nancy đã xoay xở có được kỳ nghỉ phép trùng với kỳ nghỉ phép của anh. “Một cuộc hẹn hò!” Cô nói. “Lãng mạn quá!” Sau khi báo cáo xong về cuộc không kích ở Gelsenkirchen - và nhận phần thưởng là bữa ăn gồm trứng và thịt xông khói theo thông lệ vì đã sống sót trong một phi vụ - anh liền đi thẳng tới nhà ga, trải qua một chặng đường dài gần như bất tận để tới ga King’s Cross. Nancy đã đón anh ở sân ga, điều đó có vẻ lãng mạn, ít nhất cũng giống như trong phim và tiểu thuyết (mặc dù thứ đầu tiên hiện ra trong đầu anh là cuốn *Anna Karenina*). Chỉ đến khi nhìn thấy khuôn mặt hào hứng của cô, anh mới nhận ra mình đã quên mất trông cô như thế nào. Anh không có tấm ảnh nào của cô, đó là sai lầm mà anh nghĩ mình thực sự cần phải sửa chữa. Cô đã ôm chầm lấy anh và nói: “Anh yêu, em rất nhớ anh. Anh có một con chó à? Anh chưa bao giờ nhắc đến nó.”

“Ừ, nó là Lucky.” Anh đã nuôi con chó này được một thời gian rồi. Chắc là anh đã quên kể với cô về nó.

Cô cúi người xuống, xuýt xoa nựng nịu con chó. Teddy nghĩ có lẽ cô còn để ý đến nó hơn cả anh. Nhưng anh cũng chẳng bức tức gì.

Anh đã mong họ sẽ ở lại London, nhưng cô nói đêm nay họ nên “đi đâu đó thì sẽ thú vị hơn” (Cô có vẻ quyết tâm

quên lãng chiến tranh), vì thế họ đã tới một nhà ga khác và bắt một chuyến tàu ra biển. Cô đã đặt phòng trong một khách sạn lớn (“Mấy bà chủ nhà nghỉ tọc mạch lắm!”), và đã chuẩn bị sẵn một chiếc nhẫn cưới (“Mua ở Woolworths đấy!”). Họ phát hiện ra khách sạn này đầy nhóc các sĩ quan hải quân và vợ của họ, mặc dù hiện giờ ở đó chủ yếu chỉ có các bà vợ vì các viên sĩ quan dường như đang bận rộn ở đâu đó, làm các công việc mà họ phải làm mỗi khi lên bờ. Teddy cảm thấy khá ngại ngùng trong bộ quân phục của Lực lượng Không quân Hoàng gia RAF.

Một cô vợ sĩ quan đã tiến tới chỗ anh trong lúc anh đang đợi Nancy ở quầy bar và chạm vào cánh tay anh, nói: “Tôi chỉ muốn nói với anh rằng tôi nghĩ các anh đang làm một nhiệm vụ vinh quang. Cuộc chiến này không phải là của riêng Hải quân Hoàng gia, cho dù họ nghĩ như vậy, đương nhiên rồi.” Teddy chưa bao giờ nghĩ thế - theo những gì anh biết, những chiếc máy bay ném bom là lực lượng duy nhất gieo rắc chiến tranh cho kẻ địch - nhưng anh chỉ mỉm cười, gật đầu lịch sự và nói: “Cảm ơn.” Anh cảm thấy bàn tay cô ta siết chặt hơn và ngửi thấy mùi hoa dành dành trên người cô ta. Cô ta lấy ra một hộp thuốc lá và nói “Anh muốn hút một điếu không?”, rồi ghé người châm lửa từ chiếc bật lửa của anh, đúng lúc này thì Nancy xuất hiện, trông cô thật xinh đẹp trong chiếc váy màu lam nhạt. Cô vợ sĩ quan bèn nói: “Chúa ơi, đây là vợ anh ư? Anh may mắn quá! Tôi chỉ xin ít lửa thôi.” Cô ta nói thêm với Nancy rồi duyên dáng cúi đi mất.

“Khéo lắm!” Nancy cười. “Cái cách cô ta rời đi đã cứu được cô ta.”

“Ý em là gì?”

“Ồ, anh yêu, đừng có tỏ ra ngây ngô như thế, chắc anh phải hiểu cô ta đang muốn gì chứ.”

“Cái gì cơ?”

“Đương nhiên là cô ta muốn anh rồi.”

Phải, đương nhiên là anh biết điều đó, và anh tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu anh chỉ có một mình. Anh cho rằng anh sẽ lên giường với cô ta. Anh luôn ngạc nhiên trước mức độ táo bạo của những người phụ nữ trong chiến tranh, và anh đang có tâm trạng khiến bản thân dễ dàng trở thành con mồi cho họ. Cô ta có bờ vai duyên dáng và dáng vẻ tự tin, như thể cô ta biết giá trị của mình.

“Cô ta sẽ ăn tươi nuốt sống anh.” Nancy nói. Anh nhận thấy cô cho rằng anh sẽ không thích điều đó. Hoặc anh sẽ không đủ sức để chịu đựng cô ta. “Phiền anh lấy giúp em rượu gin nhé.” Cô nói thêm.

“Trông em xinh lắm.” Teddy nói.

“Ồ, cảm ơn anh, quý ngài tốt bụng. Và anh cũng rất đẹp trai.”

*

Anh tự thừa nhận một cách khá miễn cưỡng rằng Nancy đã đúng, đi khỏi London quả là thú vị hơn thật. Anh dậy sớm và thấy cánh tay mình bị kẹt cứng dưới thân thể cô.

Mùi hoa lan chuông từ người cô vương đầy trên ga giường, nó trong lành hơn hẳn mùi hoa dành dành ngọt ngào giả tạo.

Hắn là lũ mòng biển đã đánh thức anh dậy. Chúng đang kêu quang quác vô cùng huyền ảo nhưng anh khá thích sự ồn ào ấy. Anh nhận thấy từ lúc chiến tranh nổ ra, anh chỉ toàn sống trong đất liền (không tính những chuyến bay qua biển Bắc vào ban đêm). Ngay cả ánh sáng ở nơi đây cũng khác, dù mới chỉ có một ít len vào được qua khe hở giữa các tấm rèm thêu kim tuyến dày dặn. Căn phòng họ thuê khá tốt, nó có ô cửa sổ bằng kính kéo dài đến sát sàn dẫn ra một ban công bằng sắt rèn nhìn thẳng về phía biển. Nancy nói cô đã phải trả một món tiền lớn “đủ để chuộc cả nhà vua” cho căn phòng này, và họ chỉ có thể thuê được nó bởi vì một vị thiếu tướng hải quân không cần đến nó trong đêm nay. Cô từng tận các cấp bậc của hải quân hơn Teddy nhiều. Anh vốn coi thường các lực lượng khác giống như bất cứ sĩ quan không quân nào. Anh nghĩ chắc là cô đang làm công việc gì đó liên quan đến mật mã của hải quân.

Đã quen với nếp sinh hoạt của anh nên con chó cũng thức giấc cùng lúc với anh. Họ đã biến một cái ngăn kéo bàn trang điểm thành cái giường cho nó ngủ qua đêm bằng cách lót vào đó cái chăn thừa mà họ lấy từ trong tủ quần áo ra. “Chúa ơi!” Nancy nói. “Trông nó còn êm ái hơn cả cái giường của bọn mình nữa.” Teddy cảm thấy ngại ngùng với việc làm tình cùng Nancy khi có sự hiện diện của con chó ở trong phòng. Đến chính anh cũng thấy sự e dè ấy thật kỳ quặc. Anh tưởng tượng nó đang nhìn họ với vẻ hoang mang

hoặc cảnh giác, nhưng khi anh liếc về phía chiếc ngán kéo giữa “cuộc yêu” (“Mọi chuyện vẫn ổn chứ, anh yêu?” Nancy hỏi), con chó có vẻ đã ngủ say. Liều lĩnh đứng chỗ thì mới đáng liều lĩnh.

Anh ngờ rằng cái ngán kéo tiện nghi ấy còn khiến người ta ngủ ngon hơn là tấm đệm của viên thiếu tướng hải quân, đó là một tấm đệm lớn nhón bằng vải lông ngựa, cứng gần bằng “những cái bánh quy” của RAF. Khi Teddy thức dậy, anh cảm thấy cả người co cứng như thể vừa mới trải qua chín tiếng đồng hồ trên một chiếc máy bay Halifax. Nancy cũng đã đứng ở một điểm nữa - cô thường như vậy - cho dù tối qua có đi một mình thì anh cũng sẽ không đủ sức để đáp ứng những ve vãn của cô vợ viên sĩ quan hải quân. Anh đã quá mệt mỏi.

Trước khi Lucky nhảy lên giường và đánh thức Nancy, một việc mà nó được phép làm trong buồng của Teddy, anh chui ra khỏi chăn và nhẹ nhàng đặt chân xuống sàn nhà. Cửa sổ để mở cả đêm và anh lách mình qua những tấm rèm để ra ngoài ban công, vươn hai tay cao quá đầu, hít đầy hai buồng phổi luồng không khí trong lành. Vị muối mặn mặn mang lại cảm giác khoan khoái. Con chó chạy ra chỗ anh và anh tự hỏi nó nghĩ gì về quang cảnh này. “Biển đấy.” Anh nhắc nó. Hai đêm trước, chiếc máy bay mới của anh, chiếc *Q-Queenie*, đã phải hạ cánh khẩn cấp ở Carnaby. Canarby nằm bên bờ biển và có một đường băng cực kì rộng lớn để đón những chiếc máy bay “lạc bầu” hỏng hóc ì ạch băng qua biển Bắc để về nhà, cũng như những chiếc máy bay bị lạc trong bóng tối giống như chiếc *Q-Queenie*.

Carnaby được trang bị hệ thống FIDO^[168], một từ viết tắt mà Teddy đã quên mất nó có nghĩa là gì, chỉ nhớ rằng nó có liên quan đến sương mù. Dọc hai bên đường bằng được đặt các ống dẫn nhiên liệu chứa hàng nghìn gallon xăng, trong trường hợp có sương mù, người ta sẽ đốt chỗ xăng này để tạo thành một “bức tường lửa”, dẫn đường cho những chiếc máy bay bị lạc đường hoặc bị trúng đạn bay về.

Khi đã trở về phi trường của mình an toàn, Teddy thấy mình đang nói với con chó, Fido của anh, về Carnaby, nghĩ rằng nó sẽ hứng thú với cái tên ấy. Đó là lúc anh nhận ra có lẽ mình đã trở nên mất trí. Anh bật cười trước ký ức ấy và gãi đầu con chó. Có sao đâu chứ? Cả thế giới đều đang mất trí mà.

Ban công tràn ngập hương vị biển, những mảng gỉ sắt lớn lộ ra qua lớp sơn trắng. Cả đất nước này đều đang trong tình trạng đổ nát. Teddy tự hỏi còn bao lâu nữa thì tình hình trở nên không thể văn hồi, còn bao lâu nữa thì nước Anh sụp đổ thành gỉ sắt và bụi đất?

Anh không nghe thấy tiếng gõ cửa khe khẽ thông báo rằng phục vụ phòng đã mang tới khay trà buổi sáng mà họ đặt trước vào đêm qua, và ngạc nhiên khi thấy Nancy bước tới bên cạnh anh ngoài ban công, đưa cho anh một tách trà để trên đĩa lót tách. Cô đang mặc bộ pyjama bằng vải cotton bền chắc. “Không phải là loại trang phục để mặc trong kỳ trăng mật.” Cô nói.

“Đây là kỳ trăng mật sao?” Teddy hỏi, nhấp ngụm trà đã nguội trong không khí ban mai.

“Không phải, nhưng anh không nghĩ là chúng ta nên có một kỳ trăng mật ư? Đương nhiên, chúng ta phải kết hôn trước đã. Chúng ta sẽ làm vậy chứ? Kết hôn ấy?”

“Bây giờ á?” Teddy hoang mang nói. Trong một thoáng, anh nghĩ có lẽ cô đã sắp xếp một đám cưới bất ngờ, có lẽ cô đã xin được giấy phép đặc biệt để tổ chức hôn lễ ở một nhà thờ địa phương, và anh phần nào ngỡ rằng cả một đám đông những người nhà Todd và nhà Shawcross sẽ chạy ủa vào trong phòng, cất lên những lời chúc tụng. Anh nghĩ về Vic Bennett, người chẳng bao giờ có một đám cưới. Cậu ta đã dự tính đó sẽ là một bữa tiệc khiêu vũ, bất chấp tình trạng của Lilian. Anh cảm thấy tội lỗi vì đã không giữ liên lạc với người thân của Vic và chẳng biết gì về đứa con của cậu ta. Edward. Hoặc một bé gái cũng chưa biết chừng. Lilian và đứa trẻ vẫn tiếp tục sống, còn Vic thì đang bị xóa nhòa đi từng ngày cho đến khi chẳng còn ai nhớ tới cậu ta nữa. *Anh ấy nói anh là người đàn ông tốt nhất mà anh ấy từng biết.* Đáng lẽ Vic nên sống lâu hơn, Teddy nghĩ, thế thì cậu ta sẽ biết được nhiều người tốt hơn anh.

“Không. Không phải là *bây giờ*. Sau chiến tranh cơ.”

À, sau này, Teddy nghĩ. Lời nói dối trắng trợn, “Ừ.” Anh nói. “Đương nhiên là chúng ta nên kết hôn rồi. Là thế phải không? Chúng ta đang đính hôn phải không? Em muốn anh quỳ gối chứ?” Anh đặt tách trà xuống bàn công và quỳ một bên gối, với con chó là nhân chứng hiếu kỳ cho hành động này, rồi anh nói: “Nancy Roberta Shawcross, anh có thể nắm tay em cùng bước vào cuộc hôn nhân không?” (Đó có phải là câu người ta thường hay nói không nhỉ?)

“Em rất sẵn lòng.” Cô nói.

“Chúng ta có cần mua nhẫn không?”

Cô giơ ngón áp út lên và nói: “Bây giờ chỉ cần cái này là đủ rồi. Một ngày kia, anh có thể mua cho em nhẫn kim cương.” Họ đã kết hôn với chiếc nhẫn mua ở cửa hàng Woolworths ấy. “Nó có giá trị về mặt tình cảm.” Cô nói khi anh đeo nó vào ngón tay cô ở Phòng Hộ tịch Chelsea sau khi chiến tranh kết thúc.

Nó chỉ là một chiếc nhẫn nhỏ xíu, và sau này, Teddy tự hỏi phải chăng họ nên tổ chức linh đình hơn. Ursula và Bea giữ vai trò vừa là khách mời, vừa là phù dâu và nhân chứng. Ursula mang cả Lucky theo, nó được thắt một cái nơ bướm bằng ruy băng màu đỏ trên cổ dề, và cô nói: “Đây là phù rể của em đấy, Teddy.”

Họ chưa bao giờ thay thế chiếc nhẫn Woolworths bằng một chiếc nhẫn đắt tiền hơn, mặc dù thi thoảng thứ hợp kim rẻ tiền ấy lại tạo ra một vòng tròn đen sì xấu xí trên ngón tay Nancy. Tuy nhiên Teddy đã mua cho cô một chiếc nhẫn kim cương, nhỏ thôi, khi Viola chào đời.

*

“VẬY là mình đã là vợ chồng tương lai của nhau.” Cô nói khi họ khoác tay nhau thả bộ dọc bãi biển sau bữa sáng. Họ đã khéo léo bước qua những chỗ có nhiều đá cuội và những cái bẫy chống tăng để tới bờ cát nâu thô ráp gần mép nước lộ ra khi thủy triều rút xuống. Con chó đang nghịch sóng. Chốc chốc Teddy lại ném một hòn sỏi cho nó, nhưng nó quá

mải mê với những thứ mới lạ ở biển nên chẳng màng đến nhiệm vụ bình thường của một con chó là chạy đi lấy đồ đem về. “Hứa hôn.” Nancy vui vẻ nói tiếp. “Từ đó nghe cổ nhỉ! Theo anh thì nó bắt nguồn từ đâu?”

“Nó bắt nguồn từ một từ trong tiếng Anh cổ có nghĩa là “hẹn ước sẽ thành thật với nhau.” Teddy nói, hai mắt vẫn nhìn con chó.

“Đương nhiên. Nghe có lý đấy.” Cô siết chặt cánh tay anh và Teddy nghĩ về cô vợ sĩ quan tối qua. Nancy mỉm cười với anh và nói: “Anh có hạnh phúc không, anh yêu?”

“Có.” Anh không còn biết hạnh phúc nghĩa là gì nữa, nhưng nếu cô muốn anh nói rằng mình hạnh phúc, anh sẽ chiều theo ý cô. (“Sai lầm là...” Sylvie nói. “... Đánh đồng tình yêu với hạnh phúc.”) “Anh đang định kể với em chuyện này.” Anh nói, mũi lòng kể cô nghe câu chuyện về chiếc máy bay Halifax mà anh đã không kể với cô vào ngày hôm qua. “Tuần trước, anh đang chơi bài trong phòng sinh hoạt tập thể. Đêm đó bọn anh có một phi vụ, bay đến Wuppertal, và bọn anh luôn có một khoảng thời gian thư giãn vào giữa buổi chiều sau khi đã hoàn thành tất cả các thủ tục kiểm tra cần thiết và đang chờ đợi đến giờ nhận chỉ thị...” Anh cảm thấy tay cô khẽ buông lỏng. Nếu là anh, anh sẽ vui vẻ lắng nghe các chi tiết trong cuộc sống thường nhật của cô nếu cô muốn kể về chúng. “Anh kể tiếp nhé?”

“Đương nhiên rồi.”

“Chà, thế rồi anh nghe thấy tiếng động cơ máy bay - hiển nhiên là điều đó chẳng có gì bất thường, nhưng sau đó Sandy Worthington - hoa tiêu của anh - thò đầu qua cửa

phòng ăn của sĩ quan và nói: “Ra đây mà xem này, anh Ted, đó là chiếc Halifax mới, chiếc Mark III.”

“Và nó tốt hơn nhiều so với những chiếc Halifax cũ, nó có một cái đuôi kiểu khác.” Nancy nhanh nhẩu nói, giống như một học sinh hăng hái hài lòng về khả năng ghi nhớ những sự kiện nhàm chán của mình.

“Không, đó không phải là điều thú vị - mặc dù với anh thì nó rất thú vị bởi vì nó sẽ cứu được nhiều mạng người. Để anh kể tiếp nhé, anh đã mượn một chiếc xe đạp và đạp xe dọc theo đường băng - phòng sinh hoạt tập thể ở cách nơi đó rất xa vì phi trường của bọn anh rất rộng lớn...” Nancy nhặt một khúc gỗ dẹt và ném ra biển cho con chó đuổi theo nhặt lại, ban đầu con chó cũng định chạy theo thật nhưng nghĩ thế nào nó lại thôi. “Và chiếc máy bay...” Teddy tiếp tục. “... Đang chạy dọc theo hàng rào vành đai để tới địa điểm tập kết, em thử đoán xem người lái nó là ai nào?”

“*Gertie* hả?”

Cuối cùng thì anh cũng có được sự chú ý của cô. “Đúng rồi, là *Gertie*. Đó quả là một điều bất ngờ.”

Chị gái của Nancy đang công tác ở Lực lượng Không vận Phụ trợ ATA, chuyên vận chuyển những chiếc máy bay đến và đi giữa các phi đoàn, nhà máy và đơn vị bảo dưỡng. Cô có bằng lái máy bay từ trước chiến tranh và Teddy nhớ anh từng vô cùng ghen tỵ. Mặc dù cánh đàn ông trong phi đoàn của Teddy không hay thừa nhận điều này nhưng họ rất khâm phục các cô gái ATA (“Phụ nữ.” *Gertie* sửa lời). Họ lái bất cứ loại máy bay nào dù mới chỉ làm quen với nó trong một thời gian ngắn - Lane, Mosquito, Spitfire, thậm chí cả

American Fortress - một kỳ công của ngành hàng không mà hầu hết các phi công RAF đều sẽ gặp khó khăn khi lái.

“Tôi nghĩ đó là máy bay của cậu đấy.” Viên sĩ quan chỉ huy nói với Teddy khi họ đứng ở địa điểm tập kết cùng với Gertie, ngắm nhìn chiếc máy bay mới.

“Của tôi ư?” Teddy nói.

“Chà, cậu là một thiếu tá không quân, Ted, tôi nghĩ cậu nên có “con điều” tốt nhất.”

“Nó bay tốt lắm.” Gertie nói với anh. Và thế là chiếc *Q-Queenie* thuộc về anh.

Gertie được đối đãi như một sĩ quan danh dự, và được mời vào phòng ăn tập thể để uống trà (“Cả bánh nướng nữa chứ! Ngon quá!” Dù chúng chẳng ngon lành gì). Tình cờ làm sao, cô không phải bắt xe lửa về vì có một chiếc máy bay cần được đưa đến một đơn vị bảo dưỡng để nắn lại phần thân cong queo. Máy bay không được thiết kế để thực hiện những động tác thô bạo như lộn vòng theo đường xoắn ốc (Anh cũng vậy, Teddy thường nghĩ). Trong thời gian lưu lại ngắn ngủi của mình, Gertie chẳng khiến cho trái tim của người đàn ông nào rung rinh - có lẽ ngoại trừ sĩ quan chỉ huy, người đã nhận xét rằng cô là một phụ nữ “quả cảm” - bởi vì, giống như Winnie, cô là một người thẳng thắn, khá thô kệch. Teddy có thói xếp hạng các cô gái nhà Shawcross (“phụ nữ”) theo độ hấp dẫn - anh ngờ rằng ai cũng làm vậy - từ Winnie, người ít xinh đẹp nhất đến Nancy và Bea thanh tú. Trong thâm tâm, anh tin rằng Bea là người có sức hút nhất, nhưng lòng chung thủy với Nancy thường gạt đi ý nghĩ đó. “Trong mấy đứa con gái nhà Shawcross, cứ đứa

sau lại nhỏ nhắn và xinh xắn hơn đứa trước.” Hugh từng nói như vậy hồi họ còn nhỏ. Millie, cô chị ở giữa, sẽ rất tức giận khi nghe thấy lời nhận xét này.

Phi đoàn đưa tiễn Gertie rất long trọng, một phần vì cô đã giao đến chiếc “Halibag” mới toanh mà ai cũng hoan nghênh, và một phần vì mối quan hệ của cô với Teddy, anh đã giải thích rằng cô “giống như chị vợ” của anh vậy, vì anh cho rằng nếu còn có tương lai thì cô sẽ trở thành chị vợ của anh thật. Một đám đông nhỏ tụ lại tại chỗ chiếc caravan điều hành bay để tiễn cô cất cánh, Teddy đứng lẫn với họ, và họ đều vỗ tay nhiệt liệt như thể cô đang chuẩn bị lên đường tham gia cuộc không kích ở Essen, thay vì đưa chiếc Halifax tới một đơn vị bảo dưỡng OMU ở York. Cô vỗ các cánh máy bay để tạm biệt và lao vút lên bầu trời xanh trong tiếng gầm rú của động cơ. Teddy cảm thấy tự hào vì cô.

“Lâu lắm rồi em không gặp chị ấy.” Nancy nói.

“Lâu lắm rồi em chẳng gặp ai cả.”

“Em không có sự lựa chọn.” Cô đáp, hơi xẵng giọng. Anh đang không công bằng với cô, dĩ nhiên chiến tranh cũng gây cho cô nhiều tổn hại. Anh khoác tay cô chặt hơn và huýt sáo gọi con chó. “Đi nào!” Anh nói. “Anh sẽ mua cho em một cái sandwich ở tiệm trà của nhà ga. Còn lâu tàu mới khởi hành.”

“Anh thực sự biết cách đối xử với một cô gái đấy.” Nancy nói, tâm trạng đã vui vẻ trở lại.

Con chó không trở lại khi Teddy huýt sáo gọi nó. Anh quét mắt khắp bờ biển và ngoài khơi, trong lòng dâng lên một nỗi hoảng hốt mơ hồ. Con chó luôn chạy về phía anh

khi anh huyết sáo. Eo biển Anh trông thật êm đềm, nhưng nó là một con chó nhỏ, và có lẽ nó đã tự làm mình kiệt sức vì bơi quá nhiều, hoặc gặp phải một con sóng ngầm hung hiểm, hoặc mắc phải một tấm lưới đánh cá. Anh nghĩ đến hình ảnh Vic Bennett chìm xuống dưới những con sóng. *Thôi, chúc anh may mắn.* Nancy đi đi lại lại dọc bãi biển, gọi tên con chó. Anh biết các giác quan của nó đã trở nên tinh nhạy hơn. Các thành viên của tổ mặt đất đã kể với anh rằng Lucky thường đợi anh về cùng họ, và nó luôn phát hiện ra chiếc máy bay của anh trước họ rất lâu. Nếu anh về muộn hoặc phải hạ cánh khẩn cấp ở đâu đó, con chó vẫn kiên định ở yên vị trí của mình. Sau này, khi Teddy không trở về, khi anh bị quân đội Đức bắt làm tù binh, con chó vẫn ở lì đó suốt mấy ngày, nhìn chăm chăm lên bầu trời, chờ đợi.

Cuối cùng, con chó được trả về cho Ursula chăm sóc, và khi Teddy về nhà, anh không đòi lại nó dù trong lòng rất muốn. Anh lý luận rằng anh đã có Nancy bầu bạn, còn chị gái anh chẳng có ai cả và cô cũng yêu con chó nhỏ này như anh vậy.

Không lâu trước đây, con chó đã lên lên chiếc *Q-Queenie*. Họ chẳng thể hiểu nổi nó lên được trên đó bằng cách nào. Thi thoảng nó vẫn có thói quen leo lên chiếc xe tải chở họ tới chỗ máy bay đậu, nhưng lần này chẳng ai nhớ là đã nhìn thấy nó, và mãi đến khi họ tới điểm hẹn trên bầu trời Hornsea, họ mới phát hiện ra sự có mặt của nó trên máy bay khi nó len lén đi ra - vẻ khá tội lỗi - từ chỗ trốn của nó bên dưới chỗ nghỉ ngơi bên trái của phi hành đoàn.

“Ôi chà!” Bob Booth, điện đài viên của họ thông báo trên hệ thống liên lạc nội bộ. “Dường như chúng ta có một phi công phụ nhỏ bé.” Đây là một sự vi phạm nội quy, có lẽ còn nghiêm trọng hơn cả việc đưa một cô gái WAAF lên không trung, nhưng đó chẳng phải là vấn đề. Vấn đề là họ đang ở độ cao trên một nghìn năm trăm mét, và Teddy vừa mới nhắc tất cả mọi người đeo mặt nạ ôxy vào. Con chó trông có vẻ chệnh choạng, mặc dù có thể là vì nó đang ở bên trong một chiếc máy bay ném bom bốn động cơ khổng lồ đang cố gắng đạt tới độ cao cần thiết trên biển Bắc.

Teddy chợt nhớ đến cảnh Mac hát bài *Cậu bé thổi kèn theo điệu Boogie Woogie* trên hành trình từ Turin trở về. Anh không nghĩ Lucky có thể làm điều gì kỳ dị như thế, nhưng chắc chắn hậu quả tất yếu của tình trạng thiếu ôxy đối với người và chó đều như nhau.

Có lẽ con chó đã tò mò muốn biết họ đi đâu khi họ leo vào bên trong “con hà mã” bằng kim loại này. Có lẽ lòng trung thành của nó với Teddy hoặc mong muốn thử thách lòng can đảm của chính mình đã thúc đẩy nó. Ai biết một con chó nghĩ gì trong đầu chứ?

Ngoại trừ các xạ thủ, tất cả mọi người đều chia sẻ mặt nạ ôxy của mình với con chó, đây quả là một trải nghiệm đầy lúng túng đối với họ. “Ôxy đây.” Teddy nói với con chó khi anh chụp chiếc mặt nạ của mình lên cái mõm nhỏ xíu của nó. May mắn thay đây chỉ là một chuyến “làm vườn” các kênh vận tải ở Hà Lan, chứ không phải một cuộc không kích dài tới tận Thành phố Lớn. Sau khi họ đã hạ cánh an

toàn, Teddy phải nhét con chó vào trong chiếc áo khoác phi công của mình để lên đưa nó xuống khỏi máy bay.

Sau lần đó, Teddy luôn cố nhớ mang lên máy bay một chiếc mặt nạ ôxy dự phòng, để nhỡ may lại có một kẻ “đi lậu” khác thì họ có thể cho anh ta sử dụng bình ôxy trung tâm. Mặc dù làm gì có người bình thường tỉnh táo nào lại muốn đi lậu trên một cái máy bay ném bom chứ?

*

Anh quay người lại và đột nhiên nhìn thấy con chó đang lon ton chạy dọc theo bãi biển, trông nó khá mệt mỏi, nhưng vì không biết nói nên nó không thể kể với anh về bất cứ chuyến phiêu lưu nào mà nó có thể đã trải qua.

Khi nó đã về tới chỗ anh, họ thông thả bước dọc theo cầu tàu cho đến khi bị một thợ ảnh chặn lại, và họ đồng ý chụp một bức ảnh. Teddy trả tiền cho người đàn ông ấy rồi cho ông ta địa chỉ phi đoàn của anh. Rồi khi anh trở về sau chuyến nghỉ phép dài sáu ngày, bức ảnh - mà anh sớm quên bẵng - đã nằm đợi anh. Đó là một bức ảnh đẹp và anh tính sao ra vài tấm - cho Nancy chẳng hạn - nhưng mãi chẳng thực hiện. Trong ảnh, anh đang mặc quân phục, đương nhiên, còn Nancy mặc bộ váy mùa hè và đội cái mũ rom xinh xắn, tuy nhiên không thể trông thấy cái nhăn cười rẻ tiền. Họ đều đang mỉm cười như thể chẳng có gì phải lo lắng trên đời này. Lucky đang ở cùng họ, cũng tỏ ra vui vẻ.

Teddy mang theo tấm ảnh trong túi áo của bộ đồ chiến, bên cạnh con thỏ bạc. Nó vẫn tồn tại trong suốt cuộc chiến

và quãng thời gian Teddy bị nhốt trong trại tù binh chiến tranh, rồi sau này bị chủ nhân của nó cầu thả ném vào một cái hộp đựng các kỷ vật và chiến lợi phẩm. “*Objets de vertu*^[169]”, Bertie nói khi xem qua cái hộp này sau khi Teddy chuyển tới Fanning Court. Cô luôn yêu mến Nancy, người bà mà cô chưa bao giờ gặp. “Còn có cả một con chó nữa này!” Cô nói, lập tức bị thu hút bởi vẻ hớn hờ của con chó nhỏ. (“Đó là Lucky.” Teddy trù mến nói. Con chó đã chết hơn bốn mươi năm, nhưng ông vẫn cảm thấy trong tim nhói lên một nỗi buồn man mác khi nghĩ đến sự vắng mặt của nó trên cõi đời này.)

Phía trên bức ảnh bị ố một vệt dài màu nâu, và khi Bertie hỏi về nguồn gốc của nó, Teddy nói: “Ông nghĩ đó là nước trà.”

Khi kỳ quân dịch đầu tiên của Teddy kết thúc, anh đã chuyển đến một Đơn vị Huấn luyện Chiến đấu OTU với tư cách sĩ quan hướng dẫn, nhưng trước khi nhiệm vụ ấy hoàn thành, anh đã nảy ý muốn tiếp tục thực hiện các phi vụ. “Trời ơi, sao lại thế?” Ursula viết. “Khi mà đáng lẽ em có thể có thêm vài tháng tương đối an toàn trước khi bắt đầu một kỳ quân dịch khác?” Theo Teddy, “tương đối” là một từ rất chuẩn đối với một OTU. Khi mới tới đó, anh đã nhìn ngó khắp các cánh đồng xung quanh phi trường và đếm được ít nhất là năm cái xác máy bay chưa được dọn dẹp. Ở một OTU, người ta phải bay trên những chiếc phi cơ cũ rích - chủ yếu là những chiếc máy bay bị thải loại - như thể lính mới thì không dễ gì gặp nguy hiểm vậy. Teddy không hỏi gì về số phận của những người từng có mặt trên những chiếc

máy bay nằm rải rác trên các cánh đồng ấy. Anh quyết định thà không biết còn hơn.

“Chà!” Anh viết thư hồi đáp cho chị gái. “Việc đó vẫn chưa kết thúc.” Còn lâu mới kết thúc, anh nghĩ. Hàng nghìn con chim đã bị ném vào bức tường, vậy mà nó vẫn đứng sừng sững. “Và em là một phi công giỏi.” Anh nói thêm. “Vì vậy, em nghĩ em sẽ đóng góp tốt hơn cho nỗ lực tham chiến của quân ta nếu em lái máy bay thay vì huấn luyện các tân binh.”

Anh đọc lại lá thư. Nó nghe như một lời bao biện hợp tình hợp lý. Một lời bao biện mà anh có thể đưa ra cho chị gái, cho Nancy, cho toàn thế giới, mặc dù anh có chút căm phẫn với việc cảm thấy mình cần phải bào chữa cho bản thân khi họ đang ở giữa cuộc chiến. Chẳng phải anh đã được chọn là chiến binh của gia đình sao? Mặc dù anh ngờ rằng cái nhiệm vụ cao quý này bây giờ đã được chuyển sang cho Jimmy.

Sự thật là anh chẳng muốn và cũng chẳng thể làm việc gì khác. Anh đã *trở nên* gắn bó với việc lái những chiếc máy bay ném bom trong các cuộc không kích. Nó rất phù hợp với bản thân anh. Nơi duy nhất mà anh yêu thích là bên trong một chiếc máy bay Halifax, với mùi bụi, mùi dầu mỡ, mùi mồ hôi chua lôm, mùi cao su, mùi kim loại và mùi ôxy. Anh muốn tiếng gầm của các động cơ làm tai mình điếc đặc, anh cần cái lạnh, tiếng ồn, sự buồn chán và chất adrenalin vắt kiệt mọi ý nghĩ của mình. Có thời anh đã tin rằng cấu trúc của chiến tranh sẽ nhào nặn nên con người anh, nhưng bây giờ anh lại nhận ra nó đang hủy hoại mình.

Anh có một tổ bay mới - các xạ thủ là Tommy và Oluf, một người Geordie^[170] và một người Na Uy. Trong Liên đoàn số 4, người Na Uy ít đến nỗi chẳng thể lập ra phi đoàn của riêng họ với quân số ấy giống như những người Ba Lan đã làm. Người Na Uy cũng hăng hái trong nhiệm vụ của mình gần bằng những người Ba Lan hiếu chiến. Họ luôn tiến về phía trước. Họ xiết bao mong mỗi quê hương Ba Lan sớm được giải phóng để có thể bay về nhà. Đương nhiên, điều đó không xảy ra. Teddy thường nghĩ về họ khi đất nước Ba Lan chật vật trải qua thế kỷ hai mươi.

Tổ bay lần này của anh cũng là một tổ bay hỗn tạp. Sandy Worthington, hoa tiêu, quê ở New Zealand; Geoffrey Smythson, cơ khí viên, từng tốt nghiệp trường Cambridge. (“Toán học.” Cậu ta trịnh trọng nói, như thể đó là một tôn giáo.) Teddy thắc mắc cậu ta có biết Nancy không, và cậu ta đáp rằng có nghe nói về cô rồi hỏi có phải cô đã giành giải Fawcett không? “Đó là một cô gái thông minh.” Cậu ta nói. “Người phụ nữ thông minh.” Teddy sửa lại. Điện đài viên là Bob Booth đến từ Leeds và lính cắt bom là...

“Chúc một ngày tốt lành, anh bạn.”

“Cậu đang làm cái quái gì ở đây thế?” Teddy hỏi.

“À, tôi đang hướng dẫn tân binh ở một OTU thì nghe tin Ted Todd trứ danh đã sớm trở lại với các phi vụ, và tôi nghĩ: Anh ta không thể bay mà không có mình được. Một phi đoàn của Úc đã cố gắng lôi cổ tôi về với họ, nhưng tôi đã nhờ vả vài mối quan hệ để được có mặt ở đây.”

Teddy xúc động đến mức gần như không nói nên lời khi nhìn thấy Keith - cậu ta là người thân thiết với anh nhất

trong tổ bay cũ, và họ đã chia sẻ với nhau rất nhiều chuyện mà họ không thể nói với bất cứ ai khác, nhưng khi gặp lại nhau, họ đã kiềm chế, chỉ bắt tay chào hỏi thật nhanh gọn theo kiểu đàn ông. Sau này, càng gần đến cuối thế kỷ, Teddy nhận thấy dường như đàn ông càng ngày càng bộc lộ cảm xúc thoải mái hơn, cho đến khi thế kỷ hai mươi chuyển giao sang thế kỷ hai mốt (và sự xuất hiện của cái gọi là “thập niên hai nghìn”), họ có vẻ hoàn toàn đánh mất khả năng kiểm soát cảm xúc và có lẽ cả lý trí của họ nữa. Các cầu thủ bóng đá và vận động viên tennis thoải mái thể hiện sự mừng giận, người đàn ông bình thường trên phố ôm và hôn lên má những người đàn ông khác. “Ôi, vì Chúa, bố à.” Viola nói. “Sao bố có thể nghĩ ra một chuyện vớ vẩn như thế? Đàn ông thì phải khắc kỷ ư! Bố thực sự nghĩ rằng thế giới sẽ tốt đẹp hơn khi những người đàn ông che giấu cảm xúc của mình trong lòng sao?”

“Ừ.”

Thi thoảng ông vẫn kinh hãi khi nhớ lại cảnh tượng ông òa khóc trong căn bếp của mẹ Vic Bennett. Ông thấy chuyện đó chẳng giúp ích cho ai cả, đặc biệt là chính ông. Khi Nancy mất, ông đã khóc thầm ở chỗ riêng tư, đó có vẻ là cách tiếc thương thể hiện sự tôn trọng đối với người đã khuất.

“Cháu thấy Diana thật đáng trách.” Bertie nói.

“Diana nào?”

“Công nương Diana ấy ạ. Bà ấy khiến người ta nghĩ rằng chịu đựng sự tổn thương là một hành động quả cảm. Ở thời của ông thì ngược lại.” Họ đang ngồi trên ngọn đồi tạc hình

ngựa trắng ở Kilbum, ăn những chiếc sandwich mà bà chủ quán trọ tốt bụng đã gói cho họ ở một điểm dừng chân trong chuyến đi giã biệt của họ.

Teddy nghĩ rằng, giống như một chú chó, ông đã qua cái thời của mình. “Ông đã quá già đối với cái thế giới này rồi.” Ông nói.

“Cháu cũng vậy.” Bertie nói.

*

Nancy chỉ có thể nghỉ một đêm, vì vậy chưa đầy hai mươi tư giờ sau khi gặp nhau ở một sân ga, họ đã phải chia tay nhau trên một sân ga khác. Anh đã tưởng họ có thể ở bên nhau lâu hơn và cảm thấy khá buồn khi anh vẫy tay tiễn cô, nhưng khi đoàn tàu biến mất, anh nhận ra có lẽ cảm giác thật sự trong lòng anh là mặc cảm tội lỗi trước nỗi nhẹ nhõm khi cô rời đi.

*

Keith cũng lên London trong thời gian nghỉ phép, họ gặp nhau rồi cùng với Bea và bạn cô là Hannie, một người tị nạn, họp thành một bộ tứ thuần khiết, tâm đầu ý hợp ở quán Quaglino's. Họ đều uống nhiều rượu và Keith gắng hết sức để tán tỉnh hai người phụ nữ cùng lúc. Hannie rất xinh đẹp nhưng có vẻ không hứng thú với cậu ta, còn Bea “là hoa đã có chủ”, cô đã đính hôn với một bác sĩ, mặc dù cả hai người họ đều rất ngọt ngào với Keith. Teddy không

bao giờ được gặp anh chàng bác sĩ của Bea. Vào ngày quân Đồng minh đổ bộ lên đất Pháp, anh ta tử trận trên bãi biển Vàng, vì thế sau chiến tranh, Bea kết hôn với một bác sĩ phẫu thuật.

Bea hiện đang làm việc ở đài BBC, công việc của cô là sản xuất và viết một chút kịch bản phim cùng vài công việc “hậu trường”, còn Hannie làm phiên dịch viên cho một tổ chức của chính phủ mà có vẻ không mấy ai biết đến. Trong Cuộc oanh kích Blitz, Bea đã hoạt động trong lĩnh vực y tế, khi đó, cô được tuyển vào làm việc trong một nhà xác, công việc của cô là ráp lại các mảnh thi thể người. Vì một vài lý do khó tin, nền tảng học vấn ở trường mỹ thuật đã khiến cô trở nên phù hợp với công việc này. “Em cho rằng đây chính là giải phẫu học.” Cô nói. Ngay cả Teddy, vốn quen với những thi thể đàn ông chẳng còn nguyên vẹn, cũng không nghĩ mình sẽ có gan làm một công việc như vậy. Trong những năm sau này, trong thời đại khủng bố, mỗi khi đọc về những vụ đánh bom các công viên, hộp đêm, tòa nhà chọc trời và máy bay chở khách, với các cơ thể bị nổ tung thành từng mảnh hoặc rơi từ trên cao xuống đất, Teddy lại tự hỏi liệu có ai ghép những mảnh thi thể ấy lại với nhau hay không. Sylvie đã luôn khẳng định rằng khoa học là phương tiện cho người ta tìm ra những cách thức mới để giết hại lẫn nhau, và theo thời gian (như thể chiến tranh vẫn chưa phải là bằng chứng đầy đủ), Teddy bắt đầu nghĩ có lẽ bà đã đúng.

Teddy khiêu vũ với Hannie, chiều cao của cô rất tương xứng với anh, và cô có mùi nước hoa Soir de Paris mà cô nói

là “có người” đã mang về cho cô từ Pháp, điều đó khiến anh nghĩ rằng cô hẳn đang hoạt động trong một tổ chức khá bí mật. (“Có người phụ nữ nào anh quen không như vậy không?”) Cô đeo đôi khuyên tai bằng ngọc lục bảo và phá lên cười khi anh bình luận về chúng, rồi nói: “Đồ giả đấy! Trông tôi có giống một người mua nổi ngọc lục bảo không?” Cô đã bỏ lại gia đình ở Đức và muốn “từng tên phát xít” phải chết trong đau đớn. Cũng phải thôi, Teddy nghĩ.

Tối hôm sau, họ lại sắp xếp gặp nhau rồi đi xem vở kịch *Thạch tín và đấng ten cũ*, và họ đều nhất trí rằng đó là một “liều thuốc” tuyệt vời để giúp họ tạm quên đi chiến tranh.

Sau chiến tranh, Teddy nghe Bea kể rằng Hannie làm việc cho Cơ quan Chiến dịch Đặc biệt SOE, và cô ấy đã nhảy dù xuống Pháp trước ngày quân Đồng minh đổ bộ lên vùng bờ biển Normandy. Ursula và Bea đã cố hết sức để tìm hiểu xem chuyện gì xảy ra với cô ấy (“Bởi vì bây giờ cô ấy chẳng còn ai khác.”). Đó là câu chuyện khủng khiếp thường thấy.

Hóa ra đôi khuyên tai ấy không phải đồ giả mà là ngọc lục bảo xịn, của Pháp, *fin de siècle*^[171], rất đẹp và từng là đồ trang sức của mẹ cô, một người Pháp. (“Tớ còn có chút dòng máu Hungary và Đức nữa, đương nhiên rồi, và thậm chí một chút dòng máu Romania. Một người lai châu Âu!”) Đôi khuyên tai ra đời trong một xưởng chế tác kim hoàn ở Marais vào năm 1899 và, giống như các vật thể khác, chúng tồn tại lâu hơn những người từng đeo chúng rất nhiều. Hannie đã gửi chúng cho Bea “giữ hộ”. (“Cậu có thể không gặp tớ trong một vài tuần đấy.”)

“Em nghĩ cô ấy biết mình sẽ không quay lại.” Bea nói. Trước khi mất, Bea đã đưa đôi khuyên tai ấy cho Teddy, bởi vì, theo đúng nghĩa đen, ông là người duy nhất trên đời này còn nhớ đến Hannie, vì thế sau này Bertie đã đeo chúng trong ngày cưới của cô, một ngày mà, buồn thay, Teddy không còn sống để chứng kiến. Cô kết hôn vào mùa đông, với người đàn ông cô tình cờ gặp trên cầu Westminster, trong một nhà thờ Saxon ở Cotswolds, mặc chiếc váy cưới thêu ren kiểu cổ và cầm một bó hoa giọt tuyết. Sau hồi lâu tranh cãi, cô đồng ý để Viola dắt cô lên lễ đường. Một hôn lễ tuyệt vời.

*

Ngày hôm sau là Chủ nhật, Keith và Teddy bắt chuyến tàu sớm về Góc Cáo bởi vì Sylvie đã nằng nặc bảo họ về ăn trưa. Keith rất hào hứng, cậu ta từng tới đó chơi và chiếm được cảm tình của Sylvie. Cậu ta cũng biết cái chạn thức ăn của bà đầy ắp đồ. Ursula từ chối đi cùng họ. “Mẹ có thể có trọn vẹn em cho riêng mình.” Cô nói và cười khá ranh mãnh.

Teddy dẫn Keith sang Quạ Gáy Xám gặp bà Shawcross, bà luôn tha thiết - có lẽ còn tha thiết hơn cả Sylvie - muốn gặp bất cứ thành viên nào trong tổ bay của Teddy mà anh dẫn về Góc Cáo chơi. Anh kể với bà rằng anh đã gặp Gertie, và bà Shawcross nói: “Thú vị quá, nhưng bác lo cho con bé lắm. Tại bác cứ nghĩ về Amy Johnson^[172], cháu biết đấy.” Millie lúc đó đang có mặt ở nhà “trong một thời gian ngắn”

và ve vãn Keith một cách thái quá. “Cô gái đó cần được xích lại.” Cậu ta cười khi họ cuối cùng cũng thoát khỏi móng vuốt của cô. “Không phải gu của tôi.” Cậu ta nói. Cậu ta vẫn khá say mê Hannie, bạn của Bea. “Nhưng tôi không thể tưởng tượng ra cảnh đưa cô ấy về trại cừu.” Cậu ta nói. Keith chưa bao giờ nghi ngờ chuyện cậu ta sẽ trở về Úc, Teddy cảm thấy thoải mái hơn nhiều nhờ sự tin chắc ấy của cậu ta. “Cô ấy là người Do Thái, anh biết đấy.” Keith nói.

“Tôi biết.”

“Người Do Thái đầu tiên mà tôi gặp.” Keith nói, như thể đang sùng sốt lắm. (“Cô gái Do Thái.” Sylvie sẽ nói.) “Hắn là tuyệt lắm nếu được rơi vào lưới tình.” Cậu ta nói thêm, để lộ khía cạnh lãng mạn đáng kinh ngạc. “Làm theo những gì trái tim mách bảo và những chuyện đại loại thế.”

“Cẩn thận đấy.” Teddy nói. “Cậu đang bắt đầu ăn nói giống như nam chính trong một vở kịch rồi đó.” (Hoặc một phụ nữ.) Nhiều tháng sau, chính Teddy đã “rơi vào lưới tình”. Anh đã làm theo tiếng gọi của trái tim mình và nó đã dẫn anh tới một ngõ cụt, nhưng anh không bận tâm lắm.

*

Một mối tình lãng mạn ngoài luồng.

Julia. Cô cao ráo và có mái tóc vàng hoe, trong mắt Teddy, cả hai đặc điểm đó đều không phải là những nét hấp dẫn ở một người phụ nữ.

“Một cô gái tóc vàng hoe *tự nhiên*.” Cô nhấn mạnh.

“Anh nghĩ là anh chưa từng gặp người nào như vậy.” Teddy nói.

“Giờ thì anh gặp rồi đấy.” Cô cười nói. Cô ngửa hẳn đầu ra sau mà cười, một phong thái có thể bị cho là thô lỗ nhưng thực chất lại quyến rũ. Cô không phải kiểu phụ nữ che miệng khi cười, nhưng cô có hàm răng đẹp, trắng bóc và đều tăm tắp như những viên ngọc trai. (“Gien tốt.” Cô nói. “Chăm sóc răng miệng cũng tốt nữa.”) Cô rất hay cười.

Cô từng học cùng trường với Stella. Stella đã bảo Teddy “tìm Julia” khi nào anh đến London. Stella quả là cao thượng. “Đừng phải lòng cô ấy.” Stella cảnh báo (nhưng lời cảnh báo này lại càng kích thích anh). “Cô ấy đã làm tan nát trái tim của những người đàn ông tốt hơn cả anh đấy.” Cho dù Stella không biết người đàn ông nào tốt hơn Teddy.

Teddy không muốn mình chết mà chưa từng trải qua cảm giác si mê một ai, và vì anh nghĩ rằng mình có thể chết vào bất cứ lúc nào nên đã ép buộc vị thần Cupid cho anh được nếm trải hương vị của một mối tình thời chiến. Anh đã sẵn sàng đón nhận nó.

Julia là người của tổ chức ATS, cô làm việc trong một gara ở trung tâm London, chuyên lái những chiếc xe tải quân đội. Người cô lúc nào cũng lấm lem dầu mỡ, còn các kẽ móng tay thì cáu bẩn. Tuy nhiên cô vẫn luôn cuốn hút. Đó là một sức hút tự nhiên, cũng giống như mái tóc vàng hoe của cô vậy. Cô là kiểu người luôn có được chỗ ngồi tốt ở một nhà hàng hoặc một rạp hát, kiểu người được người ta dâng tặng mọi thứ. Ở cô toát lên một vẻ rực rỡ chói mắt, một sức

quyến rũ mê hoặc lòng người. Mê hoặc Teddy. Trong suốt một tuần.

Cô “xoay xở” ít ngày nghỉ phép sau bữa tối đầu tiên của họ. Cũng là đêm đầu tiên họ bên nhau. (“Chẳng việc gì phải chần chừ, cưng ạ.” Cô vừa nói vừa cởi nút áo khoác quân phục của anh.) Cô là kiểu người có thể xoay xở ngày nghỉ phép. “Bố em quen biết tất cả mọi người.” Bố cô là một “cố vấn của chính phủ”, đại loại thế, nhưng lại buông lỏng đứa con vàng con bạc duy nhất của mình. Cô đã hai mươi hai tuổi, cô không còn là một đứa trẻ. Mẹ cô đã mất. “Tiếc quá!”

Julia có “cả núi tiền” - bố cô còn là một huân tước. Teddy từng học chung trường với nhiều cậu con trai của các huân tước nên không bị chùn bước trước gia thế của cô, mặc dù anh không thể không có chút choáng ngợp với tòa dinh thự bề thế gần Regent’s Park, cũng chính là “ngôi nhà ở London” của gia đình cô. Họ còn có một “dinh thự do tổ tiên để lại” ở Northamptonshire và “một ngôi nhà” ở Ireland. “Ồ, và một căn hộ ở Paris mà một gã *Gauleiter*^[173] đáng ghê tởm nào đó đang cư ngụ.” Bố cô đã chuyển đến sống tại một nơi nào đó ở Westminster, và Julia có một căn hộ ở Petty France.

Ngôi nhà ở London bị bỏ trống trong thời gian này. Mọi thứ vẫn được để nguyên chỗ cũ, bị bao phủ trong lớp màn bụi. Những chùm đèn khổng lồ vẫn treo trên trần, được bọc trong lớp vải che, trông giống như những món quà được gói vụng về. Những bức họa có giá trị đều bị phủ vải như thể ngôi nhà đang để tang. Những chiếc chăn mỏng bám đầy

bụi và những tấm ga trải giường cũ - một số không cũ lắm - được phủ lên các món đồ nội thất. Teddy phát hiện ra một cái đi vắng thời Louis XV dưới một tấm ga trải giường bằng vải bông xù, một chiếc tủ com mốt lộng lẫy của Boulle thời Louis XIV dưới một tấm vải mỏng, một cái bàn giấy dường như từng thuộc về Marie-Antoinette dưới tấm phủ giường làm bằng lông vịt biển. Anh tìm thấy một bức tranh của Gainsborough bên dưới một cái khăn lau bát đĩa. Anh lo lắng cho sự an toàn của chúng. “Em không lo lắng cho những thứ này sao?”

“Lo lắng ư?” (Từ đó không nằm trong vốn từ vựng của cô, cô vô tư đến mức vô trách nhiệm, và đó chính là điểm khiến anh bị cuốn hút.)

“Em không sợ sẽ có kẻ ăn cắp chúng hoặc một quả bom sẽ hủy hoại chúng sao?”

Julia chỉ nhún vai, nói: “Nhà em có nhiều thứ này lắm.”

Hễ mỗi lần đi qua bức tranh nhỏ của Rembrandt trên cầu thang là anh lại vén tấm vải phủ nó lên. Sẽ chẳng có ai nhớ đến nó đâu, anh nghĩ. Những con người bất cẩn ấy có xứng đáng được hưởng một báu vật như vậy không? Nếu anh lấy bức tranh Rembrandt này, cuộc đời anh sẽ thay đổi rất nhiều. Trước hết, anh sẽ là một tên trộm. Một giọng nói khác của chính anh lên tiếng.

Ở tiền sảnh có một cặp tranh của Rubens, một bức tranh của Van Dyke và một bức tranh của Bemini, toàn là các báu vật thời Phục hưng Ý. Nhưng chỉ có bức tranh nhỏ bé của Rembrandt là đánh cắp được trái tim anh. Anh có thể khoảng sạch cả ngôi nhà này. Có một cái chìa khóa giấu

bên dưới một cái chậu hoa ở cửa trước. Khi anh khiển trách Julia vì sự bất cẩn, cô cười nói: “Vâng, nhưng đó là một cái chậu hoa rất *nặng*.” (Đúng vậy.)

“Anh có thể lấy nó nếu anh muốn, cưng ạ.” Julia nói khi cô bắt gặp anh nhìn bức tranh của Rembrandt. “Đó chỉ là một bức tranh cũ kĩ u ám.”

“Cảm ơn em, nhưng anh không lấy đâu.” Quả là một tấm gương sáng ngời về đạo đức. Trong cuộc sống sau này, anh ước gì anh đã lấy bức tranh ấy. Sẽ chẳng ai tin đó là một bức tranh thật của Rembrandt, nó sẽ được treo trên một bức tường ở vùng ngoại ô, tồn tại hoàn toàn vì niềm khoái lạc tội lỗi của anh. Đáng lẽ anh phải lấy nó. Ngôi nhà ở London đã bị trúng tên lửa V-2, vì thế bức tranh của Rembrandt đã biến mất mãi mãi.

“Đừng nói với em về nghệ thuật.” Julia nói. “Em e rằng em rất nông cạn.” Theo kinh nghiệm của Teddy, những người tuyên bố mình là người thế này thì thực tế thường sẽ ngược lại. Nhưng trong trường hợp của Julia, đó lại là sự thật. Cô cực kì dốt nghệ thuật.

Họ không tới Petty France. Thay vì thế, họ dành khoảng thời gian lãng mạn của mình ở ngôi nhà tại London hoặc, trong một đêm đáng nhớ mà họ không ngủ tí nào, ở một căn phòng hạng sang tại khách sạn Savoy, nơi cô dường như lúc nào cũng có thể thuê được. Có đến hàng lít sâm banh trong hầm rượu của ngôi nhà ở London. Và cả tuần ấy, họ cứ việc uống rượu, làm tình trên đủ loại đồ cổ vô giá. Teddy chợt nghĩ có thể từ trước đến giờ Julia vẫn sống như thế này.

Cô có một cơ thể hoàn hảo, giống như một vị nữ thần Hy Lạp. Anh có thể hình dung ra cô trong vai trò một nữ thần, lạnh lùng và hờ hững, sẵn lòng xử tội một anh chàng Actaeon^[174] tội nghiệp nào đó, khiến anh ta bị chó săn xé xác đến chết. Nancy không bao giờ có thể sống trong thế giới Olympus tàn bạo ấy, cô giống một tiên nữ ngoại giáo vui tươi hơn.

“Nancy là ai?”

“Vị hôn thê của anh.”

“Ồ, cung à, dễ thương quá!”

Anh khá bức tức bởi phản ứng của cô. Nếu có một chút ghen tuông thì sẽ tăng thêm kích thích cho trải nghiệm này. Đúng thế, đây là một trải nghiệm, trái tim anh không bao giờ thực sự bị chiếm đoạt. Anh đang chơi đùa với sự lãng mạn. Đây là chuyện xảy ra sau cuộc không kích Hamburg, sau chuyến đi nghe nhạc Beethoven, sau khi Keith chết, trước khi anh tham gia cuộc không kích ở Nuremberg, khi anh chẳng bận tâm nhiều đến bất cứ thứ gì, đặc biệt là những cô nàng tóc vàng hoe xinh đẹp nhưng nông cạn. Nhưng anh trân trọng món quà này - những cuộc làm tình phóng khoáng, mãnh liệt (hay như cách nói của Julia là “nhờ nhóp”), nhờ nó mà trong những năm sau này, khi anh trở về với cuộc sống bình thường của một người làm vườn, ít nhất anh cũng đã biết thế nào là quan hệ tình dục một cách phóng túng. Anh không thích từ đó, nhưng đó là từ duy nhất thực sự phù hợp với Julia.

Vào ngày nghỉ phép cuối cùng của anh, khi đến ngôi nhà ở London và dịch chuyển cái chậu hoa nặng nề, anh không

thấy chìa khóa đâu cả, chỉ có một mảnh giấy viết dòng chữ nguệch ngoạc: “Cung à, thật là tuyệt vời, hẹn gặp lại, Jxx”. Anh khá cảm phần khi bị nhốt bên ngoài ngôi nhà, bởi vì anh đã bắt đầu cảm thấy khá thoải mái khi ở đó, như thể nó là nhà của chính anh vậy.

Không lâu sau, Julia được điều chuyển đến một căn cứ quân nhu, và là một trong mười bảy người bị giết chết khi một kho bom không may phát nổ. Lúc đó, Teddy đã bị nhốt trong trại POW và chẳng biết gì về sự kiện này cho đến mấy năm sau, khi anh đọc được tin về cái chết của cha cô trên tờ báo của mình (“Thượng nghị sĩ trong vụ bê bối tình dục đã bị ngã chết”).

Anh hình dung tứ chi trắng trẻo, hoàn hảo của Julia bị gãy lìa và vương vãi khắp nơi như bức tượng cổ bị vỡ. Đó là thông tin cũ đến mức anh thực sự chẳng bận tâm lắm - lúc bấy giờ Nancy vừa mới mắc bệnh. Anh cũng không biết gì về ngôi nhà ở London cho đến khi đọc được tin tức về nó trong cùng bài báo ấy (“Nhiều tác phẩm nghệ thuật vô giá đã bị mất trong chiến tranh”). Anh tiếc thương bức tranh nhỏ bé của Rembrandt hơn cả tiếc thương Julia, người mà anh đã không nghĩ đến trong suốt một thời gian dài.

*

Nhưng đó là chuyện trong tương lai. Bây giờ, anh đang cùng Keith từ Quạ Gáy Xám về Góc Cáo và thấy phòng khách của Góc Cáo chật ních khách khứa. Sylvie đã mời mọi

người đến ăn trưa, đó là những người mà Teddy chưa bao giờ gặp và chẳng mấy hứng thú.

Họ bao gồm vợ chồng một tay ủy viên hội đồng địa phương luôn tỏ vẻ cái gì cũng biết, một luật sư (ông ta tự nhận mình là một “người độc thân hủ lậu”) có vẻ đang theo đuổi Sylvie. Có cả một bà góa phụ đã khá cao tuổi cứ cần nhần luôn miệng, đặc biệt là về việc chiến tranh đã khiến cho cuộc sống của bà ta khó khăn biết chừng nào, và cuối cùng là một “thầy tu”, theo cách gọi của Sylvie. Ông ta không phải một giáo sĩ bình thường mà là một giám mục - một dạng cha tuyên úy cấp cao. Ông ta ăn nói ngọt xớt, đúng như những gì Teddy nghĩ về một vị giám mục.

Họ đang uống những ly sherry thơm ngon - kể cả cánh đàn ông - rồi Sylvie nói với Keith và Teddy: “Mẹ nghĩ các con sẽ thích bia hơn.”

“Cháu sẽ không từ chối một ly đâu, cô T ạ.” Keith đáp bằng thứ tiếng Úc lịch sự nhất.

Sylvie cứ như đã tập hợp lại các nhân vật của một vở hài kịch nhạt nhẽo. Đó là loại xã hội tư sản mà bà thường chẳng mấy khi dính dáng đến, và Teddy không tài nào hiểu nổi tại sao bà lại lựa chọn mở rộng các mối quan hệ của mình với những người đức cao vọng trọng của giáo xứ này. Chỉ đến khi bà bắt đầu chỉ trích những dải ruy băng biểu chương và ba hoa về “các chiến công quả cảm” của anh - mặc dù anh hầu như chẳng kể với bà tí gì về những “chiến công” của mình, dù quả cảm hay không - thì anh bắt đầu ngờ rằng bà đang khoe anh trước những công dân đáng kính ấy. Anh thấy mình hoàn toàn chẳng biết nói gì khi họ thúc giục anh

thuật lại vài “kỳ công gan dạ”, và anh để mặc Keith “chiêu đãi” họ những câu chuyện về các chiến tích của tổ bay anh một cách hài hước, khiến cho chiến tranh nghe giống như một chuỗi những cuộc phiêu lưu liều lĩnh, khá giống một trong những cuộc phiêu lưu của Augustus.

“Nhưng mà...” Người đàn ông độc thân nói, muốn nghe thứ gì man rợ hơn. “... Công việc của các cậu đâu phải là trò vui chơi giải trí. Các cậu chắc chắn đang oanh tạc cho Jerry^[175] tối tăm mặt mũi.”

“Phải, các cậu làm tốt lắm.” Tay ủy viên hội đồng địa phương vênh vang nói. “Một “màn trình diễn” tuyệt vời. Trận Hamburg là một thành công lớn của RAF, đúng không?”

“Đúng thế, các cậu làm tốt lắm, các chàng trai.” Ông giám mục nói, khẽ nâng ly rượu sherry lên vẻ chúc tụng. “Giờ hãy tiêu diệt nốt những kẻ còn lại.”

Tất cả bọn họ ư? Teddy tự hỏi.

*

“Chị nên báo trước cho em biết rằng...” Ursula đã viết thư cho Teddy. “... Con lợn đã bị giết.” Teddy đã thấy con lợn của Sylvie vài lần từ lúc nó còn là con lợn con hồng hào tròn ửng mới được bà đem về nuôi. Anh khá ngưỡng mộ con lợn đó. Nó chẳng có kỳ vọng gì lớn lao, chỉ kêu ụt ịt và sục sạo quanh cái chuồng xây vôi của mình, mừng hóm khi bắt được một mẫu thức ăn đầu thừa đuôi thẹo được vớt về phía nó. Và bây giờ, có lẽ sinh vật tội nghiệp ấy đang được chế

biến thành thịt muối, xúc xích, giảm bông và tất cả các sản phẩm khác mà số phận của nó đã định. Rồi sau đó, có lẽ những sản phẩm ấy sẽ được Sylvie - giờ đã trở thành dân chợ đen - đem đi chào hàng đến cửa từng nhà để đổi lấy tiền.

Họ sẽ ăn đùi lợn quay với rau hái ngoài vườn và nước sốt táo đóng chai được làm từ mùa thu năm ngoái, cùng món Nữ hoàng pudding^[176] với nguyên liệu chủ yếu do những con gà phải làm việc quá sức cung cấp. Teddy không thể ngừng nghĩ đến hồi con lợn ấy còn sống, vẫn có đủ cả bốn cái chân cứng cáp.

“Tất cả mọi thứ đều là “của nhà trồng được”.” Sylvie hãnh diện nói. “Từ thịt lợn trên bàn đến mứt và trứng trong món pudding.” Có lẽ bà đang quảng cáo về hình thái kinh tế hộ gia đình của mình với người đàn ông độc thân kia. Hoặc có lẽ với ông giám mục. Teddy không thể tưởng tượng chuyện mẹ mình tái hôn. Bà đã trở thành một người phụ nữ trung niên khá kiên cường, tự mãn và tận hưởng cuộc sống tự do tự tại.

“Thứ mùi này có thể nâng cao tinh thần của một người đàn ông.” Ông giám mục nói, hếch cái mũi giám mục tinh tế để hít ngửi mùi thịt lợn quay.

“Bà thật tài ba khi có thể tự cung tự cấp như vậy.” Ông luật sư nói với Sylvie rồi nốc cạn ly rượu sherry nhỏ xíu của mình và nhìn quanh, hy vọng tìm thấy cái bình thon cổ đựng rượu.

“Đáng lẽ phụ nữ ở hậu phương phải được nhận huân chương.” Bà vợ của ông ủy viên hội đồng cầu nhàu. “Vì tài

vun vén khéo léo của chúng ta, nếu không vì tất cả những gì chúng ta đã phải chịu đựng.” Câu nói này như gãi đúng chỗ ngứa, khiến bà góa phụ cao tuổi lại cất tiếng càm ràm. (“Chịu đựng! Tôi cũng nghĩ vậy đấy.”)

Teddy thấy mình trở nên bức bối và bứt rứt không yên. “Thứ lỗi cho con một lát.” Anh nói, đặt cốc bia của mình xuống. “Anh vẫn ổn cả chứ, anh bạn?” Keith nói khi anh đi qua cậu ta. “Tôi chỉ đang cần chút không khí trong lành.” Teddy nói.

“Anh ấy ra ngoài hút thuốc ấy mà.” Anh nghe thấy Keith bao biện cho anh.

Teddy huyết sáo gọi con chó khi anh ra ngoài, rồi nhìn thấy nó đang chăm chú ngắm nhìn lũ gà được nhốt an toàn trong cái chuồng bằng dây kẽm gai. Lucky, vốn trung thành và ngoan ngoãn cho đến hơi thở cuối cùng, đi theo Teddy ra đường.

Con chó chui qua cánh cổng dẫn vào cánh đồng bò sữa rồi hoang mang dừng lại khi thấy lũ bò. “Bò sữa đấy.” Teddy nói. “Chúng sẽ không làm gì mày đâu.” Anh nói thêm, nhưng con chó bắt đầu sủa loạn lên. Nó vừa lo lắng vừa phách lối, khiến lũ bò ngày thường vốn dễ tính cũng cảm thấy bức bối, và Teddy gọi con chó về trước khi nó có thể gây ra rắc rối.

*

Anh nghĩ, phi vụ Hamburg đã là một “màn trình diễn tuyệt vời”. Tình trạng thời tiết thật hoàn hảo trên chặng

đường bay qua biển Bắc, và quân Đức đã làm nhiễu nhầm chuỗi xung tín hiệu của hệ thống Gee^[177], do đó các hoa tiêu có thể xác định vị trí của mục tiêu một cách chính xác hơn qua hệ thống định vị vô tuyến. *(Hãy nói về chuyện gì đó thú vị hơn chuyện ném bom.)*

Sau chặng đường dài băng qua biển Bắc đen ngòm, quả là nhẹ nhõm khi tới được bờ biển nước Đức và nhìn thấy những quả pháo sáng đánh dấu đường đi do những chiếc máy bay chỉ điểm thả xuống, chúng trông như những ngọn nến vàng duyên dáng đang chảy và nhỏ giọt xuống mặt đất, đánh dấu “lối vào” của họ, tập hợp và dẫn họ đi về phía con đường rải bom hẹp và thẳng. Trong buổi hướng dẫn, họ đã được dặn dò kĩ càng rằng đội hình máy bay ném bom cần co cụm với nhau thật chặt chẽ, không chỉ để việc ném bom được tập trung, tránh dàn trải, mà còn để Window, thứ “vũ khí” họ đang sử dụng lần đầu tiên, có thể bảo vệ được nhiều chiếc máy bay trong đội hình nhất. Đã có vài mối nghi ngờ về thứ có tên là Window bí ẩn này, và nghe những lời miêu tả về nó trong buổi hướng dẫn, ai nấy đều sẽ nghĩ rằng các nhà nghiên cứu đã tìm ra Chén Thánh, nhưng cuối cùng các tổ bay đều rất hài lòng với nó. Window là “vũ khí bí mật” mới của họ - một phương pháp gây nhiễu xạ bằng nhôm.

Vài chiếc phi cơ đã được trang bị một loại máng trượt đặc biệt, nhưng phần lớn đều giống chiếc *Q-Queenie*, vẫn đang dùng máng trượt thả pháo sáng để thả Window. Đó là một công việc khó chịu và Teddy đã cắt cử Keith đảm nhiệm nó. Keith hậm hực đi xuống phần thân máy bay lạnh giá,

mang theo bình ôxy di động, đèn pin và một cái đồng hồ bấm giờ. Ở đó, cậu ta phải ngồi cạnh cái máng trượt, cứ mỗi sáu mươi giây, cậu ta phải tháo dây chun buộc những gói lá nhôm và đẩy chúng ra khỏi máy bay. Nhưng chúng rất đẹp, những dải lá nhôm dài lấp lánh như bạc rơi xuống đất và làm nhiễu radar của quân Đức, do đó các chiến đấu cơ của chúng không thể xác định được vị trí của những chiếc máy bay ném bom. Họ có thể nhìn thấy những ánh đèn rọi quét qua quét lại vu vơ trên bầu trời, trong khi ánh đèn chính màu xanh dương đứng im bất lực. Những khẩu súng cao xạ của Đức chẳng biết phải nhắm vào cái gì, do đó khi họ đến gần thành phố ấy, chỉ thấy hệ thống hỏa lực phòng không bắn hú họa lên trời, giống như bắn pháo hoa trong đêm Đốt lửa^[178]. Họ đã tới được mục tiêu mà không gặp phải tổn hại thực thụ nào.

Đó quả là một mục tiêu lớn. 2.300 tấn bom và hơn 350.000 quả bom lửa trong một giờ đồng hồ. Một kỷ lục thế giới. Những quả pháo sáng đánh dấu mục tiêu được những chiếc máy bay chỉ điểm thả xuống thành phố, tạo thành một “dòng suối” màu đỏ và vàng kim tuôn xuống mặt đất bên dưới, tiếp đó, đến lượt những quả pháo sáng màu xanh lá cây xinh xắn được thả xuống, do đó, nhìn tổng thể, trông chúng như những bông pháo hoa rực rỡ bung tỏa trên bầu trời đêm. Xen giữa những quả pháo sáng sắc sỡ ấy là ánh chớp lóe chói lòa của những quả bom thường và bom tấn phát nổ, cùng ánh sáng trắng lấp lánh đầy mê hoặc của hàng ngàn hàng vạn quả bom lửa đang trút xuống thành phố.

Mục đích của họ là thả những quả bom có sức công phá mãnh liệt xuống các tòa nhà, thổi bay nóc nhà, để những quả bom lửa có thể rơi vào bên trong, bốc cháy, biến những tòa nhà ấy thành những cột lửa dữ dội. Nhiệm vụ của máy bay ném bom là vậy: đốt cháy bất cứ thứ gì trên mặt đất bên dưới. Trong thành phố khô như rang, hầu như chẳng có tí hơi ẩm nào, đây chính là điều kiện lý tưởng để chỉ cho Hitler (và chính phủ Anh) thấy rằng Binh chủng Máy bay ném bom có thể làm được những gì.

Chiếc *Q-Queenie* bay ở tốp thứ hai, đằng sau những chiếc máy bay chỉ điểm và những chiếc máy bay Lancaster, những chiếc máy bay Lancaster đã đốt cháy mục tiêu giúp họ.

Cảnh tượng hệt như đêm Giáng sinh, ánh sáng từ những quả bom lửa lấp lóa trên bầu trời. Những ngọn lửa đỏ rực lóe lên khắp nơi, mặc dù chẳng mấy chốc chúng bắt đầu bị một màn khói đen đặc che khuất. Giữa màn pháo hoa rực rỡ này, Keith liên tục nói “Trái, phải, sang phải một chút nữa...”, cho đến khi Teddy nghe cậu ta nói “Hết bom rồi”, họ mới quay về căn cứ. Lúc đó, bốn tốp máy bay ném bom nữa vẫn đang trên đường tiến tới mục tiêu.

Đêm hôm sau, họ tới Essen, một cuộc tấn công toàn lực khác, rồi tạm nghỉ hai mươi tư tiếng đồng hồ thiết yếu trong lúc quân Mỹ tiếp quản nhiệm vụ, liên tiếp mở hai cuộc không kích Hamburg vào ban ngày, tiếp thêm bom lửa vào những đám cháy cũ và tạo ra thêm các đám cháy mới bằng những quả bom. Teddy thấy thương cảm cho những chiếc máy bay của Mỹ - vì họ bay theo đội hình chặt chẽ vào

ban ngày nên phải chịu những cú đòn ác liệt nhất từ hàng rào phòng thủ của quân Đức. Vài tuần trước, chiếc *Q-Queenie* đã hạ cánh khẩn cấp ở căn cứ Không lực Mỹ USAAF ở Shipdham và họ đã được chào đón nồng nhiệt. Họ chẳng mấy khi có dịp gặp gỡ các đồng minh, vì vậy thật ấm áp khi thấy mình ở giữa một phi đoàn Mỹ với những tổ bay mà Tommy, anh chàng Geordie của họ, nói là “cũng giống như chúng ta”. Có điều, những người lính Mỹ ấy trẻ trung và bóng bẩy hơn, sự bóng bẩy của họ hiện vẫn chưa bị bào mòn, mặc dù nó sẽ sớm bị như vậy thôi. Và ở đó còn có nhiều thức ăn ngon hơn nữa, để rồi khi chiếc *Q-Queenie* trở về căn cứ của mình, nó nặng trĩu nào sô cô la, thuốc lá, hoa quả đóng hộp và lòng thành của những người bạn Mỹ.

Trong thời gian họ tạm nghỉ, thời tiết rất tốt, các tổ bay đều ngả ngón trên những cái ghế ở bãi cỏ hoặc ngồi chơi bài ở ngoài trời. Có người còn tổ chức thi đấu cricket trên một cánh đồng gần đó, một trận đấu sôi nổi, thú vị, nhưng nhiều người chỉ đơn giản ngủ vùi vì đã bị chiến tranh vắt kiệt sức. Teddy và Keith thông thả đạp xe một chặng đường dài với hai cô gái WAAF, Lucky chạy lon ton bên cạnh họ. Khi nó đã mệt, nó được cho vào cái giỏ đằng trước chiếc xe của một cô gái WAAF và hiên ngang ngồi đó như bức tượng gắn ở mũi một con tàu, đôi tai cụp lại vì bị bạt gió. “Như thể đang ngồi trong buồng lái.” Cô gái WAAF nói. Đó là Edith, một cô gái đen đũi khiến người ta không thể không mỉm lòng. Ba chàng trai gần đây nhất mà cô ta hẹn hò đã không trở về sau các phi vụ, và bây giờ chẳng có ai dám lại gần cô ta. Trong một thoáng giây u ám, Teddy đã nghĩ đến chuyện

ngủ với cô ta chỉ để xem chuyện gì sẽ xảy ra với anh sau đó. Anh nghĩ có lẽ anh vẫn sẽ làm thế. Cô ta mê mẩn anh, nhưng có cô gái WAAF nào không mê mẩn anh cơ chứ.

Họ ăn sandwich kẹp patê cá, uống nước suối và có cảm giác như Đệ tam đế chế Đức quốc xã không tồn tại và nước Anh đã trở lại là một đất nước xanh tươi, tuyệt diệu như xưa.

*

Anh nhìn đồng hồ. Ba giờ. Mọi người ở Góc Cáo hản đã ăn trưa đủ thiếu anh. Dù sao thì anh cũng hy vọng như vậy. Anh đã bỏ mặc Keith nằm trong nanh vuốt góm ghiếc của họ đủ lâu rồi.

Họ băng qua đồng cỏ với đầy đủ những loài cây đặc trưng của mùa hè - lanh, phi yến, mao lương hoa vàng, mỳ nhân thảo, cẩm chương đỏ và cúc mắt bò - và đi men theo rìa một cánh đồng lúa mì rộng lớn của Trang trại Gia đình. Những nhánh lúa mì rung rinh và dập dờn trong làn gió nhẹ. Anh từng thường xuyên làm việc trên những cánh đồng này vào các vụ mùa rồi nghỉ ngơi để ăn trưa với bia và pho mát cùng các nhân công ở nông trại dưới vầng mặt trời nóng bỏng. Khó mà tin nổi cuộc sống từng bình dị đến thế. Giờ đây anh nhớ đến nó như thể nó là một khổ thơ đồng quê tiền chiến lãng mạn, *Hỡi những người thợ gặt có làn da rám nắng đã mệt mỏi vì công việc nặng nhọc của tháng Tám, hãy rời khỏi cánh đồng và đến đây vui thú cùng chúng tôi*, nhưng anh cho rằng đối với những người làm nghề nông, họ

chẳng bao giờ liên tưởng công việc của mình với những bài thơ đồng quê của Shakespeare, và vụ gặt chỉ là một bước ngoặt khác trong một năm cày cấy vất vả triền miên.

Đám mây nhân thảo nằm rải rác giữa các vạt lúa mì vàng ruộm như những đốm máu đỏ, và anh nghĩ về những cánh đồng khác trong cuộc chiến tranh kia, cuộc chiến tranh của cha anh, rồi cảm thấy trong lòng hụt hẫng vô cùng khi nhớ về Hugh. Anh ước gì cha anh đang ở Góc Cáo, chờ anh trở về bên một ly bia trong vườn hoặc một cốc whiskey trong thư phòng của ông.

Con chó đã nhảy vọt vào giữa đám lúa mì và anh không còn nhìn thấy nó nữa, nhưng anh có thể nghe thấy tiếng sữa đầy phấn khích của nó, trong tiếng sữa ấy giờ tuyệt không còn chút căng thẳng, hẳn là nó đã tìm thấy một sinh vật nào đó không đáng sợ bằng con bò - chẳng hạn như một con thỏ hoặc một con chuột đồng. Teddy huýt sáo để con chó có thể xác định phương hướng và tìm được đường ra khỏi cánh đồng.

“Đến giờ về rồi.” Anh nói khi nó cuối cùng cũng trở lại.

*

“Mẹ nghĩ đã mất con rồi chứ.” Sylvie giận dữ nói.

“Chưa đâu mẹ.” Teddy đáp.

“Ổn cả chứ?” Keith hỏi, đưa cho anh một ly bia. Keith đang ngồi trên hàng hiên, trông cứ như đang ở nhà mình vậy. Máy ông to bà lớn kia xem chừng đã về hết rồi.

*

Anh quyết định dành buổi tối cuối cùng trong kỳ nghỉ phép của mình bên chị gái Ursula. Keith đã đi chè chén với vài người bạn đồng hương của cậu ta.

Teddy thả bộ qua các công viên rồi đứng đợi bên ngoài văn phòng của Ursula để làm cô bất ngờ khi cô tan làm.

“Teddy!”

“Chính em đây.”

“Cả Lucky nữa! Thật tuyệt khi được nhìn thấy nó.” Một lần nữa, Teddy cảm thấy mình chỉ xếp thứ hai, sau con chó. Lucky mừng quýnh lên khi gặp lại Ursula. “Đúng lúc quá.” Cô nói. “Hoặc có lẽ em sẽ nghĩ ngược lại. Em có muốn đi xem hòa nhạc cùng chị không? Chị có hai vé mà người bạn định đi cùng chị lại không đi được nữa. Sau đó, chúng ta có thể ăn tối.”

“Tuyệt cú mèo.” Teddy nói, nhưng trong lòng thầm rên rỉ trước ý nghĩ đi xem một buổi hòa nhạc, đó là điều mà có lẽ anh không muốn làm nhất. Không khí biển và hai mươi tư giờ nghỉ ngơi bên Nancy, chưa kể bữa trưa ở Góc Cáo, đã vắt kiệt toàn bộ sức lực còn lại của anh, và anh thà đến một rạp chiếu bóng để ngủ thiếp đi trong bóng tối sức mùi ẩm mốc, hoặc uống đến say mềm cho đến khi quên hết sự đời ở một nơi nào đó thoải mái còn hơn.

“Ồ, tốt quá!” Ursula nói.

Cô quyết định để con chó ở lại trong văn phòng của mình. “Chị cho rằng làm thế là vi phạm quy tắc.” Cô vui vẻ

nói, nhưng sẽ có nhiều người làm việc thuê đêm. “Và nó sẽ được chiều chuộng hết mức.” Lucky là một con chó “thực dụng” và nó lập tức quấn lấy một cô thư ký.

Hôm ấy là một buổi chiều tà đẹp trời. Họ thông thả dạo bộ đến Phòng hòa nhạc Hoàng gia Albert ở gần đó. Trời vẫn còn sớm và họ nghỉ chân ở một băng ghế trong Kensington Gardens, ăn chỗ sandwich còn thừa từ bữa trưa của Ursula mà cô chưa kịp ăn hết bởi vì cô đã phải “chạy ngược chạy xuôi” tới Whitehall. Những tia nắng xế chiều vẫn còn dồi dào, đủ để sưởi ấm họ. “Thực ra công việc của chị chỉ là chuyển giấy tờ đến chỗ này chỗ nọ thôi. Chị nghĩ hầu hết ai cũng vậy. Đương nhiên là ngoại trừ em.”

“Ôn Chúa!” Teddy nói, nhớ đến sự nhàm chán ở ngân hàng. Nếu may mắn sống sót sau chiến tranh, anh sẽ làm gì? Ý nghĩ về tương lai khiến lòng anh ngập tràn sợ hãi.

Chị anh đứng dậy và phúi vụn bánh trên váy. “Chúng ta nên đi thôi, chị không muốn để Beethoven phải đợi.”

*

Họ có được chỗ ngồi tốt, “ai đó” đã cho Ursula vé. Cô đã định dẫn bạn mình là bà Wolf theo nhưng bà ấy lại phải hủy hẹn. “Buồn thật đấy.” Ursula nói. “Bà ấy vừa biết tin người cháu trai ở lục quân đã tử trận tại Bắc Phi. Bà Wolf là một người *tuyệt vời*, một ngôi sao sáng, và bà ấy hết sức tin tưởng rằng âm nhạc có sức mạnh hàn gắn. Nghe nhạc Beethoven giữa chiến tranh, đặc biệt là bản nhạc *này*, sẽ giúp bà ấy khuây khỏa rất nhiều.”

Bản nhạc nào của Beethoven? Teddy tự hỏi. Anh đọc tờ giới thiệu chương trình. Bản giao hưởng số chín. Dàn nhạc giao hưởng BBC với đội hợp xướng Alexandra, Adrian Boult chỉ huy.

“Alle Menschen werden Brüder^[179].” Ursula nói. “Em nghĩ điều đó có thể xảy ra không? Một ngày nào đó? Liệu một ngày nào đó tất cả mọi người có thể trở thành anh em? Người ta - chủ yếu là đàn ông - đã giết chóc lẫn nhau từ thuở hồng hoang. Từ khi Cain^[180] ném tảng đá vào đầu Abel hoặc bất cứ việc gì tương tự.”

“Em không nghĩ *Kinh thánh* miêu tả rành mạch đến thế.” Teddy nói.

“Chúng ta vẫn còn những bản năng từ thuở sống trong các *bộ lạc*.” Ursula nói. “Sâu thẳm bên trong, chúng ta đều là người nguyên thủy, đó là lý do chúng ta phải sáng tạo ra Chúa, để ngài là giọng nói lương tâm của chúng ta, nếu không chúng ta sẽ giết hại lẫn nhau một cách bừa bãi.”

“Em nghĩ đó chính là điều chúng ta *đang* làm.”

Thính phòng nhanh chóng được lấp đầy, người ta loạt soạt bước vào, và hai chị em họ phải nép đầu gối sang một bên vài lần cho mọi người đi qua. Ở bên dưới, những thính giả không có ghế ngồi đang lịch sự tìm vị trí tốt ở khu vực dành cho những người đứng nghe nhạc. “Chỗ này khá tốt đấy.” Teddy nói. “Người cho chị vé chắc thích chị lắm.”

“Ừ, nhưng đây không phải chỗ *tốt nhất*.” Ursula nói, dường như cô thấy câu nói này rất thú vị. “Tuần trước đã có những cuộc không kích rất lớn.” Cô bỗng nhiên nói, sự thay đổi đề tài đột ngột này khiến anh bất ngờ.

“Vâng.”

“Theo em thì Hamburg đã tiêu từng chưa?”

“Rồi. Chưa. Em không biết. Có lẽ. Từ độ cao hơn năm nghìn mét, ta không thể nhìn thấy gì nhiều. Chỉ thấy lửa thôi.” Đội hợp xướng bắt đầu vào vị trí.

“Họ đã bị giã một trận như tử.” Ursula tiếp tục.

“Họ ư?”

“Người dân. Ở Hamburg.” Teddy không nghĩ mục tiêu của anh là con người. Đó là những thị trấn và thành phố. Đó là những nhà máy, ga xe lửa, sân đấu chiến đấu cơ, bến cảng. “Em có bao giờ nghi ngờ không?” Cô khẳng khẳng.

“Nghi ngờ?”

“Em biết đấy, về việc ném bom diện rộng.”

“Ném bom diện rộng?” Anh từng nghe thấy thuật ngữ này nhưng chẳng nghĩ nhiều về nó.

“Những cuộc tấn công bừa bãi. Dân thường được coi là một mục tiêu hợp pháp - những người vô tội. Điều đó không khiến em cảm thấy... khó chịu ư?”

Anh quay sang nhìn chị mình, kinh ngạc bởi sự thẳng thừng của cô. (*Khó chịu ư?*) “Bọn em không *nhắm* vào dân thường! Chị có thể nghĩ ra cuộc chiến nào không có ai bị giết không? Chúng ta phải phá hủy nền công nghiệp và kinh tế của họ nếu muốn giành chiến thắng. Cả nhà cửa của họ nữa, nếu cần. Em đang làm - bọn em đang làm - những gì bọn em được yêu cầu để bảo vệ đất nước của chúng ta, để bảo vệ tự do. Chúng ta đang chiến đấu với một kẻ thù không đội trời chung, và bọn em đang mạo hiểm tính

mạng của mình trong mỗi chuyến bay.” Anh thấy mình như đang hùng biện và trở nên tức giận với chính mình hơn là với Ursula, vì chắc chắn chị gái anh là một trong những người hiểu rõ nhất về khái niệm “bổn phận”.

Giờ hãy tiêu diệt nốt những kẻ còn lại, ông giám mục của Sylvie đã nói như vậy vào ngày hôm qua.

“Vói lại, chị định nghĩa thế nào là “vô tội”?” Anh tiếp tục. “Công nhân làm việc trong các nhà máy chế tạo bom? Hay súng, phi cơ, thép, ổ bi, xe tăng? Gestapo^[181]? Hitler?” Anh bắt đầu ngoa dụ. “Và chị đừng quên chính quân Đức đã khơi mào cuộc chiến này.”

“Chị thì nghĩ chúng ta đã khơi mào nó ở Versailles.” Ursula lặng lẽ nói.

Teddy thở dài, hối hận vì phản ứng cáu kỉnh của mình. Anh tự nghĩ mình đã phản đối quá hăng. “Thi thoảng...” Anh nói. “... Em lại nghĩ giá mà mình có thể đi ngược thời gian và bắn Hitler, hoặc, tốt hơn nữa, giết chết hắn ngay từ lúc hắn mới chào đời.”

“Rồi sau đó, chị cho rằng...” Ursula nói. “... Em có thể sẽ phải đi ngược lại mãi để tháo gỡ lịch sử, đến tận thời của Cain và Abel.”

“Hoặc quả táo.”

“Suýt!” Ai đó giận dữ nói khi nhạc công violin đầu tiên bước lên bục biểu diễn. Họ vỗ tay theo mọi người, nhẹ nhõm khi kết thúc được cuộc tranh luận. Ursula đặt tay lên cánh tay anh và thì thầm: “Chị xin lỗi. Không phải là chị đã mất niềm tin vào cuộc chiến này. Chỉ là chị muốn biết về

cảm nghĩ của em. Muốn biết liệu em có ổn không, em biết đấy.”

“Đương nhiên là em ổn.” Teddy cảm thấy biết ơn khi Boulton xuất hiện trong tiếng vỗ tay nhiệt liệt. Thính phòng trở nên tĩnh mịch.

*

Ursula nên chúc mừng anh thay vì dấy lên những nghi ngờ. Chiến dịch Gomorrah được các tổ bay coi là một thành công rực rỡ. Đó là một bước ngoặt, nó sẽ đẩy cuộc chiến đến gần thời điểm kết thúc hơn, nó sẽ giúp ích cho các đội quân trên bộ, “những cơ thể màu nâu” một ngày nào đó trong tương lai sẽ lại đổ bộ lên đất châu Âu và chiến đấu cho đến khi chiến tranh chấm dứt. “Một màn giới bom ngoạn mục.” Cơ khí viên trong tổ bay của anh là Geoff Smythson đã viết như vậy trong nhật ký hành trình của mình. *Một màn trình diễn tuyệt vời*, ông luật sư đã nói câu đó vào ngày hôm qua khi đang thềm nhỏ dãi con lợn tội nghiệp.

Các tổ bay đã rất vui sướng, Teddy nghĩ, liếc nhìn chị gái, giờ cô đã hoàn toàn chìm đắm trong âm nhạc. Ất hẳn mọi người đều vui sướng, phải không?

Mãi đến sau này, khi chiến tranh kết thúc từ lâu, Teddy mới biết chiến dịch ấy đã là một “con bão lửa”. Hồi chiến tranh, anh không hề nghe thấy từ đó. Khi ấy anh mới biết người ta đã cố ý phái họ đến các khu dân cư. Dân chúng ở đó bị luộc chín trong những con suối và bị nướng chín trong

những căn hầm. Họ bị thiêu sống hoặc bị chết ngạt, bị đốt thành tro hoặc chảy thành mỡ. Họ bị mắc kẹt như những con ruồi dính bẫy khi cố băng qua những con đường nhựa nóng chảy chỗ họ sống. Một màn giội bom ngoạn mục. (“Ăn miếng trả miếng. Lấy mắt đền mắt.” Mac nói ở bữa tiệc hội ngộ của phi đoàn. Cho đến khi tất cả mọi người đều mù hết ư? Teddy tự hỏi.) Gomorrah^[182]. Armageddon. Họ giống như vị Chúa trong kinh *Cựu ước* đang nổi giận và trừng phạt con dân. Một khi họ bắt đầu, sẽ chẳng còn đường lui. Hamburg không phải một điểm ngoặt, nó chỉ là một trạm dừng. Cuối cùng, nó dẫn đến Tokyo, đến Hiroshima, rồi sau đó, cuộc tranh cãi về sự vô tội trở nên thừa thãi khi ta có thể bắt một cái công tắc ở châu lục này để tiêu diệt hàng nghìn người trên một châu lục khác. Ít nhất thì Cain cũng phải nhìn vào mặt Abel khi ông ta giết em mình.

RAF đã trở lại để ném bom lần thứ hai vào đêm thứ Ba và thấy thành phố ấy vẫn cháy ngùn ngụt - chẳng khác nào một hỏa ngục mênh mông, như thể có một tấm thảm đỏ nóng rực trùm lên vạn vật, phủ kín mọi thứ bên dưới.

Có cảm giác như đang bay qua một ngọn núi lửa khổng lồ chứa đựng trái tim lửa của địa ngục, nơi chốc chốc lại bùng lên những vụ nổ dữ dội. Thành phố bị hủy diệt. Sự tàn khốc và vẻ đẹp khủng khiếp của nó gần như khơi lại thi hứng của Teddy. Một cuộc tàn diệt thời Trung cổ, anh nghĩ.

“Hoa tiêu, tới đây xem này.” Anh nói, thuyết phục Sandy Worthington bước ra khỏi bức rèm của mình. “Cậu sẽ chẳng bao giờ thấy thứ gì như thế này lần nữa đâu.”

Keith không cần phải dẫn đường cho họ, họ có thể nhìn thấy đám cháy từ cách xa hàng dặm. Rồi khi họ bay qua chảo lửa ngùn ngụt đó, cậu ta nói: “Hãy xúc thêm một xẻng than vào đồng lửa nhé, phi cơ trưởng?”

Một cột khói dày đen kịt bốc cao lên tận máy bay, và họ có thể cảm nhận được hơi nóng khủng khiếp đang dâng lên từ bên dưới. Họ có thể ngửi thấy mùi khói và thứ gì đó còn khó chịu hơn qua những chiếc mặt nạ ôxy. Khi họ trở về phi đoàn, họ phát hiện ra lớp kính perspex^[183] của chiếc *Q-Queenie* đã bị bao phủ dưới một lớp muội khói mỏng.

Khói và muội khói đã dâng lên cao hàng nghìn mét trên không trung để bủa vây họ. Ngoài ra còn có một thứ khác nữa mà Teddy sẽ không bao giờ quên và cũng chẳng bao giờ có thể nhắc đến được - mùi thịt cháy bốc lên từ giàn thiêu.

Khi đó, trong thâm tâm, anh biết rằng một ngày nào đó anh sẽ phải trả giá.

*

Thi thoảng một chiếc chiến đấu cơ của Đức sẽ thâm nhập vào đội hình máy bay ném bom khi họ bay qua biển Bắc để trở về - một thủ đoạn cực kì đê tiện. Nó có thể bắn hạ một chiếc máy bay đang trên đường về nhà hoặc thậm chí đang chuẩn bị hạ cánh, khi sự an toàn đang ở ngay trước mắt họ. Sau trận Hamburg vài tuần, sau những chuyến lượn lách né tránh hàng tháng trời, cuối cùng chiếc

Q-Queenie cũng bị tóm gọn trên đường trở về từ một cuộc không kích ở Berlin.

Chặng đường dài trở về từ Thành phố Lớn khá vất vả khiến cả tổ bay đều buồn ngủ và lạnh cóng. Họ đã ăn sô cô la, uống cà phê, uống những viên thuốc giúp tỉnh táo, và thở phào nhẹ nhõm khi cuối cùng cũng nhìn thấy ngọn đèn đỏ trên chóp nhà thờ của ngôi làng gần phi trường nhất. Teddy đoán chừng ngọn đèn đó được thắp lên để ngăn họ đâm vào nóc nhà thờ, nhưng họ luôn coi nó là ngọn hải đăng dẫn lối cho họ về nhà. Những ngọn đèn hai bên đường bùng sáng lên, và họ nghe thấy giọng nói vui vẻ của một cô gái WAAF trên đài kiểm soát không lưu cho phép họ hạ cánh, nhưng cô vừa mới dứt lời thì những ngọn đèn hai bên đường bỗng tắt phụt, cả phi trường chìm trong cảnh tối tăm, và trên radio vang lên thông báo có kẻ xâm nhập.

Teddy tắt đèn của chiếc *Q-Queenie* và kéo cần điều khiển để chiếc phi cơ lại bay vọt lên. Tới nơi nào đó, bất cứ đâu ngoài nơi này, bởi vì anh có thể nhìn thấy những chùm đạn lửa vút qua trước mặt họ, rồi các xạ thủ hét lên rằng có kẻ địch, nhưng dường như cả hai người họ đều không biết kẻ địch đó đang ở đâu, vậy nên những khẩu súng của họ đang nhả đạn bừa bãi khắp bầu trời. Họ đang ở quá thấp nên không thể lộn vòng theo đường xoắn ốc, tốc độ cũng quá chậm, không đủ để làm bất cứ điều gì, và anh nghĩ có lẽ điều tốt nhất anh có thể làm là hạ cánh bừa xuống bất cứ thứ gì bên dưới họ.

Trước khi anh kịp làm gì, chiếc chiến đấu cơ đã nã hỏa pháo liên tục vào chiếc *Q-Queenie*. Càng má của nó hẳn đã trúng đạn bởi vì họ phải hạ cánh bằng một bánh xe và chiếc máy bay nghiêng về một bên, một cánh hướng lên cao, một cánh chúc xuống đất, và họ trượt ra khỏi đường băng, lao rầm rầm qua một cánh đồng trước khi đâm sầm vào một cái cây mà tất cả bọn họ đều thề là chưa bao giờ thấy ở đó, nhưng nó vẫn sừng sững đủ để khiến họ lộn nhào như một con côn trùng khổng lồ, và cả thế giới bên trong chiếc *Q-Queenie* đều bị lộn ngược.

*

Đằng sau Teddy vang lên rất nhiều tiếng rên rỉ, nhưng đó là tiếng rên rỉ của những người bị hất văng đi, thâm tím và bầm dập, chứ không phải của những kẻ bị thương chí mạng. Anh có thể nghe thấy những lời chửi rủa giận dữ bằng tiếng Na Uy. Chỉ có Keith là im lặng, và Sandy Worthington cùng anh chàng xạ thủ người Geordie ở tháp pháo giữa đá tung cánh cửa thoát hiểm vốn ở dưới - nhưng bây giờ lại ở bên trên - và kéo cậu ta qua đó.

Khi họ ra khỏi chiếc máy bay chống ngược, những ngọn đèn hai bên đường băng lại sáng lên. Teddy ngạc nhiên khi thấy họ vẫn đang ở trong phạm vi của phi trường, xe cứu thương cùng xe cứu hỏa đang lao như bay về phía họ. Ngoại trừ việc họ bị lộn ngược - hoặc có lẽ bởi vì điều này - đây quả là một cú hạ cánh ngoạn mục. Vì “hành động quả cảm” này, trên chiếc áo đồng phục của Teddy lại có thêm một dải

ruy băng biểu chương nữa - đi kèm tấm huân chương DFC^[184] của anh.

Keith đã bị mất nhiều máu, cậu ta bị trúng đạn từ trước khi họ đâm vào thân cây. Cậu ta im lìm như đã chết, mặc dù đôi mắt mở hé hé và ngón tay út đang rung rung. Không có lời trăng trối nào cả. *Thôi, chúc anh may mắn.*

Họ đặt cậu ta trên mặt đất và Teddy kéo cậu ta lên đùi mình, lóng ngóng ôm cậu ta trong tay như hình ảnh Đức mẹ Sầu bi tàn khốc. Vận may của Keith không còn ngược đời. Và nó đã cạn kiệt. Teddy biết cậu ta sẽ chẳng cầm cự nổi quá vài giây nữa. Anh nhìn khoảnh khắc ấy đến khi ngón tay cậu ta ngừng rung rung và đôi mắt mở hé mất đi ánh sáng, và anh tiếc rằng mình không thể nghĩ ra bất cứ điều gì nói với Keith để có thể giúp cậu ta cảm thấy khá hơn khi phải rời bỏ cõi đời này. Nhưng quả thực có nói gì cũng vậy cả thôi, đúng không?

Khi Teddy trở về doanh trại, anh cởi bộ đồng phục lấm lem máu và dốc hết các đồ vật trong các túi ra. Thuốc lá, con thỏ rừng bằng bạc và, cuối cùng, bức ảnh chụp anh, Nancy và con chó trong chuyến đi dạo bên bờ biển. Trên đầu tấm ảnh có một vết bẩn vẫn còn ướt. Là máu của Keith. Nó có vẻ quý giá, như một thánh tích. Sau này, khi cháu gái của Teddy hỏi dấu vết đó là gì, Teddy đã trả lời là “Trà”, không phải vì sợ cô sẽ không còn hứng thú nữa, mà vì đó là chuyện riêng tư của Teddy.

Anh chỉ bộc lộ những cảm xúc của mình với con chó, vùi mặt vào lớp lông ở cổ nó để kìm nén sự xúc động. Nó chịu đựng một lúc rồi vùng vẫy thoát ra khỏi vòng tay anh.

“Tao xin lỗi.” Teddy nói, tự trấn tĩnh lại.

*

Nhưng đó là chuyện của vài tuần sau, là chuyện trong tương lai. Còn *bây giờ*, hiện tại, trong Phòng hòa nhạc Hoàng gia Albert, Beethoven đang “tiến hành trọng trách bí mật của mình”^[185] đối với Teddy.

Teddy quyết định chỉ *cảm thụ* âm nhạc và ngừng tìm kiếm những lời lẽ để miêu tả nó, cho đến khi phần bốn của bản giao hưởng bắt đầu và Roy Henderson, giọng nam trung, cất tiếng hát (*O Freunde!*^[186]), tóc gáy anh liền dựng đứng hết cả. Bên cạnh anh, Ursula gần như run lên vì xúc động, giống như một chiếc lò xo cuộn xoắn, một con chim sẵn sàng bật lên khỏi mặt đất vào bất cứ lúc nào. Khi phần cuối cùng của bản giao hưởng sắp kết thúc, khi sức mê hoặc tuyệt diệu của nó khiến người ta gần như không thể chịu đựng nổi, Teddy có cảm giác kỳ cục rằng anh có thể sẽ phải thực sự bám lấy chị gái để ngăn cô bay vào không trung.

*

Họ rời khỏi Phòng hòa nhạc Albert và bước vào buổi tối êm dịu. Họ im lặng một lúc lâu khi hoàng hôn bủa vây quanh mình.

“Thiên nhiên quá!” Ursula nói, cuối cùng cũng phá vỡ sự im lặng. “Trên đời này vẫn có thứ thần thánh như vậy

đấy - không phải Chúa, chúng ta không còn tin vào Chúa, mà là một *thứ gì đó*. Có phải là tình yêu không nhỉ? Không phải là thứ tình yêu trai gái ngớ ngẩn, mà là thứ gì đó sâu sắc hơn...?”

“Em nghĩ có lẽ đó là một thứ không có tên.” Teddy nói. “Chúng ta muốn đặt tên cho mọi thứ. Có lẽ đó là sai lầm của chúng ta.”

“Và Adam gọi mỗi sinh vật là gì thì nó sẽ là tên của sinh vật đó^[187]. Việc có được cái quyền thống trị mọi thứ quả là một lời nguyên khủng khiếp.”

Trong tương lai - bởi vì hóa ra Teddy vẫn có một tương lai - Teddy quyết định rằng anh sẽ cố gắng luôn sống tử tế. Đó là điều tốt nhất mà anh có thể làm. Đó là tất cả những gì anh có thể làm. Và suy cho cùng, thứ mà họ cho là siêu nhiên kia có thể đúng là tình yêu.

1960

Những hành động tử tế và yêu thương không được ai nhớ đến

Nó khởi phát bằng một cơn đau đầu khủng khiếp vào giữa buổi dạy. Chuyện này xảy ra trước khi họ chuyển tới York và Nancy vẫn đang dạy học tại ngôi trường cấp hai hạng xoàng ở Leeds. Một ngày thứ Hai ảm đạm trong tiết đông rét buốt với những cơn gió lạnh căm căm và chút ánh sáng mặt trời ít ỏi quý giá. “Do thời tiết ấy mà.” Nancy nói khi Teddy nhận xét rằng trông cô hơi “xanh xao” lúc họ đang ăn sáng.

Vào giờ ăn trưa, cô tới phòng y tế và y tá trường học đã cho cô vài viên aspirin, nhưng chúng chẳng có tác dụng gì. Cô phải bỏ tiết đầu tiên của buổi chiều để nghỉ ngơi trong phòng y tế. “Có vẻ là chúng đau nửa đầu.” Cô y tá trường học nói chắc nịch. “Chị hãy nằm nghỉ ngơi trong bóng tối.” Thế là cô bèn nghe lời cô ta, nằm yên trên chiếc giường xếp nhỏ bé cứng ngắc của phòng y tế, đắp cái chăn màu đỏ lấm nhậm, thường thì chỉ có những cô nữ sinh bị đau bụng khi đến kỳ là vào nằm ở đây. Khoảng nửa tiếng sau, cô cố gắng ngồi dậy, nôn ra khắp chiếc chăn màu đỏ. “Ôi Chúa ơi, tôi hết sức xin lỗi.” Cô nói với cô y tá.

“Nhất định là chúng đau nửa đầu rồi.” Cô y tá nói. Cô ta giống như một bà mẹ vậy. Và sau khi lau dọn xong, cô ta vỗ vỗ vào tay Nancy rồi nói: “Chị sẽ sớm khỏe thôi.”

Sau khi nôn xong, cô quả thực cảm thấy khá hơn một chút và có thể lái xe về Ayswick - một cách khá thận trọng - trước khi tan trường, mặc dù đầu cô vẫn ong ong như thể có một đàn ong đang bay về về trong đó.

Khi Nancy về đến nhà, Viola đang ở cùng bà Ellen Crowther. Bà Crowther là một phụ nữ sống ở gần đây, được họ thuê để đi đón Viola từ ngôi trường tiểu học trong làng và ở cùng con bé cho đến khi cô hoặc Teddy đi làm về. Con cái của bà Crowther đã lớn cả và đi làm xa nhưng bà vẫn còn một ông chồng - một thợ làm công cho các nông trại - và một ông bố chồng già lụ khụ (“ông cụ”), cả hai người họ đều có vẻ khó chiều hơn bất cứ đứa trẻ nào, kể cả Viola. Bà là một phụ nữ có vẻ ngoài không khác gì phù thủy, với mái tóc đen mỏng dính được búi lên sau gáy, và khuôn mặt méo xệch vì một chứng tê liệt nào đó từ thuở ấu thơ. Bất chấp những đặc điểm ấy, bà có vẻ khá nhạt nhẽo, có lẽ tính cách của bà đã bị bào mòn bởi những năm tháng phục vụ và phục tùng chồng cùng bố chồng. “Con có *thích* bà Crowther không?” Nancy từng hỏi Viola, và Viola đã nhìn cô với ánh mắt ngờ ngác rồi nói: “Bà nào cơ ạ?”

Thường thì lúc Nancy về đến nhà, bà Crowther đã sẵn sàng ra về, bà đã quấn khăn trùm đầu và mặc chiếc áo khoác bằng vải gabardine màu nâu có đai lưng, rồi lao ra khỏi cửa như một con chó săn thỏ nhảy ra khỏi một cái bẫy trước cả khi Nancy kịp nói “Chào bà”. Chồng bà (và có lẽ cả

ông cụ nữa) dường như là một người rất khắt khe về giờ giấc, đặc biệt là giờ uống trà. “Tôi sẽ bị mắng nếu về muộn.” Bà Crowther thường giải thích như vậy khi bà lao đi.

Nancy về nhà sớm hơn thường lệ, những con ong vẫn đang cần mẫn vo ve trong đầu cô, hẳn là cô đã bước vào nhà rất khẽ khàng, bởi vì cả Viola lẫn bà Crowther đều không nhận ra là cô đã về. Ngay cả con chó Bobby cũng chẳng nhảy ra đón cô. Viola đang ngồi đọc cuốn *Bunty* ở cái bàn rộng thênh thang của ngôi nhà trại, một tay cầm chiếc bánh sandwich kẹp giăm bông, tay kia quăn một lọn tóc - một thói quen khó ưa mà họ chưa thể bắt cô bé bỏ được. Bà Crowther đang viết gì đó trên mặt sau của một chiếc phong bì, có vẻ là danh sách những món đồ cần mua, bằng cây bút chì thợ mộc múp míp, tay kia cầm một tách trà. Nancy cảm thấy xúc động lạ kỳ bởi cảnh sinh hoạt gia đình này. Có lẽ là vì sự bình dị an yên của nó - chiếc giỏ ủ ấm trà bằng len, hành động khuấy đường trong tách trà mà không rời mắt khỏi danh sách những món đồ cần mua của bà Crowther. Cái nhú mào tập trung trên mặt Viola khi cô bé vừa mài miết ăn bánh, vừa chìm đắm trong cuộc phiêu lưu tuần này của “Bốn cô nàng Mary”.

Trong một thoáng, khi Nancy đứng ở ngưỡng cửa mà không ai nhìn thấy, cô chợt có cảm giác tách biệt kỳ lạ. Cô giống như một người vô hình, một người quan sát, đang nhìn vào cái cuộc sống mà cô phần nào bị ngăn cách. Cô đột nhiên cảm thấy cơ thể mình nhẹ bồng, cứ như cô có thể trôi đi bất cứ lúc nào và không thể trở lại nơi cô thuộc về.

Cô bắt đầu hoảng loạn, nhưng vào đúng lúc đó, Viola ngẩng lên khỏi cuốn tạp chí truyện tranh và nhìn thấy cô. “Mẹ!” Cô bé reo lên, khuôn mặt ngời sáng. Nancy bừng tỉnh và băng qua ngưỡng cửa để bước vào gian bếp - chốn an toàn, chiếc bếp Aga cũ tỏa ra hơi ấm chào đón cô, khiến cô cảm thấy dễ chịu.

Bà Crowther nói: “Chúa ơi, cháu đừng đó làm cô sợ phát khiếp. Trong phút chốc, cô cứ tưởng cháu là ma. Mặt cháu trắng bệch như ma vậy.” Bà nói thêm (như thể bà quen thuộc với các linh hồn). “Cháu ổn cả chứ? Đây - ngồi xuống đây nào. Để cô rót cho cháu tách trà.”

“Cháu bị đau đầu lúc đang dạy học.” Nancy nói, ngồi xuống một cái ghế bên bàn ăn. Những con ong vẫn vo ve không ngừng nghỉ trong đầu cô, sau mắt cô. Bà Crowther rót trà, và trước khi Nancy kịp ngăn lại, bà đã múc ba thìa đường vào tách trà rồi khuấy lên.

“Một tách trà ngọt nóng hổi.” Bà Crowther nói. “Chính là thứ mà cháu cần.” Thật là kỳ lạ khi được chăm sóc bởi một người mà bình thường chỉ là một cái bóng nhòe mờ mặc áo garbadine ở tiền sảnh. (Hóa ra, bà Crowther có cả một kho những câu chuyện xã giao.) “Cảm ơn cô.” Nancy nói, vô cùng biết ơn vì tách trà, mặc dù nó bị bỏ quá nhiều đường.

“Mẹ về sớm thế!” Viola nói. Cô bé nghi ngờ bất cứ sự thay đổi thói quen nào và căm ghét tính tự phát. Phải chăng vì cô bé là con một? Hay chỉ đơn giản vì cô bé là một đứa trẻ?

“Ừ, con yêu, hôm nay mẹ về sớm.” Sau khi đã uống cạn tách trà và ăn một cái bánh quy Rich Tea để làm yên dạ dày,

theo lời khuyên của bà Crowther (“Rất hiệu quả, đúng không?”), cô liền nói với bà: “Cháu biết đây quả là một sự đòi hỏi quá đáng, nhưng cô có phiền không nếu cháu nhờ cô nán lại cho đến khi chồng cháu về? Cháu nghĩ cháu cần đi nằm nghỉ một lát.”

*

Hắn là cô đã ngủ rất say. Khi cô tỉnh dậy, trời đã tối, nhưng cửa phòng ngủ đang mở và đèn hành lang đang bật. Những con ong đã thôi vo ve, chúng đã đi tìm một nữ chúa mới. Chiếc đồng hồ bên giường điểm chín giờ. Đầu cô vẫn còn nặng trĩu nhưng cô cảm thấy khá hơn rất nhiều.

“Chào em!” Teddy nói khi cô xuống dưới nhà. “Cô Crowther nói với anh là em bị đau đầu. Vì thế anh để yên cho em ngủ.” (Nancy tự hỏi liệu bà Crowther có bị chồng bà và ông cụ “măng mủ” không.) “Anh đã trả thêm cho cô ấy ít tiền. Sáng nay anh đã nói trông em xanh xao lắm mà - đó hẳn là lý do. Anh rán một miếng sườn cho em ăn tối nhé?”

*

Cô không bị đau nửa đầu nữa, chỉ có những cơn đau đầu bình thường thôi, tuy tần suất chúng xuất hiện nhiều hơn nhưng chẳng có lần nào trầm trọng như cái ngày cô phải vào phòng y tế đó. “Tôi đoán công việc của cô khá vất vả.” Bác sĩ nhãn khoa nói khi cô tới phòng khám của ông ta để

tìm hiểu xem tại sao thị thoảng mắt trái của cô lại nhìn thấy một dải sáng, một vệt màu vàng lung linh thực sự khá đẹp. “Chúng đau nửa đầu ảnh hưởng đến thị giác.” Ông ta nói, nhòm vào mắt cô. Ông ta ghé sát đến nỗi cô có thể ngửi thấy mùi bạc hà mà ông ta đã dùng để khử lắp mùi hành trong bữa trưa của ông ta (nhưng không thành công lắm). “Cô không nhất thiết bị đau đầu khi mắc chứng này, cung ạ.” Ông ta đã khá già, đáng tuổi cha chú của cô, và đã hành nghề nhiều năm trong cái thị trấn nhỏ này. Ông ta khẳng định chẳng có gì về mắt mà ông ta lại không biết cả.

“Thị thoảng, khi tôi viết trên bảng đen quá nhiều...” Nancy nói. “... Mắt tôi lại bị mờ đi, như tấm kính bị bôi sáp Vaseline vậy, và tôi không thể đọc hay viết được gì cho ra hồn.”

“Nhất định là chúng đau nửa đầu ảnh hưởng đến thị giác.” Ông ta nói.

“Gần đây tôi từng bị đau nửa đầu một lần.” Cô nói. “Và vài cơn đau đầu bình thường, tần suất nhiều hơn hẳn mọi khi.”

“Thế thì đúng rồi.” Ông ta nói.

“Ngày trước mẹ tôi cũng hay bị đau đầu.” Cô nói, nhớ đến cảnh mẹ cô lê bước lên cầu thang để về căn phòng ngủ tối om của bà, bà nở nụ cười buồn bã, cam chịu khi nói với họ: “Mẹ e rằng một trong những cái đầu^[188] của mẹ lại dở chứng rồi.” Câu nói đó thường khiến họ cười ngặt nghẽo (họ không cười lúc bà đang đau, họ không phải là những đứa con gái độc ác.) Họ trêu mếu gọi bà là “Rắn chín đầu”.

“Nhưng là một con rắn chín đầu tốt bụng.” Millie nói. “Một bà mẹ rắn chín đầu xinh đẹp, đáng mến.”

Sau này, Nancy tự hỏi phải chăng cô đã cảm nhận được gì đó, một loại linh cảm thúc đẩy cô lựa chọn buổi tối hôm ấy để đề nghị cả ba người họ “nhỏ rể” khỏi đây và chuyển vào trong thị trấn, nơi họ sẽ có cuộc sống dễ chịu và thuận tiện hơn. Tuy nhiên, khi cô rời khỏi phòng khám nhãn khoa với chỉ định của bác sĩ là phải mua một chiếc kính, (“Chỉ là cô đã đến tuổi phải đeo kính thôi, cưng ạ, không phải lo lắng gì cả đâu”), ý nghĩ lớn nhất trong đầu cô là cô sẽ tự đãi mình một ấm trà và chiếc bánh nướng ăn kèm tại tiệm cà phê ở gần đó trước khi lặn lội về nhà. Hôm ấy trời rất nóng mà Teddy lại lấy ô tô đi rồi. Anh tới một triển lãm nông sản và mang cả Viola theo dù con bé khá miễn cưỡng. Cô mệt mỏi khủng khiếp nhưng cô nghĩ tách trà sẽ giúp cô phần chấn hơn.

Đúng là trà đã có tác dụng, và khi cô đang giở đồng tiền lẻ để boia cho bồi bàn thì chợt nảy ra ý nghĩ rằng sự kiện duy nhất xảy ra với cô - với cô và Teddy (và thậm chí cả Viola, mặc dù chậm chạp hơn) - là họ đang già đi. Ngoại trừ điều đó ra, cuộc sống của họ vẫn y như vậy. Họ đang giậm chân tại chỗ, ì ạch bước theo lối mòn. Tại sao họ không làm gì đó khác biệt, thay đổi bản thân một chút chứ?

*

“Ì ạch?” Teddy nói, trên mặt thoáng hiện vẻ khó chịu. Họ đang ở trên giường - uống ca cao và đọc sách mượn ở thư

viện, và những việc đại loại thế - Nancy cho rằng đây là một định nghĩa tuyệt vời cho từ “ì ạch”. Cô nhớ Sylvie từng nói: “Hôn nhân mài mòn người ta.”

“Em không có ý xúc phạm.” Cô nói, nhưng Teddy có vẻ không tin.

*

Một ngày cuối tuần, sau khi họ chuyển tới York không lâu, Nancy đang lấy món thịt nướng ngày Chủ nhật ra khỏi lò thì cánh tay trái của cô đột nhiên bại đi, khiến khay thịt nướng rơi thẳng xuống sàn. Chắc là Teddy đã nghe thấy tiếng loảng xoảng, bởi vì anh chạy vội vào bếp và nói: “Em ổn cả chứ?”

“Vâng, vâng, em vẫn ổn.” Cô nói, hoảng hốt nhìn thịt cừu và khoai tây lăn lóc vương vãi trên sàn, chưa kể mỡ nóng văng tung tóe. “Em không bị bỏng chứ?” Teddy lo lắng hỏi. Cô trấn an anh rằng cô không bị bỏng. “Em đúng là kẻ vụng về nhỉ!”

“Để anh đi lấy giẻ lau.”

“Em cho rằng em đã quen với cái bếp Aga ở ngôi nhà cũ, và em chỉ... em cũng không biết nữa... nhầm lẫn gì đó. Ôi, món thịt cừu tội nghiệp!” Cô buồn bã nói thêm, như thể miếng đùi cừu ấy là một người bạn thân thiết. “Anh nghĩ chúng ta còn ăn được nó không? Cứ thế nhặt nó lên và giả vờ như chưa từng có chuyện gì xảy ra?” Miếng đùi cừu dường như đã bị bám một lớp bụi đất từ cái sàn bếp mà Nancy ngỡ là sạch sẽ. Cô thối chí vì đã để

nhà cửa nhếch nhác. “Chúng ta rửa nó bằng nước nóng được không nhỉ? Nếu đang là chiến tranh thì chúng ta sẽ không bỏ nó đi một cách lãng phí như vậy. Chúng ta vẫn còn cà rốt đấy.” Cô nói thêm với vẻ mong đợi. “Và nước xốt bạc hà.”

Teddy cười nói: “Anh nghĩ anh nên đun nóng một hộp đậu và tráng ít trứng. Anh không thể nhìn Viola ăn cà rốt trong bữa trưa Chủ nhật được.”

Còn có những triệu chứng nho nhỏ khác: cánh tay trái yếu ớt ấy trở nên tê bì và ngứa ran, thêm nhiều cơn đau đầu bình thường, và một cơn đau nửa đầu khủng khiếp khởi phát từ tối thứ Sáu đến tận sáng thứ Hai mới dứt. Điều đó thúc đẩy cô tới phòng khám đa khoa, hy vọng được kê một đơn thuốc giảm đau mạnh. Sau vài phương pháp kiểm tra khá kỳ quặc - cô phải đi bộ theo một đường thẳng, xoay đầu về các hướng khác nhau, như để kiểm tra xem cô có bị say xỉn không - bác sĩ nói anh ta muốn chuyển cô lên bệnh viện tuyến trên. Anh ta còn trẻ nên không muốn mắc sai lầm. “Chị không phải lo lắng đâu.” Anh ta nói. “Có thể đây đúng là chứng đau nửa đầu.” Có vẻ cũng không cần phải vội, và đến lúc tám giờ hẹn đến khám ở bác sĩ chuyên khoa xuất hiện ở hòm thư nhà mình, Nancy nghĩ hẳn là bệnh viện đã quên khuấy cô. Cô không kể với Teddy về chuyện này. Chẳng ích gì khi làm anh lo lắng. (Anh là kẻ hay lo nghĩ, còn Nancy thì không.) Cô cho rằng kết quả sẽ không rõ ràng và cô sẽ giống như mẹ cô, phải sống chung với những cơn đau đầu kinh niên. Cô nghĩ cô sẽ không thể kiên nhẫn chịu đựng được như mẹ cô.

*

Đến ngày Nancy phải tới bệnh viện khám theo giấy hẹn, thời tiết đúng chuẩn mùa xuân. Khi rời khỏi trường vào giờ giải lao (“Tôi sẽ về vào giờ ăn trưa”), cô quyết định đi bộ tới bệnh viện. Như thế cô có thể đi một đoạn trên Bar Walls - dãy tường bao của thành phố - và thưởng ngoạn những bông thủy tiên hoa vàng vừa nở, đang “phô trương sắc vàng rực rỡ” - cô nhớ đã đọc được cụm từ này trong một bài báo cũ của Agrestis. Vài năm trước, Teddy từng “mê mẩn” những bông thủy tiên hoa vàng dại mà anh tình cờ gặp trong một chuyến đi dạo trong rừng.

Cho đến nay Teddy vẫn duy trì chuyên mục *Tản mạn về thiên nhiên*. Anh tự tranh cãi (với chính mình) rằng đó chỉ là một bài báo ngắn đăng mỗi tháng một lần, và anh có thể dễ dàng lái xe về vùng đồng quê - cả nhà họ có thể cùng đi với nhau, mang theo đồ ăn dã ngoại và một chiếc ống nhòm. “Anh biết tình cảnh bây giờ sẽ không thuận lợi cho công việc này như lúc sống ở *giữa* nơi đó - “giữa nơi đồng không mông quạnh”.” Anh nhấn mạnh. “Nhưng anh buộc phải tiếp tục. Cho đến khi tờ *Recorder* tìm được ai đó thay thế anh.” Một năm sau, họ cũng tìm được người thay thế - đó là một người phụ nữ, mặc dù cây bút Agrestis mới này không bao giờ thú nhận về sự thay đổi giới tính ấy. Nhưng lúc bấy giờ chuyện này không còn quan trọng với Teddy nữa, nếu có thì cũng rất ít, và anh bỏ Agrestis lại đằng sau mà không một lần nhìn lại.

Những bông thủy tiên hoa vàng mọc trên các triền cỏ dốc bên dưới Bar Walls thực sự đáng yêu. Không hiểu sao trong mảnh vườn ở ngôi nhà mới của họ chẳng có bông thủy tiên hoa vàng nào (những tưởng ai cũng trồng thủy tiên hoa vàng chứ nhỉ?), và Nancy quyết định rằng cô phải bàn với Teddy về việc trồng chúng. Thật là nhiều (cả một đám^[189]) trong một luống hoa lớn kiểu Wordsworth. Anh sẽ thích lắm. Cô đã rất ngạc nhiên khi anh say mê vườn tược, chăm chú nghiên cứu các cuốn ca ta lô về hạt giống và thảo ra các kế hoạch. Nancy để mặc anh làm những gì anh thích, nhưng anh vẫn hỏi ý kiến cô - “Em nghĩ sao về hoa lay ơn?” “Chúng ta tạo ra một cái ao nhỏ được không nhỉ?” “Đậu Hà Lan hay đậu đỗ hay cả hai?”

Khi cô xuống khỏi dãy tường bao ở cổng Monkgate Bar, và đang đợi chỗ đèn giao thông để chuẩn bị băng qua đường, đột nhiên mắt trái của cô như bị một tấm màn đen kịt phủ xuống che kín. Nó giống một bức màn màn^[190] hơn là một tấm rèm - trước kia cô chưa từng thắc mắc về nguồn gốc của từ này. Bản thân cô đang tắt điện tạm thời. Cô cảm nhận được tai họa. “Đột nhiên bị mù” - giống như trong *Kinh thánh*^[191], mặc dù cổng Monkgate không phải là con đường dẫn tới Damascus.

Cô tìm được một băng ghế ở gần đó và lặng lẽ ngồi đợi xem chuyện gì xảy ra tiếp theo. Một mặc khả từ Chúa ư? Có vẻ không có khả năng ấy. Nếu cô bị mù hoàn toàn, cô sẽ gọi người giúp đỡ, nhưng vì chỉ bị mất thị lực ở một bên mắt, cô cảm thấy không nhất thiết phải phiền đến những người hoàn toàn xa lạ. (“Em kỳ cục quá!” Millie nói khi

Nancy kể với cô ấy về chuyện này. “Nếu là chị thì chị sẽ gào thét thất thanh lên cho xem.” Nhưng Nancy không phải là Millie.) Sau khoảng mười phút ngồi im lặng trên ghế, bức màn mỏng đen kịt được nhắc lên - nhanh và bí ẩn như lúc nó hạ xuống - và thị lực trở lại trong mắt cô.

“Các dây thần kinh bị rối loạn hoặc đại loại thế.” Cô nói với bác sĩ tham vấn khi cuối cùng cũng tới được bệnh viện. “Tôi cho rằng thật là may vì lúc đó tôi không lái ô tô hay đạp xe đạp.” Cảm giác nhẹ nhõm khiến cô trở nên nói nhiều, cơn khủng hoảng đã qua, tai họa giống như trong *Kinh thánh* đã bị đẩy lui. “Chà!” Bác sĩ tham vấn nói. “Vậy chúng ta sẽ tiến hành kiểm tra cô một cách kĩ lưỡng nhé?” Ông ta không non trẻ, không dẹt dẹt, không trịch thượng và chẳng nói gì mấy về chứng đau nửa đầu.

Thế rồi mọi chuyện diễn ra nhanh chóng như một chuyến tàu suốt sẽ không dừng lại ở các ga xếp dọc đường. Họ yêu cầu cô làm thêm các xét nghiệm và chụp X quang. Họ đều mập mờ với cô, nói rằng họ không chắc chắn về những gì đang thấy. Họ hỏi rằng có phải cô đã kết hôn không? Tại sao cô không đi cùng chồng trong lần hẹn khám kế tiếp nhỉ? “Chị sẽ không đi cùng Teddy nếu họ không đưa ra chẩn đoán.” Cô nói với Bea trên điện thoại. “Họ đang giấu giếm chị mà chẳng có lý do gì chính đáng cả.” Cô biết chuyện gì xảy ra với những ca bệnh xấu. Họ nói chuyện với vợ hoặc chồng, anh chị em, thậm chí là bạn bè của bệnh nhân, bất cứ ai ngoại trừ chính bản thân người bệnh, với cái cớ là để người bệnh có thể “tiếp tục sống một cuộc sống bình thường”. Hồi ở Bletchley Park^[192], cô từng quen một

nữ quân nhân WREN^[193] tên là Barbara Thoms, một mẫu người thực tế, là một trong những cái “vấu” của “bánh răng”. Nhiều “bánh răng”. Nancy từng là một “bánh răng” lớn, một chuyên gia giải mã, một thành viên chính thức trong tổ chức. Thường thì cô sẽ chẳng dính dáng gì đến một “vấu răng” cấp thấp, nhưng cả hai người họ đều từng là vận động viên bóng lưới^[194] của quận hạt, và họ đã cố gắng lập một đội bóng lưới ở Bletchley nhưng không thành. (Nancy từng là một vận động viên điền kinh dự bị ở trường Cambridge.) Vào cuối cuộc chiến, Nancy đã có bàn làm việc riêng, giữ chức đội phó. Cô đã quen biết tất cả những người có tiếng trong giới - Turing, Tony Kendrick, Peter Twinn. Cô đã yêu cái thế giới đó: khép kín, bí mật, độc lập, nhưng cô vẫn luôn hiểu rằng nó chỉ là tạm thời, cuộc sống sẽ bình thường trở lại. Phải bình thường trở lại.

Barbara tội nghiệp bị mắc bệnh ung thư, “tiến triển rất nhanh, vô phương cứu chữa”. Một căn bệnh ung thư của phụ nữ, vì nó quá tế nhị nên mẹ cô ấy không nói cụ thể. Bà Thoms đã kể chuyện này với một người bạn đồng nghiệp của Barbara, và chẳng bao lâu sau, tất cả các cô gái trong đội của Barbara đều biết chuyện. Tất cả mọi người đều biết, ngoại trừ chính bản thân Barbara. Bà Thoms đã bắt họ thề giữ bí mật, bởi vì các bác sĩ của cô ấy đã khuyên như vậy, “để không phủ bóng đen lên những tháng ngày còn lại trong cuộc đời con bé”, bà giải thích với họ. Cô gái tội nghiệp vẫn làm việc cho đến khi không thể tiếp tục được nữa, rồi về nhà và chết mà vẫn chẳng hay biết gì về bệnh tình của mình, vẫn mong đợi được cứu chữa.

Nancy đã gần như quên bằng Barbara khi bà Thoms viết thư thông báo rằng cô ấy đã chết và được an táng. “Một đám tang lặng lẽ. Con bé chẳng bao giờ biết có chuyện gì không ổn, điều đó khiến nó thanh thản.” Hừ! Nancy nghĩ. Nếu cô mắc phải một căn bệnh chết người khủng khiếp nào đó, cô không muốn bị giấu giếm, cô muốn *biết*. Thậm chí cô sẽ làm ngược lại - cô sẽ là người biết còn những người thân thiết và gần gũi với cô thì không. Tại sao Teddy và Viola phải sống dưới “bóng đen” đó chứ?

“Chị cần đến một phòng khám trên phố Harley.” Bea nói với cô. “Em vẫn còn vài mối quan hệ trong giới y khoa.” Sau chiến tranh, Bea đã kết hôn với một bác sĩ phẫu thuật, nhưng cuộc hôn nhân ấy không kéo dài lâu (“Em nghĩ em không hợp với hôn nhân.”). “Em sẽ tìm hiểu xem ai là người giỏi nhất trong lĩnh vực này, em sẽ tìm được một người không làm cho chị hoang mang. Nhưng chị nên nói cho anh Teddy biết, chị Nancy ạ.”

“Chị sẽ nói, chị hứa đấy.”

*

Cô đã suýt chết khi sinh Viola và cảm thấy mình phần nào “miễn nhiễm” với mọi tai họa. Có lẽ đó là lý do khiến cô lâu như vậy mới truy ra được căn bệnh này. Trong khi đó, suốt thời gian ấy, nó vẫn bám đuổi cô. Nó chui vào trong đầu óc cô. Giá mà nó chỉ xâm chiếm một bầu ngực, một cánh tay, một con mắt. Kể cả khi nó khiến cô chết sớm, nhưng ít nhất cô vẫn có thể giữ được tâm trí tỉnh táo cho

đến phút chót. Thi thoảng, khi cô thấy mình bị sa lầy trong những bồn phân song song của hôn nhân và tình mẫu tử, cô lại nghĩ đến việc tình yêu đã hủy hoại cuộc đời cô như thế nào. Viola ngay từ khi chào đời đã luôn cáu kỉnh, giận dữ. Còn Teddy ngoài mặt lúc nào cũng tỏ ra vui vẻ, nhưng đó chỉ là để che giấu sự rầu rĩ, ủ ê ở trong lòng.

Khi họ mới chuyển đến ngôi nhà này, mảnh vườn ở trước nhà được tô điểm bởi một cây tử đinh hương xinh xắn, nhưng Teddy đã chặt nó đi khi những bông hoa thom ngát nở rộ vào tháng Tư đầu tiên. “Tại sao?” Cô hỏi rồi nhìn thấy biểu cảm trong mắt anh, và nhận ra đó là một thứ liên quan đến chiến tranh - một vết đen lớn trong cuộc đời - và anh chắc chắn sẽ không giải thích với cô. Cuộc chiến của Teddy là bí ẩn duy nhất mà cô không bao giờ giải được. Nhưng bây giờ là năm 1960 rồi, vì Chúa, thi thoảng cô lại nghĩ như vậy khi mất kiên nhẫn. Cô mệt mỏi quá! Đường như cô dành quá nhiều thời gian để khuyến khích và động viên người khác - Teddy, Viola, các học sinh của cô. Cứ như cô vẫn là đội trưởng của đội bóng lưới vậy.

Teddy không phải là người duy nhất phải hy sinh những năm tháng quý báu của cuộc đời mình. Cô đã đứng thứ nhất trong hai kỳ thi sát hạch môn Toán ở Newnham và tốt nghiệp hạng ưu vào năm 1936, được trao giải thưởng Philippa Fawcett, và rồi bị hốt đi, được tuyển vào trường Mật mã Chính phủ vào mùa xuân năm 1940. Cô đã từ bỏ một sự nghiệp xán lạn vì chiến tranh, rồi lại từ bỏ một lần nữa vì Teddy và Viola.

*

“Em sẽ xuống Lyme để giúp Gertie chuyển nhà.”

“Được thôi. Em thật tốt bụng.” Teddy nói.

“Chỉ là đóng gói những món đồ nhẹ nhàng thôi mà, chẳng hạn như đồ sứ và đồ trang trí, đại loại vậy. Mất chừng hai ngày. Em nghĩ sẽ thật tuyệt nếu dành ít thời gian với chị ấy, chỉ hai bọn em thôi.”

Sau ngày về nhà, cô nhận được một tấm thiệp từ Gertie, ở mặt trước của nó có hình những bông viola được vẽ bằng màu nước - “Đây là loài hoa yêu thích của mẹ chúng ta, đương nhiên là em cũng biết rồi.” Không, cô đã quên mất điều này, tuy nhiên cô đã đặt tên cho con gái mình là Viola. Đó là vì Shakespeare chứ không phải vì mẹ cô. Sao một cô con gái có thể quên một điều như thế chứ? Hay đúng hơn là không chủ định nhớ. Sau này, con gái cô sẽ quên những gì? Nancy chợt thấy rầu rĩ. Cô ước gì mẹ cô vẫn còn trên cõi đời này. Hẳn là Viola cũng sẽ có cảm giác như vậy khi không có mẹ. Cảm giác ấy thật quá sức chịu đựng. Những giọt nước mắt đau đớn, nóng hổi dâng lên trong mắt cô. Cô gạt chúng đi và tự nhủ phải cố gắng xốc lại tinh thần.

Cô tiếp tục đọc tấm thiệp của Gertie - “Chị nghĩ chị nên viết cho em vài dòng...” Cô ấy viết. “... Teddy đã gọi điện tìm em trong lúc em “ở đây”, chị hy vọng chị đã giấu giếm được, chị đã tỏ ra giống như một kẻ hoàn toàn ngớ ngẩn vậy. Em thân yêu, em có chắc là em không nên nói với cậu ấy chuyện gì đang xảy ra không? (Không phải là chị đang can thiệp vào chuyện của em đâu, chị chỉ nói vậy thôi.) Yêu

em nhiều, G. Tái bút: Em đã quyết định về chuyện cái tủ búp phê chưa?”

*

“Em nên nói với cậu ấy.” Millie nói. “Em thực sự nên nói với cậu ấy. Chị đã che đậy cho em rất khéo, chị đã nói với cậu ấy là chị vừa mới tiễn em lên tàu, đại loại vậy, và chúng ta đã có một khoảng thời gian tuyệt vời ở vùng Hồ, nhưng rồi bằng cách này hay cách khác, Teddy cũng sẽ phát hiện ra thôi.”

Nancy đã tìm đến sự giúp đỡ của các chị em gái thay vì chồng mình, bối rối tâm sự với khi thì người này, lúc lại người nọ. Cô có thể đặt gánh nặng lên các chị nhưng không thể đặt gánh nặng lên Teddy. Anh không ngây ngô, có lẽ anh đã nghi ngờ điều gì, nhưng cô sẽ không nói với anh cho đến khi mọi chuyện đã rõ ràng. Tự đáy lòng, cô sẽ luôn là một nhà toán học, cô tin vào sự tuyệt đối. Và nếu điều xấu nhất xảy ra, anh càng ít phải chịu đựng nó bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

“Em phải nói với cậu ấy, Nancy.”

“Em sẽ nói, Millie, đương nhiên em sẽ nói.”

*

Nancy có thể không đến Dorset hay vùng Hồ, nhưng cô chắc chắn đã ở London cùng với Bea. Đúng là cô đã không tham gia *một hội chợ hay triển lãm*, cô đã ngồi trên chiếc

sofa trong căn hộ một phòng theo phong cách Bohemian của em gái ở Chelsea, nhấm nháp một ly whisky. Ursula đang ngồi cạnh Nancy. Cô đã mang chai rượu ấy đến. “Chị nghĩ chúng ta sẽ cần thứ gì đó mạnh hơn trà.” Cô nói.

“Em lúc nào cũng có rượu gin.” Bea nói. Cô ấy đã ly dị người chồng là bác sĩ phẫu thuật được một thời gian. Cô ấy làm việc ở đài BBC và nói rằng mình hài lòng với cuộc sống độc thân.

Millie tới, phờ phạc và hớn hển vì chạy xông xộc lên cầu thang. “Chị bị lạc.” Cô nói. “Chị xin lỗi.”

“Chị uống whisky hay gin?” Bea hỏi. “Hay trà?”

“Cả ba đều hấp dẫn nhưng làm ơn cho chị rượu gin. Một cốc thật mạnh.” Cô liếc nhìn Nancy nhưng tiếp tục nói với Bea. “Chị cần rượu mạnh, không phải sao? Chuyện này thật tồi tệ, đúng không?”

“Rất tồi tệ.” Bea nói, giọng hơi lạc đi.

“*Hoàn toàn* tồi tệ?” Millie nói nhanh và rành rọt từng tiếng nghe đến là buồn cười, như thể cô đang cố gắng kìm nén cảm xúc hoặc tưởng tượng mình là nhân vật trong một vở kịch hay một bộ phim, một người đang tỏ ra cứng cỏi - Celia Johnson trong bộ phim *Cuộc gặp gỡ thoáng qua* hiện lên trong tâm trí cô. Tiếng gọi của bốn phận, nguyên tắc đạo đức đòi hỏi phải làm điều đúng đắn. Nancy ngưỡng mộ nó, nhưng bây giờ có thứ gì đó trong cô đang nổi dậy chống đối. Hãy chạy trốn, cô nghĩ, quên hết bốn phận đi. Cô hình dung mình đang lao như bay xuống cái cầu thang dốc và hẹp của Bea, vọt ra ngoài đường, men dọc theo bờ sông, cứ

thể mãi miết chạy cho đến khi bỏ xa thứ đáng sợ đang bám gót cô.

Một tia lấp lánh trong mắt và bàn tay có chút run rẩy khi Millie nhận lấy cốc rượu gin khẳng định với Nancy rằng chị gái cô không diễn kịch.

“Em ở đây này.” Nancy nói với Millie. “Chị có thể hỏi em.”

“Chị không nghĩ là chị muốn hỏi em.” Millie nói. “Chị không nghĩ là chị muốn biết.” Tia lấp lánh trong mắt cô biến thành giọt nước mắt lăn xuống gò má, và Bea nhẹ nhàng ấn cô ngồi xuống một cái ghế rồi ngồi xuống tấm thảm dưới chân cô.

“Chà, đó là sự thật.” Nancy điềm tĩnh nói. “Nó đã được xác nhận và em e là nó *hoàn toàn* tồi tệ, như cách chị nói. Em rất tiếc phải nói rằng em đã rơi vào trường hợp xấu nhất có thể xảy ra.”

Millie bật khóc nức nở và đưa tay lên bịt miệng cứ như cô có thể ngăn âm thanh ấy thoát ra, nhưng đã quá muộn. Bea nắm lấy bàn tay còn lại của cô và họ ôm chầm lấy nhau. Trông họ như đang đối mặt với tai họa đắm tàu vậy. “*Chẳng thể làm gì được ư?*” Ursula hỏi. “Chắc hẳn...”

“Vâng.” Nancy nói, ngắt lời cô. Tất cả bọn họ đều muốn có hy vọng, muốn nhìn thấy các khả năng, nhưng cô đã đi quá giới hạn của các khả năng rồi. “Bác sĩ nói nếu nó được phát hiện ở giai đoạn sớm hơn thì có thể làm được gì đó. Và ông ta sẽ không phẫu thuật.” Cô nói, giơ tay lên để ngăn Bea lại khi Bea định mở miệng phản đối. “Họ không thể phẫu thuật vì vị trí của nó, và bây giờ nó đã rơi vào với các

mạch máu.” - “Ôi Chúa ơi!” Millie nói. Trông mặt cô xanh lét, cô luôn là người dễ xúc động nhất trong số tất cả bọn họ - “Vì thế, nó đã trở nên vô phương cứu chữa. Kết quả tốt nhất mà một cuộc phẫu thuật mang lại sẽ là kết thúc cuộc đời em.”

“Nếu cái chết là kết quả tốt nhất thì kết quả xấu nhất là gì?” Ursula hỏi. Millie thốt ra một tiếng kêu kinh ngạc trước từ “chết”, như thể đó là một từ báng bổ.

“Em có thể trở thành tàn phế, cả về trí tuệ lẫn thể xác...”

“Có thể thôi ư?” Bea nói, như một người đắm tàu vẫn đang bám lấy hy vọng giữa cảnh mưa đập gió vùi.

“Gần như chắc chắn.” Nancy nói. “Kết quả đó cũng sẽ là kết thúc của cuộc đời chị, theo một cách khác. Mà cho dù có phẫu thuật thành công đi nữa thì cũng chẳng để làm gì, vì vị trí của nó khiến họ không thể triệt tận gốc.” Millie trông như sắp nôn mửa. “Nó sẽ tiếp tục phát triển. Thực sự thì...” Nancy nói, có lẽ giọng cô không hòa nhã như cô muốn. “... Sẽ tốt hơn cho *em* nếu mọi người chấp nhận chuyện này.”

Trong thâm tâm, cô đã đoán rằng chuyện này sẽ xảy ra, ngay từ lần đầu tiên cô đến khám ở phố Harley, khi Teddy tưởng rằng cô đang giúp Gertie chuyển nhà. Bác sĩ Morton-Fraser, vị bác sĩ tham vấn mà Bea đã tìm cho cô, là một người Scotland sáng suốt. “Rất nhiều người giới thiệu ông ấy.” Bea đã nói. “Ông ấy có tiếng là cực kì cẩn thận. Không hòn đá nào là không lật lên, đại loại thế.” Có lẽ khi đó cô cũng có chút hy vọng, nhưng hy vọng ấy trở nên mong

manh hơn khi cô trở lại vào tháng sau (khi cô nói cô đi thăm *ngôi nhà tranh của Wordsworth và những thứ tương tự*), ông ta đã cho cô xem tấm phim X quang, và cô có thể thấy khối u đã to lên nhanh cỡ nào chỉ trong một thời gian ngắn. “Nếu cô đến khám ở chỗ tôi từ một năm trước thì có lẽ...” Ông ta nói. “... Nhưng kể cả khi đó cũng chẳng ai dám chắc...” *Rất nhanh, vô phương cứu chữa* - lời chẩn đoán dành cho Barbara Thom tội nghiệp.

“Chị không chịu được đâu.” Millie lẩm bẩm khi Bea đi loanh quanh, rót rượu cho mọi người. Nancy chợt thấy căm phẫn. Cô mới là người phải chịu đựng căn bệnh chứ không phải họ.

Cô muốn họ để cô yên, cô muốn thu mình vào thế giới tĩnh mịch của riêng cô và suy ngẫm về cái chết. Cái chết. Phải, cô cũng có thể nghĩ đến cái từ thẳng thừng, đáng ghê tởm đó. Nhưng thay vì thế, cô phải tỏ ra ân cần, mạnh mẽ, nói rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn (dù rõ ràng nó không hề ổn chút nào), rằng cô đã “bình thản chấp nhận nó”.

“Sẽ ổn cả thôi.” Cô nói với Millie. “Em ổn cả mà. Em đã chấp nhận nó và bây giờ các chị cũng phải chấp nhận.”

“Còn Teddy thì sao?” Ursula nói, giọng khàn khàn. “Sáng nay nó đã gọi điện cho chị, Nancy ạ. Nó nghi ngờ em ngoại tình, vì Chúa. Em phải giải thoát nó khỏi nỗi khốn khổ ấy.”

Nancy cười cay đắng và nói: “Và đẩy anh ấy vào một nỗi khốn khổ còn tồi tệ hơn ư?”

“Hãy nói với nó càng sớm càng tốt, thật không công bằng khi giấu giếm nó lâu đến vậy.” (Ursula lúc nào cũng là

người bệnh vực và bảo vệ Teddy nhất, Nancy giận dữ nghĩ.)
“Mặc dù chị cho rằng với Viola thì không nên...”

Ôi, Chúa ơi. Viola, Nancy nghĩ. Cô thầm run lên vì tuyệt vọng.

“Không, không được nói với Viola.” Bea vội nói. “Nó còn quá nhỏ nên sẽ không thể hiểu được.”

“Bọn chị sẽ ở bên con bé.” Millie rồi bời nói. “Bọn chị sẽ chăm sóc nó...”

“Nhưng trước hết em phải nói với Teddy.” Ursula khẳng định. “Bây giờ em phải về nhà và nói với nó.”

“Vâng.” Nancy thở dài. “Vâng, em sẽ nói.”

*

Tất cả bọn họ hộ tống cô đến ga King’s Cross và tiễn cô lên tàu. Bea hôn cô rất nhẹ nhàng, như thể cô đã đột nhiên biến thành một tấm kính vô cùng mỏng manh và có thể vỡ tan vào bất cứ lúc nào. “Chị phải thật can đảm.” Cô ấy nói. Trái ngược với Bea, Ursula có vẻ không sợ sẽ làm Nancy vỡ tan, cô siết chặt Nancy. “Em phải giúp Teddy.” Cô vội vã nói. “Giúp nó đương đầu với chuyện này.” Ôi Chúa ơi, Nancy mệt mỏi nghĩ, chẳng ai trong bọn họ cho phép cô yếu ớt và ích kỷ một chút sao?

Họ đứng vẫy tay trên sân ga khi con tàu chuyển bánh, ai nấy đều nước mắt lưng tròng, Millie thì khóc như mưa. Cứ như là mình đang ra trận ấy, Nancy thầm nghĩ. Tuy nhiên, trận chiến ấy đã diễn ra và cô đã thua cuộc rồi.

*

“Ì ạch?” Cô hỏi.

“Anh biết em đang làm trò gì.” Anh nói. Suốt những năm qua, cô chưa bao giờ thực sự thấy Teddy giận dữ, chắc chắn là cô chưa bao giờ nhìn thấy anh giận dữ như thế này. Đối với cô.

Cô đi vào bếp, bước tới bồn rửa, mở vòi và rót một cốc nước. Cô đã tập dượt khoảnh khắc này lúc đang ở trên tàu (một chuyến đi tồi tệ, cô bị mắc kẹt trong một toa tàu đầy những kẻ phì phèo thuốc lá và sức nức mùi bia, chốc chốc lại liếc ánh mắt dâm dăng về phía cô), nhưng đến lúc phải nói thì mọi lời lẽ đều bay biến đâu mất. Cô uống nước thật chậm rãi để cho mình thêm chút thời gian.

“Anh *biết...*” Teddy nói, giọng nói chất chứa nỗi oán giận mới mẻ.

Cô quay sang đối mặt với anh và nói: “Không, Teddy. Anh không biết đâu. Anh chẳng biết gì cả.”

*

Ban đầu, đối với Nancy, khối u có vẻ là một con dã thú, một kẻ xâm lược, từ từ bò tới xâm chiếm những sợi dây thần kinh trong đầu cô, ngón ngấu cô, nhưng bây giờ, khi nó đã yên vị, khi không còn *khả năng* nào nữa, nó cũng không còn là kẻ thù của cô. Nó có thể không phải một người bạn (nó còn lâu mới được coi là một người bạn), nhưng nó là *một*

phần của cô. Của cô và chỉ riêng cô mà thôi, và họ sẽ đồng hành cùng nhau để đi đến cái kết cục khủng khiếp.

Cô bỏ việc ngay lập tức. Suy cho cùng, ở lại và để lộ bệnh tình của cô cho những người khác biết thì có ý nghĩa gì chứ? Viola đã quen được Nancy đưa đi đón về nên cô bé rất bực bội khi đột nhiên phải đi một mình. Nancy dạy con cách bắt xe buýt (“Nhưng *tại sao* con phải làm vậy ạ?”), giải thích với con rằng cô không được khỏe và cần nghỉ dạy một thời gian để sức khỏe cải thiện hơn. Thật tàn nhẫn với Viola khi đẩy cô bé vào cảnh sống tự lập một cách đột ngột, trong khi đáng lẽ nên để cô bé làm quen dần dần với nó, nhưng giờ là lúc phải thực tế chứ không thể ủy mị. Tâm hồn Nancy đã cứng rắn như sắt đá.

Cô mua quần áo to hơn đến hai, ba cỡ cho Viola, lập ra các danh sách và ghi chú - địa chỉ nhà của giáo viên dạy piano cho cô bé, địa chỉ và số điện thoại của bố mẹ bạn bè cô bé, những điều cô bé thích và ghét. Đương nhiên là Teddy biết nhiều sở thích của Viola, nhưng ngay cả anh cũng không thể hình dung được đầy đủ.

Trớ trêu thay, cô cảm thấy rất ổn trong vài tuần đầu tiên sau khi án tử của cô được xác nhận. Đó là cách cô nghĩ về nó, mặc dù đối với những người khác sẽ có những cách nói giảm nói tránh. Cô dọn dẹp gọn gàng các ngăn kéo và tủ bát đĩa, ném đi những món đồ không cần thiết, lọc bớt tủ quần áo của mình. Liệu cô có sống nổi đến mùa đông tới không? Những cái ngăn kéo này có cần nhét đầy áo len, áo gi lê và tất dày? Cô tưởng tượng các chị em của cô sẽ tới đây và phân loại quần áo của cô sau khi cô qua đời, giống

như họ đã làm đối với quần áo của mẹ họ sau đám tang. Nếu cô làm việc đó ngay từ bây giờ thì sẽ đỡ cho họ được phần nào. Cô không nhắc đến những việc khủng khiếp này với bất kỳ ai. Nó sẽ khiến họ đau buồn còn hơn cả cô nữa, vì cô cảm thấy hài lòng khi nghĩ rằng cô đang để lại mọi thứ trong tình trạng gọn gàng. Cô hình dung ra Gertie nhìn ngó quanh phòng ngủ của cô sau khi cô qua đời và nói: “Cái cô nàng Nancy này, đến lúc chết vẫn chẳng bỏ được cái tính ngăn nắp.” Đương nhiên, khi thời điểm ấy đến, Gertie không nói mấy lời như vậy, nỗi thương xót đã choán hết tâm hồn cô ấy, khiến cô ấy chẳng thể thốt ra những câu nói tươi tỉnh như thế.

Teddy hoang mang trước sinh lực tràn trề của cô và đánh bạo nghĩ rằng có thể họ đã chẩn đoán nhầm (“Các bệnh án vẫn hay bị lẫn với nhau”). Hoặc có lẽ bệnh tình của cô đang thực sự khá lên. “Đó sẽ là một phép màu, anh Teddy ạ.” Cô nói nhẹ nhàng hết mức có thể. “Bệnh này vốn vô phương cứu chữa.” Niềm hy vọng sẽ là điều tồi tệ nhất đối với anh. Cả với cô nữa. Cô muốn tận hưởng khoảng thời gian chờ đợi này theo đúng bản chất của nó, chứ không muốn coi nó là một thứ mà nó không bao giờ có thể trở thành.

“Nhưng hồi chiến tranh, em từng nghĩ là anh đã chết.” Anh khẳng khẳng. “Lúc ấy, em đã từ bỏ hy vọng sao?”

“Vâng. Vâng, em đã từ bỏ. Anh biết em đã từ bỏ mà. Và chính anh vừa nói đấy - em đã nghĩ là anh đã chết.”

“Vì thế việc anh trở về chính là một phép màu.” Anh nói, như thể anh đã thắng trong cuộc tranh luận này. Nhưng

anh đã trở về từ một trại tù binh chiến tranh POW chứ không phải trở về từ cõi chết. Đạo gần đây anh chẳng có tí logic nào cả, nhưng chuyện đó thì có quan trọng gì chứ? Chẳng mấy chốc anh sẽ ngừng tin vào những phép màu thôi.

Thế rồi tất cả các ngăn kéo đã được dọn dẹp ngăn nắp, tất cả các danh sách đều đã được lập. Khi cô ngừng bận rộn, cô phát hiện ra cô chỉ đơn giản khao khát được ở một mình trong nhà, lấp kín sự tĩnh mịch bằng tiếng đàn piano, thi thoảng là nhạc của Beethoven, nhưng chủ yếu vẫn là nhạc của Chopin. Cô chơi thật tậ, nhưng ngày qua ngày, cô cũng thấy được những tiến bộ nho nhỏ của mình. Cô nói với Teddy: “Ít nhất cũng có vài thứ có thể cứu vãn.” Nhưng anh né tránh những lời đùa cợt tang tóc ấy.

Một buổi chiều, khi cô đang chăm chú với bản Polonaise cung Mi giáng - vô cùng khó - thì Teddy về nhà sớm. Cô nhận thấy gần đây anh càng ngày càng về sớm hơn. Cô có thể cảm thấy anh đang cố gắng nhét cô vào trái tim và tâm trí anh, bởi vì đó là nơi cô sẽ sống sau này. (Không phải sống, chỉ là một ký ức, một ảo ảnh.) Và trong tim các chị em gái của cô nữa. Và một chút trong Viola, rồi một chút nhỏ nhoi ấy sẽ nhạt phai và bị quên lãng. *Đây là loài hoa yêu thích của mẹ chúng ta, đương nhiên là em cũng biết rồi.* Một hôm, cô vu vơ nói với Viola: “Loài hoa yêu thích của mẹ là hoa chuông xanh”, và cô bé đáp “Thế ạ?” một cách thờ ơ vì còn mãi xem chương trình *Blue Peter*. Nhưng Teddy rồi cũng sẽ chết, các chị em của cô rồi cũng sẽ chết, Viola rồi cũng sẽ chết và chẳng còn thứ gì của Nancy sót lại nữa. Là

thế đấy. Bi kịch của cuộc sống là cái chết. *Sic transit gloria mundi*^[195]. Teddy thường hỏi - rất nhiều lần - “Em đang nghĩ gì vậy?” mỗi khi cô trầm tư mặc tưởng như thế này (chỉ là những ý nghĩ vu vơ, đúng với bản chất của nó). Thà là một con vật không biết nói như Bobby và chào đón từng ngày mới bằng sự vô tri. “Ồ, em đang nghĩ linh tinh ấy mà.” Cô nói, cố nặn ra một nụ cười với Teddy. “Anh sẽ chẳng muốn biết đâu.”

Không phải là cô không muốn chia sẻ những suy nghĩ của mình với Teddy hay dành thời gian ở bên anh - và Viola nữa, đương nhiên rồi - nhưng cô đang chuẩn bị đi vào chốn tối tăm một mình, đó là nơi (thậm chí không phải một nơi chốn cụ thể mà chỉ là cõi hư vô) mà tất cả mọi thứ đều chẳng còn quan trọng nữa - ca cao, những cuốn sách mượn ở thư viện, Chopin. Tình yêu. Nếu cô lập ra một danh sách thì danh sách đó sẽ dài bất tận. Cô quyết định không lập ra nó. Cô đã hoàn thành đủ các danh sách rồi. Cô gạt sự trầm tư mặc tưởng không lành mạnh của mình sang một bên. Thay vào đó, cô chơi nhạc Chopin.

“Đó là bản *Cách mạng* đúng không?” Teddy hỏi, khiến cô mất tập trung và đánh sai một nốt, tiếng đàn chóc lên cực kì chói tai. “Mẹ anh thường chơi bài này.” Anh nói.

Sylvie chơi piano rất giỏi. Ngày trước, thi thoảng Nancy lại lén sang nhà anh để nghe bà đàn. Cha Nancy nói rằng khi Sylvie có tâm trạng không vui, ta chẳng cần phải sang tận Góc Cáo cũng có thể nghe thấy tiếng đàn của bà, thậm chí đứng ở mãi cuối đường cũng vẫn nghe thấy. Ông nói với giọng trù ẻo. (“Chị Todd lại đàn rồi!”) Thiếu tá

Shawcross rất kính trọng Sylvie (“Một con người tuyệt vời!”).

Bấy giờ Nancy chẳng hiểu gì, nhưng có lẽ Sylvie cũng đã muốn được ở một mình và cực kì căm ghét thính giả nhỏ bé lặng lẽ nép mình trong góc phòng khách nhà bà. Bà luôn có vẻ đắm chìm trong âm nhạc, chẳng hay biết gì về sự xuất hiện của Nancy cho đến khi bản nhạc mà bà đang chơi kết thúc. Nancy không kìm được vỗ tay. (“Hoan hô, cô Todd!”)

“Ồ, là cháu à, Nancy?” Sylvie thường khẽ gật lên như vậy.

“Không, không phải là bản *Cách mạng* đâu, đây là bản *Anh hùng*.” Nancy nói, hai bàn tay vẫn đặt trên các phím đàn với vẻ sốt ruột. Thời gian lướt đi trên cỗ xe có cánh, cô nghĩ. Cô có thể nghe thấy đôi cánh của nó đang vỗ, kéo cà kéo kẹt, như thể nó là một con ngỗng to lớn vụng về. Cô có thể cảm nhận sức lực của mình đang dần cạn kiệt và chẳng có cách nào chống lại điều đó. “Mẹ anh được học hành bài bản.” Cô nói. “Còn em, e rằng em chỉ là một tay chơi a ma tơ thôi. Và đây là một bản nhạc khó.”

“Anh thấy khá hay mà.” Teddy nói. Cô biết anh đang nói dối. “Khi anh bước vào phòng, em khiến anh nhớ đến một bức tranh của Vermeer.”

“Vermeer ư? Tại sao?”

“Bức tranh được treo trong Triển lãm Quốc gia ấy. Quý bà bên cây đàn *clavoxanh* - hoặc đại loại thế.”

“*Thiếu phụ ngồi bên cây đàn clavoxanh*.” Nancy sửa lại.

“Đúng vậy. Trí nhớ của em luôn chuẩn xác.”

“Tại sao lại là Vermeer?” Cô hỏi lại.

“Vì cái cách em quay sang nhìn anh. Vẻ bí hiểm trên mặt em.”

“Em luôn nghĩ cô gái trong bức tranh đó nhìn giống như một con ếch.” Nancy nói, thầm nghĩ mình trông bí hiểm vì mình sắp chết.

“Còn có cả bức tranh về một người phụ nữ đứng bên cây đàn clavoxanh, đúng không nhỉ?” Anh hỏi. “Hay là anh bị nhầm?”

“Anh không nhầm đâu, đúng là có hai bức đấy, ở Triển lãm Quốc gia có cả hai mà.”

“Cùng là một người đúng không nhỉ?” Teddy hỏi, trông có vẻ tự lự. “Cùng một cây đàn clavoxanh luôn?”

Ôi, làm ơn đi đi, anh yêu, Nancy nghĩ. Đừng trò chuyện với em nữa để anh không phải tưởng nhớ đến những cuộc đối thoại ấy, đừng tạo ra *các ký ức* nữa. Cứ để mặc em với những bản nhạc của Chopin. Cô thở dài, đóng nắp cây đàn piano lại và nói với sự tươi tỉnh giả tạo: “Chúng ta uống chút trà nhé?”

“Để anh pha.” Teddy hăng hái nói. “Em muốn ăn bánh ngọt không? Chúng ta có bánh ngọt không nhỉ?”

“Có, em nghĩ là có.”

*

“Em muốn anh hứa với em một chuyện.”

“Bất cứ thứ gì.” Teddy nói. Một lời hứa tai hại, Nancy nghĩ. Họ đang ngồi ở bàn ăn. Teddy đang kiểm tra các hóa đơn trong tháng, còn Nancy đang khâu bảng tên lên bộ đồng phục của Viola. Kỳ nghỉ hè dài sắp kết thúc, năm học mới sắp bắt đầu. Nhịp sống của Nancy luôn gắn liền với năm học, và cô có cảm giác kỳ lạ khi một năm học mới bắt đầu mà mình không được thấy kết thúc của nó.

Các bảng tên được thêu chữ *Viola B. Todd* bằng lối chữ thảo màu đỏ quen thuộc. “B” là viết tắt của Beresford, tên đệm của Teddy, họ của Sylvie thời con gái trước khi đổi sang họ Todd của chồng bà. Cha bà từng là một họa sĩ - Theo lời Sylvie, cụ “rất nổi tiếng ở thời của cụ” - mặc dù gia đình họ chẳng còn giữ được tác phẩm nào của cụ. Trong một lần tham quan triển lãm tranh ở York cùng với Viola, Nancy đã rất thích thú khi phát hiện ra một bức chân dung do cha Sylvie vẽ hồi cuối thế kỷ trước. Đó là bức chân dung một người quyền quý ở chốn phần hoa đô hội giờ đã bị quên lãng từ lâu. Tấm bảng tên bằng đồng nhỏ xíu ở bên dưới viết “Llewellyn A. Beresford 1845 -1903”. Và ở góc bức tranh có mấy chữ cái L, A và B được vẽ lồng vào nhau. “Nhìn này.” Nancy nói với Viola. “Cụ của con đã vẽ bức tranh này đấy.” Nhưng mối quan hệ đó quá xa xôi nên chẳng có ý nghĩa gì với Viola.

Nancy bắt đầu khâu một bảng tên mới lên cổ một cái áo đồng phục, rồi đâm kim vào tay mình gần như ngay lập tức. Đạo này cô khâu vá khá vụng về. Và cô không còn đan theo một mẫu đan được nữa. Cô tưởng tượng những con ong thâm lặng đang bí mật xây một tổ ong trong đầu mình.

“Em vẫn ổn chứ?” Teddy hỏi, nhìn vào giọt máu nhỏ xíu trên ngón tay cô. Cô gật đầu và liếm giọt máu đi trước khi nó dây lên cái áo đồng phục của Viola.

“Hãy hứa với em rằng...” Cô tiếp tục nói, đặt cái áo xuống. “... Khi thời điểm ấy đến...” (Teddy ngẩn ngại trước cụm từ đó) “... Khi thời điểm ấy đến, anh sẽ giúp em.”

“Giúp em điều gì?” Anh bỏ cái hóa đơn tiền gas mà anh đang kiểm tra xuống.

Anh biết rõ cô muốn nói gì mà. “Giúp em ra đi, khi bệnh tình của em bắt đầu trầm trọng, nếu em không thể tự giúp mình. Và nó sẽ trở nên trầm trọng, Teddy ạ.”

“Có thể sẽ không như vậy đâu.”

Cô muốn hét lên vì phần nộ trước sự tránh né ấy. Cô đang chết dần chết mòn vì ung thư não, nó sẽ trở nên tàn bạo, man rợ (*hoàn toàn tồi tệ*). Cô sẽ chẳng thể ra đi trong giấc ngủ yên bình, trừ phi cô cực kì may mắn. “Nhưng nếu nó *thực sự* trở nên trầm trọng...” Cô kiên nhẫn nói. “... Em muốn ra đi trước khi trở thành một kẻ ngô nghê dãi rớt lòng thòng.” (Mình muốn chết khi vẫn là *chính mình*, cô nghĩ.) “Ngay cả một con chó anh cũng không nỡ để nó phải chịu đựng như vậy, vì thế làm ơn đừng để em rơi vào cảnh ngộ ấy.”

“Em muốn anh tiêm cho em một mũi tiêm nhân đạo sao? Giống như tiêm một con chó ư?” Anh giận dữ nói.

“Em không nói thế. Anh biết là không phải thế.”

“Nhưng em muốn anh giết em còn gì?”

“Không phải. Mà là anh giúp em tự giết chính mình.”

“Thế thì có gì khác biệt chứ?”

Nancy vội nói tiếp: “Chỉ khi em không thể làm nổi vì đã trở thành tàn phế thôi. Morphine hoặc thuốc viên hoặc thứ gì đó đại loại thế em cũng không chắc nữa.” Hoặc chỉ đơn giản chèn một cái gối lên mặt em, vì Chúa, và kết thúc mọi chuyện, cô nghĩ. Nhưng đương nhiên, cách đó không phù hợp. “Rõ ràng phải do chính tay em làm.” Cô nói. “Nếu không, anh sẽ bị kết tội giết người.” (Giờ thì một từ khủng khiếp đang lơ lửng trước mặt anh.)

“Như nhau cả thôi.” Anh nói. “Anh thực sự không thấy gì khác biệt.”

Hai bàn tay anh đang siết vào nhau và anh nhìn chúng chăm chăm, như để đánh giá liệu chúng có thể làm được việc đó hay không. Sau hồi lâu im lặng, anh nói: “Anh không chắc là anh có thể làm được.” Anh không nhìn cô, anh có thể nhìn khắp nơi nhưng không nhìn cô, nỗi đau đón hiện rõ trên mặt anh. Anh đã hứa rồi, Nancy nghĩ, anh đã hứa sẽ làm bất cứ điều gì. Anh còn hứa một điều khác nữa, cô nghĩ. Dù tốt đẹp hay tồi tệ. Và bây giờ chúng ta đã rơi vào hoàn cảnh tồi tệ. Tồi tệ nhất. Và một ý nghĩ xấu xa nảy ra trong đầu cô - anh đã giết bao nhiêu người trong chiến tranh?

“Đừng bận tâm.” Cô nói, vươn tay qua bàn với vẻ độ lượng và đặt lên hai bàn tay đang siết chặt đến cứng ngắc của anh. “Có thể rốt cuộc nó sẽ không trầm trọng đến thế, chúng ta sẽ phải chờ xem.” Anh gật đầu vẻ biết ơn như thể cô vừa mới ban phúc cho anh.

*

Anh là một kẻ hèn nhát khủng khiếp. Anh đã gieo rắc sự hủy diệt xuống đầu hàng nghìn người, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em - những người không khác gì vợ anh, con anh, mẹ anh, chị gái anh. Anh đã giết người từ độ cao hơn sáu nghìn mét, nhưng giết một người duy nhất, một người đang cầu xin được chết thì sao? Anh đã từng chứng kiến Keith chết dần trước mắt anh, anh không biết mình có thể làm được điều đó một lần nữa không. Nhất là đối với Nancy. Anh đã biết cô từ thuở lên ba (*thanh mai trúc mã*), anh đã biết cô suốt cả cuộc đời mình, liệu anh có thể trở thành người hành quyết cô không?

Anh đã tưởng tượng ra cảnh họ bình yên già đi bên nhau. Anh không thể hình dung ra chính mình, nhưng anh có thể tưởng tượng ra Nancy khi đó, eo cô dày hơn, cằm cô tròn hơn và mái tóc đã ngả màu xám. Hơi giống bà Shawcross. Cô sẽ phải căng mắt ra để đan và chơi ô chữ trên tờ *Telegraph*. Anh sẽ đào khoai tây, cô sẽ nhổ cỏ dại. Cô không giỏi làm vườn nhưng cô chẳng thể ngồi không. Họ sẽ là những người bạn đồng hành tốt của nhau và lặng lẽ qua đời cùng nhau, vậy mà bây giờ cô lại ra đi sớm như vậy. Anh nhớ đến sự tức giận của Sylvie trước cái chết bất ngờ và dễ dàng của Hugh. Ông ấy cứ lẳng lặng mà đi, chẳng nói một lời! “Kết thúc cuộc đời vào lúc nửa đêm không chút đau đớn^[196].” Teddy nghĩ. Chẳng phải Nancy xứng đáng với điều đó sao?

*

Cô nhận ra cô sẽ phải tự tìm kiếm sự khuây khỏa. Cô đang nằm trên giường của Viola, Viola đang ngủ trong vòng tay cô. Nancy cảm thấy không thoải mái, đây vẫn là giường dành cho trẻ con, chẳng bao lâu nữa Viola sẽ cần một cái giường lớn hơn, nhưng người mua nó sẽ không phải là Nancy. Đạo này cô đang đọc cho Viola nghe truyện *Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh*. Cô bé Anne cũng đã phải rèn luyện một tinh thần thép. Thi thoảng Viola sẽ đọc cho Nancy nghe nếu cô bé không quá buồn ngủ. Viola rất thích đọc sách, cô bé là một con mọt sách - một cụm từ mà cô bé rất ghét. “Đám giun đẻ sâu mọt ấy thì có gì tốt đẹp chứ?” Viola nói. Mẹ sẵn sàng làm giun đẻ sâu mọt nếu đó là cách duy nhất để mẹ được tồn tại, Nancy nghĩ rồi cười nhạo mình vì đã mê đắm đến mức như vậy. “Nếu không có mấy con giun thì chúng ta sẽ không thể trồng được lương thực, và tất cả mọi người sẽ chết đói.” Nancy giải thích.

Cô phải đảm bảo rằng Teddy biết cô muốn được hỏa thiêu. Muốn cháy bùng lên giữa những ngọn lửa của một giàn thiêu và trở về với thế giới của các nguyên tử. Sẽ tốt hơn cho Viola khi cô bé không phải dành cả quãng đời thơ ấu còn lại để tưởng tượng ra cảnh mẹ mình bị chôn vùi trong lòng đất tối tăm, ẩm ướt, bị lũ giun gặm mòn da thịt. Trái tim Nancy càng ngày càng trĩu nặng. Thật khủng khiếp khi nghĩ đến những chuyện như thế (khi cảm thấy bắt buộc phải nghĩ đến những chuyện như thế) trong lúc nằm trên giường với cô con gái đang gối lên cánh tay mình, cuốn

sách *Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh* mở ra trên tấm ga phủ và cốc sữa của Viola vẫn còn đầy một nửa đặt trên cái bàn cạnh giường (*ca cao, những cuốn sách mượn ở thư viện, những thứ đại loại vậy*).

Suốt mấy tuần vừa rồi, họ đã cùng nhau đọc truyện *Khu vườn bí mật* và *Cô bé Heidi*. Chẳng phải ngẫu nhiên mà tất cả những cuốn sách ấy đều kể về những cô bé mồ côi. Sau cuốn *Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh* (nếu còn thời gian), Nancy tính chuyển sang cuốn *Những phụ nữ nhỏ bé* - đây không phải là câu chuyện về những cô bé mồ côi, đúng thế, nhưng nó kể về những cô gái trẻ mạnh mẽ, tháo vát. Tất cả các chị em gái nhà Shawcross đều yêu thích tác giả Louisa May Alcott. “Và cả truyện cổ tích nữa.” Cô nói với Winnie khi Winnie “bất ngờ ghé thăm chớp nhoáng vào cuối tuần”. Winnie là chị cả trong năm chị em, hiện đang sống ở Kent. Cô đã “lấy được tấm chồng êm ấm”, một người tự xưng là “viên thuyền trưởng của nền công nghiệp^[197]”, cái danh hiệu khiến các em gái cô lấy làm thích thú. Nhưng cô là một người tốt, giỏi giang và giàu lòng nhân ái.

“Hãy nghĩ đến tất cả những nhân vật nữ chính phải sử dụng sự lạnh trí của mình để tiếp tục tồn tại.” Nancy nói. “Cô bé quàng khăn đỏ, Lọ Lem, Bạch Tuyết. Người ta thường hiểu lầm về truyện cổ tích, họ nghĩ chúng chỉ nói về việc các cô gái được các chàng hoàng tử đẹp trai giải cứu, trong khi thực tế chúng giống như những cuốn cẩm nang hướng đạo cho trẻ em gái vậy.”

“Người đẹp và quái vật.” Winnie gợi ý, sốt sắng với chủ đề này. Họ đang uống trà và Winnie đang cắt một cái bánh

Genoa^[198] anh đào mà cô mang theo. Chẳng ai muốn để Nancy phải nướng bánh nữa. Nancy hầu như không thể nhắc nổi một ấm nước. Tối nào đi làm về Teddy cũng nấu nướng và làm việc nhà. Nancy cũng chẳng còn thấy đói. Cô lúc nào cũng mệt mỏi. Trước đây cô thường dậy rất sớm, nhưng bây giờ Teddy phải mang trà đến tận giường cho cô vào mỗi sáng, rồi cô cứ nằm đó hàng giờ liền sau khi Teddy và Viola đã rời khỏi nhà để xoay xở với cuộc sống của họ.

“Nhưng trông em rất ổn.” Winnie nói.

“Em hay bị đau đầu.” Nancy đáp, cảm thấy mình như đang thủ thế. Cô đã quá mệt mỏi với việc người ta nói trông cô khỏe thế nào, cứ như cô đang lừa dối vậy. Đương nhiên, Winnie không có ý như thế, cô tự quở trách mình.

“Cô gái chặn ngõ.” Winnie nói. “Cô bé đó có tên không nhỉ? Chị chỉ nhớ được tên con ngựa thôi.”

“Falada. Một cái tên ngộ nghĩnh dành cho một con ngựa. Nhưng em cũng không biết tên của cô gái chặn ngõ. Em nghĩ là cô ấy không có tên.”

“Chị mạn phép rót trà nhé?” Winnie nói. Ngay cả những câu nói đơn giản nhất cũng có thể trở thành một con dao găm đâm vào trái tim Nancy.

“Vâng.” Cô tự hỏi liệu đây có phải là lần cuối cùng cô được nhìn thấy chị cả của mình không. Chẳng bao lâu nữa (thậm chí là ngay bây giờ) cô sẽ có một loạt những lần cuối cùng. Cô bắt buộc phải đi thật nhanh, thật sớm, để tránh né sự khùng khiếp của những cuộc giã biệt. Cô có thể lao đầu vào một chuyến tàu tốc hành (nhưng hãy nghĩ đến người lái tàu tội nghiệp). Cô có thể trầm mình xuống biển hoặc gieo

mình xuống sông không? Nhưng cô có thể bơi theo bản năng.

“Cô gái có mấy người anh trai bị biến thành chim thiên nga.” Winnie nói. “Cô bé ấy tên là gì nhỉ? Cô ấy rất dũng cảm.”

“Đúng vậy. Đó là Elise. Trong truyện *Bầy chim thiên nga*.” Thuốc độc thì sao nhỉ? Quá gớm ghiếc và không chắc chắn, Nancy nghĩ - cô có thể nôn ọe thay vì nuốt nó.

“Hansel và Gretel.” Winnie nói. “Nhưng thực ra chỉ Gretel thôi. Hansel không được thông minh lắm, đúng không?”

“Vâng, cậu ta tự làm mình bị nhốt. Trong truyện cổ tích, các cô chị em gái luôn thông minh hơn những người anh em trai của họ.” Treo cổ chắc sẽ nhanh, nhưng sẽ gây ám ảnh sâu sắc đối với bất cứ ai tìm thấy cô, mà người đó có thể là - có lẽ sẽ là - Teddy hoặc Viola (thật không thể tưởng tượng nổi).

“Cô bé tóc vàng.” Winnie nói. “Cô ta gốc nghèo hơn là bạo dạn nhỉ?”

“Em nghĩ cô ta gốc nghèo.” Nancy nói. “Cô ta cần được người khác cứu.” Cô sẽ phải tự cứu mình. Cô phải bắt đầu tích trữ - thuốc ngủ và thuốc giảm đau, bất cứ thứ gì cô có thể kiếm được. Cô phải uống chúng lúc còn có thể, lúc cô vẫn còn kiểm soát được bản thân mình. Thật khó để ước lượng cần bao nhiêu viên thuốc mới đủ gây chết người. Đây không phải là điều mà ta có thể hỏi, mặc dù bây giờ cô có một bác sĩ khác, là bác sĩ Webster, người đồng nghiệp già dặn hơn, uyên thâm hơn của viên bác sĩ mà cô gặp trong

lần đi khám đầu tiên (bác sĩ Webster gọi anh ta là “cậu trống choai”). Ông Chúa, bác sĩ Webster sẵn lòng nói thẳng nói thật về những gì sắp xảy đến.

Nhưng nhớ cô đã lần lửa quá lâu thì sao? Liệu bây giờ đã quá muộn chưa? “Gerda trong *Bà chúa tuyết*.” cô nói với Winnie. “Cô bé ấy rất tháo vát.”

*

Chuỗi Fourier, những định lý, bổ đề, đồ thị, định lý Parseval, các số tự nhiên - những từ đó cứ ngân nga trong đầu cô. Cô từng hiểu rõ tất cả những thứ ấy, nhưng bây giờ ý nghĩa của chúng đã bay biến đâu mất. Lũ ong đã trở lại, liên tục vo ve không ngừng nghỉ khiến cô muốn phát điên, và cô phải cố gắng át chúng đi bằng tiếng đàn piano. Cô chỉ chơi bản *Anh hùng* suốt cả ngày. Nó khó vô cùng nhưng cô quyết tâm phải thành thạo nó.

Cô chơi rất hăng hái. *Con brio*^[199]. Tiếng đàn nghe gần như hoàn hảo trong tai cô. Thật phi thường làm sao, thật tuyệt vời làm sao khi cô chơi điêu luyện một bản nhạc khó đến vậy. Như thể bản nhạc này, và chỉ duy nhất bản nhạc này thôi, chính là tác phẩm để đời của cô. Cô kết thúc với một đoạn nhạc dạo tùy ứng dài miên man.

“Chào em.” Teddy nói, đi vào phòng. “Em muốn uống trà không?” Anh đang bê một cái khay, Viola chạy lon ton sau gót anh. “Để anh dìu em ngồi vào ghế bành nhé?” Anh đang quan tâm cô quá mức. Anh đặt cái khay xuống và dìu cô đến một cái ghế bên cửa sổ. “Em thích cái ghế này, đúng

không?” Anh hỏi. “Em có thể nhìn thấy lũ chim ở cái bệ cho chim ăn.” Cô ước gì anh đừng nhìn cô chăm chăm như thế, như thể anh đang cố nhìn thứ gì đó ẩn sau mắt cô. Anh đặt chân cô lên một cái đôn kê chân, còn trà thì đặt trên một cái bàn bên cạnh cô. Nó được đựng trong một cái cốc miệng rộng. Chén và đĩa lót tách đã trở nên bất tiện với cô.

“Mẹ muốn ăn bánh không?” Viola đang loay quanh bên khuỷu tay cô. “Bourbon sô cô la^[200] hay bánh xốt kem màu hồng?”

“Cái bánh chị Winnie mang đến hôm trước vẫn còn đấy.” Teddy nói. “Mãi mà chẳng hết. Có khi dùng nó cho năm nghìn người ăn còn tốt hơn là năm ổ bánh và hai con cá^[201] của Chúa Jesus ấy.” Nancy lờ đi cả hai lời mời ấy. Cô cảm thấy khá bức tức vì chẳng ai trong hai người họ chúc mừng cô vì màn biểu diễn tuyệt diệu vừa rồi. (*Hoan hô, cô Todd!*) Nhưng niềm hân hoan của cô với nhạc Chopin đã nhạt đi. Những con ong đang khiến cô buồn ngủ, chúng vẫn vo ve mãi không dứt. Mật ong đang rỉ ra qua nảo cô.

*

Thời gian như tự cuộn mình lại. Teddy đi đâu rồi nhỉ? Chẳng phải một phút trước anh còn ở đây sao? Có cảm giác như tất cả mọi người vừa mới rời khỏi phòng. Hoặc có lẽ chính Nancy đã rời khỏi phòng. Nhưng chẳng có căn phòng nào cả, chỉ có một thứ mà cô không biết gọi tên là gì. Hư vô. Và rồi ngay cả thứ đó cũng chẳng có. Thế rồi những con

ong cất cánh bay đi, chúc phúc cho cô trong lúc giã biệt và Nancy ngừng tồn tại. Chết.

*

“Một ly whisky mạnh, đó là toa thuốc tôi kê cho anh. Rót cả cho tôi một ly nữa nhé!” Bác sĩ Webster, viên bác sĩ của họ, “đang chờ nghỉ hưu, thi thoảng chơi golf và vẽ tranh bằng màu nước”. Ông ta là mẫu người cổ hủ. Ông ta đã chúc phúc cho Nancy khi cô từ chối phẫu thuật, hào phóng cho cô moóc phin và kìm lại những lời dạy đời sáo rỗng.

Một buổi sáng tháng Mười lạnh lẽo. Những chiếc mạng nhện chằng ngang các loài cây trong vườn. Hôm nay trời sẽ rất đẹp.

Chú chó Labrador tên Bobby của họ chạy lảng vảng qua lại giữa các phòng, bối rối bởi nếp sinh hoạt bị đảo lộn. Thói quen là thứ đầu tiên bị vứt bỏ khi có người chết.

Teddy rót whisky và đưa một ly cho bác sĩ. Ông ta nâng ly của mình lên, và trong một thoáng giây kỳ lạ, khá khủng khiếp, Teddy nghĩ ông ta sắp sửa nói “Chúc mừng”, nhưng thay vì thế, ông ta nói: “Chúng ta hãy uống vì Nancy.” Câu nói đó vẫn kỳ lạ và khá khủng khiếp, nhưng ít ra nó còn có lý, và Teddy nâng ly của mình lên, nói: “Vì Nancy.”

“*Từ thế giới này đến thế giới sắp tới.*” Bác sĩ Webster nói, làm Teddy ngạc nhiên khi nhắc đến tác phẩm *Chuyến hành hương*. “Cô ấy là một người phụ nữ tốt. Thông minh, sáng dạ và nhân cách tử tế.” Teddy nốc cạn ly whisky trong

một hơi, anh chưa sẵn sàng cho những lời tán tụng. “Ông nên gọi cảnh sát.” Anh nói.

“Tại sao tôi phải làm vậy?”

“Bởi vì tôi đã giết cô ấy.” Teddy nói.

“Anh đã giúp cô ấy hoàn thành tâm nguyện bằng một liều moócphin hơi nhiều hơn bình thường. Nếu đó là một tội ác thì tôi đã phải lĩnh vài cái án chung thân rồi.”

“Tôi đã giết cô ấy.” Teddy khẳng khẳng nói.

“Nghe tôi nói này. Lúc đó cô ấy chỉ còn cách cái chết vài giờ nữa thôi.” Teddy nhận thấy viên bác sĩ có vẻ hoảng hốt. Suy cho cùng, chính ông ta đã quá hào phóng khi kê đơn moócphin dạng lỏng để trị những cơn đau đầu khủng khiếp của Nancy trong mấy tuần vừa rồi. “Nancy đang đau đớn khổ sở.” Bác sĩ tiếp tục. “Anh đã làm điều đúng đắn.” Ông ta đã tới thăm Nancy vào tối qua và đưa ra ý kiến rằng: “Sẽ không còn lâu nữa đâu.” Rồi nói thêm: “Anh có đủ moócphin không?”

Có đủ không ư? Teddy nghĩ.

*

Đang ở trong bếp để làm món khoai tây nghiền nướng thịt bò băm, Teddy nghe thấy tiếng nhạc chói tai khủng khiếp phát ra từ phòng khách. Anh còn chưa kịp chạy ra để kiểm tra tình hình thì Viola đã chạy vào bếp, đầm đìa nước mắt, nói: “Mẹ bị làm sao í ạ.”

Nancy đang gõ rầm rầm các phím đàn như thể đang cố hủy hoại nhạc cụ ấy. Hai bàn tay cô co quắp lại gần như thành nắm đấm, và khi anh giữ lấy chúng nhằm vỗ về cô, cô đã nhìn anh với nụ cười méo xệch kỳ lạ và cố nói điều gì đó. Dường như cô rất muốn anh hiểu được, nhưng anh phải nhờ đến Viola đang đứng bên cạnh thông dịch thì anh mới nghe ra tiếng lẩm bẩm ngong ngịu ấy. Cô nói *"Anh hùng."*

Anh nhẹ nhàng dìu cô ngồi xuống một chiếc ghế bành bên cửa sổ, rồi họ mang trà và bánh quy cho cô, nhưng khi anh nhìn vào mắt cô, anh biết điều cô lo sợ nhất đã xảy ra. Nancy không còn là Nancy nữa.

Anh đã dìu cô đi ngủ sớm nhưng cô thức giấc từ trước nửa đêm, rên rĩ và gào thét, không rõ là vì đau đớn về tinh thần hay thể xác. Anh đoán là cả hai. Cái vỏ, bóng dáng của người phụ nữ từng là vợ anh đang la hét những lời vô nghĩa, thậm chí còn chẳng ra từ ngữ gì - chỉ là những tiếng gầm gừ gào rống như một con thú.

Anh đi hâm nóng sữa, rót vào một cốc rượu rum. Và dốc vài ống moócphin vào đó. Rồi anh dựng Nancy dậy, quần một cái ga trải giường quanh bờ vai gầy của cô. "Uống đi!" Anh nói, giọng điệu hồ hởi quá mức. "Thứ này sẽ khiến em cảm thấy khá hơn nhiều."

Anh đã không nhìn thấy Viola đang đứng ngái ngủ ở ngưỡng cửa, đi chân trần và mặc bộ pyjama cotton. Cô bé đã bị đánh thức bởi những tiếng gào thét man dại không giống với tiếng người của mẹ cô bé.

Thay vì chìm vào giấc ngủ sâu mà Teddy hy vọng sẽ là cánh cửa dẫn đến cái chết, Nancy đột nhiên càng kích động

hơn, cô lăn lộn quanh giường, cào xé ga trải giường, vấy ngủ và tóc như thể đang cố tổng cổ một con quỷ đang ám lấy mình. Anh dốc thêm moóc phin vào chỗ sữa còn lại trong cốc nhưng hai cánh tay đang vung vẩy loạn xạ của cô đã hất văng nó đi. Cô bắt đầu gào thét, tiếng thét ấy nghe thật góm ghiếc, kéo dài không ngừng nghỉ, miệng cô há hoác như cái miệng đen sì của một con thú dữ, như thể cuối cùng cô đã trở thành con quỷ đang chiếm ngự đầu óc cô. Trong nỗi tuyệt vọng, Teddy tóm lấy một cái gối và ấn nó vào mặt cô, ban đầu còn ngập ngừng rồi sau đó mạnh tay hơn, vì anh không thể chịu nổi ý nghĩ rằng đến cuối cùng, vào phút chót, cô lại bị khước từ sự yên bình, bị khước từ việc “kết thúc cuộc đời vào lúc nửa đêm không chút đau đớn”. Anh ấn cái gối thật chặt. Đây chính là giết người. Cuộc chiến tay đôi. Cho đến khi cái chết chia lìa.

*

Cô nằm im lìm. Anh bỏ cái gối ra. Cô đã không còn sức chiến đấu hoặc có lẽ moóc phin đã có tác dụng, nhưng cô nằm im lìm. Anh bắt mạch cho cô. Mạch đã ngừng. Trái tim anh đập thành thịch. Khuôn mặt cô thật thư thái, nỗi đau đớn và sự lũng lộn của một con thú đã biến mất. Cô lại là Nancy. Cô lại là chính mình.

*

Viola lặng lẽ trở về giường. “Những cơn ác mộng thực sự xảy ra khi chúng ta tỉnh giấc.” Cô đã viết như vậy trong *Cứ mỗi ba ý nghĩ*, cuốn tiểu thuyết cuối cùng của cô. (“Cuốn tiểu thuyết hay nhất của bà ấy.” Từ *Good Housekeeping* ca ngợi.)

*

“Chuyện gì sẽ xảy ra với cô gái nhỏ đang ở trên gác nếu anh bị bắt và ra hầu tòa?” Bác sĩ Webster nói. Con bé có thể ở với bất cứ người dì, người bác nào của nó, Teddy nghĩ. Có lẽ bất cứ ai trong số họ cũng sẽ làm tốt hơn anh. “Nếu anh cũng xảy ra chuyện gì...” Nancy từng nói với anh. “... Em nghĩ Viola nên đến ở với chị Gertie.” (“Đương nhiên là sẽ không có chuyện gì xảy ra với anh đâu!”)

Trong số tất cả những người dì, người bác của Viola, Gertie có vẻ là sự lựa chọn gần như kỳ quặc nhất - Millie là người xếp đầu bảng trong danh sách những người không phù hợp. “Sao lại là chị Gertie?” Anh hỏi.

“Chị ấy hiểu biết, thực tế và nhẫn nại.” Nancy nói, giơ các ngón tay để liệt kê các đức tính của Gertie. “Đồng thời chị ấy còn có máu phiêu lưu và không sợ gì cả. Chị ấy có thể dạy Viola dũng cảm.” Viola không phải là người dũng cảm, họ đều biết điều đó nhưng chẳng ai chịu nói ra.

Mình có quyền gì mà nói về lòng dũng cảm chứ, Teddy nghĩ, rót cho mình và bác sĩ Webster một ly whisky nữa.

“Tôi sẽ lập giấy chứng tử.” Bác sĩ nói. “Có lẽ anh nên gọi điện cho một người làm dịch vụ tang lễ, hoặc tôi sẽ lo giúp

anh nếu anh muốn.”

“Không.” Teddy nói. “Để tôi làm.”

*

Sau khi bác sĩ ra về, Teddy đi lên phòng Viola ở trên gác. Cô bé vẫn đang ngủ say. Anh không thể đánh thức con gái dậy để thông báo cho cô bé biết cái tin tức có lẽ là xấu nhất mà cô bé từng được nghe. Anh vuốt vầng trán hơi ẩm ướt của cô bé và nhẹ nhàng hôn lên đó. “Bố yêu con.” Anh nói. Đáng lẽ anh nên nói mấy lời này với Nancy trong giây phút cuối cùng của cô, nhưng anh đã quá chú tâm vào cuộc vật lộn cuối cùng khủng khiếp ấy nên chẳng nói được điều gì với cô cả. Viola trở mình và lẩm bẩm gì đó, nhưng không tỉnh dậy.

2012

Tình yêu, Lòng khoan dung, Lòng trắc ẩn, Sự yên bình

Nữ hoàng đang chậm chậm đi thuyền dọc sông Thames.

“Nữ hoàng.” Viola nói. “Bà ấy đang ở trên ti vi.” Bà đang thuật lại các sự kiện một cách đơn giản - đoàn thuyền trên sông, cơn mưa, sự nhẫn nại đáng ngưỡng mộ của hoàng tộc. “Nhưng bố không thể xem ti vi, đúng không?” Bà nói rất to và chậm rãi với Teddy như thể ông là một đứa trẻ cực kì ngốc nghếch. Bà đang ngồi trên một cái ghế bành lưng cao bên cạnh giường ông ở nhà dưỡng lão. Bà luôn thấy không thoải mái khi ngồi ở cái ghế đó. Nó được thiết kế dành cho người cao tuổi, và bà sợ mình bị tính là một trong những bậc cao niên, vì bây giờ bà đã đến tuổi có thể đăng ký những chuyến du lịch của Saga^[202] và tham gia câu lạc bộ ăn trưa trong hội trường của nhà thờ, đến tuổi mặc áo khoác anorak^[203] màu be và quần chun. (Không đời nào!) Bà đã đến tuổi chuyển tới Fanning Court. Lạy Chúa!

Teddy không còn ngồi ghế được nữa. Ông không thể rời khỏi giường hay làm bất cứ việc gì. Ông đang đến gần những giây phút cuối cùng trong buổi hoàng hôn của cuộc

đời mình, chuẩn bị bước vào màn đêm thăm thẳm. Viola hình dung những khớp thần kinh trong đầu ông cháy bùng lên rồi lại lịm đi như cái chết từ từ của một ngôi sao. Chẳng mấy chốc Teddy sẽ cháy hết hoàn toàn, nổ tung và trở thành một lỗ đen. Viola không hiểu lắm về vật lý thiên văn, nhưng bà thích hình ảnh ấy.

Ông được gắn mác, đó là một chiếc vòng nhựa của bệnh viện đeo quanh cổ tay ông. Sunny và Bertie đều từng đeo loại vòng ấy trong phòng sản. Có những người cất giữ những vật như thế - chiếc răng sữa đầu tiên, đôi giày đầu tiên, những bức tranh đầu tiên vẽ từ thời mẫu giáo, các phiếu thành tích học tập - và coi chúng là những kỷ vật quý giá của thuở ấu thơ, nhưng Viola thì vứt bỏ tất cả. (Phải, bà hối hận với hành động đó. Được chứ?)

Trên cái vòng tay bằng nhựa của Teddy có chữ “DNR^[204]”, cho thấy rằng ông chỉ còn sống lay lắt, như một vật đã quá hạn sử dụng từ lâu. Ôi Chúa ơi, cuộc sống thật khủng khiếp. Một ký ức về đêm qua trở lại với bà, mặc dù nó chưa từng biến mất. Bà rùng mình khi nghĩ về nó. Bà đã tự làm mình bẽ mặt hết sức. “Tự làm nhục mình” thì đúng hơn.

*

Chiều tối qua bà đã đi từ Harrogate tới York, hy vọng sẽ gặp vài người bạn. Phải, có vẻ hơi khó tin nhưng bà cũng có bạn bè. Bà sẽ gọi điện cho họ và thản nhiên nói “Gặp nhau được không? Đi uống một ly đi?”, giả vờ như đó là một ý

tưởng vừa mới nảy ra, trong khi thực tế bà đã lên kế hoạch cho việc này từ vài ngày trước. Bà đang cố gắng sống ngẫu hứng hơn - bây giờ bà mới nhận ra thứ mà bà nghĩ là sống ngẫu hứng trong những năm trước đây chỉ là sự thụ động. (“Bọn mình đi biển đi?” “Ừ, ok.”) Bà cũng đang cố gắng khôi phục lại cuộc sống giao du mà bà từng có nhưng đã bỏ bê một cách đáng tiếc từ khi bà thành đạt. (“Mình bận lắm, xin lỗi cậu nhé!”)

Đã lâu lắm rồi bà không gặp những người bạn này - phải đến hàng năm trời (hàng chục năm trời) - và mối quan hệ giữa họ đã trở nên xa cách. Họ đều từng tham gia một “Hợp tác xã Phụ nữ về Thực phẩm nguyên chất”, đại khái là họ mua trấu và vỏ hạt khô đựng trong những bao tải lớn xấu xí, được gắn cho cái móc là ngũ cốc, rồi chia cho nhau. Họ không có mấy điểm chung, ngoại trừ việc cùng học trường Steiner và tham gia Chiến dịch Giải trừ Hạt nhân, nghe thì có vẻ nhiều, nhưng Viola lại không thấy như vậy.

Lúc tới York, bà mới nhận ra bà đã quên hôm đó vừa là thứ Bảy vừa là ngày lễ Ngân hàng^[205], và thấy York tung bừng trong bầu không khí lễ hội, đâu đâu cũng thấy treo cờ trang trí màu đỏ, trắng và xanh. Dịp nghỉ cuối tuần cũng là thời điểm thành phố bị vây hãm bởi những bầu hươu đực và gà mái^[206] điên cuồng xuống đây từ những nơi thậm chí còn xa hơn nữa về phía bắc.

Bà thuê phòng ở khách sạn Cedar Court, vốn là trụ sở của Công ty Đường sắt Đông Bắc. Tất cả mọi thứ rất cuộc đều trở thành khách sạn. Bụi, cát và khách sạn. Bà đã mong nhận được một phòng có tầm nhìn đẹp, quay mặt về phía

Bar Walls, nhưng chẳng còn phòng nào loại đó còn trống cả. Nếu bà đang ở trong một cuốn tiểu thuyết của Forster, bà sẽ gặp tình yêu của cuộc đời mình vào thời điểm này (bà cũng sẽ trẻ hơn bốn mươi tuổi), bị rung động và cuối cùng sẽ có được tầm nhìn đẹp. Không phải là bà muốn được rung động (bà đã từ bỏ đàn ông) hay thực sự gặp tình yêu của đời mình, nhưng bà sẽ thích có được một tầm nhìn đẹp. Cô gái làm thủ tục nhận phòng cho bà ở quầy lễ tân gần như chắc chắn chưa bao giờ nghe đến cái tên Forster, nhưng có thể cô ta đã nghe danh Viola Romaine, tuy nhiên Viola không muốn thử giả thuyết đó. Viola có cảm giác bà đã dành cả đời để lội qua một biển vô tri tuy nông nhưng mênh mông không thấy bến bờ. Phải, bà đang võ đoán. Không, bà không có quyền làm vậy. Nhân viên lễ tân (cô ta chưa từng nghe nói đến Forster hay Viola Romaine, nhưng lại “thích thú” *Năm mươi sắc thái*, nếu Viola biết được điều này thì bà hẳn sẽ tức ói máu) đưa cho bà chiếc chìa khóa bằng thẻ từ và nói cô ta sẽ gọi ai đó tới dẫn bà về phòng. “Tôi có thể giúp gì cho bà nữa không, bà Romaine?”

Sau khi ly dị, Viola vẫn giữ họ của Wilf (và một nửa số tiền bán nhà, đương nhiên rồi) với cái cớ là nghe nó thú vị hơn hẳn cái họ “Todd” tầm thường. Một ngày kia, có người đã hỏi bà: “Từ Romaine phát âm thế nào? Giống như tên một loại rau diếp đúng không?” Cô của cha bà, tác giả của những cuốn sách góm ghiếc dài bất tận về Augustus, đã chọn cái tên “Fox” - nghe hay ho hơn hẳn tên của một cây rau diếp, tại sao bà không nghĩ ra điều đó nhỉ? Viola Fox. Có lẽ bà sẽ dùng bút danh đó để viết một cuốn sách thuộc

thể loại khác - một cuốn sách nghiêm túc tuy không bán chạy nhưng được giới phê bình tán tụng. (“Một đề tài thách thức những giả định có tính nhận thức luận của chúng ta về bản chất của tiểu thuyết.” Tạp chí TLS.)

Họ đã kết hôn sau khi gặp nhau đúng một tháng. “Một mối đam mê bùng cháy.” Viola giải thích với hội phụ nữ của bà, những người thất vọng nhưng đổ kị một cách kỳ lạ. Từ “đam mê” cuốn hút Viola - có lẽ nó còn cuốn hút hơn cả bản thân sự đam mê. Đó là thứ tất yếu tàn lụi, thường xuất hiện trong các tác phẩm của chị em nhà Brontë, và bà cảm thấy bà đã không có đủ sự đam mê trong cuộc đời mình. Bà khao khát thời kỳ Lãng mạn^[207]. Với Wilf Romaine, bà không có được sự đam mê hay lãng mạn, chỉ có sự mơ tưởng mà thôi.

Wilf Romaine có vẻ hăng hái trong các cuộc biểu tình, nhưng hóa ra ông ta chỉ là kẻ “thùng rỗng kêu to”. Ông ta, một nhà luận chiến, một nhà hoạt động chính trị, tham gia Chiến dịch Giải trừ Hạt nhân, thành viên của Đảng Lao động, vân vân, lúc nào cũng quan trọng hóa việc là con trai của một thợ mỏ. Nhưng, như Viola cảm thấy cần phải chỉ ra cho ông ta không lâu sau khi họ kết hôn, là con trai của một thợ mỏ không thực sự biến ta thành một thợ mỏ. Thay vì thế, ông ta là một giảng viên ngành Truyền thông (một ngành học vô nghĩa) ở một trường đào tạo nghề, mắc bệnh tiểu đường tuýp 2 và nghiện rượu. Ông ta từng có vẻ bạo liệt và cao cả, nhưng cuối cùng ông ta cũng đáng thất vọng như tất cả những người khác.

“Ông ta có đánh bà không?” Gregory, bác sĩ trị liệu của bà, hỏi. Gregory tin chắc rằng bạo hành gia đình chính là nguyên nhân của vấn đề.

“Có.” Viola nói, bởi vì điều đó rõ ràng nghe thú vị hơn hẳn cái sự thật nhạt nhẽo là họ thờ ơ với nhau. Khi ta trở nên già hơn và thời gian trôi đi, ta nhận ra rằng nỗi khác biệt giữa sự thật và hư cấu không thực sự quan trọng lắm, bởi vì cuối cùng tất cả đều biến thành đồng sự kiện hỗn độn, lơ mờ, chẳng còn ai nhớ đến. Về mặt cá nhân hay chính trị cũng chẳng có gì khác biệt.

*

Các con của Viola dọn ra ở riêng và bà chuyển tới Whitby, mặc dù nói cho đúng ra thì người dọn ra ở riêng là bà chứ không phải Sunny. Đó là khi bà trở thành một nhà văn. Ngay cả Viola cũng nhận thức được rằng bà cần phải giữ mình thoát khỏi tâm trạng biếng nhác, gắn kết với cuộc sống thực tại - đương nhiên, đó là điều mà Tiếng nói của Lý trí sẽ nói. Viết lách có vẻ là thứ mà bà hiểu biết, mặc dù bà chỉ biết về nó từ chiều ngược lại - đọc - và mất một thời gian bà mới nhận ra rằng viết và đọc là hai hoạt động hoàn toàn khác nhau - thực tế là hai thái cực đối nghịch. Và bà phát hiện ra rằng chỉ vì bà có thể viết theo lối chữ thảo không có nghĩa là bà có thể viết sách. Nhưng bà đã kiên trì, có lẽ là lần đầu tiên trong cuộc đời bà.

Bà đã được “học nghề” rất tốt - bà đọc sách rất sớm, là con một, mồ côi mẹ, và có tính tò mò cần thiết. Hồi nhỏ, bà

đã lảng vảng ở các ngưỡng cửa, lắng nghe và quan sát. (“Các nhà văn chỉ là những con chim kèn kèn!” Tạp chí *People’s Friend* (Bạn của mọi người), 2009.) Bà gửi cuốn *Chim sẻ ban mai* đến một nhà đại diện nhưng bị từ chối, bà lại gửi tiếp đến một nhà đại diện khác, rồi một nhà đại diện khác nữa cho đến khi cuối cùng cũng có người hồi đáp và nói rằng nó “thú vị”, mặc dù từ “thú vị” ấy nghe như một lời xúc phạm nhưng cô ta đã bán được nó cho một nhà xuất bản, và nhà xuất bản ấy đã ký với bà một hợp đồng (khiêm tốn) xuất bản hai cuốn sách. Rồi chưa đầy một năm sau, *Chim sẻ ban mai* đã trở thành một vật thể hữu hình, rắn chắc trong thế giới hiện tượng, chứ không còn là một đồng ý tưởng lộn xộn trong đầu Viola. (“Tiếp theo sẽ là gì ngoại nhỉ?” Bertie nói với Teddy. “*Những con lửng trong bữa sáng? Lũ thỏ giờ đi ngủ?*”)

Cha bà có vẻ không ấn tượng với thành tích này như bà mong muốn. Bà đã gửi cho ông một bản in thử, rồi sau đó vào ngày phát hành cuốn sách, bà đã tới York, cha bà đã dẫn bà đi ăn ở ngoài và, ngạc nhiên thay, ông đã gọi sâm banh để “chúc mừng”, nhưng những lời phê bình của ông dành cho cuốn tiểu thuyết không được nhiệt tình lắm. Bà đã mong ông sẽ choáng ngợp và sững sốt bởi tài năng của bà thay vì lời khen “Rất hay” với giọng điệu nghe như ngược lại. (Dường như) ông cũng không hiểu được rằng cuốn sách nói về họ - cô gái trẻ thông minh sáng dạ và già dặn cùng mối quan hệ không mấy tốt đẹp với người cha gà trống nuôi con của mình, đại loại vậy. Hẳn nhiên ông phải biết chứ? Sao ông không nói gì? Thay vì thế, trên đường về nhà, ông

hát: “Và kẻ lập dị khác thường ấy, nữ tiểu thuyết gia ấy, tôi không nghĩ cô ta sẽ bị bỏ sót - tôi chắc chắn cô ta sẽ không bị bỏ sót!” Như thế toàn bộ chuyện đó thật nực cười. “Gilbert và Sullivan...” Ông nói. “... Bài hát *Tôi có một danh sách nhỏ*.” Chẳng phải tất cả chúng ta đều thế sao, cô nghĩ.

Chim sẻ ban mai không thành công lắm. “Quá ủy mị”, “Khá rườm rà”. Bà đã đào hố chôn mình với cuốn tiểu thuyết đầu tay, nhưng đã tự giải thoát bằng cuốn tiểu thuyết thứ hai, *Những đứa con của Adam*, “một tấn bi hài kịch vừa ngọt ngào vừa cay đắng về cuộc sống trong một công xã ở thập kỷ sáu mươi”. Bà đã lùi những trải nghiệm của mình về một thập kỷ hợp với trào lưu hơn và kể về nó với con mắt của một đứa trẻ bốn tuổi. “Nhưng chẳng phải đó là câu chuyện của con chứ không phải của mẹ sao?” Bertie rầu rĩ nói. Nó được rất nhiều người yêu thích (“Chẳng hiểu sao...” Bertie thắc mắc với Teddy) và được chuyển thể thành một bộ phim đậm chất Anh quốc với Michael Gambon và Greta Scacchi đóng vai chính, rồi sớm rơi vào quên lãng.

Và thế là sự nghiệp rực rỡ của bà bắt đầu.

*

Phòng ngủ của bà ở Cedar Court rộng rãi và khá tối, hẳn là nó đã từng là văn phòng của ai đó. Bà gọi điện cho những người bạn mà bà định gặp và thấy rằng số điện thoại của họ không còn hoạt động, điều này chỉ ra rằng bà đã không liên lạc với họ lâu đến chừng nào. Thành thật mà nói (bà cũng

đang cố gắng thành thật hơn), bà thấy nhẹ nhõm. Họ sẽ không phải ép mình hàn huyên tâm sự. Và bà đã tiến rất xa kể từ những ngày đó, còn họ thì có lẽ không. Nếu bà nghĩ về họ, bà hình dung họ vẫn mặc những chiếc áo len chui đầu dày cộp cùng váy dài và đi guốc, tóc mái lòa xòa trên mặt, chia nhau loại đồ ăn dành cho ngựa trong những bao tải lớn, mặc dù thực tế một người hiện là luật sư biện hộ ở North Square còn người kia đã chết.

Bà nằm xuống giường và nhìn chăm chăm lên trần nhà. Mới sáu giờ và bức mình thay, vào tối mùa hè, ánh sáng sẽ chẳng bao giờ tắt. Bà có thể nằm đây nhìn chăm chăm lên trần nhà hoặc xem ti vi và gọi phục vụ phòng. Cả hai lựa chọn đó đều chẳng đủ sức hấp dẫn, vì vậy bà quyết định đương đầu với một buổi tối thứ Bảy ngày lễ ở York, vốn không phải một việc dễ dàng gì. Ít nhất hôm nay không phải ngày đua ngựa, một sự kiện cũng thu hút những nhóm đông phụ nữ trẻ ăn mặc lố lằng, họ có thể được phân biệt với những cô “gà mái” bình thường bởi những chiếc mũ cách điệu, một vật đội đầu trông rõ là khôi hài. Và tất cả bọn họ đều quá béo! Làm thế nào mà họ chui được vào các ngăn toilet và len được vào những chỗ ngồi trong rạp chiếu phim nhỉ? Ta có thể bị họ đè bẹp đến chết nếu không cẩn thận.

*

Dù vẫn còn sớm nhưng khi Viola rời khỏi khách sạn, bà nhận ra rằng những “chú hươu đực” và những “cô gà mái”

đã tràn ra đầy đường, say quắc cần câu. Bà rùng mình khi nghĩ đến tình trạng của họ sau đó. Vài “chú hươu” mặc đồ hóa trang - cả một nhóm đàn ông (bà cho rằng phải gọi họ là một bầy mới đúng) mặc trang phục hình quả chuối đang tràn xuống những bậc thang dẫn vào quán bar Slug and Lettuce (Sên và Rau diếp) bên bờ sông. Tuy nhiên, phần lớn mọi người đều mặc “đồng phục truyền thống” của đàn ông - quần jean và áo phông sạch sẽ, sức nức mùi nước xoa sau khi cạo râu, cơ bắp mềm nhão. Các cô gái thì mặc áo phông dính những viên đá xếp thành tên nhóm của họ - “Bữa tiệc độc thân của Claire”, “Những cô gà mái trong thành phố”, “Con đường duy nhất là Darlington” - Theo đánh giá của Viola, nhóm được nhắc đến cuối cùng này cực kì ngây thơ. Màu hồng là màu chủ đạo của các cô gái ấy - mũ cao bồi màu hồng, áo phông màu hồng, váy xòe màu hồng, băng đeo chéo màu hồng. Họ là kiểu con gái nghĩ rằng bánh cupcake là sành điệu. Bánh cupcake là một thứ nữa mà Viola chướng mắt. Chúng chỉ là những cái bánh nhỏ thôi mà, vì Chúa! Tại sao phải quan trọng hóa chúng lên như thế? Để kiếm tiền, đương nhiên rồi.

Bà nhìn thấy những cái bờm mô phỏng râu côn trùng (đương nhiên là màu hồng) trên đầu một nhóm con gái (“Những cô gà mái rừng mỡ của Hannah”) đang tranh luận rôm rả ở cột đèn giao thông trên cầu Lendal, phân vân không biết tiếp theo nên đưa nhân vật chính của họ đến địa điểm nào. Lần cuối Viola nhìn thấy những chiếc bờm kiểu này là hồi thập niên tám mươi. Hồi nhỏ, Bertie cũng có một chiếc bờm như thế, những quả cầu bằng bạc dát kim tuyến

cứ lắc lư trên cái đầu nhỏ xíu của cô bé giống như râu côn trùng. Và - Viola đột nhiên nhớ ra - đi kèm với chiếc bờm ấy là một đôi cánh dát bạc. Bertie nói cô là con ngài chứ không phải là con bướm. Tim Viola nhói lên như bị đâm nhẹ một cú. Ta phải cẩn thận với những cú đâm - nếu ta bị đâm quá nhiều, những cú đâm ấy có thể làm kết cấu của trái tim yếu đi, tạo ra những đứt gãy, kẽ nứt và vết rạn, và trước khi ta kịp nhận thức được, toàn bộ cấu trúc mong manh ấy có thể vỡ tan thành hàng nghìn mảnh nhỏ. Trái tim Viola được gắn kết bằng băng dính và hồ dán. Đó có phải là một hình ảnh thú vị không? Bà cũng không chắc nữa.

Bertie không chịu nghe theo lời khuyên của Viola, cô bé khăng khăng đeo nguyên đôi cánh bạc ấy để đi ngủ. Sáng hôm sau, khi phát hiện chúng bị vỡ nát đến mức không gắn lại được nữa, cô bé đã khóc nức nở, không ai an ủi được. “Đấy, đáng lẽ con nên nghe lời mẹ, đúng không nào?” Viola nói. “Mẹ đã nói với con chuyện này sẽ xảy ra mà.”

Gieo gió thì gặt bão, Viola. Gieo gió thì gặt bão.

Đi cuối đoàn Những cô gà mái rừng mỡ của Hannah là hai người phụ nữ lớn tuổi, trông khá chán chường - có lẽ đó là bà mẹ của cô dâu và một bà dì hoặc có thể là mẹ chồng tương lai. Cơ thể bèo nhèo của họ chật vật ních trong cái áo phông bó màu hồng, với cái tên nhóm được kết bằng đá gắn trên bộ ngực chảy sệ. (“Một chiếc coóc xê thật tốt...” Viola Romaine giải bày với vẻ bí mật. “... Chính là bí quyết để có ngoại hình đẹp đối với phụ nữ lớn tuổi.” Báo *Sunday Express* (Tin nhanh Chủ nhật), chuyên mục *Cuộc sống và*

phong cách, năm 2010. Bà không hề nói thế! Báo trích dẫn sai rồi.)

Viola tự hỏi, liệu một ngày nào đó bà có giống như họ không? Suy cho cùng, với cái phong cách nửa nghiêm túc nửa lầy lội, Bertie có thể quyết định tổ chức một bữa tiệc độc thân truyền thống (“Những cô bé của Bertie”) và gây ra sự bẽ mặt cho “đoàn tùy tùng” của mình. Đương nhiên là Bertie phải gặp ai đó để kết hôn trước đã. Viola đang bắt đầu cảm thấy bà sẽ không bao giờ có được cơ hội trở thành một người bà để chuộc lại những lỗi lầm của quãng đời làm mẹ. Sunny có thể đã trở thành một nhà tu, còn Bertie hình như chẳng hẹn hò ai cả, hoặc nếu có thì cô chắc chắn cũng chẳng kể cho mẹ cô nghe về chuyện đó.

Những cô gà mái rừng mỡ của Hannah có vẻ đã ngấm đi đến một quyết định, rồi cả “bầy” kéo nhau đi xuôi theo phố Rougier. Khi họ đi qua trước mặt Viola, bà bối rối nhận ra những cái bờm mô phỏng râu côn trùng ve vẩy trên đầu họ mà bà đang nhìn chăm chăm thực chất là hình “cái đó” của đàn ông. Chúng đột nhiên sáng lên, bắt đầu nhấp nháy và những cô “gà mái” liền hướng vào nhau mà kêu lên quang quác như thể mình là gà thật. Viola đỏ bừng mặt, vội vàng đi vào tiệm Betty’s ấm cúng thân thuộc. Một nơi ẩn náu để tránh xa những điều tệ hại, một địa điểm sáng sủa, sạch sẽ, đáng tin cậy.

Bà ăn món salad gà và uống hai ly rượu vang. Bà không còn ăn chay nữa. Nếu cứ ăn những loại đậu đó thì thật khó để giữ được vóc dáng. Một người đàn ông đang chơi piano - rất điêu luyện, anh ta không chỉ chơi những bản nhạc

thường được biểu diễn trong các phòng trà mà còn chơi vài bản của Chopin và Rachmaninov. Chopin gợi cho Viola nghĩ đến mẹ mình và ký ức ấy luôn khiến bà buồn bã khủng khiếp. Viola đã bỏ chơi piano sau khi Nancy mất. Nếu bà vẫn kiên trì học đàn, có thể bà đã có sự nghiệp trong ngành âm nhạc. Một nghệ sĩ piano chơi trong dàn nhạc giao hưởng - chà, tại sao lại không nhỉ?

Viola xuống dưới nhà để vào nhà vệ sinh. Dưới đó có một mảnh kính vỡ của chiếc gương ở đằng sau quầy bar hồi còn là “quán rượu Betty” trong chiến tranh. Các tổ bay RAF từng vạch tên họ lên tấm gương đó. Cha bà từng kể về quán rượu Betty và việc ông thường uống rượu ở đây hồi chiến tranh, nhưng bà đã không thực sự lắng nghe những hồi tưởng ấy của ông. Bây giờ tấm gương ấy là một kỷ vật (bên cạnh toa lét). Hầu như tất cả những người đàn ông để lại tên mình trên ấy đều đã chết. Viola cho rằng nhiều người trong số họ đã chết từ trong chiến tranh. Bà nhìn chăm chú những cái tên gần như vẫn còn đọc được. Cha bà có để lại tên mình ở đây không? Bà ước gì mình đã hỏi về cuộc chiến của ông khi ông vẫn còn minh mẫn. Bà có thể dùng những ký ức của ông để làm nền tảng cho một cuốn tiểu thuyết. Một cuốn tiểu thuyết mà tất cả mọi người sẽ đánh giá cao. Người ta luôn coi trọng những cuốn tiểu thuyết viết về chiến tranh mà.

Khi bà trở lại bàn của mình, bà thấy một nhóm đàn ông hóa trang thành bao cao su đang loạng choạng bước qua quảng trường St. Helen. Họ đang ở một trong những thành phố Trung cổ được bảo tồn tốt nhất của châu Âu, vậy mà họ

lại hóa trang thành bao cao su. Sao họ không đến Benidorm ấy? Hoặc Magaluf? (“Mẹ muốn mọi người cư xử tốt hơn, nhưng bản thân mẹ lại cư xử chẳng ra sao cả.” Bertie nói.)

Một trong những người đàn ông hóa trang thành bao cao su áp mình vào tấm kính lớn của quán Betty’s như một con côn trùng, rồi nhìn các thực khách với ánh mắt dâm dăng. Người nghệ sĩ đánh đàn piano ngẩng lên nhìn rồi lại bình thản chơi tiếp nhạc của Debussy. Một chiếc xe bán tải đỗ lại giữa quảng trường St. Helen và “nhả ra” mấy người hóa trang thành xác sống. Các xác sống bắt đầu đuổi theo những người đàn ông hóa trang thành bao cao su. Đám đàn ông hóa trang thành bao cao su không có vẻ kinh ngạc lắm, như thể họ đang *mong đợi* đám xác sống đuổi theo mình. (“Họ trả tiền cho dịch vụ đó mà.” Bertie nói.) Chuyện đó thì có gì vui? Viola thất vọng. Bà nghĩ có thể bà đã giành chiến thắng trong cuộc đua chạm tới sự kết thúc của nền văn minh. Chẳng có phần thưởng nào cả. Hiển nhiên rồi.

Nhưng cuộc đua vẫn chưa kết thúc. Vạch đích đang ở trong tầm mắt nhưng Viola còn phải băng qua nó. Bà rời khỏi quán Betty’s và len lỏi quay trở lại qua cầu Lendal, hiện giờ bầu không khí ở đây vô cùng náo nhiệt. Chẳng hiểu vì sao bà lại vô tình vướng vào nhóm Những quý cô độc thân của Amy, một “bầy gà mái” cực kì lôi thôi lếch thếch vì đã say khướt và được chính Amy cầm đầu. Chiếc vương miện của cô ta đã bị lệch, một tấm băng đeo chéo trên cái áo ống rẻ tiền tuyên bố rằng cô ta là “Cô dâu” và một tấm băng có hình chữ “L”^[208] được gắn vào cái mông nhỏ xíu của cô ta. Chuyện gì đã xảy ra với các cô gái vậy? Đây là lý

do để Emily Davidson^[209] lao mình ra trước vó ngựa sao? Bà ấy làm vậy để các cô gái có thể đeo hình “cái đỏ” sáng trưng trên đầu và ăn bánh cupcake ư? Thật sao? Mỗi lần họ gặp một người đàn ông, họ lại giơ một ngón tay lên và hét to “Đeo nhẫn vào đây đi!”, rồi bám chặt lấy nhau mà cười rũ rượi. “Tớ cười chảy cả nước mắt rồi!” Một người trong số họ ré lên.

Một “bầy hươu đực” tràn tới quanh Viola. “Vui lên đi nào, chiếc túi cũ nhàu!” Một người trong số họ hét lên với bà. “Bà có thể gặp may nếu bà ngừng tỏ ra khốn khổ.” Viola huỳnh huých bước đi, trong lòng sôi lên vì phẫn nộ. Những kẽ nứt và vết rạn lan ra, khiến bề mặt trái tim bà nứt nẻ. Bà giống như một cây đàn piano được lên dây quá căng, tất cả các dây đàn đều sắp đứt và bật tung ra trong cơn lũ đáng sợ của các hình ảnh ẩn dụ.

Sao người ta có thể ngớ ngẩn và ngu dốt đến vậy? (“Sao lúc nào mẹ cũng giận dữ thế?” Sunny từng hỏi bà cách đây đã lâu. “Tại sao lại không giận dữ được chứ?” Bà gất gỏng.) Tại sao các con bà lại không yêu bà? Tại sao không có ai yêu bà? Và tại sao bà lại cô đơn, chán chường thế này và, thành thực mà nói, hoàn toàn thảm hại và...

Bà lao đi như bay, vấp vào một phiến đá lát vỉa hè, ngã phịch xuống, đầu gối va vào đá, hai tay chống xuống đất, giống như một con mèo nặng nề, trong thoáng chốc, cú sốc này đã dập tắt mọi thứ trong đầu bà. Đầu gối bà đau đến mức bà chẳng muốn nhúc nhích. Xương bánh chè của bà vỡ rồi chẳng? Một “con hươu đực” buông lời bình luận tục tĩu về tư thế của bà, và một giọng nói Geordie chín chắn của

một người phụ nữ đuổi hẩn biến đi. Viola ngồi dậy, quỳ gối trên vỉa hè, đầu gối bà rít lên. Một cái áo phông màu hồng xuất hiện trong tầm mắt. Những viên kim cương giả xếp thành chữ “Gái hư phát khùng ở York”. Một người phụ nữ - thực ra là một cô gái, cô ta trẻ hơn so với giọng nói đặc trưng của người hút thuốc, khuôn mặt tươi cười và tỏ vẻ quan tâm - ngồi xổm xuống cạnh Viola và nói: “Cung ổn cả chứ?”

Thực sự thì không, Viola nghĩ, hoàn toàn không. Bà òa khóc, ngay ở đó, trên những phiến đá vỉa hè của York, chiếc quần tất Wolford đắt tiền bị rách toạc, đầu gối trầy xước, rơm rớm máu. Bà không thể kìm được. Thật khủng khiếp! Những giọt nước mắt ứa ra từ bên trong bà như thể bà đã đột nhiên gõ vào một tầng ngầm nước cổ xưa chứa đầy nỗi đau. Nhưng bà hoảng hốt không chỉ vì nước mắt mà còn vì những lời thoát ra từ miệng bà. Tiếng hú gào bản năng, tiếng cầu khẩn thống thiết. Không phải tiếng gào mà là tiếng rên. “Tôi muốn mẹ tôi.” Bà lẩm bẩm. “Tôi muốn mẹ tôi.”

“Bà có thể mượn tạm mẹ tôi, cung à.” Ai đó nói và “đàn gà mái” phá lên cười. Tuy nhiên, cảm nhận được bà là một người phụ nữ đang suy nhược, có thể là vì rượu hoặc không, họ liền túm tụm lại, vây quanh bà vẻ che chở. Người thì nâng bà dậy, người thì đưa bà một chiếc khăn giấy, người khác lại đưa bà một chai nước khoáng Evian nhưng hóa ra nó đựng vodka nguyên chất. Một “gà mái sề”, với cái cổ nhăn nheo và khuôn mặt méo mó mặc áo phông viết dòng chữ “Mẹ của cô dâu”, đưa cho Viola gói khăn ướt Wet

Wipes. Họ hỏi xem bà định đi đâu và đội Gái hư dụi dằm dùi bà trở lại Cedar Court. Người gác cửa cố gắng ngăn họ lại nhưng vô hiệu, họ tràn qua ngưỡng cửa và ùa vào tiền sảnh. Viola mò mẫm tìm chiếc chìa khóa bằng thẻ từ và một “cô gà mái” đặc thăng giờ nó lên, hươ hươ nó trước mặt nhân viên lễ tân đang lo lắng.

“Bà ấy hơi mệt và xúc động.” Một “gà mái” giải thích. “Bà lão tội nghiệp.” Một cô “gà mái tơ” nói. Bà lão ư! Tôi mới sáu mươi thôi mà, Viola muốn phản đối, đó là một loại tuổi bốn mươi mới. Nhưng bà chẳng còn sức để phản đối nữa.

Bà sợ rằng “bầy gà mái” đó sẽ tiếp tục tiệc tùng trong căn phòng của mình, nhưng cuối cùng, bà đã thuyết phục được họ để mặc bà ở cửa thang máy. Mẹ của cô dâu ấn thứ gì đó vào tay bà, một món quà nhỏ xíu được bọc trong chiếc khăn giấy. “Valium^[210] đấy.” Bà ta nói. “Nhưng chỉ uống một nửa chỗ đó thôi nhé! Chúng mạnh lắm. Tôi đã quen với chúng rồi nên mới uống được cả liều.” Viola vẫn nước mắt lưng tròng, nấc lên cảm ơn bà ta.

*

Trong chốn ẩn náu của mình, bà bỏ qua thủ tục hàng đêm - tẩy trang, đánh răng, chải tóc - và mệt mỏi bò vào giữa những tấm chăn ga được hồ cứng, liều lĩnh uống hết cả liều Valium với hai chai vodka nhỏ lấy từ chiếc tủ lạnh mini trong phòng. Bà sợ sẽ gặp ác mộng, nhưng lại chìm vào giấc ngủ ngon đến đáng kinh ngạc. Những giấc ngủ vàng

hôn lên mắt bà, những con ngài bạc bay vun vút quanh đầu bà, và bà mơ một giấc mơ có tác động mạnh mẽ đến bà.

*

Bà dậy sớm, tắm rửa, thay quần áo, gọi một bình cà phê lớn và đánh giá thương tổn. Bà có cảm giác như thể mình đã ở trong một cuộc chiến, hoặc nếu không thì cũng là một cuộc xung đột đẫm máu. Bà còn cảm thấy gì nữa? Bà kiểm tra khắp người mình. Hai cổ tay có vẻ bị bong gân nhẹ, còn hai đầu gối cứng ngắc, đau đón khủng khiếp, như thể ai đó đã nện vào chúng cả đêm. Đầu bà như bị nhồi đầy len - chắc là do tác dụng của chỗ thuốc Valium mà mẹ cô dâu đã cho bà - ngoài ra không bị sút mẻ gì. Rồi bà nhìn vào sâu trong lòng mình. Hoàn toàn thê thảm, bà kết luận.

Bà trả phòng, nhẹ nhõm cả người vì không thấy bóng dáng của nhóm nhân viên đã chứng kiến cảnh tượng đáng xấu hổ của bà tối qua. Bà tự hỏi sáng nay nhóm Gái hư thế nào rồi nhỉ? Chắc là họ vẫn còn choáng váng vì men rượu và chưa nhắc nổi mình dậy. (Mặc dù thực ra họ đang ra sức ăn lấy ăn để bữa buffet sáng kiểu Anh thuần túy trong một khách sạn cao cấp thuộc chuỗi khách sạn Travelodge và đang chuẩn bị “càn quét” Primark. Họ đến từ Gateshead và có sức chịu đựng dẻo dai.)

Viola nhờ người gác cửa gọi giúp mình một chiếc tắc xi tới Đồi Dương. Ở bên cha bà trong ngày hôm nay là một cách để bà tự sám hối về chuyện tối qua. Để tỏ lòng ăn năn hơn nữa, bà sẽ xem Đại lễ Kim cương với ông.

*

Cha bà rõ ràng đã chẳng còn tí sức lực nào, bây giờ hầu như ông ngủ suốt ngày, giống như một chú chó già. Tại sao ông không ra đi cho xong? Ông định cứ lay lắt thế này đến trăm tuổi sao? Kéo dài thêm hai năm nữa trong tình trạng này ư? Đây chỉ là sự tồn tại - một con a míp còn có nhiều sức sống hơn ông. “Sự chiến thắng của sức mạnh tinh thần.” Cô nhân viên mới vào làm nói. Chỉ có những người mới toanh như cô ấy mới nói đến “kết quả tích cực” và “chương trình cải thiện” - vốn là những lời an ủi chẳng có ý nghĩa gì đối với hầu hết cư dân của Đồi Dương, những người hoặc là sắp chết hoặc đã loạn trí, hoặc cả hai. Nơi này được gọi là “nhà dưỡng lão” nhưng nó chẳng giống một ngôi nhà, mà các cư dân của nó cũng chẳng được “dưỡng lão” đến nơi đến chốn, khi mà người chủ của nó cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe để thu lợi nhuận nên thuê nhân viên với mức lương tối thiểu. Ở đây cũng chẳng nhìn thấy ngọn đồi hay cây dương nào. Đây là một mối băn khoăn đặc biệt mà thi thoảng Viola lại nghĩ đến, trong khi thực sự thì vấn đề đó không đáng để phê phán, và nó chỉ khiến bà giống như một người điên trong mắt các nhân viên - chủ yếu là người nước ngoài - ở nhà dưỡng lão này. (“Nói tiếng Ba Lan và Tagalog^[211].” Tập sách mỏng giới thiệu về Đồi Dương viết như vậy.)

“Trong này ngột ngạt quá!” Bà nói với Teddy. Ông lăm bắm gì đó, có thể là lời đồng tình. Lò sưởi được để ở nhiệt độ cao quá mức, càng tôn lên những thứ mùi đáng ghét

khiến ta nôn ọe ngay khi bước vào tòa nhà, và giúp nuôi dưỡng hàng triệu con vi khuẩn hằm đang bay lượn vòng quanh. Ở đây thường có mùi nước tiểu và phân động vật, cũng như mùi của một thứ gì đó thối rữa và thiu hỏng mà không một lượng nước sát trùng tẩy uế nào có thể khóa lấp được. Viola đoán đó là mùi tuổi già. Khi tới thăm Đồi Dương, bà cầm theo một chiếc khăn mùi soa tắm nước hoa Chanel để thi thoảng đưa lên mũi ngửi, giống như một bó hoa thơm để chống lại bệnh dịch^[212].

Các cửa phòng đều được mở toang, do đó mỗi phòng giống như một bức tranh nhỏ, phơi bày cảnh tượng tang thương ở bên trong, giống như một sở thú khủng khiếp hoặc một bảo tàng kinh dị. Vài người nằm trên giường, hầu như không nhúc nhích, trong khi có những người lại rên rỉ, la hét. Rồi lại có những người được dựng dậy, ngồi trên ghế, đầu gục xuống ngực như những đứa trẻ đang ngủ, và ở đâu đó không nhìn thấy được, một người phụ nữ đang kêu meo meo như một con mèo. Khi đi bộ dọc theo các hành lang, ta phải luôn lách qua “những người bị thương vẫn còn đi lại được” (Viola nghĩ về họ như vậy), họ là những linh hồn lạc chỉ đơn giản lê bước đi đi lại lại suốt cả ngày, mà không biết mình là ai hay mình đang đi đâu (rõ ràng là chẳng đi đâu cả). Không ai trong số họ biết mật mã của cánh cửa đang khóa chặt của chái nhà ấy (1-2-3-4 - có gì khó đâu chứ?), nếu có biết thì họ cũng chẳng thể nhớ, và nếu có thể nhớ thì đối với họ nó cũng chỉ là những con số vô nghĩa bởi vì trí não của họ đầy các lỗ hỏng, giống như đấng ten vậy. Thi thoảng Viola thấy họ tụ tập với nhau ở cửa, như các xác

sống (những xác sống chậm chạp, lơ đãng sẽ chẳng đuổi theo ai, dù có được trả tiền hay không), im lặng, chăm chú hướng mắt qua lớp kính lưới thép để nhìn ra cái thế giới mà bây giờ họ đã bị cấm cửa. Họ là các tù nhân đang thụ án chung thân. Những cái xác biết đi.

Bầu không khí ở chái nhà này càng trở nên khó chịu hơn bởi tiếng ti vi choe choe lẫn át nhau phát ra từ tất cả các phòng, phòng nào phòng nấy đều vãn âm lượng rất to - Chương trình *Đổi hay không đổi* đang cố gắng dìu đi chương trình *Về nơi thôn dã*, và chẳng ai thực sự quan tâm mình đang xem gì, bởi vì họ không thể hiểu được gì cả. Lúc nào cũng có tiếng chuông ngân rất dài vang lên ở đâu đó, bởi vì một cư dân đang cố gắng gây sự chú ý của ai đó, bất cứ người nào.

Còn có một sảnh sinh hoạt chung, nơi các cư dân ngồi trước một cái ti vi thậm chí còn lớn hơn và ồn ào hơn những chiếc ti vi trong phòng của mọi người. Vì một lý do nào đó mà Viola không thể hiểu thấu, trong sảnh còn có một cái lồng to nhất một cặp vẹt xanh chẳng bao giờ được ai chú ý đến. Bà vốn không thích Fanning Court, khu cư xá dành cho người già mà bà đã dể dành cha mình chuyển đến gần hai mươi năm trước, nhưng so với viện dưỡng lão này - ồ, xin lỗi, nhà dưỡng lão - nơi đó chính là vườn Địa Đàng đã mất. “Ồ, đây chính là địa ngục.” Bà từng thẳng nói với cha mình. “Con chẳng thoát được nó^[213], bố cũng không.” Bà nở nụ cười tươi với một nhân viên chăm sóc đi ngang qua cánh cửa mở. Có người tỉnh táo nào lại có thể nghĩ rằng

“cái chết không đau đớn^[214]” là một điều tồi tệ chứ? Shipman^[215] đã khiến cho tất cả mọi người nghĩ xấu về nó.

Nhưng dù Đồi Dương có tồi tệ thế nào thì nó cũng giúp Viola không phải chăm sóc cha bà, bà không phải thay bỉm, bón cháo và cố nghĩ ra những trò tiêu khiển cho ông trong những giờ phút dài đằng đẳng. Bà chưa bao giờ giỏi chăm sóc con cái, vì thế bà cũng sẽ chẳng biết cách chăm sóc một người đang ở bên kia con dốc cuộc đời. Bà không phù hợp với việc chăm sóc người khác.

Viola cho rằng bên trong bà được tạo thành từ một loại vật chất cứng rắn, như thể các mô và các cơ quan nội tạng mềm mại của bà đã bị can xi hóa vào một thời điểm nào đó từ rất lâu trong quá khứ. *Sự chai sạn hóa của Viola Romaine*. Một tiêu đề hay cho một cuốn sách viết về cuộc đời bà. Nhưng ai sẽ viết nó? Và làm thế nào bà ngăn họ được?

Thành thật mà nói (chí ít là với chính bản thân bà), bà không thực sự *thích* người khác. (““*L'enfer, c'est les autres*^[216].” Viola Romaine cười nhẹ, nhưng rõ ràng điều đó chẳng đúng chút nào, vì bà thường viết về nhân tình thế thái với sự đồng cảm lớn.” Tạp chí *Đỏ*, 2011.) Để bào chữa cho bà (Viola thường nghĩ về mình ở ngôi thứ ba, như thể bà đang trình diện trước một bồi thẩm đoàn), để bào chữa cho bà, dạo gần đây bà thường xúc động đến chảy nước mắt bởi những câu chuyện về sự ngược đãi động vật, điều này chứng tỏ bà không phải là một kẻ vô lương tâm. (Bồi thẩm đoàn đang dè dặt phán xét.) Nếu ta đọc báo lá cải, một việc Viola thường làm - “Cần phải hiểu kẻ thù của mình.” Bà sẽ

nói với bồi thẩm đoàn, nhưng thực ra những tờ báo khổ nhỏ ấy còn đáng đọc hơn nhiều so với những tờ báo khổ lớn cao ngạo tự mãn - ta sẽ thấy có vẻ như ở nơi nào cũng có những người đang bỏ đói những chú ngựa đến chết, hoặc ném những con chó con vào máy sấy khô quần áo, hoặc nhét những con mèo con vào lò vi sóng như thể chúng là đồ ăn vật.

Những câu chuyện này khiến Viola cảm thấy kinh hoàng, nhưng bà lại chẳng có cảm giác như vậy đối với những câu chuyện, ví dụ như, về sự ngược đãi trẻ con. Bà phải giấu giếm sự thật này, nó là một điều cấm kỵ, giống như việc bỏ phiếu cho Đảng Bảo thủ. Ngay cả Gregory, bác sĩ trị liệu cho bà, cũng không biết. Bà đặc biệt không thể để Gregory biết, vì nếu anh ta biết, anh ta sẽ dựa vào nó để thao thao bất tuyệt dạy đời bà. *Con người bí mật của nàng: Cách che giấu bản chất thật của mình*, tác giả Viola Romaine.

Bà bào chữa rằng (Bà có cần bào chữa không? Có lẽ là có) bà đã bị trục xuất khỏi lãnh địa của tình yêu sau khi mẹ bà qua đời. Nếu là cha bà, ông sẽ nói “Sau khi tôi mất vợ”, như thể Nancy là một món đồ mà ông sơ suất làm thất lạc. *Bị trục xuất khỏi lãnh địa tình yêu*, đó là tiêu đề một trong những cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Viola. “Một câu chuyện chưa xót về sự đấu tranh và mất mát.” Tạp chí *Woman’s Own* nhận xét. Những cuốn sách bà viết là nơi người ta có thể tìm thấy những gì tốt đẹp nhất của bà. (“Gần như ngang ngửa với nữ nhà văn Jodi Picoult.” Trang web *Mumsnet* nhận định.) Các độc giả của bà (chủ yếu là phụ nữ) - và bà có rất nhiều độc giả trung thành - đều nghĩ

bà là một người tốt, không, một người tuyệt vời. Điều đó thật đáng ngại. Nó khiến bà cảm thấy tội lỗi, như thể bà đã hứa hẹn những điều mà bà không thể thực hiện được.

Ba năm nay, tuần nào bà cũng đến thăm Đồi Dương, mặc dù bà chẳng muốn đặt chân đến nơi này chút nào, nhưng bà không muốn bị coi là người vô trách nhiệm. Viola chẳng thích thú gì việc ở bên cha mình. Bà đã luôn giữ khoảng cách với ông vì lý do này hay lý do khác, nhưng bây giờ ông đã là một phế nhân, giống như một đứa trẻ, bà cảm thấy ông vô cùng xa lạ. Ông lão thủy thủ^[217] thật may mắn - con chim hải âu của ông ta đã chết trước khi nó bị treo quanh cổ ông ta.

Hôm nay bà đi tàu hỏa từ Harrogate tới đây bởi vì bà đang trên đường đến một nơi khác. Bà thầm ghi nhớ trong đầu. *Trên đường đến một nơi khác* - một tiêu đề hay ho. Harrogate là nơi thuộc dạng thắng các cuộc thi làm vườn Britain in Bloom và là nơi sự nghèo đói bị quét sạch khỏi tầm mắt. Viola vẫn ấp ủ sự tiếc nuối vì bà chưa bao giờ vượt ra khỏi biên giới của Yorkshire, chưa bao giờ được sống cuộc sống sành điệu và thị thành ở London (bà tưởng tượng đó là một cuộc sống như vậy).

Bà không tính khoảng thời gian lưu trú ngắn ngủi của mình cùng với Dominic vô công rồi nghề trong một ngôi nhà mà họ chiếm dụng bất hợp pháp. Lúc đó họ ở khu Islington, khi ấy nó còn chưa trở thành một khu hạng sang, và bà hầu như không bước chân ra khỏi nhà. “Chúng trầm cảm sau sinh.” Sau này bà nói với mọi người như vậy, một cái mác bệnh tật hợp pháp để phô với mọi người, mặc dù

thực chất đó chỉ là sự trầm cảm thông thường. (“Tôi nghĩ tôi bị trầm cảm bẩm sinh.” Bà nói với cuốn tạp chí *Psychologies* (Tâm lý). “Tôi nghĩ nó khiến tôi thấu hiểu mọi người hơn.”)

Nếu sống ở London vào thời điểm này, bà sẽ được mời đến các bữa tiệc, những buổi ăn trưa và liên hoan. Sách của bà bán quá chạy (“bà là tác giả ăn khách trên thế giới”) nên giới sành sỏi sẽ không vây quanh bà, nhưng không nên nghĩ rằng bà là một tác giả đại chúng hoang dã đang đập rầm rầm cánh cổng dẫn vào London^[218]. (“Tôi là người phương Bắc và tôi tự hào vì điều đó.” Bà nói trong cuộc phỏng vấn với tờ *Daily Express* (Tin nhanh hằng ngày), tháng Ba năm 2006. Có thật thế không? Không hẳn thế.)

Bà muốn được lớn lên ở những quận hạt sang trọng bao quanh London, bà muốn được lớn lên ở Góc Cáo, nơi bây giờ gần như chỉ còn là huyền thoại trong trí nhớ của bà, trong trí nhớ của tất cả mọi người. Năm bà lên sáu thì Sylvie mất và ngôi nhà bị bán đi. Vài năm sau, Quạ Gáy Xám, ngôi nhà thời thơ ấu của mẹ bà, cũng tiếp bước nó khi bà Shawcross trở nên già yếu và chuyển đến Dorset để sống nốt những ngày còn lại cùng với Gertie nhằn nại. Đó là lỗi của cha bà, sau chiến tranh, ông đã chọn nơi đây để an cư. Bà chưa bao giờ hỏi lý do. Giờ thì đã quá muộn rồi. Tất cả đều đã quá muộn rồi.

Nữ hoàng vẫn tiếp tục đi thuyền giữa trời mưa gió một cách quả cảm. “Đại lễ Kim cương của bà ấy đấy.” Viola nói với Teddy. “Bà ấy đã ngự trên ngai vàng được sáu mươi năm. Đó là một khoảng thời gian dài. Bố có nhớ lễ đăng

quang của bà ấy không?” Viola còn chưa tròn một tuổi khi Nữ hoàng lên ngôi và bà chưa bao giờ biết một vị vua nào khác. Bà cho rằng bà sẽ được chứng kiến Thái tử Charles lên ngôi, hoặc có thể là Hoàng tử William nếu bà sống đủ lâu, nhưng bà sẽ không được chứng kiến đứa trẻ bụ bẫm con của anh trở thành Vua George VII. Cuộc sống là hữu hạn. Các nền văn minh mọc lên rồi sụp đổ và cuối cùng mọi thứ đều trở thành cát bụi, kể cả đứa trẻ hoàng gia bụ bẫm ấy. Chẳng thứ gì tồn tại mãi. Có lẽ chỉ trừ các khách sạn.

Viola chìm vào tâm trạng u ám khi nghĩ về sự tồn tại (bà tự cho phép mình làm vậy), và chỉ được kéo ra khỏi đó khi cha bà bắt đầu nghẹn thở. Bà hoảng hốt, cố giúp ông ngồi dậy. Cái bình trên bàn của ông hầu như không còn giọt nước nào, mặc dù theo quy định nó phải luôn được rót đầy. Các “cư dân” (một từ lố bịch, như thể họ đã lựa chọn sống ở đây vậy) có lẽ đều đang phải chịu cảnh thiếu nước như thế này. Chưa kể còn bị đói nữa. Trên trang web của Đồi Dương có viết “Ba bữa ăn đầy đủ dưỡng chất mỗi ngày”. Hằng ngày trên bảng thông báo đều đánh các thực đơn - khoai tây nghiền nướng thịt bò băm, cá và khoai tây áp chảo, thịt gà hầm. Nghe cứ như các món ăn thực thụ, trong khi thực tế tất cả những bữa ăn mà Viola nhìn thấy chỉ có một loại xúp lỏng bóng màu be và món tráng miệng là một loại thạch. Cha bà dường như không ăn gì nữa, ông đã được ngầm định là một người Breatharian^[219]. Viola từng bị hấp dẫn bởi chủ nghĩa Breatharianism trong một thời gian ngắn (rất chóng vánh, hiển nhiên rồi), như đối với tất cả những trào lưu, giáo phái khác. Sống dựa vào việc hít thở không khí có vẻ là

một cách giảm cân hiệu quả. Đó là một ý tưởng kỳ cục và bà bào chữa rằng - bà quay sang bồi thẩm đoàn - bà từng phải trải qua một “quãng thời gian cực kì tồi tệ” trong cuộc đời. Chuyện này xảy ra trước khi bà phát hiện rằng tất cả những gì ta phải làm để giảm cân là ăn ít đi. (“Thon thả.” Theo lời từ *Mail on Sunday* (Thứ Chủ nhật). “Và vẫn là người chủ sở hữu đầy hãnh diện của một cặp chân tuyệt đẹp, mặc dù bây giờ bà đã đi xe buýt theo vé tháng.” Không phải. Bà đi tắc xi chứ. Và thuê xe có người lái. Và bà sẽ thích hơn nếu họ dùng từ “tuyệt diệu” thay vì “tuyệt đẹp”.)

Viola rót chỗ nước cặn trong bình vào một cái cốc nhựa, rồi bỏ vào đó loại phụ gia tạo đặc có thể biến bất cứ chất lỏng nào thành một chất sền sệt trông rõ là ghê tởm, nhưng được cho là có tác dụng chặn đứng cơn ghen của cha bà. Bà kê chiếc cốc vào môi ông để ông có thể nhấp một ngụm chất sền sệt đó.

“Bà thấy tuổi già là một điều đáng ghét.” Gregory hỏi. “Hay chỉ riêng tuổi già của cha bà thôi?”

“Cả hai.” Bà nói.

“Cả tuổi già của chính bà?”

Phải, đúng thế, bà rất sợ già đi. (“Mẹ già rồi mà.” Bertie nói.) Số phận của bà ở cuối “cuộc chơi” cũng sẽ thế này ư? Các câu lạc bộ ăn trưa, những cái ghế dành cho người cao tuổi và cuối cùng là bị một người nói tiếng Tagalog bón cho thứ chất lỏng sền sệt? Một người không thực sự *quan tâm* đến bà. Cha bà thường nói gieo gió ắt gặt bão. Bertie chắc chắn sẽ không chịu sống chung với bà. Có lẽ bà sẽ đến Ball để sống cùng Sunny. Con trai bà là một Phật tử, tôn giáo

của nó bắt buộc nó phải có lòng trắc ẩn, không phải sao? “Nó giống một tín ngưỡng hơn là một tôn giáo.” Bertie nói.

Thử tưởng tượng xem nếu đó là một bộ luật và tất cả mọi người đều phải tuân thủ nó. Những khuôn mặt tươi cười, tỏ vẻ quan tâm xuất hiện ở khắp nơi, hỏi thăm liệu ta có ổn không. Liệu cuộc sống đó sẽ giống như địa đàng chốn nhân gian hay chỉ khiến ta thấy bức bối?

Đã mười năm rồi bà chưa gặp Sunny. Một thập kỷ! Sao chuyện đó lại xảy ra chứ? Loại mẹ gì mà cả một thập kỷ chưa gặp con mình? Mấy năm qua bà đã thử gặp Sunny vài lần. Chẳng hạn như khi bà đang đi quảng bá sách ở Australia, nhưng Sunny nói sẽ “đến Thái Lan” trong thời gian bà ở đó. Bà nói bà có thể dừng chân ở Thái Lan trên đường về. Sunny nói sẽ “đi bộ đường dài ở miền Bắc” và bà sẽ không thể gặp được anh. “Con thấy mẹ không cố gắng hết mình.” Bertie nói. Thẳng thắn, giống hệt ông ngoại nó, đương nhiên rồi.

“Mẹ đã bỏ anh ấy.” Bertie nói. Đúng vậy, bà đã giao con trai mình cho mấy người nhà Villiers độc ác kia. “Nhưng đó là vì...” Tuy nhiên các thành viên của bồi thẩm đoàn không thèm nghe nữa.

*

Con tàu *Linh hồn của Chartwell* neo lại gần Cầu Tháp. “Nữ hoàng đã dừng lại.” Viola thông báo với cha mình. “Trời vẫn mưa như trút. Bố sẽ ngưỡng mộ sự khắc kỷ của bà ấy nếu có thể nhìn thấy bà ấy.”

Ông lẩm bẩm gì đó. Miệng ông như chứa đầy đá. Mắt ông đã mờ đến mức không còn xem ti vi được nữa, và ngay cả khi ông có thể xem, ông cũng khó có thể liên kết khoảnh khắc này với khoảnh khắc tiếp theo, như thể mọi thứ đều vỡ tan ngay khi ông cố gắng giữ chặt chúng. Ông cũng không thể đọc sách. Trước khi ông bị viêm phổi đợt vừa rồi, ông vẫn có thể đọc những cuốn sách in khổ lớn, nhưng có lần bà phát hiện ông cứ đọc đi đọc lại chương đầu tiên của cuốn *Những tòa tháp Barchester*, lần nào cũng như mới đọc lần đầu tiên. Có lẽ, theo thời gian, bộ não ông cũng hoạt động cầm chừng hơn, bảo tồn những gì ít ỏi còn sót lại khi nó đến gần những ngày cuối cùng của mình. Nhưng chẳng phải thời gian là một khái niệm do con người tạo ra sao? Mũi tên của Zeno^[220] đang chệch choạng bay tới một điểm đích tưởng tượng trong tương lai. Trên thực tế, mũi tên đó không có đích, họ không phải đang ở trong một cuộc hành trình nào cả, và cũng chẳng có những điểm đến cuối cùng, nơi mọi thứ đột nhiên trở nên rõ ràng và những bí ẩn được tiết lộ. Họ đều chỉ là những linh hồn lạc, lang thang trên các hành lang, lặng lẽ tụ tập ở cửa. Không có miền đất hứa nào, không có thiên đường nào. “Thật vô nghĩa!” Bà nói với cha bà, nhưng có vẻ ông đã ngủ thiếp đi. Viola thở dài và dọn đi thứ chất lỏng sền sệt chưa được đựng đến trên cái bàn gấp gần ở trên giường ông.

*

“Và bây giờ, những chiếc tàu thuyền đang băng qua trước mặt bà ấy. Đủ mọi loại khác nhau. Trông chúng đến là tẻ nhạt.” Điện thoại của Viola reo lên. Chữ “Bertie” hiển thị trên màn hình. Viola định không trả lời nhưng rồi lại bắt máy.

“Mẹ đang xem đám rước trên sông Thames với ngoại Ted ă?” Bertie hỏi.

“Ừ, mẹ đang ở trong phòng của ông.”

“Đúng là vớ vẩn mẹ nhỉ? Tội nghiệp Nữ hoàng, bà ấy gần già bằng ngoại Ted, vậy mà phải chịu đựng chuyện này.”

“Ở đây không mưa. Nữ hoàng sẽ chết mất trong cái thời tiết đó.” Viola nói. Gần như cả cuộc đời người lớn của mình, bà đã hùng hồn thao thao bất tuyệt về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng hòa, nhưng gần đây bà lại bộc lộ sự yêu mến kỳ lạ đối với hoàng gia. Và bà đã bỏ phiếu cho Đảng Bảo thủ trong cuộc bầu cử vừa rồi, mặc dù người ta phải tra tấn bà thì may ra bà mới tiết lộ sự thật đó. “Tôi nhận thấy đó là một lá phiếu khôn ngoan.” Bà giải thích với bồi thẩm đoàn. Họ không bị thuyết phục. Đảng Độc lập UKIP vẫn chưa được chấp nhận, nhưng chẳng ai nói trước được điều gì. Người ta không chín chắn hơn khi về già, họ chỉ đơn giản mục rữa đi, như những gì Viola có thể nhận thấy.

“Thôi.” Bertie nói, ám chỉ rằng cô đã hết chuyện để nói với mẹ. “Mẹ chuyển điện thoại cho ngoại Ted được không?”

“Ông sẽ không hiểu con nói gì đâu.”

“Mẹ cứ chuyển cho ông đi.”

*

Nếu Viola có thể bắt đầu lại - làm gì có cơ hội thứ hai chứ, cuộc sống không phải là một sự diễn tập, hay đại loại vậy - đúng thế, nhưng nếu bà *có thể*, nếu bà có thể bắt đầu lại cuộc hành trình mà thực ra vốn không phải là một cuộc hành trình, bà sẽ làm gì? Bà sẽ học cách yêu thương. *Học cách yêu thương*, một cuộc hành trình chuộc lỗi đầy đau đớn nhưng cần thiết, bộc lộ sự ấm áp và lòng trắc ẩn khi tác giả học cách vượt qua nỗi cô đơn và tuyệt vọng. Những biện pháp mà bà chọn để hàn gắn mối quan hệ với các con đặc biệt đáng tuyên dương. (Bây giờ một nửa thành viên của bồi thẩm đoàn đã ngủ gật.) Bà đã cố gắng, bà thực sự đã cố gắng. Bà đã tự *cải thiện* mình. Nhiều năm trị liệu và làm lại từ đầu, mặc dù cũng chẳng có việc gì thực sự đòi hỏi bà phải bỏ quá nhiều công sức. Bà muốn ai đó tạo ra sự thay đổi nơi bà. Tiếc là ta không thể chỉ tiêm một mũi gì đó là mọi thứ đột nhiên trở nên ổn thỏa. (“Mẹ thử heroin đi.” Bertie mỉa mai nói.) Bà vẫn chưa hướng về nhà thờ, nhưng bây giờ bà đã bỏ phiếu cho Đảng Bảo thủ (thật tài tình!), có lẽ tiếp theo sẽ là việc sử dụng các từ ngữ thuần Anh. Nhưng dường như bất kể Viola làm lại từ đầu bao nhiêu lần, bà luôn thấy mình giậm chân tại chỗ, và bất kể bà cố gắng thế nào, khuôn mẫu đầu tiên của bản thân bà vẫn luôn có vẻ lẫn lộn ở những phiên bản sau này. Vậy thì tại sao phải bận tâm đến việc thay đổi mình chứ? Đúng không?

“Vô nghĩa.” Bà lại nói khi cố mở cửa sổ rộng hơn, nhưng nó có một cái chốt ngăn nó dịch chuyển quá năm phân, như

thể những người quản lý ở đây đang cố ngăn ngừa những chú lùn tí hon rơi ra ngoài, thay vì những người già có vóc dáng bình thường, dù có hơi quắt queo. Họ đang ở trên tầng hai và nhìn ra những thùng rác công nghiệp khổng lồ chứa những loại rác thải mà có Chúa mới biết là hôi hám đến mức nào.

Hắn là cha bà đang nhớ không khí trong lành lắm, ông đã luôn thích ở ngoài trời. Ông yêu thiên nhiên. Một tia thương cảm dành cho ông chọt lóe lên trong bà, nhưng rồi bà dập tắt nó ngay.

Hồi bà còn nhỏ, hầu như cuối tuần nào họ cũng lái xe về vùng nông thôn và đi bộ hàng dặm đường, vừa đi ông vừa nhồi nhét vào đầu bà thông tin của các loài hoa, động vật, cây cối. Ôi Chúa ơi, bà căm ghét những chuyến đi đó làm sao! Ông từng viết bài cho một chuyên mục trên một tờ tạp chí đồng quê ít tên tuổi trong nhiều năm trời. Đương nhiên, nếu bà lắng nghe ông, bà đã có thể học được vài điều hữu ích, nhưng bà bướng bỉnh không chịu lắng nghe, bởi vì dù ông có nói gì chẳng nữa cũng chẳng thể bù đắp được cho việc ông đã đánh mất mẹ bà. *Con muốn mẹ*. Tiếng gào khóc tuyệt vọng của một đứa trẻ trong đêm. (“Ôi, vì Chúa, mẹ hãy vượt qua chuyện đó đi.” Bertie nói. Theo đánh giá của Viola, Bertie đã tỏ ra gay gắt một cách không cần thiết.)

“Trước đây bà đã dùng từ “giữ khoảng cách” khi nói về cha bà.” Gregory nói. Đương nhiên, anh ta cũng là một hiện thân của Tiếng nói của Lý trí, cái giọng nói đã đeo đẳng bà cả đời.

“Tại sao lại giữ khoảng cách?” Anh ta thúc giục bà.

“Tôi đã dùng từ đó à?”

“Vâng.”

Bà cho rằng anh ta đang nghĩ bà từng bị lạm dụng, hoặc gặp phải một bi kịch nào đó đau đớn và ám ảnh tương tự như thế, rồi anh ta cố gắng dụ dỗ bà kể ra. Nhưng điều khiến bà muốn giữ khoảng cách với cha mình lại chính là cái tính hay lo xa của ông. Cả sự khắc kỷ (phải, từ này đã bị lạm dụng quá nhiều) và sự tần tiện tự nguyện của ông - nuôi ong, nuôi gà, trồng rau. Những công việc phải làm (“Bố sẽ giặt quần áo nếu con phơi chúng”). Thức ăn thừa phải được tận dụng hết. (“Chà, xem nào, trong tủ lạnh có một miếng giăm bông và ít khoai tây nguội, sao con không ra ngoài xem những người bạn lông lá của chúng ta có cho chúng ta quả trứng nào không nhỉ?”). Và sự kiên nhẫn bền bỉ của ông với bà như thể bà là một chú chó búng bình. (“Nào, nào, Viola, nếu con ngồi làm bài tập về nhà, bố sẽ xem liệu sau đó chúng ta có thể tìm cho con thứ gì đó thú vị không nhé!”)

“Ông ấy nghe chừng có lý đấy chứ, Viola.”

“Anh phải đứng về phía tôi cơ mà!” (Có lý! Quả là một từ gớm ghiếc.)

“Thế ư?” Gregory ôn tồn nói.

Sẽ chẳng có ai thông cảm với những câu chuyện đáng buồn của bà ư? Ngay cả những người mà bà trả một khoản tiền lớn để đảm nhận nhiệm vụ đó? “Và ông ấy cắt tóc tôi sau khi mẹ tôi mất.”

“Tự tay ông ấy cắt ư?”

“Không, ông ấy đưa tôi đến một tiệm cắt tóc.” Nancy từng đưa bà đến tiệm Swallow & Barry ở Stonegate, rồi sau đó họ sẽ tới tiệm Betty’s để ăn bánh trứng đường nhân kem. Tối qua bà đã gọi một cái bánh trứng đường ở tiệm Betty’s. Nó rất ngon nhưng không phải là cái bánh trứng đường trong tuổi thơ của bà.

Ở tầng dưới của Swallow & Barry có một cái quầy nhỏ bán kẹp tóc và lược đồi mồi gắn đá có mùi nước hoa dễ chịu. Ở trên gác, người thợ làm tóc luôn khen mái tóc dài của bà rồi tỉa gọn gàng đuôi tóc để nó trông “càng đẹp hơn”. Đó là một nơi xa hoa và chiều chuộng khách hàng, ở đó người ta nói với bà rằng bà thật xinh đẹp và ai nấy đều yêu quý Nancy. Nhưng sau khi Nancy mất, cha Viola nói rằng ông không thể tết tóc cho bà mỗi sáng, do đó bà cần một kiểu tóc “thuận tiện” hơn, thế là ông đưa bà đến một tiệm làm tóc nhỏ tồi tàn gần nơi họ sống. Nó được sơn màu hoa cà, là nơi mà ngày nay sẽ được gọi là “Đệ Nhất” hoặc “Curlz”, nhưng thời bấy giờ được gọi là Jennifer’s, bà nhớ rõ nó vô cùng lạnh lẽo và lớp sơn màu hoa cà đang bị bong tróc.

Viola rời khỏi đó với mái tóc ngắn khủng khiếp không hợp với mình chút nào, khiến bà trông như một cái bánh pudding trơn láng, chỗ tóc đã cắt bị bỏ lại trên lớp vải sơn lót sàn nứt nẻ của tiệm Jennifer’s. Bà không được ăn bánh trứng đường ở tiệm Betty’s, chỉ được uống nước lúa mạch vắt chanh và ăn bánh bourbon sô cô la ở nhà. Bà đã khóc rất nhiều...

“Bà không tự chải đầu được sao?”

“Gì cơ?”

“Bà không tự chải đầu được sao?”

“Lúc ấy tôi mới chín tuổi. Vì vậy, tôi không tự chải đầu được. Tôi không biết chải thế nào cho đúng.” Nancy đã ân cần chải tóc cho Viola vào mỗi buổi sáng và mỗi buổi tối trước khi đi ngủ. Đó là một sự thân mật tuyệt vời giữa họ.

Hồi nhỏ, Bertie có mái tóc dài. Tóc cô dài tự nhiên vì Viola không bao giờ đưa cô tới tiệm cắt tóc. Viola nhớ sáng nào bà cũng vội vội vàng vàng đưa các con tới trường, đó luôn là giờ khắc hỗn loạn khủng khiếp vì Bertie rất lè mề, còn Sunny thì rất hư. (“Sao con không dậy sớm hơn một chút?” Cha bà đã khuyên. Phải rồi, cứ làm như bà được ngủ đầy giấc vậy.) Bertie rất ghét “thủ tục” giằng co với cái bàn chải tóc Mason & Pearson nhỏ bé, một loại lược thực sự không thể chải được tóc. Cô không ngừng nhấp nha nhấp nhồm, kêu lên oai oái khi cái bàn chải tóc bị mắc lại, do đó cô thường tới trường với mái tóc lổn nhổn. Đó là một ngôi trường Steiner, tất cả trẻ con ở đó đều có vẻ hơi luộm thuộm, vì thế điều đó cũng chẳng phải là vấn đề gì lớn lắm.

Viola nhăn mặt trước một ký ức đã bị bà quên lãng từ lâu nhưng nay đột nhiên trở lại - bà đã quát Bertie “Nếu con không chịu đứng im thì tự đi mà chải đầu lấy!”, rồi ném cái lược đi. Hồi đó Bertie mới có mấy tuổi chứ? Sáu hay bảy?

Ôi, Viola.

Cái ký ức đột nhiên nảy ra ấy là một cú đâm nữa vào trái tim Viola, vốn đã bị tổn thương nghiêm trọng từ buổi tối hôm trước. (“Mẹ thực sự đã là một người mẹ tồi tệ như vậy sao?” Bà hỏi Bertie. “Sao mẹ lại dùng thì quá khứ?” Bertie

nói. Gieo gió thì gặt bão.) Một cú đâm nữa. Vết rạn trên trái tim chai sạn của Viola toác ra thành một kẽ nứt. Đâm, đâm. Đương nhiên, không phải là mọi người không yêu quý bà (mặc dù bà chắc chắn *có cảm giác* là họ không yêu quý bà), bà không bị trục xuất khỏi lãnh địa của tình yêu, chính bà đã tự trục xuất mình. Bà biết là mình không ngu ngốc. Vậy bước tiếp theo là gì? Tiếng nói của Lý trí hỏi. Phải chăng có lẽ là bắt đầu...

“Ồ, im đi!” Viola mệt mỏi nói.

Khi Bertie tới ở lại nhà của cha Viola (“Con đến *sống* với ông, không phải là *ở lại*”), đúng như tiên lệ, ông đã đưa cô tới một tiệm làm tóc. Cô trở về với mái tóc ngắn quá vai lỗi một được kẹp một chiếc kẹp tóc bằng nhựa. Cô nói cô yêu mái tóc này, nhưng Viola ngờ rằng cô nói thế chỉ để chọc tức bà mà thôi. “Bây giờ con bé có thể tự chăm sóc mái tóc của mình rồi.” Cha bà nói. Đương nhiên, ông bị ám ảnh với sự tự lập, với việc mỗi người phải tự *chịu trách nhiệm* với bản thân mình.

Ông bắt đầu ngáy.

“Tôi vẫn muốn hiểu rõ hơn về từ “giữ khoảng cách”?” Viola thở dài. “Có lẽ tôi đã dùng từ không chuẩn.” Tất cả mọi người đều quý mến cha bà. Ông là người tử tế, tốt bụng. Nhưng bà đã chứng kiến ông giết mẹ bà.

“Bà có muốn kể về chuyện đó không, Viola?”

*

Mưa đã ngớt và đám rước tẻ nhạt bắt đầu đến hồi kết thúc, một cặp nhân viên chăm sóc bước vào phòng, nói “Ông đã sẵn sàng lên giường đi ngủ chưa, Ted?”, giống như câu hát trong một bài hát thiếu nhi. “Ông ấy đang ở trên giường rồi mà.” Viola chỉ ra, và mấy cô y tá cười khúc khích như thể bà vừa nói điều gì đó khôi hài. Họ đều là người Philippines (“Ở đây nói tiếng Tagalog”), và dù bạn nói gì họ cũng đều cười cả. Phải chăng Philippines thực sự là một đất nước vui vẻ hay những cô nhân viên này vui vẻ vì không còn phải ở đó? Hay họ không hiểu bất cứ lời nào bà nói? Bây giờ mới là sáu giờ - ngay cả giờ đi ngủ của ông cũng là giờ đi ngủ của một cậu bé. Một trong hai người họ đang cầm một cái bím người lớn và họ lặng lẽ đợi bà rời khỏi phòng. (“Bảo vệ phẩm giá cho các cư dân của chúng tôi là điều quan trọng tốt bậc.”)

Khi cha bà đã sạch sẽ và no nê, Viola quay lại để chào tạm biệt. “Tuần tới con sẽ không đến đây đâu.” Bà nói, mặc dù có vẻ vô ích khi nói chuyện với ông về bất cứ điều gì liên quan đến tương lai, hay đúng hơn là nói chuyện với ông về bất cứ điều gì thì cũng có vẻ vô ích cả. “Con sẽ không về nhà.” Bà nói thêm. “Con sẽ tham dự một liên hoan văn chương ở Singapore.”

Ông nói gì đó, có thể là “Sunny”.

“Vâng, sẽ nóng lắm.” Bà nói, cho dù bà biết ý ông không phải như vậy. Sun, son, Sunny. Bertie nói Singapore chỉ cách Ball “một chặng bay ngắn”. Nếu bà đã đi đến tận nơi đó, tại sao bà không đi thăm “đứa con trai duy nhất” của mình?” (Bertie gọi bà là người xung hấn ngấm ngấm!) Thực

ra, hai nơi đó cách nhau bốn tiếng bay, nhưng vấn đề không phải là thời gian hay khoảng cách, trừ phi bạn nghĩ về những thứ đó theo nghĩa bóng. Giống như Viola.

“Thôi, con đi đây.” Viola nói, liếc nhìn đồng hồ với vẻ nhẹ nhõm. “Con đã hẹn tắc xi tới đón.” Bà hôn nhẹ lên trán Teddy, việc sắp được thoát khỏi nơi đây khiến bà tỏ ra gần như triu mến. Da ông lạnh và khô, như thể bị ướp xác. Bàn tay ông co lại, nhưng đó là biểu hiện duy nhất cho thấy ông nhận biết được cử chỉ âu yếm của bà.

Dưới nhà, ở cửa chính, một bà lão, một trong những “cái xác biết đi”, đang đứng tần ngần, nhìn ra thứ sẽ là một khu vườn đẹp cho “các cư dân” nếu nó không được dành để làm bãi đỗ xe cho nhân viên. Viola nhận ra bà ta, bà ta tên là Agnes. Khi cha Viola mới chuyển đến Đồi Dương, bà ta vẫn còn minh mẫn và thường vào phòng ông, ngồi tán gẫu với ông. Bây giờ, bà ta có ánh mắt đờ đẫn của một con cá và chỉ lảm nhảm những lời vô nghĩa.

“Chào bà!” Viola tươi tỉnh nói. Kinh nghiệm đã dạy cho Viola một điều rằng, rất khó để trò chuyện với một người nhìn lướt qua ta như thể ta là một bóng ma chứ không phải họ, nhưng bà vẫn tiếp tục. “Phiền bà tránh đường được không?” Viola nói. “Tôi muốn đi về mà bà lại đang chắn đường tôi.” Agnes nói gì đó nhưng nghe như những lời nói mê của Bertie. “Bà không được phép ra ngoài đâu.” Viola nói, cố gắng ản nhẹ bà ta ra khỏi lối đi, nhưng Agnes vẫn đứng im bất động như một con bò hoặc một con ngựa. Viola thở dài, nói: “Vậy thì bà tự chịu trách nhiệm nhé” và bấm mật mã ở cửa ra vào (“4-3-2-1”). Agnes vội vàng luôn ra

ngoài, tốc độ của bà ta thật đáng kinh ngạc, lúc Viola leo lên tắc xi, bà ta đã đến giữa lối xe chạy vào nhà. Tinh thần bỏ trốn của bà ta thật đáng ngưỡng mộ.

Cô nhân viên mới cuống quýt chạy ra khỏi tòa nhà và nói với Viola: “Bà có nhìn thấy cụ Agnes không?” Viola nhún vai nói: “Thật tiếc là không.”

*

Bà bắt chuyến tàu cuối cùng tới London và bỏ lỡ một cái tit nhỏ trên tờ *The Press (Thông tấn)* vào ngày hôm sau. Mẫu tin ấy bị chôn vùi giữa những bức ảnh về các bữa tiệc đường phố vào ngày cuối tuần và bài tường thuật về Đại lễ Kim cương, vì vậy Viola không đọc được rằng: “*Một cư dân tám mươi tuổi mắc chứng Alzheimer của một nhà dưỡng lão đã được báo cáo là mất tích. Một tài xế đã nhìn thấy bà ta đang đi lang thang bên mép đường A64, và cảnh sát đang cố gắng tìm xem bà ta đang ở đâu qua các camera an ninh CCTV. Bà cụ không được nêu tên ấy là một cư dân của Nhà dưỡng lão Đồi Dương. Một người phát ngôn của nhà dưỡng lão nói rằng họ đang tiến hành một cuộc điều tra toàn diện, để xem làm thế nào mà bà cụ có thể mở được cánh cửa bị khóa bằng mật mã, và từ chối bình luận thêm điều gì.*”

Lúc bấy giờ Viola đang ở sân bay Changi^[221]. Một cuộc chạy trốn khác.

*

Bà bắt một chiếc tắc xi từ ga King's Cross tới Mandarin Oriental ở Knightsbridge. Bà đã hẹn gặp Bertie trong lúc đang ở trong thành phố. “Ăn tối nhé? Ở tiệm Ăn Tối - cái nhà hàng của Heston Blumenthal ở Mandarin ấy? (Đúng là bán gì thì đặt tên nhà hàng thế ấy.) “Mẹ đãi!”

“Không được đâu ạ, con xin lỗi.” Bertie nói. “Con bận lắm.”

“Bạn đến nổi không dành nổi thời gian cho mẹ mình sao?” Viola khẽ nói. (Gieo gió thì gặt bão.) Nổi kinh hoàng của buổi tối thứ Bảy vụt trở lại. Gregory nói bà “mắc chứng sợ bị bỏ rơi”. (“Như việc mẹ bỏ rơi chúng con í ạ?” Bertie nói.) Bà cảm thấy nôn nao.

Nếu Viola được cho ba điều ước, bà sẽ ước gì?

Các con bà trở lại thành những đứa trẻ. Các con bà trở lại thành những đứa trẻ. Các con bà trở lại thành những đứa trẻ.

*

Ở đâu đó phía trên Ấn Độ Dương, bà nhớ đến giấc mơ đã tác động mạnh mẽ đến bà đêm qua. Bà đang ở một nhà ga, không phải một nhà ga hiện đại mà giống một nhà ga trong quá khứ, tối tăm và đen đúa. Sunny đang ở với bà, cậu mới chùng năm, sáu tuổi, mặc cái áo khoác bằng vải len thô màu đỏ nhỏ xíu ngớ ngẩn mà cậu từng có, quàng một cái khăn sọc vằn quanh cổ. (Phải, bà thừa nhận bà đã cho cậu ăn mặc thật xấu xí, được chưa?) Nhà ga đông như nêm, người người đang vội vã đổ xô tới để bắt tàu về nhà. Họ bị

ngheñ lại chỗ cửa quay và quầỵ soát vé. Có mấỵ bậc thang dẫn xuống sân ga và con tàu, cả hai thứ đó đều nằm ngoài tầm mắt. Công việc của Viola và Sunny là giúp mọi người lên tàu, hai mẹ con cứ như những chú chó chặn cừu, hướng dẫn các hành khách và cất lên những lời động viên họ. Thế rồi đám đông chen lấn xô đẩỵ vãn dần và cuối cùng chẳng còn lại ai nữa. Họ có thể nghe tiếng những cánh cửa cuối cùng của đoàn tàu đóng sầm lại ở bên dưới và tiếng bảo vệ huýt còi, rồi Sunny quay sang bà và cười rạng rỡ, nói: “Chúng ta làm được rồi, mẹ ời! Tất cả mọi người đã lên tàu.” Viola hoàn toàn không biết giấc mơ đó có ý nghĩa gì.

“Bà ổn cả chứ, bà Romaine?” Cô tiếp viên hàng không người châu Á dễ thương đang hỏi bà. Ở khoang hạng nhất, họ đều dễ thương đối với ta. Viola cho rằng ta trả tiền để có được điều đó. Nước mắt đang lăn dài trên gò má bà. “Bộ phim buồn quá.” Bà nói, chỉ vào màn hình ti vi trống trơn. “Tôi có thể uống một tách trà không?”

*

Bà đi qua khu kiểm tra hộ chiếu, lấy hành lý rồi đi về phía cửa ra, kéo lê cái va li đằng sau. Cánh cửa tự động ở sảnh đến lặng lẽ mở ra. Ở phía bên kia hàng rào có một tài xế đang giờ tám biển viết tên bà. Anh ta sẽ đưa bà tới một khách sạn rất đẹp, và rồi ngày mai hoặc ngày kia - bà có vẻ đã quên mất lịch trình - bà sẽ tham gia sự kiện “Giao lưu với tác giả” và đọc “một đoạn mở đầu” của cuốn sách mới, *Cứ mỗi ba ý nghĩ*, sẽ ra mắt vào tháng tới. Bà nhớ mang

máng bà còn phải tham gia một vài hội thảo nữa. “Vai trò của nhà văn trong thế giới đương đại”. “Đại chúng hay thuần văn chương - một sự chia tách sai trái?” Đại loại thế. Luôn là như vậy. Các liên hoan văn chương, các hiệu sách, các cuộc phỏng vấn, các cuộc đàm thoại trực tuyến, thực chất chỉ là để ta lấp kín các khoảng trống của những người khác. Nhưng họ cũng lấp kín các khoảng trống của ta.

Bà đến gần người tài xế. Anh ta sẽ không biết bà là ai trừ phi bà tự giới thiệu mình. Bà thản nhiên đổi hướng, tiếp tục cất bước như thể đó là mục đích của bà ngay từ đầu, đi thang cuốn lên khu vực làm thủ tục, tìm quầy bán vé của hãng hàng không Singapore và mua một tấm vé đến Denpasar^[222].

Bà hình dung ra vẻ mặt của Sunny. (“Bất ngờ chưa, bất ngờ chưa!”) Họ sẽ đưa tất cả mọi người lên tàu. Bằng cách này hay cách khác.

30 tháng 3 năm 1944

Chuyến bay cuối cùng

Cú rơi

Anh vừa mới huýt sáo gọi con chó thì nhìn thấy một cặp thỏ rừng trên cánh đồng rợp cỏ nằm ở phía tây của ngôi nhà trại. Hai con thỏ rừng tháng Ba đang đấm nhau như những võ sĩ tay không, mùa xuân đã khiến chúng trở nên cuồng loạn. Anh nhìn thấy con thỏ thứ ba. Rồi đến con thỏ thứ tư. Có lần, hồi còn nhỏ, anh từng đếm được bảy con thỏ một lúc trên đồng cỏ ở Góc Cáo. Pamela kể với anh rằng đồng cỏ ấy giờ đã biến mất, nó đã bị cày xới để trồng lúa mì vụ đông, phục vụ cho những cái miệng đói khát của thời chiến. Lanh, phi yến, mao lương hoa vàng, mỹ nhân thảo, cẩm chướng đỏ và cúc mắt bò, tất cả đều đã biến mất, không bao giờ trở lại nữa.

Lũ thỏ rừng có thể tin rằng đã sang mùa mới, nhưng Teddy vẫn chưa có cảm giác thời tiết đã sang xuân. Những đám mây nhợt nhạt bay lướt qua bầu trời bàng bạc. Chúng bị cuốn theo làn gió đông buốt giá thổi đến từ biển Bắc, quét qua vùng đất bằng phẳng, khuấy tung bụi đất trên bề mặt khô rang của những luống cày trơ trụi. Đó là kiểu thời tiết khiến người ta sa sút tinh thần, mặc dù tinh thần của

Teddy đã phấn chân lên một chút bởi cảnh tượng những con thỏ rừng đang đánh nhau cùng tiếng hót thánh thót của một con chim hét ở đâu đó đáp lại tiếng huýt sáo của anh.

Con chó cũng nghe thấy tiếng huýt sáo - Lucky luôn nghe thấy tiếng huýt sáo của anh - và đang cắm cúi chạy về phía anh, chẳng để ý đến “trận đấm bốc” của lũ thỏ rừng đang diễn ra trên cánh đồng. Đạo này con chó thường lang thang khắp nơi, nó đã quen thuộc với vùng đồng quê, mặc dù rõ ràng nó cũng tỏ ra tự nhiên thoải mái như vậy ở khu nhà của các cô gái WAAF. Khi con chó tới chỗ anh, nó lập tức ngồi xuống, ngược nhìn anh chăm chăm, chờ đợi những mệnh lệnh tiếp theo.

“Đi thôi!” Teddy nói. “Tối nay bọn ta có một phi vụ. Ta...” Anh nói thêm. “... Chứ không phải chú mày đâu.” Một lần là đủ rồi.

Khi anh nhìn lại, lũ thỏ rừng đã biến mất.

*

Sáng nay, các mệnh lệnh đã được truyền xuống từ tổng hành dinh của Binh chủng Máy bay ném bom ở High Wycombe, nhưng chỉ một số ít người ở căn cứ - trong đó có Teddy - là được thông báo sớm về mục tiêu.

Với tư cách một trung tá không quân, anh không được khuyến khích bay quá thường xuyên, “nếu không mỗi tuần chúng ta sẽ mất một trung tá không quân”, như lời sĩ quan chỉ huy nói. Tất cả các quan niệm hồi trước chiến tranh về hệ thống cấp bậc của RAF đã bị tẩy xóa từ lâu. Bạn có thể

là một trung tá không quân ở tuổi hai mươi ba và chết ở tuổi hai mươi tư.

Anh đang ở trong kỳ quân dịch thứ ba. Đây là một việc không bắt buộc, đáng lẽ anh có thể trở lại với việc huấn luyện, đáng lẽ anh có thể yêu cầu một công việc bàn giấy. Thật “điên rồ”, Sylvie viết. Anh có vẻ đồng tình với bà. Tính đến nay anh đã xuất kích hơn bảy mươi lần và được nhiều người trong phi đoàn coi là “bất khả xâm phạm”. Đạo gần đây các huyền thoại được tạo ra như vậy, Teddy nghĩ, chỉ cần ta sống lâu hơn những người khác. Có lẽ bây giờ đó chính là vai trò của anh - là tấm bùa thiêng, là phép thần thông. Để bảo vệ an toàn cho càng nhiều người càng tốt. Có lẽ anh là người bất tử. Anh thử nghiệm giả thuyết này bằng cách tham gia các chiến dịch thường xuyên nhất có thể, bất chấp những lời phản đối của cấp trên.

Anh trở lại với phi đoàn đầu tiên mà anh phục vụ, nhưng bây giờ họ không còn đóng quân ở cái căn cứ RAF xây bằng gạch tiện nghi thoải mái hồi trước nữa, mà ở trong một trại lính được dựng lên vội vàng từ bùn và mái tôn dợn sóng. Sau khi họ rời đi (vì chắc chắn họ sẽ rời đi - kể cả Cuộc chiến Trăm năm cũng đi đến hồi kết thúc cơ mà), chỉ mất vài năm là nó sẽ trở lại thành những cánh đồng. Trở lại với màu nâu, màu xanh lá cây và màu vàng kim.

*

Nếu anh tham gia một phi vụ, anh sẽ bay bằng chiếc *F-Fox*. Nó là một chiếc máy bay tốt đã chiến thắng số mệnh

khi chở một tổ bay vượt qua kỳ quân dịch một cách an toàn, nhưng thực ra anh chỉ thích cái tên của nó và sự tương đồng của cái tên ấy với ngôi nhà của anh. Ursula thông báo rằng Sylvie đang rải bả độc để tiêu diệt lũ cáo ở Góc Cáo, vì trước đó chúng đã “đột kích” thành công chuồng gà của bà, mặc dù trước kia bà từng rất yêu chúng. “Có lẽ kiếp sau mẹ sẽ là một con cáo.” Ursula viết. “Và mẹ sẽ rất hối tiếc.” Chị gái anh nói cô “thích cái quan niệm” về sự tái sinh, nhưng đương nhiên cô không thực sự tin vào nó. Teddy nghĩ đó là vấn đề với niềm tin, về cơ bản, sự tái sinh là điều không thể xảy ra. Anh không tin vào thứ gì nữa. Có lẽ trừ những cái cây. Cây, đá và nước. Mặt trời mọc và hươu chạy.

Anh tiếc thương lũ cáo, nếu là anh, anh sẽ coi trọng chúng hơn một cái chuồng gà. Và còn hơn cả nhiều người nữa.

Anh đã tránh né bữa tiệc Giáng sinh ở Góc Cáo với cái cớ là phải ở lại phi đoàn. Dù sao, đó cũng không hẳn là một lời nói dối, và đã nhiều tháng nay anh chưa được gặp người mẹ có khả năng trở thành một con cáo ấy - không, thực ra anh đã không gặp bà từ bữa trưa khiến anh bức mình ở Góc Cáo sau cuộc không kích Hamburg. Anh nhận ra rằng anh đã ngừng yêu quý Sylvie. “Ai chả vậy.” Ursula nói.

Tổ mặt đất của chiếc *F-Fox* luôn đe dọa bất cứ ai được phép mượn nó - “Hãy mang “con điều” của Trung tá trở về an toàn, nếu không...” - mặc dù, thực tình mà nói thì đối với họ, chiếc phi cơ ấy thuộc về họ, và họ cũng cảnh báo Teddy bằng những lời lẽ tương tự.

Thi thoảng Teddy bay bằng một trong những chiếc máy bay cũ tồi tàn hơn để kiểm nghiệm thêm về thuyết bất tử của anh. Tổ mặt đất không vui nếu anh bay với những chiếc máy bay mới, máy bay chưa được kiểm tra và máy bay bị rung lắc. Đôi khi anh đảm nhiệm vị trí phi công cho một tổ bay mới toanh, nhưng thường thì anh ngồi ở ghế lái phụ và bay với tư cách một phi công phụ để củng cố tinh thần cho họ. Sẽ chẳng xui xẻo chút nào nếu có mặt anh trên chuyến bay của họ - ngược lại là đằng khác. Anh nghe thấy họ nói: "Giờ chúng ta sẽ an toàn vì có Trung tá bay cùng." Anh nhớ đến Keith và cái vận may ngược đời của cậu ta, cuối cùng chính cái vận may ấy đã phản lại Keith.

Anh đi ra khu vực đậu máy bay để thăm chiếc *F-Fox* và tổ mặt đất của nó.

Đó là chuyến bay đầu tiên của tổ bay mà Teddy sẽ bay cùng. Họ vừa mới đến đây từ OTU ở Rufforth vào sáng hôm đó. Họ đã được phân cho một chiếc máy bay riêng, nhưng tổ mặt đất đã tuyên bố rằng nó chưa thể bay được sau chuyến bay thử nghiệm, và Teddy đã cho họ mượn chiếc *F-Fox* cùng chính bản thân anh. Họ vui vẻ và phấn khích như lũ cún con trước viễn cảnh đó.

Một chiếc máy bay tiếp liệu đang tiếp nhiên liệu vào các bình chứa ở cánh chiếc *F-Fox*. Tổ mặt đất lờ mờ biết được họ sẽ bay đi đâu bởi lượng nhiên liệu được bơm cho máy bay, nhưng không bao giờ nói chuyện về mục tiêu với các thành viên của tổ bay. Họ giữ kín mọi thứ. Có lẽ họ nghĩ nếu nói ra thì sẽ xui xẻo. Vài người trong số họ sẽ thức đến khuya, túm tụm quanh một cái lò sưởi không đủ ấm áp

trong cái lều nhỏ trống trải của mình, ngủ chập chờn trên một cái giường xếp hoặc thậm chí ngồi trên một thùng dụng cụ chống ngược, lo lắng chờ đợi chiếc *F-Fox* trở về. Chờ đợi Teddy.

Một chiếc xe chở bom lăn bánh về phía chiếc máy bay, nó giống như một đoàn tàu thu nhỏ, và các sĩ quan phụ trách vũ khí bắt đầu chuyển những quả bom vào trong khoang chứa bom. Ai đó đã dùng phấn viết lên một quả bom "*Dành cho Ernie, Adolf*". Teddy bắn khoăn không biết Ernie là ai nhưng không hỏi gì và cũng chẳng ai nói gì. Một trong những cậu lính trơn, một người Liverpool vui vẻ, đang ở trên đỉnh một cái thang, bận rộn lau chùi tấm kính Perspex ở tháp pháo đuôi bằng một "mảnh vải đen" - chiếc quần lót tiện lợi cỡ lớn mà các cô gái WAAF thường mặc. Cậu ta đã phát hiện ra - có lẽ tốt hơn hết không nên tưởng tượng là bằng cách nào - rằng nó là vật liệu tốt nhất dành cho công việc thiết yếu này. Chỉ một vết bẩn nhỏ trên lớp kính Perspex cũng có thể khiến cho xạ thủ tưởng nhầm rằng đó là một chiếc chiến đấu cơ của Đức, và cậu ta sẽ lập tức bắn súng xối xả khắp bầu trời, tiết lộ vị trí của họ cho quân địch. Cậu lính nhìn thấy Teddy và nói: "Mọi thứ ổn cả chứ, phi cơ trưởng?"

Teddy vui vẻ đáp rằng mọi thứ đều ổn. Một đội trưởng cần phải có thái độ tự tin, điềm tĩnh, truyền sự lạc quan cho mọi người. Và cố gắng nhớ tên của tất cả bọn họ. Và tốt bụng. Bởi vì tại sao lại không chứ?

Anh đã lập một lời thề, một lời hứa hẹn riêng tư với thế giới trong những đêm dài thao thức, rằng nếu anh sống sót,

trong tương lai, anh sẽ luôn cố gắng tử tế, sống một cuộc đời trầm lặng, tốt đẹp. Giống như Candide, anh sẽ trồng vườn. Một cách lặng lẽ. Đó sẽ là sự chuộc tội của anh. Ngay cả khi những gì anh làm chỉ như hạt muối bỏ bể, đó cũng sẽ là một loại đền đáp vì được giữ lại mạng sống. Khi cuộc đời kết thúc và đến thời điểm phán xét, có thể anh sẽ cần đến hạt muối đó.

Anh biết anh chỉ đang lượn lơ loanh quanh, chẳng làm gì hữu ích. Những cơn bồn chồn cả về thể xác lẫn tinh thần này có vẻ tăng lên liên tục. Thi thoảng anh thấy mình mơ màng màng, không phải chìm đắm trong suy nghĩ mà là hoàn toàn chẳng nghĩ ngợi gì cả, và anh bất giác nhận ra mình đã đến chỗ chuồng chim bồ câu tự lúc nào. Lũ bồ câu đưa thư được nuôi trong một cái chuồng lớn đằng sau dãy lều Nissan - khu vực ngủ nghỉ của các tổ bay - và được một người đầu bếp chăm sóc. Anh ta vốn có thú nuôi chim bồ câu và nhưng nhớ lũ chim đua của mình ở Dewsbury.

Teddy bắt con chó ở lại bên ngoài chuồng. Nó luôn sủa lũ chim khiến chúng hoảng loạn bay tứ tán, mặc dù bình thường chúng vốn là loài vật có bản tính kiên định, thậm chí là quả cảm. Về mặt lý thuyết, chim bồ câu được đưa lên máy bay có thể dùng để đưa tin, và trong trường hợp hạ cánh xuống biển hoặc nhảy dù, ta có thể viết ra vị trí của mình, cho nó vào một cái hộp nhỏ và con chim sẽ mang thông tin quý giá này về nhà. Tuy nhiên, Teddy cho rằng nếu ta đang cố gắng lẩn trốn trên lãnh địa của kẻ địch, rất khó có khả năng ai đó sẽ tìm thấy ta chỉ nhờ một dòng chữ viết tay nguệch ngoạc. Trước hết, ta phải biết mình đang ở

đâu, và con chim sẽ phải vượt qua bao khó khăn trắc trở để quay trở lại bờ biển nước Anh. (Anh tự hỏi liệu cô gái ở Bộ Không quân có số liệu nào về *chuyện đó* không.) Quân Đức nuôi những con chim diều hâu dọc theo bờ biển nước Pháp chỉ với mục đích tiêu diệt những con chim bồ câu đưa thư tội nghiệp ấy.

Và, đương nhiên, ta sẽ phải nhớ mang con chim ra khỏi cái giỏ được xếp gọn ghẽ trong thân máy bay và nhét nó vào một vật chứa không lớn hơn một cái bình giữ nhiệt (đó là cả một kỳ công khó nhọc). Việc nhảy dù ra khỏi một chiếc máy bay ném bom bị hư hại đòi hỏi người ta phải - trong tình huống lạc quan nhất - cuống quýt cố sống cố chết đeo dù, mở các cửa thoát hiểm, giúp đỡ những người bị thương nhảy ra, giữa lúc chiếc máy bay đang bốc cháy hoặc đang rơi xuống không kiểm soát được. Trong những giây phút cuối cùng ít ỏi, tuyệt vọng ấy, chẳng ai còn tâm trí đâu mà nghĩ đến lũ bồ câu tội nghiệp. Anh tự hỏi bao nhiêu chú chim đã bị bỏ lại, mắc kẹt trong giỏ, bị chết cháy hoặc chết đuối, hoặc chỉ đơn giản tan thành muôn mảnh khi chiếc máy bay nổ tung. Tất cả mọi người đều biết không nên đưa chim bồ câu lên máy bay của Trung tá.

Tiếng gù dẹt dẹt và mùi amoniac trần tục của cái chuồng tối lò mờ đã vổ về Teddy. Anh nhắc một con chim ngoan ngoãn ra khỏi ổ của nó và nhẹ nhàng vuốt ve nó. Nó để yên cho anh làm vậy. Khi anh đặt nó xuống trở lại, nó điềm tĩnh nhìn anh chăm chăm và anh tự hỏi nó đang nghĩ gì. Anh cho rằng cũng chẳng có gì nhiều. Khi anh trở ra bên

ngoài với ánh sáng ban ngày chói chang, con chó ngò vục hít ngửi anh để tìm kiếm những dấu hiệu của sự bội tín.

Đã đến giờ ăn trưa và anh đi tới phòng ăn tập thể. Đạo gần đây anh ăn chẳng ngon miệng lắm, nhưng buộc phải nuốt thức ăn xuống như thể đó là một bốn phân. Trên thực đơn viết ở tấm bảng đen có một món được gọi là “bánh pudding mạn” - đó là một loại bánh pudding hấp nhân mạn khô cực kì khó tiêu. Chỉ một lát sau, nó đã nặng nề chêm chệ nằm trong dạ dày anh. Anh khoan khoái nhớ đến một loại bánh tên là *Far Breton* mà anh đã ăn dưới vầng mặt trời nóng bỏng ở Pháp. Người Pháp có thể biến ngay cả những quả mạn khô thành thứ gì đó ngon lành. Anh từng hạ cánh khẩn cấp ở Elvington, nơi các tổ bay của Pháp đóng quân, và phát hiện ra rằng các đầu bếp của họ cũng là người Pháp, và những người đầu bếp ấy tận tâm với các suất ăn hơn hẳn đội ngũ phục vụ ở nhà ăn của RAF. Không những thế, bữa ăn của họ còn có cả một ly rượu vang đỏ, dù chỉ là rượu vang của Algérie thôi, nhưng dù sao nó vẫn là rượu vang. Họ sẽ không phải chịu đựng một cái bánh pudding mạn.

*

Các tổ bay đã nghỉ ngơi suốt khoảng thời gian còn lại của buổi chiều: viết thư, chơi ném phi tiêu, nghe radio trong phòng sinh hoạt tập thể - vốn luôn mở kênh BBC Forces Programme. Vài người thì ngủ. Nhiều người trong số

họ đã tham gia phi vụ tối qua và mãi đến sáng mới được ngã lưng.

Trong lúc đó, các phi công và hoa tiêu sẽ được tiết lộ về mục tiêu trong một chỉ thị sơ bộ. Các điện đài viên và lính cất bom sẽ nhận được chỉ thị riêng biệt. Teddy chỉ mong phi vụ này bị hủy - họ đang bước vào thời kỳ sáng trăng, bầu trời trong vắt, nhưng chẳng mấy chốc, với những đêm mùa xuân ngắn ngủi hơn, họ sẽ không thể thực hiện những chuyến không kích dài hơi vào sâu trong lòng nước Đức. Anh cho rằng đây là nỗ lực cuối cùng của Harris trong Cuộc chiến Berlin. Chuỗi không kích mùa đông dài đằng đẵng đầy mệt mỏi với nhiều tổn hại đã sắp kết thúc. Họ đã mất bảy mươi tám chiếc máy bay ném bom ở Leipzig vào tháng trước, bảy mươi ba chiếc máy bay ném bom ở Berlin vào tuần trước. Gần một nghìn tổ bay từ tháng Mười một. Tất cả đều còn rất trẻ. Giống như *Những bông hoa rừng*, tên khúc bi ca được chơi ở đám tang của một hoa tiêu người Canada mà Teddy và Mac đều biết trong kỳ quân dịch đầu tiên của họ. Walter. Walt. Biệt danh của cậu ta là Disney^[223]. Teddy không nghĩ anh biết tên thật của cậu ta, mặc dù cậu ta chắc chắn có tên thật. Chuyện đó có vẻ đã lâu lắm rồi, mặc dù nó mới chỉ xảy ra gần đây thôi.

Viên sĩ quan chỉ huy đã đề nghị họ hộ tống thi thể của Disney tới Stonefall với vai trò người hộ tang bên quan tài. Họ đã tìm được một người thổi kèn túi Scotland ở Leeds và ông ta đã thổi kèn ở huyết mộ. Disney thiệt mạng vì trúng đạn của hỏa lực phòng không khi đang tham gia một cuộc không kích ở Bremen. Cơ khí viên của họ đã thế chỗ vị trí

hoa tiêu của cậu ta và sử dụng phương pháp định vị bằng thiên văn để đưa họ về nhà, cậu ta không thể tham khảo những tấm bản đồ và biểu đồ của Disney, bởi vì chúng đã thấm đẫm máu của Disney và trở nên vô dụng.

Họ đang đốt phá những thị trấn đã cháy rụi, ném bom những thành phố đã bị oanh tạc. Đây từng là một kế hoạch hay. Đánh bại kẻ địch từ trên không trung và cứu rỗi thế giới khỏi nỗi kinh hoàng của những cuộc chiến tranh trên mặt đất, từ Ypres, Somme đến Passchendaele. Nhưng nó không hiệu quả. Mỗi khi bị hạ đo ván, quân địch lại đứng dậy lần nữa, giống như trong những cơn ác mộng, giống như những đội quân liên tục được sinh ra từ rừng rỗng trên đồng bằng Ares^[224]. Thế là họ tiếp tục ném những con chim vào tường. Tuy nhiên bức tường vẫn đứng sừng sững.

Một vị phó thống chế không quân đã ghé thăm phi đoàn. Ông ta trung rất nhiều huân chương và trên mũ có gắn biểu tượng hình dải lá màu vàng - người ta vẫn gọi biểu tượng đó với cái tên dân dã là “trứng bác”. “Tôi muốn cho mọi người biết mặt tôi.” Ông ta nói. Teddy không nhớ là đã từng nhìn thấy mặt ông ta.

Tâm trí anh để cả vào Nancy. Sáng hôm đó, anh đã nhận được một lá thư - như thường lệ, lá thư có rất nhiều chữ nhưng cũng như thường lệ, nó chẳng có mấy thông tin, tuy nhiên ở cuối thư, cô nhắc đến việc đính hôn của họ và nói rằng cô sẽ “thấu hiểu nếu cảm xúc của anh đã thay đổi”. (“Anh ít viết thư cho em quá, anh yêu.”) Phải chăng cô đang muốn nói rằng cảm xúc *của cô* đã thay đổi? Sĩ quan chỉ huy chốt cắt ngang dòng hồi tưởng của anh với câu nói “Ted?”

Sẵn sàng chưa?”, rồi họ đi tới lều chỉ dẫn, viên phó thống chế sai bước đầy vẻ uy quyền ở đằng trước. Đi kèm ông ta là nữ tài xế WAAF khá quyến rũ, cô ta nháy mắt với anh, khiến anh vô cùng ngạc nhiên.

Các tổ bay đã tập hợp lại, một sĩ quan giám sát đứng ở cửa điểm danh họ. Khi tất cả mọi người đã vào trong, cửa chính sẽ được khóa lại còn cửa sổ được che rèm. Nữ tài xế của viên phó thống chế phải chờ ở bên ngoài. An ninh được siết chặt trước một cuộc không kích. Không một ai được phép rời khỏi phi trường hoặc gọi điện thoại. Giữ bí mật về mục tiêu là vấn đề quan trọng sống còn, mặc dù mọi người thường đùa bỡn rằng nếu muốn biết mục tiêu tiếp theo là gì, họ chỉ cần tới quán rượu Betty's. Thực tế là bằng cách này hay cách khác, quân Đức đã theo dõi họ ngay từ khoảnh khắc họ cất cánh. Chúng nghe lén các tần số radio của họ, làm nhiễu sóng của hệ thống Gee, lần theo hệ thống HS2 và “tóm gọn” họ trong mạng lưới radar của chúng, vốn trải dài dọc theo bờ biển châu Âu. Ăn miếng trả miếng.

Khi họ bước vào lều chỉ dẫn, tiếng chân ghế cọ vào sàn vang lên ken két khi chừng một trăm hai mươi tổ bay đứng dậy trong tư thế nghiêm. Căn phòng - một cái lều Nissan - nồng nặc mùi mồ hôi và mùi khói như thường lệ. Tiếng ken két lại vang lên khi tất cả mọi người cùng ngồi xuống ghế. Tám bản đồ trên tường được phủ một tấm màn đen và sĩ quan chỉ huy luôn kéo soạt nó ra với một cú vung tay khoa trương như trong một trò ảo thuật trước khi phát biểu

những lời giờ đã thành thông lệ: “Thưa các anh, mục tiêu của các anh trong tối nay là...”

Nuremberg? Những tiếng lầm rầm bất mãn phát ra từ những tổ bay giàu kinh nghiệm hơn, vài tiếng “Jesus ơi”, “Chúa ơi” và một từ “Chết tiệt” bằng tiếng Úc vang lên, bất chấp sự có mặt của viên phó thống chế. Đó là một chuyến bay dài, đi vào sâu trong lòng địch, xa hơn vùng Ruhr gần ba lần. Sợi ruy băng đỏ gần như trải thẳng tới mục tiêu, hầu như không có đường zíc zắc nào.

Sĩ quan tình báo cấp cao là một WAAF có khuôn mặt nghiêm nghị. Cô ta đảm nhận nhiệm vụ của mình một cách rất nghiêm túc. Cô ta đứng dậy và nói với họ về tầm quan trọng của mục tiêu này. Đã bảy tháng trời nó không bị tấn công và gần như không bị sút mẻ gì, mặc dù nó là nơi đóng quân của một doanh trại SS khổng lồ, đồng thời cũng là nơi sản xuất các loại thiết bị và vũ khí quân sự của hãng MAN “trứ danh”, và bây giờ, khi nhà máy Siemens ở Berlin đã bị ném bom, quân địch bèn đẩy mạnh việc sản xuất đèn rọi, động cơ điện “và những thứ tương tự” tại các nhà xưởng ở Nuremberg.

Thành phố này có tính biểu tượng, đó là nơi Hitler tổ chức những cuộc mít tinh quần chúng lớn, và nó rất gần với “trái tim” của kẻ địch, sĩ quan tình báo tiếp tục cung cấp thông tin. Cuộc không kích này sẽ đánh mạnh vào nhuệ khí của địch. Mục tiêu được nhắm đến là các bãi để toa tàu, nhưng vì có hiện tượng thả bom sớm theo dây chuyền nên những chiếc máy bay ở đằng sau sẽ thả bom trúng vào khu phố cổ - “Altstadt”, cô ta nói, bắt chước vụng về cách phát

âm của người Đức. Họ sẽ mang theo một khối lượng lớn bom lửa, và những tòa nhà gỗ cũ kĩ sẽ cháy rùng rục.

Sinh quán của họa sĩ Dürer là ở Altstadt. Teddy đã lớn lên cùng với hai bức tranh của Dürer. Chúng được treo trong phòng sinh hoạt buổi sáng ở Góc Cáo - một bức vẽ một con thỏ rừng, bức còn lại vẽ một cặp sóc đỏ. Sĩ quan tình báo không nhắc đến Dürer, cô ta chỉ quan tâm đến hỏa lực phòng không, những vị trí của đèn rọi được đánh dấu trên bản đồ bằng những tấm celluloid màu xanh hoặc đỏ. Các tổ bay cũng chăm chú nhìn chúng, sự lo lắng trong lòng họ càng lúc càng tăng khi nhìn vào sợi ruy băng đỏ thẳng băng dài đằng đằng kia.

Nhưng mặt trăng mới là thứ thực sự làm họ lo lắng, ngay cả Teddy cũng không ngoại lệ. Nó là một vầng bán nguyệt sáng bất thường, giống như một đồng bạc rục rĩ sẽ soi sáng họ suốt đêm dài tăm tối. Tâm trạng rầu rĩ của họ càng tồi tệ hơn khi được thông báo rằng họ sẽ bay qua khe Cologne. Họ được an ủi rằng vào thời điểm này trong năm nơi đó “không chắc” được phòng thủ dày đặc. Thật sao? Teddy nghĩ. Lộ trình của họ băng qua gần sát hàng rào phòng thủ của vùng Ruhr và Frankfurt, chưa kể những phi trường của các chiến đấu cơ bay đêm cùng những chiếc đèn hiệu của chúng, Ida và Otto, nơi các chiến đấu cơ của Đức liên tục bay vòng quanh, chờ đợi, giống như lũ diều hâu đang săn đuổi những chú chim bồ câu.

Đến lượt sĩ quan khí tượng lên cung cấp các chi tiết về tốc độ gió, tình trạng mây và kiểu thời tiết mà họ có thể gặp phải. Ông ta nói “có khả năng” có một đám mây “khá”

dày che phủ chằng đường tới mục tiêu và quay về, nó “có thể” giúp họ ẩn nấp khỏi tai mắt của các chiến đấu cơ. Từ “có khả năng” khiến họ lo lắng nhấp nhồm trên ghế, từ “có thể” khiến tình hình càng tệ hơn. Từ “khá” cũng chẳng có gì khả quan. Ông ta nói bầu trời bên trên mục tiêu sẽ quang đãng, mặc dù những chiếc máy bay chỉ điểm đầu tiên đã báo cáo rằng có mây tích ở độ cao hai nghìn bốn trăm mét, nhưng thông tin ấy không được truyền đạt lại cho các tổ bay. Họ cần điều ngược lại - có mây ở khắp chằng đường dài để che giấu họ khỏi con mắt của các chiến đấu cơ và mặt trăng soi tỏ mục tiêu của họ.

Sĩ quan chỉ huy đã giải bày với Teddy rằng ông ta “chắc chắn” phi vụ này sẽ bị hủy. Teddy không hiểu tại sao họ không cân nhắc điều đó ngay từ đầu. Churchill thích mục tiêu này. Harris thích mục tiêu này. Teddy thì không. Anh không nghĩ Harris và Churchill quan tâm đến ý kiến của anh.

Các lãnh đạo của từng bộ phận chuyên biệt phát biểu vài lời đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề. Các hoa tiêu tiếp nhận thông tin về lộ trình và các điểm, ngoặt. Các điện đài viên được nhắc nhở về tần số của họ trong đêm nay. Các lãnh đạo phụ trách việc ném bom thì trình bày chi tiết về khối lượng và tỷ lệ giữa loại bom có sức công phá lớn với bom lửa, thời điểm và khoảng cách giữa các đợt tấn công, màu sắc của các vật đánh dấu mục tiêu mà họ sẽ thả bom xuống. Tất cả mọi người đều được nhắc nhở cẩn thận về các màu sắc trong ngày hôm đó. Họ đều biết chuyện có những tổ bay bắn nhầm mục tiêu vì nhầm lẫn màu sắc của vật chỉ

điểm, rồi bị hỏa lực của phe mình, phe đồng minh hoặc phe trung lập bắn hạ.

Thế rồi đến lượt Teddy đứng lên. Một hành trình kéo dài liên tục suốt hai trăm sáu mươi lăm dặm bên trên lãnh địa được phòng thủ nghiêm ngặt của quân địch, dưới ánh trăng sáng rực và khả năng có mây che phủ là rất thấp. Vì nhuệ khí của cả đội (người chỉ huy buộc phải tỏ ra tự tin, điềm tĩnh), anh cố gắng xoay chuyển cái sự thật ảm đạm ấy thành thứ gì đó ít khủng khiếp hơn - nhấn mạnh lại lần nữa tầm quan trọng của thành phố này: nó là một trung tâm công nghiệp và vận tải, đây sẽ là cú đòn đánh vào nhuệ khí của quân địch, vân vân... Hành trình dài sẽ khiến các chiến đấu cơ khó khoanh vùng mục tiêu bị tấn công hơn, chúng sẽ phải tản bớt lực lượng để bảo vệ thêm một số mục tiêu khác mà chúng nghĩ là có thể bị nhắm đến, do đó sẽ lơ là khe Cologne. Hành trình thẳng tắp sẽ đánh lừa được quân địch, và việc không phải rẽ ngoặt vòng vèo sẽ bảo tồn được nhiên liệu, khiến họ chở được khối lượng bom nặng hơn. Và, thẳng thắn mà nói, nó sẽ khiến họ ít mệt mỏi hơn, họ sẽ đến được mục tiêu nhanh hơn, và càng đến đó nhanh chừng nào thì họ càng trở về an toàn sớm chừng ấy. Và giữ được đội hình chặt chẽ. Từ đầu đến cuối.

Anh lại ngồi xuống. Họ tin tưởng anh, anh có thể thấy được điều đó trên những khuôn mặt phờ phạc của họ. Bây giờ họ không còn đường lùi, vì vậy tốt hơn hết là họ nên lên đường trong tâm trạng thoải mái. Chẳng có gì tệ hơn việc khởi hành với tâm trạng nặng trĩu bởi cảm giác ta đang đi đến cửa tử. Anh nhớ đến Duisburg, phi vụ cuối cùng trong

kỳ quân dịch đầu tiên của anh. Lúc đó tổ bay của anh đã bất an biết nhường nào vì tin rằng họ sắp đi vào chỗ chết. Đương nhiên, hai người trong số họ đã thiệt mạng. George và Vic. Trong tổ bay ban đầu của chiếc *J-Jig* chỉ có anh và Mac còn sống. Anh đã nhận được một lá thư từ Mac kể rằng cậu ta đã kết hôn và đi hưởng tuần trăng mật ở Niagara, và “một sinh linh bé bỏng sắp chào đời”. Đối với Mac, chiến tranh đã kết thúc.

Kenny tiếp tục huấn luyện các xạ thủ trên không mới ở một trường đào tạo bắn súng. Cậu ta đã viết một lá thư cho Teddy với nét chữ gần như không thể đọc nổi: “Tôi là một thầy hướng dẫn cơ đấy! Ai mà ngờ được chứ?” Vài tuần sau, chiếc máy bay có mặt cậu ta bị rơi khi đang trở về từ một bài tập huấn luyện bay đường trường. Ba thành viên trong tổ bay sống sót. Kenny không có trong số đó. Một người chị hay em gái của cậu ta đã viết thư cho Teddy với nét chữ cũng xấu gần bằng nét chữ của cậu ta: “Bây giờ Kenny tội nghiệp đã trở thành một thiên thần.” Giá mà điều đó là thật, Teddy nghĩ, giá mà các thành viên của Binh chủng Máy bay ném bom được gia nhập các đội quân rực rỡ^[225] của Spenser. Nhưng họ không được như vậy. Người chết chỉ đơn giản là chết. Và họ nhiều không đếm xuể.

Đáng lẽ Kenny nên giữ con mèo đen xơ xác của mình thay vì tặng nó cho con của Vic Bennett. Cuối cùng thì một lá thư cũng đến chỗ anh, nhưng không phải từ Lily mà từ bà Bennett, người bà mới được lên chức, tự hào một cách bất đắc dĩ. “Một đứa con gái, trông không xinh xẻo lắm nhưng cũng chẳng đến nỗi nào.” Vậy là Margaret, không phải

Edward, và Teddy nhẹ nhõm vì đứa trẻ không được đặt theo tên mình. *Margaret, phải chăng con đang khóc thương khu rừng Goldengrove rụng lá*^[226]?

*

Sĩ quan chỉ huy nói thêm vài câu động viên, vị phó thống chế phát biểu vài lời hùng hồn phù hợp với một người trung quá nhiều “trứng bác” trên vành mũ, một bác sĩ quân y đứng ở cửa phát cho họ những viên thuốc giúp họ tỉnh táo khi họ đi ngang qua. Thế là xong.

Tối nay họ được ăn bữa tối cuối cùng theo truyền thống, nhưng cũng chẳng phải yến tiệc gì - xúc xích và một quả trứng dai nhách như cao su. Không có thịt muối. Teddy nghĩ về con lợn của Sylvie, nghĩ về mùi thịt lợn quay.

Giờ họ đang ở trong tình trạng nội bất xuất, ngoại bất nhập, một thời điểm tồi tệ khi những ý nghĩ của họ có thể phủ bóng u ám lên mọi thứ. Teddy chơi vài ván cờ domino với một trung úy không quân trong phòng sinh hoạt tập thể của sĩ quan. Trò chơi không cần phải động não ấy giúp cả hai người họ khuây khỏa, nhưng họ vẫn cảm thấy nhẹ nhõm khi đến thời điểm tới phòng thay đồ, chuẩn bị sẵn sàng để lên đường.

Áo lót và quần lót dài bằng len dày, tất dài đến đầu gối, áo cổ lọ, đồ chiến, giày bay bằng da cừu, ba lớp găng tay - lụa, da dê, len. Một nửa y phục của họ không phải là quân phục. Điều đó khiến vài người trong số họ có một vẻ ngang tàng, gần giống như cướp biển - nhưng cái vẻ ngang tàng

ấy bị giảm bớt phần nào bởi cái dáng đi lạch bạch như thể họ đang đóng bím. Sau đó họ còn khoác thêm lên người nhiều thứ nữa - áo phao và bộ dây treo dù - cho đến khi ngay cả việc bước đi cũng trở nên khó khăn.

Họ kiểm tra xem trên cổ áo mình đã có một cái còi và trên cổ mình đã đeo thẻ bài chưa. Sau đó, họ tới chỗ các nhân viên hậu cần của đội WAAF để lấy bình cà phê, sandwich, kẹo cứng, kẹo cao su, sô cô la của hãng Fry. Họ nhận lấy “bộ dụng cụ tẩu thoát” - bao gồm bản đồ bằng lụa của những nước mà họ sẽ bay qua được in lên khăn quàng cổ hay khăn tay, tiền địa phương, la bàn được giấu trong những cái bút và nút áo, những tờ giấy chép những câu nói thông dụng bằng tiếng nước ngoài. Teddy đã giữ một mảnh giấy còn lại từ một chuyến xuất kích dài tới Chemnitz. Họ phải mang theo mảnh giấy ấy vì sợ rằng nếu bị rơi xuống, họ có thể bị lính Nga bắt gặp, những người lính Nga đó sẽ không biết họ là người nước nào và có thể sẽ bắn họ. (Đương nhiên), tờ giấy có chữ “Tôi là người Anh”.

Họ cầm lấy dù của mình, và một cô gái WAAF duyên dáng đưa cho Teddy một cái khăn quàng cổ bằng lụa rồi bẽn lễn nói: “Ngài mang nó theo giúp em được không? Như thế em có thể nói nó đã bay qua nước Đức và ném bom quân địch.” Mùi của nó thật ngọt ngào. “Violet tháng Tư.” Cô gái nói. Anh nghĩ: Giống như chàng hiệp sĩ đón nhận tấm lòng của một tiểu thư xinh đẹp trong một câu chuyện về hiệp sĩ, rồi anh nhét nó vào túi áo. Anh không bao giờ nhìn thấy nó nữa, hẳn là nó đã bị rơi lúc nào đó rồi. Thời của những câu chuyện về hiệp sĩ đã kết thúc từ lâu.

*

Họ bỏ hết những gì có thể khiến người khác nhận dạng được họ ra khỏi các túi. Đó là một hành động dường như luôn có tính biểu tượng đối với Teddy - băng qua cái ranh giới giữa việc là một cá nhân cụ thể với việc trở thành một phi công vô danh, đồng nhất với những người khác. Người Anh. Và người Úc, người New Zealand, người Canada. Người Ấn Độ, người Tây Ấn, người Nam Phi, người Ba Lan, người Pháp, người Séc, người Rhodesia, người Na Uy. Người Mỹ. Trên thực tế, cả nền văn minh phương Tây đều chống lại nước Đức. Sao chuyện đó có thể xảy ra với đất nước của Beethoven và Bach? Họ sẽ cảm thấy thế nào về chuyện đó nếu họ còn có cái gọi là “sau này”? *Alle Menschen werden Brüder*. Ursula đã hỏi: “Em nghĩ điều đó có thể xảy ra không? Một ngày nào đó?” Không. Anh nghĩ là không. Thực sự là không.

Một cô gái WAAF đứng ở cửa phòng thay đồ, gọi tổ bay của chiếc *F-Fox* và chiếc *L-London*, và bọn họ ùa lên chiếc xe buýt cũ mà cô ta đang lái. Thi thoảng việc chuyên chở cũng có vẻ lộn xộn như y phục của họ vậy.

Lucky bị bỏ lại trong vòng tay của một cô gái WAAF cực kì quyến rũ, một cô điện đài viên tên là Stella. Anh thích Stella và nghĩ rằng giữa họ có thể có gì đó. Tuần trước, Teddy đã tháp tùng cô tới một buổi khiêu vũ ở phòng sinh hoạt tập thể của một phi đoàn gần đó. Chỉ có một nụ hôn lên má trên đường trở về và một lời “Cảm ơn ngài, buổi khiêu vũ thực sự rất thú vị.” Chẳng có gì hơn nữa. Đã có

một sự kiện ghê rợn xảy ra ở phi trường của họ ngay trước hồi đó, một cô gái WAAF bị một lưỡi cánh quạt máy bay phạt mất đầu. Ngay cả bây giờ Teddy vẫn tránh nhớ lại sự kiện đó. Nó đã khiến cho tất cả mọi người ỉu rũ, đặc biệt là các cô gái WAAF, đương nhiên rồi. Stella là mẫu người tốt, giống như những chú chó và những chú ngựa. Có lúc sự khùng khiếp của chiến tranh sẽ dẫn đến tình dục, nhưng có lúc lại không. Khó mà hiểu được lý do dẫn đến những kết quả khác nhau ấy. Anh hối tiếc vì đã không lên giường với Stella và tự hỏi liệu cô có cảm nhận giống anh không. Anh đã có một mối quan hệ ngắn ngủi - cực kì ngắn ngủi - với một người bạn của Stella tên là Julia. Họ đã làm tình với nhau rất nhiều lần. Những cuộc làm tình tuyệt vời. Một kỷ ức bí mật.

Họ tới chỗ chiếc *F-Fox* đang đậu và xuống xe buýt. Đến nước này rồi mà Teddy vẫn mong đợi ánh đèn đỏ sẽ lóe lên, báo cho họ biết cuộc không kích này đã bị hủy bỏ. Nhưng rõ ràng điều đó sẽ không xảy ra, vì thế anh tiến hành kiểm tra máy bay cùng với viên phi công tân binh, cơ khí viên và tổ mặt đất. Teddy tự nhắc nhở mình rằng cơ khí viên này tên là Roy. Xạ thủ ở tháp pháo giữa là một người Canada có tên là Joe, xạ thủ ở tháp pháo đuôi có cái tên dễ nhớ là Charlie. Trông cậu ta như mới mười hai tuổi. Tấm kính Perspex ở tháp pháo đuôi đang được lau chùi lần cuối bằng một miếng vải màu đen.

Teddy mời thuốc lá khắp lượt. Chỉ có cậu lính cắt bom là không hút thuốc. "Clifford." Cậu ta nhắc Teddy khi thấy anh đang cố nhớ tên cậu ta. "Clifford." Teddy lẩm bẩm. Tất cả

các thành viên của tổ mặt đất đều hút nhiều thuốc như thể họ là những chiếc ống khói. Teddy ước rằng anh có thể mang họ theo trong một chuyến không kích, một chuyến đi an toàn đảm bảo rằng họ đều sẽ trở về được. Thật đáng tiếc khi họ không bao giờ được trải nghiệm những gì mà chiếc máy bay “của họ” trải qua, không bao giờ được nhìn thấy những cảnh tượng bên ngoài qua tấm kính Perspex được kì cọ kỹ lưỡng đó. Khi chiến tranh kết thúc, RAF đã thực hiện những “chuyến bay thị sát”, chở các cán bộ làm việc trên mặt đất bay qua Đức để họ có thể thấy sự tàn phá mà họ đã góp sức gây ra. Ursula đã tham gia một chuyến bay như vậy. Teddy không biết cô tham gia bằng cách nào nhưng anh không ngạc nhiên. Chiến tranh đã chứng minh rằng chị gái anh khá giỏi xoay xở trong cuộc chơi lớn của bộ máy quan liêu. Cô nói rằng thật khủng khiếp khi thấy một đất nước bị hủy hoại hoàn toàn.

Các chàng tân binh của Teddy đều đi tiểu vào bánh xe của chiếc *F-Fox*, và rồi có vẻ hơi bối rối khi họ nhận ra Teddy sẽ không tham gia nghi thức đàn ông này. Teddy nghĩ họ coi anh như một thánh nhân, một đạo sư. Nếu anh sai họ leo lên mái của đài kiểm soát không lưu và gieo mình xuống theo thứ tự thì ắt hẳn họ cũng sẽ làm theo. Anh thở dài, lần mò qua mấy lớp quần áo để cởi khuy quần và tiểu vào bánh xe máy bay dù không có nhu cầu. Các tân binh nhẹ nhõm cười trộm với nhau.

Thế rồi tổ mặt đất thực hiện màn chào tạm biệt đầy lạc quan và không màu mè như thường lệ, họ bắt tay nhau khắp lượt. “Chúc may mắn, hẹn gặp lại vào sáng mai nhé!”

*

Teddy đứng cạnh viên phi công tân binh trong lúc cất cánh. Viên phi công tên là Fraser, người Edinburg, từng là sinh viên ở trường St. Andrews. Một người Scotland có tính cách khác biệt với Kenny Nielson. Cậu ta không phải bay cùng một phi công thực tập mà có một viên trung tá kèm cặp. Teddy nhớ đến tổ bay của chiếc W-William. *Phi cơ này cất cánh lúc 16 giờ 20 phút và không trở về. Do đó nó được báo cáo là mất tích.*

Các động cơ Bristol Hercules gầm rú, các cánh quạt bắt đầu quay vài vòng giạt cục trước khi quay đều và phát ra tiếng phành phạch quen thuộc. Động cơ tốt đấy, Teddy nói với Fraser khi họ đang kiểm tra. Fraser buộc phải quan tâm đến *các quy trình của việc ném bom.*

Động cơ ngoài ở cánh trái, động cơ trong ở cánh trái, tiếp theo là động cơ trong ở cánh phải, động cơ ngoài ở cánh phải. Sau khi kiểm tra xong xuôi tình trạng giảm tốc độ quay của động cơ khi một trong hai ma nhê tô bị tắt, áp lực dầu, vùn vùn... - Fraser xin phép đài kiểm soát không lưu để được chạy ra đường băng, chuẩn bị cất cánh. Cậu ta liếc nhìn Teddy như thể cần sự đồng ý của anh hơn là sự đồng ý của đài kiểm soát không lưu, và Teddy giơ ngón tay cái lên với cậu ta. Các vật chèn bánh máy bay được bỏ ra, họ nhích về phía trước để tới chỗ đoàn người đưa tiễn trên đường vành đai, các động cơ rung lên và rú ầm ỉ, sự rung chuyển ấy lan qua cơ bắp vào tận trong xương và nằm lại

trong tim, trong phổi. Teddy cảm thấy điều đó thật tuyệt diệu.

Họ là chiếc máy bay thứ năm cất cánh. Họ rẽ vào đường băng, các động cơ hoạt động hết công suất, rồi chờ đợi, giống như một con chó săn thỏ bị mắc bẫy, sẵn sàng lao đi khi ánh đèn Aldis của đài kiểm soát không lưu chuyển sang màu xanh. Teddy vẫn đang mong đợi ánh đèn đỏ từ đài kiểm soát không lưu, tín hiệu cho thấy phi vụ bị hủy bỏ. Nó chẳng bao giờ xuất hiện. Thi thoảng, họ thậm chí còn bị triệu hồi khi đang ở trên không trung. Nhưng không phải lần này.

Đoàn người đưa tiễn đã tụ tập ở chỗ chiếc caravan điều hành bay. Họ bao gồm các cô gái WAAF thuộc các bộ phận khác nhau, tổ đầu bếp và tổ mặt đất. Sĩ quan chỉ huy và vị phó thống chế cũng ở đó, chào tạm biệt mỗi chiếc máy bay khi nó băng qua. Những người sắp chết không vẫy tay chào lại, Teddy nghĩ. Thay vì thế, anh giơ ngón tay cái lên với Stella, cô cũng đang ở đó, ôm Lucky trong tay, và khi họ lăn bánh trên đường băng, cô giơ một cái chân của con chó lên vẫy vẫy. Teddy thấy cử chỉ ấy còn đáng giá hơn bất cứ hành động chào tạm biệt nào của vị phó thống chế. Anh phì cười và Fraser liếc nhìn anh cảnh giác. Cất cánh là một việc nghiêm túc, đặc biệt khi đây là chuyến xuất kích đầu tiên của bạn, và phi công phụ của bạn là một trung tá không quân. Vậy mà viên trung tá đó lại đang có những hành vi kỳ quặc.

Ánh đèn xanh hiện lên và họ bắt đầu ì ạch dọc theo đường băng như một con chim quá khổ, cố gắng đạt tới vận

tốc cần thiết là một trăm linh năm dặm một giờ để “nhắc” mười hai tấn kim loại cộng với xăng và các loại bom lên khỏi mặt đất. Teddy trợ giúp Fraser một số thao tác cần thiết, rồi anh cảm thấy sự nhẹ nhõm quen thuộc khi Fraser từ từ kéo cần lái và chiếc *F-Fox* ị ạch bay lên. Anh vô thức chạm vào con thỏ rừng bằng bạc nhỏ bé trong túi áo ngực.

Họ gầm rú bay về phía ngôi nhà trại. Teddy tìm kiếm cô con gái của người nông dân nhưng không thấy bóng dáng cô ấy đâu cả. Anh cảm thấy ớn lạnh. Lần nào cô ấy cũng ở đó mà. Anh có thể nhìn thấy những cánh đồng bằng phẳng trong bóng hoàng hôn, thấy mặt đất nâu tro trụi, thấy chân trời đang tối dần. Ngôi nhà trại. Khoảnh sân trại. Họ nghiêng đi và bắt đầu bay vòng, chao lượn, chuẩn bị tinh thần trước khi hướng về phía bờ biển, và khi cánh của chiếc *F-Fox* nghiêng sang trái, anh đã nhìn thấy cô ấy. Cô ấy đang ngược nhìn họ, vẫy tay rồi rít với tất cả bọn họ. Vậy là họ sẽ an toàn. Anh vẫy tay đáp lại, mặc dù anh biết cô ấy không thể nhìn thấy anh.

Các phi đoàn ở phía bắc phải cất cánh sớm một giờ so với các phi đoàn ở xa hơn về phía nam, rồi sau đó họ phải bay về phía nam để gặp nhau ở điểm hẹn. Điều này cho họ một khoảng thời gian tương đối an toàn để tiến hành những nhiệm vụ thường lệ. Một khi đã ở trên không trung, họ chẳng có khoảnh khắc nào rảnh rỗi, tất cả những ý nghĩ u ám cứ bám lấy họ lúc ở dưới mặt đất đều biến mất. Cơ khí viên bận rộn với việc đồng bộ hóa các động cơ, tính toán lượng nhiên liệu còn lại trong mỗi bình xăng để tiến hành đổi các bình xăng khi đến thời điểm cần thiết. Hệ thống

IFF^[227] được bật lên để cho các chiến đấu cơ của RAF biết rằng họ là bạn chứ không phải là kẻ thù. Điện đài viên tháo sợi dây ăng ten dài ngoằng ngoằng đang bị quấn của radio ra, còn hoa tiêu cầm cúi xác định các vị trí chính xác, so sánh tình trạng gió trong thực tế so với dự báo. Khi họ bay qua biển, lính cắt bom bắt đầu rải các mảnh nhôm gây nhiễu xạ có tên là Window. Họ vẫn bật đèn hiệu, và Teddy có thể nhìn thấy những ánh đèn xanh đỏ nhấp nháy trên đầu cánh của những chiếc máy bay khác.

Họ ồn ào bay qua biển Bắc, suốt lúc đó vẫn hướng lên trên. Ánh trăng rọi sáng những con sóng và đôi cánh của chiếc *F-Fox* lấp lánh như thỏi bạc được đánh bóng. Cứ như họ đang bị đèn rọi soi chiếu. Các xạ thủ thử những khẩu súng Browning bằng cách bắn từng tràng ngắn xuống biển. Những quả bom được lắp ngòi nổ, các đèn hiệu bị tắt. Ở độ cao một nghìn năm trăm mét, họ đeo mặt nạ ôxy vào, và Teddy nghe thấy tiếng thở khàn khàn quen thuộc trên hệ thống liên lạc nội bộ.

Họ bay nhanh qua Bể một cách êm ái nhờ một cơn gió thuận. Tâm nhìn tốt đến nỗi họ có thể nhìn thấy nhiều chiếc máy bay khác trong đội hình máy bay ném bom. Đây gần giống một cuộc không kích vào ban ngày mà Teddy từng tham gia. Cuộc đời anh vốn diễn ra vào ban đêm. Họ có thể nhìn rõ vầng trăng rực rỡ phản chiếu trên các sông hồ khi bay qua đó, nó hộ tống họ, soi chiếu từng dặm đường. *Trên mặt nước không có dấu hiệu nào của sự rụt rè hay bẽn lẽn*^[228]. Hugh rất yêu thích những chiếc đĩa hát của Gilbert và Sullivan. vở kịch *Nhật hoàng nghiệp dư* từng

được biểu diễn ở hội trường của làng, và bố họ đã làm tất cả mọi người ngạc nhiên khi đảm nhận vai Ko-Ko - người đao phủ. Ông đã rất nhập tâm với vai diễn có tính cách hoàn toàn trái ngược với mình ấy - liếc mắt đều cáng, đi lại nghênh ngang và nghêu ngao hát quanh sân khấu. “Cứ như là Jekyll và Hyde^[229] vậy.” Sylvie nói. Bà Shawcross đóng vai Katisha. Bà cũng là một tài năng kịch nghệ nữa vừa được khai quật.

Họ tới điểm ngoặt đầu tiên gần Charleroi và không lâu sau đó, cuộc tàn sát bắt đầu.

*

Chiến đấu cơ có ở khắp nơi, giống như những con ong vò vẽ giận dữ khi tổ bị chọc phá. Quả là bất ngờ khi gặp chúng sớm như vậy, lại còn rất nhiều nữa. Không phải một tổ ong bị chọc phá mà là một đàn ong dường như đã chờ đợi họ từ lâu.

“Tôi thấy một chiếc phi cơ ở bên trái đầu máy bay của chúng ta bốc cháy và rơi xuống.” Xạ thủ ở tháp pháo giữa báo cáo.

“Ghi lại, hoa tiêu.” Fraser nói.

“OK, phi cơ trưởng.”

Lần này là giọng nói của xạ thủ ở tháp pháo đuôi: “Một chiếc ở sườn bên phải bị rơi.”

“Ghi lại, hoa tiêu.”

Teddy, đang đứng cạnh Fraser, nhìn thấy máy bay bị bắn hạ khắp nơi. Các vụ nổ giống như những vì sao sáng rực rải rác trên bầu trời.

“Chúng có phải là bù nhìn không, thưa ngài?” Lính cắt bom hỏi. Teddy nhận thấy vì Fraser là “phi cơ trưởng” nên cả tổ bay đã gọi Teddy là “ngài” để không bị nhầm lẫn. Họ đều đã nghe lời đồn rằng quân Đức đang sử dụng các “bù nhìn” - tức là những quả đạn phòng không giả vờ là những chiếc máy bay ném bom bị nổ tung - nhưng Teddy cảm thấy không phải như thế. Anh thấy vài “ngôi sao” bốc lên những ngọn lửa đỏ bắn thủ do dầu cháy, đó là hình ảnh quá đỗi quen thuộc với anh. Trước thời điểm này các cậu tân binh chưa bao giờ nhìn thấy một chiếc máy bay ném bom bị bắn hạ. Đây là cuộc thử lửa đầu tiên của họ, anh nghĩ như vậy.

Một vài chiếc chao qua đảo lại khi rơi xuống như lá rụng, những chiếc khác thì lao thẳng xuống đất. Một chiếc Halifax ở sườn trái bên trên họ bay qua với cả bốn động cơ đều bốc cháy, những dòng xăng cháy ngùn ngụt chảy tràn xuống dưới, nhưng nó ở quá xa nên họ không thể thấy liệu có còn thành viên nào của tổ bay mắc lại không. Hai cánh của nó đột nhiên sụp lại như một cái bàn gấp và nó rơi xuống như một con chim chết.

“Tôi e rằng không phải “bù nhìn” đâu, là máy bay đấy.” Anh nói và nghe thấy vài tiếng xuýt xoa kinh hãi trên hệ thống liên lạc nội bộ. Đáng lẽ anh nên để mặc họ ảo tưởng. Khắp xung quanh họ là những chiếc máy bay rơi bốc cháy ngùn ngụt hoặc nổ tung, chẳng có dấu hiệu gì cho thấy tổ bay của chúng biết rằng mình bị tấn công. Xạ thủ ở tháp

pháo giữa tiếp tục đếm và hoa tiêu đánh dấu vào nhật ký hành trình cho đến khi Teddy chen ngang: “Đủ rồi!” Bởi vì nghe tiếng thở của họ, anh có thể nhận ra họ đang bắt đầu hoảng loạn.

Ở phía sườn trái của họ, một chiếc máy bay bốc cháy toàn thân đang bay qua, nó vẫn bay thẳng nhưng bị lộn ngược. Teddy nhìn thấy một chiếc Lancaster bốc lên những mảng lửa trắng và rơi xuống một chiếc Halifax ở bên dưới. Cả hai chiếc phi cơ đều cùng nhau lộn nhào xuống đất như những bánh xe lửa khổng lồ. Dường như có một chiếc máy bay chỉ điểm đang rơi giống một ống chỉ bị tuột, những quả pháo sáng đánh dấu mục tiêu màu xanh và đỏ của nó duyên dáng nổ tung khi nó chạm đất. Anh chưa bao giờ chứng kiến một “cuộc tàn sát” quy mô như thế này. Ở phía xa, những chiếc máy bay cứ liên tục thi nhau rơi rụng, tựa như những ngôi sao cháy bùng lên rồi chết đi. Các tổ bay chỉ đơn giản biến mất, họ sẽ không xuất hiện vào sáng hôm sau để ăn khẩu phần thịt muối và trứng của mình, chẳng ai nghĩ quá nhiều về *cái cách* họ biến mất. Nỗi kinh hoàng và khiếp sợ của những khoảnh khắc cuối cùng ấy bị giấu kín. Bây giờ họ không thể lờ đi được.

Chiếc máy bay chỉ điểm làm Teddy hoang mang, nó phải ở phía đầu của lực lượng chính mới đúng. Hoặc là nó đang ở sai vị trí, hoặc chính họ đang ở sai vị trí. Anh đề nghị hoa tiêu kiểm tra những cơn gió một lần nữa. Teddy có cảm giác họ đã dạt về phía bắc của sợi ruy băng màu đỏ. Anh cảm nhận được sự bối rối trong câu trả lời của hoa tiêu. Anh thấy mình ao ước có được kinh nghiệm của Mac.

Ở bên dưới, anh có thể nhìn thấy những cái xác máy bay cháy rục trên mặt đất, chúng trải dài đến năm, sáu mươi dặm.

Thế rồi, thêm một bằng chứng nữa để chứng minh chuyện quân Đức sử dụng “bù nhìn” chỉ là hoang đường. Ở phía trên sườn bên phải, họ nhìn thấy một chiếc Lancaster bị ánh trắng tàn nhẫn soi sáng - cứ như bị đèn rọi chiếu vào - một chiếc chiến đấu cơ của Đức đang lén lút theo dõi nó từ bên dưới, khuất khỏi con mắt của xạ thủ tháp pháo đuôi. Chiếc chiến đấu cơ có một khẩu đại bác chĩa lên trên. Đây là lần đầu tiên Teddy nhìn thấy nó. Đương nhiên - đó chính là lý do tại sao lại có nhiều máy bay bị bắn rơi đột ngột đến vậy. Khẩu đại bác trông như đang nhắm thẳng vào cái bụng sơ hở của những chiếc máy bay ném bom, nhưng nếu chúng bắn trúng cánh máy bay, nơi chứa các bình nhiên liệu, những chiếc máy bay ném bom sẽ chẳng còn cơ hội thoát nạn.

Anh bắt lực nhìn chiếc chiến đấu cơ khai hỏa rồi nhanh chóng tách xa khỏi nạn nhân của nó. Đôi cánh của chiếc Lancaster nổ tung thành những đốm lửa lớn màu trắng và chiếc *F-Fox* chao đảo dữ dội.

Trước khi họ kịp trấn tĩnh lại, những quả đạn lửa đã lách cách quét dọc theo thân máy bay bằng nhôm mỏng khiến nó nứt toạc. Họ đột ngột lao chúi xuống theo phương thẳng đứng. Teddy nghĩ chắc Fraser đang cố tránh né chiếc chiến đấu cơ, nhưng khi anh liếc nhìn cậu ta, anh kinh hãi khi thấy cậu ta đang gục xuống cần điều khiển. Không thấy vết thương nào, cứ như thể cậu ta đang ngủ vậy. Anh liền kêu

cứu qua hệ thống liên lạc nội bộ - anh gần như không thể chạm vào cần điều khiển khi Fraser đang ở trong tư thế này, và anh vừa phải cố gắng nâng giữ cơ thể bất động của cậu ta vừa phải kéo lại cần điều khiển, trong khi trọng lực giống như cả tấn bê tông nặng nề trên đầu anh.

Cả điện đài viên và cơ khí viên đều nhào tới, bắt đầu vật lộn với Fraser bất động. Ghế phi công khá cao và khi mặc trên người tất cả các trang bị cần thiết rồi nhét mình vào trong đó, ta sẽ vừa khít với nó. Gỡ một người ra khỏi vị trí như thế gần giống một nhiệm vụ bất khả thi, đặc biệt là khi Teddy đang ngồi ở mép ghế, và có lúc anh đã nghĩ anh có thể phải ngồi khom người trên đùi của Fraser tội nghiệp. Cuối cùng họ cũng xoay sở lôi được cậu ta ra, và Teddy ngồi vào vị trí của cậu ta. Anh thầm biết ơn vì không thấy vết máu nào.

Họ đang lao xuống đất với vận tốc ba trăm dặm một giờ, chiếc *F-Fox* gần như chúc thẳng đứng. Teddy gọi cơ khí viên và cả hai người họ cùng tóm lấy cần lái, cố sống cố chết níu chặt nó. Teddy lo rằng cánh máy bay sẽ rụng ra, nhưng cuối cùng, sau vài giây ngỡ như dài bất tận, sức lực kết hợp giữa hai người họ vừa đủ để tác động đến bánh lái độ cao, nâng mũi máy bay lên trên trở lại, và họ bay là là một lúc trước khi bắt đầu chậm chạp chúc lên trên.

Những lời cảm thán vang lên trên hệ thống liên lạc nội bộ. Teddy điểm danh toàn tổ bay một lượt để kiểm tra, rồi nói với họ một cách ngắn gọn: “Tôi e là phi công đã trúng đạn. Tôi đang lái thay. Hoa tiêu, làm ơn lập một lộ trình mới để đến chỗ mục tiêu.” Chỉ có các vị thánh thần mới biết họ

đang ở đâu, thậm chí có lẽ ngay cả các vị ấy cũng không biết.

Điện đài viên và cơ khí viên đã kéo Fraser tới chỗ nghỉ ngơi của tổ bay. “Vẫn còn thở, thưa phi cơ trưởng.” Điện đài viên báo cáo. Teddy nhận ra họ không còn gọi anh là “ngài” nữa. Giờ anh là phi cơ trưởng. Là đội trưởng của họ.

*

Những tiếng thốt đầy hoang mang của cậu lính cất bom báo cho Teddy biết về một thứ mà trước kia anh chưa từng nhìn thấy. Những vệt hơi nước. Thường thì chúng không bao giờ xuất hiện dưới độ cao bảy nghìn sáu trăm mét, vậy mà bây giờ chúng có mặt khắp nơi, phụt ra từ đuôi của những chiếc máy bay ném bom. Những vệt hơi nước ấy chẳng khác nào những tấm băng rôn sáng rực, đánh dấu vị trí của họ thậm chí còn rõ ràng hơn cả ánh trăng.

Đội ngũ máy bay ném bom bắt đầu tan rã từ lâu. Những viên phi công dày dạn kinh nghiệm hơn đã nhận ra rằng, việc bay theo đội hình thay vì an toàn nhất đã trở thành nguy hiểm nhất. Teddy bắt đầu lượn ra phía mép ngoài, đồng thời bay cao lên. *Giữ được đội hình chặt chẽ. Từ đầu đến cuối.* Đó là mệnh lệnh cuối cùng của anh với phi đoàn của mình. Anh hy vọng các phi công không mù quáng tuân theo những chỉ thị ấy. Teddy đang cố gắng bay cao nhất có thể. Chiếc *F-Fox* không thể đạt đến độ cao của những chiếc máy bay Lancaster, nhưng trong bầu không khí loãng với

các động cơ tốt, anh có thể đến rất gần độ cao ấy. Tuy nhiên, họ đã bị quân địch phát hiện.

“Một chiếc chiến đấu cơ đang tới, phi cơ trưởng.”

“OK, hoa tiêu.”

“Hai trăm bảy mươi lăm mét. Hai trăm bốn mươi lăm mét.” Hoa tiêu đếm ngược khoảng cách giữa họ với đốm sáng đang lại gần trên màn hình radar của anh ta. “Hai trăm mười ba mét, một trăm tám mươi ba mét.”

“Đã nhìn thấy gì chưa, các xạ thủ?”

“Chưa thấy, phi cơ trưởng.” Cả hai cùng trả lời.

“Một trăm năm mươi hai mét, một trăm hai mươi hai mét.”

“Thấy rồi, phi cơ trưởng.” Xạ thủ ở tháp pháo giữa nói. “Phía trên mạn bên trái. Nghiêng sang trái, lộn vòng kiểu xoắn ốc. Mau, mau, mau.”

“Tăng tốc, cơ khí viên.”

“Đã tăng thêm một trăm, phi cơ trưởng.”

“Tất cả bám chắc vào.” Teddy nói khi anh đẩy cần điều khiển về đằng trước, chiếc máy bay bắt đầu lộn vòng, cánh nghiêng sang bên trái. Trọng lực ghim chặt anh vào ghế. Họ lộn vòng xuống phía dưới, dụng cụ đo độ cao không hoạt động cho đến khi anh lại cho chiếc máy bay lộn vòng sang bên phải, thu các cánh nhỏ lại và họ lại ịch hướng lên trên. Anh đang cố tìm một đám mây để ẩn nấp thì xạ thủ tháp pháo giữa hét lên: “Phía trên mạn bên phải, lộn vòng theo đường xoắn ốc sang bên phải, mau, mau, mau!”

Đôi khi chỉ riêng sự nhiễu loạn được tạo ra đã đủ để cắt đuôi một chiếc chiến đấu cơ, nhưng lần này thì không. Ngay khi họ hướng lên trên, xạ thủ ở tháp pháo đuôi hét lên: “Địch ở đằng sau bên trái, bổ nhào xuống bên trái!”

Những khẩu súng Browning của các xạ thủ đang bắn xối xả và chiếc máy bay nông nặc mùi thuốc súng. Bầu trời quanh chiếc *F-Fox* dày đặc đạn và đạn lửa của đại bác. Teddy lạng lách chiếc phi cơ nặng nề quanh bầu trời, bổ nhào sang bên phải rồi nghiêng mình lượn sang bên trái, bay hướng lên trên trở lại, cố gắng cắt đuôi chiếc chiến đấu cơ. Anh cảm thấy mệt lử vì phải nỗ lực hết sức bình sinh để điều khiển chiếc máy bay. Buộc phải làm vậy, anh nghe thấy mẹ anh nói. Các xạ thủ đã hết đạn nhưng rồi xạ thủ ở tháp pháo giữa báo cáo: “Kẻ địch ở bên trái đã bỏ đi, phi cơ trưởng.” Và tiếp đó là: “Kẻ địch bên tay phải cũng đã bỏ đi, phi cơ trưởng.” Tới tìm một thằng cha tội nghiệp khác, Teddy nghĩ và nói: “Làm tốt lắm, các xạ thủ.”

*

Vận may của họ cuối cùng cũng cạn. Họ không bao giờ tới được mục tiêu. Dù sao đi nữa, Teddy không chắc họ sẽ tìm ra nó. Sau này, anh được biết rằng nhiều chiếc máy bay khác cũng vậy.

Chuyện xảy ra rất nhanh. Phút trước, họ còn đang ở trên bầu trời tối đen trống vắng, không còn thấy bóng dáng của đội hình máy bay ném bom đầu nữa, vậy mà phút sau họ đã bị chiếu rọi và trúng phải hỏa lực phòng không - những

tiếng “uỳnh uỳnh” to tướng vang lên như thể một chiếc búa tạ đang nện liên tục vào thân máy bay. Hẳn là họ đã gặp phải hàng rào phòng thủ của vùng Ruhr. Bị những ánh đèn rọi làm cho lóa mắt, Teddy chỉ có thể cho máy bay bổ nhào một cú nữa. Anh cảm thấy chiếc *F-Fox* tội nghiệp đang phản kháng, những gì anh làm đã vượt quá giới hạn chịu đựng của nó, và anh nghĩ rằng nó sẽ vỡ tan vào bất cứ giây nào. Anh ngờ rằng những điều đó cũng đã vượt quá giới hạn chịu đựng của anh, nhưng đột nhiên họ thoát khỏi ánh đèn khủng khiếp kia và trở lại với bóng tối đáng hoan nghênh.

Cánh trái đang bốc cháy và họ nhanh chóng bị hạ độ cao. Theo bản năng, Teddy biết rằng lần này họ sẽ không thể hạ cánh nhẹ nhàng, không thể hạ cánh trên biển, không có cô gái WAAF nào hướng dẫn họ đi tới một phi trường thân thiện. Chiếc *F-Fox* đang đi tới chỗ chết. Anh ra lệnh bỏ máy bay.

Hoa tiêu đã bay cửa thoát hiểm, cậu ta cùng điện đài viên đeo một cái dù cho viên phi công bị thương rồi đẩy viên phi công ấy ra ngoài. Điện đài viên nhanh chóng nhảy theo, sau đó là hoa tiêu. Xạ thủ ở tháp pháo giữa trèo xuống từ tháp pháo của mình rồi nhảy theo họ. Xạ thủ ở tháp pháo đuôi báo cáo rằng tháp pháo của cậu ta bị trúng đạn và cậu ta không thể mở được cửa của nó. Cậu lính cất bom bò lên từ vị trí của mình ở mũi máy bay, vật lộn với trọng lực, và tới xem liệu cậu ta có thể giúp xạ thủ ở tháp pháo đuôi mở cửa bằng tay không.

Những ngọn lửa bắt đầu liếm vào trong khoang máy bay. Họ không còn lao chúi xuống nữa nhưng vẫn đang bị hạ độ

cao. Teddy cho rằng chiếc *F-Fox* có thể phát nổ bất cứ lúc nào. Lính cắt bom và xạ thủ ở tháp pháo đuôi không nói gì cả. Anh đột nhiên nghĩ đến tên của họ: Clifford và Charlie.

Anh đang vật lộn với chiếc *F-Fox*, cố gắng giữ nó thăng bằng và bay thẳng về phía trước. Clifford xuất hiện bên cạnh anh, nói rằng lửa đã ngăn cậu ta tới chỗ xạ thủ ở tháp pháo đuôi. Rồi Teddy nói cậu ta hãy nhảy xuống. Cậu ta biến mất qua cửa thoát hiểm.

Sau đó, mọi thứ trở nên mờ mịt, đằng sau anh là một tấm màn lửa, anh có thể cảm thấy chúng đang bắt đầu làm cháy sém chỗ ngồi của anh. Hệ thống liên lạc nội bộ không còn hoạt động nữa, nhưng anh tiếp tục vật lộn với chiếc *F-Fox* để cho cậu xạ thủ ở tháp pháo đuôi cơ hội cuối cùng thoát ra ngoài. Thuyền trưởng luôn là người cuối cùng rời khỏi con tàu.

Thế rồi, khi anh nghĩ anh đã cam chịu - chấp nhận - cái chết, bản năng sống của anh bỗng trỗi dậy, hàm răng của cái chết bị cạy mở toang. Anh thấy mình giật đứt đám dây nhợ của mặt nạ ôxy và hệ thống liên lạc nội bộ, nhào ra khỏi chỗ ngồi, và gần như bị hút ra khỏi cái bụng của chiếc *F-Fox* qua lối thoát hiểm.

*

Sau những ồn ào bên trong máy bay, sự tĩnh lặng của bầu trời đêm khiến anh cảm thấy sững sốt. Anh chỉ có một mình, trôi nổi trong bóng tối, bóng tối mênh mông, yên bình. Vầng trăng dịu dàng chiếu lên người anh. Ở bên dưới,

một dòng sông giống như dải bạc lóng lánh chảy, nước Đức trải ra như tấm bản đồ dưới ánh trăng, nó càng lúc càng gần hơn khi anh trôi về phía nó như một cánh hoa bồ công anh nhẹ tựa lông tơ.

Phía trên đầu anh, chiếc *F-Fox* đang cháy ngùn ngụt vẫn đang rơi. Teddy tự hỏi cậu xạ thủ ở tháp pháo đuôi có còn ở bên trong máy bay không. Đáng lẽ anh không nên bỏ rơi cậu ta. Chiếc máy bay rơi xuống đất trước Teddy và anh thấy nó nổ tung, bùng lên thành những quầng sáng rực rỡ. Anh nhận ra rằng anh sẽ sống. Rốt cuộc anh sẽ có một tương lai. Anh gửi lời cảm ơn đến bất cứ vị thần nào đã ra tay cứu anh.

2012

Suốt chặng đường tới ánh sáng

“... Khoanh vùng địa lý... Chúng ta nên làm điều đó bởi vì... Tiêu chuẩn mới... Mỗi quan hệ giữa đại lý - khách hàng hoặc mặt khác... Cũng như công nghệ giao tiếp tầm ngắn...”

Người đàn ông đang phát biểu ắt hẳn là người có bằng cấp về biệt ngữ và bằng tiến sĩ về bộ môn lắm nhảm học. Những lời nói của anh ta đang trôi nổi trong không trung, chỉ toàn là các từ ngữ không có ý nghĩa gì, chúng hút hết ôxy khiến Bertie cảm thấy hơi ngạt thở. Người đàn ông đang phát biểu được Bertie thầm gán cho biệt danh Người đàn ông Vớ Vẩn, anh ta tên là Angus và “có dòng dõi Scotland” - vì thế mới có cái tên thuần Scotland ấy - mặc dù giọng anh ta đặc sệt kiểu giọng ở các trường tư thục nội trú của Anh. “Cụ thể là trường Harrow”, và Bertie biết những điều này bởi vì cô đã hẹn hò với anh ta. Cuộc hẹn hò ấy được sắp xếp bởi “bà mối” nổi tiếng, trang web Match.com^[230]. Đó là lý do cô đang ngồi lom khom ở cuối phòng, cố gắng làm như mình không ở đó.

Cô đã có ác cảm với anh ta gần như ngay lập tức sau một bữa tối ở nhà hàng Nopi, bởi vì khi hóa đơn thanh toán được

đem ra, anh ta đã sốt sắng cưa đôi số tiền phải trả, do đó anh ta không đủ điều kiện đáp ứng một trong những tiêu chí đầu tiên của cô về người theo đuổi mình, đó là phải cư xử như một quý ông. Cô muốn anh ta phải mở cửa cho cô, trả tiền cho các bữa ăn, mua hoa. Viết thư tình^[231] (Từ này dễ thương quá, nó khiến cô nghĩ đến những con chim bồ câu - chạm mỏ vào nhau và cất tiếng gù). Cô muốn được tán tỉnh. Muốn người đàn ông của mình phải thật ga lăng. Lại là một từ dễ thương. Nhưng tất cả những điều đó chỉ là mộng tưởng hảo huyền. Cô phì cười, khiến người đàn ông ngồi cạnh cô trong “hội thảo chuyên đề” này liếc cô với vẻ lo lắng.

“Bertie ư?” Người đàn ông Vớ Vẩn đã nói trong bữa tối ấy. “Cái tên đó có ý nghĩa gì vậy?”

“Một ý nghĩa rất hay.” Và sau một hồi lâu im lặng khá tế nhị, cô nói tiếp: “Nó là tên gọi tắt của Roberta, theo tên của cụ tôi.” Roberta là tên đệm của Bertie, cô sẽ không nói cho Angus biết tên thật của cô là Moon.

Trong một phút giây đại đột, cô đã về nhà anh ta ở Battersea (một sai lầm kinh điển), đó là một căn hộ với mọi bức tường đều bằng kính sáng choang như thể nó được thiết kế trong tương lai, rồi làm tình với anh ta trong cơn say xỉn, một cuộc làm tình chẳng có gì thú vị, đương nhiên, điều này đã khiến cô căm ghét chính mình. Để rồi sáng sớm hôm sau, cô đã len lén chuẩn về, đi dọc theo bờ sông Thames trong nỗi xấu hổ để *tẩy xóa nỗi đau khổ của cô*^[232]. Cô đã ngạc nhiên khi thấy có quá nhiều người ra ngoài vào lúc sáng sớm thế này, cô thơ thẩn đi dạo *dọc theo bờ sông*

Themmes^[233] lóng lánh chảy như dát bạc^[234], mặc dù những nàng tiên nữ con gái của sông Thames trong bài thơ của Spenser không còn xuất hiện ở nơi này, trừ phi họ chính là nhóm nữ sinh đại học đang hò dô chèo thuyền, khua mạnh mái chèo trên làn nước nâu như thể một con quái vật đang đuổi theo họ. Con gái con đưa gì mà dậy từ sáu giờ sáng để đi chèo thuyền vậy? Bertie tự hỏi. Cô cho rằng họ là kiểu con gái tốt đẹp hơn cô.

Wordsworth đã thay thế cho Spenser trong tâm trí cô khi cô đến cầu Westminster và thấy rằng trong không khí quang đãng, trong lành vào sáng sớm của một ngày cuối tháng Năm, London thực sự rục rờ và lấp lánh, dù chỉ trong một thời gian ngắn.

Cô ngạc nhiên - thực ra từ ngạc nhiên cũng không đủ để diễn tả cảm xúc của cô - khi nhìn qua thành cầu và thấy một chiếc thuyền thiên nga dát vàng đang chèo về phía cô. Khi dõi theo con thuyền nhẹ nhàng lướt đi dưới vòm cầu, Bertie tự hỏi phải chăng cô đã du hành ngược thời gian trở về thời Tudor.

"Gloriana!" Một giọng nói cất lên. Cô đã không để ý đến người đàn ông đã tới đứng cạnh cô. *"Đó là con thuyền của Nữ hoàng."* Anh ta nói. *"Thuộc đoàn thuyền trong đám rước. Tôi nghĩ họ đang tập dượt."* Đương nhiên rồi, cô nghĩ. Đám rước trên sông. London đang hân hoan chuẩn bị cho Đại lễ Kim cương. Quá nhiều từ dễ thương, Bertie nghĩ - *"dát vàng", "đại lễ", "đoàn thuyền", "kim cương", "đám rước", "Gloriana"*. Nhiều đến mức gần như không thể chịu đựng nổi.

“Trong một thoáng tôi cứ nghĩ mình đã du hành ngược thời gian cơ đấy.” Cô nói.

“Cô có muốn vậy không?” Anh ta hỏi, như thể đang mời cô bước vào một cỗ máy thời gian mà anh ta để ở đâu đó ngay gần đây.

“Chà...” Cô nói.

*

“... Những mối quan hệ giữa các cơ sở cung ứng trong kinh doanh và quá trình chuyển sản phẩm thành hàng hóa tiêu dùng...”

Bertie làm việc trong một công ty quảng cáo, vì những lý do mà bây giờ cô đã quên bằng đi, cô hiện đang có mặt ở Belgravia, nơi Angus đang dẫn dắt một hội thảo chuyên đề (Vâng, thực sự đấy!)

Cha của Angus là một luật sư cấp cao, còn mẹ anh ta là một bác sĩ tham vấn ở bệnh viện và mấy anh chị em nhà anh ta - một anh trai và hai em gái - đã lớn lên ở Primrose Hill, nơi Angus có một “tuổi thơ khá bình thường”. Bertie lập tức hồ nghi. Làm gì có ai có tuổi thơ bình thường chứ!

Anh ta làm việc trong ngành tiếp thị, “một người khai phá sản phẩm”. Bertie cảm thấy đó chẳng phải là một công việc đúng nghĩa. Cô nói “Tôi làm việc ở thư viện”, bởi vì câu nói này luôn có tác dụng chấm dứt một cuộc trò chuyện.

“Hồ sơ của cô trên trang web...” Anh ta bối rối. “... Nói rằng cô làm trong ngành “giáo dục cộng đồng”.”

“Thì cũng như nhau mà.” Cô nói. “Không ít thì nhiều.” Cô chẳng bao giờ nhớ mình đã khai gì trong hồ sơ, cô sẽ là một điệp viên tồi. “Thư viện cộng đồng.” Cô chữa lại, và đôi mắt anh ta ngây ra trước thông tin này, rồi anh ta chuyển sự chú ý sang món thịt gà non nấu hai lần trên đĩa của mình. Chỉ cần một lần cũng là đủ đối với sinh vật tội nghiệp đó rồi chứ nhỉ?

“... Gửi tin nhắn qua Bluetooth... Quảng cáo trên nhiều kênh một lúc...”

Angus hiện đang mặc cái áo phông đen in hình Nipper, con chó HMV^[235]. Bên dưới Nipper - và cô thực sự ước rằng cô không biết điều này - là bộ ngực được cạo nhẵn thín của Angus. Còn Nipper thực sự hiện đang ở bên dưới tòa nhà bảo hiểm Lloyd's ở Kingston-upon-Thames. Bertie hy vọng cô sẽ không bị chôn bên dưới một tòa nhà. Hoặc tệ hơn, bị khai quật và đem ra trưng bày, như những xác ướp Ai Cập tội nghiệp hoặc những người dân ở Pompeii^[236], những người vẫn giữ nguyên tư thế đau đớn quằn quại đầy bất lực lúc chết. Ngoại Ted muốn được chôn cất trong rừng. (“Dưới một gốc sồi, nếu có thể.”) “Chúng ta sẽ chôn ông theo ý chúng ta.” Viola nói. “Làm sao mà ông biết được, đúng không?” (Nhưng nếu ông biết thì sao?) Cuộc tranh cãi về chuyện mai táng thi hài của ông đã bắt đầu diễn ra ngay cả khi ông còn chưa qua đời. Bertie yêu ông ngoại. Ông ngoại yêu Bertie. Đó là sự sắp đặt đơn giản nhất.

“... Sức lan tỏa mạnh mẽ và tạo nên sự ồn ào trong cộng đồng...”

Cô đang làm cái quái gì với cuộc đời mình thế này? Cô có thể đứng dậy và bỏ đi không?

“... Liên kết nóng...”

Viola sẽ là người cuối cùng được nghe cô kể về những người đàn ông mà cô hẹn hò. Bertie hiện ba mươi bảy tuổi - “và chẳng mấy chốc sẽ già”, như Viola luôn nhắc nhở cô với cái vẻ giống như một cô nữ sinh nhẹ dạ mà thi thoảng bà lại thể hiện ra. “Nhanh chân lên! Con không muốn bỏ lỡ thiên chức làm mẹ đấy chứ!” Thực ra tất cả bạn bè của cô đều đã lập gia đình; trong năm năm qua, gần như cuối tuần nào cô cũng đi dự đám cưới hoặc lễ rửa tội. Những người bạn đã có chồng con của Bertie đều có vẻ là nô lệ cho những đứa con của họ, đứa trẻ nào cũng giống như Chúa Jesus tái lâm vậy. Bertie chẳng thấy đứa trẻ nào trong số đó đáng yêu, và cô lo rằng nếu cô có con, cô sẽ không thích nó. Cô nghĩ đến Viola. Bà đã không yêu anh em cô, hoặc đúng hơn là cô đã không có cảm giác là bà yêu họ, và bà chắc chắn không thích họ (mặc dù bà có vẻ chẳng thích ai cả). “Chuyện đó thực sự chẳng liên quan gì đến việc thích hay không thích.” Ngoại Ted đã nói với cô khi ông vẫn còn có thể đưa ra lời khuyên. “Cháu sẽ yêu đứa con của cháu đến mù mị.” Bertie không chắc cô muốn yêu đến mù mị bất cứ ai, đặc biệt là một đứa bé non nớt chưa thể tự mình làm gì.

“Bà ngoại cháu đã yêu Viola đến mù mị.” Ông ngoại cô nói. Điều đó đã đủ để chứng minh rằng bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Rất lâu trước đây, trước khi Sunny bỏ xứ ra đi, anh đã làm cho một cô gái mang thai. Viola đã kinh hãi, và rồi khi

cô gái phá thai, bà cũng kinh hãi chẳng kém. “Có vài người chẳng vừa lòng với bất cứ chuyện gì.” Sunny nói.

Viola đã bắt đầu gửi cho Bertie đường dẫn của các trang web hiến tặng - các siêu thị tinh trùng, nơi ta có thể chọn một gói gene từ trên giá bày hàng - người Scandinavi, nặng bảy mốt cân, cao một mét tám sáu, tóc vàng hoe, mắt xanh dương/ xanh lá, là giáo viên - và thả nó vào “giỏ hàng”. “Rõ ràng, người Đan Mạch là tốt nhất.” Viola khuyên.

Đương nhiên, Viola sợ rằng nếu bà không có cháu, gene của bà sẽ mất đi và bà chẳng còn gì sót lại trên đời này nữa. Bà sẽ ngừng tồn tại. Bụp! Viola giờ đã sáu mươi tuổi, bà luôn đợi người ta nói “Không đời nào!”, nhưng chẳng ai nói thế cả. “Có thể bây giờ con không nghĩ như vậy.” Viola nói với cô. “Nhưng khi con năm mươi tuổi và thấy rằng đã quá muộn để làm mẹ, con sẽ *suy sụp* đấy.” Tại sao mẹ cô lúc nào cũng phải bị kịch hóa một cách không cần thiết như thế? Bởi vì nếu bà không làm vậy thì sẽ chẳng ai lắng nghe bà sao?

Đương nhiên, chẳng ai kinh ngạc hơn Bertie khi hai năm sau, cô có hai đứa con sinh đôi (và, đúng vậy, cô đã yêu chúng đến mù mị) sau khi kết hôn với một người đàn ông vô cùng đáng hoàng, một bác sĩ (vâng, chính là người đàn ông trên cầu Westminster), và trở nên, chà... hạnh phúc. Nhưng bây giờ chuyện đó chưa xảy ra. Bây giờ, Angus đang truyền sự hăng hái của mình vào bầu không khí như thể anh ta đang ở một buổi lễ cầu nguyện, hô hào mọi người cân nhắc việc trở thành những “người tiêu dùng biết bán hàng”. Bertie cố gắng tiêu khiển bằng cách nghĩ đến những từ vắn

với từ Người đàn ông Vớ Vẩn (Ngớ ngẩn, Dở dẩn, Lẩn thẩn, Keo bẩn), nhưng cuối cùng cô phải nhặt ra những câu thơ đáng yêu cất trong một cái túi tưởng tượng, thứ mà dạo gần đây cô buộc phải mang theo để bảo vệ bản thân khỏi thế giới vật chất xấu xa. (Quảng cáo có phải là nghề thích hợp với cô không?)

Tôi hút mật nơi lũ ong hút mật

Cô có thể cứ thế đứng dậy mà đi. Cô có một cuộc họp vào lúc hai giờ, mà đi lại ở London sẽ rất tốn thời gian. Các nhà sáng tạo đang trình bày với khách hàng ý tưởng về một loại kem đánh răng mới. Chẳng phải trên đời này đã có quá đủ kem đánh răng rồi sao? Người ta có thực sự cần quá nhiều lựa chọn đến nỗi không bao giờ có thể quyết định được sẽ lựa chọn thứ gì không? Như thế cái gì trên đời này cũng cần có nhiều loại vậy. Vâng, đó chính là sự thật - cô đang làm sai nghề. Nếu Bertie là một vị thần (một mộng tưởng mà cô yêu thích), cô sẽ tạo ra những thứ đang thiếu - ong, hổ, chuột sóc - chứ không phải dép xỏ ngón, vỏ điện thoại và kem đánh răng. Không, đừng có đi trên con đường đó, cô nghĩ, mộng tưởng sáng tạo quá mê mông rộng lớn nên cô có thể bị chìm đắm trong đó mãi mãi.

“... Kiếm tiền... Chủ nghĩa vật chất...”

Sương giá tiến hành trọng trách bí mật của mình, chẳng cần nhờ đến sự trợ giúp của cơn gió nào

“... Nhà tiêu thụ luôn kết nối...”

Cánh rừng thuộc về ai, tôi nghĩ là tôi biết

“... Dựa vào việc tổ chức các sự kiện so le...”

Cái cây đáng yêu nhất, là cây anh đào giờ đang treo đầy hoa trên cành

“... Sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông đại chúng có tác động đặc biệt...”

Khi chim bói cá bốc cháy, chuồn chuồn vẽ lên ngọn lửa

“Làm nội dung liên quan đến thương hiệu... Cũng cố nhận thức của khách hàng về...”

Khu rừng ở Wenlock Edge đang bị quấy nhiễu

“... Bằng cách đó, bạn có thể đạt được những thành tựu rực rỡ...”

Có một tia sáng chiếu xiên xiên

“... Phương pháp “Phát hiện Tương tác Tự động Chi bình phương”...”

Cái gì?

Chúa ơi! Từ lúc nào mà ngôn từ và ý nghĩa lại chia tay nhau, quyết định đi trên hai con đường riêng vậy nhỉ? Còn chưa đến giờ ăn trưa mà cái túi đựng những câu thơ thú vị của cô đã gần như xẹp lép rồi.

Ôi, thế giới mỗi một ngày sao mà toàn là gai

“Ồ, tôi xin lỗi.” Cô nói khi người đàn ông ngồi cạnh chau mày. “Tôi đã nói câu đó ra miệng à?”

“Vâng.”

Cô đột ngột đứng phắt dậy và thì thầm “Xin lỗi” với người đàn ông đang cau có ấy. “Tôi phải đi bây giờ. Tôi chợt nhớ ra tôi đã để con người thực sự của mình ở trên tàu điện ngầm. Chắc cô ấy đang thắc mắc chuyện gì đã xảy ra. Nếu không có tôi, cô ấy sẽ lạc mất.”

Angus nhìn thấy cô và cau mày như thể đang cố nhớ ra cô là ai. Cô khẽ vẫy tay với anh ta - các ngón tay lúc lắc theo cái cách mà cô hy vọng là trông thật mĩa mai - nhưng cử chỉ đó có vẻ càng làm anh ta hoang mang hơn.

*

Trên tàu điện ngầm - tuyến Piccadilly, mặc dù có lẽ thông tin này là không cần thiết - không thấy bóng dáng con người thực sự của cô, nhưng có một tờ *Daily Mail* mà ai đó đã bỏ lại. Nó được mở ra ở một trang có tiêu đề đao to búa lớn: “Vũ trụ có thể sụp đổ vào HÔM NAY không? Các nhà vật lý tuyên bố rằng nguy cơ ấy “cao hơn bao giờ hết và có thể đã bắt đầu rồi.” (Làm thế nào mà các ông biết được chứ?) Cái kiểu viết hoa của họ thật kỳ lạ. Nếu là Bertie, cô sẽ nhấn vào chữ “sụp đổ”. Viola thường nói kiểu đó (“Con sẽ SUY SỤP đấy”).

Bertie lục lại ở đây “cái túi” đựng những câu thơ thú vị, nhưng không thể tìm thấy dù chỉ là một mẫu thơ con con.

*

“Mẹ đang xem đám rước trên sông Thames với ngoại Ted à?” Bertie hỏi.

“Ừ, mẹ đang ở trong phòng của ông.”

“Đúng là vớ vẩn mẹ nhỉ? Tội nghiệp Nữ hoàng, bà ấy gần già bằng ngoại Ted, vậy mà phải chịu đựng chuyện này.”

“Bà ấy sẽ đuổi kịp cái chết của mình khi dầm mưa lâu như vậy.” Viola nói.

Là như thế sao? Bertie tự hỏi. Ta phải đuổi theo cái chết của mình, như thể nó là một con ngựa đang chạy lồng lên, và có vài người, giống như ngoại Ted, phải mất một thời gian rất dài mới bắt được nó, nhưng những người khác lại có thể chộp được dây cương của nó ngay lập tức? Giống như người bà mà cô chưa từng gặp mặt - Nancy nhanh nhẹn. Bà đã nhảy lên lưng cái chết như một kỵ sĩ táo bạo, nhanh đến nỗi khiến cho tất cả mọi người đều bất ngờ. Có lẽ ngay cả bản thân cái chết cũng phải sửng sốt.

“Thôi.” Bertie nói. “Mẹ chuyển điện thoại cho ngoại Ted được không?”

“Ông sẽ không hiểu con nói gì đâu.”

“Mẹ cứ chuyển cho ông đi. Chào ngoại Ted. Cháu là Bertie đây ạ.”

Đương nhiên, hôm nay, Nữ hoàng đã bỏ con thuyền dát vàng để lựa chọn chiếc du thuyền trên sông Thames tầm thường hơn, họ cho rằng chiếc *Gloriana* quá nhỏ, không thể chở hết số người cần thiết phải đi theo Nữ hoàng khi bà du ngoạn trên sông - bao gồm các cảnh vệ và những người hầu cận. Bertie đã định hòa vào đám người đang ở hai bên bờ sông Thames - để được là một phần của thứ gì đó lớn hơn bản thân cô, một thứ gì đó mà sau này cô sẽ nhớ tới, giống như ta biết ta đã ở đâu vào thời khắc chuyển giao giữa hai thiên niên kỷ. (Say xỉn, ở câu lạc bộ Soho House, một việc mà bây giờ cô thấy nuối tiếc. Hiển nhiên rồi.) Tuy nhiên, hôm ấy trời đã mưa dai dẳng suốt cả ngày, và Bertie đã theo

dối sự kiên nhẫn đáng ngưỡng mộ của hoàng tộc trên ti vi, cái phương tiện cũng từng giúp cô chứng kiến đám tang của Diana, sự sụp đổ của tòa tháp đôi^[237] và đám cưới hoàng gia mới đây nhất. Cô nghĩ, một ngày kia, cô sẽ thực sự *có mặt* ở nơi mà một sự kiện nào đó xảy ra, và sẽ không phải xem lại sự kiện đó qua một màn hình. Ngay cả khi nó là một sự kiện đáng sợ - một vụ nổ bom, sóng thần, chiến tranh - chí ít cô sẽ hiểu được tầm vóc của nỗi kinh hoàng.

Em trai của ngoại Ted là Jimmy đã chết trước khi Bertie được gặp ông ấy. Ông ấy từng là một trong những người đầu tiên tiến vào trại tập trung Belsen. Sau chiến tranh, ông ấy đã rời khỏi quê nhà để tới sống ở đại lộ Madison^[238], gia nhập một trong những công ty quảng cáo đầu tiên với vai trò nhân viên viết nội dung quảng cáo. Cô thấy ghen tỵ khi ông ấy được sống một cuộc đời có nhiều sự đổi lập như thế. Ngày nay, ta chỉ có thể kiếm một tấm bằng của ngành Truyền thông.

Và cả ngoại Ted nữa, đương nhiên, bây giờ mỗi ngày cả trí óc và cơ thể ông đều tiêu mòn từng chút, giống như một phế tích tráng lệ bị bỏ quên, nhưng ông đã từng là một phi công lái máy bay ném bom, hằng đêm bay vào cái miệng của tử thần. ““Cái miệng của tử thần” - nghe khuôn sáo quá ngoại nhỉ?” Cô hỏi ông trong chuyến đi giã biệt của họ hơn mười năm trước, một chuyến viếng thăm đầy xúc động những nơi chốn cũ mà ông từng thân thuộc. (“Sao ông ấy không cứ thế mà chết thôi?” Viola đã rên rỉ. “Giã với biệt đến bao giờ?”) Chuyến đi ấy đã giúp Bertie nhìn thấu cuộc đời ông ngoại cô và nhìn thấu cả lịch sử, điều đó khiến cô

vừa phấn khởi vừa có chút hoang mang về sự tồn tại. Ông đã nói với Bertie rằng “Hãy hứa với ông là cháu sẽ tận hưởng trọn vẹn cuộc đời của mình.” Cô có thể làm thế không? Chắc là không.

Cô tắt tiếng của bình luận viên ngớ ngẩn của kênh BBC và nói: “Ngoại có khỏe không, ngoại Ted?” Cô hình dung ông đang nằm trên giường trong cái nhà dưỡng lão khủng khiếp đó, sống phần đời còn lại không mong muốn này. Bertie ước gì cô có thể cứu ông, xông vào đó và mang ông đi, nhưng bây giờ ông đã như ngọn đèn sắp tắt. Ông ngoại cô đã sống ở Fanning Court gần hai mươi năm, thế rồi ông bị ngã và gãy một chân, sau đó còn bị bệnh viêm phổi, căn bệnh đáng lẽ đã dẫn ông đến với một cái chết dễ dàng (“Người bạn của người già.” Viola băng khuâng nói), nhưng ông đã lay lắt vượt qua nó. (“Ông ấy đúng là người bất tử.” Viola nói.) Ông yếu hơn hẳn so với trước kia, gần như không thể tự lực, và bị đẩy vào vòng tay không đáng tin cậy của nhà dưỡng lão này, Bertie cho rằng rồi ông sẽ chết ở đây. “Mỗi lần mẹ gặp ông, mẹ đều nghĩ đó có thể là lần gặp cuối cùng.” Viola phụ họa.

Ông xứng đáng được ở một nơi tốt hơn Đồi Dương để chuẩn bị từ giã cõi đời. Viola luôn cảm râm “Cái cây dương và ngọn đồi bí ẩn ấy ở đâu thế?”, như thể những vấn đề của nơi này là cái chuyện có liên quan đến ngữ nghĩa học ấy vậy.

Viola tức giận vì chi phí cao chót vót của nhà dưỡng lão. Căn hộ của ông ở Fanning Court đã được bán đi, nhưng

toàn bộ số tiền ấy đang bị các chi phí của viện dưỡng lão này “nuốt chửng”.

“Nhưng mẹ có nhiều tiền mà.” Bertie nói.

“Đó không phải là vấn đề. Ông ấy nên quan tâm đến mẹ bằng cách để lại cho mẹ thứ gì đó.” (Đó không phải là VẤN ĐỀ. Ông ấy nên QUAN TÂM đến mẹ bằng cách để lại cho mẹ THỨ GÌ ĐÓ.) “Một món thừa kế. Đến lúc ông ấy chết chắc chẳng còn lại gì.”

“Chà, đến bản thân ông cũng chẳng còn nữa là.” Bertie nói. “Và trong lòng mẹ thực sự không có ý nghĩ khủng khiếp đến vậy.” Cô nói thêm.

“Có đấy.” Viola nói.

*

“Ngoại đang xem đám rước bằng thuyền trên ti vi đấy à, ngoại Ted? Đại lễ ấy?” (Ôi Chúa ơi, giọng điệu cô nghe như giọng điệu của một bà mẹ vậy.) “Sunny gửi đến ông tình yêu của anh ấy đấy.” Cô thông báo và ông ngoại cô dường như cười khúc khích (hoặc có lẽ ông đang bị ghen), bởi vì ông đã luôn hiểu rõ Sunny hơn bất cứ ai trong số họ. Có thể ngoại Ted đang chậm chậm tiến dần đến chân dốc cuộc đời, nhưng rõ ràng ông vẫn là chính ông, đây là một điều mà mẹ cô dường như không thể hiểu nổi. Thực ra Sunny không gửi tình yêu của anh đến ông, nhưng anh sẽ làm vậy nếu biết cô đang nói chuyện với ông ngoại của họ. Sunny yêu ông. Ông yêu Sunny. Đó là sự sắp đặt phức tạp nhất.

“Ngày mai mẹ sẽ đi Singapore.” Giọng điệu the thé của mẹ cô đột nhiên thế chỗ cho sự im lặng của ông ngoại, Bertie liền rút mình lại khỏi cái điện thoại.

“Singapore ă?”

“Một liên hoan văn chương.”

Trước kia giọng điệu của Viola thường tự mãn đến mức đáng xấu hổ khi bà nói đến những hoạt động hào nhoáng của công việc xuất bản. “Một cuộc gặp ở London với một nhà sản xuất phim”, “ăn trưa ở tiệm The Ivy với các nhà xuất bản của mẹ”, “xuất hiện trên sân khấu chính ở Cheltenham”. Nhưng bây giờ giọng bà nghe thảm hại kỳ lạ.

“Tối nay mẹ sẽ ở London.” Bà nói. “Mẹ có thể đưa con đi ăn tối. Ở tiệm Ăn Tối.”

“Con xin lỗi, con bận rồi.” Đó là sự thật nhưng dù không bận Bertie cũng sẽ nói thế. Nghe giọng mẹ cô có vẻ thất vọng, Bertie cảm thấy thật thú vị vì chuyện này hoàn toàn trái ngược với những gì xảy ra trong hơn ba mươi năm qua.

“Mẹ sẽ đến gặp anh Sunny chứ?” Cô hỏi mẹ.

“Sunny ư?”

“Con trai duy nhất của mẹ.”

“Singapore không phải là Ball, nó ở một đất nước hoàn toàn khác.” Viola nói, mặc dù giọng bà nghe có vẻ không chắc chắn. Địa lý chưa bao giờ là điểm mạnh của bà.

“Nhưng chúng chỉ cách nhau một chặng bay ngắn thôi. Khi mẹ đến Singapore là mẹ đã đi được quá nửa quãng đường rồi. Mẹ cũng đâu có bận gì lắm. Mẹ nên đến gặp anh ấy...” Bertie nói thêm. “... Và phải thật khẩn trương lên, bởi

vì có thể mẹ không biết điều này nhưng vũ trụ đã bắt đầu sụp đổ rồi. Các dấu hiệu đang có ở khắp nơi. Con phải gác máy đây.”

“Không, con không được gác máy.”

“Dù sao con cũng gác máy đây. Tạm biệt ngoại Ted hộ con nhé!”

Nữ hoàng đã tới Cầu Tháp. Bertie tắt ti vi, cảnh giác trước những dấu hiệu cho thấy vũ trụ đang sụp đổ.

*

Trong bếp có một chiếc bếp Aga cũ tỏa ra hơi nóng. Cô nghĩ nó khá giống một con thú lớn thân thiện. Bên cạnh chiếc bếp Aga là một cái ghế bành nhỏ phủ một tấm chăn đan bằng kim móc, trên tấm chăn có một con mèo khoang lớn đang say sưa ngủ. Sàn nhà lát đá phiến được “ủ ấm” bởi những tấm thảm nhỏ móc bằng tay. Một chiếc tủ bát đĩa bày những món đồ bằng sành màu xanh và trắng, và trên cái bàn gỗ thông lớn bóng loáng có một bình sứ nhỏ cắm hoa đậu thom và cúc vạn thọ hái ở ngoài vườn. Bertie đang đứng ở cái bồn rửa Belfast cổ xưa, kiên nhẫn lau khô nồi niêu xoong chảo và xếp chúng lên tấm giá phơi bằng gỗ.

Qua cửa sổ phòng bếp, cô có thể nhìn thấy mảnh vườn. Mảnh vườn này giống như một góc nhỏ của vườn Địa Đàng, với những bông hoa màu đỏ tươi của đậu đũa, những luống dâu tây ngay hàng thẳng lối và những hàng đậu Hà Lan lộn xộn. Một cây táo đứng bên cạnh...

Tiếng còi hú vang lên làm gián đoạn cơn mơ màng dễ chịu này. Bertie đang trên đường về nhà sau bữa trưa ở tiệm Wolseley với một hãng sản xuất phim. Ở Piccadilly, cô phát hiện dường như có một sự kiện đặc biệt sắp diễn ra. Hoặc một mối nguy nào đó, thật khó để phân biệt được. Cảnh sát và quân đội có mặt ở khắp nơi và các đám đông bu đầy trên vỉa hè. Một đoàn hộ tống bằng mô tô cho thấy đây là một sự kiện quan trọng. Một chiếc ô tô lớn chở người của hoàng gia lướt qua. “Đài Tưởng niệm Binh chủng Máy bay ném bom.” Ai đó giải thích khi cô hỏi. Đương nhiên, hôm nay Nữ hoàng sẽ làm lễ khánh thành Đài Tưởng niệm Binh chủng Máy bay ném bom mới, buổi lễ diễn ra vào thời điểm giữa Đại lễ Kim cương và ngày khai mạc Olympics, một mùa hè yêu nước với những sắc màu đỏ, trắng và xanh đối với London.

Sau đó, qua ti vi (bởi vì đây lại là một sự kiện mà cô xem qua màn hình ti vi), cô theo dõi lễ khánh thành trên bản tin thời sự. Khi nhìn những ông lão già yếu cố gắng kìm nước mắt, cô không thể ngăn được những giọt lệ của mình, vì người nào người nấy trong số họ đều khiến cô nhớ đến ông ngoại cô và cái quá khứ bí ẩn của ông.

Bertie kiên nhẫn chờ đợi cùng những đám đông trên vỉa hè. Binh chủng Máy bay ném bom đã đợi bảy mươi năm, cô cho rằng cô có thể đợi vài phút. Một đội máy bay chiến đấu Tornado gầm rú phía trên đầu, ồn ào phấn khích, theo sau là một chiếc Lancaster đơn độc thả xuống khắp London những thứ chứa trong khoang chứa bom của nó. Đó là

những bông mĩ nhân thảo đang nở rộ, điểm sắc đỏ trên bầu trời mùa hè trong xanh.

*

Bertie đang trên đường đi làm về thì Viola gọi điện. “Họ vời mẹ con mình đến.” Bà nói với giọng trang trọng thái quá.

“Vời ạ?”

“Gọi đến. Nhà dưỡng lão.” Viola nói. Giọng bà có vẻ kích động. Bà yêu sự kịch tính, miễn là nó không có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến bà.

“Ngoại Ted ạ?” Bertie nói, đột nhiên hoảng hốt. “Chuyện gì xảy ra thế mẹ?”

“Chà...” Viola nói, như thể sắp bắt đầu kể một câu chuyện ly kỳ, trong khi thực tế những gì xảy ra chỉ là: Tối qua Teddy đã đi ngủ và sáng nay người ta gọi mãi mà ông không tỉnh dậy. “Họ nói chúng ta phải đến đó càng sớm càng tốt, nhưng sáng mai mẹ mới bắt được một chuyến bay. Đến tối khuya ngày mai mẹ mới về tới York được.”

“Con sẽ lái xe tới đó ngay.” Bertie nói.

Bertie nghĩ, người được vời đi không phải là họ, mà là ông ngoại cô. Cuối cùng thì các thiên thần đã gọi tên ông.

“Họ lâu la thật đấy.” Viola nói.

2012

Chuyến bay cuối cùng

Đạt ma

“CÓ một truyền thuyết Hindu kể rằng, ngày xưa ngày xưa, tất cả con người đều là thần, nhưng họ đã lạm dụng thần lực của mình. Brahma, đấng tạo hóa, kết luận rằng con người đã đánh mất quyền sử dụng thần lực và quyết định tước nó đi. Vì muốn giấu nó ở một nơi mà con người sẽ không thể tìm thấy, ngài triệu tập một hội đồng các vị thần để cho ngài lời khuyên. Có vị gợi ý chôn nó vào sâu trong lòng đất, có vị lại khuyên thả nó xuống đáy biển, lại có vị đề nghị đặt nó lên đỉnh ngọn núi cao nhất, nhưng Brahma nói rằng nhân loại rất thông minh, họ sẽ đào sâu xuống lòng đất, giăng lưới vét đáy biển và trèo lên từng ngọn núi để cố gắng tìm lại nó.

Các vị thần đang định bỏ cuộc thì Brahma nói: “Ta biết chúng ta sẽ giấu thần lực của con người ở đâu rồi, chúng ta sẽ giấu nó trong người của anh ta. Anh ta sẽ lùng sục cả thế giới nhưng chẳng bao giờ nhìn vào bên trong mình, nên anh ta sẽ chẳng thể tìm thấy thứ gì ở trong đó.”

Viola không thực sự lắng nghe. Sunny thường kết thúc những giờ học yoga của mình bằng thứ mà bà nghĩ là một

“bài thuyết pháp nhỏ”. Những lời răn dạy uyên thâm từ người đã ngộ đạo, được đúc rút từ khắp mọi nơi - đạo Hindu, Hồi giáo mật tông, đạo Phật, thậm chí cả đạo Thiên Chúa. Bà đã biết được một điều rằng người Ball theo đạo Hindu. Trước kia Viola cứ tưởng lầm rằng họ theo đạo Phật. “Tất cả chúng ta đều là Phật.” Sunny nói.

“Nghe cứ như mấy lời dạy đời trong sách vở.” Viola viết trong một bức email gửi cho Bertie. “... Nhưng thực sự những bài thuyết pháp ấy phần nào giúp người ta nâng cao tinh thần. Sunny sẽ là một mục sư giỏi.” Bà mẹ nhu mì mới mẻ này là ai vậy? Bertie tự hỏi.

Sunny dạy yoga ở một nơi gọi là Con Đường Sáng ở Ubud^[239]. Ban đầu, Viola tránh né các giờ học ở Con Đường Sáng. Bà đang ở một khách sạn “nghỉ dưỡng” cực kì đắt đỏ cách nơi này nửa tiếng lái xe. Ở đó, họ có giáo viên dạy yoga riêng - và các lớp học yoga cá nhân, một thầy một trò ấy diễn ra ở một địa điểm được gọi là “yoga bale”, đó là một loại đình tạ thông thoáng dễ chịu được xây bằng gỗ tếp bóng loáng, nằm giữa những rặng cây, nơi tiếng chim hót và gù nghe thật lạ tai, còn lũ côn trùng kêu nghe như tiếng đồ chơi vắn dây cọt.

Ngược lại, ở Con Đường Sáng, các giờ học diễn ra tại một căn phòng lớn ở tầng trên, nóng bức và ngọt ngào, ngay cả khi các cửa sổ đều mở toang để đón gió. Nó khá đơn sơ hoặc là sản phẩm của một “nhà tu khổ hạnh giản dị”, tùy theo cách nhìn nhận của bạn - của Viola hay trang web của Con Đường Sáng.

Tuy phòng ốc nhỏ bé nhưng các giờ học lúc nào cũng rất đông, học viên chủ yếu là phụ nữ - những cô gái trẻ người Úc khỏe khoắn và các bà trung niên người Mỹ. Hầu hết những bà trung niên người Mỹ ấy đều có vẻ đang làm cái việc mà Bertie gọi là “cái chuyện ăn - cầu nguyện - yêu nhảm nhí”.

Sunny được cấp bằng giáo viên yoga ở Ấn Độ từ nhiều năm trước và hiện anh đang dạy yoga ở Ball. Anh rõ ràng là một “giáo viên đáng kính trên phạm vi toàn thế giới”. Anh thường tới Mỹ và Úc để chủ trì những khóa tu tập luôn được đăng ký kín chỗ từ trước. Viola cảm thấy dường như ngày nay người người nhà nhà đều tham gia những khóa tu tập như vậy.

Sunny có mặt ở khắp nơi trên Internet, nếu ta biết phải tìm ở đâu - nếu ta biết phải tìm kiếm ai - bởi vì mặc dù bạn sẽ nghĩ rằng Sun (hoặc thậm chí Sunny) là cái tên phù hợp với một người làm cái công việc mà anh đang làm, nhưng mọi người lại biết đến anh với cái tên “Ed”. “Sun Edward Todd.” Anh nói lý với Viola. “Đó là tên con.” Và đó chỉ là một phần nhỏ trong sự biến đổi của anh. Thân hình của một vũ công, cái đầu cạo trọc, những hình xăm phương Đông, chất giọng Anh - Úc, tất cả những điều đó hoàn toàn khiến bà bất ngờ. Một sự lột xác. Và phụ nữ yêu anh! Họ giống như những cổ động viên nhiệt tình, đặc biệt là mấy bà ăn - cầu nguyện - yêu kia. Viola đã không gặp Sunny gần mười năm, và trong thời gian đó anh đã biến thành một người hoàn thiện. (“Có lẽ hai việc đó không phải là không liên quan đến nhau.” Bertie nói.)

“Cảm ơn vì đã đến học. *Namaste*^[240].” Sunny nói, chấp tay trước ngực và cúi đầu. Rất nhiều tiếng cảm ơn và *Namaste* lẩm rầm đáp lại. (Họ rất nghiêm túc!) Sunny đang ngồi ở tư thế liên hoa tọa^[241] bèn nhảy bật dậy với sự thuần thục đáng kinh ngạc. Viola khó nhọc đứng dậy, dù bà không ngồi ở tư thế liên hoa tọa mà chỉ ngồi khoanh chân, nhưng đó là kiểu ngồi gò bó, cứng ngắc, khó chịu, nhắc bà nhớ đến những buổi sinh hoạt toàn trường.

Sunny sống trong một ngôi làng khá gần cái khách sạn vô cùng đắt đỏ của Viola, nhưng có vẻ như anh không có ý định mời Viola tới nhà anh, vì thế bà miễn cưỡng quyết định rằng cách duy nhất để bà được ở bên anh là tham gia các lớp học của anh, chịu đựng sự ngưỡng mộ ngớ ngẩn của những “học viên” khác dành cho con trai bà - anh có vẻ rất thờ ơ với sự ngưỡng mộ ấy - chưa kể những thử thách góm ghiếc của lớp học đối với cơ thể. Dĩ nhiên bà đã từng tập yoga - có ai chưa từng tập chứ? - nhưng địa điểm tập thường là những hội trường trống hoác của nhà thờ hoặc các trung tâm cộng đồng, và bà chỉ phải tập một số động tác căng duỗi thận trọng rồi nằm xuống và “mường tượng” rằng mình đang ở một nơi “an toàn và bình yên”. Điều này luôn là một thử thách đối với Viola, trong khi những người khác (phụ nữ, luôn luôn là phụ nữ) đang nằm trên một bãi biển nhiệt đới ở đâu đó hoặc trên một cái ghế sưởi nắng ở trong vườn, trí tưởng tượng của Viola lại cuống quýt chạy quanh để tìm kiếm một thứ gì đó - bất cứ thứ gì - có thể được coi là bình yên và an toàn.

Khi Sunny kết thúc bài thuyết pháp của đạo Hindu và tất cả bọn họ đều đã chào *Namaste* với nhau xong, người phụ nữ Mỹ chiếm tấm thảm tập bên cạnh Viola (“Shirlee với hai chữ “e””) quay sang bà và nói: “Ed là một giáo viên tuyệt vời, đúng không?” Nó vốn là thằng bé không thể học nổi bất cứ thứ gì, Viola nghĩ. “Tôi là mẹ nó.” Bà nói. Đã bao lâu rồi Viola không nói mấy từ đó? Có lẽ là từ hồi Sunny còn đi học.

- Ô -

Ký ức khủng khiếp về căn phòng cấp cứu của bệnh viện St James ở Leeds đột ngột ủa về trong bà. Bây giờ Sunny vừa mới bắt đầu đi học cao đẳng và khi bệnh viện gọi cho bà, bà đã nghĩ hản là anh bị sốc thuốc, nhưng hóa ra người ta đã phát hiện anh đang đi lang thang trên phố, máu từ cổ tay chảy xuống tong tổng vì anh đã cố cắt cổ tay tự tử nhưng không thành. Bà đã hét lên với bác sĩ điều trị cho anh rằng “Tôi là mẹ nó!”, khi ông ta nói với bà là tốt hơn hết Sunny không nên gặp ai “vào lúc này”.

“Tại sao?” Bà đã hỏi Sunny khi bà cuối cùng cũng được phép vào phòng bệnh của anh. Tại sao con trai bà lại làm thế? Câu trả lời là cái nhún vai khẽ khàng như thường lệ. “Con cũng không biết nữa.” Khi bà thúc ép, anh trả lời: “Bởi vì cuộc đời con như một đồng phân chẳng?”

Con trai bà có còn vết sẹo đó không? Hay nó đã bị giấu dưới hình xăm con rồng cầu kỳ đang uốn mình trên cánh tay Sunny?

Shirlee với hai chữ “e” cười nói: “Tôi không nghĩ cậu ấy có mẹ.”

“Ai chả có mẹ chứ.”

“Chúa thì không.” Shirlee nói.

“Ngay cả Chúa cũng có mẹ.” Viola nói. Có lẽ việc có một người mẹ như bà chính là khởi nguồn cho mọi bất hạnh của anh.

Đương nhiên, nếu chỉ quan sát thì sẽ chẳng ai biết họ là mẹ con. Sunny gọi bà là “Viola”, còn bà chỉ nói trống không với anh. Anh đối xử với bà hết như với tất cả những người khác trong lớp, với một sự quan tâm khách sáo. (“Viola, người có bị viêm khớp gối không?” Không, bà không bị, cảm ơn rất nhiều.)

*

“Bất ngờ không?” Bà đã nói khi cuối cùng cũng tìm được anh.

“Có ạ.” Anh nói. Họ đã ôm nhau một cách thận trọng, như thể một người trong số họ có thể có một con dao.

Chỉ có Bertie và Sunny biết bà ở đâu. Bà không buồn thông báo với những người ở Đồi Dương rằng bà đang ở một châu lục khác, cách xa người cha ốm yếu bệnh tật. Nếu họ cần liên lạc với bà, họ có thể gọi điện cho bà.

Bà đã bước ra khỏi cuộc đời của chính mình. Nếu bà biết việc này dễ dàng thế nào, bà đã làm thế từ lâu rồi. Bà đã gửi email tới người đại diện của mình, đề nghị cô ta nói với mọi người rằng bà đang phải phẫu thuật (đúng vậy, bà đang tẩy não mình), và giúp bà gửi lời xin lỗi đến tất cả mọi người. Bà không muốn người ta nghĩ bà đã bỏ trốn, biến

mất, giống như nữ nhà văn Agatha Christie. Bà không muốn người ta tìm kiếm bà. Không, điều đó không đúng - bà không muốn người ta tìm ra bà.

*

Cái khách sạn cực kì đắt đỏ mà Viola đang ở được cải tạo lại từ một điền trang cũ, nó nằm trên đỉnh của một ngọn đồi, từ nơi này có thể nhìn thấy những khung cảnh tuyệt đẹp dọc theo con sông nằm ở sâu bên dưới. Ở đây có nhân viên bảo vệ cùng quản gia riêng và hoàn toàn chẳng có vấn đề gì phiền phức. Bà đã thuê riêng một tòa biệt thự - tòa lớn nhất, đắt nhất. Nó quá rộng, có thể chứa được vài gia đình, nhưng bà thích sự biệt lập. Khi thức dậy vào buổi sáng, bà có thể pha cà phê bằng máy pha cà phê espresso sành điệu trong “phòng khách” (chỗ nào ở đây chả dành cho khách chứ?), rồi nhăm nháp nó trong lúc bà ngắm nhìn sương mù dâng lên từ thung lũng bên dưới, và lắng nghe lũ chim gọi nhau bên kia cánh rừng. Sau đó sẽ có người mang đến cho bà bữa sáng ngon lành, rồi bà sẽ tới spa để mát xa hoặc đi xuống những bậc đá cổ xưa dẫn tới “dòng sông thiêng”. Bà không rõ tại sao nó lại thiêng. Sunny nói tất cả các dòng sông đều thiêng cả. Dường như mọi thứ đều như vậy.

“Kể cả phân chó ư?”

“Vâng, kể cả phân chó.”

Bà đang cóp nhặt một danh sách những thứ không thể được coi là thiêng liêng. Hiroshima, những cuộc thảm sát

trong các cuộc thánh chiến của Hồi giáo, những con mèo con trong lò vi sóng. Sunny nói đó là hành động, không phải sự vật. Nhưng chẳng phải hành động là do con người tạo ra, mà con người thì thiêng liêng sao? Hay chỉ có những cái cây và những dòng sông là thiêng thôi?

Vào buổi chiều, bà đi ngủ (lâu đến đáng lo ngại) rồi tỉnh dậy và đi theo xe của khách sạn đến Ubud, tham gia lớp học của Sunny. Anh thậm chí còn chẳng dành chỗ cho bà trên sàn nhà trải kín những tấm thảm tập, do đó, nếu tới muộn, bà sẽ chẳng có chỗ và phải ngồi trong cái văn phòng bé xiu, đọc những cuốn sách mà họ có trong một “thư viện” nhỏ (nghĩa là cái giá sách). Khởi cần phải nói, tất cả các cuốn sách đó đều có nội dung liên quan đến tâm linh. Trên giá sách có một tấm bảng viết tay với dòng chữ: “Bạn thân mến, làm ơn để những cuốn sách này lại trong tình trạng mà bạn tìm thấy chúng.” Điều này thật kỳ cục vì chẳng thể có cuốn sách nào được để lại trong tình trạng mà ta tìm thấy nó cả, bởi vì mỗi lần có ai đó đọc nó là tình trạng của nó đã thay đổi rồi.

Nếu bà kiếm được một chỗ để tập, bà sẽ tập trong hai tiếng theo thời lượng của lớp học (bà coi điều này như một sự trừng phạt), rồi sau đó tài xế sẽ chở bà về khách sạn và bà sẽ ngắm nhìn gia đình khỉ tối nào cũng ra khỏi rừng để chơi đùa trên các bức tường - của đền trang cũ - bao quanh tòa biệt thự của bà. Bà cũng sẽ ăn tối, đương nhiên rồi. Việc “ăn” thì dễ dàng thôi. Việc cầu nguyện và yêu mới khó.

Bà đã tới lớp dạy thiền vào buổi sáng sớm của Sunny một, hai lần, lớp này đỡ đông hơn lớp yoga nhưng lại khó

hơn nhiều.

“Đừng nghĩ gì cả, Viola.” Sunny nói.

Làm sao người ta có thể không nghĩ được chứ?

“Cũng đừng không nghĩ gì.”

“Tôi tư duy, nên tôi tồn tại^[242].” Viola nói, khẳng khẳng tuân thủ tư tưởng đã lỗi thời của Descartes. Nếu bà ngừng suy nghĩ, bà có thể ngừng tồn tại.

“Cứ buông trôi.” Sunny nói.

Buông trôi ư? Buông trôi cái gì? Bà có bám vào thứ gì đâu chứ.

*

Và rồi! Dòng sông chảy, lũ chim gọi bầy, lũ côn trùng giống như đồ chơi văng dây cót, lũ khỉ kêu khọt khẹt, tất cả cuối cùng đã có tác dụng và tâm trí bà ngừng hoạt động, đó là sự khuây khỏa khó tin nhất.

*

Trong xe, trên đường tới lớp yoga của Sunny, điện thoại của bà reo vang khiến bà kinh ngạc. Là số của nhà dưỡng lão.

Sắp kết thúc rồi. Bà đã đợi cha bà chết để cuộc đời bà có thể bắt đầu, nhưng bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể nói với bà rằng điều đó sẽ không xảy ra. Dù sao đi nữa, bà cũng biết điều đó. Thực vậy.

*

“Đức Phật hỏi một vị sa môn^[243]: “Cuộc đời con người kéo dài bao lâu?” Ông ta đáp: “Một vài ngày.” Đức Phật nói: “Người chưa hiểu đạo rồi.” Ngài hỏi một vị sa môn khác: “Cuộc đời con người kéo dài bao lâu?” Câu trả lời là: “Một bữa ăn.” Đức Phật nói: “Người chưa hiểu đạo rồi.” Ngài hỏi một vị sa môn khác: “Cuộc đời con người kéo dài bao lâu?” Ông ta đáp: “Một hơi thở.” Đức Phật nói: “Tốt lắm. Người đã hiểu đạo.”

Những lời lẽ ấy bao trùm lên Viola. Bà không biết chúng có ý nghĩa gì. Bà vẫn tham gia lớp học của Sunny như thường lệ. Bà thấy chẳng có lý do gì để không làm vậy. Sáng mai bà mới có thể lên một chiếc máy bay để trở về Anh. Bà đợi cho đến khi Sunny chào *Namaste* với tất cả mọi người, bầu đoàn ăn - cầu nguyện - yêu tử vẻ thành kính như thể anh đang ban phúc cho họ trước khi họ miễn cưỡng lũ lượt kéo nhau ra ngoài, bước vào bầu không khí nóng ẩm của buổi tối. Viola vẫn ở lại.

“Viola?” Sunny nói và mỉm cười với bà vẻ quan hoài như thể bà là một người tàn tật.

“Nhà dưỡng lão gọi điện.” Bà nói. “Ông ngoại con sắp mất.”

“Ngoại Ted?” Sunny cau mày, cắn môi, và trong một thoáng, bà nhìn thấy bóng dáng của Sunny lúc nhỏ. “Mẹ sắp về à?”

“Ừ. Nhưng mẹ mong Bertie sẽ tới đó trước mẹ. Con có về không?”

“Không.” Sunny nói.

Vào lúc này, Viola muốn nói rất nhiều điều. Bà đã nghĩ đến những điều đó trong lúc ngắm nhìn cánh rừng, dòng sông thiêng, lũ chim, trong số đó, “Mẹ xin lỗi” là điều bà muốn nói trước nhất, nhưng thay vì thế, bà lại kể với anh về giấc mơ của bà.

“Và rồi con quay sang mẹ, mỉm cười và nói: “Chúng ta đã làm được rồi, mẹ ơi! Tất cả mọi người đã lên tàu.”

“Con không nghĩ điểm đặc biệt ở giấc mơ này là con tàu ấy.”

“Ừ.” Viola đồng ý. “Điểm đặc biệt chính là cảm giác của mẹ đối với con khi con nói chuyện với mẹ.”

“Cảm giác gì vậy?”

“Ngập tràn tình yêu thương. Dành cho con.”

Ồ, Viola. Cuối cùng thì...

*

Bertie đã mang theo một cuốn *Biên niên sử cuối cùng của Barset* và ngồi bên giường của Teddy, đọc cho ông nghe. Cô biết đây là một trong những cuốn sách ông yêu thích, và cô cho rằng dù ông có hiểu từng câu từng chữ hay không cũng không quan trọng, bởi vì ông có thể được an ủi khi nghe những nhịp điệu quen thuộc trong lối hành văn của Trollope.

Ông phát ra một âm thanh nhỏ, không phải lời nói, mà là thứ gì đó, như thể ông đang mơ hồ. Cô đặt cuốn sách xuống

giường và nắm lấy bàn tay yếu ớt, co quắp của ông. “Cháu là Bertie Moon đây, ngoại ơi.” Cô nói. Thịt trên tay ông nhão như mỡ chảy và các mạch máu nổi rõ giống như những sợi dây thừng màu xanh. Bàn tay kia của ông giờ thẳng lên và ông nhẹ nhàng vẫy nó như thể đang đề nghị được thứ lỗi. Cô cho rằng đúng là ông đang đề nghị được thứ lỗi thật.

Ông đã từng là một đứa trẻ sơ sinh, cô nghĩ. Non nớt và hoàn hảo, được ôm ấp, nâng niu trong vòng tay của mẹ ông. Sylvie bí ẩn. Giờ ông giống như một chiếc vỏ khô nhẹ bẫng, chực chờ bị cuốn đi. Đôi mắt ông mở he hé, mờ đục, giống như một chú chó già, miệng ông trở nên rúm rỏ vì đã đạt đến giới hạn của tuổi tác, cứ mở ra rồi lại khép vào như một con cá bị bắt lên khỏi mặt nước. Bertie có thể cảm thấy một sự rung động liên tục chạy khắp người ông, một dòng điện, một luồng sinh khí yếu ớt. Hoặc có lẽ là cái chết. Năng lượng đang tụ lại quanh ông, không khí đầy tĩnh điện.

*

Teddy đang vật lộn với chiếc *F-Fox*, cố gắng giữ nó thăng bằng và bay theo một đường thẳng. Nó muốn bỏ cuộc. Cậu lính cắt bom - Clifford - xuất hiện bên cạnh anh và nói lửa đã ngăn cậu ta tới chỗ xạ thủ ở tháp pháo đuôi. Teddy chẳng biết gì về cậu ta ngoại trừ việc cậu ta có vẻ hoảng loạn, và Teddy nghĩ cậu ta thật dũng cảm khi tới giúp cậu xạ thủ ở tháp pháo đuôi - Charlie người mà anh cũng chẳng hay biết gì. Điều duy nhất Teddy có thể nghĩ đến vào

khoảnh khắc đó là anh phải cứu những chàng trai này. Anh bảo Clifford hãy nhảy xuống, nhưng cậu ta đã bị mất dù và Teddy nói: “Lấy dù của tôi đi. Lấy đi, nhanh lên, nhảy đi!” Clifford chần chừ trong một thoáng nhưng vẫn tuân lệnh đội trưởng, cầm lấy cái dù và biến mất qua cửa thoát hiểm.

Anh là Thánh George^[244] và nước Anh là nàng Cleolinda^[245], nhưng con rồng đang chế ngự anh, thiêu đốt anh bằng ngọn lửa phun ra từ hơi thở của nó. Đằng sau anh là một tấm màn lửa, anh có thể cảm thấy chúng đang bắt đầu làm cháy sém chỗ ngồi của anh. Hệ thống liên lạc nội bộ không còn hoạt động nữa, và anh không biết liệu cậu xạ thủ ở tháp pháo đuôi đã ra ngoài hay chưa, vì vậy anh tiếp tục vật lộn với chiếc *F-Fox*.

*

Căn phòng chỉ được thắp sáng bằng một ngọn đèn lò mờ duy nhất. Đã gần đến nửa đêm và nhà dưỡng lão chìm trong giấc ngủ, chỉ thi thoảng vang lên một tiếng thét sợ hãi nghe như tiếng một con thú nhỏ bị tấn công.

Ông ngoại cô đang chết vì tuổi già, Bertie nghĩ. Bị kiệt sức. Không phải ung thư hay đau tim, hay tai nạn, hay thiên tai. Tuổi già có vẻ là một cách ra đi khó khăn. Có những khoảng trống dài giữa từng hơi thở khò khè của ông. Thi thoảng ông có vẻ hoảng loạn, nói gì đó và Bertie siết chặt tay ông, vuốt má ông, thì thầm với ông về rừng hoa chuông xanh mà cô chưa bao giờ nhìn thấy cùng những người cô chưa bao giờ gặp sẽ đang đợi ông. Hugh và Sylvie, Nancy

và Ursula, về lũ chó, về những ngày dài ngập nắng. Đó có phải là nơi mà ông gắn bó không? Ông gắn bó với những ngày dài chan hòa ánh nắng ở Góc Cáo? Hay bóng tối vĩnh cửu? Hay hư vô? Bởi vì ngay cả bóng tối cũng còn có tính chất riêng, nhưng hư vô thực sự chẳng có gì cả, chỉ là hư vô mà thôi. Các đội quân thiên thần rực rỡ của Spenser có đang đợi để đón chào ông? Liệu tất cả các bí ẩn có sắp được hé lộ? Chúng là những câu hỏi chưa từng có ai trả lời và sẽ không có ai trả lời.

Cô trao cho ông những mẫu vụn vật từ cái túi đựng những câu thơ thú vị của cô, bởi vì bây giờ tất cả những gì còn lại chỉ có ngôn từ mà thôi. Có lẽ ông có thể dùng chúng để trả cho người chèo đò. *Dẫu tôi đã du ngoạn qua nhiều lãnh địa vàng. Thế giới được tiếp thêm năng lượng bằng sự oai nghiêm của Chúa. Cha người nằm dưới đáy biển sâu. Hỡi cừu con, ai tạo ra người vậy? Dẫu cả đồng lá úa nằm rải rác dưới chân. Điều tốt đẹp nhất trong cuộc đời một người đàn ông tốt là những hành động yêu thương, tử tế nhỏ nhất, vô danh, không được ai nhớ đến. Xa hơn và xa hơn nữa, tất cả lũ chim ở Oxfordshire và Gloucestershire.*

Không gian lung linh xao động. Thời gian thu hẹp thành đầu đinh ghim. Chuyện đó sắp xảy ra. *Bởi Chúa thánh thần bay lượn trên thế gian/ Che chở với bộ ngực ấm và đôi cánh sáng!*

*

Chỉ còn vài khoảnh khắc, Teddy nghĩ. Vài nhịp tim. Cuộc sống chính là như vậy. Nhịp tim này nối tiếp nhịp tim khác. Hơi thở này nối tiếp hơi thở khác. Khoảnh khắc này nối tiếp khoảnh khắc khác cho đến khoảnh khắc cuối cùng. Cuộc sống mong manh như nhịp tim của một chú chim, sớm nở tối tàn như những bông hoa chuông xanh trong rừng. Ông nhận ra rằng điều đó không phải là vấn đề gì cả, ông không bận tâm, ông sẽ đi tới nơi hàng triệu người đã tới trước đó và hàng triệu người sẽ tới sau này. Ông có chung số phận với rất nhiều người.

Và bây giờ. Khoảnh khắc này. Khoảnh khắc này là vô tận. Ông là một phần của sự vô tận ấy. Cây, đá và nước. Mặt trời mọc và hươu chạy. *Ngay lúc này.*

*

Tiếng chiếc kèn trumpet cất lên kết thúc cuộc vui. Cái kết cấu không nền móng bắt đầu tan rã. Chất liệu tạo ra giấc mơ bắt đầu nứt nẻ và rách toạc, các bức tường của một ngọn tháp đội mây rung chuyển. Những cơn mưa bụi bắt đầu trút xuống. Lũ chim vọt lên tầng không, vỗ cánh bay đi.

*

Trong bóng tối trước khi bình minh lộ dạng, Sunny đang ngồi thiền trên hàng hiên của căn phòng anh thuê. Anh sắp chuyển đi. Cô bạn gái người Úc của anh, cũng là một giáo viên yoga, đang mang thai sáu tháng và đã trở về Sydney.

Sunny sẽ tới đó với cô trong vài tuần nữa. Sáng nay anh sẽ đi cùng Viola tới sân bay để tiễn bà lên máy bay. Trước khi nói lời tạm biệt, anh sẽ tặng bà món quà là thông tin này để bà mang về nhà. Món quà khác dành cho bà sẽ là con thỏ rừng bằng bạc nhỏ bé mà anh đã giữ bao nhiêu năm qua. Bất chấp mọi khó khăn. “Để lấy may. Để che chở.” Cô bạn gái người Úc của anh chính là Phật. Cô đang mang Phật trong mình.

Anh đột ngột hít vào một hơi như thể anh đang ngủ và đột nhiên bừng tỉnh.

*

Một vết nứt đáng lo ngại xuất hiện trong tòa cung điện lộng lẫy. Bức tường đầu tiên rung chuyển và vỡ vụn. Bức tường thứ hai oằn xuống và sụp đổ, những hòn đá rơi rào rào xuống mặt đất.

*

Viola đang uống cà phê, chờ bình minh đến, đợi màn sương đang bao trùm dòng sông vén lên và lũ chim bắt đầu gọi bầy. Bà đang nghĩ về mẹ mình. Bà đang nghĩ về các con mình. Bà đang nghĩ về cha mình. Nỗi đau của tình yêu tràn ngập lòng bà. Lũ chim bắt đầu bản hòa ca lúc sớm mai. Chuyện gì đó đang xảy ra. Thứ gì đó đang thay đổi. Trong một thoáng, nỗi hoảng loạn siết chặt lấy bà. *Đừng sợ*, bà nghĩ. Và bà không thấy sợ.

*

Bức tường thứ ba đổ sầm xuống, bụi đất bốc lên mù mịt.

*

Bertie đang nắm tay ông ngoại, giúp ông cảm nhận tình yêu của cô, bởi vì chẳng phải đó là thứ mà tất cả mọi người sẽ muốn cảm nhận trong giây phút cuối cùng sao? Cô ghé lại và hôn lên gò má hom hem của ông. Một chuyện gì đó khủng khiếp đang xảy ra, một chuyện thảm khốc. Cô sẽ là chứng nhân của nó. Thời gian bắt đầu chao nghiêng. *Ngay lúc này*, cô nghĩ.

*

Bức tường thứ tư của ngôi đền uy nghi đổ xuống một cách lặng lẽ.

*

Anh không còn vật lộn với chiếc *F-Fox* nữa. Chiếc máy bay đã trúng phải “vết thương chí mạng”, như một chú chim bị bắn rơi khỏi bầu trời. *A! Đôi cánh sáng*. Anh nghe thấy những lời đó khá rõ ràng như thể ai đó trong buồng lái vừa nói với anh. Anh đã đưa chiếc máy bay tới bờ biển. Bên dưới anh, ánh trắng lấp lánh trên mặt biển Bắc như cả nghìn viên kim cương. Anh cam chịu chấp nhận khoảnh

khắc này, thời điểm hiện tại này. Tiếng ồn trong máy bay đã ngừng, hơi nóng từ những ngọn lửa đã biến mất. Chỉ có một sự im lặng đẹp đẽ, huyền ảo. Anh nghĩ về cánh rừng và những bông hoa chuông xanh, con cú và con cáo, một đoàn tàu đồ chơi của hãng Hornby lăn bánh quanh sàn phòng ngủ của anh, mùi bánh đang nướng trong lò. Con chim chiến chiến vừa bay vút lên cao vừa cất tiếng hót.

Với Teddy vẫn đang ở bên trong, chiếc *F-Fox* rơi xuống, như một chùm sáng trong bóng tối, một ngôi sao rực rỡ, một niềm hân hoan, cho đến khi những cơn sóng dập tắt những ngọn lửa. Teddy chìm xuống lòng biển tĩnh mịch, nhập bọn với tất cả chỗ kho báu mờ xỉ đang âm thầm nằm đó, ở độ sâu bốn mươi sải dưới đáy đại dương. Anh biến mất mãi mãi, chỉ có con thỏ rừng bằng bạc nhỏ bé bầu bạn với anh trong bóng tối.

*

Bức tường thứ năm sụp xuống với một tiếng “rầm” đình tai và tòa nhà của trí tưởng tượng đổ sập, mang theo cả Viola, Sunny và Bertie. Họ tan vào trong không khí và biến mất. Bụp!

Những cuốn sách mà Viola viết bốc hơi khỏi các giá sách như thể bị phù phép. Dominic Villiers kết hôn với một cô gái đeo ngọc trai, mặc bộ đôi áo len chui cổ và áo len cài cúc, sau đó chết vì rượu. Nancy kết hôn với một luật sư biện hộ vào năm 1950 và có hai con trai. Trong một lần đi khám định kỳ, cô phát hiện mình bị ung thư não và cắt bỏ khối u

thành công. Đầu óc cô kém linh hoạt hơn, trí thông minh của cô kém sáng láng hơn, nhưng cô vẫn là Nancy.

Một người đàn ông, một bác sĩ, đứng trên cây cầu Westminster, quay gót rời đi sau khi con thuyền *Gloriana* của buổi Đại lễ Kim cương chui qua bên dưới gầm cầu. Trong một thoáng, anh nghĩ rằng có ai đó đang đứng bên cạnh anh, nhưng chẳng có ai cả, chỉ có một luồng gió thổi qua. Anh cảm thấy mình vừa đánh mất thứ gì đó nhưng không thể hình dung ra thứ đó có thể là gì. Một giáo viên dạy yoga người Úc ở Ball lo lắng rằng cô sẽ không bao giờ tìm được ai để yêu, không bao giờ có một đứa con. Một bà lão tên là Agnes chết ở nhà dưỡng lão Đồi Dương sau bao năm mơ tưởng đến việc bỏ trốn. Sylvie uống thuốc ngủ quá liều vào ngày Chiến thắng, bà không thể chấp nhận nỗi một tương lai không có Teddy. Đứa con trai tuyệt vời nhất của bà.

Trên thế giới, hàng triệu cuộc đời thay đổi vì sự vắng mặt của người chết, nhưng ba thành viên trong tổ bay cuối cùng của Teddy - Clifford - lính cắt bom, Fraser - viên phi công bị thương và Charlie - xạ thủ ở tháp pháo đuôi, đều nhảy dù thành công khỏi chiếc *F-Fox* và ở trong một trại tù binh chiến tranh trong suốt quãng thời gian còn lại của cuộc chiến. Khi họ trở về, họ đều kết hôn và có con, những khuôn mẫu của tương lai.

*

Năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi ba người chết từ Binh chủng Máy bay Ném bom. Bảy triệu người Đức bị chết, trong đó có năm trăm nghìn người bị giết bởi chiến dịch ném bom của quân Đồng minh. Tổng cộng có sáu mươi triệu người chết trong cuộc Chiến tranh Thế giới thứ Hai, bao gồm cả mười một triệu người bị giết trong cuộc diệt chủng Holocaust. Mười sáu triệu người chết trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, hơn bốn triệu người chết trong chiến tranh Việt Nam, bốn mươi triệu người chết trong các cuộc chinh phạt của Mông Cổ, ba triệu rưỡi người chết trong Cuộc chiến tranh Trăm năm, bảy triệu người chết trong sự sụp đổ của La Mã, bốn triệu người chết trong các cuộc chiến tranh của Napoleon, hai mươi triệu người chết trong cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc. Vân vân và vân vân, ngược trở về tận thời của vườn Địa Đàng, khi Cain giết Abel.

Tất cả những chú chim chưa bao giờ được sinh ra, tất cả những tiếng hót chưa bao giờ được cất lên và những thứ đại loại như vậy chỉ có thể tồn tại trong trí tưởng tượng.

Và đây là trí tưởng tượng của Teddy.

1947

Những cô con gái của thiên đường

Cây táo gai trên đường vừa nở hoa và Ursula nói: “Ồ, nhìn kìa, cây táo gai đang ra hoa. Teddy sẽ thích cảnh này lắm.”

“Ôi, đừng!” Nancy nói, ứa nước mắt. “Em không thể tin nổi anh ấy đã biến mất khỏi thế giới này mãi mãi.” Họ bước đi, tay trong tay, Lucky chạy tới chạy lui, phấn khích vì được ở trong bầu không khí ấm áp, đầy sức sống. “Em ước gì anh ấy có một ngôi mộ để chúng ta có thể đến thăm.” Nancy nói.

“Chị lại thấy mừng vì không có.” Ursula nói. “Bây giờ chúng ta có thể tưởng tượng nó đang tự do như khí trời.”

“Em chỉ có thể tưởng tượng anh ấy đang ở dưới đáy biển Bắc, lạnh lẽo và cô đơn.”

“San hô sinh ra từ xương của nó.” Ursula nói.

Nancy run rẩy “ôi” một tiếng.

“Mắt nó biến thành những viên ngọc trai^[246].”

“Dừng lại đi chị, làm ơn dừng lại.”

“Chị xin lỗi nhé! Em có muốn đi dạo qua cánh đồng không?”

*

“Nhìn kìa!” Nancy thốt lên, buông tay Ursula và chỉ lên trời. “Đó. Một con chim - một con chim chiến chiến. Chị nghe mà xem.” Cô nói thêm bằng tiếng thì thầm xúc động, như thể sợ quấy rầy con chim ấy.

“Hay quá!” Ursula thì thầm.

Họ chăm chú nhìn con chim chiến chiến bay vút lên cao, càng lúc càng xa cho đến khi nó trở thành một đốm nhỏ trên bầu trời xanh, rồi sau đó cái đốm nhỏ ấy cũng chỉ còn đọng lại trong ký ức.

Nancy thở dài. “Thi thoảng em lại băn khoăn...” Cô nói. “... Về sự tái sinh. Em biết chuyện đó thật kỳ quặc, nhưng chẳng phải sẽ tuyệt lắm sao nếu Teddy trở lại trong hình hài một thứ gì đó - như con chim chiến chiến kia chẳng hạn. Ý em là, ai mà *biết* được, đúng không? Con chim đó có thể là Teddy đang chào chúng ta, báo cho chúng ta biết rằng anh ấy vẫn ổn. Rằng anh ấy vẫn *tồn tại* theo một cách nào đó. *Chị* có tin vào sự tái sinh không?”

“Không.” Ursula nói. “Chị tin rằng chúng ta chỉ có một cuộc đời, và chị tin rằng Teddy đã sống cuộc đời của nó thật trọn vẹn.”

*

Và khi tất cả mọi thứ khác đều biến mất, Nghệ thuật vẫn còn tồn tại. Kể cả Augustus.

Những cuộc phiêu lưu của Augustus

- Những hậu quả khủng khiếp -

“Chẳng phải đó là Augustus sao?” Cô Slee thì thầm vào tai ông Swift. Tiếng thì thầm khá to, có thể khiến những người ngồi xung quanh ngoảnh lại nhìn ta chăm chú.

Vẻ mặt của ông Swift vẫn bình thản, nhưng ông không thể kìm được chút run rẩy bởi cảnh tượng trước mắt. Cô Slee rướn người về đằng trước để gây sự chú ý với bà Swift. “Đó là Augustus, đúng không?” Cô khẳng khẳng, tiếng thì thầm càng to hơn. “Con trai chị.” Cô nói thêm. Đó thực sự không còn là tiếng thì thầm nữa. Là tiếng thét thì đúng hơn. vẻ mặt bà Swift vẫn khó có thể nhìn thấu. Các khán giả còn lại cũng sửng sốt như cha mẹ Augustus bởi cảnh tượng đang trải ra trước mắt họ trên sân khấu của hội trường làng.

Hoạt cảnh “Nước Anh qua các thời kỳ” đã diễn đến cảnh hạm đội Armada của Tây Ban Nha tấn công nước Anh, và Elizabeth I đang hô hào kích động tinh thần của các binh sĩ ở Tilbury. Gloriana^[247] đã trưng dụng cỗ xe của Boadicea^[248] - một món đồ tự chế - và đang vung một cây đinh ba mượn từ Britannia^[249]. Hai hình tượng cao quý của nữ giới này (do Phyllis, chị gái của Augustus và tiểu thư

Lamington của Lâu đài đóng) không hề tự nguyện giao vật sở hữu của mình và đang đứng ở hai bên cánh gà, trừng mắt nhìn Gloriana.

Những diễn viên còn lại trong hoạt cảnh này vẫn táo bạo diễn tiếp, bất chấp sự thật rằng một nửa bối cảnh đã đổ sập, và có mấy con chó đang thơ thẩn loanh quanh trên sân khấu.

Mục sư, ngồi ở phía bên kia của bà Swift, nói với bà: “Tôi cứ tưởng bà Brewster đóng vai Nữ hoàng Elizabeth. Người đang đứng trên sân khấu kia là ai vậy?” Ông ta thắc mắc.

Bộ tóc giả màu đỏ của Gloriana đã tuột xuống một bên, và vì không có trang phục thích hợp nên “bà” đã quấn một cái áo choàng của một vị tướng La Mã. Vị tướng này cũng chẳng hề tự nguyện đưa nó cho Gloriana. Hai đầu gối Gloriana bần thủ đến mức đáng kinh ngạc, chúng hiện rõ bên dưới chiếc áo choàng, và trong túi “bà” có thứ gì đó nhìn gần giống như một cây súng cao su.

Nữ hoàng Gloriana lời thôi lếch thếch này hét lên với kiểu cách chẳng giống một nữ hoàng chút nào: “Các khanh đang làm rất tốt. Hãy “tiêu diệt” hết lũ chó này và những thứ tương tự.” “Quân Tây Ban Nha^[250] chứ!” Bà Garrett rít lên từ cánh gà. Gloriana vung cao cây đinh ba của Britannia lên và hét to: “Giờ hãy tiến lên và tiêu diệt sạch những kẻ còn lại!” Một bầy trẻ con nhộn nhạo đổ xô lên sân khấu, gầm rú và la hét, có đứa còn rít lên the thé. Lũ chó sủa ầm lên khi thấy chúng. Vài đứa trẻ - không, nhiều đứa trẻ trong số đó từ trước tới nay rất ngoan nhưng bây giờ chúng có vẻ đã trúng phải thuật thôi miên của Gloriana. Nhiều khán giả

dường như cũng trúng phải thuật thôi miên ấy, họ đang dõi theo Gloriana với cái miệng há hốc vì kinh hãi.

“Chẳng phải lũ trẻ này được giao đóng vai đội quân Tây Ban Nha sao?” Mục sư hỏi bà Swift. ““Quân xâm lăng”.” Ông ta nói, sau khi liếc tờ giới thiệu chương trình.

“Tôi không chắc tôi biết ai được phân đóng vai gì nữa.” Bà Swift nói, quần trí bởi cảnh tượng gớm ghiếc: mái tóc giả màu đỏ tuột xuống thấp hơn trên mặt con trai bà.

“Có phải bọn trẻ đó...” Mục sư hỏi. “... Cũng đã đóng vai quân Saxon, Viking và Norman? Khó mà nhận ra được vì bây giờ chúng đều quét sơn xanh lên khắp người rồi. Theo bà thì việc này tượng trưng cho cái gì? Đất nước Anh xinh tươi xanh ngát chẳng?”

“Tôi không nghĩ vậy.” Bà Swift nói và khẽ thốt lên một tiếng kêu hoảng hốt khi cỗ xe của Boadicea, vốn không chắc chắn lắm, đột nhiên bị sập, và Gloriana ngã nhào xuống sân khấu một cách nhục nhã, kéo đổ những phong cảnh còn sót lại theo mình. Một con chó sục nhỏ vùng cao nguyên phía Tây chạy lên sân khấu, vừa khéo ngoạm lấy bộ tóc giả màu đỏ và chạy biến đi trong tiếng rít của ai đó sau cánh gà.

“Đó chính là Augustus.” Cô Slee nói.

“Tôi chưa bao giờ nhìn thấy thằng bé đó trong đời.” Ông Swift quả quyết.

“Tôi cũng thế.” Bà Swift nói.

Nghĩ lại thì, ông Swift rầu rĩ nói, ta có thể thấy rằng nó chắc chắn kết thúc trong thảm họa.

“Và nó đã khởi đầu rất tốt.” Bà Swift nói.

“Lúc nào chẳng vậy.” Ông Swift nói.

Cả ngôi làng đã vô cùng phấn khích. Ông Robinson, người điều hành hội lịch sử địa phương, đã phát hiện ra rằng ngôi làng cổ kính hơn bất cứ ai từng nghĩ, bằng chứng nằm ở tàn tích của một biệt thự La Mã vừa được khai quật trên một cánh đồng ngoài rìa ngôi làng. “Bằng chứng đó cho thấy nó đã bị những kẻ chinh phạt người La Mã chiếm đóng từ rất sớm.” Ông Robinson nói.

“Một bệ^[251] thờ.” Augustus thông báo với nhóm bạn nhỏ của mình. Những “kẻ đồng lõa” của cậu - Norman, George và Roderick - vừa mới quyết định đặt cho nhóm mình một cái tên. Chúng đã cân nhắc rồi loại bỏ mấy cái tên như Những gã cướp biển, Những kẻ ngoài vòng pháp luật và Những tên cướp, và sau nhiều cuộc tranh luận (có thể nói là những cuộc tranh cãi bất tận) và một, hai cuộc ẩu đả nhỏ, cuối cùng chúng quyết định rằng cái tên Thổ dân Apache thể hiện được sự can đảm, táo bạo của chúng. (Sự khát máu thì đúng hơn, ông Swift nói.)

“Những cây dê ngựa^[252] La Mã.” Augustus giải thích thêm. Các “thổ dân Apache” lầm rầm thích thú. Hằng năm, cứ đến mùa thu, sân trường của chúng lại trở thành bãi chiến trường cho Cuộc chiến Dê ngựa thường niên, một cuộc chiến cực kì hoang dã có kết cục tất yếu là sẽ có vài kẻ bị thương phải tới phòng y tế.

Ông bà Swift đã mời ông Robinson đến ăn tối cùng với mục sư - một mẫu mục sư tốt bụng, hơi lẩm cẩm, rất phổ biến ở vùng này, và cô Slee - một gái già thẳng thắn, khá nam tính, có sở thích là cuối tuần nào cũng “đi chơi”. (“Đi chơi?” Augustus khinh khỉnh nói với bố mẹ. “Sao việc đó lại được coi là một sở thích được? Bố mẹ lúc nào cũng nói với con rằng “Đừng có đi chơi đi bởi nữa, Augustus” rồi thì...” Cậu kéo ve áo của một cái áo choàng luật sư tưởng tượng. “Rồi thì bố mẹ nói “Sao con không có sở thích nào lành mạnh hơn vậy, Augustus?”.”)

Cùng ngồi nhấm nháp ly rượu sherry của ông bà Swift là ông bà Brewster vừa mới dọn đến làng và Đại tá Stewart, người thường bất mãn với tất cả mọi người và cực kì không thích mấy cậu nhóc. “Một bữa tiệc tối ư?” Bà Brewster reo lên khi được mời. “Thật là tuyệt.” Bà Brewster là một người khá nổi bật. Bà có vóc dáng cao ráo, mái tóc xoắn đỏ ối tượng và khá điệu bộ, màu mè. Có vẻ như bà rất thích kịch nghiệp dư.

“Không chỉ người La Mã đâu.” Ông Brewster nói, nhìn bình rượu sherry gần cạn với vẻ lo lắng. “Còn có cả người Angle, Saxon, Viking, Norman, hết bè lũ xâm lược này đến bè lũ xâm lược khác.” Theo lời bà Carlton, một gái già lớn tuổi có khuôn mặt chuột chù đã nhìn thấy ông Brewster liếc bình rượu, vợ chồng Brewster là một “nhà giàu mới phát”. Bà là một “người bài rượu”, điều này có vẻ khiến bà trở nên dễ cáu kỉnh. Bà đã thuyết phục Augustus và những người còn lại trong bộ lạc nhỏ của cậu thể rằng sẽ không bao giờ uống rượu bằng cách cho chúng những ly nước chanh giá

nửa xu. “Được ạ.” Nhóm “thổ dân Apache” đồng ý. Người cuối cùng “chốt sổ” trong bữa tiệc tối của nhà Swift là người hàng xóm sát vách nhà họ, bà Garrett.

“Trước kia...” Ông Robinson lại bắt đầu nói. “... Chúng ta chỉ có thể truy nguyên lịch sử của mình ngược về thời ban hành Địa bạ Anh^[253].”

“Ngày phán quyết^[254].” Augustus lẩm bẩm với vẻ tán thưởng. “Ngày phán xét.” Cậu thích những từ có nhiều cách gọi. Việc nghe lén của cậu bị phá ngang một cách thô bạo khi bà đầu bếp gỡ cái thìa xúp vào đầu cậu - món vũ khí bà yêu thích - và đuổi cậu đi. “Thằng bé đó rất hay nấp ngoài cửa rình mò.” Cậu từng nghe thấy bà ta phàn nàn với Mavis, cô hầu gái nhà họ. “Nó đúng là một tên gián điệp nhí.” Augustus cảm thấy khá hài lòng với lời khen này. Đương nhiên, khi nào cậu lớn, cậu sẽ trở thành một gián điệp. Cũng như phi công, người lái tàu, nhà thám hiểm và “nhà sưu tầm”.

“Sưu tầm những gì?” Bà Swift đã hỏi khi họ đang ngồi ở bàn ăn vào sáng hôm đó, và lập tức hối hận vì câu hỏi đó khi Augustus hồ hởi nêu ra cả một danh sách dài ngoằng bao gồm xương chuột, những đồng pha đin bằng vàng, động vật thân mềm, dây bện, kim cương và nhẫn cầu bằng thủy tinh.

“Bố chưa bao giờ nghe nói đến những đồng pha đin bằng vàng.” Ông Swift nói.

“Đó là lý do con sẽ sưu tầm chúng. Chúng sẽ đáng giá cả một gia tài.”

“Nếu chúng không tồn tại thì sao?” Ông Swift hỏi.

“Thế thì chúng sẽ càng đáng giá hơn nữa.”

“Em đã đánh rơi nó đập đầu xuống đất hồi nó còn bé à?” Ông Swift hỏi mẹ của Augustus. Bà Swift lẩm bẩm gì đó nghe như “Giá mà em làm vậy”, và nói thêm, to hơn: “Đừng có ngoáy lọ mứt cam nữa, Augustus.”

*

“Đi chỗ khác chơi.” Bà bếp nói với cậu. Bà vẫn đang hết sức phấn nộ vì món Charlotte Russe^[255] mà bà tính dành làm “món tráng miệng”. Họ thường làm những món tráng miệng cầu kỳ mỗi khi nhà có khách, còn bình thường họ chỉ đơn giản ăn bánh pudding mà thôi. Augustus nói rằng cậu chẳng có lỗi gì khi ăn hết những cái bánh xếp hình ngón tay. Cậu chỉ định ăn đúng một cái thôi nhưng không hiểu sao khi cậu nhìn lại, chúng đã hết sạch! Sao lại thế nhỉ? (Sao chuyện đó xảy ra thường xuyên thế nhỉ?) Trong nỗi thất vọng, bà bếp đành phải biến món Charlotte Russe thành một món bánh mousse tầm thường hơn. “Họ sẽ nghĩ gì đây?” Bà cầu nhàu.

“Họ sẽ nghĩ họ cực kì may mắn.” Augustus nói, hiểu nhầm từ “mousse” là “moose”, có nghĩa là nai sừng tấm, nghe có vẻ là một món ăn thú vị hơn hẳn những món thường được dọn lên trên bàn ăn nhà Swift. Trên thực tế, nai sừng tấm là con mồi mà thổ dân Apache có thể săn bằng cung tên trước khi nướng bằng một cái xiên trên ngọn lửa trại. (Cung tên của Augustus hiện đã bị tịch thu vì một tai nạn không may.)

“Ở đất nước này làm gì có nai sừng tấm.” Ông Swift chỉ ra.

“Sao bố biết...” Augustus nói. “... Khi mà bố chưa từng nhìn thấy con nào?”

“Con có năng khiếu của một nhà chủ nghĩa kinh nghiệm đấy.” Bố cậu đã nói với cậu sau một cuộc tranh luận cực kì sôi nổi về những quả bóng cricket và tấm kính ở nhà kính. (“Nếu bố không thấy ai ném quả bóng thì làm sao bố biết đó là con?” Ông Swift mệt mỏi nói: “Bởi vì thủ phạm lúc nào cũng là con.”)

*

Bà Garrett đột nhiên vỗ tay và nói: “Một hoạt cảnh!” (Augustus đã trở lại, lảng vảng ngoài cửa, một thìa xúp không thể làm nhụt chí của một thổ dân Apache.) “Chúng ta nên có một hoạt cảnh để tôn vinh lịch sử của làng.”

Nhóm người ở bàn ăn đều đồng tình ngay lập tức. “Nó sẽ miêu tả lại toàn bộ lịch sử của nước Anh từ góc nhìn của một ngôi làng Anh quốc điển hình.” Bà Garrett tán tưng.

“Chính tôi đây...” Bà Brewster nói. “... Từng đóng vai nữ hoàng vài lần trong các vở kịch.”

Bà Swift lẩm bẩm gì đó không ra tiếng.

“Nhưng tất cả những thằng nhóc khùng khiếp đó không được tham gia.” Đại tá Stewart nói.

“Ôi, Chúa ơi, không! Tôi đồng ý.” Bà Carlton nói. “Ồ, tôi xin lỗi.” Bà vội vàng nói với ông Swift: “Trong số chúng có

một đứa là con trai anh, đúng không?”

“Ờ...” Ông Swift ngẩn ngại. “Thực ra chúng tôi đã nhặt được nó trên ngưỡng cửa trước nhà.” Augustus cau mày trước “sự phản bội” này của cha. Những tiếng lầm rầm thông cảm vang lên quanh bàn và bà Swift tán thành. “Dĩ nhiên là không phải. Đó là ngưỡng cửa sau nhà.” Mọi người cười ồ lên vì câu nói này. Augustus càng nhúu mày chặt hơn. Bố mẹ cậu nhặt được cậu trên ngưỡng cửa thật sao? Cửa trước hay cửa sau cũng chẳng quan trọng. Cậu là một đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi. Cậu khá mừng trước ý nghĩ đó. Có lẽ cha mẹ đẻ của cậu cực kì giàu có, và họ vẫn đang đi tìm cậu kể từ lúc vô tình bỏ lại cậu trên bậc cửa nhà ông bà Swift.

“Ồ, tôi chắc chắn chúng ta có thể tìm ra thứ gì đó cho tất cả lũ trẻ làm.” Bà Garrett nói. Bà Garrett là một nhân vật khá phiền phức trong thế giới của Augustus. Trước kia bà chỉ là một bà góa thân thiện và khá can đảm. Bà quý trẻ con (một tính cách khác thường ở một người lớn) và có một nhà kính rất tuyệt vời trồng đầy đào và nho, các “thổ dân Apache” luôn cố gắng đột nhập vào đó trước sự phẫn nộ của thợ làm vườn nhà bà. Bà cũng rất hào phóng, hay cho bọn trẻ kẹo bánh (lại một thói quen khác thường ở một người lớn). Nhưng, rủi thay, bà cũng là lãnh đạo “chi nhánh” địa phương của tổ chức Afor Arod. Bà Garrett nói đó là từ Saxon, có nghĩa là “mạnh mẽ” và “can đảm”, hai đức tính mà chẳng thành viên nào của tổ chức đó có được. Nếu bạn có thể tưởng tượng ra một nhóm hướng đạo sinh bao gồm rất những kẻ bị đám con trai cho ra rìa, thì đó

chính là tổ chức Afar Arod: những kẻ hay lên mặt đạo đức, béo ú, bợ đỡ, học gạo - và đám con gái.

Theo lời bà Garrett, một thành viên tích cực của Hiệp hội Bảo đảm Hòa bình, Afar Arod là một phiên bản yêu hòa bình của tổ chức Hướng đạo “khá quân phiệt”. “Tinh thần hợp tác và hòa hợp với mọi người.” Bà nói. Mẹ Augustus nghĩ điều này sẽ “tốt” cho Augustus vì đây là những tính cách mà cậu “đang thiếu trầm trọng”. Không đúng! Cậu phản đối. “Mẹ thử nhìn vào nhóm Thổ dân Apache mà xem.”

“Đúng.” Bà Swift nói và kéo cậu tới một cuộc họp.

Thật là không công bằng, cậu cay đắng nghĩ khi nhìn một nhóm trẻ con nhảy nhót theo một vòng tròn. Nhảy nhót! Thế mà trước đó chẳng ai nhắc đến nhảy nhót cả.

“Ồ, một người bạn mới của chúng ta!” Bà Garrett tuyên bố như thể bà chưa bao giờ nhìn thấy cậu, mặc dù trên thực tế bà gặp Augustus gần như hằng ngày.

Và rồi Augustus gặp “khắc tinh” của mình. Cậu để ý đến một cô bé ở góc phòng, một cô bé có mái tóc xoắn tít và hai lúm đồng tiền dễ thương nhất mà cậu từng thấy. “Xin chào, mình là Madge.” Cô bé đang khâu cái gì đó. “Mình đang thêu một cái phù hiệu, cậu có muốn mình làm cho cậu một cái không, Augustus?” Augustus lặng lẽ gật đầu, trông cậu còn ngốc nghếch hơn thường lệ.

Và bây giờ, cậu lúc nào cũng nơm nớp lo sợ những thành viên còn lại trong nhóm Thổ dân Apache bắt quả tang cậu đang tham gia những trò góm ghiếc của tổ chức Afar Arod: nhảy nhót, khâu vá, hát và làm thơ. Đi bộ giữa thiên nhiên -

nhưng hóa ra không phải là sục sạo các tổ chim hoặc dùng súng cao su bắn bừa bãi vào mọi thứ, thực tế là không được phá hoại bất cứ thứ gì.

Toàn bộ chuyện này thật đáng ghét nhưng cậu không kì được, phục tùng Madge vô điều kiện. (“Ồ, cảm ơn cậu vì đã quần len giúp tớ, Augustus.”)

*

“Một hoạt cảnh.” Cậu thông báo với nhóm Apache. “Quân xâm lăng.” Cậu nói thêm. Cậu đẩy viên kẹo lê từ khoang miệng bên này sang khoang miệng bên kia, động tác này thường ám chỉ rằng cậu đang suy nghĩ rất lung. “Mình có ý này.” Cậu điềm nhiên nói. “Nếu chúng ta...”

*

“Ồ, chị thôi đi!” Teddy nói với Ursula.

“Cậu ta chẳng giống em chút nào, em biết mà.” Chị cậu cười nói.

“Em biết.” Teddy nói. “Nhưng làm ơn đừng đọc nữa.”

HẾT

[1] Một nghi thức cổ xưa vẫn còn được thực hiện ở một số giáo xứ ở Anh và xứ Wales. Theo nghi thức này, linh mục của giáo xứ sẽ dẫn một nhóm cậu bé mang theo những cành cây xanh như cây phong hoặc liễu gai để vút vào những cột mốc ranh giới của giáo xứ để cầu nguyện phúc lành cho vùng đất của mình.

[2] Lời bài hát thiếu nhi *Three blind mice* (Ba con chuột mù).

[3] Tiếng Pháp, nghĩa là chim chiến chiến.

[4] Một giống chó săn lai giống.

[5] Một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp. Icarus là con trai của nghệ nhân tài ba Daedalus. Để thoát khỏi mê cung Labyrinth, ông Daedalus đã phát minh ra đôi cánh để cha con họ có thể bay đi. Ông dặn con trai không được bay lên quá cao vì ánh mặt trời nóng bỏng sẽ làm tan chảy sáp ong trên đôi cánh, nhưng vì quá thích thú khi được bay lượn trên bầu trời, Icarus đã quên mất lời dặn của cha. Cậu bay lên rất cao, và cuối cùng sáp ong trên đôi cánh của cậu tan chảy, khiến đôi cánh của cậu bị hỏng và cậu rơi xuống biển chết.

[6] Tiếng Pháp, nghĩa là “Hỡi chim chiến chiến, hỡi chim chiến chiến xinh đẹp ơi”. Đây là lời bài hát thiếu nhi bằng tiếng Pháp.

[7] Tiếng Anh, có nghĩa là vui nhộn, vui vẻ.

[8] Tiếng Pháp, có nghĩa là “Ta sẽ vật mi”.

[9] Mani giáo (hay còn gọi là Minh giáo), là một tôn giáo cổ của Iran, do Mani (216 - 277), người Ba Tư sáng lập vào khoảng thế kỷ III. Nó đã từng rất hưng thịnh và có ảnh hưởng sâu rộng, sau đó dần tàn lụi.

[10] Một con đường ở Westminster, trung tâm London, là nơi có cơ quan chính phủ và các bộ của Anh, cái tên Whitehall thường được sử dụng để chỉ chính quyền trung ương của chính phủ Anh.

[11] Cách nói tắt của *Do your best, Do our best* (Cố gắng hết sức), đây là tiếng hô đồng thanh của các hướng đạo sinh.

[12] Thành viên thuộc ngành Ấu (ngành Sói) trong phong trào hướng đạo, thường là các bé trai từ 5 đến 12 tuổi (tùy theo mỗi quốc gia).

[13] Tên của một tổ chức huấn luyện trẻ em các kỹ năng cắm trại, đi bộ, thủ công...

[14] Ở đây Izzie đang nhắc đến một bài hát thiếu nhi của Anh là *What are little boys made of?* vốn phổ biến từ thế kỷ XIX.

[15] Chỉ việc Adam và Eva không nghe lời Chúa nên bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng.

[16] Tiếng Pháp: người phụ nữ hấp dẫn.

[17] Hugh trích một câu nói của bà Macbeth trong vở kịch *Macbeth* của William Shakespeare để tiếp lời của Sylvie. Câu nói đầy đủ của bà Macbeth là “Biến đi, vết nhơ đáng nguyên rủa!” khi bà ta bị mộng du và tưởng như có vết máu của Vua Duncan trên tay mình.

[18] Một nhân vật trong các câu chuyện dân gian Ireland.

[19] Nguyên văn là First Aid and Nursing Yeomanry, những chữ cái đầu tạo nên chữ FANY.

[20] Hành động biểu thị cho sự hứa hôn, sợi dây ở đây tượng trưng cho chiếc nhẫn.

[21] Một trong những đội săn cáo lâu đời nhất và lớn nhất ở Anh.

[22] Một câu lạc bộ kín gồm toàn các nam sinh giàu có, quý tộc của trường Oxford, thành lập từ năm 1780, họ thường tổ chức những bữa tiệc lớn và cuối mỗi bữa tiệc sẽ phá phách nơi tổ chức bữa tiệc ấy.

[23] Emmeline Pethick-Lawrence (1867 - 1954): là một phụ nữ người Anh, một nhà hoạt động vì quyền lợi của phụ nữ.

[24] Khoảng năm 722 tr.CN, vương quốc Israel bị đế quốc Tân Assyria xâm lược, mười trong số mười hai bộ tộc của Israel đã bị giết hại, xua đuổi và biến mất khỏi lịch sử.

[25] Một đơn vị hoạt động như một câu lạc bộ ở trường đại học nhưng được điều hành bởi quân đội Anh, mục tiêu

là phát triển các kỹ năng lãnh đạo của các thành viên, cho họ cơ hội được nếm trải cuộc sống quân sự khi vẫn còn đang ngồi trên giảng đường đại học.

[26] Một bộ gồm sáu bản tứ tấu đàn dây được nhà soạn nhạc vĩ đại Mozart sáng tác để tri ân nhà soạn nhạc Joseph Haydn.

[27] Thành ngữ của Anh, có nghĩa là bị bắt quả tang đang làm gì sai trái.

[28] Một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết *Bá tước Monte Cristo* của Alexandre Dumas.

[29] Từ lóng chỉ dân hippie.

[30] Trường của Hiệp hội Giáo hữu.

[31] Một loại ma túy gây ảo giác cực mạnh.

[32] Trong tiếng Anh, Sun có nghĩa là mặt trời, còn Moon có nghĩa là mặt trăng.

[33] Trong tiếng Anh, từ này còn có nghĩa là “ảo thuật”.

[34] Trong tiếng Anh, Star có nghĩa là ngôi sao.

[35] Một hình ảnh trong bài thơ *Ode: Intimations of Immortality* (Tạm dịch: Tụng ca: Những dấu hiệu của sự bất tử) của William Wordsworth. Trong đó nói rằng trước khi sinh ra con người ta ở một thế giới khác tươi đẹp hơn.

[36] Gerrard Winstanley (1609 - 1676): một nhà cải cách tôn giáo người Anh.

[37] Một nhóm người thuộc Tin lành giáo ở Anh đòi xóa bỏ quyền tư hữu đất đai trong thời kỳ Nội chiến. Nhóm này ban đầu có tên là *True Levellers* (Cào bằng Đích thực), là những người theo tư tưởng của Gerrard Winstanley; sau đổi thành *Diggers* (Đào sâu).

[38] Tên các căn cứ của Lực lượng Không quân Hoàng gia Anh, nơi những người biểu tình lập nên các trại phản đối chiến tranh.

[39] Kỹ thuật nhập thiền và thư giãn bắt nguồn từ Ấn Độ giáo, bao gồm việc lặp đi lặp lại cho mình nghe một câu đặc biệt.

[40] Nhân vật hồn ma trong cuốn tiểu thuyết kinh dị *The turn of the screw* của Henry James.

[41] Loại bệnh viện có liên kết chặt chẽ với một trường y khoa, và là nơi huấn luyện thực hành cho sinh viên y khoa và bác sĩ thực tập nội trú.

[42] Một loại thuốc giảm đau gây buồn ngủ.

[43] Trích một câu thơ trong bài *To a snowdrop* (Tạm dịch: Dành tặng một bông hoa giọt tuyết) của William Wordsworth.

[44] Một kiểu đan truyền thống tạo ra mẫu hoa văn bằng nhiều màu sắc khác nhau, được đặt tên theo tên của Fair

Isle (đảo Fair) thuộc quần đảo Shetland.

[45] Tiếng Pháp: nghĩa là “Can đảm lên, bạn của tôi”.

[46] Tiếng Đức, nghĩa là thị trấn cổ, thành phố cổ.

[47] Tiếng Đức, nghĩa là tòa thị chính.

[48] Một thuyết hấp dẫn lượng tử.

[49] Trích một câu thơ trong bài thơ *Tuesday in Easter week* (Tạm dịch: Ngày thứ Ba trong tuần lễ Phục sinh) của John Keble (1792 - 1866), một nhà thơ người Anh.

[50] Thành phố lớn nhất trong tiểu bang Wisconsin của Mỹ.

[51] Một trận đánh nổi tiếng trong lịch sử giữa các thành bang Hy Lạp và Đế quốc Ba Tư, kéo dài trong khoảng ba ngày. Trận đánh này thường được dùng để làm ví dụ cho sức mạnh của một đội quân yêu nước, chiến đấu vì dân tộc, vì quốc gia.

[52] Trại giam tù binh chiến tranh.

[53] Một hình ảnh ẩn dụ trong bài thơ sonnet số 73 của William Shakespeare.

[54] Trong thần thoại Hy Lạp, Pan là vị thần của sự hoang dã và âm nhạc đồng quê. Vào thế kỷ XVIII và XIX, thần Pan trở thành một biểu tượng đặc biệt của phong trào lãng mạn ở Tây Âu cũng như phong trào ngoại giáo trong thế kỷ XX.

[55] Một câu thoại trong vở kịch *Nhật hoàng* của W. S. Gilbert và Arthur Sullivan.

[56] Một pháo đài phòng thủ đánh dấu biên giới phía tây bắc của Đế quốc La Mã trong ba thế kỷ, được xây dựng theo lệnh của Hoàng đế La Mã Hadrian và được đặt tại Vương quốc Anh.

[57] Trong thần thoại Hy Lạp, Hippocrene là một con suối trên đỉnh núi Helicon, tương truyền nước suối có thể truyền thi hứng cho người uống nó. Nhà thơ John Keats đã ví loại rượu ông uống với con suối này trong một bài thơ của mình.

[58] Tiếng Pháp, nghĩa là “tác giả người Anh”.

[59] Tiếng Pháp, nghĩa là “bà chủ nhà”.

[60] Thần Mặt trời trong thần thoại Hy Lạp.

[61] Tiếng Pháp, nghĩa là “rượu pha hạt hồi”.

[62] Cụm từ trong một dụ ngôn của Chúa Jesus được ký thuật trong *Phúc âm Luke*. Chuyện kể về người con trai trở về sau khi tiêu xài hoang phí toàn bộ tài sản của mình.

[63] Tiếng Đức, nghĩa là tiểu thuyết giáo dục nhân cách, viết về những năm tháng hình thành nhân cách và trí tuệ của một nhân vật nào đó.

[64] Trích trong vở kịch *Romeo và Juliet* của William Shakespeare.

[65] Một trong những trận đánh lớn nhất của Chiến tranh Thế giới thứ Nhất.

[66] Cuộn giấy có hình viên kẹo lớn màu sắc sặc sỡ. Vào đêm Giáng sinh, hai người sẽ cầm hai đầu “cây pháo” này và cùng giật mạnh, nó sẽ phát ra tiếng nổ và rơi ra những món đồ chơi hoặc món quà ở bên trong, đôi khi có cả những mẫu truyện cười.

[67] Kiểu thời tiết khô nóng thi thoảng xảy ra vào đầu mùa thu.

[68] Đoàn tàu hộ tống các tàu chở hàng đi từ Anh, Iceland và Bắc Mỹ đến các hải cảng ở miền Bắc Xô Viết trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

[69] Tên thường gọi của một cuộc không chiến dai dẳng giữa Đức Quốc xã và Anh Quốc vào mùa hè - thu năm 1940 trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

[70] Arthur Neville Chamberlain (1869 - 1940): là một chính trị gia bảo thủ người Anh, đã từng là Thủ tướng Anh từ năm 1937 đến năm 1940.

[71] William Wordsworth có bài thơ với tiêu đề là *Ode: Intimations of Immortality* (Tạm dịch: Tụng ca: Những dấu hiệu của sự bất tử).

[72] Cụm từ thường được dùng để chỉ người ngốc nghếch.

[73] Một câu trích trong kinh *Corinthians*.

[74] Trích trong *Phúc âm Matthew*.

[75] Một hình ảnh trong bài thơ *Ode: Intimations of Immortality* của William Wordsworth.

[76] Nguyên văn: LMF (Lack of Moral Fibre): một biệt hiệu được Không quân dùng để gọi những tổ bay nào từ chối bay đi làm nhiệm vụ trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

[77] Một nhân vật trong truyện *Hard Times* của Charles Dickens, nổi tiếng vì hám lợi, khó tính, chỉ quan tâm đến các con số và những dữ liệu lạnh lùng.

[78] Khoảng thời gian mà các thành viên của Lực lượng Không quân Hoàng gia Anh bắt buộc phải tham chiến trực tiếp.

[79] Người thuộc Lực lượng Hỗ trợ Địa phương.

[80] Hội từ thiện quốc tế, thành lập tại Oxford (Anh) năm 1942, tôn chỉ là giúp đỡ người nghèo, tài trợ các đề án giáo dục và đào tạo, cứu trợ khẩn cấp cho những vùng bị thiên tai tàn phá...

[81] Kiểu kiến trúc theo trường phái lãng mạn, thân thiện với thiên nhiên.

[82] Cơ quan tình báo, phản gián và đảm bảo an ninh của Anh.

[83] Tên gọi danh dự mà quốc gia Israel đặt cho những người dân ngoại dám liều lĩnh hy sinh tính mạng để cứu mạng người Do Thái trong nạn diệt chủng Do Thái Holocaust.

[84] Charles Frodsham (1810 - 1871): một thợ chế tạo đồng hồ nổi tiếng của Anh.

[85] Đại lễ Kim Cương của Nữ hoàng Anh Elizabeth đệ nhị (Elizabeth II) là một buổi lễ được tổ chức vào năm 2012, đánh dấu 60 năm nữ hoàng trị vì ngai vàng.

[86] Theo nghĩa đen, quả trứng lót ổ là một quả trứng giả được nhét vào ổ của con gà để kích thích nó đẻ trứng. Theo nghĩa bóng, nó chỉ một khoản tiền để dành.

[87] Hàm nghĩa về những khó khăn, gian khổ người ta phải vượt qua để đến được Thiên Đường.

[88] Tên nhân vật chính trong truyện *The Warden* của Anthony Trollope.

[89] Giọng địa phương ở thành phố Birmingham, Anh.

[90] Nghĩa bóng chỉ thành viên làm ô danh một tập thể.

[91] Một nhân vật hư cấu trong *The Railway Series*, một xê ri của Reverend W. Awdry và con trai, Christopher.

[92] Một câu tuyên ngôn của những người đấu tranh cho sự bình đẳng của phụ nữ. Câu đầy đủ và đúng của nó là “Phụ nữ cần đàn ông như cá cần xe đạp”, ám chỉ rằng phụ

nữ có thể sống hoàn toàn độc lập, không phụ thuộc vào đàn ông.

[93] Viết tắt của Lực lượng Phụ nữ Tình nguyện Hoàng gia.

[94] Viết tắt của National Health Service (Dịch vụ Y tế Quốc gia).

[95] Winston Churchill (1874 - 1965): Thủ tướng Anh trong thời Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

[96] Arthur Harris (1892 - 1984): Thống chế Không quân của quân đội Anh.

[97] Viết tắt của Women's Auxiliary Air Force: Lực lượng Nữ Không quân Trợ chiến của Anh.

[98] Viết tắt của Royal Australian Air Force (Không lực Hoàng gia Úc).

[99] Câu nói thời xưa mà các hành khách dùng để giục người đánh xe ngựa cho xe chạy nhanh.

[100] Cecil Beaton (1904 - 1980): một nhiếp ảnh gia người Anh.

[101] Thánh gia hay Thánh gia thất, là từ để chỉ gia đình gồm ba thành viên, trong đó người cha là Joseph, người mẹ là Mary và người con trai là Jesus.

[102] Viết tắt của Trung tá Không quân.

[103] Viết tắt của Sĩ quan phi công.

[104] Các nhân vật trong một bài hát thiếu nhi của Anh.

[105] Tác giả lấy hình ảnh này dựa theo truyện *Alice ở xứ sở trong gương*, khi cô bé Alice bước qua tấm gương để đến một thế giới khác.

[106] Chỉ một vật tốn nhiều tiền để bảo tồn, duy trì nhưng lại chẳng có ích gì trong khi chủ nhân của nó cũng không thể vứt đi.

[107] Một loại cà phê rẻ tiền.

[108] Tức hoa mao địa hoàng.

[109] John Wesley (1703 - 1791): là mục sư Anh giáo, nhà thần học, nhà thuyết giáo, và là người khởi phát Phong trào Giám lý.

[110] Danh pháp khoa học của loài thỏ rừng châu Âu.

[111] Lấy ý từ bài hát thiếu nhi *What Are Little Girls Made of?* (Tạm dịch: Các bé gái được tạo nên từ thứ gì?).

[112] Một nhân vật trong bài thơ sử thi *The Faerie Queene* của Edmund Spenser. Đây cũng là biệt danh của Nữ hoàng Elizabeth I của Anh.

[113] Triết lý đặt cược của Pascal lập luận rằng: Giả sử con người đặt cược cuộc đời mình để xem Thiên Chúa hiện hữu hay không hiện hữu, một người có lý trí sẽ sống như

thể Chúa thực sự hiện hữu, vì vậy mà tin Ngài. Còn nếu Chúa không hiện hữu, người ấy sẽ chẳng mất mát gì nhiều.

[114] Bánh bông lan phủ hạnh nhân trên mặt.

[115] Câu lạc bộ gồm những người từng nhảy dù xuống nước hoặc những người mà máy bay chở họ bị rơi xuống nước, hoặc những người thoát nạn nhờ phao cứu sinh và những dụng cụ tương tự.

[116] Từ lỏng chỉ những nhà hoạt động bảo vệ môi trường.

[117] Một câu thơ trong bài *Auguries of Innocence* của William Blake.

[118] Câu tiếp theo câu thơ ở trên của Teddy.

[119] Một hình ảnh lấy từ một bài hát trong vở kịch *Đông tổ* của William Shakespear, đại khái chỉ việc người chết chìm xuống đáy biển sẽ biến thành một thứ gì đó lỏng lẻo và lạ lùng.

[120] Tiếng Latin, nghĩa là “Cả người nữa sao, Brute?”. Đây là câu nói trong vở kịch *Julius Caesar* của William Shakespeare. Caesar đã nói câu này với người bạn của mình là Brutus khi thấy anh ta có mặt trong đám người ám sát mình.

[121] Hệ thống chuyển tải thông tin trong đó chữ và số được thể hiện bằng các chuỗi chấm và vạch hoặc tín hiệu dài và ngắn.

[122] *Dit* là âm thanh đặc trưng cho dấu chấm trong mã Morse, *dah* là âm thanh đặc trưng cho dấu gạch ngang trong mã Morse. Ba dấu chấm và một dấu gạch ngang là chữ V trong hệ thống mã Morse.

[123] Tín hiệu thông báo rằng máy bay đang đậu trên đường băng có thể cất cánh.

[124] Trò chơi trong đó mỗi người thay phiên nhau viết một dòng trong một câu chuyện về hai người mà không biết nội dung của câu trước đó là gì.

[125] Một tổ chức liên chính phủ được thành lập vào ngày 10 tháng 1 năm 1920 sau Hội nghị Hòa bình Paris, nhằm kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Đây là tổ chức quốc tế đầu tiên có nhiệm vụ chủ yếu là duy trì hòa bình thế giới.

[126] Viết tắt của Lancaster.

[127] Rượu gin pha thêm vị đắng của vỏ angotua (vỏ một loài cây thuộc họ cam dùng làm thuốc giải nhiệt và thuốc bổ).

[128] Tên gọi chung của trường Oxford và Cambridge.

[129] Từ lóng chỉ máy bay.

[130] Cách phát âm theo tiếng địa phương của từ “Somerset”, một hạt ở vùng Tây Nam nước Anh.

[131] Trận chiến quyết liệt giữa thiện và ác, kết quả là tận thế và bắt đầu ngày phán xét cuối cùng.

[132] Hiện tượng plasma phát sáng xuất hiện như đốm lửa hình cầu, có thể được sinh ra trong những cơn mưa dông có sấm sét hay một vụ nổ núi lửa.

[133] Charles Penrose (1873 - 1952): một nhà hài kịch người Anh.

[134] Trận chiến đầu tiên được miêu tả lại trong *Sách Joshua* thuộc *Cựu ước* của Ki tô giáo.

[135] Một trận đánh nổi tiếng trong lịch sử giữa các thành bang Hy Lạp dưới sự dẫn dắt của Leonidas I xứ Sparta và Đế quốc Ba Tư dưới sự chỉ huy của Xerxes Đại đế, kéo dài trong khoảng ba ngày.

[136] Tên các địa danh ở Đức và Ý.

[137] Harry Houdini (1874 - 1926): là một nhà ảo thuật người Mỹ gốc Hungary, nổi tiếng với những màn tự trói mình sau đó thoát ra được.

[138] Một nhà tiên tri trong *Kinh thánh*, người Do Thái, sống ở thế kỷ XIII trCN, từng bị một con cá lớn nuốt chửng và thoát ra được sau ba ngày mà không bị thương tích.

[139] Tiếng Pháp, nghĩa là “Chúng ta phải vun đắp khu vườn của mình”. Một câu trích trong tác phẩm *Candide* của Voltaire.

[140] Một nhà xuất bản chuyên xuất bản các cuốn sách về các nghi thức truyền thống cũng như lịch sử về các dòng họ... của Anh.

[141] Giống chó tai dài và cụp, lông rậm, chân ngắn, có xuất xứ từ Tây Ban Nha và thường được xếp vào nhóm chó săn thuộc thể loại chó tha mồi.

[142] Một trạng thái tâm lý, trong đó người bị bắt cóc lâu ngày chuyển từ sợ hãi và căm ghét sang thông cảm và quý mến chính kẻ bắt cóc mình.

[143] Cháu gái của ông trùm ngành xuất bản William Randolph Hearst, sau khi bị bắt cóc đã nhập hội với những kẻ bắt cóc mình và tham gia cướp nhà băng với chúng.

[144] Trường học áp dụng phương thức giáo dục dựa vào lý thuyết nuôi dạy trẻ của triết gia người Áo Rudolf Steiner.

[145] Từ mê cung trong tiếng Anh là “a maze”, nghe na ná từ “amazed”, có nghĩa là “sửng sốt”, nên Sunny đã hiểu nhầm ý ông ngoại.

[146] Trại hòa bình Greenham Common được dựng lên để phản đối chiến tranh hạt nhân ở trạm không quân cũ Greenham Common của RAF, thuộc Berkshire, Anh.

[147] “Vây bủa căn cứ” là một hành động phản đối vũ khí hạt nhân ở trại hòa bình Greenham Common, trong đó một nhóm phụ nữ nắm tay nhau vây quanh căn cứ nơi chứa vũ khí hạt nhân.

[148] Từ embrace vừa có nghĩa là “bao vây”, vừa có nghĩa là “ôm ấp”.

[149] Loại bánh ga tô có hai lớp kẹp một lớp nhân ở giữa.

[150] Hai nhân vật trong câu chuyện cổ tích cùng tên trong kho tàng truyện cổ Đức do anh em nhà Grimm sưu tầm.

[151] Từ “nanny” có nghĩa là vú em, nhưng từ “nanny goat” lại có nghĩa là con dê cái, do đó Sunny đã hiểu lầm.

[152] Trong tiếng Anh, cóc là toad, đồng âm với từ Todd.

[153] Trong tiếng Anh, “con trai” là “son”, phát âm nghe giống với “sun” (mặt trời).

[154] Điểm mà các đường song song trong một mặt phẳng có vẻ gặp nhau theo luật phối cảnh.

[155] Đội Nữ Ấu sinh Hướng đạo gồm các bé gái từ 7 đến 10 tuổi.

[156] Tiếng La tinh, nghĩa là “tất cả là lỗi của tôi”.

[157] Một ý thơ trong bài thơ *The Sick Rose* (Tạm dịch: Bông hồng bị bệnh) của William Blake.

[158] Một đường đi lý thuyết xuyên qua không-thời gian, có thể tạo thành một lối tắt cho các quãng đường dài xuyên qua vũ trụ.

[159] Bao gồm Reading, Writing và Arithmetic: ba kỹ năng đọc, viết và làm toán, được xem là ba kỹ năng cơ bản của giáo dục cấp cơ sở.

[160] Nguyên văn: “sonny”, cách xưng hô thân mật mà người lớn tuổi gọi người nhỏ tuổi hơn. Từ này đồng âm với tên của Sunny nên cậu bé mới lầm tưởng viên cảnh sát đang gọi tên cậu.

[161] Nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của nữ nhà văn người Mỹ gốc Anh Frances Hodgson Burnett.

[162] Một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết *Những kỳ vọng lớn lao* (Great Expectations) của Charles Dickens.

[163] Lời một bài hát thiếu nhi của Anh.

[164] Lời một bài hát thiếu nhi của Anh.

[165] Tên gọi thông tục trong tiếng Anh của hoa tầm xuân, một loài hồng dại.

[166] Trong tiếng Anh, Lucky có nghĩa là may mắn.

[167] Geoffrey Leonard Cheshire (1917 - 1992): một viên phi công của Không lực Hoàng gia Anh, từng được tặng thưởng huân chương cao quý trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

[168] Viết tắt của Fog Investigation and Dispersal Operation, nghĩa là hệ thống làm tan sương mù.

[169] Tiếng Pháp, nghĩa là những vật nhỏ bé nhưng có giá trị lịch sử.

[170] Chỉ những người sống ở vùng Tyneside (miền Đông Bắc nước Anh).

[171] Tiếng Pháp, nghĩa là “cuối thế kỷ”, thường dùng để chỉ cuối thế kỷ XIX.

[172] Amy Johnson (1903 - 1941): nữ phi công người Anh đầu tiên bay một mình từ Anh tới Úc.

[173] Người đứng đầu một tỉnh ở Đức thời Hitler cầm quyền.

[174] Một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, vì phạm tội bất kính với nữ thần Artemis mà bị nàng xử phạt.

[175] Từ lóng chỉ người Đức.

[176] Món tráng miệng làm bằng ruột bánh mì và sữa có thêm lòng trắng trứng và đường.

[177] Một hệ thống định vị vô tuyến được Không lực Hoàng gia Anh sử dụng trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

[178] Lễ hội được tổ chức vào đêm mồng 5 tháng 11 hằng năm ở Anh, có đốt lửa và bắn pháo hoa để kỷ niệm sự kiện Guy Fawkes định cho nổ tung trụ sở nghị viện Anh.

[179] Tiếng Đức, nghĩa là “tất cả mọi người đều sẽ là anh em”.

[180] Cain và Abel là hai người con trai đầu của Adam và Eva. Người anh Cain trồng trọt, còn người em Abel chăn gia súc. Khi hai người hiến tế lên Thiên Chúa, Ngài yêu

thích lễ vật của Abel hơn. Sau đó, Cain đã giết hại Abel, gây nên cái chết đầu tiên của nhân loại.

[181] Tên gọi tắt của Geheime Staatspolizei, là lực lượng cảnh sát bí mật (hoặc Mật vụ) của tổ chức SS do Đức Quốc xã lập ra.

[182] Tên một thành phố thuộc Palestine cổ đại, vì quá xấu xa và trụy lạc mà đã bị Đức Chúa trời thiêu hủy.

[183] Một chất dẻo trong, nhẹ, dai, làm kính máy bay.

[184] Distinguished Flying Cross: Huân chương chữ thập cao quý vì thành tích đặc biệt khi phục vụ trong không quân.

[185] Tác giả lấy ý từ bài thơ *Frost at Midnight* (Tạm dịch: Sương giá nửa đêm) của Samuel Taylor Coleridge.

[186] Tiếng Đức, nghĩa là “Hỡi các bạn!”

[187] Trích sách *Sáng thế ký*, quyển sách đầu tiên trong *Cựu ước*.

[188] Nguyên văn là “heads”, có nghĩa là những cái đầu, nhưng còn có nghĩa là những con nhúc đầu.

[189] Nancy dùng từ trong bài thơ *I Wandered Lonely as a Cloud* (Tạm dịch: Tôi lang thang lẻ bóng như một đám mây) của William Wordsworth, trong đó có nhắc đến thủy tiên hoa vàng.

[190] Trong tiếng Anh, từ blind ngoài nghĩa là cửa chớp, bức màn mỏng, còn có nghĩa là đui mù.

[191] Trong *Kinh thánh* chép rằng, trên đường tới thành Damascus, thánh Paul đã bị một luồng sáng chói lọi từ trên trời chiếu vào làm cho bị mù, từ đó ông mới tin theo Chúa.

[192] Trung tâm giải mật mã của Anh thời Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

[193] Tên gọi tắt thông dụng của Lực lượng Nữ Hải quân Hoàng gia.

[194] Môn thể thao tương tự như bóng rổ nhưng thường dành cho phái nữ.

[195] Tiếng Latin, nghĩa là “Vinh quang của trần thế qua đi như vậy đó”.

[196] Một câu thơ trong bài *Ode to a Nightingale* của John Keats.

[197] Thuật ngữ chỉ một nhà công nghiệp có sức ảnh hưởng lớn.

[198] Một loại bánh nhân hoa quả khô của Anh.

[199] Tiếng Ý, nghĩa là sôi nổi, hăng hái.

[200] Loại bánh quy có hình chữ nhật, gồm hai miếng kẹp kem sô cô la ở giữa.

[201] Trong *Kinh thánh* chép rằng chỉ với năm ổ bánh và hai con cá, Chúa Jesus có thể làm cho năm nghìn người ăn no nê.

[202] Saga là một công ty ở Anh chuyên phục vụ nhu cầu của các khách hàng từ 50 tuổi trở lên, trong đó có cả các chuyến du lịch được lên chương trình phù hợp với người cao tuổi.

[203] Loại áo khoác ngắn có mũ trùm đầu làm bằng vải chống thấm nước.

[204] Viết tắt của “Do Not Resuscitate”, nghĩa là “đừng hồi sức”, bệnh viện sẽ không dùng các biện pháp hồi sức với bệnh nhân mà để bệnh nhân ra đi một cách tự nhiên.

[205] Ngày nghỉ lễ của Anh, các ngân hàng và hầu hết các doanh nghiệp đều đóng cửa trong ngày này.

[206] Ở Anh, trước khi kết hôn, cô dâu và chú rể thường tổ chức những bữa tiệc độc thân với những người bạn thân cùng giới với họ. Trong những bữa tiệc như thế này, những người tham dự bữa tiệc độc thân của chú rể tương lai được gọi là “hươu đực”, còn những người tham dự bữa tiệc độc thân của cô dâu được gọi là “gà mái”.

[207] Thời kỳ xuất hiện trường phái Lãng mạn trong nghệ thuật vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX.

[208] Viết tắt của từ Learner, nghĩa đen là người đang học một cái gì đó. Các cô dâu đeo tấm biển này trong tiệc độc

thân với ý nghĩa họ là những người sắp bước vào cuộc sống hôn nhân và vẫn còn nhiều ngỡ ngàng.

[209] Emily Wilding Davison (1872 - 1913): một người đấu tranh cho quyền bầu cử của phụ nữ ở Anh vào đầu thế kỷ XX. Bà đã chết vì bị ngựa của Vua George V xéo phải vì đã chạy ra chắn trước mặt nó khi nó đang tham gia một cuộc đua ngựa.

[210] Một loại thuốc an thần.

[211] Một ngôn ngữ Nam Đảo, là tiếng mẹ đẻ của một phần tư dân số Philippines, và là ngôn ngữ thứ hai của đa số phần còn lại.

[212] Thời xưa, khi London trải qua một đại dịch, người ta tin rằng nếu cầm theo một bó hoa thơm để đưa lên mũi người thì sẽ tránh được bệnh dịch đó.

[213] Viola bắt chước câu nói trong vở kịch *Doctor Faustus* của Christopher Marlowe.

[214] Phương pháp làm cho người bị mắc bệnh nan y chết một cách nhẹ nhàng và không đau đớn.

[215] Harold Shipman (1946 - 2004): một bác sĩ người Anh, được cho là “nghiện” giết người bằng các mũi thuốc của mình.

[216] Tiếng Pháp, nghĩa là: “Địa ngục, chính là tha nhân”, một câu nói được cho là của nhà văn, nhà triết học Pháp Jean-Paul Sartre.

[217] Nhân vật trong bài thơ *The Rime of the Ancient Mariner* của nhà thơ người Anh Samuel Taylor Coleridge.

[218] Thời xưa, người London thường quan niệm những người sống ở phía bắc bên ngoài London là những người hoang dã, kém văn minh.

[219] Người theo chủ nghĩa Breatharianism. Những người này quan niệm không cần ăn uống, chỉ dựa vào ánh sáng và không khí để sinh tồn.

[220] Zeno là một nhà toán học, nhà triết học người Hy Lạp. Nghịch lý mũi tên bay là nghịch lý nổi tiếng của ông. Nội dung của nghịch lý này là: “Nếu tất cả mọi thứ đều chiếm một khoảng không gian khi nó đứng yên, và nếu khi nó chuyển động, nó cũng chiếm một khoảng không gian như thế tại bất cứ thời điểm nào, vậy thì mũi tên đang bay là bất động.”

[221] Tên sân bay quốc tế ở Singapore.

[222] Thủ phủ của Ball.

[223] Walter Disney (1901 - 1966): nhà sản xuất phim, đạo diễn, người viết kịch bản phim, diễn viên lồng tiếng và họa sĩ phim hoạt hình Mỹ, một trong những người thành lập Công ty Walt Disney từ năm 1923. Vì người họa tiêu có tên là Walter nên mọi người mới đặt biệt danh cho anh ta theo tên của ông này.

[224] Một tích truyện trong thần thoại Hy Lạp.

[225] Một hình ảnh lấy trong tác phẩm *The Faerie Queene* của Edmund Spenser.

[226] Một câu thơ trong bài thơ *Spring and Fall* (Mùa xuân và mùa thu) của Gerard Manley Hopkins.

[227] Viết tắt của *Identification, friend or foe* (Nhận dạng bạn-thù), là hệ thống nhận dạng được thiết kế để xác định máy bay nào là quân ta, máy bay nào là quân địch.

[228] Trích lời ca khúc *The sun whose rays are all ablaze* trong vở nhạc kịch *Mikado* (Nhật hoàng).

[229] Hai nhân cách khác nhau của nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết *Bác sĩ Jekyll và ông Hyde* (*Strange Case of Dr Jekyll and Mr Hyde*) của nhà văn Robert Louis Stevenson. Từ đó cụm từ “Jekyll và Hyde” thường được sử dụng để nói về một người đa nhân cách.

[230] Một trang web hẹn hò trực tuyến.

[231] Nguyên văn: *Billets-doux*, phát âm nghe na ná như từ “bill and coo” (chạm mỏ vào nhau và cất tiếng gù).

[232] Trích trong bài thơ *Prothalamium* của nhà thơ Edmund Spenser.

[233] Cách viết thời xưa của sông Thames.

[234] Trích trong bài thơ *Prothalamium* của nhà thơ Edmund Spenser.

[235] Nipper là một con chó gốc Bristol, Anh, làm mẫu cho một bức tranh của Francis Barraud có tựa đề “His Master’s Voice”. Hình ảnh này sau trở thành một thương hiệu nổi tiếng trong ngành công nghiệp thu âm.

[236] Một thành bang La Mã bị chôn vùi một phần gần Napoli, thuộc nước Ý hiện nay. Nó đã bị phá hủy và chôn vùi hoàn toàn trong một vụ phun trào hai ngày của núi lửa Vesuvius vào năm 79.

[237] Tức tòa tháp đôi Trung tâm Thương mại Thế giới ở Manhattan, thành phố New York, Mỹ. Nó đã sụp đổ khi bị hai chiếc máy bay Boeing đâm vào ngày 11 tháng 9 năm 2001.

[238] Một đại lộ ở Manhattan, thành phố New York, Mỹ.

[239] Một thị trấn trên đảo Ball ở Indonesia.

[240] Lời chào bằng tiếng Phạn của người Ấn Độ.

[241] Tư thế ngồi bắt chéo chân có nguồn gốc từ thực hành thiền định của Ấn Độ cổ đại, trong đó mỗi bàn chân được đặt trên đùi của chân bên kia.

[242] Một phát biểu triết học của René Descartes, sau này trở thành yếu tố nền tảng cho triết học phương Tây.

[243] Tu sĩ Phật giáo.

[244] Một trong những vị thánh được sùng kính nhất của người Anh. Ông được bắt tử hóa qua câu chuyện *Thánh*

George và con rồng, và là một trong mười bốn vị thánh trợ giúp chống lại các loại bệnh tật.

[245] Cô gái bị làm vật hiến tế cho con rồng trong câu chuyện *Thánh George và con rồng*.

[246] Câu này và câu trên của Ursula là những câu hát trong vở kịch *Đông tở* của William Shakespeare.

[247] Tên gọi khác của Nữ hoàng Elizabeth I.

[248] Vương hậu của bộ lạc Iceni ở nước Anh cổ đại. Bà đã lãnh đạo một cuộc nổi dậy để chống lại sự chiếm đóng của Đế quốc La Mã vào năm 60 hoặc 61.

[249] Hình ảnh người phụ nữ đại diện cho dân tộc Anh.

[250] Nguyên văn là *Spaniard*, Augustus nghe nhầm thành *spaniel*, tên của một loại chó.

[251] Trong nguyên tác, Augustus thường nói sai từ.

[252] Augustus nhầm từ *conqueror* (kẻ chinh phạt) thành *conker* (quả dẻ ngựa).

[253] Nguyên văn: Domesday, có nghĩa là Địa bạ Anh, được lập theo sắc chỉ của vua William - Nhà chinh phạt vào năm 1085.

[254] Augustus nghe nhầm từ Domesday (Địa bạ) thành Doom's Day (Ngày phán quyết).

[\[255\]](#) Một loại bánh gồm phần vỏ là những thanh bánh champagne xếp lại thành hình tròn, bên trong là nhân ba tầng gồm bông lan, kem và trái cây tươi xen lẫn.

Start

30 tháng 3 năm 1944 Chuyến bay cuối cùng

1925 Alouette

Những cuộc phiêu lưu của Augustus

1980 Những đứa con của Adam

1947 Mùa đông khắc nghiệt này

1939 Cuộc chiến của Teddy

1993 Chúng ta, những người bị bỏ lại

1951 Con sâu vô hình

1942 - 1943 Cuộc chiến của Teddy

1982 Lòng can đảm lúc nửa đêm về sáng

1943 Cuộc chiến của Teddy

1960 Những hành động tử tế và yêu thương không được ai nhớ đến

2012 Tình yêu, Lòng khoan dung, Lòng trắc ẩn, Sự yên bình

30 tháng 3 năm 1944 Chuyến bay cuối cùng

2012 Suốt chặng đường tới ánh sáng

2012 Chuyến bay cuối cùng

1947 Những cô con gái của thiên đường

Những cuộc phiêu lưu của Augustus